



**ĐẠI
BÁT
NIẾT
BÀN
KINH**

(DIỄN NGHĨA)

**PHẦN I
(QUYỂN 3)**

**Nguyên tác : Cố Đại Lão Hòa Thượng
THÍCH TRÍ TỊNH**

**Chuyển thể Thi văn Kệ tụng:
CƯ SỸ THANH LAM**





ĐỨC BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

GIỚI THIỆU BỘ KINH



Bộ Kinh **ĐẠI BÁT NIẾT BÀN** này do Cư sĩ Thanh Lam chuyển thể bằng lối văn kệ tụng dựa trên nguyên tác của **Cố Đại Lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh** biên soạn, gồm 29 phẩm :

1. Phẩm Tự .
2. Phẩm Thuần Đà .
3. Phẩm Ai Thán .
4. Phẩm Trường Thọ .
5. Phẩm Kim Cang Thân .
6. Phẩm Danh Tự Công Đức .
7. Phẩm Tứ Tướng .
8. Phẩm Tứ Y .
9. Phẩm Tà Chánh .
10. Phẩm Tứ Đế .
11. Phẩm Tứ Đảo .
12. Phẩm Như Lai Tính .
13. Phẩm Văn Tự .
14. Phẩm Điều Dụ .
15. Phẩm Nguyệt Dụ .
16. Phẩm Bồ Tát .
17. Phẩm Đại Chúng Sở Vấn .
18. Phẩm Hiện Bệnh .
19. Phẩm Thánh Hạnh .
20. Phẩm Phạm Hạnh .
21. Phẩm Anh Nhi Hạnh .
22. Phẩm Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát .
23. Phẩm Sư Tử Hống Bồ Tát .
24. Phẩm Ca-Diếp Bồ Tát .

25. Phẩm Kiều Trần Như .
26. Phẩm Di Giáo .
27. Phẩm Ứng Tận Hườn Nguyên.
28. Phẩm Trà Tỳ .
29. Phẩm Cúng Đường Xá Lợi .

Được chia làm 2 Phần :

PHẦN I : gồm 3 quyển.

- **Quyển 1**, gồm 12 Phẩm : Từ Phẩm “**TỰ**” thứ nhất đến Phẩm “**NHƯ LAI TÁNH**” thứ 12.
- **Quyển 2**, gồm 07 Phẩm : Từ Phẩm “**VĂN TỰ**” thứ 13 đến Phẩm “**THÁNH HẠNH**” thứ 19.
- **Quyển 3**, gồm 02 Phẩm : Phẩm “**PHẠM HẠNH**” thứ 20 và Phẩm “**ANH NHI HẠNH**” thứ 21.

PHẦN II : gồm có,

- . Phẩm **Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát** , thứ 22.
- . Phẩm **Sư Tử Hống Bồ Tát** , thứ 23 .
- . Phẩm **Ca-Diếp Bồ Tát** , thứ 24 .
- . Phẩm **Kiều Trần Như**, thứ 25 .
- . Phẩm **Di Giáo**, thứ 26 .
- . Phẩm **Ứng Tận Hườn Nguyên** , thứ 27.
- . Phẩm **Trà Tỳ** , thứ 28 .
- . Phẩm **Cúng Đường Xá Lợi** , thứ 29 .



MỤC LỤC (Q.3)

Lời tựa	01
Sơ lược về Tiểu sử Đức Phật Thích Ca Mâu Ni	05
Lịch sử Xá Lợi của Đức Phật Thích Ca	15
Nghi thức sám hối	33
Nghi thức trì tụng	45
Phẩm Phạm Hạnh , thứ 20	51
Phẩm Anh Nhi Hạnh , thứ 21	479
Tán Thán Xá-Lợi Phật	489
Bát Nhã Tâm Kinh	493
Nguyện Vãng Sanh (Chú Vãng Sanh)	496
Phục Nguyện	498
Hồi Hương	501
Tam Quy Y	503
Thích Nghĩa	505

LỜI TỰA



Kỷ Niệm Đại Lễ

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Thường Trụ Đại Niết Bàn

(Ngày 15 tháng 02 âm lịch, theo Phật Giáo Bắc truyền)

- **Nam Mô Thập Phương Tam Thế Phật Bảo.**
- **Nam Mô Thập Phương Tam Thế Pháp Bảo.**
- **Nam Mô Thập Phương Tam Thế Tăng Bảo.**
- **Nam Mô Ta Bà Giáo Chủ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật .**

Nhân ngày Đại Lễ trọng thể **Phật Đản** 2558 năm Phật-Lịch và kỷ niệm ngày **Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật Thường Trụ Đại Niết Bàn**. Khắp toàn thế giới nhân loại đang hướng về chân thân **Đức Phật**. Bằng tất cả tâm lòng ưng cúng, nguyện tin đặt trọn vào **Phật Pháp** siêu việt mà **Đức Từ Phụ**

Bổn Sư đã hoằng hóa độ sanh trải qua hơn 25 thế kỷ.

Tại đây, chúng con xin mạn phép thiết lập lễ đàn trong phạm vi gia đình Phật tử còn nhiều thiếu sót. Nhưng với tấm lòng chân thành tưởng nhớ công ân sâu dày khôn tả của **Đức Từ Phụ Bổn Sư** đã vì chúng sinh nhân loại giáng sinh cõi Ta bà ác trược, tùy duyên hóa độ chúng sanh từ lúc **Thành đạo** đến khi **viên mãn thế duyên, xả thụ tịch diệt** trong suốt 45 năm tại thế để cứu độ hàm linh thoát cảnh vô minh tăm tối.

Ngọn đuốc từ bi mãi thấp sáng trong lòng người đến nay chưa hề vụt tắt.

Chúng con kính dâng **Đức Từ Phụ** bao đóa hoa xinh, thơm tỏa bằng cả tâm lòng **Thường, Lạc, Ngã, Tịnh**. Những nén hương nguyên lan tỏa thấu tận mười phương **Pháp giới Chư Phật** chứng minh cho những Phật Tử đã giác ngộ hoặc còn lự thụt trong cảnh đời ô trược nhưng tâm lòng vẫn hằng tâm niệm sẽ có một ngày vượt qua mọi chướng nghiệp còn ràng buộc trong tâm thức bấy lâu nay.

Ngưỡng cầu **Đức Từ Phụ Bốn Sư** nhủ lòng lân mẫn Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả hộ trì cho hàng Phật tử chúng con tiêu tai ách nạn, phiền não đoạn diệt, tinh tấn tu hành trong thời Mạt pháp vượt qua mọi chướng ngại sớm được **Đức Phật** khai ngộ chân tánh dắt dìu đến bờ an lạc giải thoát.

Nhân ngày **Đại lễ kỷ niệm Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật Thường Trụ Đại Niết Bàn**, chúng con kính dâng lên **Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni Phật, Quyển Kinh Đại Bát Niết Bàn** do **Đức Phật Thích Ca** tuyên thuyết, hôm nay được chuyển thể bằng lối văn kệ tụng dựa trên nguyên tác của **Cố Đại Lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh** biên soạn, nhằm đa dạng hóa nền văn hóa **Phật Giáo**, đồng thời góp một phần nhỏ vào công việc trùng hưng **Phật giáo Việt Nam** rộng ra thế giới. Cầu **Phật Từ** gia hộ chứng minh những ai thọ trì nghe thấy tin tưởng đều được lợi ích viên mãn, cứu cánh giải thoát.

Chúng con đồng cầu nguyện Phật Pháp được trường tồn vĩnh cửu. **Chư Phật** mười phương ban bố

pháp mầu thắm nhuần cả cõi Ta bà. Nhân loại trên quả địa cầu người người đều được nẩy nở hạt giống Từ Bi của **Chư Phật**.

Đồng cầu nguyện đất nước **Việt Nam** thanh bình cộng lạc, thế giới năm châu giảm bớt thiên tai, chiến tranh, bệnh tật. Nhân loại sống trong niềm vui hạnh phúc an lạc.

Đồng cầu nguyện âm siêu dương thới, Chư Hương Linh Cửu Huyền Thất Tổ, ông bà, cha mẹ, lục thân quyến thuộc trong nhiều đời kiếp, hoặc hiện kiếp của chúng con đã quá vãng cùng tất cả chư hương linh trong mười phương, sớm vãng sanh vầy miền **Phật Quốc**.

Kính mong **Đức Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** chứng minh gia hộ, tất cả **Phật Tử** chúng con đồng cúi lạy.



SƠ LƯỢC VỀ TIỂU SỬ ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI



Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Thủy Tổ khai sáng **Đạo Phật**: Ngài là vị Giáo Chủ trong cõi Ta bà ngũ trược ác thế này, lại làm Thầy ba cõi, làm Cha bốn loài trong hoàn cầu năm châu thế giới.

Sinh thời **Ngài** là một vị Thái tử con của Vua **Tịnh Phạn** thuộc dòng **Thích Già**. Họ của **Ngài** là **Kiều Đáp Ma** xưa dịch **Cô Đàm**, nay gọi **Gô Ta Ma**, tại nước **Ca Tỳ La Vệ** thuộc về miền **Trung Ấn Độ**, trước kêu là **Trung Thiên Trúc**, nay là nước **Nê Pal**, một nước nằm ở ven sườn núi **Hy Mã Lạp Sơn**, một ngọn núi cao nhất thế giới hiện nay.

Mẹ **Ngài** tên là **Ma Da Hoàng Hậu** cũng là một người thuộc dòng **Sát Đế Lợi** đã mấy mươi đời nối nghiệp làm vua trị vì đất nước.

Vua **Tịnh Phạn** cùng bà **Ma Da Hoàng Hậu** đều là bậc đã nhiều kiếp tu hành có công đức sâu dày xứng đáng làm cha mẹ muôn dân.

Thái tử giáng sinh nhằm ngày mừng tám tháng tư năm Giáp Dần nhằm năm thứ 24 đời Chiêu Vương nhà Châu bên Tàu. Tức là **Ngài** sanh trước Tây Lịch 546 năm. Đây là biện chứng chắc thiết mà trong quyển *Chứng Thánh Điển Ký* có nói rằng:

“Giáo Pháp của Phật thuyết trong 49 năm; chia làm ba Tạng, Ngài **A Nan** kết tập thủ trì Tạng **Kinh**; Ngài **Ưu Ba Ly** kết tập thủ trì Tạng **Luật**; Ngài **Ma Ha Ca Diếp** thủ trì Tạng **Luận**. Sau khi **Phật** diệt độ cách 3 tháng sau thì Ngài **Ma Ha Ca Diếp** mới triệu nhóm chúng hội thiết lập Đạo Tràng chiêu tập Đại Hội lần thứ nhất để kết tập **Tam Tạng Kinh Điển** làm căn bản hầu lưu truyền đời sau để khỏi thất lạc, sai lầm Thánh Giáo của **Đức Thế Tôn** đã ân cần dặn dò phó chúc. Đại Hội nhằm ngày rằm tháng 7 là ngày Tự Tứ của Chư Tăng câu hội.

Cách nay độ khoảng 60 năm có nhà khoa học người Anh ở Ấn Độ có đào được một trụ đá ghi khắc năm **Đức Phật** giáng sanh của Vua **A Dục**,

một vị vua sùng đạo và có công lớn ghi lại lịch sử cuộc đời **Đức Phật** như vậy:

Một hôm, *Hoàng Hậu Ma Da* nửa đêm nằm mộng thấy con voi trắng sáu ngà từ trên hư không xuống; lấy ngà khai hông bên hữu của Bà mà chun vào bụng từ đó bà thọ thai. Khi gần sanh, bà về quê nhà, đi tới vườn **Lâm Tỳ Ni** cách thành **Ca Tỳ La Vệ** 15 cây số, *Ma Da Hoàng Hậu* nhón díp ghé vào vườn hoa để ngoạn cảnh, thấy cây Ưu Đàm bông mới nở đẹp lại thơm, bà vừa đưa tay định hái bông thì *Thái Tử* xuất hiện tại đây. Khi rước về Hoàng Cung có thầy Tu Sĩ, tên là **A Si Ta** xem tướng rồi tán thán và ngợi khen hết mực: “*Thái Tử* là một đấng siêu nhân xuất thế đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Nếu ở thế trị vì thiên hạ là bậc **Chuyển Luân Thánh Vương** phước cho nhân loại, còn nếu xuất gia sẽ là một vị **Phật Toàn Giác** cứu độ bốn loài”.

Vua cha đặt tên là **Sĩ Đạt Ta**, Tàu dịch “**Tất Đạt Đa**”, theo tiếng Phạn có nghĩa là: “Mọi nguyện vọng đều được thành tựu như ý”.

Sau khi sanh *Thái Tử* đặng bảy ngày thì *Hoàng Hậu Ma Da* qui thiên năm 48 tuổi.

Vua cha giao *Thái Tử* cho bà Thứ Phi cũng là em ruột của *Hoàng Hậu Ma Da*, tên là **Ma Ha Ba Xà Ba Đề** dưỡng nuôi. Năm *Thái Tử* lên 6 tuổi có ông thầy tên **Bạc Đà Ma Ni** đến dạy học văn, được 7 tuổi thì học võ với thầy tên là **Săng Đề Đề Bà**.

Chẳng bao lâu *Thái Tử* văn võ toàn tài, trong triều trên dưới đều lấy làm kinh ngạc. Từ đây vua cha mới biết *Thái Tử* là một đấng siêu phàm, khi lên 16 tuổi vua cha cưới vợ cho **Ngài** là công chúa của nước láng giềng tên là **Gia Du Đà La**, ba năm sau sanh được một trai đặt tên là **La Hầu La**. Sau khi dạo bốn cửa thành trở về lòng *Thái Tử* ngày đêm luôn ủ dột thương xót sanh linh chịu nhiều thống khổ của sự Sanh, Già, Bệnh, Tử chi phối nên **Ngài** quyết chí tầm đạo để cứu lấy nhân loại. Nửa đêm mùng 8 tháng 2, *Thái Tử* lìa bỏ cung son, cha già, vợ đẹp, con cưng, dấn thân vào con đường gian khổ mong tâm được đạo quả giải thoát bản thân mình và bốn loại Chúng sanh. Khi đó, *Thái Tử* cũng vừa được 19 tuổi. Ròng rã gần 5 năm học đạo đủ các thầy ngoại đạo tại non Tuyết lãnh **Kỳ Xà Quật** rồi lại tu khổ hạnh 6 năm. Thời gian *Thái Tử* xuất

gia tâm đạo đúng 11 năm, vào ngày mùng 8 tháng 12 năm Quý Mùi **Ngài** đắc Đạo Quả, đúng 30 tuổi.

Tại non Tuyết lãnh **Ngài** tu khổ hạnh sáu năm về Pháp môn **Tịnh Tọa** vẫn chưa tìm được lý đạo và sanh tử do nguyên nhân từ đâu. Thân thể **Đức Ngài** càng ngày càng hao gầy.

Một hôm, **Ngài** kiệt sức ngất xỉu giữa chốn rừng sâu, khi tỉnh lại **Ngài** suy gẫm quán xét biết rằng dầu khổ hạnh đến đâu đi nữa cũng là hành thân hoại thể mà thôi; Chớ không thể tỏ ngộ giải thoát được. Một bữa kia *Thái Tử* xuống sông **Ni Liên** trút bỏ mọi bụi bấn từ bấy lâu bám vào thân thể của **Ngài**, liền đó thân tâm được vui khỏe, có người con gái chăn dê đem sữa dâng cho **Ngài**, bắt đầu từ đó **Ngài** ăn uống trở lại bình thường.

Bấy giờ, **Ngài** đến gốc cây **Tất Bác La** gọi là cây Bồ Đề, **Ngài** phát tâm đại thệ rằng: “*Ta quyết định ngồi đây dầu tan xương nát thịt Đạo chưa thành Ta chẳng đứng lên*”. **Ngài** ngồi Thiền định siêng suốt 49 ngày không lay động thân tâm, chứng thành **Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác** hiệu là **Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh**

Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Thích Ca nghĩa là **Năng Nhơn**, **Năng** là năng lực; **Nhơn** là Từ Bi; **Mâu Ni** nghĩa là **Tịch Mặc**; **Tịch**: là yên lặng không bị hoàn cảnh khổ làm động tâm vẫn như như bất động; **Mặc**: là lặng lẽ tỏ chiếu không bị phiền não khuấy rối. **Thích Ca Mâu Ni** có nghĩa là người có năng lực siêng làm hạnh nín nhịn, yên lặng, thanh tịnh và trong sạch, không nhiễm ô trần thế, không vọng tưởng điên đảo và phiền não mê lầm, các Pháp được giác ngộ hoàn toàn **Chân Thiện Mỹ**.

Chỗ **Ngài** ngồi tu đặc đạo gọi là **Bồ Đề Đạo** Tràng hay gọi là **Kim Cang Tọa** và cây **Bồ Đề** còn gọi là **Bồ Đề Bảo Thọ** nghĩa là chỗ **Bồ Tát** ngồi tu đặc đạo thành **Phật** .

Sau đó **Ngài** ngồi tịnh định thêm 21 ngày để thuyết **Kinh Hoa Nghiêm** cho các vị **Bồ Tát** đồng nghe.

Ba lần **Chuyển Pháp Luân** nói Pháp **Tứ Diệu Đế** tại vườn **Lộc Giả**, thuyết Pháp trong 49 năm

hơn 300 hội phân ra làm Ba Thừa Năm Giáo độ Chúng sanh đủ các phương tiện nào: Quyền, Thật, Đốn, Tiệm ... rất ráo viên mãn.

Đức Phật tịch diệt tại rừng **Ta La Song Thọ** gần sông **Ni Liên** nhằm ngày rằm tháng 2, **Đức Phật** lên tảng đá nằm nghiêng, đầu day về hướng Bắc, mặt trông về Tây Thiên nhằm năm Nhâm Thân thứ 52 đời Mục Vương nhà Châu, trụ thế 80 năm.

Sau khi **Đức Phật** nhập diệt, lễ **Trà Tỳ** cũng khác hẳn người đời và **Xá-Lợi** được phụng thờ lưu truyền mãi mãi cho đến ngày nay.

Vì vậy, tinh thần và giáo lý của **Đức Phật** chẳng phải bi quan và yếm thế, mà thật là một phương pháp để cứu đời.

Vì sao? Vì đó là đại sự nhân duyên nên **Phật** mới xuất thế, mục đích cứu khổ ban vui cho muôn loài vạn vật; vì Chúng sanh đau khổ, **Phật** mới thị hiện ra đời chớ không phải **Phật** vì **Phật** mà giáng thế.

Đức Phật ra đời là để Khai Thị cho Chúng sanh ngộ nhập **Tri Kiến Phật** hầu đặng giải thoát cho Chúng sanh khỏi khổ não và an vui.

Bất luận Tôn Giáo nào vị Giáo Chủ đó bao giờ cũng là một tấm gương sáng cho tín đồ Phật tử soi chung để tiến bước trên con đường đạo đức và tự thất đuốc mà đi. Nhưng các vị Giáo Chủ của các Tôn Giáo hiện có trên thế giới này, không có một vị nào có đầy đủ ý nghĩa cao đẹp, chơn lý rất ráo, một đời sống sâu xa hơn **Đức Phật Thích Ca** của chúng ta. Mỗi hành động, mỗi cử chỉ, mỗi lời nói cho đến mỗi việc, mỗi sự đều yên lặng thanh tịnh và trong sạch, công hạnh đức độ của **Đức Phật** đều là những bài học quý báu cho các hàng Phật tử chúng ta noi theo.

Nếu chúng ta học qua giáo lý của **Đức Phật** tôn thờ ngưỡng mộ **Đạo** của **Ngài** mà không thấu hiểu rõ đời sống của **Ngài** thì sự tu học của chúng ta thật còn nhiều thiếu sót.

Vì đời sống lại là những biểu hiện tượng trưng giáo lý của **Đức Phật**; Vậy chúng ta phải tìm hiểu ý nghĩa thâm thúy của đời sống ấy có đầy đủ đức

tánh **Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi, Đại Hỷ, Đại Xả** chẳng ?

Tóm lại, nếu chúng ta là người tu học biết kính tin **Phật** để theo làm Phật tử của **Đức Phật** thì chúng ta phải hết lòng noi gương **Đức Thích Ca Từ Phụ**. Dẫu rằng chúng ta không được bằng **Phật** đi nữa chúng ta cũng phải giúp đời hộ đạo. Làm những điều lợi ích cho đồng bào nhân loại những việc từ thiện hay ban vui cứu khổ nhân sanh vạn vật. Nếu được như vậy mới khởi phụ lòng bốn nguyện của một vị cứu tinh khai sáng đạo **Phật** vậy.

Khi **Đức Phật** giáng sanh xuất thế cũng hiện thân ở cõi Ta Bà này, chịu đựng biết bao nỗi khổ gian lao trong một kiếp sống như mọi người chúng ta. Khi **Đức Phật** còn tại gia cũng ở trong một địa vị diễm phúc cao sang quý nhứt hơn tất cả người đời, ấy thế mà **Đức Phật** không màng tưởng đến, **Đức Phật** vẫn không chịu ở yên trong địa vị cao sang phú quý ấy lại vất vả ruổi rong trên mọi nẻo đường bụi bặm, chông gai hiểm hố, gian nan nguy hiểm, bùn lầy để đi tìm ra chân lý dẫn dắt quần sanh, nâng đỡ chúng ta hầu cứu độ muôn loài thoát

khỏi sông mê trầm nịch tự bao đời, mục tiêu là đến bến bờ an lạc chân hạnh phúc, đạt quả vị **Niết Bàn**, Tây Phương tự tại vui hưởng đời đời, kiếp kiếp bất sinh bất diệt.

Lòng Từ Bi của **Chư Phật** thật vô lượng, vô biên, vô cùng tận, ân đức của **Chư Phật** bao la vị tha không ngần mé, tính kể khôn cùng, nói ra không xiết. Là Phật tử của Phật giáo đồ, chúng ta cùng toàn thể mọi người nên lấy đó làm khuôn vàng thước ngọc, thành tâm kính cẩn tôn thờ sùng bái, thực hành trọn vẹn theo giáo điều của **Phật giáo** dạy trong đời sống thường nhật, đó là quý trọng công ơn của **Đức Phật** trong muôn một vậy.

● **Nam mô Bốn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật.**



LỊCH SỬ XÁ-LỢI CỦA ĐỨC PHẬT THÍCH CA



Ngọc Xá Lợi là một Thánh tích vô giá của Phật Tổ Thích Ca, do phái đoàn Phật Giáo Tích Lan đưa qua Nhứt Bồn để hiến cho hàng Phật tử xứ ấy, trong dịp Đại Hội Nghị Phật Giáo hoàn cầu kỳ nhì tại Đông Kinh 1952, được cung nghinh lên kinh đô xứ Việt Nam, một cách vô cùng trọng thể và được tôn trí trọn cả một ngày đêm, cho công chúng chiêm bái cúng dường.

Chúng ta nên ghi nhớ rằng, trong ngàn năm muôn kiếp, ngày cung nghinh Xá Lợi vừa rồi, là ngày duy nhứt trong đời tu Phật của chúng ta: ngày ấy là ngày 25 tháng 7 năm Nhâm Thìn, nhằm ngày 13/09/1952. Kể lại, từ khi Đức Thế Tôn nhập diệt đến ngày chúng ta gặp duyên may đánh lễ Xá Lợi, thời gian đã trôi chảy được 2496 năm, 4 tháng mười ngày.

Thấy rằng, mặc dù sanh vào thời kỳ vô cùng xa cách với niên đại nói trên, chúng ta vẫn còn

duyên lành với **Phật Tổ Như Lai**; vì chúng ta không mong mà tình cờ lại được đánh lễ **Ngọc Xá Lợi**, đem tất cả lòng nhiệt thành sùng tín, hoài niệm tưởng nhớ đến ân đức của đấng trọn lành, đã tận tụy hy sinh từ vô lượng kiếp, quyết chí tìm phương cứu vớt sanh linh ra khỏi vòng đau khổ.

Trong kiếp chót, khi đạt được mục đích cao cả rồi, vị *Chánh Đẳng Chánh Giác*, ngày đi đêm nghỉ, châu du từ thành này sang xứ nọ, trọn 49 năm trường, hướng dẫn tín đồ trên đường giác ngộ. Vì quá thương xót Chúng sanh đương bị chơi vơi trong biển khổ, mà Ngài hy sinh, mệt nghỉ, khỏe đi, đi hoài, cho đến mòn hơi, kiệt lực; giữa đường thọ bệnh nan y.

Đấng Cứu Thế, đã vì nhân loại, với cái tuổi 80, với bao nhiêu sự cam go hiểm trở trên những con đường gồ ghề băng xuyên giữa rừng núi, dưới những đám mưa phùn tuyết đổ; mà Ngài vẫn nhẫn nại làm tròn phận sự cho đến giờ phút kiệt quệ, phải vĩnh biệt thế gian.

Trên đời này còn ai hy sinh trong sự mưu cầu hạnh phúc cho nhơn loại hơn **Phật Tổ Thích Ca** ?

Cao cả thay! Cuộc đời sáng lạng của Đấng Hiền Triết duy nhất của thế gian. Cao quý thay!

Ân đức từ bi rộng lớn của bậc siêu nhân hi hữu của cõi Á Châu!

Chúng tôi, là kẻ đã thọ ân sâu dày của **Ngài**, nhờ giáo pháp của **Ngài** để lại, biết cải ác tùng thiện, theo dõi con đường vạch sẵn của **Ngài**, xin đem tất cả tấm lòng trong sạch, cúi đầu tôn kính **Ngài**.

Chẳng biết lời nào để tán dương ân đức của **Ngài**, chúng tôi, nhân dịp này, xin mượn lời của **Đức Trời Đế Thích** để chiêm bái **Ngài**:

“Namo Tassa Bhagavato Arahato Samma Sambuddhassa”.

...Nhân đây, tôi xin lược thuật một đoạn trong kinh **“Đại Niết Bàn”** để cống hiến cho quý ông, quý bà đôi chút tài liệu về sử tích **Xá Lợi** ...

Ngày kia **Đức Thế Tôn** cùng chư Thinh Văn đến xứ **Pāva**, vì trời tối nên tạm ngụ trong vườn xoài của con một người thợ bạc tên là **Cunda**.

Khi hay tin có **Phật** ngụ trong vườn mình, chàng **Cunda** đến yết kiến **Phật**. Nhân dịp ấy, **Đức Thế Tôn** giảng giải cho chàng hiểu thấu nghiệp quả và khuyến dạy lánh dữ làm lành.

Sáng ngày, **Cunda** thỉnh **Phật** và Chư Tăng đến nhà thọ thực.

Bữa cơm này là bữa cơm cuối cùng. Thân già, đi bộ rờng rã xứ này qua xứ nọ, tránh sao cho khỏi lao thân, mệt xác, nên khi thọ thực xong **Ngài** thấy trong mình phát sanh bệnh kiết lị. **Ngài** gắng gượng lên đường qua xứ **Kusināra**. Giữa đường, bệnh càng nặng **Ngài** tạm nghỉ dưới cội cây, bảo ông **Ananda** đi kiếm nước cho **Ngài** dùng đỡ khát. Ông **Ananda** đi rồi trở lại bạch rằng: “*Bạch Đức Thế Tôn, dưới suối nước rất ít, lại thêm vừa có năm trăm cỗ xe thương mãi đi qua làm cho nước nổi cạn bùn không thể uống được*”.

Như Lai khát nhiều (không thể chờ đợi) Ananda cứ đi múc đi cho Như Lai dùng.

Ông **Ananda** trở lại làn suối, thì thấy nước trong, bèn lấy nước dâng lên. Đỡ khát rồi, **Đức Thế Tôn** gắng gượng lên đường, đến chiều tối tới xứ **Kusināra**. Thấy trò vào tạm nghỉ trong rừng **Sala**.

Đức Thế Tôn kêu ông **Ananda** nói rằng: *Này Ananda ! Như Lai đã mệt lắm rồi, vậy người mau trái y giữa hai cây đại thọ này cho Như Lai an nghỉ và nội đêm nay Như Lai sẽ nhập diệt tại đây.*

Vậy người kíp vào hoàng thành báo cho Vua và hoàng tộc cùng bá quan đương hội yến đông vây. Ông **Ananda** xin vào châu vua **Malla** và tâu rằng: “Bần tăng vâng lệnh **Đức Thế Tôn** đến báo tin cho Bệ hạ rõ rằng **Ngài** vừa ngự đến rừng **Sala**, và sẽ nhập **Niết Bàn** tại đó, nội đêm nay vào canh chót”.

Khi nghe được tin ấy Vua và triều thần đồng cảm xúc: **Phật Thích Ca** là dòng vua, sang cả, mà vì tình thương xót chúng ta, băng rừng lướt bụi chẳng nài lao khổ, cam chịu bỏ xác giữa rừng thật đáng cho chúng ta lễ bái cúng dường. Vua **Malla** và triều thần đồng nhau đến rừng **Sala** xin đến yết kiến **Đức Thế Tôn**. **Đức Phật** dùng kim ngôn mỹ từ khuyên nhủ vua **Malla** và bá quan trên đường tu tập, lấy đạo đức cùng lòng từ bi mà dìu dắt dân chúng đến nơi an vui hạnh phúc.

Cả vua chúa và triều thần vểnh vểnh nghe Pháp đến cuối canh đầu mới lui gót ra về với một tấm lòng cảm mến và thương tiếc.

Tối phiên một vị đạo sĩ tên **Subbadda** vào đảnh lễ và vấn an **Đức Phật**, rồi xin hỏi Đạo. **Đức Phật** vui lòng nhận lời, mặc dầu là **Ngài** đã mệt gần đuối sức.

-“*Bạch Đức Thế Tôn: Ngoài giáo pháp của Đức Thế Tôn còn có Lục Sư ngoại đạo rất đông tin đồ, và họ tự cho họ là bậc cao thượng; chẳng hay các Lục Sư ấy cao thượng đến bậc nào?*”.

-“*Subhadda này ! Điều ấy chẳng nên tìm hiểu làm chi. Nếu người muốn biết đạo của Như Lai như thế nào? Như Lai sẵn lòng giải thích cho người nghe*” ...

Subhadda vâng lời cung kính nghe **Phật** thuyết: “*Subhadda này! Đạo là con đường có tám chi, rất quý báu, đưa người đến nơi tận diệt phiền não. Trong Tôn giáo nào không có con đường tám chi ấy, thì Sa môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư (đây chỉ về hàng tứ thánh) chẳng có trong tôn giáo ấy. Subhadda này! Nếu có người thực hành đúng theo giáo pháp của Như Lai, thì trong cõi đời này, vẫn còn có bậc A la hán*” ...

Ông **Subhadda** nghe được Pháp, xin xuất gia đầu **Phật** liền khi ấy, và nhờ **Đức Phật** khai sáng cho, lại thêm duyên lành sẵn có, nên hành thiền trong giây lát đắc đạo quả **A La Hán**. Đây là đệ tử chót của **Phật**, có tên là **Pachimasāva**, nghĩa là người gặp **Đức Phật** sau chót hết.

Đức Thế Tôn kêu các thầy *Tỳ khưu* lại gần hỏi rằng: “*Các đệ tử có điều nào còn nghi ngờ trong **Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo**, trong đạo quả, hoặc trong sự hành đạo, các thầy cứ hỏi đi!*”. **Đức Thế Tôn** hỏi đến ba lượt, mà các thầy vẫn làm thinh, tỏ ý không nghi ngờ điều chi, bởi trong năm trăm vị **Thinh Văn** theo hầu **Phật**, những vị có đặc ân nhỏ hơn hết là bậc đã đắc đạo quả *Tu Đà Hườn*, các Ngài toàn là Thánh Tăng cả thầy.

Hỏi rồi, **Đức Thế Tôn** dạy lời di giáo tối hậu:

*“Này chư vị **Tỳ khưu**! **Như Lai** xin nhắc lại các thầy nên ghi nhớ rằng: Các **Pháp hành**, có sanh phải có diệt. Các thầy nên tinh tấn tự tìm sự lợi ích cho mình, nhất là cố gắng thực hành, các **Pháp cao thượng** chẳng nên dễ duôi”*.

Đức Thế Tôn gom cả lời giáo huấn trong bốn mươi lăm năm vào một câu “*Là không nên dễ duôi*” để nhắc nhở các môn đệ đừng giải đãi trên đường tự tu, tự độ.

Từ đó trở đi **Đức Thế Tôn** không còn nói câu gì nữa. Lấy **Niết Bàn** làm đề mục, **Ngài** nhập định

trong các sắc thiên, hữu sắc, vô sắc và diệt, thọ, tưởng, định.

Lúc ấy có ông **Anuruddha** là bậc lâu thông thiên định, làm người báo nhập định theo dõi **Đức Thế Tôn**, rồi xả thiên cho các đạo hữu biết Tôn Sư mình được nhập định trong thiên nào, và sang qua thiên nào. Ông **Ananda** chực sẵn kể bên hỏi hoài: “*Bạch Sư Huynh, vậy chớ Đức Thế Tôn nhập diệt chưa?*” Đại Đức **Anuruddha** vào thiên, ra thiên từng chập để trả lời cho ông **Ananda**.

Trời vừa rạng đông, quả địa cầu rung động, báo điềm **Phật Tổ Thích Ca** đã nhập **Vô Lượng Thọ Niết Bàn** (*đêm 15-16 tháng tư năm Ty*).

Trời **Phạm Thiên Sharnpati** cất tiếng ngâm câu kệ động tâm như vậy: “**Đức Thế Tôn** là Đấng Trọn Lành, có đặc ân cao dày, tự ngộ đạo quả Vô Thượng Bồ Đề, mà thân **Ngài** cũng không tránh khỏi chi phối của luật vô thường sanh diệt”.

“*Hỡi ôi! Định luật thiên nhiên nó như thế ấy, thì tất cả Chúng sanh không sót giống nào, lần lượt nối tiếp nhau bỏ xác lại thế gian*”.

“Ta còn yêu mến chi cái kiếp phù sanh giả tạm này?”.

Trời **ĐẾ Thích** tiếp ngâm câu kệ động tâm như vậy: “*Ô hô! Các Pháp hành thật không bền vững, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh. Chỉ có sự dập tắt pháp hành, thì danh sắc, ngũ uẩn mới không sanh ra được*”.

Đại Đức **Anurudda** và **Ananda** thay phiên nhau thuyết về Pháp động tâm, làm cho ai ai cũng chán nản các pháp hữu vi, là pháp sanh diệt, chia lìa, đau khổ triền miên. Ai ai cũng nguyện tinh tấn thật hành theo giáo pháp của **Đức Thế Tôn** truyền lại để mong có ngày ra khỏi vòng cương tỏa của luật vô thường, hầu siêu sanh về cõi an vui tuyệt đối là **Niết Bàn**.

Sáng ngày, Đại đức **Anuruddha** sai ông **Ananda** vào đền báo cho vua **Malla** hay tin **Đức Phật** đã nhập **Niết Bàn** rồi. Đến nơi thấy Vua và triều thần hội nhau bàn tán về ngày cuối cùng của vị *Chánh Đẳng Chánh Giác*, quên lo đến việc triều chánh. Khi hay tin **Phật** diệt độ cả Vua chúa quần thần đều chan hòa giọt lệ, mến tiếc và ca tụng ân đức của **Đấng Trọn Lành**.

Đức Vua liền hạ chiếu chỉ cho triều thần và các lớp dân chúng trong sứ **Kusinārā**, đem bông hoa, nước thơm, và nhạc lễ đến rừng **Sālāvana**, và dạy nội ngày ấy cất rạp cho rồi để thiết đại lễ cúng dường **Phật Tổ**.

Công việc tẩn liệm thi hài của **Đức Thế Tôn**, Vua làm y theo lời chỉ bảo của Đại Đức **Ananda**: lấy 1.000 cây lụa trắng bao bọc Thánh Thể, ướp đủ các thứ nước thơm, để vào Kim quan.

Toàn xứ **Kusinārā** thiết lễ long trọng cúng dường **Đức Phật**; Cuộc lễ kéo dài đến 6 ngày đêm. Qua ngày thứ 7 là ngày Đức Vua định làm lễ hỏa táng. Đúng giờ phát hành, 8 vị lực sĩ của Vua, sắc phục chỉnh tề vào động quan, khiên Kim quan vào cửa hướng Bắc thành **Kusinārā**, và sau khi đi cùng khắp thành phố, trở ra cửa hướng Đông, thẳng đến tháp **Makutabandhana Cetiya** là nơi làm lễ **Trà Tỳ** (*thiêu*).

Trong lúc ấy, từ không trung rơi xuống những bông **Mạn Thù** cùng khắp thành **Kusinārā**, mùi thơm bát ngát. Dưới đất âm nhạc rền trời.

Khi thỉnh Kim quan để trên hỏa đài rồi, có 4 vị Quốc sư của Vua từ 4 hướng cung kính đem lửa mỗi châm vào 4 góc. Lửa không cháy. Vua **Malla** kinh sợ đến bạch hỏi Đại Đức **Anuruddha**. Ngài trả lời: “*Nên hưỡn lại một chút, chờ Đại Đức **Ma Ha Ca Diếp***”. Ngài **Ma Ha Ca Diếp** dẫn 500 đồ đệ đi ngay lại hỏa đài, khoác áo vai trái, chấp tay lễ bái, đi quanh Kim quan ba lượt, rồi cúi đầu lay dưới chơn **Đức Thế Tôn**, 500 vị **Tỳ khưu** cũng tiếp làm theo y như thế.

Khi Đại Đức **Ma Ha Ca Diếp** và **Chư Tăng** làm lễ vừa xong thì lửa từ Kim quan bốc cháy rần rộ, chẳng bao lâu xong cuộc lễ **Trà Tỳ**.

Vua **Malla** đem nước thơm lại tưới trên hỏa đài, và thỉnh **Xá Lợi** về hoàng thành, thiết đại lễ cúng dường.

Xá lợi gồm có 7 miếng lớn thuộc về xương trán, xương vai và răng nhọn và những xương nhỏ bằng hạt đậu xanh, hạt gạo và hạt cải. Cả thảy được 16 cân.

Mặt khác, Vua **Malla** hạ lệnh cho tu bổ hào lũy chung quanh đền, tập dượt binh mã và canh phòng

ngghiêm ngặt, để ngừa các nước lân bang đến chiếm đoạt **Xá Lợi**.

Hẳn thật như lời tiên đoán của Vua **Malla**, các nước kế cận lần lượt gửi binh mã và sứ thần đến xin chia **Xá Lợi**:

Cả thấy bảy đại diện của:

1/ Vua Ajātasatru (A Xà Thế) xứ Magadha

2/ Vua Sakya (dòng Thích Ca)

3/ Vua Licchavi, xứ Vesali

4/ Vua Thūlīya, xứ Alakappa

5/ Vua Koliya, xứ Rāmagāma

6/ Vua Malla, xứ Pāvā

7/ Và vị Bà La Môn Mahābrahma, thủ lãnh xứ Vedhadipaka.

Bảy sứ thần đến yết kiến Vua **Malla** xứ **Kusinārā** bày tỏ rằng:

“Chúng tôi hay tin Đức Thế Tôn đã nhập Niết Bàn trong xứ của Đại Vương; vì Đức Giáo Chủ Thích Ca là vị Pháp Vương cao thượng, chúng tôi đây cũng thuộc dòng cao thượng nên đến xin Đại Vương chia cho một phần Xá Lợi để đem về lập đền

thờ cúng, chiêm ngưỡng hằng ngày; mong Đại Vương nhận lời”.

Bảy vị sứ thần bề ngoài tỏ ý khiêm tốn, nhưng đã cương quyết bố trí binh mã ngoài thành, chờ coi Vua **Malla** định đoạt thế nào.

Vua **Malla** nuốt định bác lời yêu cầu của các sứ thần nhưng các vị này cũng không nản chí, cứ nài nỉ xin chia mãi.

Về phần Vua **Malla**, trước sự nhẫn nại và cương quyết của các sứ thần, Ngài suy nghĩ: sức mình yếu kém, không đủ ngăn chống hùng binh. Vả lại, **Đức Thế Tôn** là bậc thông hiểu quá khứ, hiện tại, vị lai, mỗi hành vi của **Ngài** đều đem lại sự lợi ích lâu dài cho Chúng sanh. **Ngài** nhập **Niết Bàn** tại xứ ta, ban bố **Xá Lợi** cho ta, để lại hạnh phúc cho ta, nhưng **Xá Lợi** này cũng không bền vững lâu dài, và không bằng phụng hành giáo lý của **Phật** để lại, hầu tránh khỏi sự giết hại lẫn nhau.

... Khi ấy có vị Bà la môn tên **Dona**, là Quốc sư của Vua **Malla**, là bậc trí tuệ và nhiều kinh nghiệm xin đứng ra làm tài phán phân giải, đôi bên. Ông **Dona** nói rằng: *Thưa các Ngài! Chúng ta*

nên hiểu rằng **Đức Bốn Sư** chẳng phải là quyến thuộc của ta, chúng ta muốn có **Xá Lợi**, chẳng qua là chúng ta đã công nhận **Đức Thế Tôn** là một vị **Giáo Chủ**. Chúng ta có lòng ái mộ, muốn phụng thờ và thực hành theo Chánh giáo của **Ngài**. Nếu vì sự sùng bái **Ngài** mà khai chiến với nhau, là việc không phải lẽ, và làm mất sự thân thiện lẫn nhau. Vả lại, **Đức Thế Tôn** xưa kia chẳng hề dạy chúng ta gây chiến cùng nhau; Trái lại, **Ngài** hằng khuyên chúng ta nhẫn nại, từ bi, hòa hợp, dứt bỏ điều oan kết và sự giết hại lẫn nhau.

Lại nữa, khi **Đức Thế Tôn** còn tại thế, các tín đồ hằng được gặp, được thấy, được cúng dường **Ngài** cùng khắp mọi nơi. Giờ đây **Đức Thế Tôn** nhập diệt rồi, **Xá Lợi** được phân chia trong các xứ, tiện bề cho tín đồ bốn phương chiêm ngưỡng, lễ bái hằng ngày; thì Đại chúng lấy làm hân hạnh biết bao! Hiện giờ các xứ lân bang lớn nhỏ đều có đại diện nơi đây, nếu chúng ta đem **Xá Lợi** ra chia nhau mỗi xứ mỗi phần bằng nhau, thì tình thân thiện giữa các **Quốc Vương** càng kết chặt, thì ai ai cũng vui mừng tránh khỏi tai hại tàn khốc của chiến tranh. Các **Xá Lợi** được đem về thờ cúng cùng nơi khắp chốn, người người phát tâm trong sạch nơi **Phật Bảo**

và hành theo Kinh Luật di truyền, xa lánh các điều ác, tạo thêm nghiệp lành, thì kết quả của sự nhẫn nại và hòa thuận hôm nay là được đoàn kết giữa các lân bang, để cùng nhau tiến bước trên đường giác ngộ, diệt tận những mối thù oán, giết hại lẫn nhau. Như thế ấy, chúng ta mới tỏ là người có đủ tư cách làm đệ tử của **Đức Giáo Chủ Thích Ca**”.

Vua **Malla** và các sứ thần công nhận lời phân giải của ông **Dona**, đồng lòng giao cho ông lãnh trách nhiệm phân chia **Xá Lợi** cho các xứ. Ông **Dona** dùng một cây cân bằng vàng cân tám phần **Xá Lợi** bằng nhau, giao cho đại diện các xứ, luôn cả phần của Vua **Malla**. Rồi ông xin giữ cây cân vàng về phần ông để làm kỷ niệm. Ông được như ý nguyện.

Sau khi chia **Xá Lợi** rồi, có dòng **Moriya** tại xứ **Pippahali** phái người đến xin lãnh một phần. Vua **Malla** lấy làm tiếc cho hay rằng **Xá Lợi** đã chia ra đều đủ cho các lân bang rồi và cho Sứ thần một mớ tro đem về thờ thay thế cho **Xá Lợi**.

Các **Xá Lợi** được chia ra đồng đều cho tám nước, mỗi kinh thành mỗi lập đền thờ long trọng để cho vua chúa quan dân đến chiêm bái cúng dường ...

Thời gian nhiều thế kỷ trôi qua. Hết thịnh tới suy. Có nhiều nguyên nhân làm cho **Phật Giáo** dần dần suy đồi, như sự chia rẽ Tăng tín đồ, nạn chiến tranh xâm chiếm của **Hồi Giáo** và sự phục hưng của Đạo Bà la môn; nên các tháp **Xá Lợi** bị bỏ hoang hư lụn.

Thuở **Phật Pháp** được 218 năm, có Vua **A Dục** ra đời đánh Nam dẹp Bắc, mở rộng giang sơn, lại có đức tin trong **Phật Giáo**, nên tạo ra cùng nơi khắp chốn 84.000 tháp thờ, lấy các **Xá Lợi** trong tám tháp đầu tiên chia ra để thờ trong tháp mới và dựng bia đá làm dấu tích 4 chỗ Động Tâm là: *Rừng Lumbini, nơi Phật giáng sanh; Buddha Gayā chỗ Phật thành đạo; Rừng Isipattana (Lộc giả) là nơi Phật Chuyển Pháp Luân và vườn Kusinārā, chỗ Phật nhập Niết Bàn.*

Ngoài ra Vua **A Dục** còn dựng thêm bia đá nơi các ngã ba đường và khắc những **Phật ngôn** cùng lời ca tụng ân đức của **Phật** để khuyến khích dân chúng tôn sùng **Đức Phật**.

Vua **A Dục** còn phái Chư Tăng đi truyền bá **Đạo Phật** ra các nước lân cận và đem giống **Bồ Đề** cùng **Xá Lợi** qua tận đảo **Tích Lan** nhờ vậy mà

hiện giờ đảo **Tích Lan** trở thành trung tâm **Phật Giáo**.

Sử tích **Xá Lợi** trong thời kỳ thượng cổ như thế ấy.

Sau thời kỳ **A Dục**, dân **Ấn Độ** trở lại theo đạo Bà la môn, phế bỏ các tháp thờ **Xá Lợi**. Có chỗ đạo Bà la môn chiếm cứ, như đền thờ tại **Buddha Gayã** (*chỗ Phật thành Đạo*) và sửa tượng **Phật** lại làm tượng Bà la môn (*Brahma*) lợi dụng chỗ Thập phương đến chiêm bái, hưởng lấy tài lợi rất nhiều (*ngày nay Bồ Đề Đạo Tràng đã được trả lại cho phía Phật giáo*).

Thời kỳ nước Anh đô hộ, nhiều tháp bị các nhà khảo cổ đào bới tìm kiếm những **Xá Lợi** đem về xứ Anh để trưng bày trong Cổ Tàng Viện, như **Xá Lợi** của **Đức Xá Lợi Phất** và **Đức Mục Kiền Liên** mà xứ **Ấn Độ** mới vừa đòi lại, sau khi được độc lập 1947.

Hiện giờ Hội **MaHa Boddhi** (*Đại Bồ Đề*) đương lo trùng tu các tháp và các chùa **Phật** (*ở Ấn Độ*).

Với sự thay đổi trong xã hội Ấn Độ và với những sự biến chuyển trong lịch sử **Phật giáo**, hiện giờ chúng ta không thể biết được rõ rệt các **Xá Lợi** của **Đức Phật** còn mất thế nào và chia sót nơi đâu.

Vả lại, theo lời của Vua **Malla**, các **Xá Lợi** cũng không tránh khỏi luật vô thường chi phối; chỉ có sự thật hành theo giáo pháp của **Đức Thế Tôn** truyền lại điều cần thiết. Vậy chúng ta nên cố gắng tu học mãi mãi cho đến ngày giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi đến nơi vô sanh bất diệt là **Đại Niết Bàn ...**

• **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.**

*Trích đoạn bài phát biểu
của cố cư sĩ Nguyễn Văn Hiếu
Đọc tại Kỳ-Viên-Tự, Sài Gòn
Ngày 30 tháng 7 Nhâm-Thìn 1952.*



NGHI THỨC SÁM HỐI



Trải qua bao đời kiếp, chúng con lăn lộn trong bể trần tục u mê gây ra nhiều tội lỗi sâu dày không kể xiết, đọa lạc trong ba cõi, sáu đường lên xuống trầm luân, mang đầy trọng nghiệp. Hôm nay, chúng con xin được Sám hối, nguyện cầu tha lực mười phương **Chư Phật** hộ trì.

• **Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)**

Trước khi vào lễ **Sám hối**, chúng ta hãy dẹp bỏ những ý nghĩ sai lầm và để tỏ rõ sự chân thành của mình đối với **Chư Phật, Bồ Tát, Thánh Chúng** rằng mình đã thấu rõ cội gốc của tội lỗi. Do vì vô minh mà sinh ra tất cả.

- **Thân** : thì có **3 điều ác** nghiêm trọng :

Sát sanh, trộm cắp, tà dâm.

- **Khẩu** : thì vướng vào **bốn nghiệp** không kém phần suy diễn mà chúng ta trong hiện thế ít nhiều chịu phải hành lỗi.

Vọng ngữ : tức là nói sai sự thật

Lưỡng thiệt : tức là nói hai chiều

Thương thì thấp cao bào chữa, ghét kiếm chuyện dẹt thù, gây mối bất hòa trong gia đình, đoàn thể, xã hội.

Ác khẩu : chửi mắng Cha Mẹ, chẳng kiên Trời Đất, Thần Thánh, người trưởng thượng, chủ la mắng tội tở, ỷ giàu bắt nạt dân ngu.

Ỗ ngôn : cho mình học giỏi, lý luận thông suốt lờn khinh **Phật Pháp**, Quan ỷ quyền hà hiếp dân đen ngạo khinh chân lý xem nhẹ nhân quả.

- **Sau cùng là ba nghiệp của ý** :

Ý là cơ quan chủ quản của **5 giác quan** như **mắt, tai, mũi, lưỡi, thân**. Cho nên ý tưởng rất quan trọng nó có thể sai khiến chúng ta làm ra tất cả **thiện** hay **ác** : **ba nghiệp của Ý** là : **Tham lam, sân hận** và **si mê**. Nhà **Phật** gọi là **Tam Độc** muốn giải trừ chữa trị không phải là dễ đối với người tu học sơ cơ như chúng ta, bởi **tham, sân, si** đã thấm sâu vào căn

tánh của chúng ta tự lâu đời kiếp đến nay. Chúng ta ai ai cũng đều biết rõ như soi gương thấy mặt. Vì vậy việc **Sám hối** rất là tinh tế phải nắm rõ bệnh tình mới cầu phương pháp chữa trị có hiệu quả sớm hơn. Kính mong **chư huynh đệ** thấu hiểu nội tình phát lòng **Sám hối**. Nhân ngày **Đại Lễ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Thường Trụ Đại Niết Bàn**, (đêm 15-16 tháng 02 âm lịch), mong cầu sớm đăng kết quả viên mãn.

• Nam Mô Cầu Sám Hối Bồ Tát

Sám là biết lỗi mình làm

Hối là chừa bỏ tham lam hận lòng

Thể như nước đục lắng trong

Bao nhiêu tật đố sớm hòng trừ ngăn

Sám là biết lỗi ăn năn

Hối là cải thiện nghiệp thân ý chừa

Miệng không nói láo thêu thùa

Ý ngôn, ác khẩu sái bữa điêu ngoa

Sám là tự thấu tánh ta

Hối tâm giác ngộ thường xa lỗi lầm

Thân không trộm cắp, tà dâm

Dứt trừ tửu sắc khỏi lâm nguy nản
Sám nguyên ngay trước **Phật** đàng
Hối cầu **Bồ Tát** hỷ hoan hộ trì
 Một đời giữ giới qui y
 Thệ không tái phạm lỗi nghè xưa gây
Sám kinh học thuộc từ đây
Hối noi gương sáng **Tổ Thầy** vững tin
 Hằng ngày quán xét chính mình
 Rõ như soi mặt thấy nhìn trong gương
Sám đời trắng nước vô thường
Hối lìa mộng tưởng lánh đường si mê
 Nhà xưa mau chóng quay về
Phật tâm hiện lộ **Bồ Đề** viên dung
Con nay sám hối Đại Hùng
 Bấy nhiêu lầm lỗi tận cùng tiêu tan.

• **Nam Mô Cầu Tiêu Tai Cát Tường Bồ Tát** (1 lạy)

Thất Phật Diệt Tội Chơn Ngôn :

Ly bà ly bà đế, Cầu ha cầu ha đế, Đà ra ni đế, Ni
 ha ra đế, Tỳ lê nể đế, Ma ha đà đế, Chơn lăng càng
 đế, ta bà ha (3 biến)

- **Nam Mô Thập Phương Tận Hư Không Giới Nhứt
Thiết Chư Phật.** (1 lạy)
- **Nam Mô Thập Phương Tận Hư Không Giới Nhứt
Thiết Tôn Pháp .** (1 lạy)
- **Nam Mô Thập Phương Tận Hư Không Giới Nhứt
Thiết Hiền Thánh Tăng .** (1 lạy)

Quì, tay cầm hương cúng dường phát nguyện :

*Hương màu ưng nguyện cúng dường
Tất cả Chư Phật mười phương ba đời
Lành thay! bay tỏa trời người
Tôn Pháp, Bồ Tát rạng ngời đức công
Thanh văn, Duyên Giác, Chúng đồng
Thánh Hiền, Thầy Tổ chứng lòng hôm nay
Duyên khởi sáng chói mây dài
Trùm bao các cõi rộng dài vô biên
Khấp xông bốn loại trần miền
Bồ Đề tâm phát thề nguyện vững tin
Xa lìa những nghiệp vọng sinh
Vô Thượng Đạo Quả đắc thành chân tu . (lạy)*

- **Nam Mô Hương Cúng Dường Chư Phật, Bồ Tát
Ma Ha Tát** (3 lần)
- (Cắm hương lạy 1 lạy)

ĐÚNG, CHẤP TAY XƯỚNG:

Như Lai tướng tốt đẹp vô vàn
 Không sánh, không bì, không nghĩ bàn
 Nhứt nguyện con nay xin đánh lễ
 Sắc thân **Tôn Phật** hiện mười phương
 Quang minh trí huệ soi vô tận
 Muôn Pháp thường còn trú lạc an
 Con thệ theo về nương **Phật Pháp**
 Đắc thành nguyện lớn độ trần gian. (lay)

Khiến bỏ thân này các khổ ly
 Sinh về nước **Phật** thoát đồ nguy
 Con nay gọi sạch tan **ba nghiệp**
 Lễ tán **Quy Y** nguyện thọ trì
 Đồng nguyện muôn loài sanh **Lạc Quốc**
Tây Phương an dưỡng thấy **A Di**. (lay)

- **Án, Phạ Nhựt Ra Vật** (7 lần)



Chí Tâm Đảnh Lễ:

Thường Tịch Quang Tịnh Độ

A Di Đà Như Lai

Pháp Thân màu thanh tịnh

Khắp pháp giới Chư Phật. (1 lạy)

Thật Báo Trang Nghiêm độ

A Di Đà Như Lai

Thân tướng hải vi trần

Khắp pháp giới Chư Phật . (1 lạy)

Phương Tiện Thánh Cư Độ

A Di Đà Như Lai

Thân trang nghiêm giải thoát

Khắp pháp giới Chư Phật . (1 lạy)

Cõi An Lạc Phương Tây

A Di Đà Như Lai

Thân căn giới Đại Thừa

Khắp pháp giới Chư Phật . (1 lạy)

Cõi An Lạc Phương Tây
A Di Đà Như Lai
Thân hóa đến mười phương
Khắp pháp giới Chư Phật . (1 lạy)

Cõi An Lạc Phương Tây
Giáo hạnh lý ba Kinh
Tột nói bày y chánh
Khắp Pháp giới Tôn Pháp . (1 lạy)

Cõi An Lạc Phương Tây
Quán Thế Âm Bồ Tát
Thân Tử Kim muôn ức
Khắp Pháp giới Bồ Tát . (1 lạy)

Cõi An Lạc Phương Tây
Đại Thế Chí Bồ Tát
Thân trí sáng vô biên
Khắp pháp giới Bồ Tát . (1 lạy)

Cõi An Lạc Phương Tây
Thanh Tịnh Đại Hải Chúng
Thân hai nghiêm Phước, Trí

Khấp pháp giới Thánh Chúng . (1 lạy)

Đứng, Chắp Tay Nguyên :

Con nay vì bốn ơn ba cõi

Cùng chúng sanh trong pháp giới này

Nguyên dứt trừ ba chương tạo gây

Nên quy mạng lòng đây sám hối . (1 lạy)

Quỳ, Chắp tay Sám Hối :

Chí Tâm Sám Hối:

Đệ Tử

Và chúng sanh trong pháp giới đây

Từ đời vô thủy đến ngày nay

Vô minh che đậy nên tâm tối

Điên đảo mê lầm chỗ vọng sai

Ba nghiệp, sáu căn ngăn trở ngại

Mười điều rộng phạm, ý cuồng quay

Sa vào năm tội nghịch vô gián

Cùng các lỗi xưa thật khó bày .

*Mười phương **Chư Phật** trong đời*

Giảng Pháp không dứt, hương lời mâu thay!

*Ngập tràn vị **Pháp Liên Đài***

Hào quang chiếu rọi các loài độ tha
Lý chân thường trụ bao la
*Hư không đầy đầy **Pháp Hoa** bủa truyền*
Con từ vô thỉ thiếu duyên
***Sáu căn** mê đắm, oan khiên chất chồng*
Não phiền buộc chấp nơi lòng
Quả nhân trói cột trong vòng khổ tai
Chẳng nghe, chẳng biết, chẳng hay
Lăn trôi biển thức, đọa đày tử sanh
Cho nên che lấp căn lành
Trăm ngàn muôn kiếp cấu thành khó ra .
“Đức Phật Tỳ Lô Giá Na”
*Hiện thân khắp chỗ **Ta bà** thế gian*
*Chỗ Phật trụ **Thường Tịch Quang***
Cho nên phải biết rõ ràng gốc căn
*Cả thấy các **Pháp** vi trần*
*Đều là **Phật Pháp** vô ngần, vô biên*
Con không thấu xét căn nguyên
***Vô minh** vì thế bụi phiền lấp che*
*Làm mờ chơn trí **Bồ đề***
Ở trong thanh tịnh, chẳng hề tịnh thanh
Trong cảnh giải thoát đành rành
Vì sao ràng buộc, diệt sanh luân hồi ?

Nay con tỏ ngộ nhứt thời
 Nguyên chữa bỏ dứt thói đời lãng nhãng
 Phát lồ **sám hối** ăn năn
 Phụng đối **Tam Bảo** thề rằng không ngoa
Thích Ca và **Phật Di Đà**
 Chứng lòng **Đệ Tử** cùng là chúng sanh
 Tất cả tội nặng cấu thành
Sáu căn, ba nghiệp bất lành tạo gây
 Quá khứ, hiện tại, vị lai
 Chính mình phạm lỗi, hoặc bày người theo
 Thấy người gây tạo vui theo
 Hoặc nhớ, chẳng nhớ, nghiệp đeo không rời
 Hoặc biết, hoặc chẳng biết thời
 Hoặc nghi, hoặc chẳng nghi người giấu che
 Hoặc chẳng che giấu lỗi kia !
 Thủy đều rớt ráo đoạn lìa lòng mê.
Đệ Tử sám hối xong rồi
 Bấy nhiêu tội lỗi kiếp đời sạch trong
 Căn lành tu tập vun trồng
 Tâm không còn lỗi, cõi lòng tịnh thanh
 Hối hướng Pháp giới chúng sanh
 Trang nghiêm **Tịnh Độ Bửu thành** đồng nương.
A Di Đà Phật nguyện thường

*Hộ trì **Đệ Tử** thoát đường lầm sai
Hiện tiền tinh tấn hằng ngày
Cầu về **Cực Lạc** ngôi đài **Liên Hoa**
Lâm chung thấy **Phật Di Đà**
Cùng hàng **Thánh Chúng** đài hoa tay cầm
Thân an niệm chánh chẳng lầm
Thấy nghe đều biết nơi tâm rõ ràng
Sát na sanh trước **Tây Phương**
Đầy đủ đạo hạnh **Niết Bàn** liễu viên
Rộng độ sanh chúng vô biên
Đồng thành **Phật Đạo**, thệ nguyện như như.*

Đệ Tử Sám Hối Phát Nguyện Quy mạng đánh lễ:

• **Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, Đại Từ, Đại Bi, A Di Đà Như Lai, biến Pháp Giới Tam Bảo.** (3 lần)



NGHI THỨC TRÌ TỤNG



Bài Tán Lư Hương

Lò trầm vừa bén lư hương

Pháp giới xông thấu mười phương Liên Đài

Chư Phật hải hội xa hay

Theo chỗ kết tụ tỏa bay mây lành

Cung kính với cả lòng thành

Các Phật, Bồ Tát toàn thân hiện về .

- **Nam Mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)**

TỊNH PHÁP GIỚI CHƠN NGÔN



Án, Lam Tóa Ha (7 lần)

(Trì chú này thì thân tâm, cảnh vật đều thanh tịnh)

TỊNH KHẨU NGHIỆP CHƠN NGÔN



Tu rị tu rị , Ma ha tu rị, tu tu rị Ta bà ha (7 lần)

(Trì chú này hơi miệng trong sạch)

TỊNH TAM NGHIỆP CHƠN NGÔN



**Án ta phạ, Bà phạ thuật đà ta phạ, Đạt mạ ta
phạ Bà phạ thuật độ hám. (3 lần)**

(Trì chú này thân, miệng, ý đều trong sạch)



AN THỔ ĐỊA CHƠN NGÔN



**Nam mô tam mãn đá một đà nẫm, án, độ rô độ
rô, địa vĩ tát bà ha (3 lần)**



PHỔ CÚNG DƯỜNG CHƠN NGÔN



**Án nga nga nẳng, tam bà phạ phiệt nhựt ra hồng
(3 lần)**

*(Trì chú này thì hoa, hương cùng tiếng tụng niệm sẽ
vang khắp cúng dường cả mười phương.)*

BÀI VĂN PHÁT NGUYỆN



- **Nam Mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo**
(3 lần)

Kính lạy **Phật Từ Bi** cao cả

Tam Giới Tôn Đạo Quả siêu nhiên

Mười phương **Chư Phật** ứng nguyện

Quy mạng đảnh lễ **Đài Liên Bảo** Tòa.

Nay con nguyện sâu xa vô hạn

Thọ trì **Kinh Đại Bát Niết Bàn**

Trên đền đáp **Tứ Trọng Ân**

Dưới cứu sanh chúng trôi lăn **Tam đồ**

Nếu có kẻ thấy nghe tin tưởng

Đều phát tâm **Vô Thượng Bồ Đề**

Một đời dứt sạch lòng mê

Thác sanh **Cực Lạc** dựa kê **Tây Phương**.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)



KHAI KINH



Pháp Phật vi diệu khôn lường
Trăm ngàn ức kiếp khó tường khó tri
Con nay nghe thấy thọ trì
“**Vô Lượng Nghĩa Đế**” Từ Bi thực hành. (1 lạy)

- **Nam Mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát** (3 lần)



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

PHẨM “PHẠM HẠNH”

Thứ Hai Mười

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



PHẨM “PHẠM HẠNH”

(Thứ Hai Mười)

Này Thiện nam tử ! Nghe qua.

Bực **Đại Bồ Tát** *Ma Ha* tu hành

Như thế nào đắc thành *Phạm hạnh* ?

Trước phải là thọ lãnh hoàn toàn

Kinh Đại thừa **Đại Niết Bàn**,

Sau trụ nơi *bảy Pháp lành* sâu xa

Thời *Phạm hạnh* mới là trọn vẹn.

Bảy Pháp lành bày tỏ sau đây:

Một là biết *Pháp Như Lai*,

Hai là biết nghĩa giảng bày quang minh,

Ba, biết giờ lập trình mọi lúc,

Bốn là biết tri túc với lòng,

Năm là biết mình sạch trong,

Sáu là biết Chúng cầu mong điều gì,

*Bảy là biết tôn ti thượng hạ,
Trọn bảy điều kết quả liễu viên.*

Bồ Tát Ma Ha nói trên

Thế nào biết Pháp **Phật** tuyên thuyết bày ?

Bực **Bồ Tát** này đây phải biết

Mười hai bộ Kinh điển như sau:

1/ Tu Đa La Kinh Trường Hàng,

2/ Kỳ Dạ Kinh Trùng Tụng dịch ra,

3/ Thọ Ký Kinh cho hàng **Bồ Tát,**

4/ Đà Đà Kinh Cô Khởi bốn câu,

5/ Khi Phật “Tự thuyết” Pháp mầu

Vì vậy mới gọi **Ưu Đà Na Kinh,**

6/ Ni Đà Na, Nhơn Duyên Kinh gọi,

7/ A Ba Đà Na, Thí Dụ Kinh,

8/ Y Đế Mục Đa Đà Kinh

Dịch là *Bốn Sự* chứng minh hình thành,

9/ Xà Đà Đà, Bốn Sanh Kinh giải,

10/ Tỳ Phật Lược, Phương Quảng Chánh Kinh,

11/ Vị Tăng Hữu Kinh,

12/ Ưu Ba Đề Xá, dịch *Luận Nghị* Kinh.

- *Tu Đa La* khế kinh giảng nghĩa

Mở đầu từ “*Như thị ngã văn*”

Đến câu hoan hỷ *phụng hành*”

Tất cả như thế kết thành bộ Kinh.

(*Tu Đa La, Trường Hàng* dịch nghĩa

Từ PàLi sang tiếng Hán nôm.)

- Kế Kinh Kỳ Dạ bao gồm

Những bài kệ tụng từ đầu cuối Kinh.

Như **Phật** bảo *Tỳ kheo* bốn chúng

Ngày xưa **Ta** cùng với các ông

Ngu si tăm tối trong lòng

Không có *trí huệ* hiểu thông tận tường

Rõ thấu hết *bốn chơn Thánh đế*

Đúng như thật không dễ chút nào,

Nên *lưu chuyển* chốn trần lao

Trong biển sanh tử khổ sâu thiết tha.

Bốn chơn đế đó là: *Khổ đế*,

Tập, Diệt, Đạo Thánh đế này đây.

Lúc đó, chính **Đức Như Lai**

Vì các *Tăng chúng* giảng bày *khế Kinh*

Xong có hàng *Chúng sanh* lớn nhỏ

Căn tánh lành sáng tỏ phước dày.

Vì muốn cầu Pháp **Như Lai**
 Nên đến chỗ **Phật** van nài cầu xin.
 Hỏi mọi người thật tình cho biết
 Đức **Như Lai** đang thuyết những gì ?
 Nghe qua động lòng *từ bi*
 Thương hàng sanh Chúng đây thì thích ưa
 Đem *khế Kinh Phật* vừa giảng dạy
 Thành *Kệ* tụng thuyết lại chúng nghe:

*Ta xưa cùng các ông
 Chẳng thấy bốn Chơn đế
 Nên phải lưu chuyển mãi
 Trong biển khổ sanh tử.
 Nếu thấy được bốn đế
 Thời dứt được sanh tử
 Sanh tử đã hết rồi
 Chẳng còn thọ thân nữa.*

Kệ tụng trên đây giảng bày
 Gọi là *Kỳ Dạ Kinh* này truyền ra.
 - Những gì được gọi là *Thọ Ký* ?
 Có lúc **Phật** khai thị *Pháp* bày
 Nói Kinh hay Luật sâu dày

Vì các *Thiên chúng* nơn loài trong đây

Mà *thọ ký* những ai thành **Phật**

Nối tiếp truyền chơn thật **Như Lai**.

Như thuyết nói: “Đời sau này

Thượng nguơn trở lại có Ngài *Hương Khư*”

Đặng làm vua trị vì thiên hạ

Khắp bốn châu thống nhất một nhà,

Như *thọ ký* **A Đạt Đa**

Thành **Phật Quốc độ** Ta bà đương lai

Hiệu **Di Lạc** danh bay mười cõi.

Thọ Ký Kinh danh gọi đó là.

- Những gì được gọi *Dà Đà* ?

Trừ Kinh *giới luật*, bỏ qua *Trường Hàng*,

Ngoài ra gồm những bài **Kệ Cú**

Có bốn câu đầy đủ dưới đây:

Các điều ác chớ làm

Phụng hành những điều lành,

Lóng sạch tâm ý mình

*Là lời dạy của **Phật**.*

Bốn câu Kệ vừa đọc qua
 Trên đây được gọi hiệu *Dà Đà Kinh*.
 Những nghĩa gì chứng minh để biết
 - *Ưu Đà Na Kinh* thiết giảng bày ?
 Có một thuở đức **Như Lai**
 Xế chiều nhập định, ban ngày thuyết Kinh
 Cho các hàng chúng sinh thấu hiểu,
 Và Chư Thiên *Pháp yếu* mở mang.
 Tối các *Tỳ kheo* lo toan.
 Nghĩ rằng: Giờ **Phật** hiện đang làm gì ?
 Lúc trời sáng sau khi xuất định
Đức Như Lai triệu thỉnh các Ngài
Tỳ kheo bốn Chúng đủ đầy
 Dùng *tha tâm trí Phật* đây nói rằng:
 Này các ông *Thánh tăng* nghe rõ !
 Chúng *Chư Thiên* sống thọ lâu dài.
 Lành thay ! Các *Tỳ kheo* đây
 Vì người khéo biết, chẳng cầu tư riêng,
 Biết *thiểu dục* năng siêng *thiền định*,
 Biết *tri túc* trừ bệnh tham lam,
 Được *tịch tịnh* dứt tâm phàm

Giờ giờ nướng chôn *Già lam* tu hành.

Những điều trên *Chúng sanh* không hỏi

Đức Như Lai tự nói bày ra.

Vì vậy nên mới gọi là

Tự thuyết Kinh nghĩa *Ưu Đà Na Kinh*.

- Những gì là *Ni Đà Na* vậy ?

Như các Kinh do thấy *nhơn duyên*

Phật vì người khác thuyết tuyên

Diễn nói Pháp lý *thật quyền* bày ra.

Như: Trong nước tên là *Xá Vệ*

Có một chàng trai trẻ chơi nông

Giăng lưới bắt chim trên đồng

Bắt đặt chim nhốt trong lồng để nuôi

Cho ăn lúa, cho thời uống nước

Không bao lâu chim được thả ra.

Phật biết *nhơn duyên* sâu xa

Nên nói bài *Kệ* khuyên qua người này:

Chớ khinh tội nhỏ

Cho là không họa

Giọt nước dầu nhỏ

Lần đầy lu lớn.

Như *Kệ* trên đây gọi là
Do *nhơn duyên* thuyết *Ni Đà Na Kinh*.

- Những gì *A Ba Đà Na* vậy ?

Là *thí dụ* trong luật *Kinh* này.

Những gì gọi là dưới đây

- Nghĩa *Y Đế Mục Đa Đà* giảng khai

Lệ như **Đức Như Lai** thuyết nói:

Này *Tỳ kheo* ! Này *hỡi Tăng già* !

Lúc **Ta** xuất thế *Ta bà*

Những điều dạy bảo gọi là *Giới Kinh*.

Lúc **Phật Câu Lưu Tôn** xuất thế

Lời **Phật** dạy gọi *Trống Cam Lô*.

Lúc **Đức Phật Câu Na Hàm**

Đại nguyên xuất thế cõi phàm độ sanh

Lời **Phật** dạy gọi là *Pháp Cảnh*.

Ba cách gọi tuy khác đồng văn.

Lúc **Phật Ca Diếp** xuất trần

Lời **Phật** dạy gọi là *Phân Biệt Không*.

Nghĩa trên tuy chẳng đồng tên gọi

Là *Y Đế Mục Đa Đà Kinh*.

- Những gì là *Xà Đà Đà* ?

Dưới đây dẫn chứng dịch ra tận tường.

Lê như **Phật** hay thường giảng nói:

Thuở xưa kia **Ta** cũng tu cầu

Làm vị **Bồ Tát** đức cao

Chịu bao *khổ hạnh* không sao tả bày.

Cũng có lúc **Như Lai** lại nói:

Này các ông *Tỳ kheo* nghe qua !

Thuở quá khứ cõi *Ta bà*

Có kiếp **Ta** chuyển từng là làm nai,

Rồi làm gấu, làm beo, làm thỏ,

Làm Quốc vương, giàu có danh tài,

Làm *Chuyển Luân Vương* rất oai,

Làm *Kim Sứ Diệu*, các loài .v.v...

Nghĩa trên dạy bất phân *nhân ngã*

Nên được gọi *Xà Đà Đà Kinh*.

- Những gì *Tỳ Phật Lực* đây ?

Tức là *Kinh điển* không hai *Đại thừa*.

Nghĩa lý rộng **Phật** ưa giảng dạy,

Như *Hư không* chẳng thấy mé ngăn.

- *Vị Tăng Hữu* giải bày phân:

Lê như **Bồ Tát** giảng trần xuất sanh

Không ai đỡ tự đi bảy bước,
Phóng *quang minh* chiếu khắp mười phương.

Lệ như con vượn tay bưng
Bát mật thơm ngọt *cúng dường Như Lai*.

Lệ như chó này đây cổ trắng
Đến bên **Phật** nghe đặng Pháp chân.

Lệ như ma vương *Ba Tuần*
Hóa làm con vật trâu xanh lạ lùng,
Đi trong bát, tiếng rung vang nhẹ
Mà không làm nứt mẻ bát này.

Lệ như lúc **Đức Như Lai**
Xuất sanh chưa được hình hài lớn khôn
Vua cha đưa vào trong Thiên miếu
Để ra mắt các đấng cao ngời

Bất ngờ Thiên tượng đặt ngời
Đứng dậy bước xuống lễ thời **Như Lai**.
Những đoạn Kinh trên đây thuật lại
Đây gọi là *Vị Tăng Hữu Kinh*.

- *Ưu Ba Đề Xá* là gì ?

Lệ như **Đức Phật** lúc thì giảng Kinh
Hoặc luận nghĩa trọng, khinh phân biệt

Các tướng mạo giả thiết, đúng sai

Để thức tỉnh cho nhơn loài

Đây gọi là *Ưu Ba Đề Xá Kinh*.

(1) **Bồ Tát** nếu thông minh tuyệt đỉnh

Biết *mười hai bộ Kinh* nói trên

Gọi là **biết Pháp** liễu viên

Có thể vì chúng thuyết tuyên Pháp mầu.

(2) **Bồ Tát** như thế nào **biết nghĩa** ?

Là lão thông y *chỉ* các Kinh

Ở nơi tất cả sự tình

Rộng biết ngôn ngữ phân minh rõ ràng

Những ý nghĩa hoàn toàn thông suốt

Mới gọi là biết nghĩa thật chơn.

(3) **Bồ Tát** thế nào **biết giờ** ?

Là **Bồ Tát** phải khéo *cơ* lập trình

Trong những giờ để mình quyết định

Có thể tu *tịch tịnh* quán thiền,

Có thể tinh tấn năng siêng,

Có thể xả định an nhiên bình thường,

Có thể đến *cúng dường Đức Phật*

Hay Sư trưởng các bậc Túc Tôn,

Những giờ như vậy hết lòng
 Tu hạnh *bố thí*, dụng công giới trì,
 Tâm nhẫn nhục phát huy cho đặng,
 Ngồi *thiền định* lọc lắng tâm ta
 Đây đủ *Bát Nhã Ba La*

Đó là **Bồ Tát** phân qua các giờ.

(4) Như thế nào gọi là *tri túc* ?

Biết đủ đối những việc dưới đây:

Uống ăn kham khổ qua ngày,
 Y phục hoại sắc, không đòi xuê sang,
 Không tắm bổ thuốc thang cần đến,
 Ngoại trừ khi có bệnh mới dùng,
 Đứng, đi, nằm, ngồi nói chung
 Ngủ, thức, nói, nín có chừng mực thôi.

Như trên đây gọi là *tri túc*

Biết đủ thời hàng phục *Chúng sanh*.

(5) Những gì gọi là **biết mình** ?

Bồ Tát tự có đức tin sâu dày,
 Ta có giới cấm trai như vậy,
 Có *đa văn* rộng giải các Kinh,
 Có xả bỏ những nghi tình,

Có *huệ* viên liễu chơn minh *Bồ đề*,
 Có đi đến không hề ngăn ngại,
 Có *Chánh niệm* chẳng *thối chuyển* lòng,
 Có *hạnh* lành *tự hư* không

Hỏi, đáp tùy ý lão thông sự tình.

Như trên gọi biết mình trọn vẹn

Bồ Tát đây không thẹn đất trời.

(6) **Bồ Tát** thế nào **biết** người ?

Là **Bồ Tát** phải rõ thời gốc căn.

Hạng người nào dòng *Sát Đế Lợi*,

Bà La Môn, Cư Sĩ, Sa Môn ...

Nên ở trong chúng hòa đồng,

Đi đến *vô ngại* thong dong ý mình,

Hay ngồi, đứng, tự tin, *tự tại*,

Thuyết Pháp mà chẳng thấy lỗi thời.

Nghĩa trên đây gọi biết người

Bồ Tát như vậy rạng ngời đạo **Ta**.

(7) **Bồ Tát** những gì gọi là **biết**,

Bực tôn ty sự thiệt ra sao ?

- Người cũng có hai hạng nào:

Tín tâm, hay *bất tín tâm* do mình.

Bồ Tát phải xét minh biết rõ
 Có *tín tâm* thời đó người lành,
 Người chẳng có *tín tâm* thành
 Thời không được gọi người lành ấy kia.
 - Người có *tín tâm* chia hai hạng:
Một là người lai vãng thường siêng
 Đến nơi am tự cửa thiền
 Luôn cầu **Phật Pháp**, *phước điền* nâng cao,
Hai là người chẳng cầu **Phật Pháp**
 Cho rằng mình không hạp chùa chiền.
 Người thiện duyên đến cửa thiền,
 Kẻ không tu học **Phật, Tiên** khó thành.
 - Người đến chùa phân rành hai hạng:
Một, lễ bái **Tam Bảo, Như Lai**,
Hai, không lễ bái **Phật** đây
 Do đó chẳng có phước dày *lợi sanh*.
 - Người lễ bái chia thành hai hạng:
Một, nghe Pháp; *Hai*, chẳng cầu nghe.
 Người nghe Pháp trọn lành thay !
 Người không nghe Pháp tâm đây mù lòa.
 - Người nghe Pháp chia ra hai hạng:

Một, hết lòng tịnh lắng tâm nghe,

Hai là chẳng hết lòng nghe

Bồ Tát phải biết *giác*, *mê* tận tường,

Người hết lòng nghe thường lành hẳn,

Người chấp *mê* nghe chẳng trọn lành.

- Hết lòng nghe Pháp tâm thành

Lại có hai hạng phân rành dưới đây:

Một, suy gẫm đúng sai ý nghĩa,

Hai, chẳng tri nghĩa ý đúng sai.

Bồ Tát phải biết rõ ngay

Người suy gẫm nghĩa đúng sai thật lành,

Người nghe Pháp không rành nghĩa lý

Chẳng trọn lành ý nghĩa bất thông.

- Lại suy gẫm tâm chẳng đồng

Phân ra hai hạng ở trong loài người:

Một là đúng như lời **Phật** dạy

Rồi sớm chiều nhẫn nại thực hành.

Hai là chẳng có tâm thành,

Chẳng theo lời dạy thật hành sớm khuya.

Người thật hành gọi là lành vẹn,

Người không hành chẳng bén duyên lành.

- Đúng như lời dạy thật hành
Lại có hai hạng phân rành dưới đây:
Một là cầu Thanh Văn quả đạt
Chẳng lợi gì an lạc Chúng sanh,
Hai, hồi hướng Đại nguyện thành
Chứng đạo vô thượng độ sanh đời đời.
Bồ Tát biết lợi người vui hưởng
Là điều lành vô thượng tối ưu.
Này Thiện nam tử ! Ví như
Trong các châu báu tuyệt vời hơn gian.
Nếu so sánh hoàn toàn lép vế
Ngọc bảo châu Như Ý đẹp hơn.
Như trong các mùi vị thơm
Cam lồ đệ nhất vị hương diệu thường.
Bồ Tát này ẩn nường cõi thế
Người và trời khó thể sánh bằng
Không gì ví dụ được chẳng
Công đức **Bồ Tát** này *Hằng hà sa*.
Nghĩa trên đây gọi là **Bồ Tát**
Trụ nơi **Kinh Đại Bát Niết Bàn**.
Trọn **bảy Pháp lành** hoàn toàn

Đây đủ *Phạm hạnh* độ an muôn loài.
 Thiện nam tử ! Ông nay nghe rõ.
 Lại *Phạm hạnh* còn có sâu xa,
 Tứ tâm vô lượng đó là
Từ, Bi, Hỷ, Xả thiết tha thực hành.
 Ngài **Ca Diếp** chí thành bạch **Phật**:
 “Thưa **Thế Tôn** ! Sự thật nếu như
 Người tu hành phát tâm *từ*
 Không lâu sẽ được dứt trừ hận sân.
 Người tu hạnh lòng *bi* cũng thế
 Ắt có ngày *sân khuể* rời xa.
 Sao **Như Lai** lại nói là
Tứ tâm vô lượng chớ mà buông trôi?”
 Xét theo nghĩa của tôi hiểu biết
 Thời lẽ ra chỉ thiết có ba.
 Bạch **Thế Tôn** ! Nên xét qua
 - Lòng *từ* đây cũng có ba duyên hành:
 Một là *duyên chúng sanh* phù hợp,
 Hai là *duyên nơi Pháp* gieo trồng,
 Ba là đây gọi *duyên không*.
 Lòng *bi, hỷ, xả* vẫn đồng chẳng sai.

Cùng ba duyên trên đây không khác
 Theo nghĩa này suy xét lẽ ra
 Bi, Hỷ, Xả chỉ có ba
 Chẳng nên có bốn mới là đúng thay.
 - *Duyên Chúng sanh* muôn loài suy gẫm
 Là duyên thân *ngũ ấm* tạo ra,
 Nguyên cho họ được vui hòa
 Trọn đời hạnh phúc cửa nhà bình yên.
 - *Duyên nơi Pháp* là duyên vật chất
 Mà *Chúng sanh* ăn mặc đang cần
 Đem ban cho họ trọn phần
 Lúa gạo, nhà cửa, thức ăn, bạc tiền ...
 - *Không duyên* tức là duyên nơi **Phật**.
 Lòng từ thời sự thật phần nhiều
 Duyên nơi *Chúng sanh* nghèo nàn
 Mong cầu trợ giúp bố ban tâm từ.
Đức Như Lai *Đại sư* lia hẵn
 Sự nghèo cùng, hưởng đặng thanh nhàn
 Tuyệt vui đệ nhất thế gian
 Không còn bận bịu lo toan muộn phiền.
 Nếu *duyên chúng* chẳng *duyên nơi Phật*,

Pháp cũng vậy chẳng thật *duyên* mà,
Vì do nghĩa này xét qua
Nên *duyên* **Đức Phật** gọi là *Không duyên*.
Thế Tôn ! Lòng từ *duyên* tất cả
Mọi *Chúng sanh* trên quả địa cầu.
Như *duyên* cha mẹ ớn sâu,
Hoặc là chồng vợ tâm đầu se *duyên*,
Duyên con cháu, xóm giềng, thân thuộc ...
Do nghĩa này gọi *Chúng sanh duyên*.
Pháp *duyên* thấu biết căn nguyên
Chẳng thấy cha mẹ, vợ hiền, con ngoan,
Hay thân bằng họ hàng quyến thuộc ...
Tất cả *Pháp* sau trước đều là
Từ nơi *duyên* sanh mà ra
Do nghĩa trên giải gọi là ***Pháp duyên***.
Vô duyên chẳng trụ nơi *Pháp tướng*,
Và ***Chúng sanh tướng*** trọn cả hai.
Từ, Bi, Hỷ, Xả *pháp* này
Đều *duyên* như vậy không ngoài khác hơn,
Vì thế nên suy lường đáng lẽ
Chỉ có ba chẳng có bốn đây.

Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai.

- Người tu cũng có chia hai hạng mà:

Một, kiến hành; Hai là ái hạnh.

Người *kiến hành* ban rải từ bi,

Người *ái hạnh* luôn thực thi

Tu chỗ hỷ, xả phát huy càng nhiều.

Vì thế nên là điều thấy rõ

Chỉ có hai chẳng có bốn mà.

Bạch Thế Tôn! Đức Phật Đà:

“Luận về *vô lượng* gọi là *vô biên*.

Vì chẳng thấy giới ranh bờ bến

Gọi *vô lượng* hay gọi *vô biên*.

Nếu là *vô lượng* nghĩa trên

Lẽ ra có một không nên bốn bày.

Nếu nói bốn ít hơn *vô lượng*

Nên là một chẳng bốn vậy mà.”

Phật bảo Ca Diếp nghe qua.

Lời của **Chư Đức Phật Đà Như Lai**

Vì *Chúng sanh* mọi loài chưa hiểu

Mà giảng dạy *Pháp yếu* trọng sâu

Bí mật khó bàn nghĩ đâu

Như *hư không* vậy, không đầu không đuôi.

Có khi nói *nhơn duyên* duy nhất

Tức tất cả các *pháp hữu vi*.

- Hoặc nói có hai thứ thì

Là *nhơn* và *quả* chung qui một mà.

- Hoặc nói ba như là: *Phiền não*

Nghiệp và *khổ* gây tạo do mình.

- Hoặc nói bốn là: *Vô minh*,

Hành, Sanh, Lão tử hữu tình thân mang.

- Hoặc nói năm là: *Thọ, Ái, Thủ,*

Đến *Hữu* và cùng chỗ *Vô Sanh*.

- Hoặc nói sáu thứ cấu thành

Là *nhơn* và *quả* chuyển sanh ba đời.

- Hoặc nói bảy thứ thời là: *Thức,*

Danh sắc, Lục nhập và dưới đây

Cảm xúc, thọ, ái, thủ này

Vô hình ràng buộc muôn loài khổ đau.

- Hoặc nói tám như sau bày tỏ:

Mười hai *duyên* trừ bỏ *vô minh*,

Hành, Sanh, Lão tử Chúng sinh

Vì đó chung chịu muôn nghìn đồ lao.

- Hoặc nói chín dựa vào Kinh Thánh
 Mười hai duyên trừ tánh *vô minh*,
 Hành động, tâm thức Chúng sinh,
 Vì vậy có chín nhưn duyên đó mà.

- Hoặc có khi nói là mười một
 Vì dựa theo **Tát Giá bốn Kinh**
 Chỉ nói mười một duyên sinh
 Loại trừ nguồn gốc chỗ *Sanh* muôn loài.

- Hoặc có lúc **Như Lai** giảng nói
 Đây đủ cả *mười hai nhưn duyên*.
 Tại thành Vương Xá đầu tiên
Ta vì **Ca Diếp**, Tăng thiên .v.v...

Nói *vô minh*, rồi *hành*, rồi *thức*,
 Đến *sanh, lão, bệnh, tử* sau cùng.

Này Thiện nam tử ! Nói chung
Nhưn duyên có một quyền từng thậm đa.
 Vì *Chúng sanh* phân ra nhiều thứ
Vô lượng tâm cũng như vậy đây.

Thiện nam tử ! Do nghĩa này.
 Đối với *mật hạnh* **Như Lai** khó lường,
 Chẳng có nên khinh thường tu học,

Chớ sanh nghi lừa lọc giả chơn.

Như Lai có đủ diệu phương

Dẫn dắt sanh chúng vào đường chánh chơn:

- Vô thường nói là thường còn mãi,

Thường lại nói là đấy vô thường.

Nói vui là khổ đau thương,

Nói khổ là chỉ con đường thiệt vui,

Chỗ bất tịnh nói thời là tịnh,

Tịnh lại nói bất tịnh khác sai,

Ngã nói là vô ngã này

Vô ngã lại nói ngã đây thường hằng.

Nơi vô tình nói rằng chẳng phải,

Chỗ hữu tình lại nói vô tình,

Chẳng phải là vật rõ ràng,

Lại nói là vật hoàn toàn xưa nay,

Chẳng phải thật nói đây là thật,

Thật nói là chẳng phải thật này,

Chẳng phải là cảnh hiện bày,

Mà nói là cảnh thật đây hoàn toàn,

Chỗ thật cảnh nói rằng chẳng phải,

Cảnh thế gian tan hoại hợp thành,

Chẳng phải sanh nói là *sanh*,
Sanh nói là chẳng phải sanh cõi này,
Vô minh nói là *minh* ngược lại
Minh nói là chẳng phải chơn minh,
Sắc nói chẳng phải sắc hình
 Không sắc nói sắc hữu tình sanh ra.
 Chẳng phải đạo nói là có *đạo*,
 Có *đạo* nói chẳng phải đạo đây.

Thiện nam tử ! **Đức Như Lai**

Vì *điều phục* chúng muôn loài phàm dương
 Dùng *vô lượng* tiện phương như vậy,
 Há lại là *hư vọng* được ư !

Hoặc có *Chúng sanh* nào thời
 Tham lam của cải hưởng đời giàu sang,
Ta hóa thân tự làm Vua Thánh
 Tùy theo chỗ *tâm tánh* mỗi người
Độ họ như ý muốn thời
 Cung cấp mọi thứ trong đời nhiều năm,
 Sau đem Pháp cao thâm *giáo hóa*
 Dẫn họ vào *đạo quả* **Như Lai**.
 Nếu có *Chúng sanh* nào đây

Tham đắm *ngũ dục* trần ai mê lằm,
Ta độ họ nhiều năm toại ý
 Rồi sau mới dẫn chỉ đường *tu*
 Thực hành chánh Pháp *công phu*
 Đến khi *chứng đắc Vô Dư Niết Bàn*.
 Nếu người đây giàu sang, *kiêu mạn*
Ta *nguyện* làm bầu bạn tôi đày
 Trong nhiều năm chịu khiến sai
 Rồi sau khuyến họ tỉnh quay *giác* lòng,
 Dẫn dắt họ vào trong **Phật Pháp**
Đắc vô thượng *Chánh giác* hoàn toàn.
 Nếu có *Chúng sanh* ngang tàng
Tâm tánh cứng cỏi lại càng tác oai,
 Cần có người ra tay can gián,
Ta *nguyện* làm bè bạn hầu gần
 Từ từ *giáo hóa* ân cần
Điều phục tâm họ siêng năng *tu hành*.
 Đạo vô thượng *đắc* thành như *nguyện*
 Chẳng chìm nổi trong biển trần ai.
 Thiện nam tử ! **Đức Như Lai**.
 Trái vô lượng kiếp chẳng nài gian lao

Dùng *phương tiện* không sao tính kể
 Độ *Chúng sanh* cõi thế phàm gian
 Dắt họ vào chốn *Phật đàng*
Chúng đạo vô thượng *Niết Bàn* không hai.
Chư Phật cùng **Như Lai** chẳng khác
 Dầu ở đời *trước ác* hôi tanh,
 Tợ như hoa sen màu xanh
 Không bị ô nhiễm gương thanh rạng ngời.
 Thiện nam tử ! Thời thời nghĩ tưởng
 Bốn tâm này *vô lượng* sâu dày,
 Phải biết tâm *vô lượng* này
Thể tánh có bốn đủ đầy không sai.
 Nếu có người *tu hành* như vậy
 Thời sanh lên trời *Đại Phạm Thiên*.
 Tâm *vô lượng* hay *vô biên*
 Đây có bốn loại *phước điền* lớn lao
 Nên được gọi trước sau là bốn
 Chẳng thể nào gọi một, hai, ba.
 Luận về người tu lòng từ
Tham dục, sân hận dứt trừ đoạn ly,
 Người tu hành tâm *bi* có thể

Không bao lâu *sân khuể* không còn.

Người tu lòng *hỷ* vẹn toàn

Có thể dứt sự khổ than trong đời.

Người tu có tâm thời *xả* bỏ

Trừ *tham dục* chẳng có mê si.

Này Thiện nam tử ! Thấu tri.

Do nghĩa trên vậy phải ghi nhận là

Gọi bốn tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả,

Chẳng gọi một, hoặc hai, hoặc ba.

Này Thiện nam tử ! Vừa qua

Như lời ông nói lẽ ra lòng Từ

Và lòng Bi tu trừ *sân hận*

Cả hai đều tâm đặng như nhau

Phải nói là ba cố sao

Phật lại nói bốn, lẽ nào khác sai.

Thiện nam tử ! Chẳng nên vấn nạn.

- *Sân hận* có hai hạng dưới đây:

Một là giết chết các loài,

Hai là đánh đập nặng tay bạo hành.

Tu lòng Từ không đành giết hại

Bất cứ ai dầu loại thú cầm.

Tu lòng Bi dứt lòng sân
Không còn đánh đập giận hờn một ai.
Do nghĩa này giải bày cặn kẽ
Há chẳng phải là bốn hay sao !

- Lại *sân* có hai thứ đây:

Một là sân với nhơn loài *Chúng sanh*,
Hai là sân với mình tạo tác
Cắt tay chơn, hủy thác mạng thân.

Tu lòng Từ trừ được *sân*
Đối với tất cả *Chúng nhân* trong đời,
Tu lòng Bi sẽ thời trừ tuyệt
Sân không còn hủy diệt bản thân.

- Lại *sân* có hai thứ *sân*:

Một là do có nguyên nhân giận phiền,
Hai là không *nhơn duyên* gì cả
Mà *sân* vì ***bản ngã*** kiêu căng.

Người tu lòng Từ trừ *sân*
Không còn ôm chấp nguyên nhân giận phiền,
Tu lòng Bi năng siêng *ting tấn*
Trừ được *sân* không *nhơn duyên* này.

- *Sân* lại có hai thứ đây:

Một, do tập quán lâu ngày chấp ôm,

Hai, tập quán ở trong hiện tại

Mà thói đời vấp phải xảy ra.

Người tu lòng Từ *giác tha*

Trừ *sân* quá khứ lâu xa không còn.

Tu lòng Bi tiêu mòn gốc rễ

Sân hiện tại không thể phát sinh.

- *Sân* lại có hai thứ *sân*:

Một là *sân* của *Thánh* như xuất phàm,

Hai, *sân* của người trần *thế tục*

Như nước nguồn dấy đục chứa trong.

Tu lòng Từ chịu gắng công

Trừ *sân* của bậc *Thánh nhân* không còn.

Tu lòng Bi tiêu mòn *sân hận*

Tánh phàm phu sẽ đặng diệt trừ.

- Lại *sân* có hai thứ như:

Một là hạng thượng, *hai* là hạng trung.

Tu lòng Từ khoan dung độ lượng

Trừ được *sân* hạng thượng tiêu tan.

Tu lòng Bi rộng bố ban

Không còn *sân hận* của hàng bậc trung.

Thiện nam tử ! Nay ông nghe rõ
Do nghĩa này chớ có nghi nan
Phải gọi là bốn rõ ràng
Chớ nên vấn nạn cho rằng là ba.
Tâm vô lượng sanh ra nhiều loại
Luôn đối nhau không khởi khác sai.
Lại do vì *căn khí* đây
Nên gọi thành bốn nghĩa này thật như,
Căn khí có tâm Từ trước đã
Có tâm Bi, Hỷ, Xả nói chung.
Vì vậy kết luận cuối cùng
Phải gọi là bốn không thêm bớt nào.
Thiện nam tử ! Nghĩa sâu vô hạn,
Luận *vô lượng* xét gạn đúng sai.
Vô lượng có bốn thứ đây:
- Có tâm vô lượng đủ đầy *nhơn duyên*,
Mà chẳng có trọn nguyên *tự tại*
Cần hãy nên xét lại nghĩa này.
- Có tâm vô lượng đủ đầy
Lại được *tự tại* thảng ngày bình yên,
Nhưng xét chẳng phải *duyên* mà có

Nghĩa này nên tri rõ căn nguyên.

- Có tâm vô lượng có *duyên*

Chẳng những *tự tại* trọn nguyên ước mong.

- Có tâm vô lượng không *duyên* vậy

Và chẳng được *tự tại* như nguyên.

Thế nào hiểu bốn nghĩa trên.

Có tâm vô lượng có *duyên* muôn loài

Mà chẳng được tâm đây *tự tại* ?

Nay sơ lược bày giải phân rành.

Duyên nơi vô lượng *Chúng sanh*

Nhưng chẳng *Chánh định* tu hành liễu viên

Nên *tự tại* tâm nguyên chưa đạt,

Nếu có đặng *Chánh giác* mặc dầu

Hoặc còn, hoặc mất không lâu,

Khó mà giữ vững đạo mầu diệu thâm.

Thế nào là có tâm vô lượng

Cũng *tự tại* mà chẳng phải *duyên* ?

Như *duyên* Cha mẹ hiện tiền

Anh em, quyến thuộc hay *duyên* vợ chồng

Muốn làm cho họ đồng vui hưởng,

Chẳng phải *duyên* vô lượng muôn loài.

Thế nào tâm vô lượng đây,
 Đủ duyên tự tại lành thay hằng thường ?
 Tức là nói mười phương **Chư Phật**
 Và **Bồ Tát** các bậc **Như Lai**.

Thế nào tâm vô lượng đây,
 Chẳng phải *duyên*, chẳng *tự tại* thường hằng ?
 Tức nói hàng *Thanh Văn*, *Duyên Giác*
 Chẳng phải duyên *giải thoát* Chúng sanh
 Cũng chẳng *tự tại* trọn lành
Tiểu thừa cầu chứng *vô sanh* **Niết Bàn**.

Thiện nam tử ! Hoàn toàn xu hướng.
 Là bốn thứ vô lượng vừa phân
 Chẳng phải các bậc *Thanh Văn*
 Biết được *cảnh giới* thật chân **Phật Đà**.
 Bốn *vô lượng* kể ra như vậy,
 Hàng *Nhị thừa* đâu thấy được thời
 Nhưng chỉ chút ít mà thôi
 So với *vô lượng* biển trời thênh thang.
 Trừ **Chư Phật** và hàng **Bồ Tát**
 Đáng gọi là chứng đạt *vô biên*.

Ca Diếp Bồ Tát *Thánh hiền* !

Bạch **Phật** ! Phải lắm *nhơn duyên* sâu vời.

Thật là đúng như lời **Đức Phật**

Bao *cảnh giới* các bậc **Như Lai**

Chẳng phải hàng *Nhị thừa* đây

Biết hết cảnh **Phật** trải dài bao la.

Bạch **Thế Tôn** ! Thật ra muốn biết

Có **Bồ Tát** nào thiệt trụ an

Đại thừa **Kinh Đại Niết Bàn**

Tâm *từ bi* được vững vàng cao thâm

Mà chẳng phải là tâm vô lượng

Đại Từ Bi rộng lớn này chẳng ?

Phật bảo **Ca Diếp** nghe rằng:

Bồ Tát nếu đối với hàng *Chúng sanh*

Nên *phân biệt* rõ ràng ba hạng:

Một, như là tình bạn thân thương,

Hai là kẻ oán ghét thường,

Ba là không ghét, không thương buộc ràng.

Với hạng người hiện đang yêu kính

Cũng chia ba hạng, định dưới đây:

Thượng, trung, hạ gồm đủ đây.

Còn hạng oán ghét thường hay đối đầu,

Hạng không thương mặc dầu không ghét,
Thượng, trung, hạ phân biệt thấp cao.

Vị **Bồ Tát** có trí sâu

Với hạng yêu kính thượng cao trọn phần

Ban cho sự vui tăng thượng hạng,

Hay đối với bậc hạ, bậc trung,

Cũng *bình đẳng* chẳng biệt phân

Ban vui đồng nhất không tăng giảm nào.

Đối với bậc thượng cao oán ghét

Bồ Tát cho chỉ ít phần vui.

Nơi hạng oán ghét bậc trung

Sự vui ban phát phước hồng vừa chãng,

Đối với hạng *hạ căn* oán ghét

Cho sự vui tăng thượng cao hơn.

Bồ Tát *tu tập* thường thường

Thêm lên quán đối tận tường không sai;

Ở hạng người thượng này oán ghét

Ban sự vui phải biết vừa vừa,

Nơi hạng oán ghét không ưa

Trung, hạ *bình đẳng* cho đồng sự vui.

Lại *tu tập* rèn trui thêm nữa

Đối những kẻ oán ghét với mình
Thượng, trung, hạ phải chí tình
Ban sự vui hưởng nên *bình đẳng* nhau.
Nếu ở hạng thù sâu oán ghét
Là bậc thượng ban phát sự vui
Tặng thượng cao quý nhất thời
Bấy giờ thành tựu trọn nơi tâm Từ.
Bồ Tát đối bậc thượng oán ghét
Chẳng khác nào kính trọng mẹ cha
Dụng tâm *bình đẳng* dung hòa
Xem như máu mủ ruột rà người thân.
Thiện nam tử ! Nghĩa trên làm được
Đây là người có đủ tâm Từ.
Chẳng phải là tâm *Đại từ*
Điều này lưu ý mọi người xét tri.
Bạch **Thế Tôn** ! Cớ gì chưa rõ
Bồ Tát này đã có tâm Từ
Ban vui đủ cả hạng người
Vẫn chẳng được gọi *Đại từ*. Vì sao ?
Thiện nam tử ! Nghe **Ta** bày tỏ
Vì tâm Từ rất khó đạt thành

Nên chẳng gọi là *Đại từ*
Do trong vô lượng kiếp đời trải qua
Đã chất chứa sâu xa *phiền não*
Và chưa từng gieo tạc *Pháp* lành,
Thế nên chẳng thể đắc thành
Một ngày *điều phục* tâm mình được đâu.
Thiện nam tử ! Khác nào đậu đá
Dùng dùi ghim hột có dính chẳng ?
Phiền não cứng rắn muôn phần
Cũng như đậu đá khó ghim dính vào.
Dầu một ngày một đêm giới hạn
Nhiếp tâm chẳng tán loạn khó mà.
Ví như con chó giữ nhà
Chẳng sợ người lạ sủa la từng bưng,
Còn con nai trong rừng ngược lại
Thấy người sợ hoảng chạy thất kinh.
Sân hận khó trừ tâm mình
Như giữ chú chó gia đình dưỡng nuôi,
Lòng từ ái thế rồi đánh mất,
Như nai rừng chạy thất kinh hồn.
Thế nên tâm này khó lòng

Điều phục được nó chỉ trong một ngày.

Do nghĩa trên **Như Lai** nhắc lại

Nên chẳng gọi là *Đại từ* đây.

Thiện nam tử ! Lại như vậy,

Chữ khắc trên đá lâu ngày khó phai,

Còn chữ vẽ dầu đầy mặt cát

Khi sóng vỗ giây lát biến tan.

Các căn lành khó trụ an

Như vẽ trên cát chóng tan chẳng bền,

Còn *sân hận* khắc trên tảng đá

Khó *điều phục* vì đã in sâu.

Như đồng lửa lớn cháy lâu,

Ánh sáng tia chớp thoát mau mất liền.

Sân thí dụ cũng như đồng lửa

Lòng Từ dụ tia chớp sáng lò.

Vì thế tâm này của ta

Muốn *điều phục* được phải là thời gian.

Do nghĩa này hoàn toàn chẳng gọi

Là *Đại từ* **duyên khởi** chưa thành.

Thiện nam tử ! Phải hiểu rành.

Bồ Tát *phát nguyện* khởi sanh lòng Từ

An trụ bực chứng như *Sơ địa*
 Thời xứng đặng gọi là *Đại từ* .

Tại sao vậy ? Vì hạng người
 Tốt cùng hung ác trong đời gồm ghê,
 Gọi là *nhứt xiển đề* mầm móng
 Ví như thể hạt giống cháy hư.

Bồ Tát *Sơ địa* tâm Từ

Lúc tu *Kinh điển Đại thừa* giác mê.
 Đối hạng *nhứt xiển đề* này vậy
 Không phân biệt *chấp* thấy lỗi sai
 Của họ làm ác hiện bày
 Chẳng sanh lòng giận hoặc hay trách phiền.
 Do nghĩa này như trên vừa giải
 Xứng đặng gọi là *Đại tâm từ*.

Thiện nam tử ! Vì đã trừ
 Những sự không lợi loài người, *Chúng sanh*,
 Đây gọi là *Đại từ* rộng lớn
 Như *hư không* chẳng có giới ranh.
 Muốn cho tất cả *Chúng sanh*
 Đặng nhiều *lợi ích* an lành vô biên
 Gọi *Đại bi Thánh hiền* **Bồ Tát**

Bực *Sơ địa* chứng đạt thiện lành,
Đối với muôn loại *Chúng sanh*
Thấy đồng *giải thoát* đạo thành mừng vui !
Gọi **Đại hỷ** tâm thời **Bồ Tát**,
Chẳng phải vui *dục lạc* đắm say.
Không thấy *chấp* lấy một ai
Đáng được ủng hộ, tâm đây hòa đồng.
Gọi **Đại xả** viên thông **Bồ Tát**
Bực *Sơ địa* chứng đạt lành thay !
Nếu chẳng thấy có *ngã* này
Hay là *Pháp tướng* muôn loài *Chúng sanh*,
Hoặc *chấp* lấy thân hình ta vậy,
Tất cả *Pháp* đều thấy như nhau.
Bình đẳng không có thấp cao
Gọi là *Đại xả* dưỡng bao vô ngần.
Tự rời bỏ cá nhân hưởng *lạc*
Mà ban cho người khác an vui
Đây là *Đại xả* của người
Không còn vướng mắc vào nơi phàm trần.
Thiện nam tử ! *Bốn tâm vô lượng*
Có thể làm duyên chưởng sâu dày

Sáu Pháp Ba La Mật đây

Đây đủ trọn vẹn đến ngày thành công,

Những *hạnh* khác cũng không *quyết định*

Được như *bốn tâm vô lượng* này.

Thiện nam tử ! Lại như vậy,

Bồ Tát *tu tập* không nài khổ than

Đặng *bốn tâm thế gian vô lượng*

Sau *phát tâm vô thượng Bồ đề*,

Chẳng *thối chuyển* chỗ *nguyện* thề

Vào ra sáu nẻo không hề giảm thuyên

Đắc bốn tâm vô biên khôn tưởng

Xuất thế gian vô lượng hoàn toàn

Nhơn *tâm vô lượng thế gian*

Được *tâm xuất thế* vô vàn vô biên.

Do nghĩa này cho nên xứng đáng

Gọi là “Đại vô lượng *Hàng sa*”.

Ca Diếp Bồ Tát nghe qua.

Chấp tay thưa thỉnh **Phật Đà**: “**Thế Tôn** !

Trừ những sự không làm *lợi ích*

Cho *Chúng sanh* sở thích mong cầu

Cùng sự *lợi ích* như nhau

Thiệt không còn có việc đâu để làm.
 Nếu suy nghĩ bao hàm như vậy
 Thời là tâm *hư vọng* thấy sai,
 Do vì sự *quán sát* này
 Không có thiệt thực cho ai lợi gì”.
Thế Tôn ! Có vị *Tỳ kheo* nọ
 Lúc *thiền quán* *bất tịnh* sâu xa
 Thấy y của mình hiện ra
 Trở thành tướng tợ tướng da của người,
 Mà chẳng phải đây thời da thật
 Đó chỉ là *quán tưởng* mà thôi.
 Những thức ăn uống hiện thời
 Đều thấy thành tướng trùng dòi lộn chung,
 Mà chẳng thiệt dòi trùng trong đó
 Do *quán tưởng* thấy có dòi trùng.
 Lại *quán* bát canh đang dùng
 Thành tướng phân dãi chứa trong bát đầy,
 Do *quán tưởng* hiện bày như vậy
 Chớ chẳng phải phân dãi thật chân.
 Lại *quán* dầu bơ đang ăn
 Thấy như óc tủy trong thân của người,

Mà chẳng thiệt phải thời óc tủy
Do quán tưởng suy nghĩ mà ra.
Quán xương trên thân người ta
Nát bể thành bột làm ra bún này,
Mà chẳng phải thiệt đây là bột
Do quán tưởng cùng tột hiện ra.
Cũng vậy, lời **Phật** dạy qua
Bốn tâm vô lượng thật là bao la.
Nhưng xét nghĩ chẳng là thiệt thực
Sự lợi ích tích cực cho đời.
Dầu miệng nói rằng ban vui
Cho trong tất cả trời, người *Chúng sanh*
Mà chẳng thấy phước lành ban rải
Đem sự vui cả thấy *Ta bà*.
Tu quán như vậy thật ra
Nên gọi *hư vọng* không làm lợi ai ...
Thế Tôn ! Nếu tâm Từ chẳng phải
Là *hư vọng* thiệt thấy ban vui,
Cớ sao *Chúng sanh* loài người
Chẳng nhờ oai lực của thời **Như Lai**,
Chư **Bồ Tát** ra tay cứu độ

Được an vui đau khổ không còn.
 Nếu sự vui không vẹn toàn
 Như lời **Phật** nói rõ ràng trước đây:
 “**Ta** nhớ thuở **Như Lai** quá khứ
 Siêng *tu hành* tích trữ tâm Từ,
 Trải qua bảy phen bảy chừ
 Cõi này thành hoại đổi đời luân phiên,
Ta chẳng sanh nơi miền *thế tục*
 Vì đã được hưởng phúc lợi lành,
 Lúc thế giới này hình thành
Phạm Thiên trời nọ *hóa sanh* nhiều lần,
 Lúc thế giới cõi trần hoại diệt
Trời Quang Âm, **Ta** thiết sanh lên.
 Lúc sanh lên *trời Phạm Thiên*
Ta có oai thế vô biên khôn lường,
 Được *tự tại* quý hơn trên hết
 Ở trong ngàn cõi *trời Phạm Thiên*
 Gọi là *Đại Phạm Thiên Vương*
 Quản quyền ngự trị phước dưỡng trùm bao.
 Nếu có *Chúng sanh* nào một dạ
 Tin tưởng **Ta** là bực Thượng Thiên,

Thời được ban bố phước duyên
 Làm Vua *Đao Lợi cõi Thiên* an lành,
 Ba mươi sáu lần sanh như thế
 Hưởng sự vui không thể nghĩ bàn.
 Sau đó, dầu xuống như gian
 Làm vị vua Thánh trị an cõi trần,
 Vô lượng trăm ngàn lần như vậy,
 Chẳng thể nào phước ấy giảm thuyên.
 Siêng tu lòng Từ như trên
 Mà đặng phước báu cõi Thiên, cõi người.
 Nếu lòng Từ tu không ích lợi
 Thời làm sao hiệp với nghĩa này ?

Phật khen: “Lành thay ! Lành thay !
 Nay *Thiện nam tử* ! Ông đây thật là
 Tâm dũng mãnh hỏi qua cặn kẽ
 Không e sợ ... lý lẽ thẳng ngay”.

Bây giờ, **Thế Tôn Như Lai**
 Vì Ngài **Ca Diếp** bày khai *Kệ* rằng:

Đối với một Chúng sanh
Chẳng sinh lòng giận hờn,
Mà muốn ban vui cho

Đây gọi là Từ thiện.
 Trong tất cả Chúng sanh
 Nếu sanh được lòng Bi
 Gọi là thành **chủng tánh**
 Đặng phước báu vô lượng.
 Giả sử **Tiên ngũ thông**
 Đông khắp mặt đất này,
 Có vua chúa tỵ tại
 Dâng cấp đủ đồ dùng
 Voi, ngựa ... các vật dụng
 Thí cho Tiên được phước
 Chẳng bằng tu lòng Từ
 Trong một phần mười sáu.

Thiện nam tử ! Hãy nghe nào,
 Luận về người đã tu sâu lòng Từ
 Thiệt chẳng phải tâm thời vọng tưởng
 Mà chắc chắn qui hướng thật chân.
 Nếu là lòng từ Thanh Văn
 Hay bậc Duyên Giác có phần vọng hư.
Phật, Bồ Tát lòng Từ chơn thật
 Chẳng hư vọng thối thất bốn nguyên.

Do đâu mà biết căn nguyên ?
 Cho đời tin tưởng *tín nguyên* hạnh chơn.
 Thiện nam tử ! Hằng thường **Bồ Tát**
Tu hành theo **Đại Bát Niết Bàn**.
Quán đất trở thành bằng vàng,
Quán vàng làm đất rõ ràng chẳng sai,
Quán mặt đất thành đây tướng nước,
Quán mặt nước thành tướng đất dày,
 Nước *quán* thành lửa phút giây,
 Lửa *quán* thành nước chưa đầy *sát na*,
 Đất lại *quán* thành ra gió thật
 Gió lại *quán* thành đất tức liền,
 Tùy ý thành tự tự nhiên
 Không có *hư vọng* phải nên hiểu rành.
 Quán *Chúng sanh* thật thành chẳng phải
 Là *Chúng sanh* như loại thế gian,
 Quán *Chúng sanh* giả hoàn toàn
 Thành *Chúng sanh* thật Sáu đường xuống lên,
 Đều tùy ý đương nhiên thành tự
 Không *hư vọng* đầy đủ *bốn nguyên*.
 Nay Thiện nam tử ! Lành duyên

Tứ tâm vô lượng, phước Thiên khó bì
 Của **Bồ Tát** *tư duy* chơn chánh
 Chẳng phải là *phàm tánh* vọng sai.
 Thiện nam tử ! Nghĩa thế này.
Tư duy chơn chánh giải bày ra sao ?
 Vì có thể trừ bao *phiền não*
 Không có còn ẩn náo trong lòng.
 Luận về tâm Từ *viên thông*
 Dứt được *tham dục* cũng không oán hờn,
Tu lòng Bi diệt đường *sân khuể*,
Tu lòng Hỷ có thể xa rời
 Những sự chẳng vui trên đời
 Chẳng còn ôm chấp buộc nơi tâm lòng.
Tu lòng Xả tâm không *tham dục*
 Hay *sân khuể*, *chấp* tướng *Chúng sanh*.
 Vì vậy, nên mới đạt thành
Tư duy chơn chánh phát sanh lòng Từ.
 Thiện nam tử ! *Tứ tâm vô lượng*
 Của **Bồ Tát** chí hướng độ sanh
 Đây thật là cội gốc lành
 Cho cả muôn loại *Chúng sanh* nương về.

Bồ Tát nếu chẳng hề thấy được
 Những *Chúng sanh* bạc nhược nghèo nàn
 Đồng thời không duyên thế gian
 Lòng Từ cũng khó dễ dàng sinh ra.
 Nếu lòng Từ khó mà *duyên khởi*
 Thời chẳng có *tâm huệ thí* này.
 Do *nhơn duyên* được đủ đầy
 Huệ thí thực hiện muôn loài an vui.
 Dùng vật chất cõi đời ban bố
 Như thức ăn, xe cộ, cửa nhà,
 Y phục, đèn đuốc, hương hoa,
 Thuốc men, lúa gạo hoặc là ruộng nương.
 Lúc ban cho thường thường như vậy,
 Lòng cởi mở chẳng thấy tiếc tham,
 Quyết định *hồi hướng* việc làm
 Cầu quả vô thượng *Niết Bàn* tương lai.
 Tâm **Bồ Tát** này đây kiên cố
 Không nghỉ dừng ở chỗ nơi nào,
 Dứt hẳn *vọng tưởng* sắc màu,
 Chẳng kẹt sợ sệt tổn hao của tiền,
 Hoặc danh dự lợi quyền chi cả,

Cũng chẳng cầu hưởng quả sướng vui
Cõi trời hay chốn cõi người,
Chẳng có *kiêu mạn* chấp thời thua hơn,
Chẳng trông người trả ơn đáp lại,
Chẳng phỉnh người *bố thí* cầu danh.
Phàm khi *bố thí* thực hành
Chẳng thấy người thọ tâm lành, ác gian,
Người *trì giới* hay hàng *phá giới*,
Là *phước điền*, chẳng phải *phước điền*,
Là *duyên* hay chẳng phải *duyên*,
Cũng chẳng *phân biệt* trí hiền, *ngu si*.
Lúc *bố thí* duy trì bền vững
Tâm **Bồ Tát** chịu đựng trọng, khinh,
Chẳng thấy *căn khí* của mình
Hay là không thấy phát sinh tâm *từ*,
Cũng chẳng lựa ngày giờ *bố thí*,
Cũng chẳng chọn vị trí chỗ nơi,
Cũng chẳng tính toán vận thời
Được mùa hay chẳng được mùa đói đau,
Tâm chẳng buộc *chấp* vào *nhơn quả*,
Cũng chẳng phân *nhân ngã* nghèo giàu,

Là phước hay họa chẳng sao,
Chúng sanh chẳng *Chúng sanh* nào thọ ơn.
 Cũng chẳng thấy kẻ thường nhận *thí*,
 Cùng của cải nhiều ít so phân,
 Nhẫn đến chẳng thấy tu nhân
 Cùng là *quả báo* hưởng phần về sau,
 Mà kiên trì nâng cao *bố thí*,
 Không *thối chuyển* ngừng nghỉ lợt phai.
 Thiện nam tử ! **Bồ Tát** này.
 Nếu thấy người lãnh thọ tài của **Ta**
 Hay *trì giới* hoặc là *phá giới*
 Nhẫn cho đến thấy *quả báo* đây,
 Thời *bố thí* chẳng trọn thay!
 Vì còn *chấp sự* tâm đây *sở hành*.
 Nếu *bố thí* lòng lành hột hăng
Đàn Ba La Mật chẳng đủ đây
 Khó thể vào đạo **Như Lai**
Vô thượng Chánh giác đến ngày thành công.
 Thiện nam tử ! Lắng lòng nghe rõ.
 Ví dụ như đang có một người
 Bị bắn trúng tên độc thời

Đau nhức tê buốt khắp nơi thân hình.
Cả *quyến thuộc* gia đình lo lắng
Tìm lương y sớm đặt chữa mau.
Người đó bỗng đứng kêu gào
Đừng động đến chỗ vết đau bố Thầy !
Hãy chờ tôi phút giây suy nghĩ
Xem mũi tên vị trí từ đâu,
Của ai bắn, dòng dũi nào:
Là *Sát Đế Lợi* hay *Bà La Môn*,
Là *Thủ đà* hay là *Tỳ xá*,
Vua hay quan, dân dã bình thường,
Làm bằng cây hay tre rừng,
Hoặc bằng gỗ liễu định lường ra sao.
Mũi tên sắt lò nào rèn đó
Cứng hay mềm, đuôi nó lông gì,
Chất độc tẩm đầy loại chi,
Tự nhiên mà có hay thì chế ra,
Là độc của người ta có đặt,
Hay độc của loài rắn dữ, hiền.
Người ấy suy nghĩ liên miên
Chưa biết kết quả ... qui tiên châu trời.

Thiện nam tử ! Cũng thời như vậy,
Bồ Tát nếu lúc thấy việc làm
 Bồ thí tâm còn đố tham
Người thọ *trì giới* thật tâm thiện lành,
Hoặc người thọ không hành *trì giới*
Nghĩ rằng cho chẳng lợi ích gì.
Do tâm có sự hoài nghi
Bồ thí như vậy, *từ bi* không thành.
Bồ Tát đối *Chúng sanh* muôn loại
Thương *tưởng* như con cái của mình
 Sẵn sàng mọi lúc hy sinh
Xót chia tai khổ, khẩn tình thương yêu,
Khi vấp ngã gặp điều bất trắc
Luôn dang tay dìu dắt đỡ nưng,
 Như lòng cha mẹ vui mừng
Thấy con lành mạnh thoát đường hiểm nguy.
 Bồ thí với tâm *bi* như vậy,
Lòng không còn *chấp* lấy bỏ buông,
 Như cha mẹ thấy đứa con
Khôn lớn có thể sinh tồn bản thân.
 Lúc *bồ thí* thức ăn vật thực

Vị **Bồ Tát** hết mực tâm Từ

Thường xuyên *phát nguyện* muôn loài
Tất cả đồ vật tôi nay chia đều.

Cầu *Chúng sanh* được nhiều phước lợi,
Siêng tu hành trí huệ lớn khai,

Hồi hướng vô thượng *Đạo* đây,
Đại thừa liễu ngộ tương lai đạt thành.

- *Nguyện Chúng sanh* trí lành cao cả,
Chẳng cầu ngôi vị quả *Thanh Văn*.

- *Nguyện Chúng sanh* khắp cõi trần
Đặng món **Pháp Hỷ** thức ăn nhiệm mầu,
Món *ái nhiễm* không cầu vui hưởng,
Đoạn trừ sạch *nghiệp chướng* buộc ràng.

- *Nguyện Chúng sanh* trong thế gian
Đặng món *Bát Nhã* phá tan mê lòng,
Được đầy đủ *thần thông vô ngại*,
Thêm căn lành *tự tại* an nhiên.

- *Nguyện Chúng sanh* khắp *Tam thiên*
Thấu tướng *vô đức*, *Đại thiên* thành công,
Pháp thân dưỡng hư không rộng lớn
Không mé ngăn vô lượng vô biên.

- Nguyện các *Chúng sanh* thường xuyên
 Làm người lãnh thọ *thệ* nguyện của tôi.

Tâm Từ thương mọi loài tạo *phước*
 Cho *Chúng sanh* đều được hưởng nhờ.

Thiện nam tử ! Lúc bấy giờ,

Bồ Tát *bố thí* tâm từ mênh mông
 Các thức uống chia trong sanh Chúng
 Mọi loài đều ai cũng có phần

Rồi *phát tâm* nguyện lớn rằng:

Do duyên *bố thí* làm nhân trong đời.

- Nguyện *Chúng sanh* xa rời khổ nạn
 Mau đến sông *Phương Quảng* kịp giờ

Uống nước *bát vị* Đại thừa

Lên thuyền *Bát Nhã* sớm đưa giác bờ,
 Rời khỏi cảnh bao đời khô khát
 Của *Thanh Văn, Duyên Giác* bấy lâu

Một lòng *tín ngưỡng* mong cầu

Phật thừa *vô thượng* đạo mầu tối cao,
 Dứt *phiền não* trần lao khổ lụy
 Mà khát ngưỡng *Pháp vị* trọn lành.

Rồi *niệm* ưa thích tử sanh

Đại Niết Bàn trụ viên thành một mai,

Pháp thân đặng đủ đầy tam muội

Vào nơi biển trí tuệ thênh thang.

- Nguyên các *Chúng sanh* mở mang

Thấu tận vô lượng trăm ngàn Pháp cơ.

Thấy **Phật tánh** lên bờ giác ngộ,

Rưới mưa *Pháp* vô hạn khôn lường,

Trùm khắp *pháp giới* mười phương,

Bình đẳng Phật tánh tợ dường hư không.

Lại làm cho khắp trong nhơn vật

Đặng *Pháp vị* duy nhất **Đại thừa**.

- Nguyên các *Chúng sanh* thích ưa

Phật tánh *chứng ngộ* sớm trưa tu hành,

Chẳng cầu những quả lành nào khác

Chỉ *Pháp vị* **Đại Bát Niết Bàn**.

Thiện nam tử ! Lúc bố ban

Xe cộ, **Bồ Tát** *phát tâm* nguyện rằng:

Những đồ của tôi mang *bố thí*

Hôm nay đều cho hết *Chúng sanh*

Chung hưởng thành quả tốt lành

Do *duyên* này khiến *Chúng sanh* mọi loài

Được *liễu nghĩa* Đại thừa uyên bác,
 Trụ Đại thừa *giải thoát* Ta bà,
 Bất thối Đại thừa sâu xa,
 Lại thêm *Bất động* chuyển thừa *vô dư*,
 Đắc *Kim Cang* tòa thừa bền chắc
 Chẳng còn cầu chứng bậc *Nhị thừa*,
 Chỉ khát vọng tâm thích ưa
 Hồi hướng *quả vị* **Phật thừa** thượng tôn.
 Thiện nam tử ! Hết lòng ban phát
 Cho y phục **Bồ Tát** nguyện rằng:
 Những đồ *bố thí* này chẳng
 Chia cho sanh Chúng đặng phần hưởng chung.
 Do *nhơn duyên* hết lòng *bố thí*
 Mà làm cho tâm ý *Chúng sanh*
 Được y phục *Pháp giới* lành
 Che thân, xé rách lưới màn *vô minh*.
 Rời y phục trên mình đang mặc
 Khoảng một thước sáu tấc bỏ buông,
 Đặng thân sắc vàng dư muôn,
 Chạm *Xúc* êm dịu mịn màng thịt da,
 Ánh sáng chiếu thật là vô lượng:

Không Sắc, rời Sắc tướng hoàn toàn.
 - Nguyện các *Chúng sanh* thế gian
 Tất cả đều đặng *đạo tràng* liễu viên.
 Thân không Sắc vượt trên các Sắc,
Đại Niết Bàn Chư Phật trụ an.
 Thiện nam tử ! Lúc bố ban
 Hoa hương các loại cho hàng *Chúng sanh*,
 Tâm **Bồ Tát** chí thành nguyện thiết:
 Những đồ thí sự thiệt hôm nay
 Đều cho tất cả mọi loài
 Chung hưởng trọn vẹn không ai thiếu phần.
 Do duyên này nguyện rằng *chúng đấng*
Bông tam muội Chư Phật Như Lai,
 Tràng hoa *Thất giác chi* này
 Vấn vào đầu của mọi loài đẹp thay!.
 - Nguyện *Chúng sanh* đủ đầy tướng hảo
 Tợ như trăng mười sáu tròn vìn,
 Các sắc màu thấy đẹp xinh
 Diệu mầu đệ nhất quang minh rạng ngời.
 - Nguyện *Chúng sanh* người người thành tựu
 Tướng trăm phước đầy đủ nghiêm trang.

- Nguyện cho muôn loại *Chúng sanh*
 Thường khi gặp đặng bạn lành đồng tu.
 Đắc hương diệu nhiệm mầu lan tỏa
 Không hôi dơ, chẳng rã tan mau.

- Nguyện các *Chúng sanh* đời sau
 Căn lành vô thượng trí mầu cao sâu.

- Nguyện *Chúng sanh* nhìn nhau từ ái,
 Không có lòng tranh cãi thua hơn.

- Nguyện *Chúng sanh* trọn **giới hương**,
 Trì giới vô ngại mùi thơm ngạt ngào.

- Nguyện *Chúng sanh* giới trau bền chắc,
 Đắc giới không nghi hối lỗi sai,
 Đặng giới **nhứt thiết trí** này,
 Các sự *phá giới* từ nay chẳng còn.

Đều đặng chứng giới không vô tận,
 Giới chưa từng có đặng vẹn toàn,
 Giới vô sự không buộc ràng,
 Cùng giới *vô tác* không làm *chấp* mang,
 Giới chẳng có thế gian ô nhiễm
 Giới rốt ráo trọng điểm đẳng bình.
 Lấy hương xoa nơi thân mình,

Xem như bị chém, đoạn tình ghét ưa.

- Nguyên *Chúng sanh* Đại thừa giới vẹn
Đời đời luôn vun quén sâu dày.

- Nguyên các *Chúng sanh* mọi loài
Thi Ba-La-mật đủ đầy giới hương,

Như **Chư Phật** mười phương thuở trước
Đã thành tựu giới độ trọn nguyên.

- Nguyên các *Chúng sanh* hiện tiền
Tu hạnh bố thí *phước điền* sâu xa,

Hạnh trì giới *Thi Ba-la-mật*

Hạnh *nhẫn nhục* chơn thật đời đời,

Hạnh *tinh tấn* không mỗi lười,

Thiền định, trí huệ rạng ngời quang minh.

- Nguyên muôn loại *Chúng sanh* tất cả
Như hoa sen hương tỏa thơm lan,

Đặng vi diệu **Đại Niết Bàn**

Hương *công đức* phủ mười phương diệu thường.

- Nguyên *Chúng sanh* Sáu đường ba cõi

Thuần ăn cơm *Pháp giới Phật Đà*.

Như con ong nọ hút hoa

Chỉ lấy vị mật thật là ngọt thơm.

- Nguyện *Chúng sanh* kiên cường trí lực
Thành tựu thân *công đức* vô biên.

Thiện nam tử ! Lúc *thí* giường
Hoặc là mừng, chiếu, gối, mền .v.v...

Bồ Tát với lòng nhân từ *nguyện*
Những giường, chiếu, mừng mền, gối chăn ...

Của tôi hôm nay phát phân
Cho tất cả Chúng như dân hưởng nhờ.

Do duyên này đặng giường Hỷ Lạc
Của cõi trời trong các cõi trời,

Đặng *trí huệ* lớn trên đời
Ngồi giường tịnh tọa *tứ thiên* vượt qua,
Nằm nơi giường *Ma-Ha Bồ Tát*,
Không nằm giường thô ác xấu xa.

- Nguyện cho *Chúng sanh* *Ta-bà*
Đặng giường an lạc thoát ra *luân hồi*,
Giường *sanh tử* bao đời chẳng giữ,
Thành tựu giường Sư tử **Niết Bàn**.

- Nguyện *Chúng sanh* dứt lằm than
Ngồi trên giường báu các hàng **Như Lai**,
Lại vì Chúng muôn loài *thị hiện*

Sức *thân thông* du hí độ đời.

- Nguyên *Chúng sanh* cõi trời, người

Trụ trong cung điện lớn nơi *Đại thừa*

Vì *Chúng sanh* khác ưa rộng thuyết

Về **Phật tánh** thấu biết căn nguyên.

- Nguyên các *Chúng sanh* ngồi trên

Giường nằm vô thượng tịch viên **Niết Bàn**.

Chẳng bị Pháp thế gian chi phối

Không ngăn ngại cản lối bí đường.

- Nguyên các *Chúng sanh* được giường

Nhẫn nhục rời hẳn vô thường đau thương.

- Nguyên *Chúng sanh* đặng giường vô úy,

Giấc *phiền não* đều bị tiêu trừ.

- Nguyên các *Chúng sanh* người người

Được giường *thanh tịnh* cầu nơi chơn thường.

- Nguyên *Chúng sanh* đặng giường *Pháp bảo*

Gặp bạn lành hợp đạo *tu hành*.

- Nguyên hết muôn loại *Chúng sanh*

Đặng giường **Chư Phật** đắc thành xưa nay.

Thân nằm nghiêng gối tay bên phải,

Nương nơi Pháp giáo dạy **Như Lai**.

Thiện nam tử ! **Bồ Tát** này.

Bố thí nhà cửa thường hay nguyện rằng:

Những đồ đạc vật trần giả tạm,

Hôm nay tôi cho hết *Chúng sanh*.

Do *duyên* này đặng *phước* lành

Ở nhà *Phương Đẳng* tu hành chí tâm,

Hạnh Thiện trí cao thâm tôn quý,

Hạnh Đại bi, Đại hỷ khôn lường,

Hạnh Lục độ chứng diệu phương,

Hạnh Đại Chánh giác là đường **Như Lai**,

Đặng *đạo hạnh* các Ngài **Bồ Tát**,

Hạnh rộng lớn *giải thoát* não phiền.

- Nguyện *Chúng sanh* vẹn *bốn nguyên*

Đều đặng *Chánh niệm* định thiền *Ma-Ha*.

- Nguyện *Chúng sanh* diệt tà qui chánh,

Chứng *Thường, Lạc, Ngã, Tịnh* an nhiên,

Lìa hẳn *bốn thứ đảo điên*

Không còn chướng nghiệp oan khiên kéo gài.

- Nguyện *Chúng sanh* thọ trì nghĩa *đế*,

Đều là nhà *xuất thế gian* này.

- Nguyện *Chúng sanh* khắp mọi loài

Đều có *căn khí* sâu dày bền kiên.

Nhứt thiết trí Thánh hiền chứng đạt

Đạo vô thượng *Chánh giác* thành công.

- Nguyên *Chúng sanh* giác ngộ lòng

Vào nhà *Cam lộ* thoát vòng *trầm luân*.

- Nguyên *Chúng sanh* đặng tâm *thường, lạc*

Vào ngôi nhà **Đại Bát Niết Bàn**.

- Nguyên các *Chúng sanh* thế gian

Đời *vị lai* ở cung vàng *Ma-Ha*

Của **Bồ Tát** *Hằng sa* thuở trước

Lời *nguyện* này xin được như *nguyên*.

Thiện nam tử ! Thật lành duyên

Bồ Tát *bố thí* cho đèn sáng khai

Trong tâm Từ thường hay *phát nguyện*:

Những đèn sáng tôi hiến hôm nay

Đều đến tất cả mọi loài

Chúng sanh chung hưởng chẳng ai thiếu phần.

Do *nhơn duyên* *nguyện* rằng như vậy,

Các *Chúng sanh* muôn loại có đây

Vô lượng ánh sáng huệ khai

Trụ nơi **Phật Pháp** đến ngày liễu viên.

- Nguyên *Chúng sanh* thường xuyên chiếu sáng
Vết tan hết những áng mây mù.
- Nguyên *Chúng sanh* đồng chứng tu
Được thân tốt đẹp *trượng phu* tuyệt vời
- Nguyên *Chúng sanh* mọi loài sáng tỏ
Mắt *thanh tịnh* không có màng lừa.
- Nguyên *Chúng sanh* cõi *Ta-bà*
Đặng đước *Đại trí* như là Thái dương,
Khéo hiểu lý *chơn thường* vô ngại,
Không có tướng muôn loại *Chúng sanh*,
Không tướng nhân, *ngã* giới ranh,
Không tướng *thọ mạng* hợp thành hoại tan.
- Nguyên *Chúng sanh* tuệ quang nhìn rõ
Thấy **Phật tánh** như tợ *hư không*.
- Nguyên *Chúng sanh* *nhục nhĩn* thông
Mười phương thế giới đều trông thấy nhìn.
- Nguyên *Chúng sanh* *hữu tình* muôn loại
Đặng con mắt *vô ngại* quang minh,
Đều được thấy **Phật tánh** mình
Thanh tịnh không nhiễm dục tình si mê.
- Nguyên *Chúng sanh* *Bồ-đề* phát thệ

Đắc vô thượng trí huệ cao thâm

Phá tất cả sự tối tăm

Không sợ hạng *nhứt xiển đề* lung lay.

- Nguyện *Chúng sanh* mở khai ngộ tính,

Đắc vô lượng quang minh chiếu soi

Hằng sa thế giới hản hồi

Của **Chư Phật** trụ về đời lâu xa.

- Nguyện *Chúng sanh* *Ta-bà* thấp sáng

Đèn *Đại thừa* *Phương Quảng* lâu lâu,

Rời đèn *Nhị thừa* trước sau

Chẳng có phước lớn, bắt cầu độ sinh.

- Nguyện *Chúng sanh* chơn minh tỏ rạng

Trừ *vô minh* công dụng gấp nghìn

Ánh sáng mặt trời *quang minh*

Không bằng ánh sáng **Đại Kinh Niết Bàn**.

- Nguyện *Chúng sanh* thế gian vô hạn

Người người được ánh sáng *hỏa châu*

Diệt hết tăm tối từ lâu

Tam thiên thế giới mây sầu xua tan.

- Nguyện *Chúng sanh* thế gian vô hạn

Được đầy đủ *ngũ nhĩn* tinh thông,

Tổ ngộ *Pháp tướng* giai không,
 Thành *Vô Sư trí* viên đồng **Như Lai**.
 - Nguyện *Chúng sanh* muôn loài vô ngại,
 Đắc *Không kiến* với lại Không minh.
 - Nguyện các *Chúng sanh* hữu tình
 Đều gặp ánh sáng quang minh *Đại thừa*
Đại Niết Bàn vô dư tối thượng
Khai thị cho vô lượng *Chúng sanh*
Ngộ Phật tánh sớm viên thành
 Chơn thật nghĩa *đế* thực hành không sai.
 Lúc **Bồ Tát** này đây *bố thí*
 Trong tâm Từ, *nguyện* phát thiết cần.
 Thiện nam tử ! Hạng *Thanh Văn*
 Hay là *Duyên Giác*, Thánh nhân xuất phàm,
 Hoặc **Chư Phật** hay hàng **Bồ Tát**
 Không bao giờ thối thất căn lành,
 Đều do tâm Từ phát sanh
 Làm nền căn bản chứng thành quả tu.
 Thiện nam tử ! Các Chư **Bồ Tát**
 Thường tu tập nguyện phát tâm Từ
 Cho nên căn lành *vô dư*

Có những **quán hạnh** thường tu như là:

Quán bất tịnh hành qua **Sổ tức**,

Quán vô thường tận lực thấu tri,

Tứ Niệm Xứ năng thực thi,

Bảy Phương tiện nhớ khắc ghi trong lòng,

Ba Quán Xứ rõ thông thấu triệt,

Mười hai pháp hoàn diệt như duyên,

Lý vô ngã cũng tinh chuyên ...

Cùng với Pháp noãn đều siêng năng hành,

Nào Pháp đánh hiểu rành cội gốc,

Đến *Pháp nhẫn* tu học khổ công,

Pháp thế đệ nhất nắm lòng,

Kiến đạo, hành đạo, chánh căn, ngũ căn,

Hay *ngũ lực, tám phần giải thoát,*

Bảy con đường chứng đạt **Bồ-đề**,

Bát Thánh Đạo giải trừ mê,

Tứ thiên làm chỗ qui về bốn căn,

Rồi hành qua *tứ tâm vô lượng*,

Bát thắng Xứ hồi hướng **Niết Bàn**,

Mười nhứt thiết nhập mở mang,

Vô tránh tam muội độ an *Ta-bà*,

*Không, Vô tướng hay là Vô nguyên,
Tha tâm trí phát triển tột cùng,
Chứng qua các pháp thân thông,
Trí biết bốn tế như lòng bàn tay,
Trí Thanh Văn, trí đây Duyên Giác,
Trí **Bồ Tát**, trí **Phật Như Lai**.*

Này *Thiện nam tử* ! Nghe đây.
Những pháp trên đã giải bày vừa qua.
Chỗ tâm Từ gọi là căn bản
Sanh ra nhiều vô hạn pháp tu.

Do nghĩa đó, nên tâm Từ
Vốn là chơn thật chẳng *hư vọng* nào.
Có người hỏi làm sao biết được
Căn bản của tất cả Pháp lành ?

Đáp : Do tâm Từ phát sanh
Chính là căn bản cội lành Pháp tu.

Do nghĩa đó, tâm Từ chơn thật
Chẳng *hư vọng* thối thất bao giờ.

Thiện nam tử ! Như có người
Pháp lành thực hiện trọn đời phát huy,
Gọi là thiệt tư duy chơn chánh

Người như vậy đắc hạnh tâm Từ.

Tâm từ *thanh tịnh* Chơn như

Cũng đồng *Pháp giới* của Chư **Phật Đà**.

Thiện nam tử ! Tâm Từ chơn thật

Cũng gọi là liễu pháp *Đại thừa*,

Đại thừa tức là tâm Từ

Tâm Từ cũng tức *hạnh* Chư **Phật Đà**.

Thiện nam tử ! Tâm Từ rốt ráo

Cũng gọi là *chứng đạo Bồ-đề*,

Đạo Bồ-đề tức tâm Từ

Tâm Từ cũng tức *hạnh* Chư **Phật Đà**.

Thiện nam tử ! Nghe qua tường lãm.

Tâm Từ tức *Đại Phạm Chơn như*,

Đại Phạm tức là tâm Từ,

Tâm Từ cũng tức *hạnh* Chư **Phật Đà**.

Thiện nam tử ! Tâm Từ đôn hậu

Có thể làm phụ mẫu muôn loài,

Phụ mẫu tức tâm Từ đây,

Tâm Từ chính *hạnh* **Như Lai Phật Đà**.

Thiện nam tử ! Tâm Từ cứu thế

Là *cảnh giới* không thể nghĩ bàn

Của **Chư Phật** trong mười phương
Không tài suy tính đo lường được đâu.

Hằng sa Phật, từ lâu *chứng đắc*

Là tâm Từ vốn thật *Chơn như*.

Này Thiện nam tử ! Tâm Từ !

Chính là **Phật tánh** bốn loài *Chúng sanh*

Từ lâu bị *vô minh* che đậy

Nên làm cho bốn loại *Chúng sanh*

Chẳng nhìn thấy **Phật tánh** mình

Phải chịu sanh tử diệt sanh kéo dài,

Phật tánh tức tâm Từ chơn thật,

Tâm Từ tức **Chư Phật Như Lai**.

Thiện nam tử ! Ông nghe qua

Tâm Từ vô lượng tức là **Đại Không**.

Đại Không tức tâm Từ chẳng khác,

Tâm Từ tức **Chư Phật Như Lai**.

Thiện nam tử ! Lại như vậy,

Tâm Từ rộng lớn tợ rày *hư không*,

Hư không tức tâm Từ chơn thật,

Tâm Từ tức **Chư Phật Như Lai**.

Thiện nam tử ! Lại như vậy,

Tâm Từ lợi Chúng sanh đây gọi “*Thường*”
Thường là Pháp, chung đường có một,
Pháp là Tăng sau rốt đạo thành,
 Tăng tức tâm Từ cội lành,
 Tâm Từ tức **Phật** độ sanh đời đời.
 Thiện nam tử ! Đồng thời chẳng khác
 Tâm Từ tức là “*Lạc*” thật chơn,
Lạc tức là Pháp trụ thường,
 Pháp là *Tăng* chúng hoằng dương đạo mầu,
Tăng tức là tâm Từ chơn thật,
 Tâm Từ chính là **Phật Như Lai**.
 Thiện nam tử ! Lại như vậy,
 Tâm Từ trải rộng sâu dày trùm bao,
 Tức là *Đạo* tối cao *giải thoát*
 Của tất cả **Bồ Tát** thường hành,
Đạo là tâm Từ cội lành
 Tâm Từ căn bản chỗ thành **Như Lai**.
 Thiện nam tử ! Ông nay phải rõ.
 Tâm Từ tức Cam lồ *Đại thừa*,
Cam lồ tức là tâm Từ
 Tâm Từ **Phật tánh** đồng như khác gì,

Phật tánh tức *vô vi pháp Phật*,
Pháp là *Tăng* sự thật rõ ràng,
Tăng tức tâm Từ hoàn toàn
 Tâm Từ nền tảng của hàng **Như Lai**.
 Thiện nam tử ! Ông đây nên biết
 Tâm Từ vốn nghĩa thiệt khó lường,
 Là *cảnh giới Phật* mười phương
 Không tài suy tính nghĩ bàn được đâu,
Cảnh giới Phật thâm sâu vô lượng,
 Tức tâm Từ đức chưởng lâu dài,
 Nên biết tâm Từ ở đây
 Chính là cội gốc **Như Lai** đạo thành.
 Thiện nam tử ! Hiểu rành tột độ.
 - Nếu tâm Từ trụ chỗ vô thường,
Vô thường tâm Từ khuếch trương,
 Vì vậy nên biết là đường *Thanh Văn*.
 Thiện nam tử ! Mong rằng *giác ngộ*.
 - Nếu tâm Từ vì *Khổ* buộc ràng,
 Thấy *Khổ* tâm Từ bố ban,
 Tâm Từ như vậy là hàng *Thanh Văn*.
 Thiện nam tử ! Biệt phân sự thật.

- Nếu tâm Từ là bất tịnh an,
Bất tịnh tâm Từ bố ban,
 Tâm Từ như vậy thuộc hàng *Thanh Văn*.

- Nếu tâm Từ cho rằng *vô ngã*
Vô ngã đó tức là tâm Từ,
 Nên biết tâm Từ vậy ư !
 Thực chất là hạng *Tiểu thừa* Thanh Văn.

- Còn tâm Từ nếu rằng *vọng tưởng*,
Vọng tưởng sanh xu hướng tâm Từ,
 Nên biết tâm Từ vậy ư !
 Là tâm Từ của *Tiểu thừa* Thanh Văn.

- Nếu tâm Từ biệt phân giả, thật
 Chẳng phải *Đàn Ba-la-mật* đây !
 Nên biết tâm Từ như vậy
 Là tâm Từ của các ngài *Thanh Văn*,
 Nhẫn đến *Bát-Nhã Ba-la-mật*
 Nếu chẳng trọn không thật tâm Từ.

- Thiện nam tử ! Nếu tâm Từ
 Chẳng có lợi ích giúp người an vui,
 Nói chung hết muôn loài vạn vật
 Là tâm Từ của bậc *Thanh Văn*.

Này Thiện nam tử ! Hiểu chẳng.

- Tâm Từ nếu chẳng biết phân sắc hình
Sẽ vào Đạo *quang minh* nhưt tướng,
Còn như không *tâm tướng* Thanh Văn.

Thiện nam tử ! Ông hiểu rằng:
Tâm Từ chẳng rõ lý chân pháp mầu,
Phải nên biết tâm Từ như vậy
Là tâm Từ của bậc *Thanh Văn*.

- Tâm Từ nếu thấy *Pháp trần*
Chấp là có *tướng* biệt phân sang hèn,
Phải nên biết tâm Từ như vậy
Là tâm Từ của bậc *Thanh Văn*.

Thiện nam tử ! Phải hiểu rằng
Tâm Từ *hữu lậu* Thanh Văn khác gì.

- Nếu tâm Từ *hữu vi* chấp buộc
Là tâm Từ *quyển thuộc* Thanh Văn.

- Nếu tâm Từ chẳng *trụ an*
Nơi bậc *Sơ địa* là hàng Thanh Văn.

Thiện nam tử ! Ông cần *quán sát*

- Nếu tâm Từ chẳng đạt như là:

Mười trí lực của **Phật Đà**,

Bốn vô sở úy mới là thật chơn,
 Còn chẳng phải tâm Từ như vậy,
 Là tâm Từ của bậc *Thanh Văn*.
 Lại nữa tâm Từ thật chơn
 Phải đắc *bốn quả Sa-môn* vẹn toàn,
 - Nếu chẳng vậy, thuộc hàng kém đức
 Là tâm Từ của bậc *Thanh Văn*.
 Thiện nam tử ! Ông biết chẳng.
 Tâm Từ là Có, hoặc rằng là Không,
 Chẳng phải Có, chẳng Không là thật,
 Nên biết rằng dầu bậc *Thanh Văn*,
 Cho đến *Bích Chi Phật* chẳng ?
 Tâm Từ như vậy khó khăn nghĩ bàn,
 Thời *Pháp* cũng nghĩ bàn cho đặng,
Phật tánh đây cũng chẳng nghĩ bàn,
Như Lai Chư Phật mười phương
Cảnh giới siêu việt nghĩ bàn được ư !
 Thiện nam tử ! Đại **Chư Bồ Tát**
 Trụ vào nơi **Đại Bát Niết Bàn**
 Tu tâm Từ đặng hoàn toàn
 Cho dầu *luân chuyển* Sáu đàng tự nhiên.

Khi an trụ *thùy miên* cũng vậy
Chẳng hề nào *chấp* lấy *thùy miên*,
Do vì *tinh tấn* năng siêng
Ngủ, thức làm chủ, tâm thiền ngày đêm.
Trong lúc ngủ *Chư Thiên* hộ vệ
Tâm chẳng thấy sự thể mặc tình,
Vì chẳng móng vọng ác sinh,
Cũng không mộng寐 chuyện tình thế gian.
Sau khi *mạng* hoại tan lìa bỏ
Được sanh lên chỗ ở *Phạm Thiên*,
Cũng chẳng thấy mình sanh lên,
Vì được *tự tại* cõi *Thiên* ra vào.
Thiện nam tử ! Lẽ nào chẳng thật.
Tu tâm *Từ* *chứng* *đắc* vô biên
Vô lượng *công đức* phước điền
Hưởng sự *tự tại* như trên trình bày.
Thiện nam tử ! Ông đây nên hiểu
Đại Niết Bàn *vi diệu* giáo truyền,
Cũng vậy thành tựu *vô biên*
Công đức vô hạn liễu viên đó mà
Của *Chư Đức* **Phật Đà** mẫu mực

Độ *Chúng sanh* tận lực *Từ bi*.

Ca-Diếp trong lòng hoài nghi !

Bạch **Phật**: “**Bồ Tát** *tư duy* rõ ràng

Đều chánh đáng hoàn toàn chơn thật.

So với hàng *Duyên giác, Thanh văn*

Chẳng phải tư duy chánh chân

Đều là *hư vọng* **Phật** phân vừa rồi.

Sao *Chúng sanh* muôn loài vạn vật

Chẳng nương nhờ oai lực **Như Lai**,

Hay những **Bồ Tát** đức tài

Đồng thọ khoái lạc ngày ngày an vui.

Nếu *Chúng sanh* mọi loài chẳng đặng

Sự khoái lạc *thù thắng* bố ban

Do đó tâm *Từ* của hàng

Bồ Tát *tu tập* chẳng mang lợi gì”.

Phật bảo : Ông nên suy nghĩ lại.

“Thiện nam tử ! Không phải vậy nào.

Tâm *Từ* **Bồ Tát** rộng sâu

Đều làm *lợi ích* đâu đâu an lành.

Có những loài *Chúng sanh* bất ngộ

Đã quyết định thọ *Khổ* thân mang,

Hoặc có *Chúng sanh* hoàn toàn
Chẳng chịu thọ *Khổ* sáu đàng *trầm luân*.
Nếu có người lãnh phần thọ *Khổ*
Thời tâm Từ khó *độ* được nào,
Như người chẳng thọ *Khổ* sâu
Tâm Từ **Bồ Tát** đạt dào bố ban”.

Thiện nam tử ! Rõ ràng như vậy,
Người đi rừng nhìn thấy Sói lang,
Cọp, beo, sư tử, voi đàn ...
Tức nhiên sanh sợ bất an nơi lòng.
Đầu ban đêm nhìn trông cảnh vật
Thấy gốc cây bị chặt trụ tàn,
Lòng họ hồi hộp hoang mang
Đến trong giấc ngủ mơ màng không yên.
Người như vậy tự nhiên sợ sệt,
Sợ nản tai, sợ chết bất ngờ,
Khi thấy người *tu* tâm Từ
Họ được an ổn cũng như chính mình.
Do nghĩa trên phân minh sáng tỏ
Nên **Bồ Tát** này có tâm Từ,
Chánh tư duy đạt trí như

Luôn làm lợi lớn cho đời dày công.

Thiện nam tử ! Thật lòng **Ta** nói:

Tâm Từ này có *vô lượng* môn.

Chính là *đắc* những *thần thông*

Điều này khó tưởng ở trong loài người.

Thiện nam tử ! Nay thời nhắc lại.

Thuở *Điều Đạt* phá hoại *Tăng già*

Xúi *A-Xà-Thế* hại **Ta**

Dụng đủ mưu chước gian tà bất nhân.

Lúc đó ,

Như Lai cùng Chúng Tăng *khất thực*

Bỗng bất ngờ hết sức ngạc nhiên.

Có đàn voi say như điên

Gặp ai cũng quật dẫm lên thân người.

Trăm ngàn người lìa đời oan mạng,

Bọn hung thần gieo thảm trạng này.

Ngửi mùi máu, Chúng cuồng say

Chạy thẳng một mạch nhắm ngay Tăng đoàn.

Kẻ kém phước bất an sợ hãi

Bỏ chạy hết còn lại *A-Nan*.

Nhơn dân ai cũng hoang mang

Cả thành *Vương-Xá* khóc than kêu gào,
Hôm nay, Đức tối cao gặp nạn,
Đấng *Chánh giác* bỏ mạng lia đời.
Còn *Điều Đạt* lại vui cười
Vì đã thỏa mãn ý người thành công:
“Ông **Cô-Đàm** chắc không tránh khỏi
Bị voi giày rời cõi trần ai
Diệu kế của ta rất hay
Sắp được toại nguyện lòng này hoài mong”.
Thiện nam tử ! Chắc ông muốn biết.
Ta giải quyết sự việc an bày.
Vì muốn hàng phục voi say
Từ tâm tam-muội Như Lai định thần,
Xòe bàn tay chỉ rằng voi dữ,
Hiện ra năm Sư tử oai hùng.
Đàn voi nhìn thấy sợ run,
Phần tiểu tuôn chảy thật không thể lường.
Sự hung hăng bạo cường mất hết,
Đồng gieo mình quỳ dưới chân **Ta**.
Thiện nam tử ! Ông nghe qua.
Những điều tự thuật của **Ta** vừa rồi.

Do tâm Từ đời đời *tu tập*
Đức Như Lai chẳng gặp nạn tai.
Hàng phục được đàn voi say,
Không có Sư tử ở đây hiện bày.
Thiện nam tử ! **Như Lai** ứng biết
Muốn *thị tịch* nhập diệt **Niết Bàn**,
Như củi hết lửa tro tàn
Quyết định từ già thế gian *Ta-bà*.
Câu-Thi-Na thành kia vấn bước
Trên đường đi gặp được số người
Năm trăm lực sĩ hiện thời
Thi công dọn dẹp sạch nơi lộ hành,
Có hòn đá bề hoành to lớn
Trọng lượng nặng khôn tưởng dường bao,
Họ muốn khiêng bỏ đi nào
Nhưng sức không đủ làm sao di dời.
Ta xót xa, tâm Từ liền khởi
Dùng lấy ngón chân cái **Như Lai**,
Hất nhẹ hòn đá nặng này
Hứng lấy đặt để trên tay mặt mình,
Thối nát ra *ức* nghìn hạt bụi

Rồi ráp lại ngấn ngủi phút giây,
 Làm cho bọn lực sĩ này
 Bỏ lòng ngạo mạn ta đây hơn người.
Phật vì họ dùng lời an ủi,
 Giảng pháp mâu trọng yếu cao thâm
 Tất cả *giác ngộ* phát tâm
Cầu đạo vô thượng gieo mầm tương lai.
 Thiện nam tử ! Ông đây nghe rõ.
Thế Tôn thiệt chẳng có hất tung
 Hòn đá nặng lên không trung
 Cũng chẳng thổi nát, cũng không ráp liền.
 Thiện nam tử ! Ông nên thấu biết
 Chính là do sức thiện căn dày
 Bồn tâm Từ của **Như Lai**
 Làm bọn lực sĩ thấy bày việc trên.
Ta thuật lại xứ Nam *Thiên-Trúc*
 Đô thành lớn tên *Thủ-Ba-La*.
 Có *trưởng giả* úy hiệu là:
Lưu-Chí rất được trẻ già kính yêu.
 Ông này đã trồng nhiều cội phước
 Vô lượng **Phật** thưở trước lâu xa.

Nhơn dân thành *Thủ-Ba-La*

Tin theo tà đạo thật thà *ngu si*,

Phụng sự cho phái *Ni-Kiền-Tử*

Thật xót thương lê thứ dân lành.

Phật liền rời *Vương-Xá* thành

Đến *độ* trưởng giả dân sanh nơi này.

Ni-Kiền-Tử phái tà đạo đó

Nghe **Như Lai** đức *độ* siêu quần

Sắp đến *giác ngộ* hơn dân

Bọn họ sợ hãi tinh thần bất an:

“Nếu *Sa-môn Cù-Đàm* mà đến

Dân chẳng còn yêu mến chúng ta

Dần dần tất cả rời xa

Lấy ai phụng sự chắc là rã tan”.

Bọn chúng nhóm họp bàn chu đáo

Lên kế sách loan báo gần xa:

“*Sa-môn Cù-Đàm Tăng già*

Là người bất hiếu bỏ cha mẹ mình,

Lại du phương ăn xin các xứ,

Đi đến đâu dân thứ nghèo nàn,

Mất mùa đói khát cơ hàn,

Bệnh dịch chết chóc tràn lan trên đời.

Ông **Cù-Đàm** hạng người vô lại

Dắt theo lũ ăn hại ác hung

Những kẻ khốn khổ cô cùng

Theo làm môn đệ phục tùng a dua.

Giáo thuyết ông nói toàn *hư vọng*

Cốt gạc đời nuôi sống bản thân”.

Nhơn dân nghe đồn sợ rân

Trẻ già quỳ mọp dưới chân bọn tà.

Thưa : Quý Thầy chỉ qua cho biết

Nay chúng tôi phải thiết kế gì ?

Bọn *Ni-Kiền-Tử* dạy thì:

Ông **Cù-Đàm** rất thích nghi núi rừng,

Chỗ nào có suối thường dừng nghỉ

Các người nên chú ý thi hành.

Mau ra các nẻo ngoại thành

Chặt đốn tất cả cây xanh không chừa,

Đem đủ thứ phân dơ rải xuống

Ao, khe suối hoặc giếng nước xanh.

Rồi đóng chặt các cửa thành

Võ trang phòng vệ phải canh giữ chững,

Ông ấy đến nhớ đừng mở cửa
Thời các người ngày bữa bình an.
Chúng ta đây cũng sẵn sàng
Dùng hết phép thuật phá tan *Tăng già*,
Ông **Cù-Đàm** chắc là thua thiệt
Phải rút lui chẳng biết làm gì.
Nhơn dân mê muội thực thi
Đốn hết cây cối lối đi không chừa,
Các dòng nước làm như dấy đục,
Người người đồng ản núp canh phòng.
Thiện nam tử ! Ông biết không !
Lúc **Ta** đến đó nhìn trong, ngoài thành
Chẳng thấy rừng cây xanh đâu nữa,
Chỉ thấy người canh giữ bao quanh,
Phòng thủ chặt chẽ nội thành,
Ta liền thương xót khởi sanh lòng Từ :
Rừng cây mọc đều như lúc trước
Còn có phần tươi tốt thêm hơn,
Nước sông, ao, suối sạch trớn,
Đầy tràn tinh khiết tợ đường *lưu ly*,
Nhiều thứ hoa dị kỳ thơm ngát,

Mọc nở đầy khắp mặt đất này,
Vách thành biến hóa lạ thay
Lưu ly sáng tỏ trong ngoài màu xanh.
Nhơn dân ở nội thành đều thấy
Đức Như Lai hết thảy Tăng đoàn.
Cửa thành cũng tự mở toang
Không ai ngăn chặn dễ dàng vào ra.
Vũ khí biến cảnh hoa xinh đẹp,
Mọi người đứng khép nép hai hàng.
Trưởng giả **Lưu-Chí** hân hoan
Đại diện toàn thể nhơn dân trong thành
Thỉnh **Phật** *trụ* phước lành ban rải.
Ta vì họ giáo dạy *Pháp* mầu
Người người đều *phát tâm* cầu
Vô thượng **Phật đạo** cao sâu *tu hành*.
Thiện nam tử ! Nghe rành sự việc.
Lúc đó, **Ta** chẳng thiệt hóa thành
Những lùm rừng, những cây xanh,
Cũng chẳng làm nước trong lành sạch trơn,
Cũng chẳng biến thành tường tỏ sáng
Bằng *lưu ly* xanh rạng một màu,

Để nơn dân thấy **Ta** nào
Cùng là nhìn rõ biết bao *Tăng già*,
Cũng chẳng mở cửa ra thành nọ,
Biến vũ khí của họ thành hoa.
Nên biết những việc trên là
Đều do sức thiện sâu xa tâm Từ
Mà làm cho mọi người trông thấy
Bao nhiệm mầu như vậy hiện ra.
Thiện nam tử ! Hãy nghe qua,
Thành *Xá-Vệ* có nàng ***Bà-Tư-Tra***,
Thuộc dòng dõi *Bà-La-môn* vậy,
Chỉ sanh ra một trai đẹp xinh.
Một hôm bị bệnh thành linh
Đứa trẻ vong mạng gia đình khóc thương.
Nàng buồn rầu trí dưỡng xơ xác,
Tâm điên cuồng xé nát áo quần,
Chạy khắp thành ấp, thôn lân
Miệng luôn gào thét la rân vang trời.
Ôi ! Con ơi ! Sao rời bỏ mẹ !
Hiện bây giờ con ở nơi đâu ?
Nàng *Bà-Tư-Tra* từ lâu

*Cúng dường **Chư Phật** gieo sâu căn lành.*

Thiện nam tử ! Sao đành bỏ mặc

Lòng *Đại từ* của **Phật** xót xa.

Người mẹ mất con thấy **Ta**

Ngỡ con còn sống rất là mừng vui,

Ôm vào lòng khúc nôi khóc kể,

Không bao lâu tỉnh lại hoàn toàn.

Ta liền bảo Ngài **A-Nan**

Mang y phục đến cho nàng mặc thay,

Rồi **Như Lai** giảng bày *Pháp yếu*

Nghe qua nàng thấu hiểu nguyên nhân,

Bà-Tư-Tra phát thệ rằng

Bồ-đề vô thượng siêng năng *tu hành*.

Thiện nam tử ! Nghe rành câu chuyện.

Đức Như Lai *quyền* biến *độ* đời,

Do tâm Từ thương xót người

Mà có sự việc kể thời trên đây.

Ta không phải con trai bà ấy,

Bà ấy cũng chẳng phải mẹ **Ta**,

Động lòng tâm Từ hiện ra

Để giác *độ Bà-Tư-Tra* tỉnh hồi.

Thiện nam tử ! Có người con gái
Tên *Ma-Ha-Tư-Na-Đạt-Đa*
Là *cận sự nữ Phật* gia
Thành *Ba-La-Nại* rất là thiện căn.
Người này đã tu nhân tạo phước
Vô lượng **Phật** từ trước đến nay.
Vào mùa Hạ cô gái này
Xin nguyện dâng thuốc các Thầy Chư Tăng.
Trong Chúng có *Tỳ-kheo* bệnh nặng
Theo y sĩ lấy đặng thịt tươi
Nấu chung các vị thuốc thời
Mới cứu mạng sống của người bệnh đây.
Thời điểm đó nhằm ngày Quốc Pháp
Cấm *sát sanh* giết vật để ăn,
Dầu cô đem cả vàng cân
Cũng không mua được chút phần thịt tươi.
Vì muốn cứu mạng người chẳng ngại
Cô đành cam cắt lấy thịt mình
Chế nấu hết mực chân tình
Rồi đem dâng đến *Tỳ-kheo* bệnh dùng.
Tỳ-kheo đó cuối cùng lành mạnh

Thật xứng trang *đức hạnh* thanh cao.
 Không lâu sau, vết thương đau
 Cô thâm *niệm Phật* sớm mau được lành.
 Nam mô **Phật** ! Chí thành niệm lớn.
 Nam mô **Phật** ! Thường tưởng *Chúng sanh*.
Ta đương ở *Xá-Vệ thành*
 Nghe tiếng *niệm Phật* rõ rành vọng vang
 Động lòng Từ. Tâm nàng thấy **Phật**
 Mang thuốc đến bó đắp vết thương,
 Thệt lành như cũ bình thường
 Không còn đau nhức tợ dưỡng thuốc tiên.
Ta vì người giảng truyền *Pháp yếu*
 Nghe qua liền thấu hiểu giác mê.
 Tâm vui mừng phát *Bồ Đề*
Cầu đạo vô thượng *nguyện* thề sâu xa.
 Thiện nam tử ! Thật ra mọi chuyện
 Đều là do căn thiện bày ra
 Lòng Từ của **Phật** *giác tha*
 Cảm ứng khó nghĩ, bàn qua khó hòng.
 Thiện nam tử ! Như ông *Điều Đạt*
 Tham uống nhiều sữa lạc quá đà,

Đau bụng, nhức đầu rên la
 Không kham chịu nổi mới là niệm xưng:
 Nam mô **Phật** ! Bi thương sanh chúng,
 Nam mô **Phật** ! *Ứng cúng* hộ trì.
Ta đương ở *Ưu-Thiên-Ni*
 Nghe tiếng *niệm Phật* ai bi động lòng.
 Ông *Điều Đạt* liền trông thấy **Phật**
 Dem thuốc uống sự thật ngỡ ngang,
 Lấy tay xoa đầu trấn an
 Phút chốc các bệnh tiêu tan dứt trừ.
 Thiện nam tử ! Tâm Từ của **Phật**
 Thương *Chúng sanh* chơn thật một lòng.
 Nếu ai *niệm Phật* cầu mong
Phật từ bi rải phước hồng ban cho.
 Tất cả đều là do sức *nguyện*
 Và lòng Từ nên khiến tai qua.
 Thiện nam tử ! *Kiêu-Tát-La*
 Là tên của một quốc gia bấy giờ,
 Có đảng cướp nường nhờ thế lực
 Năm trăm người hết sức lộng hành
 Cướp của dân lành đã đành

Lại còn thủ ác *sát sanh* nhiều người.
Ba-Tư-Nặc vua thời hay biết
Truyền quân binh tiêu diệt sớm mau.
Nhớ bắt sống đem về trào,
Khoét mắt cả bọn đuổi vào rừng sâu.
Tuy bọn cướp gieo sâu dân chúng,
Nhưng xét ra họ cũng có *duyên*
Nhiều đời kiếp tạo *phước điền*
Cúng dường Chư Phật căn tiền sâu xa,
Khi khốn khổ rất là đau đớn
Bèn cùng nhau đồng xướng nguyện rằng:
Nam mô **Phật** ! Sớm thi ân
Chúng con biết lỗi muôn phần tội gây,
Nay trông nhờ **Như Lai** cứu hộ
Cho chúng con thoát khổ nạn này.
Lúc bấy giờ, **Đức Như Lai** !
Kỳ-Hoàn Tịnh-Xá giảng khai *Pháp* mầu,
Nghe tiếng than thảm sâu ai oán,
Động lòng Từ vô hạn chứa chan.
Bỗng đâu có ngọn gió ngàn
Thổi bao chất thuốc *Hương Sơn* tụ đầy

Vào lỗ mắt năm trăm người đố
Biến thành trông sáng tỏ như xưa.
Mở mắt ra, họ bất ngờ
Thấy **Phật** đang đứng sờ sờ hiện ra.
Đức Thế Tôn thuyết qua *pháp yếu*
Cả bọn nghe đều hiểu *căn duyên*
Liên phát *Bồ-Đề tâm* nguyên
Câu đạo vô thượng năng siêng *tu hành*.
Thiện nam tử ! Căn lành tích tụ
Đã bao đời đầy đủ sâu dày
Khiến họ thấy những việc này:
“Chữa lành đôi mắt lại khai Pháp mẫu”.
Lòng *Đại từ* cao sâu của **Phật**
Đó là chỗ nhen vật quy y.
Thiện nam tử ! Vì *ngu si*
Làm cho *Thái tử Lưu-Ly* bạo tàn
Phế vua cha ngai vàng chiếm đoạt.
Còn gây ra tội ác tày đình
Vì thù oán tâm bất minh
Hại dòng họ **Thích** điều linh khổ nản,
Ra lệnh bắt hai ngàn phụ nữ

Chặt tay chân, thẹo mũi, cắt tai
 Quăng bỏ xuống hầm tù đày
 Đói cơm khát nước đêm ngày rên than.
 Quá đau khổ đồng vang tiếng niệm:
 Nam mô **Phật** ! Bi nguyện độ sanh !
 Các con ngày nay chí thành
 Trông nhờ **Phật** cứu phước lành hộ an.
 Dòng họ **Thích** hai ngàn phụ nữ
 Đã nhiều kiếp tích trữ *phước điền*
 Trông cội lành chưởng sâu duyên
Chư Phật quá khứ *vô biên* lâu đời.

Lúc đó ,

Ta đang ở *Trúc-Lâm Tịnh-Xá*
 Nghe tiếng kêu mà dạ xót xa
 Động lòng *Đại từ Phật Đà*
 Làm cho tất cả các bà thấy **Ta**
 Đi đến thành *Ca-Tỳ-La-Vệ*
 Lấy thuốc đắp lên chỗ vết thương
 Không lâu trở lại bình thường
 Chẳng còn đau nhức gân xương gấn liền.
Ta vì họ giảng truyền *pháp yếu*

Vừa mạnh lành lại hiểu *căn duyên*,
 Các phụ nữ *phát tâm* liền
Cầu đạo vô thượng chí nguyện *giác tha*.
 Sau đó xin xuất gia *ly tục*,
 Nhờ bà **Đại Ái Đạo** chứng minh.
 Nay Thiện nam tử ! Thật tình
Như Lai chẳng có đến thành *Tỳ La*,
 Cũng không có thuốc thoa hay đắp
 Nơi vết thương các phụ nữ này.
 Phải biết căn lành tạo gây,
 Lòng Từ của **Đức Như Lai** hải hà
 Các phụ nữ thấy ra như vậy,
Đức Như Lai đến giải cứu mình.
 Cho nên gieo tạo căn lành
 Lòng Từ *tu tập* đăc thành tự nhiên,
 Hay lòng Bi vô biên khôn tưởng
 Hoặc lòng Hỷ vô lượng sâu dày.
 Thiện nam tử ! Do nghĩa này,
 Nên **Đại Bồ Tát** thường hay tu Từ
 Là chân thật chẳng *hư vọng* ảo
 Không bao giờ giả tạo dối gian.

Luận về vô lượng khó bàn
 Công hạnh **Bồ Tát** lại càng khó tri,
 Chẳng thể nào nghĩ suy biết đặng
 Công hạnh **Phật thù thắng** vô vàn,
*Kinh Đại Thừa **Đại Niết Bàn***
 Cũng là như vậy nghĩ bàn được sao ?
Đại Bồ Tát giới trau *đạo quả*
 Lòng Từ, Bi, Hỷ, Xả khó lường
 Đặng *trụ* nơi bực yêu thương
 Xem như con một hằng thường lo toan.
 Thiện nam tử ! Thế nào là bực ?
 Sao gọi là hết mực yêu thương ?
 Thế nào con một hằng thường ?
 Hết lòng độ chúng lo lường ngày đêm.
 Thiện nam tử ! Ví như cha mẹ
 Thấy con mình vui khỏe bình an
 Lòng rất vui mừng hân hoan
 Còn hơn nắm được ngọc vàng trong tay.
Đại Bồ Tát bực này cao tột
 Xem *Chúng sanh* con một của mình.
 Thấy người tu niệm hạnh lành

Tâm của **Bồ Tát** chân thành vui thay !
Vì thế nên gọi đây là bực,
Cũng nghĩa là hết mực yêu thương.
Thiện nam tử ! Đáng noi gương.
Tình cha nghĩa mẹ tợ dường biển sâu.
Thấy con đau dạ nào vui đặng
Thường chăm sóc lo lắng đêm ngày.
Đại Bồ Tát *trụ* bực này
Thấy các sanh Chúng mọi loài khổ than.
Bệnh *phiền não* buộc ràng *nghiệp chướng*,
Trong lòng lo thường *tưởng* như con,
Khi nào nguyện thiết chưa tròn
Tâm trí **Bồ Tát** vẫn còn xót xa.
Vì thế nên gọi là cùng tột
Bực này là con một chẳng hai.
Thiện nam tử ! Ông nghe đây !
Như lúc còn bé thơ ngây dại khờ
Lượm đất cục, xương dờ dính bản ...
Đút vào miệng mà chẳng biết gì.
Cha mẹ nhìn thấy kinh nguy
Sợ con bị hại tức thì hét la

Rồi dùng tay móc ra đồ vật
 Nếu nuốt vào sự thật khó khăn.
 Cũng vậy, **Bồ Tát** tu nhân
 Lòng Từ thương xót chúng dân *Ta-bà*.
 Thấy mọi người trẻ già, nam nữ
Pháp thân chưa thật sự trưởng tăng,
 Hoặc là tạo *ngiệp* bất nhân
 Từ nơi miệng lưỡi, ý, thân thô bầy.
Bồ Tát bèn dùng tay *trí huệ*
 Cứu vớt họ khỏi bể sông sâu
 Không muốn Chúng sanh *trần lao*
Lưu chuyển sanh tử khổ đau kéo dài.
 Vì thế nên bực này cùng tột
 Được gọi là con một chẳng hai.
 Thiện nam tử ! Lại như vậy,
 Có người mất đứa con trai một này
 Bao hy vọng từ đây chấm hết
 Cha mẹ buồn da diết khó phai.
 Cũng vậy, **Bồ Tát** bực này
 Thấy hạng *nhứt xiển đề* đây đọa đày
 Nơi *địa ngục* không ngày ra khỏi

Nguyện cùng họ sanh cõi đồ lao.
Mong họ thức tỉnh sớm mau
Ăn năn hối cải giác trau niệm lành,
Bồ Tát sẽ chân thành *thuyết pháp*
Nguyên cứu độ *giải thoát* trần ai.
Vì thế nên hạng bực này
Gọi là con một chẳng sai bao giờ.
Thiện nam tử ! Lòng Từ cha mẹ
Luôn thương con chia sẻ ngọt bùi.
Lúc đi, đứng hay nằm, ngồi
Trong lòng nhớ tưởng chẳng đời nào phai.
Thấy con lỗi giải bày chỉ dạy,
Không đánh đập làm hại con mình.
Cũng vậy, **Bồ Tát** *quang minh*
Lòng Từ thường thấy *Chúng sanh* khổ hành
Đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ,
Hay loài người, phẩm vị cõi Thiên,
Gây ra dữ, lành, ác, hiền
Bồ Tát lo lắng thường xuyên không rời.
Nếu như có gặp người tạo ác
Lòng Từ của **Bồ Tát** này đây

Trợn chẳng giận hờn một ai,
Cũng không bỏ mặc nài tai đoái hoài.

Vì thế nên bực này cao tột
Cũng gọi là con một chẳng hai.

Ca-Diếp Bồ Tát chấp tay

Lễ **Phật** thưa hỏi **Như Lai** nghĩa này:

“Như lời **Phật** giảng bày chơn lý
Pháp diệu mầu thâm thúy sâu xa

Trí tôi cạn cợt nghe qua

Làm sao thấu hiểu **Phật Đà** thứ tha”.

Nếu các vị đều là **Bồ Tát**

Trụ con một sự thật không hai

Có thể làm đặng việc này

Lợi lớn cho Chúng nhen loài lành thay !

Tại sao **Đức Như Lai** thở trước

Làm vị vua tạo phước quốc gia,

Hành đạo **Bồ tát** *giác tha*

Mà lại giết hại dòng *Bà-La-môn*.

Nếu đặng bực thượng tôn như vậy

Thời lẽ ra thương lấy muôn loài,

Còn nếu không đặng bực này

Nhơn duyên gì chẳng đọa đày ngục gông.

Nếu bình đẳng xem trong tất cả

Là con **Phật** như *La-Hầu-La*,

Cớ sao có lúc **Phật Đà**

Lại quở trách mắng *Đề-Bà-Đạt-Đa*:

“*Đồ ngu si đáng là hổ thẹn*

Ăn nước miếng, nước mũi người ta.

Làm cho Đề-Bà-Đạt-Đa

Sanh lòng hờn giận hại mà **Phật** thân

Lăn đá đè trúng chân chảy máu.

Ông *Điều Đạt* đã tạo *ngiệp* này

Không biết vì sao **Như Lai**

Huyền ký ông ấy sau đày ngục môn

Chịu một kiếp trả xong tội ác

Thời mới đặng *giải thoát* ra ngoài”

Thế Tôn ! Những lời trên đây

Phật dạy trái nghịch chẳng hay thế nào ?

Như Ông *Tu-Bồ-Đề* chơn thật

Kham *tu hành* trụ bậc *giải không*,

Lúc đi *khất thực* tâm ông

Luôn luôn quán sát đục trong dò tầm,

Nếu có người sanh tâm đố kỵ
Thời ông đây dừng nghĩ không đi,
Dẫu cho quá đói kiên trì,
Vì sợ gây tạo *sân si* cho người.
Ông tự nhớ thưở đời quá khứ
Đối *phước điền* niệm dữ ác sanh,
Do đó tội ấy kết thành
Đọa vào *địa ngục* khổ hành kiếp tai.
Nay tôi thà trọn ngày tuyệt thực
Không để người day dứt ghét tôi
Phải chịu đầy *đọa* kiếp đời
Luân hồi *địa ngục* ôi thôi nhọc nhằn.
Rồi ông lại nghĩ rằng nếu có
Chúng sanh nào ghét bỏ đến tôi.
Không bằng lòng cho tôi ngồi,
Tôi sẽ đứng chịu chẳng dời đi đâu.
Nếu có *Chúng sanh* nào chẳng thuận
Không bằng lòng cho đứng ở đây,
Tôi sẽ ngồi suốt trọn ngày
Chẳng hề đứng dậy, hoặc hay đi, nằm.
Ông *tu hành* có tâm như vậy,

Hà huống là **Bồ Tát** này đây
 Đặng bực con một không hai,
 Duyên cố gì lại **Như Lai** bấy chừ.
 Nói ra lời thô sơ thất lạc
 Làm cho ông *Điều Đạt* tâm đây
 Sanh lòng giận hờn **Như Lai**
 Đến nỗi tạo ác chẳng ngày nào yên ?.
 Thiệt nam tử ! Không nên vấn nạn
 Rằng **Như Lai** nhiều loạn hơn loài.
 Giả sử vôi con muỗi này
 Hút hết nước biển, **Như Lai** chưa từng
 Trợn chẳng có làm như *phiên nã*
 Cho *Chúng sanh lục đạo* khổ sâu.
 Giả sử mặt đất không màu,
 Nước biển khô cạn, trăng sao không còn,
 Lửa thành lạnh, gió ngừng chẳng thổi,
 Hoặc *Tam bảo*, **Phật tánh**, *Hư không*
 Thành tướng *vô thường* quân đồng,
Như Lai kiếp kiếp cũng không đổi dời
 Trợn chẳng làm cho người *phiên nã*
 Hoặc *Chúng sanh* nào tạo ác thời.

Lại giả sử như có người
 Phạm *bốn tội nặng* trong đời tạo gây,
Nhứt xiển đề hạng này có đặng
Mười trí lực, bốn vô úy đây,
Ba mươi hai tướng đủ đầy,
Tám mươi vẻ đẹp hiện bày trang nghiêm,
Phật trọn chẳng làm *duyên* phiền não
 Cho *Chúng sanh* gây tạo hận sân.
 Giả sử như hàng *Thanh Văn*
 Hay bực *Duyên Giác* đắc tâm *Bồ-Đề*
 Là *thường trụ* chẳng hề biến đổi
Phật trọn chẳng làm lỗi một ai.
 Giả sử như **Bồ Tát** này
 Chứng bực *thập trụ* đức dày sâu *duyên*
 Mà tâm thể đảo điên *hư vọng*
 Phạm vào *bốn tội trọng* nặng nề
 Sau làm hạng *nhứt xiển đề*
 Hủy báng *Chánh pháp* chưa hề nghe qua,
Đức Thế Tôn cũng là như vậy
 Trọn chẳng làm lỗi quấy bất lành.
 Giả sử vô lượng *Chúng sanh*

Đoạn diệt **Phật tánh** của mình lâu nay,
Chư Phật cùng **Như Lai** rớt ráo
 Nhập *Niết Bàn* cách đạo xa đời,
Đức Thế Tôn chẳng đổi đời
 Làm duyên *phiền não* cho người lỗi gây.
 Giả sử như vãi chài lưới nọ
 Mà cột trói ngọn gió được chằng ?
 Hoặc nhai nát sắt bằng răng,
 Móng tay cào đổ san bằng *Tu-Di*,
Đức Như Lai chẳng thì gây tạo
 Làm *Chúng sanh* *phiền não* ác hung.
 Giả sử như thà ở chung
 Với loài rắn độc cũng không sợ nào,
 Đút hai tay đưa vào miệng Sói,
 Hoặc Sư tử đang đói mồi săn,
 Lấy than hồng tắm rửa thân
 Trợn chẳng nên nói cho rằng **Như Lai**
 Làm *nhơn duyên* tạo gây *phiền não*
 Nên *Chúng sanh* hung bạo tánh bày.
 Thiện nam tử ! **Đức Như Lai**
 Thật hành *lợi ích* muôn loài thế gian,

Dùng *trí huệ* phá tan *phiền não*
Giác Chúng sanh hiểu đạo *tu hành*.
 Chẳng khởi *vọng niệm* ác sanh
 Huống làm *phiền não* bất lành một ai.
 Thiện nam tử ! Ông nay vừa nghĩ
 Kiếp trước **Ta** ban chỉ giết người
 Giòng *Bà-la-môn* đó thời
Nhơn duyên gì chẳng *đọa* nơi *A-tỳ*.
 Ông nên biết các vị **Bồ Tát**
 Còn không có cố sát côn trùng
 Huống lại giết *Bà-la-môn*
 Mạng người quan trọng thật không thể lường.
 Bực **Bồ Tát** này thường suy nghĩ
 Dùng mọi cách *bố thí* ban vui
 Vô lượng *thọ mạng* cho đời
 Nói chung tất cả trời, người, *Chúng sanh*.
 Luận về chỗ lợi hành *bố thí*:
 Như mạng sống, vật thực .v.v...
Đại Bồ Tát lúc thật hành
Đàn Ba-la-mật độ sanh trọn nguyên.
 Thường ban bố *vô biên* khôn tưởng

Thọ mạng cho vô lượng các loài.

Người giữ giới bất sát này

Đặng hưởng *phước báu* sống dai thọ trường.

Đại Bồ Tát thường thường *trì giới*

Gọi là *Thi Ba-la-mật* đây

Luôn luôn ban bố *phước* dày

Vô lượng *thọ mạng* các loài *Chúng sanh*.

Thiện nam tử ! Giữ gìn miệng lưỡi

Không lỗi thì sẽ được sống lâu.

Đại Bồ Tát đức cao sâu

Thật hành *nhẫn nhục Ba-la-mật* này.

Thường nhủ khuyên nhơn loài thứ hạng

Chớ ôm lòng thù oán với ai,

Những việc do người lỗi gây

Cố tình đổ tội quấy đây về mình,

Không cãi cự, đấu tranh, kiện cáo,

Dứt hận sân, hợp đạo thọ trường.

Vì thế nên **Bồ Tát** thường

Thật hành *nhẫn nhục* lợi dưỡng xiết chi.

Đã ban bố thực thi *thọ mạng*

Cho *Chúng sinh* vô lượng vô biên.

Thiện nam tử ! Phải cần chuyên
Hạnh lành *tu tập* năng siêng miệt mài.
Bồ Tát lúc thường hay *tâm nhiếp*
 Hành *Tinh tấn Ba-la-mật* này
 Hằng khuyên *Chúng sanh* các loài
 Gắng công tôi luyện đúng ngay pháp lành
 Nếu những ai thật hành như vậy,
 Đặng *phước điền* sống mãi lâu dài.
 Vì thế nên **Bồ Tát** này
Tinh tấn dững mãnh không thay đổi lòng
 Đã ban bố cho trong muôn loại
 Sự *thọ mạng* tồn tại vĩnh hằng.
 Thiện nam tử ! Nên biết rằng:
 Những người *ngộ đạo, nhiếp tâm* tu thiền
 Thời đặng sống niên niên tuổi thọ
 Lời **Như Lai** chẳng có nói sai.
Đại Bồ Tát chứng bực này
 Hành *Thiền* bất động *Ba-la-mật* thành,
 Thường khuyên các *Chúng sanh* kiên nhẫn
 Gắng tu tâm *bình đẳng* pháp lành
 Những ai đó nếu thật hành

Đúng như *Chánh pháp* đạt thành sống lâu.

Vì thế nên biết bao **Bồ Tát**

Dụng *Thiền định Ba-la-mật đa*

Đã ban bố *phước* sâu xa

Vô lượng *thọ mạng* Hằng hà *Chúng sanh*.

Thiện nam tử ! Pháp lành *tu tập*

Không *phóng dật* thời đặng sống lâu.

Đại Bồ Tát bậc đức cao

Thật hành *Bát Nhã Ba-la-mật* thành

Thường khuyên các *Chúng sanh* muôn loại

Những Pháp lành *thọ* lấy hành y

Chẳng *phóng dật*, chẳng hoài nghi

Trọn vẹn như vậy sẽ thì sống lâu.

Vì thế nên biết bao **Bồ Tát**

Hành *Bát Nhã Ba-la-mật đa*

Đã ban bố *phước* sâu xa

Vô lượng *thọ mạng* Hằng hà *Chúng sanh*.

Thiện nam tử ! Thật hành đạo đạt.

Do nghĩa này **Bồ Tát** tâm đây

Trọn không sanh ác niệm này

Giết hại mạng sống muôn loài an vui.

Thiện nam tử ! Vừa rồi Ông hỏi,
Lúc giết hại dòng *Bà-la-môn*

Tiền thân của **Đức Thế Tôn**

Đặng bực con một phải không hay là ...?

Thiện nam tử ! Thật ra kiếp đó

Ta đã đặng trụ bực ấy rồi.

Vì lòng thương xót cho người

Đành cam giết họ chẳng thời ác tâm.

Thiện nam tử ! Ví như nhà nọ

Vợ chồng sanh chỉ có một trai

Cứng yêu, chịu chuộng, nương tay,

Đứa con ỷ lại phạm sai luật hình

Theo quân pháp triều đình truy bắt

Vì quá sợ, cha mẹ đuổi đi,

Hay là giết chết nó thì

Để không mang tội tru di ba đời.

Dẫu có đuổi hay thời giết thác

Cha mẹ nào xử ác con mình.

Cũng vậy, **Bồ Tát** *quang minh*

Hộ trì *Chánh pháp* đức tin vẹn gìn

Nếu như có *Chúng sanh* tâm ác

Muốn đoạn diệt kinh pháp *Đại Thừa*

Bồ Tát thấy biết ngăn ngừa

Lấy roi trị chúng bỏ chừa tật hư,

Hoặc giết chết nếu người ngoan cố

Chẳng thể nào *giác ngộ* ăn năn,

Diệt tắt ngọn đuốc lý chân

Làm cho sanh Chúng tối tăm mù lòa.

Bồ Tát thường xét qua cặn kẽ

Dùng *nhơn duyên* nào để *độ* sanh

Phát khởi lòng tin chân thành

Tùy theo *phương tiện* thật hành chẳng sai.

Những người *Bà-la-môn* khi chết

Đọa *A-tỳ* rên xiết đêm ngày

Suy nghĩ ba điều như vậy:

Một là tự nghĩ trước đây thế nào ?

Ta từ đâu lạc vào cõi lạ

Sao người bị hành hạ quá đông.

Lúc đó hoàn hồn tỉnh lòng

Thì ra ngày trước sanh trong loài người.

Hai, lại hỏi rằng nơi nào vậy ?

Cảnh tối tăm đầy dẫy Quỷ vương,

Liên biết là chốn ngục đường
 Giam nốt tất cả tội nhờn dương trần.
Ba, lại tự nghĩ rằng thiếu phúc
 Do *ác duyên* tạo lúc sanh tiền
 Hủy báng *kinh điển Thánh hiền*
Đại Thừa Phương Đẳng phổ truyền chệ bay,
 Phạm luật vua mạng này kết thúc
 Mới sanh vào *địa ngục A-tỳ*.
 Họ tự suy nghĩ rồi thì
 Sanh lòng hối hận *Quy y Phật* từ,
Nguyện kính tin *Đại thừa* tu học.
 Khi bỏ thân *địa ngục* đọa đày
 Họ *vãng sanh* thế giới này
 Nước ***Cam Lô Cổ Như Lai Phật Đà***,
 Sống đủ trọn trải qua mười kiếp
 Tâm thuần thực thâu nhiếp trí thiền.
 Thiện nam tử ! Do nghĩa trên.
 Thuở xưa **Ta** đã ban truyền đời sau:
 Những người ấy sống lâu mười kiếp
 Sao nữ đành lại giết họ đây.
 Thiện nam tử ! Ví dụ này.

Có người đào đất, đốn cây, quật mồ,
Chặt tử thi hồ đồ mắng chửi
Tạo *ngiệp* này do bởi hận sân
Sau khi lìa bỏ mạng thân
Có đọa *địa ngục* lãnh phần tội chẳng ?
Ngài **Ca-Diếp** bạch rằng chân thật
“Theo tôi hiểu ý **Phật** nói ra
Kẻ đó phải chịu *đọa sa*
Vào chốn *địa ngục* chắc là không sai”.
Vì cớ sao ? Tôi đây nhắc lại
Như ngày trước **Phật** dạy *Chư Tăng*,
Thuyết pháp cho hàng *Thanh văn*,
Hay bậc *Duyên giác* khuyên rằng như sau:
Này hỡi các *Tỳ kheo* *Chư Chúng* !
Thấy rừng cây cháy rụi hoang tàn
Chớ sanh lòng ác thọ mang
Biết bao sinh vật chết oan nạn nầy.
Ngiệp Chúng sanh muôn loài chịu họa
Do lòng ác phải *đọa* *ngục* đầy.
Phật khen **Ca-Diếp** lành thay !
Lành thay ! Lời của ông đây trình bày.

Phải hết sức từ nay cố gắng

Nhớ *thọ trì* sẽ đặng lạc an.

Này Thiện nam tử ! Rõ ràng

Nếu như tâm ác khổ nần ách mang.

Đại Bồ Tát đức ban muôn loại

Không hề nào sát hại một ai

Nhẫn đến kiến, trùng các loài

Nhỏ nhất chẳng nở ra tay diệt trừ.

Lòng thương Chúng cũng như mình vậy,

Muốn làm lợi hết thảy *Chúng sanh*.

Vì **Bồ Tát** có tâm lành

Khéo biết *phương tiện* thật hành tùy *duyên*.

Do nghĩa đó, như trên vừa giải,

Dầu cho có giết hại họ đây

Chẳng phải là tâm ác bày

Vì họ *Chánh pháp* hoằng khai *giác* đời.

Thiện nam tử ! Theo nơi *giáo pháp*

Bà-la-môn phù hạp bấy giờ,

Cho rằng nếu giết kiến, ruồi,

Rận, rệp, sâu bọ phá nơi ruộng vườn,

Hay rắn độc, cạp, beo, gấu, sói ...

Những ác thú làm hại bá gia.
 Quỷ thần, La-sát, **Bàn trà**,
Ca-Tra cùng **Phú-Đon-Na** điên cuồng ...
 Có ai giết ngàn muôn mạng họ
 Đầy mười xe chẳng có tội gì.
 Nếu giết một người lành thì
Sẽ mắc *quả báo* cấp kỳ trả vay.
 Như có thể ba ngày tuyệt thực
 Và *sám hối* hết mực ăn năn,
 Thời tội đó sẽ giảm dần
Không còn thừa sót dứt phần tội gây.
 Nếu giết hại các Thầy *Hòa Thượng*,
 Giết cha mẹ tội chướng trọng sâu,
 Giết phụ nữ, giết bò, trâu ...
Phải *đọa địa ngục* dường bao khổ sầu.
 Thiện nam tử ! Ngỏ hầu quán sát.
Chư Phật và **Bồ Tát** *Hằng sa*
 Biết sự giết, chia có ba :
Hạ, trung hay thượng phân ra rõ ràng.
 Hạng loại hạ *súc sanh* trùn kiến ...
 Trừ **Bồ Tát** *thị hiện* thọ sanh.

Nếu giết hại tội cấu thành
Đọa làm ngạ quỷ, súc sanh, ngục hình,
Chịu nhận sự *quả* dành hạng hạ,
Vì hạng này trước đã kém *tu,*
Sát hại hạng trung là người
Cho đến vị chứng quả *A-Na-Hàm,*
Giết hạng này ác tâm phải bị
Đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
Thọ chịu khổ não hoành hành
Muôn đời nhận quả bất lành gây ra.
Giết hạng thượng như là cha mẹ,
A-La-Hán hay bực *Bích-Chi,*
Hoặc là vị **Bồ Tát** thì
Nhận quả *vô gián* A-tỳ khó ra.
Chịu lấy sự như là hạng thượng
Khổ nổi dài *vô lượng* kiếp đời.
Thiện nam tử ! Nếu có người
Giết kẻ là *nhứt xiển đề* hoại hư
Thời chẳng *đọa* vào trong ba hạng
Sự sát hại vừa giảng giải xong.
Những người giòng *Bà-la-môn*

Bị nhà vua giết ác lòng gớm ghê
Là hạng *nhứt xiển đề* đó vậy,
Phá *Chánh pháp* hủy hoại tương lai.
Cũng như đào đất, đốn cây,
Thậm chí đánh đập, chặt thân chết rồi,
Đều không có mắc thời *quả báo*.
Nhứt xiển đề vô đạo vô tri
Chẳng biết ăn năn chút gì,
Đoạn năm pháp tính mất đi căn lành ...
Dầu giết họ chẳng sanh *địa ngục*
Trái lại còn tạo phúc Quốc gia.
Thiện nam tử ! Ông hỏi là
Cớ chi **Phật** mắng *Đê-Bà-Đạt-Đa*.
“*Đồ ngu si* ăn mà nước miếng
Sao chẳng thấy hổ thẹn sửa sai.”
Ông không nên hỏi **Như Lai**
Những chuyện như vậy, vượt ngoài Pháp chơn.
Vì **Chư Phật** hay thường dạy thế
Phàm nói ra lời lẽ cao sâu
Chẳng thể nghĩ bàn được đâu
Đều làm *lợi ích* không nào hại ai.

Thiện nam tử ! Ông đây xét lại.
Có lời nói êm ái dịu dàng,
Nhưng phi pháp, phi thời gian
Không làm *lợi ích* cho hàng chơn tu
Lời như vậy, **Phật** từ chẳng nói.
Hay lời nói hư dối vụng về,
Làm cho bực trí khinh chê,
Phi thời, phi pháp để mê hoặc người,
Đức Như Lai trọn đời không nói
Lời dua mị chẳng lợi cho ai.
Thiện nam tử ! Lại như vậy,
Có những lời nói trái tai nghịch lòng,
Tuy cứng rắn nhưng không *hư vọng*
Nói phải thời đúng Pháp thật chân
Có thể *giác ngộ* Chúng nhân,
Đối với kẻ đại nổi sân giận hờn
Biết là vậy ta cần phải nói
Lời *Chánh ngữ* ích lợi muôn loài.
Vì **Chư Phật** và **Như Lai**
Khéo biết *phương tiện* chỉ sai cho đời.
Thiện nam tử ! **Ta** thời tự thuật.

Có một hôm **Đức Phật** đi qua
Thôn Khoáng-Dã tại rừng già
Nổi trận gió lớn hiện ra quỷ thần.
Quỷ này thường thích ăn máu thịt
Giết hại nhiều con nít trẻ già.
Cứ thế ngày tháng trôi qua
Trong *thôn Khoáng-Dã* gần xa kinh hoàng.
Lúc đó, **Ta** muốn hàng phục nó
Nói *Pháp yếu* chỉ rõ tận tường
Nhưng quỷ nọ lại xem thường
Giở thói hung bạo cản đường **Ta** qua.
Phật *quyền* biến hóa ra Đại quỷ
Đủ sức mạnh để trị quỷ này
Làm cho hang động lung lay
Bộ hạ chúng hợp ra oai đối đầu
Khi thấy **Ta** cùng nhau ngắt xủ
Như người chết chẳng hiểu chuyện gì.
Thế Tôn mở lòng *từ bi*
Xoa đầu lũ quỷ đến khi tỉnh hồi.
Tất cả đều van lời tha thiết.
“Xin Đại Vương đừng giết chúng tôi

Nguyện từ nay suốt kiếp đời
Không còn ăn thịt hại người chết oan”.

Quỷ Khoáng-Dã lại càng cầu thỉnh
Sanh tâm lành kính tin nơi **Ta**.

Như Lai vì họ thuyết ra
Các pháp *nhân quả* thật là trọng sâu
Chúng nghe rồi qui đầu bỏ ác
Đồng *thọ giới* bất sát hoàn toàn.

Chính ngày đó trong thôn làng
Đến phiên *Trưởng giả* giàu sang nộp mình
Cho lũ quỷ mặc tình xơi tái,
Quỷ Khoáng-Dã hiển lại **Như Lai**.

Ta liền *hoan hỷ* nhận ngay
Cứu ông *Trưởng giả* thoát tai kiếp này,
Và sau đó an bày danh hiệu
“Thủ Trưởng Giả” lãnh chịu tu nhân.

Quỷ Khoáng-Dã bạch **Ta** rằng :
“**Thế Tôn** ! thường bữa con ăn thịt người.
Nhờ như vậy tuổi đời trường thọ,
Nay **Phật** khuyên con bỏ chuyện này,
Lại giữ *giới* bất sát đây

Biết lấy gì sống. **Như Lai** chỉ đường ?”

Ta nghe nói đáng thương lũ quý

Mới bảo rằng chớ nghĩ lo xa:

“Từ nay trở đi **Phật Đà**

Truyền dạy *đệ tử* của **Ta** y lời.

Tùy chỗ nào có người hướng thiện,

Hoặc ở đâu tạo dựng *thiên đường*

Sẽ dâng thực phẩm thập phương

Cho các người đặng thường thường đủ ăn”.

Thiện nam tử ! Do *nhân duyên* đó,

Ta chế điều giới nhỏ sau đây:

“Các *Tỳ kheo* kể từ nay

Hằng ngày thường phải thí trai thực phần

Cho lũ quý uống ăn đầy đủ

Đừng để chúng đói khát kêu la.

Nếu thật là người *xuất gia*

Phải nên y *chỉ* của **Ta** ban hành,

Cơm *thập phương* chia dành chúng quý

Như vậy, xứng *đệ tử* **Như Lai**.

Bằng ai làm trái ý này

Chính là đồ đảng của loài *Thiên ma*”.

Thiện nam tử ! Thật ra **Đức Phật**
Cũng vì muốn *điều phục* Chúng sanh
Nên *thị hiện* những pháp hành
Giúp họ cải thiện lòng lành tu nhân.
Chẳng có ý làm dân chúng sợ
Rồi sinh lòng nường đỡ **Như Lai**.
Không lâu *tâm tánh* lạt phai
Khi xa vắng **Phật** đoái hoài sửa sai.
Cũng có lúc **Ta** đây trừng phạt
Đánh đuổi quý **Hộ Pháp** ngu si.
Cũng có lúc **Ta** đang đi
Trên một ngọn núi cực kỳ rất cao,
Xô đẩy quý **Dương Đầu** hung tợn
Làm cho nó té xuống núi này.
Lại một hôm từ ngọn cây
Ta xô quý **Hộ Di Hâu** ngã lăn.
Một ngày nọ oai thần của **Phật**
Làm đàn Voi là bậc **Hộ Tài**
Thấy năm Sư tử khiếp oai
Xuất hiện từ chỗ bàn tay **Phật** xè.
Cũng có lúc **Ta** sai *Hộ Pháp*

Thân Kim Cang trừng phạt kẻ tà,
Đánh đổ *ngoại đạo* gần xa
Phái *Ni-Kiên-Tử* rất là *vô tâm*.
Ngày kia **Ta** lấy kim rất bén
Đâm vào thân của quý **Tiền Mao**.
Những việc **Ta** làm trước sau
Chẳng có ý niệm thấp cao tranh giành,
Chỉ vì muốn Chúng sanh *giác ngộ*,
Khiến họ vào *pháp độ* **Như Lai**.
Nên *thị hiện* phương tiện bày
Cốt mong thức tỉnh những loài yêu ma.
Thiện nam tử ! Trước kia **Đức Phật**
Chẳng mắng nhiếc *Đề Bà Đạt Đa*.
Còn ông *Điều Đạt* đó là
Chẳng ăn nước miếng người ta ngu lỳ,
Cũng chẳng đọa *A tỳ* vào đó,
Tội một kiếp lãnh thọ *quả* phần,
Cũng chẳng phá hoại chúng *Tăng*,
Hay làm chảy máu đau chân **Phật Đà**,
Ông *Đề Bà Đạt Đa* cũng chẳng
Trái phạm bốn tội nặng trọng sâu,

Chẳng hủy báng Pháp nhiệm mầu
 Đại Thừa kinh điển tối cao diệu huyền,
 Cũng chẳng đoạn *nhơn duyên Phật Pháp*,
 Nhứt xiển đề làm hạng hoại hư,
 Chẳng phải Thanh văn bậy chừ,
 Hay hàng *Duyên giác*, *Bích Chi* quả này.
 Thiện nam tử ! Ông đây nên biết.
 Nếu nói về *Đề Bà Đạt Đa*
Nhơn duyên với **Phật** sâu xa,
 Nhị thừa *quả vị* khó mà tri ra,
 Chỉ **Chư Đức Phật Đà** duy nhất
 Thấy biết được sự thật căn tiền.
 Thiện nam tử ! Vì thế nên
 Ông chớ gạn hỏi rằng nguyên nhân gì ?
 “**Đức Như Lai** *Từ, Bi, Hỷ, Xả*
 Sao trách mắng *Đề Bà Đạt Đa*.
Cảnh giới của **Chư Phật Đà**
 Nhiệm mầu *vi diệu* thật ra khó bàn,
 Ông chẳng nên nghi nan như vậy,
 Sợ đời sau lỗi quấy bày ra”.
Ca Diếp Bồ Tát nghe qua

Cúi đầu *đảnh lễ* **Phật Đà** : Thừa vâng !
 Như mía nấu nhiều lần thật kỹ
 Thời đặng nhiều thứ vị ngọt ngào.
 Tôi đây cũng vậy khác nào
 Nghe **Phật** nói *Pháp* càng lâu thấm dần
 Đặng *ngộ* nhiều *Pháp* chân vị nhất:
 Như *xuất gia* vị bậc *cao Tăng*,
Ly dục vị, thoát phàm trần,
 Tịch diệt *đạo* vị, **Niết Bàn** viên thông.
Thế Tôn ! Như vàng ròng hết khoáng
 Đốt nhiều lần càng sáng giá cao,
 Được mọi người quý trọng bao
Như Lai cũng vậy, khác nào vàng nguyên,
 Trân trọng thưa hỏi liền được hiểu,
 Nghe thấu nghĩa thâm diệu *vô vi*,
 Khiến người tu hành *thọ trì*,
Vô lượng sanh chúng phát huy *Bồ Đề*.
 Nên Trời người theo về đông chật
 Hằng tôn kính **Đức Phật** *cúng dường*.
 Bấy giờ, **Như Lai** tán dương
Ca Diếp Bồ Tát rộng đường độ sanh.

Vì *lợi ích* pháp lành cao cả
Giác muôn loài hưởng *quả* sau này.
 Nên thưa hỏi **Đức Như Lai**
 Những nghĩa sâu kín lâu nay hàm tàng.
Tùy thuận theo thế gian **Ta** giảng
Kinh Đại Thừa Phương Đẳng cao sâu,
 Phơi bày bí mật nhiệm mầu
 Đặng bực con một không nào biệt phân.
 Ngài **Ca Diếp** bạch rằng: “**Đức Phật** !
 Nếu **Bồ Tát** tu thật tâm Từ,
 Tâm Bi, tâm Hỷ giống như
 Đặng bực con một bấy giờ thành công,
 Nếu lúc tu trọn lòng tâm Xả
 Đặng bực gì *chứng quả* tương lai ?”.

Phật khen: “Lành thay ! Lành thay !
 Ông khéo biết ý **Như Lai** nói gì.
 Thiện nam tử ! Sau khi **Bồ Tát**
 Tu tâm Xả chứng đạt *viên thông*
 Đặng bực *bình đẳng* pháp *Không*
 Chẳng giống như hạnh của ông **Bồ Đề**.
Đại Bồ Tát nguyên thể *kham nhẫn*

Trụ nơi bậc bình đẳng Không này,
 Chẳng thấy cha mẹ mình đây,
 Anh, chị, em ruột hay rày quyến thân,
 Hoặc chẳng thấy kẻ ân, người oán,
 Cũng chẳng thấy : Ấm, giới, nhập bầy,
 Chúng sanh thọ mạng ngắn dài
 Đều là bình đẳng mọi loài như nhau.
 Tợ hư không trùm bao rộng lớn,
 Không cha mẹ sanh trưởng đệ huynh,
 Vợ con gia quyến của mình,
 Nhãn đến không có Chúng sinh bốn loài,
 Sự thọ mạng ngắn dài không có,
 Tất cả Pháp do đó cũng không,
 Cha mẹ, anh em, giống dòng
 Nhãn đến thọ mạng cũng không có mà.
Đại Bồ Tát thấy qua các Pháp
 Cũng như vậy, quán sát nơi lòng
 Tâm bình đẳng như hư không
 Khéo biết tu tập lão thông Pháp này.
 Ngài **Ca Diếp** ông đây lại hỏi:
 “**Bạch Thế Tôn** ! Sao gọi là *Không* ?”.

Như Lai giải đáp lời ông !
 Khuyên Chúng nghe lấy chớ hòng bỏ qua.
 Nói là *Không* luận ra nhiều loại :
 Đầu tiên **Ta** giảng giải *Nội Không*.
 Đại **Bồ Tát** *trí huệ* thông
 Thường hay quán chiếu *Nội Không* thế nào ?
 Là **Bồ Tát** quán vào *Nội Pháp*
 Thấy rỗng không, không có mẹ cha,
 Anh em, họ hàng của ta,
 Người thân, kẻ oán, ruột rà, lạ xa,
 Cũng không thân, cũng là không oán,
 Không *Chúng sanh*, *thọ mạng* cũng không,
Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Pháp Không,
Như Lai cũng vậy, *Pháp, Tăng*, vật trần.
 Trong *Nội Pháp* có chân **Phật tánh**
 Thường ẩn hiện các hành mọi loài,
 Nhưng thật ra **Phật tánh** đây
 Chẳng phải nội, ngoại cả hai xa rời.
 Vì **Phật tánh** thời thời *thường trụ*
 Không biến đổi, không có hợp tan.
 Đây gọi **Bồ Tát** hoàn toàn

Quán *Nội Không* pháp rõ ràng suốt thông.
 Quán *Ngoại Không* cũng đồng như vậy,
 Vì không có *ngoại pháp* làm duyên.
Nội ngoại Không cũng như trên
 Đây gọi **Bồ Tát** liễu viên trong ngoài.
 Thiện nam tử ! **Như Lai** duy nhất
Pháp và *Tăng* **Phật tánh** nghĩa đồng,
 Chẳng trụ nơi hai thứ Không.
 Vì là bốn pháp *dung thông* viên đồng,
 Nên chẳng gọi là Không đó vậy,
 Đây gọi là nội ngoại đều Không.
 Nay Thiện nam tử ! Hỡi ông !
 Tại sao là *Hữu vi Không* nghĩa gì ?
 Là các Pháp hữu vi *thế đế*
 Thấy đều Không, chẳng thể quân đồng.
 Chính là *nội Không, ngoại Không*.
Thường, lạc, ngã, tịnh cũng đồng là Không.
 Các *Chúng sanh* cũng không *thọ mạng*,
Phật, Pháp, Tăng, đệ nhất nghĩa không.
 Duy nhất **Phật tánh** chẳng Không,
 Vì không phải *Pháp* ở trong thế trần,

Nên **Phật tánh** thật chân *thường trụ*
 Chẳng phải Pháp *Hữu vi Không* này.
 Thiện nam tử ! Ông nghe đây!
 Bạc **Đại Bồ Tát** thường hay thực hành
 Quán thế nào thấu rành chơn thật
Vô vi Không chứng đắc *viên thông*.
 Vì *Pháp Vô vi* đều Không,
 Không có khổ não, buộc trong *vô thường*,
 Hoặc *bất tịnh* hay là *Vô ngã*,
Ám, giới, nhập tất cả đều Không,
Chúng sanh, thọ mạng cũng Không,
Hữu vi, hữu lậu thật không có gì,
 Nên *nội pháp* và *thì ngoại pháp*
 Trong hay ngoài chẳng khác gì nhau.
Chánh pháp vô vi trùm bao,
 Ở nơi *Phật Pháp* nhiệm mầu cao siêu ...
Thường, Lạc, Ngã, Tịnh đều như vậy,
 Chẳng *hữu vi*, chẳng phải *vô vi*:
 Vì là thiện còn phát huy
 Cho nên chẳng phải *Vô vi Pháp* này,
 Do **Phật tánh Như Lai** *thường trụ*

Nên chẳng phải là *Pháp hữu vi*.

Đây gọi **Bồ Tát** quán tri

Thấu rõ các Pháp *Vô vi Không* này.

Thế nào là bậc **Đại Bồ Tát**

Thường *quán chiếu* Pháp ***Vô thỉ Không*** ?

Đại Bồ Tát *trí huệ* thông

Quán thấy sanh tử ở trong cõi trần

Từ *vô thỉ* thật chân không tịch

Cho nên mới được gọi là Không,

Tức là bốn pháp viên đồng

Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, chơn không diệu huyền,

Thấy đều là bốn nguyên *Không tịch*

Chẳng thấy có xê dịch đổi thay,

Không có *thọ mạng* các loài,

Tam Bảo, **Phật tánh** xưa nay dung hòa,

Vô vi Pháp cũng là như vậy,

Đây gọi là quán *Vô thỉ Không*.

Đại Bồ Tát *trí huệ* thông

Thường hay *quán chiếu* tánh *Không* thế nào ?

Đại Bồ Tát quán vào các *hạnh*

Tất cả Pháp *bốn tánh* đều Không:

Ấm, giới, nhập, thường, vô thường,
 Tịnh hay bất tịnh dứt đường khổ, vui,
 Ngã, vô ngã xa rời các hạnh
 Vì chẳng thấy bốn tánh trong đây,
 Gọi là quán tánh Không này

Bồ Tát sẽ vượt ra ngoài thế gian.

Đại Bồ Tát minh quang quán chiếu
 Vô sở hữu đạt liễu thế nào ?

Như người không con buồn rầu
 Nhà cửa trống vắng ra vào quạnh hiu,
 Rốt ráo thường quán điều như vậy,
 Chẳng có gì lòng thấy thân thương.

Người ngu si thiếu am tường
 Cho rằng tám hướng mười phương Không thì,
 Người nghèo cùng bởi vì không của
 Thời gọi là muôn thuở đều Không.

Những kiến chấp bất dị đồng
 Hoặc Không hoặc chẳng phải Không đó là.

Lúc **Bồ Tát Ma-Ha** quán thấy
 Như người nghèo của cải trống không
 Đây gọi **Bồ Tát viên thông**

Quán *Vô sở hữu* đều không có gì.

Đại Bồ Tát trí tri cách vật

Quán chiếu vào *đệ nhất nghĩa Không*,

Như thế nào *đặng suốt* thông,

Bồ Tát thường quán *nhãn căn* bây chừ.

Lúc sanh ra không từ đâu lại,

Lúc diệt mất chẳng thấy về đâu,

Trước không, nay có mặc dầu,

Có rồi kết cuộc cũng hoàn chỗ *Không*.

Nếu *hành giả* giác lòng sáng tỏ

Thật tánh vốn không có *nhãn căn*,

Không chủ thể, không nguyên nhân,

Không đi, không đến, không *phân biệt* mà,

Vì *nhãn căn* vốn là *vô tánh*,

Tất cả *Pháp* các *hạnh* cũng đồng.

Những gì *đệ nhất nghĩa Không* ?

Có *nghiệp* có *báo* tương đồng mà ra,

Cũng chẳng thấy có là *tác giả*,

Nên *Pháp Không* tất cả *dung thông*

Đây gọi *đệ nhất nghĩa Không*

Quán chiếu như vậy tinh tường lý chân.

Đại Bồ Tát thường hằng *quán chiếu*

Vào *Không Không* ngộ liễu thế nào ?

Trong *Không Không* nghĩa kín sâu

Rất là khó *chứng* pháp mầu cao thẳng,

Chỗ mê mờ *Thanh văn, Duyên giác*

Hay *Bích Chi* thấu đạt khó hòng.

Là có hay hoặc là *Không*,

Vì vậy, mới gọi *Không Không* nghĩa này.

Thiện nam tử ! Ông nay nghe rõ.

Đại Bồ Tát *Thập Trụ Ma-Ha*

Còn chưa hiểu biết hết là

Chỉ đạt phần ít Hằng sa *vi trần*,

Hướng là người lý chân chưa đạt

Thời làm sao *quán sát* tường thông.

Cho nên thấy biết chẳng đồng,

Không Không tam muội ở trong *Nhị thừa*

Chỉ *chứng* đặng nhưng chưa viên liễu,

Đây gọi là *quán chiếu* *Không Không*.

Bậc **Đại Bồ Tát** minh thông

Thường hay *quán chiếu* *Đại Không* thế nào ?

Đại Không tức tối cao *vô thượng*

Là *Bát Nhã Ba la mật đa*.

Thậm thâm diệu Pháp sâu xa
Trí huệ *quán chiếu* rất là tinh thông.

Bồ Tát đắc *Pháp Không* như vậy,
Thời đặng bực **Hư Không đấng** này.

Thiện nam tử ! **Đức Như Lai**
Ở trong *Đại chúng* thuyết bày giảng khai
Nói những nghĩa *Không* đây như vậy,
Cả *Đại chúng* ai cũng hài hòa.

Lại có mười *Hằng hà sa*
Bậc **Đại Bồ Tát** nghe qua bấy giờ
Liên đặng *trụ* bực **Hư Không đấng**
Lời **Thế Tôn** nói chẳng hề sai.

Thiện nam tử ! *Trụ* bực này
Không bị trở ngại tâm đây buộc ràng,
Trí sáng suốt phá tan mê muội
Và các Pháp cột trói mở ra.

Do nghĩa này nên gọi là
Bậc **Hư không đấng** chứng qua *Pháp hành*.
Thiện nam tử ! Hiểu rành như vậy,
Vì *hư không* chẳng thấy đắm say

Đối với *Sắc* đáng chê này,
Hay sanh hờn giận *Sắc* bày chẳng ưa.
Đại Bồ Tát chứng như các *Sắc*,
Như *hư không* vạn vật phủ trùm,
Dung thọ tất cả *Pháp Không*
Rộng lớn tuyệt đối ngoài trong, trong ngoài.
Do nghĩa này nên đây được gọi
Là trụ bực **Hư Không đẳng** này.
Thiện nam tử ! Lại như vậy,
Bồ Tát trụ bực này đây am tường
Đối các *Pháp* hằng thường thấy biết:
Như là *hành, tánh, tướng, như duyên*,
Là *Chúng sanh, tâm*, căn nguyên,
Hay hoặc là *Pháp* định thiền, thừa dư,
Trì cấm giới, là người thiện trí,
Hay là vật *bố thí tùy duyên*,
Những *Pháp* như vậy kể trên
Đều biết, đều thấy giác viên rõ ràng.
Thiện nam tử ! Các hàng **Bồ Tát**
Trụ bực này chưa đạt cả hai.
Biết mà chẳng thấy rõ đây.

Thế nào là biết ? **Ta** nay giải bày:
Biết nhịn chịu không rày ăn uống,
Gieo thân mình rơi xuống vực sâu,
Nhảy vào lửa chẳng sợ nào,
Tự té từ ngọn núi cao hề gì,
Co một chân thường khi đứng mãi,
Dùng lửa nóng đốt lấy thân này,
Hay nằm trên tro, trên gai,
Trên đất, cỏ cứng, lá cây, phân bò,
Mặc y phục không cho tự có,
Lượm của người vất bỏ lấy xài,
Áo lông, *phấn tảo*, da nai,
Hay kết bằng chất cỏ gai cứng dầy.
Thường ăn rau, trái cây, ngó, củ
Hoặc xác đậu, đậu hủ ép qua.
Nếu đi *khất thực* từ nhà
Không có giới hạn trẻ, già, hèn, sang,
Gặp gia chủ không toàn tâm ý
Chẳng có lòng *bố thí* thức ăn
Liên bỏ đi tâm đoái cần
Dầu kêu trở lại bước chân không dừng.

Chẳng ăn muối, thịt rừng qua bữa,
Hay dùng năm thứ sữa, lạc, tô ...
Thường uống nước trấu, nước sôi,
Thọ trì ngũ giới, hay thời cầu, kê
Cùng chim chóc chẳng hề bắt giết.
Lấy tro than bôi trét trên mình,
Để tóc đanh tướng dị hình
Lắm điều quái lạ người nhìn lánh xa.
Lúc dùng dê để mà cúng tế
Trước ***chú nguyện*** sau kế giết đi.
Bốn tháng thờ lửa kiên trì,
Bảy ngày hợp gió chẳng thì bỏ qua.
Hái trăm ngàn thứ hoa lạ quý
Dâng *cúng dường* các vị *Chư Thiên*.
Muốn như những việc làm trên
Để được thành tựu ước nguyện cầu mong.
Pháp hành này lắm công vô ích
Chẳng bao giờ được tích sự gì.
Đây gọi là biết xét tri
Không như *giải thoát*, lạc đi đường tà.
Như thế nào gọi là chẳng thấy ?

Đại Bồ Tát này lại xét tri

Chẳng thấy người nào hành trì
 Những phương pháp đó ích chi cho đời.

Chánh giải thoát chứng nơi *đạo quả*
 Đây gọi là chẳng thấy ai thành.

Thiện nam tử ! Thấy biết rành.
 Những gì là thấy ? *Chúng sanh* thật hành
Tà pháp ấy bất lành *nhân quả*
 Quyết chắc rằng phải *đọa A-tỳ*.

Đây gọi là thấy khổ nguy
 Cho nên chẳng có thực thi Pháp này.
 Như thế nào gọi đây là biết ?
 Biết *Chúng sanh* từ *địa ngục* ra,
 Sanh lại loài người đó mà
 Có thể giác ngộ *tự tha* làm lành,
 Pháp *Lục độ* tu hành chứng đạt
 Đặng *tám môn giải thoát* Chánh duyên.

Đây gọi là biết căn nguyên
Bồ Tát ra sức làm thuyền *giác tha*.
 Thiện nam tử ! Cũng là thấy biết.
Đại Bồ Tát chơn thiệt thấy đây.

Thấy *thường*, vô *thường* Pháp này,
Vui, khổ *điên đảo* thảng ngày trôi qua.

Tịnh, *bất tịnh*, *ngã* và *vô ngã*.

Đây gọi là người đã thấy ra.

Thế nào là biết sâu xa ?

Biết rõ các **Đức Phật Đà Như Lai**

Quyết định chẳng xưa nay rốt ráo

Nhập *Niết Bàn* lìa đạo xa đời,

Biết thân **Phật** chẳng đổi dời

Luôn luôn bền chắc như thời *kim cương*

Chẳng phải là thân mang *thế tục*

Do *phiền não* cấu tạo mà thành,

Cũng lại biết các *Chúng sanh*

Đều có **Phật tánh** sẵn dành xưa nay.

Gọi là biết ở đây chơn thật

Trí biết này xứng bậc không hai.

Thiện nam tử ! Lại như vậy,

Bồ Tát thấy biết chẳng sai cội mầm.

Biết *Chúng sanh* *tín tâm* thành tựu,

Biết người nào đầy đủ phước dư,

Biết những ai luôn thích ưa

Hằng mong cầu Pháp *Đại thừa* chuyên tu,
 Biết những người *thuần lưu tâm tánh*,
 Hay *ngịch lưu* các *hạnh* thế gian.

Người đây *chánh trụ* hoàn toàn,
 Người nay viên nguyện đã sang *giác bờ*.

Thế nào là *thuần lưu tâm tánh* ?

Là nói những *hạng hạnh phạm phu*.

Thế nào là *gọi nghịch lưu* ?

Những *hạng* chứng đạo bậc *Tu-Đà-Hoàn*,

Nhẫn cho đến các hàng *Duyên giác*

Người *Chánh trụ* **Bồ Tát Ma-ha**.

Bậc đến bờ kia đó là

Nói các **Đức Phật** Hằng hà **Như Lai**,

Chánh Biến Tri hoặc đây *Ứng Cúng* ...

Đây gọi là biết đúng thật chơn.

Thế nào là thấy tận tường ?

Bậc **Đại Bồ Tát** trí thường minh quang

Trụ nơi *Kinh Niết Bàn Phương Đẳng*,

Tu Phạm hạnh tối thắng sâu dầy,

Dùng *Thiên nhãn* thanh tịnh này

Thấy các sanh Chúng muôn loài thế gian

Tạo ba *nghiệp* buộc ràng khổ lụy
Như là thân, khẩu, ý bất lành
Đọa vào *địa ngục, súc sanh*,
Hay làm *ngạ quỷ* bị hành tội căn.
Quán thấy nhiều Chúng nhân nhận biết
Tu *nghiệp* lành khi hết kiếp đời
Sẽ sanh lên cõi trời, người
Hưởng sự khoái lạc tuyệt vời thú vui.
Có *Chúng sanh* từ nơi tăm tối
Lại trở vào trong cõi tối tăm.
Có Chúng sanh *Phật đạo* tâm
Từ chỗ u tối lạc lầm bấy lâu
Được sáng suốt Pháp mầu khai thị
Như mặt trời không bị mây che.
Có Chúng sanh *nghiệp* nặng nề
Từ chỗ sáng suốt ai dè tối tăm.
Có *Chúng sanh* như trăng sáng tỏ
Vào sáng tỏ không có ngại ngăn.
Đây gọi là thấy thật chân
Nhận định tất cả nguyên nhân từng loài.
Thiện nam tử ! Như vậy thấy biết.

Đại Bồ Tát trí thiết minh quang
 Quán thấy *Chúng sanh* thế gian
 Tu *giới*, tu *định*, *huệ* càng mở khai.
 Hoặc thấy người đời nay bảo thủ
 Tạo *ngiệp* ác tích tụ sâu dày,
 Hoặc như *tham dục* đắm say,
Sân hận, *mê* muội ngày ngày tạo gây,
 Ất phải chịu *đọa* đày *địa ngục*,
 Sống trong đời thiếu phúc kém *duyên*.
 Nghiệp căn thế nào dữ, hiền
 Mà đặng báo ứng hiện tiền ra sao ?
 Như *phát lồ* tu cầu *sám hối*
 Những tội ác do lỗi đã làm
 Ăn năn chữa bỏ đổ tham
 Không còn tái phạm đối gian gặt đời.
 Vì hổ thẹn với người hiếu đạo,
 Vì *cúng dường Tam bảo* hằng ngày,
 Vì bị quở trách của Thầy
 Tỉnh lòng *giác ngộ* từ nay *tu hành*,
 Do như *duyên* nghiệp lành gieo tạo
 Nên chẳng bị *quả báo* về sau.

Hiện đời chịu các bệnh đau,
Chết vì hoạn nạn không sao suy lường,
Hay bị người khinh thường mắng nhiếc,
Hoặc làm nhục danh tiết khổ sâu,
Đánh đập giam nhốt tù lao,
Đói khát khốn khổ dường bao nhọc nhằn,
Những việc trên do nhân ác tạo,
Hiện đời thọ *quả báo* chẳng sai.
Đây gọi là biết các loài
Chịu sự *nhân quả* nào ai thoát lìa.
Như thế nào gọi là xét thấy ?
Thấy lắm người lỗi quấy không chừa.
Cứ thế ngày tháng dây dưa
Khó mà *tu tập* ngăn ngừa giới sai,
Tạo nghiệp ác dầu đây rất nhỏ
Không *sám hối* khó bỏ lỗi tình,
Chẳng tự quở trách lấy mình,
Lại không hổ thẹn lờn khinh xem thường.
Ác tạo ác tội dường biển cả
Ắt muôn đời lãnh quả khổ tai !
Đây gọi là thấy ý sai

Chúng sanh lặn hụp trần ai bể sâu.
Lại có biết vì sao chẳng thấy.
Biết thế nào ? Phân giải dưới đây:
Biết các *Chúng sanh* muôn loài
Đều có **Phật tánh** xưa nay của mình,
Vì *phiền não vô minh* che đậy
Chẳng thể nào nhìn thấy được thì.
Đây gọi là biết giác tri
Nhưng mà chẳng thấy chút gì **Phật** ta.
Lại có biết thấy qua phần ít
Nay **Như Lai** giải thích giảng bày.
Bậc *Thập Trụ Bồ Tát* này
Biết rõ tất cả muôn loài *Chúng sanh*
Vốn đều có cội lành **Phật tánh**,
Nhưng nhìn thấy chẳng đặng rõ ràng.
Dường như đêm tối không đèn
Thấy toàn cảnh vật màu đen phủ đầy.
Lại cũng biết, thấy đây chơn thật
Là **Như Lai Chư Phật** mười phương.
Lại cũng thấy, biết hằng thường,
Chẳng thấy chẳng biết con đường *vô vi*.

Cũng thấy biết do vì *giác ngộ*
Trong thế gian không chỗ buộc ràng
 Những văn tự, tướng nữ, nam,
Ngôn ngữ, nhà cửa, bạc vàng, ngựa xe,
 Hay thành ấp, núi sông, ruộng đất,
 Hoặc *Chúng sanh* vạn vật thọ mang.
 Đây gọi biết thấy rõ ràng
Đều là cõi tạm hợp tan lẽ thường.
 Thế nào là chưa từng thấy biết ?
 Như *Thánh nhân* lời thiệt nói ra
 Rất là *vi mật* sâu xa
Không có nam, nữ, cửa nhà .v.v...
 Người nghe qua nghi rằng sao vậy ?
 Đây gọi là chẳng thấy biết qua
 Lại có biết chẳng thấy là:
Biết vật *bổ thí* của ta thế nào,
 Biết *cúng dường* gieo sâu *phước báu*,
 Biết đặng người lãnh thọ vật tài,
 Biết *nhơn quả* chẳng hề sai
 Đây gọi là biết thường hay xét dò.
 Chẳng thấy ? Chẳng thấy đồ *bổ thí*

Chỗ cúng dường chư vị *Thánh Tăng*,
 Chẳng thấy người thọ uống ăn,
 Nhãn đến chẳng thấy quả nhân sau này.
 Mới gọi là người đây chẳng thấy
 Vì tâm không *chấp lấy sở hành*.

Bồ Tát tám thứ hiệu rành
 Chính là *ngũ nhĩn* đắc thành từ lâu
 Của **Chư Phật** cao sâu khó tưởng
 Chỗ biết này *vô lượng* bao la.

Ca Diếp Bồ Tát *Ma Ha*

Chấp tay bạch **Phật** : “Thưa qua thế này !

Đại Bồ Tát biết hay như vậy,
 Thời sẽ đặng lợi ích những gì”.

Thiện nam tử ! Hãy tưởng tri.

Đại Bồ Tát biết rõ thì việc trên
 Thời sẽ đặng liễu viên *chứng đắc*
Bốn vô ngại chơn thật sâu xa.

Một, Pháp vô ngại nghĩa là:

Biết tất cả pháp chánh, tà chẳng sai
 Và *danh tự* của đây các pháp
 Luôn ứng đối giải đáp cạn sâu.

Hai, Nghĩa vô ngại là sao ?

Là biết những nghĩa rộng sâu rõ ràng

Tuỳ theo chỗ tự danh đã đặt

Nơi các pháp thứ bậc giải bày.

Ba, Từ vô ngại như vậy

Tức là giảng luận tùy theo danh từ,

Giảng luận về Chơn như thật pháp,

Đúng Chánh âm phù hợp nhơn gian,

Giảng về *pháp cú* rõ ràng,

Luận về thế biện hoàn toàn không sai.

Bốn, Nhạo thuyết biện tài vô ngại,

Nghĩa thế nào giảng giải sau đây:

Lúc **Bồ Tát** *thuyết pháp* khai

Không có *chướng ngại*, tâm đây kiên trì,

Không sợ sệt bất kỳ nguy hiểm,

Không có ai động chuyển được lòng.

Này Thiện nam tử ! Hỡi ông !

Đây gọi **Bồ Tát** lão thông *biện tài*

Thấy và biết thường hay như vậy,

Bèn đặng *bốn vô ngại* kể trên.

Thiện nam tử ! **Ta** giảng thêm

- Về *Pháp vô ngại* chú chuyên *thọ trì*:

Là **Bồ Tát** biết thì những pháp

Như *Thanh Văn, Duyên Giác, Bích Chi,*

Biết pháp **Bồ Tát** thực thi,

Biết pháp **Chư Phật** *vô vi* đắc thành.

- *Nghĩa vô ngại* giải rành tỏ rõ:

Phật Pháp Thừa đầu có chia ba

Nhưng biết qui về một mà

Trọn chẳng *vọng chấp* cho là biệt sai.

- *Từ vô ngại* nghĩa này rất khó

Đại Bồ Tát sáng tỏ trí mầu

Ở trong một pháp cao sâu

Đặt tên nhiều loại không sao luận bàn,

Trải vô lượng muôn ngàn số kiếp

Chẳng thể nào nói hết Pháp này,

Hàng *Thanh văn, Duyên giác* đây

Không thể nói được đủ đầy *Pháp môn*.

- Cuối cùng là *Nhạo thuyết vô ngại*

Đức Như Lai giảng giải rộng ra:

Trong vô lượng kiếp trải qua

Bồ Tát vì Chúng *Ta-bà* si mê

Thuyết pháp độ chẳng hề ngơi nghỉ
 Hoặc *đanh tỵ* hoặc chỉ nghĩa mầu,
 Nhiều loại giảng thuyết khác nhau
 Chẳng thể cùng tận không sao tính lường.
 Thiện nam tử ! *Pháp vô ngại* đó
Bồ Tát đâu biết rõ liễu thông
 Nhưng chẳng *chấp* lấy nơi lòng
 Xem như thuyền nọ sang sông đến bờ.
Nghĩa vô ngại tri cơ rất ráo
 Chơn thiệt nghĩa lý đạo *viên thông*,
 Nhưng chẳng *chấp* lấy nơi lòng
 Xem như thuyền nọ sang sông khác gì.
Từ vô ngại là vị **Bồ Tát**
 Biết *đanh tỵ* thấu đạt nghĩa thông
 Cũng chẳng *chấp* lấy nơi lòng
 Dụ như *phương tiện* nhà nông cần xài.
Trí Nhạo thuyết biện tài vô ngại
 Là : **Bồ Tát** biết thấy hoàn toàn.
Nhạo thuyết tối thượng nghĩ bàn
 Nhưng cũng chẳng *chấp* buộc ràng tâm ta.
 Vì cơ sao buông lìa chẳng *chấp* ?

Nếu *chấp* lấy còn gặp ngại ngại
 Thời chẳng gọi là *Thánh nhân*
 Hay **Đại Bồ Tát** đức năng siêu quần.

Ngài **Ca Diếp** bạch rằng với **Phật**:
 Bạch **Thế Tôn** ! Sự thật xét tri.

Nếu chẳng *chấp* lấy nhớ ghi
 Thì chẳng hiểu biết Pháp chi dạy đời,
 Nếu biết Pháp tức thời *chấp* lấy,
 Còn biết mà chẳng *chấp* lấy thời
 Tức là không biết chỗ nơi,
 Thế sao **Đức Phật** nói lời dạy trên ?

“Biết pháp mà chẳng nên *chấp* lấy
 Mới gọi là **Bồ Tát Ma-Ha**”.

Thiện nam tử ! Ông nghe qua
 Luận về *chấp* lấy thật ra như vậy:

- Nếu như người tâm hay *chấp* lấy
 Chẳng gọi là *vô ngại* đặng đâu.

Người không *chấp* lấy Pháp nào
 Mới là *vô ngại* như bầu *hư không*.

Bồ Tát nào còn lòng *chấp* lấy
 Không gọi là *vô ngại*, vì sao ?

Nếu không *vô ngại* lẽ nào
Đạo **Bồ Tát** lớn không bao giờ thành.
Nên biết người *tu hành* như vậy,
Là *phàm phu* chẳng phải *Thánh nhân*.
Tại sao chấp lấy thực chân
Gọi là *phàm tục* ? Lược phân giải bày.
Vì tất cả những ai *phàm tục*
Đều chấp lấy nơi *sắc, thính* âm ...
Nhấn đến chấp lấy *thức* tâm
Cho là *chủ thể* của thân xác này.
Vì chấp *sắc*, tâm đây *tham ái*,
Vì *tham ái* bị *sắc* buộc ràng,
Nhấn đến *thức* làm mê man
Chẳng còn nhận định ngay gian, chánh tà.
Do ràng buộc tâm ta *mê muội*
Nên khó mà thoát khỏi sanh, già,
Bệnh, tử, ưu, bi thiết tha,
Thế nên *chấp* lấy gọi là *phàm phu*.
Do nghĩa này người tu *chấp* lấy
Không có *bốn vô ngại* hoàn toàn.
Thiện nam tử ! Quá rõ ràng

Bậc **Đại Bồ Tát** thân mang nhiều đời.

Vô lượng kiếp vào nơi *Tam giới*

Biết và thấy *Pháp tướng* diệt sanh.

Biết thấy gốc rễ ngọn ngành

Nên ở trong *sắc* hay *thinh* chẳng màng,

Lòng nào còn ôm mang *chấp lấy*

Nhẫn đến *thức* cũng vậy không sai.

Do không *chấp lấy* ở đây

Bồ Tát đối *sắc* hoặc hay *thinh* trần ...

Chẳng sanh lòng buộc ràng tham đắm,

Nhẫn đến *thức* cũng chẳng đắm tham.

Do không *tham*, tâm *tịnh* an

Nên chẳng bị *sắc* buộc ràng *si mê*,

Nhẫn đến *thức* chẳng hề ràng buộc

Chẳng ràng buộc thoát được sanh, già,

Bệnh, tử, khổ não lìa xa,

Dầu cho hóa chuyển *Ta-bà* thế gian.

Do nghĩa này những hàng **Bồ Tát**

Chứng đặng *bốn trí vô ngại* này.

Thiện nam tử ! Cũng như vậy,

Do *nhơn duyên* đó ! **Như Lai** thuyết bầy

Nói rõ trong *mười hai kinh điển*
Sự *chấp* lấy bị chuyển *tâm ma*.

Nếu chẳng *chấp* lấy buông ra
Thoát khỏi trói buộc *tâm ma* xa rời.

Như trong đời có người gây tội
Bị Vua, Quan bắt trói, nhốt giam,
Người không có tội an nhàn

Chẳng ai bắt trói, nhốt giam, lao tù.

Đại Bồ Tát đức như biển thái

Không có còn *chấp* lấy buộc ràng.

Người không *chấp* lấy tâm an,
Kẻ còn *chấp* lấy theo hàng *ngoại ma*.

Do nghĩa này nếu là **Bồ Tát**

Không *chấp* lấy *giải thoát* Ta-bà.

Này Thiện nam tử nghe qua !

- *Đắc Pháp vô ngại* nghĩa là như sau:

Đại Bồ Tát trí sâu khéo thấy

Biết *danh tự* giữ lấy chẳng quên,

Nói giữ lấy có căn nguyên:

Như đất, như núi, con người mất thời,

Như đám mây, như người, như mẹ ...

Tất cả Pháp cũng vậy như nhau.

- *Nghĩa vô ngại* là thế nào ?

Bậc **Đại Bồ Tát** trí sâu khôn lường.

Biết *đanh tỵ* tận tường các Pháp

Mà cũng biết nơi nghĩa cạn sâu.

Biết nơi nghĩa như thế nào ?

Như đất giữ lấy từ lâu bao đời

Nuôi dưỡng hết muôn loài vạn vật,

Sự sống chết, còn mất vĩnh hằng.

Do nghĩa này nên gọi rằng

Là đất giữ lấy ích nhân muôn loài.

Bồ Tát dùng trí đây xét thấy

Núi có thể giữ lấy đất dày

Làm cho bền chắc dẻo dai

Không nghiêng, không động đất đây vững vàng.

Nên gọi là núi đang giữ lấy,

Đại **Bồ Tát** hiểu thấy nghĩa này.

Con mắt nhìn cảnh bên ngoài

Nhờ có ánh sáng mắt đây thấy nhìn.

Hãy chăm sóc và gìn giữ lấy,

Nếu mắt bệnh khó thấy nhìn trông.

Mây gọi là hơi của rồng
 Luôn giữ lấy nước giúp trong muôn loài,
 Cho nên gọi là mây giữ lấy,
 Để làm mưa rưới khắp địa cầu.
 Như người giữ lấy pháp mầu
 Và cùng phi pháp gom thâu nơi lòng.
 Mẹ có thể giữ trông con cái,
 Nuôi dưỡng và giáo dục nên người.

Đại Bồ Tát cũng vậy thời,
 Biết *đanh tự*, *cú* nghĩa nơi pháp hành.

- *Từ vô ngại* giải rành chu đáo :

Đại Bồ Tát trí đạo sáng khai
 Dùng các thứ ngôn từ đây
 Diễn nói một nghĩa chỉ bày *viên thông*,
 Hoặc có khi luận không có nghĩa :
 Như danh từ nam, nữ, cửa nhà,
 Xe cộ, *Chúng sanh* cùng là ...
 Có sao không nghĩa **Phật Đà** giảng qua.
 Luận về nghĩa đó là *cảnh giới*
 Của **Chư Phật Bồ Tát Ma Ha**,
 Ngôn từ suy luận thật ra

Là *cảnh giới* của *Ta bà thế gian* .

Do biết nghĩa rõ ràng như vậy,

Nên đặng *Từ vô ngại* sâu xa .

- *Nhạo thuyết vô ngại* gọi là :

Bậc **Đại Bồ Tát** biết qua danh từ,

Biết liễu nghĩa *Chơn như* thật tướng,

Nên chuyển trong *vô lượng* kiếp đời

Thuyết rộng danh từ tuyệt vời,

Liễu nghĩa vô tận như thời *hư không* .

Đây gọi là *viên thông* nghĩa vậy,

Đắc *Nhạo thuyết vô ngại* biện tài .

Thiện nam tử ! **Bồ Tát** này .

Trong *vô lượng* kiếp không nài gian lao

Hành *Thế đế* hiểu sâu nghĩa vậy,

Mà biết *pháp vô ngại* biện tài .

Lại trong *vô lượng* kiếp dài

Tu hành *kham nhẫn* ngày ngày giới trau,

Chứng *Đệ nhất* lâu lâu nghĩa đế

Nên đặng *ngĩa vô ngại* biện tài .

Lại *A Tăng Kỳ* kiếp đây

Học tập Đại luận **Như Lai** bí truyền

Tỳ Đà La Na nên mới đặng
Từ vô ngại thù thắng liễu tri .

Lại vô lượng *A Tăng Kỳ*
Tu tập luận thuyết *vô vi* phi phạm
 Về *Thế đế* rộng hàm diễn giải
 Đặng *Nhạo* thuyết *vô ngại* biện tài .

Hàng *Thanh văn*, *Duyên giác* đây
 Không đặng *bốn vô ngại* này *quang minh* .

Lại trong *chín bộ kinh* **Phật** thuyết
Đức Thế Tôn cho biết như trên .

Hàng *Duyên giác* khó liễu viên
Bốn vô ngại đó trọn nên đạt thành.

Chỉ **Bồ Tát** độ sanh *chứng đắc*
Bốn vô ngại diu dắt muôn loài .

Hàng *Duyên giác* các vị này
 Tu pháp *tịch diệt* chẳng bày thuyết kinh,
 Chỉ ưa ở một mình yên tịnh
 Ngày với đêm *thiền định* thực hành,
 Nếu có *hóa độ* Chúng sanh
 Dụng *thần thông* rải pháp lành bố ban,
 Trọn ngày đêm tịnh an *tu tập*

Chẳng bao giờ *thuyết pháp* độ ai
 Khó đặng *bốn vô ngại* này.
 Có người muốn hỏi ? **Như Lai** giải bày .
 Hàng *Duyên giác* chẳng ai biết giảng
 Để độ người Pháp noãn đạt thành,
 Pháp đảnh, *pháp nhân* vô sanh,
 Pháp Thế đệ nhất hiểu rành rộng khai,
Tư Đà Hàm nhứt lai hiển đạo,
A Na Hàm thông thạo pháp hành,
A La Hán quả *vô sanh*,
Bích Chi, **Bồ Tát** trọn lành nguyện sâu,
 Chẳng thể khiến biết bao *vô lượng*
 Người *phát tâm vô thượng đạo* cầu .
 Nay Thiện nam tử ! Tại sao ?
 Vì hàng *Duyên giác* đạo mâu chưa thông
 Dầu ra đời hiện trong cõi khổ
 Lúc chưa có *chín bộ kinh* khai .
 Vì thế nên hạng bậc này
 Chẳng đặng *Từ vô ngại* đây rộng bày,
 Và *Nhạo thuyết biện tài* vô ngại .
 Hàng *Duyên giác* xét lại thật ra

Dầu biết các pháp chánh tà
 Nhưng chưa chứng được *pháp vô ngại* này .
Pháp vô ngại vì đây thông suốt
 Biết văn tự rốt ráo trùm bao.
 Mà không chấp lấy pháp nào
 Dụng làm *phương tiện* giúp nhau tu hành .
 Hàng *Duyên giác* biết rành các pháp
 Biết văn tự tu tập thấp cao
 Nhưng chưa *vô ngại*, vì sao ?
Thế Tôn thương chúng âm hao giải bày .
 Bởi chẳng biết **Như Lai** “*Thường trụ*”
 Nên không đặng *pháp vô ngại* đây .
 Hàng *Duyên giác* trụ bậc này
 Dầu cho biết nghĩa sâu dày thiệt hơn,
 Nhưng không *liễu nghĩa* chơn *vô ngại*
 Vì tâm còn *chấp* lấy ngại ngăn .
 Người thật biết nghĩa Chánh chân
 Thời biết tất cả phàm nhân muôn loài
 Có **Phật tánh** xưa nay tồn tại
 Không bao giờ hư hoại lìa xa
 Nghĩa **Phật tánh** được gọi là

Vô thượng đẳng giác sâu xa khó bàn .
 Do nghĩa này nên hàng *Duyên giác*
 Chẳng đặt nghĩa vô ngại hoàn toàn.
 Thế nên, tất cả các hàng
Duyên giác không chứng *bốn vô ngại* này .
 Bạc *Thanh văn* ở đây cũng vậy,
 Không có *bốn vô ngại* thế nào ?
 Vì hàng *Thanh văn* trước sau
 Chẳng chịu *kham nhẫn* giới trau trọn lành
 Ba ***thiện xảo*** lập thành khéo giỏi :
Một, quyết cần lời nói dịu dàng,
 Rồi sau mới chịu *trụ an*
 Lãnh thọ *giáo pháp* mở mang tâm mình,
Hai là quyết nhận nhìn lời nói
 Rất thô sơ rồi mới chấp hành
 Lãnh thọ *giáo hóa* pháp lành
 Như vậy mới độ *Chúng sanh* khổ nản,
Ba, lời chẳng dịu dàng êm ái
 Cũng chẳng thô sau mới *tín nguyện*
 Lãnh thọ *giáo pháp* phổ truyền
 Đời đời ứng *nguyện* gieo *duyên* độ trần .

Do đó, hàng *Thanh văn* cầu đạo
Chẳng đặng ba *thiện xảo* nói trên.
Vì vậy, khó được liễu viên
Bốn trí vô ngại lập nên đạo hằng.
Lại nữa, hàng *Thanh văn*, *Duyên giác*
Chẳng có thể thấu đạt *cơ* trời,
Biết nghĩa rất ráo **Phật** thời,
Không trí *tự tại* vào nơi bể trần,
Chẳng hiểu rõ tường phân *cảnh giới*,
Không có *mười trí lực* minh quang,
Bốn vô sở úy vẹn toàn,
Khó đặng ra khỏi *ba ngàn Đại Thiên*,
Đắc *mười hai nhưn duyên* hoàn diệt,
Nên chẳng thể khéo biết ngọn ngành
Những *căn tánh* của *Chúng sanh*
Lợi, độn sai khác phân rành đực trong,
Chưa dứt hẳn nghi lòng trì trệ,
Đối với hai lý *đế* tục chơn,
Chẳng biết *quán sát* tận tường
Các thứ *cảnh giới* sở trường *Chúng sanh*,
Chẳng thể nào thấu rành sự thật

Khó nói pháp *đệ nhất nghĩa Không*,
 Xét ra *Nhị thừa* số đông
Bốn trí vô ngại thiết không có rày.
 Ngài **Ca Diếp** chấp tay bạch **Phật** :
 “Thưa **Thế Tôn** ! Tôi thật phân vân.
Như Lai vừa rồi ân cần
 Nói rằng các Chúng *Thanh văn Nhị thừa*
Bốn vô ngại chưa từng *chứng đắc*,
 Tại sao trước **Đức Phật** giảng bày
 Nói rằng *Xá Lợi Phất* đây
Trí huệ đệ nhất xứng tài *Thanh văn*,
Mục Kiên Liên thần thông *đệ nhất*,
Câu Hi La là bậc đứng đầu
 Chứng *bốn vô ngại* cao sâu
 Đệ nhất *tự tại* ai nào vượt qua
 Nếu các Ngài thật ra chẳng vậy,
 Có *bốn trí vô ngại* này đây,
Sao Đức Thế Tôn Như Lai
 Tuyên bố trước Chúng an bày lời kia”.
Đức Phật khen ngợi ngài **Ca Diếp** :
 Thật lành thay ! **Ca Diếp** lành thay !

Này Thiện nam tử ! Ông đây!
Nghe qua ví dụ hiểu ngay tận tường .
Như sông Hằng vô phương lượng nước
Không có ai lường được tính ra,
Sông lớn **Tân Đầu** cùng là
Có vô lượng nước khó mà lường đong,
Bác Xoa tên con sông rất lớn
Cũng chứa nhiều vô lượng nước đây,
Sông lớn **Tất Đà** rộng dài
Chứa nước vô lượng không tài tính ra.
Lại cũng có ao **A Nậu Đạt**
Chứa vô lượng nước thật khôn lường .
Các con sông khác lớn hơn
So với Đại hải khiêm nhường thua xa.
Vô lượng nước thật ra nhiều ít
Chẳng đồng nhau, diện tích ngắn dài.
Bốn trí vô ngại các Ngài
Thanh văn, Duyên giác không tày sánh qua
Bốn vô ngại của là **Bồ Tát**
Thí dụ trên không khác vậy nào .
Nếu nói lượng nước đồng nhau

Thời không đúng nghĩa hãy mau gạn lường .

Thiện nam tử ! **Ta** thường vì Chúng

Hạng *phàm phu* nên cũng nói rằng

Ông *Câu Hi La Thanh* văn

Có *bốn vô ngại* trí năng siêu mầu,

Trong *Đại chúng* đứng đầu đệ nhất.

Ý nghĩa lời hỏi thật vừa qua

Của Ông **Ca Diếp Ma Ha**

Là như vậy đó, chẳng mà khác sai .

Thiện nam tử ! Hôm nay nghe rõ

Hàng *Thanh văn* cũng có vị đây

Đặng một trí *vô ngại* này,

Hoặc cũng có vị đặng hai đó mà .

Không vị nào *đắc* qua đủ bốn

Chớ suy nghĩ lẫn lộn lầm sai .

Ca Diếp Bồ Tát Đức Ngài

Bạch **Phật** : “ Thừa hỏi **Như Lai** nghĩa này .

Phẩm Phạm Hạnh **Phật** đây có giảng

Sự *tri kiến* vô hạn sâu xa

Của vị **Bồ Tát** *Ma Ha*

Đặng *bốn vô ngại* thật ra khó bàn,

Vì *tri kiến* của hàng **Bồ Tát**
Cũng chính là *vô sở đắc* đây.
Cũng không *tâm niệm* thế này
Rằng *vô sở đắc* mình nay *viên thành* .
Bạch **Thế Tôn** ! Thực hành như vậy,
Đại Bồ Tát này lại hiểu ra
Không có *vô sở đắc* mà
Chỉ là *tri kiến* tâm ta đã thuần .
Nếu giả sử tâm trần *chấp* chặt
Có sở đắc sự thật hoàn toàn
Gọi là *phàm phu* thế gian
Không phải **Bồ Tát** từ hàng đạo cao .
Nay **Như Lai** cứ sao lại nói
Bồ Tát có sở đắc ở đây ?”
Này Thiện nam tử ! Lành thay !
Ta sắp sửa nói ông bày hỏi qua .
Đại Bồ Tát thiệt *vô sở đắc*,
Vô sở đắc chơn thật gọi là
Bốn trí vô ngại thật ra
Không *chấp* sở đắc mới là kiến tri .
Ca Diếp ! Do nghĩa gì có được

Vô sở đắc lần lượt chứng qua
 Bốn trí vô ngại sâu xa .
 Nếu có sở đắc gọi là ngại ngăn,
 Còn ngại ngăn vì trần phiền não,
 Chịu bốn thứ điên đảo hoành hành .
 Nay Thiện nam tử ! Hiểu rành
 Bạc **Đại Bồ Tát** tu hành thành công
 Tâm không còn mắc vòng *điên đảo*
 Đặng vô ngại *lục đạo* vào ra.
 Thế nên **Bồ Tát** gọi là
 Thật *vô sở đắc* chẳng mà chi sai .
 Thiện nam tử ! Nghe đây cụ thể.
 Vô sở đắc tức *Huệ* chơn khai
Đại Bồ Tát đặng *Huệ* này
 Đồng *vô sở đắc* nghĩa bày không hai .
 Có sở đắc tâm đây buộc trói
 Nên làm cho tăm tối *vọng* sinh,
Bồ Tát dứt hẳn *vô minh*
 Nên *vô sở đắc* thấy nhìn rộng rang .
 Vì thế nếu là hàng **Bồ Tát**
 Vô sở đắc *giải thoát* hoàn toàn .

Thiện nam tử ! Chẳng nghĩ bàn.
 Đạo mâu siêu việt hàm tàng bao la .
 Vô sở đắc cũng là được gọi
Đại Niết Bàn cảnh giới Như Lai .
Bồ Tát an trụ vào đây
 Chẳng thấy tánh tướng muôn loài *Chúng sanh*,
 Tất cả pháp không sinh, không diệt
 Vô sở đắc thấy biết rời xa .
 Có sở đắc mới gọi là
Hai mươi lăm cội Ta bà khó ra .
Đại Bồ Tát phải là dứt hẳn
Hai lăm cội mới đặng *nguyện* xong.
Đại Niết Bàn tịch tịnh lòng
 Gọi vô sở đắc thật không có gì .
 Thiện nam tử ! Cố tri thấu tận
 Vô sở đắc có đặng *Đại thừa* .
 Vì sao ? Vì chẳng thích ưa
Trụ nơi các pháp *Tiểu thừa Thanh văn* ...
 Nên mới đặng đắc chân *Phương Đẳng*
 Pháp *Đại thừa* tối thắng tối ưu .
 Tâm **Bồ Tát** đã *Chơn như*

Gọi *vô sở đắc* bây chừ liễu viên .

Có sở đắc tức nhiên buộc thắt

Gọi là đạo của bậc *Nhị thừa* .

Bồ Tát đoạn tuyệt dứt chừa

Không còn gốc rễ dây dưa kéo dài

Nên đặng *chứng* vào ngay *quả Phật*

Gọi là *vô sở đắc* . Lành thay !

Thiện nam tử ! Lại như vậy,

Bậc **Đại Bồ Tát** sâu dày đức tin .

Vô sở đắc tức kinh *Phương Đẳng*

Thường *thọ trì* lọc lắng giác quan

Như vậy nên đặng **Niết Bàn**,

Vì thế **Bồ Tát** trí càng thâm sâu.

Vô sở đắc không nào buộc *chấp*

Đặng *vô ngại* hiện khắp mười phương .

Có sở đắc gọi *vô thường*

Chưa ra *Tam giới* còn vương tục trần.

Dầu tu học thấm nhuần ôn luyện

Mười một bộ kinh điển mà thôi .

Bồ Tát *vô sở đắc* rồi

Đại thừa giảng thuyết trời, người nghe qua .

Thiện nam tử ! Nay **Ta** nói rõ
Vô sở đắc ví tợ *hư không*
 Bao la vô tận mênh mông
 Chẳng có vật thể sánh đồng *hư không*.
Đại Bồ Tát trụ trong *Tam muội*
 Thời không chỗ sáng tối hiện bày.
 Vì thế nên **Bồ Tát** này
 Là *vô sở đắc* như rày *hư không* .
 Có sở đắc còn trong sanh tử .
 Hạng *phàm phu* nam, nữ các loài
 Nên mới *chấp* chỗ thấy này
 Vui buồn, thương ghét, đắm say *ngũ trần* .
Bồ Tát phải siêng năng *quán sát*
 Dứt sanh diệt *giải thoát* tư duy
 Nên gọi là *Chánh biến tri*,
 Gọi *vô sở đắc* thoát ly phàm tình .
Vô sở đắc trí minh rộng hoát
 Là *Ngã, Tịnh, Thường, Lạc* viên đồng,
 Vì **Bồ Tát** thấy suốt thông
Phật tánh có sẵn ở trong muôn loài .
 Nên có đặng tâm đây *Thường, Lạc*

Và *Ngã, Tịnh* đạo đạt diệu phương .
Có sở đắc gọi *vô thường*,
Vô: lạc, ngã, tịnh là đường thế gian .
Bốn thứ trên hoàn toàn dứt hẳn
Vô sở đắc mới dựng thành công .
Thiện nam tử ! Phải gạn trong
Vô sở đắc liễu, lý đồng *viên thông*.
Là *Đệ nhất nghĩa Không* đó vậy,
Đại Bồ Tát quán thấy rõ ràng,
Đệ nhất nghĩa Không hoàn toàn,
Chẳng có chỗ thấy, rõ ràng trống không,
Vì vậy gọi là *vô sở đắc*,
Đại Bồ Tát trí thật sâu xa .
Có sở đắc mới gọi là
Chấp năm sự thấy tâm ta buộc ràng .
Nếu xứng bậc là hàng **Bồ Tát**
Năm sự thấy *giải thoát* nơi lòng
Nên chứng *Đệ nhất nghĩa Không*,
Gọi *vô sở đắc* nghĩa đồng chẳng hai .
Thiện nam tử ! Ông đây nên biết
Vô sở đắc vốn thiệt gọi là

Vô thượng đạo **Chư Phật Đà**,
 Bạc **Đại Bồ Tát** *Ma Ha* tu hành
 Đặng vô thượng đắc thành *Chánh giác*
 Đều không chỗ thấy đạt ở đây .
 Nên mới gọi **Bồ Tát** này
 Là *vô sở đắc* chẳng sai đó mà .
 Có sở đắc gọi là chứng đạt
Thanh văn đạo, Duyên giác quả này,
 Là **Bồ Tát** dứt cả hai
 Gọi *vô sở đắc* như rày *hư không* .
 Thiện nam tử ! Lời Ông hỏi thật
 Cũng là *vô sở đắc* lành thay !
 Lời nói của **Ta** xưa nay
 Cũng *vô sở đắc* nghĩa này sâu xa .
 Có sở đắc tức là *chấp* buộc
 Muôn đời làm *quyến thuộc* của *ma*,
 Chẳng phải *đệ tử Phật Đà*
 Khuyên người *giác ngộ* lời **Ta** giáo bày.
 Ngài **Ca Diếp** chấp tay lễ **Phật** :
 “Bạch **Thế Tôn** ! Chân thật lòng đây
 Lúc hỏi *vô sở đắc* này

Có *vô lượng* Chúng nơn loài dứt tâm
Chấp có tướng, đoạn mầm *vọng tưởng*,
 Là sở đắc, vô thượng đạo thành .

Do việc này, nên *Chúng sanh*
 Vâng làm *đệ tử* con lành **Như Lai**”.

Ngài **Ca Diếp** chấp tay nói tiếp :

“**Bạch Thế Tôn** ! Sự thiệt vừa qua

Tại rừng *Song Thọ Ta La*

Phật vì *giác ngộ Thuần Đà* kê khai :

Trước Có nay Không

Trước Không nay Có

Ba đời có Pháp

Không có lẽ ấy”.

Thiện nam tử ! **Như Lai** vì Chúng

Muốn *hóa độ* ai cũng như nhau

Mà nói kê ấy truyền trao

Thanh văn, Duyên giác không nào giới ranh,

Vì **Văn Thù** hiểu rành nghĩa tột

Chẳng phải riêng chỉ một **Thuần Đà** .

Lúc đó, **Văn Thù** ông ta

Toan muốn hỏi **Phật, Phật Đà** rõ thông

Biết *tâm niệ*m của ông sanh khởi

Nên **Như Lai** mới nói kệ này

Nghe qua **Văn Thù** hiểu ngay

Không còn nghi vấn lòng nay vui hòa .

Ngài **Ca Diếp** thưa qua **Đức Phật** :

“Bạch **Thế Tôn** ! Sự thật thế này .

Như **Văn Thù** được mấy ai

Hiểu thấu nghĩa *cú, kệ* bài liễu tri .

Xin **Thế Tôn** hãy vì *Đại chúng*

Mà *phân biệt* nghĩa rộng *kệ* bài”.

Thiện nam tử ! Lóng nghe đây.

Vì ông **Ta** sẽ phân bày đực trong .

Nói trước Có nay Không Có đó :

Vì ngày trước **Ta** có não phiền,

Do não phiền buộc trước tiên

Cho nên hiện tại đoạn duyên căn lành

Đại Biết Bàn không thành *chứng đắc*

Ví như người sáng mắt mù lòa .

Nói rằng trước Không đó là :

Trước không *Bát Nhã Ba La Mật* này,

Không *Bát Nhã* nên nay hiện tại
 Có *phiền não* che đậy trong lòng .
Sa môn hoặc *Bà la môn*,
 Hoặc trời, ma, Phạm hoặc trong loài người,
 Không ai được nói lời *vọng ngữ*
Đức Như Lai quá khứ kiếp đây,
 Hoặc hiện tại, hoặc vị lai
Phật có *phiền não* chứa đầy trong tâm .
 Thiện nam tử ! Nói rằng trước đó
Ta có thân hòa hợp mẹ cha
 Cho nên mới đặng sanh ra,
 Vì thế hiện tại chỉ là phạm gian,
 Không có thân *Kim Cang vi diệu* .
 Thân *ngũ trược* thọ chịu sanh già .
 Nói rằng trước Không đó là :
Ba hai tướng tốt hiện ra trên đời,
 Và không có *tám mươi tướng phụ*
 Bởi trước không đầy đủ tướng này
 Nên hiện tại mang thân đây
Bốn trăm lẻ bốn bệnh gây hoành hành .
 Là *Sa môn* tu hành *chứng đạo*,

Bà la môn, ngoại giáo cao cường,
 Hoặc trời, hoặc ma, *Phạm vương*,
 Hoặc người ngu, trí phô trương luận bàn,
 Không thể nói cho rằng **Đức Phật**
 Thuở quá khứ hay hoặc *vị lai*,
 Hiện tại có bệnh khổ đây
 Là thân *sinh diệt* đổi thay phàm trần.
 Thiện nam tử ! Nói rằng trước đó :
 Tâm ta vốn đã có *vô thường*,
 Vô ngã, vô lạc, khổ vương,
 Vô tịnh chẳng biết ba đường *đọa sa*,
 Nên hiện tại xét ra không có
 Quả vô thượng vì đó chưa thành .
 Nói rằng trước Không phân rành :
 Vì trước không thấy *Chúng sanh* bốn loài
 Có **Phật tánh** xưa nay không mất,
 Nên chẳng có *Ngã, Tịnh, Lạc, Thường* .
Sa môn hoặc *Bà la môn*
 Hoặc Trời, Ma, Phạm, người trong cõi trần,
 Không thể nói cho rằng **Đức Phật**
 Thuở quá khứ hay hoặc hiện nay,

Nhấn đến trong đời vị lai
Không có Lạc, Tịnh hay đây Ngã, Thường .
Thiện nam tử ! Suy lường thấu rõ .
Nói rằng trước Có đó nghĩa bày :
Là trước có tâm niệm này
Siêng tu khổ hạnh như loài người đây
Cho rằng Ta đặng nay vô thượng
Quả Chánh đẳng Chánh giác Như Lai,
Vì vậy cho nên hiện nay
Không thể phá hoại hết rày bốn ma .
Nói rằng trước Không là Có đó,
Sáu pháp môn Ba la mật đa
Nên có tâm niệm sanh ra
Tu hành khổ hạnh như là phàm phu,
Rồi cho rằng chứng tu vô thượng
Quả Bồ đề nghĩ tưởng thành công .
Sa môn hay Bà la môn,
Hoặc Trời, Ma, Phạm hoặc trong loài người,
Không thể nói cho thời Đức Phật
Thuở quá khứ hay hoặc vị lai,
Hiện tại có khổ hạnh đây

Những điều như vậy nghĩ sai lạc lắm .
Lại vậy nữa, hỡi Thiện nam tử !
Nói rằng trước Có đó nghĩa là,
Ta do cha mẹ sanh ra
Có thân tạp thực như là thế gian,
Nên hiện tại lại càng xét rõ
Thân vô *biên* không có thật mà .
Nói rằng trước Không đó là,
Vì trước không có *đắc* qua *cơ* huyền
Ba mươi bảy pháp duyên trợ đạo
Nên hiện tại thân báo nghiệp mang .
Hoặc *Sa môn* trong thế gian
Hoặc Trời, Ma, Phạm hoặc *Bà la môn*,
Hoặc loài người cũng không thể nói
Rằng **Thế Tôn** quá khứ, vị lai,
Hiện tại có thân *huyễn* này
Thời là không đúng *vọng* sai hoàn toàn .
Lại này, hỡi Thiện nam nghe rõ !
Nói rằng trước Có đó nghĩa là :
Trước có *tâm niệm* sanh ra
Chấp lấy các pháp chánh tà, ngoài trong,

Vì thế nên tâm lòng hiện tại
Không *Chánh định* vô ngại sâu xa .
Nói rằng trước Không nghĩa là :
Ta trước *quán sát* thật ra rõ ràng
Nghĩa *Trung đạo* hoàn toàn không có
Nên sanh ra *tâm niệm* buộc ràng
Chấp lấy các pháp thế gian
Có tướng *sinh diệt*, hợp tan, đổi dời .
Hoặc *Sa môn*, hoặc Trời, Ma, Phạm,
Bà la môn hay hạng loài người
Không được nói **Đức Phật** thời
Quá khứ, hiện tại hay đời vị lai
Rằng **Thế Tôn** thuyết bày các pháp
Là có *tướng* sự thật trái sai .
Thiện nam tử ! Lại như vậy,
Nói rằng trước Có nghĩa này như sau :
Lúc **Ta** đặng đạo mầu *Chánh giác*
Quả *Bồ đề* chứng đắc **Như Lai**
Có các *đệ tử* đông vậy
Thanh văn căn độn, trí tài ít ai
Nên không thể giảng bày tột bậc

Đạo *Nhứt thừa* chơn thật rộng ra .

Nói rằng trước Không đó là :

Trước không có bậc *xuất gia* tu hành

Tâm Tượng Vương pháp lành thâm nhiếp

Như **Bồ Tát Ca Diếp** .v.v...

Bởi không có hạng *lợi căn*

Nên **Ta** ứng dụng đạo hằng triển khai

Lập *ba thừa* rộng bày *phương tiện*

Tùy cơ nghi *quyền* biến phổ thông .

Sa môn hoặc *Bà la môn*,

Hoặc Trời, Ma, Phạm hoặc trong loài người

Nói rằng **Đức Phật** thời quá khứ,

Hoặc vị lai, hiện tại ba đời

Thuyết pháp *Tam thừa* độ người

Xét ra không đúng là lời nói sai .

Thiện nam tử ! Ông đây hiểu rõ .

Nói rằng trước Có đó nghĩa là :

Ta trước thông báo *Tăng già*

Sau ba tháng nữa **Phật Đà** vắng xa .

Tại nơi rừng *Ta La Song Thọ*

Nhập **Niết Bàn** rời bỏ trần ai,

Vì thế nên hiện tại đây
Như Lai chẳng có thuyết bày tôn kinh
Đại Niết Bàn quang minh *Phương đẳng*
Hay *Đại thừa* nghĩa thắng sâu xa .
Nói rằng trước Không đó là :
Văn Thù không có hiện ra trong đời
Đại Bồ Tát chẳng thời có thật
Nên hiện tại nói **Phật** *vô thường* .
Sa môn hoặc bậc *Phạm vương*,
Trời, người không thể khoa trương nói là :
Đức Như Lai trải qua quá khứ,
Hoặc hiện tại, hay hoặc vị lai
Là *vô thường* luôn đổi thay
Lời này không đúng lỗi sai khó lường .
Thiện nam tử ! Tình thương **Chư Phật**
Ban bố cho vạn vật muôn loài
Dầu biết rõ các pháp đây
Mà nói chẳng biết không sai lỗi gì,
Dầu thấy mà nói thì chẳng thấy,
Pháp có *tướng* trái lại nói rằng :
“*Không tướng* mới chứng thật chân”

Người nghe nghi ngại tâm trần nan phân,
 Pháp *không tướng* nói rằng có *tướng*
 Kẻ *sơ cơ* khó lượng định phân .

Thiệt có *Thường* lại nói rằng :
 Vô *thường*, vô *lạc* không chân thật mà,
Ngã và *Tịnh* cũng là như vậy.

Pháp *Tam thừa* lại giải *Nhứt thừa*,

Pháp *Nhứt thừa* ít kẻ ưa

Giảng giải phân biệt *Nhứt thừa* thành ba :

Tướng gói gọn nói là *tướng* rộng,

Tướng lớn rộng nói *tướng* nhỏ mà .

Bốn tội trọng lại nói là

Tội *Thâu lan giá* thật ra nhẹ mà,

Thâu lan giá dầu là tội nhẹ

Lại nói là *bốn tội trọng* gây.

Phạm nói không phạm tội đây

Chẳng phạm nói phạm tội này *đọa sa* .

Phạm tội nhẹ nói là nặng tội,

Mắc tội nặng lại nói nhẹ thay .

Tại sao vậy ? **Đức Như Lai**

Thấy rõ *căn tánh* muôn loài thấp cao .

Dầu có nói khác nhau như vậy,
 Mà trọn không lỗi quấy vọng sai .
 Vì lời *hư vọng* dối bày
 Chính là tội lỗi *đọa* đầy khổ âu .
Đức Như Lai từ lâu đoạn diệt
 Mọi tội lỗi dứt hết trong đời,
 Thời đâu còn nói những lời
Hư vọng giả dối gạt người hay sao .
 Thiện nam tử ! Mặc dầu **Đức Phật**
 Không bao giờ sự thật *vọng* sai,
 Nếu biết *Chúng sanh* muôn loài
 Do lời *hư vọng* tâm đây tu cầu,
 Đặng *lợi ích* nường vào *Chánh pháp*,
 Thời *tùy nghi* phù hạp mở khai .
 Thiện nam tử ! Lại như vậy,
 Tất cả *Thế đế* pháp này ngoài trong
 Đối với **Phật** viên thông *bản thể*
 Là *Đệ nhất nghĩa đế* không hai
Chư Phật Thế Tôn Như Lai
 Vì *Đệ nhất nghĩa đế* này thuyết khai
 Rộng *Phương tiện* diễn bày *Thế đế*

Cho Chúng đặng *đệ nhất nghĩa* đây.

Giả sử tất cả muôn loài

Chứng đặng *đệ nhất nghĩa* này viên thông.

Thời **Chư Phật** trọn không tuyên nói

Về *Thế đế* chẳng lợi ích gì .

Này Thiện nam tử ! Thấu tri.

Như Lai ứng dụng thường tùy *Chúng sanh*

Cũng có lúc giảng rành *Thế đế*

Chúng sanh nghe không thể tri ra

Cho rằng **Thế Tôn** thuyết qua

Đệ nhất nghĩa đế, thật là lầm sai .

Cũng có lúc **Như Lai** thuyết giảng

Về *đệ nhất nghĩa đế* rộng ra .

Chúng sanh cho rằng **Phật Đà**

Nói về *Thế đế*, cũng là nghĩ sai .

Nên cảnh giới **Như Lai Chư Phật**

Rất siêu mầu thâm mật nghĩa chân,

Chẳng phải như hàng *Thanh văn*

Hay bậc *Duyên giác* giải phân được nào .

Thiện nam tử ! Hãy mau xét cạn

Ông chẳng nên vấn nạn **Như Lai**

Nói rằng : “**Đại Bồ Tát** đây
 Là *vô sở đắc* nghĩ sai vô cùng .
Đại Bồ Tát nói chung thường *chứng*
Đặng đệ nhất nghĩa để thật chân .
 Vì vậy, không thể nói rằng :
 Là *vô sở đắc* e lầm lạc chằng”.

Ngài **Ca Diếp** ! Phân trần bạch **Phật** :
 “Thưa **Thế Tôn** ! *Đệ nhất nghĩa* này
 Cũng gọi là *đạo* không hai,
 Cũng gọi *vô thượng* tâm đây *Bồ đề*,
 Cũng gọi là **Niết bàn tịch tịnh**
 Cả ba đều quyết định thật chân .
 Nếu có **Bồ Tát** nói rằng
 Ta đã *đắc đạo*, chứng *tâm Bồ đề*,
 Hay **Niết Bàn** không hề sai trật
 Là *vô thường* như bậc phàm gian .
 Vì pháp nếu cho là *thường*
 Thời chẳng thể *đặng*, tợ dường *hư không*,
 Không một ai đứng hòng có được
 Như mò trăng đáy nước uống công”.

Thế Tôn ! Đại *trí huệ* thông

Xin hãy *hoan hỷ* nghe xong lời này:

“Vì *lợi ích* nhưn loài hiện tại,

Hoặc *vị lai* không phải luận bàn.

Như vật ở trong thế gian

Trước Không nay Có rõ ràng chẳng sai,

Gọi *vô thường* đổi thay *sinh diệt*,

Hợp rồi tan thấy biết ngại ngần .

Cũng vậy, nếu *đạo* cho rằng

Có thể *chứng* đặng *pháp thân*, **Niết Bàn**.

Là *vô thường* hoàn toàn như vật,

Còn *pháp* nếu sự thật là *thường*

Thời không đặng có **Niết Bàn**,

Không sinh, không diệt, hợp tan đổi dời .

Dường sánh tợ như thời **Phật tánh**

Không có đặng *sinh diệt* , diệt sinh .

Thế Tôn ! Luận về *đạo* rành .

Chẳng phải màu sắc đỏ, xanh, trắng, vàng ...

Chẳng phải *sắc* hay không phải *sắc*,

Chẳng ngắn, dài, cũng chẳng thấp cao,

Chẳng phải sinh, chẳng diệt nào,

Chẳng phải Không, Có cứ sao **Phật Đà**

Lại *quyết định* cho là có thể
 Đặng đạo mầu trong thế gian này,
Bồ đề, Niết Bàn cả hai
 Cũng đều *chứng đắc* có sai chằng là ?”.

Nghe qua **Đức Thích Ca Phật** bảo :
 Ông khéo hay luận đạo *biện tài* .
 Thiện nam tử ! Lắng nghe đây .

- Đạo có hai thứ giải bày như sau :
Một là Thường không nào dời đổi,
Hai, vô thường sanh diệt đổi thay .
 - *Tướng Bồ đề* cũng có hai :
Một là thường trụ không thay đổi nào,
Hai, vô thường chóng mau tan hoại .
Niết bàn đây cũng vậy đó mà .
Đạo của ngoại đạo gọi là
 Vô thường biến đổi như hoa nở tàn .
Đạo nội đạo hoàn toàn *Thường* mãi
 Như *hư không* tồn tại vĩnh hằng .
Bồ đề của bậc *Thanh văn*
 Là *vô thường* vậy, giảm tăng bất thường .
Bồ đề của những hàng **Bồ Tát**

Và **Chư Phật** đạo đạt là *Thường* .

Ngoại giải thoát hiểu tận tường
 Cũng còn thay đổi *vô thường* hiển nhiên,
Nội giải thoát bền kiên chắc chắn
 Như *Kim cương* nên đặng gọi *Thường* .

Đạo, Bồ đề và **Niết bàn**

Cả ba đều gọi là *Thường* không sai .

Vì tất cả muôn loài *lục đạo*
 Bị vô lượng *phiền não* che ngăn

Không *huệ nhãn* như ánh trăng
 Nên chẳng thấy được đạo hằng **Như Lai** .
 Nếu *Chúng sanh* muôn loài muốn thấy,
Giới, định, tuệ cần phải *tu hành* .

Do tu hành *chứng đạo* thành
Bồ đề viên mãn, vô sanh Niết Bàn .

Đây gọi là những hàng **Bồ Tát**
Chứng đặng đạo giải thoát nội tâm,

Cùng *Bồ đề* quả cao thâm,
Niết Bàn thị tịch Chơn tâm thường hằng .

Về *tánh, tướng* thật chân của *đạo*
 Vốn chẳng sanh chẳng diệt bao giờ .

Do nghĩa này nên trước *cơ*
 Chẳng thể nắm lấy đạo màu được đâu .
 Thiệt nam tử ! Mặc dầu sự thật
 Đạo không có hình sắc thấy qua,
 Chẳng thể cân lường đặng mà
 Nhưng có công dụng rất là *thậm thâm* .
 Cũng như luận về *tâm* hơn vật
 Dầu chẳng phải hình sắc muôn màu,
 Chẳng phải dài ngắn, thấp cao,
 Chẳng phải thô, tế, buộc vào, mở ra .
 Chẳng phải *pháp* mà ta thấy đặng
 Nhưng cũng là Có, chẳng hề Không .

Do nghĩa này **Đức Thế Tôn**
 Vì *giác ngộ Tu Đạt Đa* nói rằng :
 Nay *Trưởng giả* ! Tâm chân sự thật
 Là chúa tể vạn vật *Chúng sinh* .
Trưởng giả nếu chẳng giữ gìn
 Trau giồi trong sạch *tâm linh* của mình
 Thời chẳng thể giữ gìn thân, miệng
 Luôn nói, làm những chuyện xấu xa .
 Nếu giữ gìn *tâm* tức là

Giữ gìn thân, miệng của ta thơm lành .
 Bởi chẳng khéo giữ gìn thân, miệng
 Nên đời đời *luân chuyển* ba đường .
 Giữ gìn thân, miệng này thường
Chúng sanh vui hưởng *phước* dường lớn bao
 Đặng báo trời mau vào *Phật đạo*
 Quả **Niết bàn** tốt ráo *viên thành* .
Chúng đặng gọi là thật hành
 Còn chẳng *chúng* đặng bất lành khổ mang .
Đạo, Bồ đề, Niết bàn cũng vậy :
 “Cũng là Có, cũng lại là *Thường*.”
 Nếu không có *đạo* khai đường
Phiền não khó dứt nhiệm vương tục phàm .
 Vì có *đạo* các hàng **Bồ Tát**
 Nên thấy biết *chúng* đạt pháp này .
 Thiện nam tử ! Lại như vậy,
Một là thấy *tướng* mạo đây *duyên* bày,
Hai là thấy trong ngoài tất cả
 Rất rõ ràng hiệu quả không sai .
 Thế nào là thấy ở đây
Tướng mạo mà biết phân bày kể ra ?

Như thấy khói đằng xa mù mịt
Nên cho là biết lửa gây ra,
Kỳ thật chẳng thấy lửa mà,
Tuy không thấy lửa chẳng là vọng sai .
Thấy chim hạc tung bay tha thướt
Bèn nói là thấy nước trắng thay,
Dầu chẳng thấy nước thật đây,
Chẳng phải *hư vọng* điều này hại ai .
Như thấy tàng lá cây bao phủ
Bèn nói là biết có gốc cây,
Dầu chẳng thấy gốc cây đây
Chẳng cho *hư vọng* nghĩ sai được nào .
Như nhìn thấy sừng trâu lấp ló
Trước hàng rào nhà nọ chắn ngang,
Dầu chẳng thấy trâu rõ ràng
Cho đó *hư vọng* hoàn toàn là sai .
Thấy người nữ mang thai chữa ghen
Bèn nói là hoan dục sanh ra
Dầu chẳng thấy dục thật mà
Nhưng không thể nói đó là vọng sai .
Như người nọ thấy mây đen phủ

Nói là mưa chắc chắn không lâu,
Tuy chẳng thấy mưa mặc dầu,
Lời nói như vậy lẽ nào vọng sai .
Như thấy thân, khẩu đây tạo nghiệp
Bèn nói là sự thiệt do tâm,
Mặc dầu tuy chẳng thấy tâm
Nhưng cũng chẳng phải vọng lầm sai ngoa.
Đây gọi là thấy qua tướng mạo,
Sự thấy chưa rốt ráo hoàn toàn .
Thế nào là thấy rõ ràng ?
Như mắt thấy sắc đỏ, vàng, trắng, xanh ...
Thiện nam tử ! Nghe rành lời giảng .
Như người có mắt sáng thấy nhìn
Trái A ma lặc tươi xinh
Tương tự xem chỉ tay mình hiện ra .
Đại Bồ Tát Ma Ha thấy đạo,
Hay Bồ đề, quả báo **Niết Bàn**
Cũng như vậy thật rõ ràng,
Dầu sự thấy ấy hoàn toàn chẳng sai,
Những vẫn không có đây tướng thấy,
Vì thấy này không phải sắc trần .

Thiện nam tử ! Ông hiểu rằng :
 Xét ra cũng bởi do *nhân duyên* này
 Nên ngày trước **Như Lai** có dạy
Xá Lợi Phất ! Ông hãy nghe qua :
 Tất cả trong cõi *Ta bà*
Sa môn, Phạm Chí, hoặc ma, trời, người,
 Chỗ chẳng biết hay thời chẳng thấy,
 Hoặc chẳng hiểu như vậy cả thay .
 Chỉ có **Chư Phật Như Lai**
 Đều biết, thấy, hiểu muôn loài *Chúng sinh*,
Đại Bồ Tát *quang minh* cũng vậy
 Biết, thấy, hiểu *vô ngại* hoàn toàn .
 Tất cả các pháp thế gian
 Chỗ biết, thấy, hiểu rõ ràng chẳng sai .
Tâm Chư Phật Như Lai, Bồ Tát
 Chỗ biết, thấy, hiểu đạt sâu xa .
Chúng sanh trong cõi *Ta bà*
 Chỗ chẳng hiểu, biết, thấy ra thế nào,
 Cũng chẳng biết mình sao chẳng biết
 Hay hiểu, thấy đến thiệt ngõ ngàng .
 Có người trí thức thế gian

Chỗ biết, thấy, hiểu, khoe khoang nói rằng:

Tôi biết, thấy, hiểu chân **Phật tánh**,
Nhưng thành công *đạo hạnh* mấy ai .

Chư Phật và Đức Như Lai

Biết, thấy, hiểu hết muôn loài vật nhân,
Cũng chẳng tự nói rằng Ta biết,
Thấy và hiểu sự thiệt biện bày.

Giả sử nếu Đức Như Lai

Còn có *tướng* biết, thấy hay hiểu này,
Thời chẳng phải **Như Lai Đức Phật**
Mà chỉ là những bậc kém tài .

Ca Diếp Bồ Tát chấp tay

Lẽ **Phật** bạch hỏi **Như Lai** thế này :

“**Đức Thế Tôn** trước đây có dạy
Xá Lợi Phất ông hãy nhớ là .

Chúng sanh nếu biết hiểu qua,

Ta đây cũng biết sâu xa tận tường,
Chỗ thế gian Chơn thường chẳng biết,
Ta biết rõ sự thiệt lâu lâu .

Ý nghĩa đó như thế nào ?

Mong **Phật** giảng nói cạn sâu rõ ràng”.

Thiện nam tử ! Thế gian như vật
Chẳng biết, thấy, hiểu **Phật tánh** đây.

Nếu có biết, thấy, hiểu rày
Không còn *phàm tánh* chứng ngay đạo vàng
Chẳng gọi là thế gian dốt nát
Mà gọi là **Bồ Tát** siêu phàm .

Nói chung người trong thế gian
Cũng lại chẳng biết minh quang thấy nhìn
Chẳng hiểu hết *mười hai kinh điển*,
Và pháp môn *thập nhị như duyên*,
Bốn đảo, bốn Thánh đế truyền,
Ba mươi bảy phẩm trợ duyên Bồ đề,
Đạo vô thượng chẳng hề nắm bắt,
Đại Niết Bàn của **Phật Như Lai** .

Nếu biết, thấy và hiểu đây
Gọi là **Bồ Tát đương lai** đạo thành .
Thiện nam tử ! Giải rành đã rõ
Đây gọi là người ở thế gian
Chẳng biết, chẳng thấy rõ ràng,
Chẳng hiểu **Phật tánh** hoàn toàn ra sao .
Là chỗ biết thế nào thấy hiểu

Cửa phàm gian chưa liễu đạo viên ?
 Chính là cõi trời *Phạm Thiên*,
Tự Tại hay Bát Tý Thiên cho rằng :
Tánh, thời, hoặc *vi trần* tất cả
Pháp, phi pháp tạo hóa chủ trương,
 Chung thủ vĩnh viễn miên trường,
Kiến chấp thường, đoạn hai đường biệt riêng,
 Lại cho là ***Sơ thiên***, nhứt, ***nhị*** ...
 Đến cõi trời ***Phi Phi Tưởng thiên***
 Là **Niết Bàn** của *Chư Thiên*
 An lạc vui hưởng triền miên đời đời .
 Thiện nam tử ! Đây thời chỗ biết
 Thấy và hiểu sự thiệt thế gian .
Đại Bồ Tát trí minh quang
 Đối với những việc luận bàn kể trên
 Cũng biết, thấy liễu viên hiểu tận
 Dầu như vậy *tâm* chẳng *chấp* mang,
 Nếu nói chẳng biết hoàn toàn,
 Chẳng thấy, chẳng hiểu rõ ràng *vọng* ngoa .
 Nếu *vọng* ngoa thời là có tội,
 Do tội này phải *đọa* A-tỳ .

Nay Thiện nam tử ! Thấu tri
 Hoặc nam hay nữ, hoặc thì *Sa môn*,
Bà la môn gồm chung tất cả
 Nói rằng không có đạo *Bồ đề* .
 Phải biết bọn này u mê
 Đáng gọi là *Nhứt xiển đề* giống hư,
 Là *quyến thuộc* của *Ma vương* vậy,
 Hủy *Chánh pháp* phá hoại *Tăng già*.
 Hủy báng *Chánh pháp* tức là
 Hủy báng **Chư Đức Phật Đà Như Lai**,
 Người như vậy **Ta** đây nên gọi
 Là thế gian chẳng phải thế gian.
 Nghe qua **Ca Diếp** hân hoan
 Nói kệ *tán thán cúng dường Như Lai* .

Đức Đại Từ Bi thương Chúng sanh
Nay Tôi quy Phật trọn tâm thành .
Như Lai khéo nhỏ mũi tên độc
Hiệu Đại Y Vương thật xứng danh .

Y sĩ trong đời trị bệnh lành,

*Nhưng rồi ít bữa bệnh tăng nhanh,
Như Lai chữa trị **căn cơ** tuyệt
 Rốt ráo chẳng còn bịnh phát sanh .*

*Dược pháp Cam lồ của **Thế Tôn**
 Dem ban như loại các Chư môn
 Tín tâm uống thuốc trừ muôn bịnh,
 Chẳng có tử sanh sống vĩnh tồn .*

*Vì Tôi **Đức Phật** thuyết khai đàn
 Diễn nói Tôn Kinh **Đại Niết Bàn**
 Muôn loại nghe qua đồng thức tỉnh
 Chẳng còn sanh diệt, trí minh quang .*

*Kệ xong **Ca Diếp** Ngài đây
 Bạch **Phật** thưa hỏi **Như Lai** lời rằng :
 “Chính **Phật** nói người trần chẳng biết,
 Thấy và hiểu **Phật tánh** căn lành,
Bồ Tát biết, thấy, hiểu rành
Phật tánh có sẵn *Chúng sanh* muôn loài .
 Giả sử như các Ngài **Bồ Tát***

Là *Chúng sanh* chưa *đắc đạo* hằng
 Thời không thể được nói rằng
 Thế gian chẳng biết, thấy chân thực là
 Và chẳng hiểu sâu xa **Phật tánh**,
 Mà **Bồ Tát** biết, thấy, hiểu đây.
 Còn nếu **Bồ Tát** các Ngài
 Chẳng phải sanh Chúng muôn loài trần ni.
 Thời chắc có *tướng* gì lại khác
 Mong **Phật tử** thấu đạt phân qua ?”.

Hỡi này, **Ca Diếp Ma Ha** !
Bồ Tát Chư vị cũng là thế gian,
 Cũng chẳng phải là hàng sanh Chúng .
 Biết, thấy, hiểu chẳng gọi thế gian .
 Ông hỏi do Chúng nghi nan
 Có *tướng* gì khác thế gian chẳng là ?
 Nay **Thế Tôn Phật Đà** bày tỏ.
 Ông hãy lóng nghe rõ pháp đàn .

Này **Ca Diếp** ! Có *Thiện nam*,
 Hoặc là *tín nữ* thích ham tu cầu
 Mới nghe qua lần đầu *kinh điển*
Đại Niết Bàn tâm thiện liền sinh

Cầu đạo vô thượng chí tình
 Đây gọi **Bồ Tát** còn thân tục phàm .
 Tất cả trong thế gian chẳng biết
 Thấy và hiểu xét thiệt như nhau
Bồ Tát này chẳng khác đâu
 Chẳng biết, chẳng thấy, hiểu sâu đạo mầu,
 Đồng thế gian có nào cao thấp
 Đời hiện tại bắt gặp đồng đây.
Bồ Tát khi nghe *kinh* này
Đại Niết Bàn của **Như Lai** thuyết bày
 Xét có sự muôn loài chẳng biết,
 Thấy và hiểu **Phật tánh** nhiệm mầu.
 Chỗ biết, thấy, hiểu ra sao
 Của **Đại Bồ Tát** đức cao trí thiên .
 Biết như vậy rồi liền tự nghĩ :
 “Tôi phải chuyên *tu tập* thế nào
 Để được biết, thấy, hiểu sâu
 Như **Đại Bồ Tát** huệ mầu tinh thông ?”
 Lại tự nghĩ tâm lòng sanh khởi :
 “Phải tu trì *tịnh giới* sạch trong”.
 Nay Thiện nam tử ! Hỡi ông !

Tu trì *tịnh giới* gieo trồng hiện nay
Bồ Tát này *vị lai* mẫu mực
 Sanh chốn nào giới đức *tịnh thanh*.
 Thiện nam tử ! Do căn lành
 Đã trọn giới đức tu hành *giỏi trau*
Bồ Tát chuyển chỗ nào như *nguyện*
 Vẫn không còn *tà kiến, mạn, nghi* .
 Chẳng bao giờ tâm *mê si*
 Cho rằng **Phật** nhập *vô vi Niết Bàn* .
 Đây gọi là những hàng **Bồ Tát**
 Tu *giới* tròn thuần đạt *bốn nguyên* .
Giới đã sạch, kế tu *thiền* .
 Do tu *thiền định* năng siêng thực hành
 Nên kiếp kiếp không sanh *tà kiến*
 Đắc *Chánh niệm* như *nguyện* không phai.
 Thấy biết *Chúng sanh* muôn loài
 Đều có **Phật tánh** xưa nay vẫn đồng,
 Và *mười hai bộ kinh* thấu đạt,
Chư Đức Phật *thường, lạc* an vui,
 Chơn *ngã*, Chơn *tịnh* đời đời,
 Luôn luôn bất diệt không dời đổi thay .

Tất cả **Bồ Tát** đây an trụ
 Nơi *Phương Đẳng* **Kinh Đại Niết Bàn**
 Đều thấy **Phật tánh** rõ ràng
 Những việc trên đó vô vàn khó quên :
 Vì *Chánh định* bền kiên ráo rớt
 Nên *chứng* đặng *mười một pháp Không* .
 Đây gọi **Bồ Tát** *định* xong
Thanh tịnh chơn tánh *viên thông* đạo mầu .
 Khi **Bồ Tát** *đắc* vào *giới, định,*
 Kế tu *huệ* thanh tịnh tâm lòng .
 Do tu *huệ* đã thành công
 Nên chẳng chấp trước bên trong thân này
 Là có *ngã* ta đây điều khiển,
 Hay trong *ngã* có hiện thân này,
 Là thân là *ngã* cả hai,
 Chẳng phải thân, *ngã* có đây đó mà .
 Nên xứng đáng gọi là **Bồ Tát**
 Tu tập *huệ* chứng đạt tịnh thanh .
 Do tu tập *huệ* *viên thành*
 Vì vậy *giới* cấm trợn lành sạch trong .
 Như *Tu Di* chẳng rung động chuyển,

Mặc gió bão vẫn hiện y nguyên .

Đại Bồ Tát bậc *Thánh hiền*

Chẳng bị *bốn thứ đảo điên* xao lòng .

Đại Bồ Tát tự thông minh biết

Rằng giới cấm mình thiết *thọ trì*

Không có lay động chút gì

Đây gọi là chỗ *thấu tri* hoàn toàn,

Chẳng phải là thế gian *phàm tục*

Xứng danh gọi **Bồ Tát Ma Ha** .

Này Thiện nam tử ! Nghe qua

Bồ Tát thấy *giới* của **Ta** *thọ trì*

Luôn bền chắc chẳng gì lay động,

Thời *tâm* không hối hận bản thân .

Không còn hối hận ăn năn

Nên tâm *hoan hỷ* vui mừng ngày đêm .

Vì vui mừng càng thêm thỏa thích,

Vì thỏa thích an ổn triền miên .

Vì an ổn *đắc pháp* thiền

Chánh định vô động *đảo điên* dứt trừ .

Vì *vô động* chứng như tột bậc

Đặng *tri kiến* chơn thật hiện bày .

Vì đặng *tri kiến* thật nầy
 Nhàm lìa *sanh tử* vượt ngoài thế gian .
 Vì nhàm lìa khỏi đàng sanh tử,
 Đặng giải thoát *sáu nẻo luân hồi* .
 Vì đặng *giải thoát* cõi đời,
 Thấy rõ **Phật tánh** muôn loài *Chúng sanh*.
 Đây là chỗ thấy rành **Bồ Tát**,
 Chẳng phải là thấy của thế gian .
 Thiện nam tử ! Quá rõ ràng
 Như trên đây gọi thế gian tục phàm
 Chẳng biết thấy hoàn toàn **Phật tánh**,
 Mà là chỗ biết thấy sâu xa
 Của bậc **Bồ Tát** đó là
 Tu *giới, định, huệ* thấy ra tận tường .
 Ngài **Ca Diếp** kính nhường bậc **Phật** :
 “Thế nào là **Bồ Tát** hiện nay
 Tu trì *giới thanh tịnh* nầy
 Tâm không hối hận lỗi sai của mình,
 Nhẫn đến thấy *quang minh* **Phật tánh** .
 Mong **Thế Tôn Đại Thánh** giảng bày ?”
 Thiện nam tử ! Hãy nghe đây .

Luận về giới cấm người nay *thọ trì*
 Chẳng thể nào phát huy *thanh tịnh*
 Thì làm sao *Chánh định* vững vàng .
 Vì giới cấm của thế gian
 Để *câu pháp* Có rõ ràng chẳng sai,
 Vì *tâm tánh* người đây *bất tịnh*,
 Chẳng rốt ráo còn dính phàm tình,
 Không làm vì lợi *Chúng sinh*
 Nên chẳng *thanh tịnh tâm minh* được nào .
 Chẳng *thanh tịnh* lo rầu hối hận,
 Vì hối hận nên chẳng vui mừng.
 Vì không vui mừng thuận ứng,
 Thì không thỏa thích giới cần giới trau .
 Không thỏa thích làm sao an ổn .
 Không an ổn nên không đặt là :
Chánh định bất động chứng qua,
 Giới cấm trì giữ thật ra khó thành .
 Không *Chánh định* tâm sanh động chuyển
 Nên không có *tri kiến* thật chơn .
 Vì không *tri kiến* hằng thường,
Tâm không nhàm chán *sáu đường trầm luân*.

Không nhàm chán thì tâm tạo ác,
Không bao giờ *giải thoát* được đâu .
Không *giải thoát* chịu khổ sầu,
Chẳng thấy **Phật tánh** từ lâu của mình .
Vì không biết thấy nhìn **Phật tánh**,
Nên trọn chẳng đặng **Đại Niết Bàn** .
Đây là giới cấm thế gian
Không được *thanh tịnh* hoàn toàn chẳng sai.
Thiện nam tử ! *Giới Đại Bồ Tát*
Luôn *thanh tịnh* trong sạch như vậy :
Vì *giới* chẳng phải giới đây,
Vì chẳng phải có, *giới* bày chấp riêng,
Vì quyết định liễu viên rốt ráo,
Vì lợi ích *lục đạo Chúng sanh* .
Đây gọi là giới tịnh thanh
Của bậc **Bồ Tát** tu hành mãn viên .
Thiện nam tử ! *Thánh hiền Bồ Tát*
Ở trong *giới* chứng đạt tịnh thanh,
Dầu chẳng muốn khởi tâm sanh
Những sự hối hận đã đành rời xa,
Nhưng quán sát thật ra chẳng phải

Không hối hận lòng lại tự sinh .

Như người cầm gương sáng tinh
Chẳng trông mong thấy mặt mình hiện ra
Mà ảnh của mặt ta tự hiện
Ảnh trong gương như *huyễn* có, không .

Cũng như ví dụ nhà nông
Đem giống gieo cấy ruộng đồng tốt tươi,
Chẳng mong mỗi mầm chồi lên mọc
Mà mầm mọng tự trở mọc lên .

Lại cũng như người thấp đèn
Chẳng muốn trừ tối, tối bèn tự lui .

Đại Bồ Tát rèn trui giữ giới

Tâm thanh tịnh chẳng khởi niệm tình,

Không hối hận tự nhiên sinh,

Như gương chiếu sáng mặt mình hiện ra .

Giới thanh tịnh do ta trau luyện

Nên tâm đặng biểu hiện vui mừng .

Như người xinh đẹp tuyệt trần

Trông thấy diện mạo khởi tâm vui mừng,

Người trì *tịnh giới* năng cũng vậy,

Không phạm vào lỗi quấy mừng vui .

Thiện nam tử ! Như có người
Phá giới thấy giới không thời sạch trong
 Bèn hổ thẹn sanh lòng hối hận
 Nên tâm không thể đặng vui mừng.
 Như người tàn tật tấ thân
 Trông thấy diện mạo nên tâm tủi buồn .
 Cũng ví như hai cô gái nọ
 Sống với nghề buôn bán, chẵn bờ :
 Một người đội bình sữa to,
 Người kia nước ép trái nho đồng hành
 Trời hừng sáng vào thành để bán,
 Nhưng không may gặp nạn thành linh
 Cả hai vấp chân bể bình
 Một người cười nói tánh tình hồn nhiên,
 Còn cô kia ưu phiền rầu rĩ
 Thật hai người tâm ý khác nhau .
 Kể *phá giới* dạ buồn sâu
 Người *trì giới* vẹn lúc nào cũng vui .
 Vì vui mừng tâm thời suy nghĩ :
Chư Đức Phật Đại trí minh quang
 Ở trong **Kinh Đại Niết Bàn**

Nói rằng : Tất cả thế gian trời, người
 Có thể *trì giới* nơi *thanh tịnh*
 Chắc chắn đặng nhập định *Niết Bàn* .
 Nay tôi *tu tập* giới đàn
 Cũng đáng chứng đặng đạo vàng cao thâm .
 Do cố này nên tâm thỏa thích
Thanh tịnh giới đến đích thành công .
Ca Diếp Bồ Tát nghe xong
 Bạch **Phật** thưa hỏi bởi lòng còn nghi :
 “Vui mừng có khác gì thỏa thích
 Xin **Phật** từ vì Chúng giải bày .”
 Thiện nam tử ! Lóng nghe này .
 Lúc chẳng làm ác tâm đây vui mừng,
 Trì *tịnh giới* lại càng thỏa thích,
 Vì cả hai mục đích liễu viên .
Đại Bồ Tát lúc tịnh thiền
Quán sát sanh tử căn nguyên hiểu rành.
 Lòng vui mừng *đắc* thành hiệu quả,
 Vì không còn sợ *đọa* thế gian.
 Lúc thấy đặng **Đại Niết Bàn**
 Càng thêm thỏa thích thanh nhàn *thân tâm* .

Đối bậc hạ vui mừng khôn tả,
 Bậc thượng gọi thỏa thích vô vàn .
 Nếu lìa dứt pháp thế gian
 Cũng gọi là chỗ hân hoan vui mừng .
Pháp bất cộng toàn phần đạt đắc
 Tâm thỏa thích sự thật nơi lòng .
 Do *giới thanh tịnh* sạch trong
 Thân thể không bình thông dòng dục,
 Miệng không nói lời gian thô ác
 Hoặc cố tình dối gạt một ai .
 Lúc bấy giờ, **Bồ Tát** này
 Thấy, nghe, ngửi, nếm thường ngày *sáu căn*
 Hoặc xúc chạm *ngoại trần* hiểu biết
 Đều không có *ác nghiệp* tạo gây .
 Vì không ác niệm tâm đây
 Mới đặng an ổn ngày ngày bình yên .
 Vì an ổn định thiền *chứng đắc* .
 Vì *chứng đắc* thấy biết thật chơn .
 Vì thấy biết chỗ *vô thường*
 Nhàm lìa sanh tử khỏi đường *trâm luân* .
 Vì nhàm lìa cõi trần *ngũ trược*,

Nên mới đặng *giải thoát* buộc ràng .

Vì *giải thoát* thấy hoàn toàn

Phật tánh *diệu hữu* rõ ràng không sai .

Vì thấy **Phật tánh** này nên đặng

Vào **Niết Bàn** *thù thắng* siêu nhiên .

Đây gọi **Bồ Tát** *Thánh hiền*

Trì tịnh giới đức liễu viên khó bàn,

Chẳng phải giới thế gian *tu tập*

Mà *Chúng sanh* bắt gặp hằng ngày .

Vì **Đại Bồ Tát** này đây

Thọ trì *tịnh giới* thường hay không rời.

Có năm pháp đồng thời tá trợ

Nên không còn lo sợ thối tâm :

Một là Tín; Hai là Tàm;

Ba là Quý thẹn việc làm lỗi sai;

Bốn, Thiện trí thức luôn gần gũi;

Năm là tôn kính giới **Như Lai** .

Do đã lìa *ngũ cái* này

Chỗ thấy *thanh tịnh* trong ngoài suốt thông,

Vì đã lìa được *năm ác kiến*

Tâm không còn các *Hoặc* ôm ghì .

Vì đã lìa năm thứ nghi :
*Một là nghi **Phật**; Hai, nghi **Pháp** hành;*
*Ba, nghi **Tăng** tu hành có đức;*
*Bốn, nghi **Giới** sự thật ích gì;*
Năm là có chỗ hoài nghi
 Ai chẳng *phóng dật*, khó trì giới răn .
Bồ Tát đặng *ngũ căn* chứng đắc :
 Là *Tín căn* hay hoặc *Niệm căn*,
Tinh tấn, định, huệ, toàn năng .
 Vì đặng *chứng đắc* trọn *phần ngũ căn*
 Được năm thứ **Niết Bàn** vui hưởng :
Sắc giải thoát, thọ, tưởng và hành,
 Đến *thức giải thoát* trọn lành
 Đây gọi **Bồ Tát** *giới thanh tịnh* trì.
 Chẳng phải *giới* của thì *thế tục*
 Mong *Chúng sanh* gạn đục tâm trong .
 Nay thiện nam tử ! Hỡi ông !
 Thế gian không biết, chẳng hòng thấy qua.
 Chỗ thấy biết *Ma Ha Bồ Tát*
 Đặng năm thứ *giải thoát* sâu xa.
 Nếu hàng *đệ tử* của **Ta**

Thọ trì, đọc tụng hay là chép biên
Đại Niết Bàn lưu truyền, diễn thuyết
 Mà *phá giới* phạm phải lỗi nghi .
 Bị người quả trách kể chi
 Nhãn đến hủy báng khinh khi nói rằng :
 “Nếu thật là *tạng* chân bí mật
 Đã bao đời **Chư Phật** thuyết khai
Kinh Đại Niết Bàn không hai
 Trời, người tôn kính có oai lực thời,
 Sao lại làm cho người tu niệm
 Phá giới cấm không kiểm soát mình
 Cho nên **Đại Niết Bàn kinh**
 Không có oai lực hiển linh chút nào.
 Nếu không có nhiệm mầu oai lực
 Dầu đọc tụng phí sức lực mình .
 Do vì khinh hủy Chơn kinh
 Làm cho vô lượng *Chúng sinh* đọa đày”.
 Người trì thọ kinh này suy gẫm
 Nếu hủy phá giới cấm trong đời
 Là *ác tri thức* loài người,
 Đó là *quyển thuộc* của thời *quần ma*

Chẳng phải *đệ tử Ta* giáo dạy
 Người như vậy tác hại tương lai.
 Không cho *thọ trì* kinh này,
 Thà khiến bọn họ chẳng hay *thọ trì*,
 Chẳng tu niệm hơn thì sa đọa,
 Chớ chẳng để hủy phá giới đây
 Mà *tu tập* kinh điển này
 Làm cho thế sự người nay khinh thường .
Ca Diếp ! Nếu thật chơn *đệ tử*
 Của **Như Lai** gìn giữ qui điều,
Thọ trì, đọc tụng sớm chiều,
 Thơ tả *diễn thuyết* dặt dìu *Chúng sinh* .
 Phải chánh *thân tâm* gìn cẩn thận
 Chớ cột đũa không đặng lãng xao
 Lỗi lầm thân khẩu chừa mau,
 Tâm không khinh động, thân đâu lỗi đời .
 Cầu pháp Có tức thời khinh động,
 Thân tạo *nghiệp* ý vọng cột đũa .
Đệ tử Ta nếu chưa chừa
 Mong cầu pháp Có thích ưa riêng mình,
 Tạo các *nghiệp* bất minh lớn nhỏ,

Thì không nên trì thọ kinh này .
Nếu trì nhiều người chê bay
Lại còn ngạo báng **Như Lai Phật Đà** :
“**Đại Niết Bàn** nếu là *tạng* mật
Của **Thế Tôn Chư Phật** từ lâu
Có oai lực lớn nhiệm mầu
Mà sao lắm kẻ tu cầu lợi danh,
Gây tạo *ngiệp* bất lành đầy vãi
Khiến người đời họ thấy chê bay .
Nếu ai *thọ trì* kinh này
Mong cầu pháp Có, tạo gây *ngiệp trần*,
Do cố này, **Niết Bàn kinh** *tạng*
Người như vậy không đáng *thọ trì*,
Vì không có oai lực gì
Nếu không oai lực *thọ trì* ích chi” .
Cũng bởi vì khinh khi hủy báng
Đại Niết Bàn *mật tạng* tôn kinh
Làm cho vô lượng *Chúng sinh*
Đọa vào nơi chốn ngục hình khổ thay !
Người *thọ trì* kinh này nghe rõ
Nếu *tâm* cầu pháp Có lợi riêng,

Gây tạo các *ngiệp* oan khiên
 Là *ác tri thức* đoạn *duyên* **Phật Đà**,
 Làm *quyến thuộc* loài *ma* hung dữ
 Không phải là *đệ tử* **Thích Ca** .
 Nay *Thiện nam tử* ! Nghe qua .
 Nếu hàng *đệ tử* của **Ta** *thọ trì*,
 Hoặc đọc tụng *ngĩa* thì phải biết,
 Hoặc *thơ tả* *diễn thuyết* kinh này
 Không nên phạm điều dưới đây :
Thuyết pháp *phi xứ*, hoặc hay *phi thời*,
 Không ai thỉnh đem lời pháp thuyết,
 Kính tâm mà lại *thuyết pháp* đây,
 Chỗ nào cũng *thuyết pháp* bày,
 Tự khen mình giỏi *biện tài* pháp khai,
 Kính người khác ra oai *thuyết pháp*,
 Diệt **Phật** mà *thuyết pháp* trấn an,
 Vì hưng thịnh pháp thế gian
 Mà *diễn thuyết* pháp hoàn toàn lầm sai .
 Nếu *đệ tử* **Ta** đây tất cả
 Trì kinh này tâm dạ đổi dời,
 Hoặc *thuyết pháp* *sái phi thời*

Cho đến *thuyết pháp* hưởng đời vinh quang.
 Để hưng thịnh thế gian pháp thuyết,
 Mọi người nghe thấy biết khinh chê.
 Không còn trọng đạo *Bồ đề*
 Làm cho sanh Chúng *si mê* lợi tài .
 Người *thọ trì* kinh này như vậy,
 Thời là *ác tri thức* Ta bà,
 Là *quyến thuộc* của loài *ma*
 Không phải *đệ tử Phật Đà Như Lai* .
 Thiệt nam tử ! Nghe đây hiểu rõ .
 Nếu người nào trì thọ kinh này,
 Muốn giảng thuyết nghĩa rộng bày
Đại Niết Bàn của **Như Lai** phổ truyền,
 Hay muốn giảng thuyết tuyên **Phật tánh**,
 Hoặc *Đại thừa Phương Đẳng tùy duyên*,
Thanh Văn, Bích Chi thừa *quyền*,
 Hoặc giảng *giải thoát* tự nguyên ý **Ta**
 Và muốn đặng thấy qua **Phật tánh**
 Thời trước phải *thanh tịnh* thân mình .
 Vì thân *thanh tịnh quang minh*
 Người không quở trách miệt khinh chê cười .

Được như vậy mọi người tin tưởng
 Mà làm cho vô lượng *Chúng sanh*
 Có lòng *tín ngưỡng* chân thành
 Đối với *tạng* mật Tôn **Kinh Niết Bàn** .
 Lòng đã tin nên càng không nệ,
 Nếu được nghe một *kệ*, một câu,
 Một chữ mà *ngộ đạo* mau
 Ôn người giảng thuyết cao sâu khôn lường,
 Liên *phát tâm* vào đường *Phật đạo*
Quả Bồ đề rất ráo *viên thành* .
 Nên biết người này trọn lành
 Là *Thiện tri thức* Chúng sanh muôn loài,
 Là *đệ tử* **Như Lai Chư Phật** .
 Xứng hiệu danh **Bồ Tát** hoàn toàn
 Chẳng phải *phàm phu* thế gian
 Chỗ thấy các vị khó khăn nghĩ bàn .
 Thiện nam tử ! Thế gian chẳng biết
 Và chẳng thấy sự thiệt ra sao ?
 Chỗ thấy biết như thế nào ?
 Của bậc **Bồ Tát** cao sâu khó lường .
 Đây là nói *sáu phương Chánh niệm*

Sự *tu hành* trọng điểm lập thân :

Niệm **Phật**, niệm **Pháp**, niệm **Tăng**,
Niệm **Giới**, niệm **Thí**, ân cần niệm **Thiên** .

- Thế nào là năng siêng niệm **Phật** ?

Là am tường chơn thật nghĩa bày .

Mở đầu danh hiệu **Như Lai**,

Ứng Cúng công đức không ai sánh bằng,

Chánh Biến Tri thường hằng thấu biết,

Minh Hạnh Túc chơn thiệt tròn đầy,

Thiện Thệ nguyện lớn sâu dày,

Thế Gian Giải ngộ chỉ bày Chơn tâm,

Vô Thượng Sĩ cao thâm vi diệu,

Bậc **Trượng Phu Điều Ngự** độ đời,

Thiên Nhân Sư thầy trời người,

Phật Đà toàn giác rạng ngời **Thế Tôn** .

Chẳng biến đổi trường tồn vĩnh cửu

Mười trí lực đầy đủ toàn năng,

Bốn vô sở úy trọn phần,

Đại **Sư tử hống** cao thẳng ai bì,

Đại **Sa môn** phát huy **đạo quả**,

Đứng đầu trên tất cả **Tăng già**,

Đại Bà La Môn cùng là
Đại tịnh, rốt ráo sang qua giác bờ,
Được gọi là đấng **Vô Năng Thắng**
Hay **Vô Kiến Đảnh** đấng **Như Lai**,
Tâm không **bố úy** chuyển xây
Riêng thân đốn độc không ai bạn mình,
Vô Sư Trí tâm linh tự ngộ,
Trí lanh lợi *quyền* độ *giác tha*,
Trí sâu tợ biển bao la,
Và *trí giải thoát* như là *hư không*,
Trí bất cộng, *viên thông* rộng khắp,
Trí rốt ráo không gặp trở ngại,
Trí bảo thành tựu vô ngần,
Như sức Vương Tượng phàm trần khó hơn,
Trong loài người Ngưu vương quý nhất,
Trong biển cả cao bậc Long vương,
Trượng phu trên loài người thường,
Liên Hoa gần sinh chẳng vương mùi trần,
Cũng ví như hoa *Phân Đà Lợi*
Là hoa quý trên các loài hoa .
Điều Ngự Như Sư Ta bà

Là Đại *thí chủ* ban ra pháp lành,
 Đại *pháp sư* vì rành các pháp
 Và biết nghĩa huân tập các kinh,
 Vì biết thời định phân minh,
 Vì biết *tri túc* giữ gìn chính ta,
 Vì *tri ngã* biết ra chơn giả,
 Vì biết *tánh* tất cả *Chúng sanh*
 Lợi *độn*, ngu trí rõ rành,
 Vì nói *Trung đạo* độ sanh đời đời,
 Do những cố trên thời vừa giải,
 Đại *pháp sư* danh gọi chẳng sai .

• Thế nào gọi là **Như Lai** ?

Như chỗ *thuyết pháp* xưa nay **Phật Đà**
 Chẳng biến đổi dù là quá khứ,
 Hay hiện tại hoặc thưở *vị lai*.

Mười hai bộ kinh thuyết khai
 Quá khứ cũng vậy, **Ta** nay khác nào,
 Nên **Như Lai** trước sau không đổi,
 Dầu phong ba gió thổi vững yên,
Tu Di sơn không ngựa nghiêng
Như Lai mặc định bụi phiến nào vương .

Chư Phật có *Sáu Ba La Mật*,

Ba mươi bảy trợ đạo đủ đầy,

Mười một pháp Không lành thay !

Nhẫn đến **Đại Bát Như Lai Niết Bàn** .

Đức Thế Tôn hiện đang cũng vậy,

Nên gọi **Phật** là **Đức Như Lai** .

Chư Phật vì độ muôn loài

Tùy nghi phương tiện pháp khai *ba thừa*,

Thọ mạng Phật khôn cùng tính đếm

Đức Như Lai cũng vậy chẳng hai .

Nên gọi **Phật** là **Như Lai**

Không hề thay đổi xưa nay một mà .

• Như thế nào gọi là **Ứng Cúng** ?

Pháp thế gian đều gọi oan gia,

Vì **Đức Như Lai Phật Đà**

Ứng phá hoại pháp *Ta bà* thế gian

Nên được gọi rõ ràng là Ứng.

Còn nghĩa sâu lý tận như là :

Luận về *Tứ ma* oan gia

Của **Chư Bồ Tát Hàng sa** lâu đời .

Chư Phật lúc còn thời **Bồ Tát**

Dùng *trí huệ* thông đạt sâu xa
 Phá hoại hết *bốn thứ ma*
 Nên gọi danh Ứng thật là không sai .
 Lại Ứng còn nghĩa đây được gọi
 Là viễn ly rời cõi *Ta bà*,
 Lúc làm **Bồ Tát** *Tăng già*
 Dứt trừ *vô lượng* Hằng sa não phiền
 Gọi là Ứng căn nguyên như vậy,
 Khắp *Ta bà* nghe thấy hân hoan .
 Lại Ứng gọi là lạc an,
Chư Phật quá khứ vô vàn vô biên
 Lúc còn làm *Thánh hiền* **Bồ Tát**
 Dầu chuyển trong vô số kiếp trần
 Vì độ sanh chịu muôn phần
 Những sự thử thách gian truân khổ nần.
 Nhưng trọn không than van thối chuyển,
 Tâm *từ bi* thường hiện niềm vui,
 Vì thường vui *độ thoát* người,
 Nên gọi là Ứng hiện đời cứu nguy .
 Do *công đức* phát huy thực hiện
 Trời và người ứng nguyện *cúng dường*

Chuỗi ngọc, tràng *phan*, hoa hương ...
 Gọi là *Ứng Cúng* tán dương **Phật Đà** .
 • **Chánh Biến Tri** nay **Ta** lược giải ?
 Chánh là nói tâm chẳng đảo điên .
 Biến Tri thông đạt *kinh quyền*
 Trừ dứt *bốn thứ đảo điên* nơi lòng .
 Chánh là nói cố công *khổ hạnh*
 Mà làm cho *tâm tánh* tịnh thanh .
 Biến Tri là biết như lành
Duyên nơi *khổ hạnh* quả thành mai sau .
 Chánh là nói đạo màu sáng tỏ
 Trong thế gian không có gì bằng .
 Biến Tri là *quyết định* rằng
 Tu tập *Trung đạo* chính nhân *Bồ Đề* .
 Lại Chánh nói có thể tính đếm,
 Có thể lường, có thể đo cân .
 Biến Tri chẳng thể đếm phân,
 Chẳng thể lường đặng, đong cân dễ nào .
 Vì thế nên từ lâu gọi **Phật**
Chánh Biến Tri sự thật không sai .
 Nay Thiện nam tử ! Nghe đây .

Thanh văn, Duyên giác cả hai cùng là

Có *biến tri*, thật ra chẳng có,

Vì *biến tri* là nói bày qua

Ngũ ấm, thập nhị nhập mà,

Hay *thập bát giới* sâu xa hiểu rành

Hàng *Nhị thừa* tu hành chứng đắc

Có *biến tri* chưa thật trọn thay .

Vì hàng *Nhị thừa* ở đây

Trong vô lượng kiếp trải dài lâu xa

Quán sắc ấm khó mà thấu triệt

Chẳng thể nào biết hết được chẳng .

Do nghĩa này **Ta** nói rằng

Biến tri chẳng có nơi hàng *Thanh văn*,

Hay *Duyên giác* một phần chứng đạo,

Chỉ có **Phật** rốt ráo *biến tri* .

• **Minh Hạnh Túc** nghĩa là gì ?

“Minh” là sáng suốt *từ bi* thực hành

Đặng vô lượng quả lành *thù thắng* .

“Hạnh” tức là chân cẳng đủ đây,

Quả lành vô thượng không hai .

Chân cẳng là nói *giới* dày *huệ* sâu .

Nương giới huệ đạo mầu *chứng đắc*
 Quả *Bồ đề* **Chư Phật** Hằng sa .

Vì thế nên gọi **Phật Đà**

Hiệu *Minh Hạnh Túc* thật là không sai .

Lại “Minh” gọi nghĩa này là “Chú”

“Hạnh” gọi rằng “Kiết” thụ lành thay !

“Túc” gọi là “Quả” đủ đầy,

Đây là nghĩa của hơn loài thế gian.

“Chú” là nói Sáu đàng *giải thoát*,

“Kiết” là nói chứng đạt đạo vàng,

“Quả” là nói **Đại Niết Bàn**,

Vì thế nên gọi các hàng **Như Lai**

Minh Hạnh Túc đủ đầy *Đạo Quả*

Một trong mười danh hiệu rõ ràng .

Lại “Minh” đồng nghĩa là “Quang”,

“Hạnh” là “Nghiệp” của tâm đang hiện hành,

“Túc” là nói “Quả lành vô thượng”

Đây là nghĩa suy tưởng thế gian .

Chẳng *phóng dật* gọi là “Quang”

“Nghiệp” do tâm tạo hoàn toàn không sai

Sáu pháp môn thường hay tu tập

Trải bao đời chứng đắc *viên thông* .

“Quả” là nói đã làm xong

Bồ đề viên mãn ở trong phạm tình .

Lại “Minh” là *Tam minh* đạo đạt :

Một, nói về *Bồ Tát Minh* đây,

Hai, Chư Phật Minh Như Lai,

Vô Minh Minh liễu trí này không hai .

Bồ Tát Minh hiển khai *Bát Nhã*

Ba la mật hiệu quả thành công,

Chư Phật Minh thấy viên đồng

Đó là *Phật nhãn* soi trong đất trời,

Vô Minh Minh nghĩa thời rốt ráo,

Các *pháp Không* phiền não buộc ràng .

“Hạnh” là *ngiệp* lành vẹn toàn

Vì Chúng thực hiện vô vàn kiếp qua .

“Túc” là thấy nhận ra **Phật tánh**

Nên gọi là *Minh Hạnh Túc* đây.

• Thế nào **Thiện Thệ** giải bày ?

“Thiện” là trí đức sâu dày trùm bao,

“Thệ” độ Chúng trước sau như *nguyện*

Đời đời không thối chuyển đổi thay.

Vì thế, nên **Đức Như Lai**
 Gọi là *Thiện Thệ* nguyện dày sâu *duyên* .
 Lại “Thiện” cũng là *Thiện tri thức*,
 “Thệ” là Quả tột bậc không hai
 Của vị *Thiện tri thức* này
 Đây là nghĩa *thế tục* bày tri cơ .
Thiện tri thức là sơ tâm vậy,
Quả tri thức là **Đại Niết Bàn**.
Như Lai xưa nay vững vàng
Sơ tâm chẳng bỏ bảo toàn tối ưu,
 Nên đặng **Đại Niết Bàn** *xuất thế*,
 Mới gọi là *Thiện Thệ* hiệu danh .
 Và lại “Thiện” là Tốt lành,
 “Thệ” là gọi Có thực hành *nguyện* mang,
 Đây gọi là thế gian vạn hạnh .
 “Tốt” là thấy **Phật tánh** hoàn toàn,
 “Có” là nói **Đại Niết Bàn**
 Thiệt chẳng phải có rõ ràng không sai,
Chư Phật vì muôn loài nói có,
 Tùy thế gian sáng tỏ nghĩa bày.
 Cũng ví như người đời đây

Thiệt không con cái nói rày có con,
 Không có đạo nói là có đạo .
 Nơn thuận theo thế giáo nói là
 Có **Niết Bàn** *diệt độ* mà
 Thật ra *diệt độ* chỉ là *huyễn* thôi .
Chư Phật đã bao đời thành tựu
Đại Niết Bàn đầy đủ mãn nguyên
 Gọi là *Thiện Thệ* danh truyền
 Mười phương *tán thán* phước duyên sâu dày.
 • **Thế Gian Giải** chỉ bày vô tận ?
 “Thế Gian” là *ngũ ấm* nói chung,
 “Giải” là rõ biết tột cùng
Chư Phật khéo léo *viên thông* ngọn ngành
 Chỗ *ngũ ấm* Chúng sanh *chấp* buộc
 Nên *Sáu đường* khó được thoát ra .
 Lại “Thế Gian” nghĩa nói là:
Ngũ dục tham đắm *đọa sa* tù đày,
 “Giải” là chẳng mê say *ngũ dục*
 Nên hiệu là “*Thế Gian Giải*” đây.
 Lại *thập phương* thế giới này
 Vô số sanh Chúng không tà tính ra,

Hàng *Thanh văn* hay là *Duyên giác*
 Chẳng biết, thấy thấu đạt sâu xa.

Chỉ duy nhất **Chư Phật Đà**

Biết, thấy, hiểu tận Hằng sa muôn loài .

Vì thế nên **Như Lai** có hiệu

Thế Gian Giải viên liễu tinh hoa .

Lại “Thế Gian” có nghĩa là

Nói chung sanh Chúng *Ta bà* phàm phu,

“Giải” là biết cạn sâu *nhơn quả*

Thiện hay ác tất cả các loài

Hàng *Nhị thừa* kém trí tài

Khó mà thấu hiểu hết loài *chúng sanh*,

Duy chỉ **Phật** biết rành cội rễ

Nên hiệu là *Thế Gian Giải* mà .

Lại “Thế Gian” như *Liên hoa*,

“Giải” chẳng ô nhiễm dầu là thân mang,

Đây là nghĩa thế gian lược thuật .

Liên Hoa là dụ tức **Như Lai**

Từ ngàn xưa nhứt đến nay

Chẳng bị *tám pháp trần* lay chuyển lòng.

Như hoa sen mọc trong bùn sình

Mà không hề *nhiễm* dính tục trần .

Lại **Phật, Bồ Tát** *Thánh nhân*

Thấy biết các *pháp* thế gian rõ ràng,

Nên có hiệu *Thế Gian Giải* tận .

Như nhơn ăn mà đặng nuôi thân.

Vì thế, nên gọi sự ăn

Đó là lẽ sống nuôi thân mạng này .

Chư Đức Phật Như Lai, Bồ Tát

Thấy, biết, hiểu các pháp thế gian

Giảng dạy sâu sắc vẹn toàn

Nên mới có hiệu *Thế Gian Giải* này.

• **Vô Thượng Sĩ** giải bày tường tất ?

“*Thượng Sĩ*” gọi là dứt bỏ mà

Nhưng không chỗ dứt gọi là

Bực *Vô Thượng Sĩ* Ta bà xứng danh .

Vì **Chư Phật** đã thành *đạo quả*

Mọi *phiền não* tất cả tiêu trừ

Nên không còn chỗ dứt chừa

Gọi *Vô Thượng Sĩ* trong mười hiệu danh .

Lại thế gian tranh giành tránh tụng

Như Lai không vận dụng hơn thua

Chỗ tránh tụng đã dứt trừ
 Hiệu *Vô Thượng Sĩ* trời, người ngợi ca .
 Lại “*Thượng Sĩ*” nghĩa là lời nói
 Có thể bị phá hoại nay mai .
 Còn lời nói **Đức Như Lai**
 Không ai phá được xưa nay chưa từng,
Vô Thượng Sĩ hiệu xưng là vậy,
 Khắp mười phương đều thấy nghe qua .
 Lại “*Thượng Sĩ*” có nghĩa là
 Nói bậc *đạo hạnh* thượng tòa uy nghi,
Vô Thượng Sĩ không gì so sánh,
 Vô thượng tòa *đức hạnh* khó bàn .
Chư Phật ba đời hoàn toàn
 Không ai hơn đặng đạo vàng *từ bi*
 Nên hiệu là đáng *Vô Thượng Sĩ* .
 Lại “Thượng” là mới, “Sĩ” cũ lâu
Chư Phật thể chứng đạo mẫu
Niết Bàn tịch tịnh rộng sâu vô cùng
 Không mới, cũ nói chung chẳng tưởng
 Nên hiệu là *Vô Thượng Sĩ* đây.
 • **Điều Ngự Trượng Phu** giải bày ?

Tự mình đủ đức đáng tài *Trượng Phu*,
 Lại *điều phục* sĩ phu khác giỏi
 Danh *Trượng Phu* thường gọi đó mà .
 Nay *Thiện Nam Tử* thật ra
Như Lai nào có xưng là *Trượng Phu*
 Cũng chẳng phải xưng là **Điều Ngự**
 Đấng *Trượng Phu Tam giới* danh bay
 Như *điều phục* được mọi loài
 Hiệ *Trượng Phu* được Trời, người kính tôn .
 Nam, nữ nào khéo khôn *tu tập*
 Đủ bốn pháp chơn thật không sai
 Thời gọi là *Trượng Phu* đây
Điều Ngự tất cả mọi loài thế gian :
Một, gần gũi những hàng *Thiện trí*;
Hai là nghe pháp vị nhiệm mầu;
Ba, tư duy nghĩa rộng sâu;
Bốn là đúng pháp tu cầu thành công .
 Nếu nam, nữ nào không trọn vẹn
 Bốn pháp trên chẳng gọi *Trượng Phu*,
 Vì thân dầu là *Trượng Phu*
 Hành vi bất chánh khác nào *súc sanh*.

Phật *điều phục* lợi lành tất cả
 Những nam, nữ ấy đã *ngộ tu*
 Nên gọi *Điều Ngự Trương Phu*
 Vì làm *lợi ích* quần chu vô vàn .
 Như điều khiến ngựa phàm thuần phục
 Có bốn cách nghiêm túc thành công .
Một là biết phép chạm lông
Hai là phải chạm đốc lòng đến da,
Ba, chạm thịt rất là thú vị,
Bốn, chạm xương tùy ý khiến sai .
 Cũng vậy, **Chư Phật Như Lai**
 Dùng bốn cách để giảng khai pháp rành
 Để *điều phục* Chúng sanh mê muội
 Sớm vệt tan bóng tối *vô minh* .
Một là vận dụng thuyết trình
 Nói về sanh khổ cực hình thiết tha
 Khiến *Chúng sanh* nghe qua lãnh thọ
 Lời **Phật** dạy lấy đó sửa lòng
 Cũng như cách chạm vào lông
 Ngựa kia biết ý chủ hòng tuân theo .
Hai là giảng thuyết về sanh tử

Bền *giác ngộ* kim ngữ **Phật** khuyên
 Như chạm lông, da ngựa liền
 Tuân theo ý chủ mặc nhiên điều hành .
Ba, giảng thuyết về sanh, già, bệnh
 Để *Chúng sanh* thức tỉnh làm lành
 Như người huấn luyện ngựa rành
 Tùy theo ý muốn điều hành khiến sai .
Bốn là giảng pháp khai tột chỗ
 Sanh, lão, bệnh, tử, khổ vô cùng
Chúng sanh nghe thấu *giác* lòng
Thọ vâng lời **Phật** gieo trồng thiện lương .
 Như chạm đến da, xương, lông, thịt
 Thời ngựa theo ý thích của người
 Mặc tình điều khiển chỗ nơi
 Không bao giờ trái ý thời chủ nhân .
Thiện nam tử ! Ông cần hiểu lấy,
 Người điều khiển ngựa ấy thành công
 Không có *quyết định* nơi lòng .
Như Lai lại khác hơn trong loài người
 Muốn *điều phục* cõi đời mê chuộng
Phật *quyết định* chẳng luống công mà

Cho nên **Phật** được gọi là
Trượng Phu Điều Ngự Ta bà xứng danh .

• **Thiên Nhơn Sư** giải rành sâu cạn ?

“Sư” cũng có hai hạng dưới đây :

Một là dạy điều lành thay,

Hai, dạy điều ác họa lây cho đời .

Chư Phật và các Ngài **Bồ Tát**

Thường thường đem *thiện pháp* giáo khuyên

Cho *Chúng sanh* được lành *duyên*

Thực hành *Chánh pháp phước điền lợi tha*

Thân, khẩu, ý chắc là lành thiện

Không bao lâu xây chuyển vọng tà

Chẳng còn *nghiệp* thân tạo ra

Có thể *giải thoát* lìa xa tội tình .

Làm cho cả *Chúng sinh* an lạc

Chẳng *đọa* vào đường ác khổ đau .

Do lìa ác nên sớm mau

Thành đạo vô thượng tối cao **Niết Bàn** .

Vì thế nên mười phương **Chư Phật**

Hàng **Bồ Tát** các bậc *Thánh nhân*

Dem pháp lành giáo thứ dân

Nếu chẳng *lợi ích* thì ân làm gì ?
 Khi đặng đạo Vô Vi chứng ngộ
 Liên đem ban cứu độ *hữu tình* .
 Tự mình phá bóng *vô minh*,
 Lại phá tăm tối *Chúng sinh* muôn loài .
 Tự đặng *chứng đắc* ngay ***tịnh nhĩn***
 Lại làm cho vô hạn *Chúng sinh*
 Cũng đặng *tịnh nhĩn* như mình
 Thật là *bình đẳng lợi sinh* muôn loài .
 Tự biết rõ có hai *đế lý*
 Vì *Chúng sanh* chánh kỹ thuyết khai
 Hai lý đế giảng rộng bày
Tục, chân nắm bắt cả hai rõ ràng .
 Tự *giải thoát* sâu than ba cõi
 Vì *Chúng sanh* giảng nói chỉ bày.
 Tự qua biển *sanh tử* này,
 Lại làm sanh *Chúng hĩng* ngày vượt qua .
 Đặng *vô úy* không là sợ sệt,
 Lại dạy người phải biết tự tin,
 Không còn sợ sệt chính mình,
 Thành tựu *đạo quả* công trình gian nan .

Tự đã đặng **Niết Bàn** cao cả,

Lại vì Chúng *giáo hóa* **Niết Bàn** .

Xứng danh **Chư Phật** mười phương

Vô Thượng Sư hiệu hoàn toàn không hai .

“Thiên” là nói ban ngày dài hạn,

Vì cõi trời đêm ngắn ngày dài.

Nên gọi là “Thiên” nghĩa này.

Lại “Thiên” là nói không rày sầu lo

Thường vui sướng đủ trò tiêu khiển,

Không bận lòng nghĩ chuyện buồn than .

Lại “Thiên” cực sáng minh quang

Xua đi tăm tối phá tan mây mù,

Do *Chúng sanh* giác tu *nghiệp* thiện

Khi *mạng chung* sanh chuyển cõi trời

Hưởng phúc vui hơn loài người

Kiết tường thân mạng gọi thời là “Thiên”

“Nhơn” là người tạo *duyên* thiện, ác

Nhiều suy nghĩ trí giác mở mang,

Có người thân, khẩu dịu dàng,

Có người *kiêu mạn*, ngang tàng hung hăng,

Cũng có người ăn năn *giác ngộ*

Câu đạo vui diệt khổ tận cùng .

Này *Thiện nam tử* nói chung,
 Hằng sa **Chư Phật** *Đại hùng, Đại bi*
 Xưa nay đã thực thi *Đại nguyện*
 Xứng danh là bực *Thiên Nhơn Sư*
 Giáo *Chúng sanh* trời và người
 Có thể *tu chứng* vào nơi **Niết Bàn**,
Tứ Quả Thánh hay hàng **Bồ Tát**
 Hoặc ít ra đường ác không vào .

• “**Phật**” đây nghĩa như thế nào ?

Phật là toàn giác đức cao trên đời,
 Đã tự giác độ người khác giác,
Phật đạo đều thành đạt trước sau .
 Ví như người *trí* sáng lầu
 Đã biết mọi việc thấp cao, bại thành,
 Không nghĩ ác luôn hành Pháp thiện
 Nhiều đời kiếp chẳng chuyển đường tà
Tự giác rồi lại *giác tha*,
 Không còn sanh tử *Ta bà* trần lao .
 Đức độ chúng trùm bao vạn vật
 Nên thế gian tôn **Đức Phật Đà** .

Lại **Phật** hiệu “**Bà Đà Bà**” .

“Bà Đà” là phá, “Bà” là phiền ưu .

Có thể phá mây mù *phiền não*

Nên hiệu là “**Bà Đà Bà**” đây.

Lại thành tựu *Pháp* không hai

Hiểu rõ nghĩa *đế* chẳng ai sánh bằng

Có *công đức* vô ngần tính kể

Dầu tài cao khó thể so lường,

Tiếng lành vang khắp mười phương,

Trải *vô lượng* kiếp tuyệt đường nữ căn .

Thiện nam tử ! Không phân lành dữ

Có thể *niệm Phật* giữ trong *tâm*.

Lúc đi đứng, hoặc ngồi nằm

Ngày đêm *Chánh định* gieo mầm ***thiện duyên***,

Thường như vậy năng siêng chơn thật,

Sẽ đặng thấy **Đức Phật** hiện ngay.

Vì sao gọi rằng **Như Lai** ,

Ứng Cúng, *Thiện Thệ* giải bày thật chơn .

Chánh Biến Tri khôn lường *công đức*

Cùng danh thơm hết sức vang xa .

Lúc làm **Bồ Tát** kiếp qua

Cung kính, hiếu thảo, thuận hòa mẹ cha
 Hoặc *Hòa Thượng* hay là *Sư trưởng*
 Thường *cúng dường* bồi dưỡng cội lành,
 Hết lòng *bố thí Chúng sanh*,
Trì tịnh giới cấm thực hành trang nghiêm,
 Tập *nhẫn nhục*, năng siêng *tinh tấn*,
 Luôn *thiền định*, tịnh lắng *huệ* lòng .
 Từ, Bi, Hỷ, Xả vẹn xong
 Nên ngày nay *đặng viên thông* đức tài .
 Đầy đủ *ba mươi hai tướng hảo*
 Thân *kim cương* châu báu chắc bền .
 Vả lại, **Bồ Tát** trước tiên
Ngũ căn trọn vẹn : *Tín nguyên* sâu xa,
Niệm căn biết chánh tà thấu đáo,
Tấn căn nâng **Phật đạo** vững vàng,
Định căn thanh tịnh hoàn toàn,
Huệ căn soi sáng xua tan bụi trần .
 Thường vì *Pháp* bỏ thân mạng nhỏ
 Chẳng cầu ăn mà bỏ *Pháp* lành,
 Đồi đời cứu độ *Chúng sanh*
 Trọn chẳng có ý vì mình lợi riêng .

Bồ Tát hành y nguyên Đại thế
 Thường tu tâm *xuất thế gian* này,
 Tâm *xuất gia* thoát trần ai,
 Xả tâm **Vô tránh** không nài gian lao,
 Tâm *vô vi* luyện trau thuần thực,
 Tâm **vô cấu** tham dục chẳng màng,
 Tâm **vô phược** không buộc ràng,
 Tâm lìa *thủ* chấp thau vàng, đục trong,
 Không có tâm dối gian che đậy,
 Tâm **vô ký** bệnh ấy tiêu trừ,
 Không tâm sanh tử *luân hồi*,
 Không tâm nghi ngại, hay thời tham lam,
 Không có tâm *sân, si, kiêu mạn*,
 Hoặc có tâm ố *trược* não phiền,
 Không tâm khổ lụy đảo điên,
 Tu tâm *vô lượng phước* điền bao la,
 Tâm quảng đại như là biển thái,
 Tâm *hư không* vô ngại mé ngăn,
 Tâm không báo đền tri ân,
 Tâm không cầu nguyện hưởng thân riêng mình,
 Tâm nguyện lành *Chúng sinh giải thoát*,

Tâm nhu nhuyễn tấn phát hiển lương,
 Tâm chẳng trụ trong mười phương,
 Tâm an *tự tại* không đường ngại ngăn,
 Tâm *vô lậu* vật trần bất nhiễm,
 Tâm *đệ nhất nghĩa* diễn rộng sâu,
 Tâm *bất thối chuyển* đạo mầu
 Tâm *vô thường* ngộ *sở cầu* ích chi,
 Tâm chánh trực dứt đi dua vạy,
 Tâm *bình đẳng* không thấy ít nhiều,
 Tâm không ương ngạnh đánh liều,
 Tâm không *phàm tục* thương yêu dục trần,
 Tâm không cầu *Thanh văn, Duyên giác,*
 Tâm *vô sanh* chứng đạt cõi nào ...
 Vì ngày trước đã giới trau
 Những tâm như vậy không sao nghĩ bàn .
 Mười trí lực hoàn toàn *chứng đắc,*
 Đại Từ Bi **Chư Phật** sáng gương,
 Bốn Vô *sở úy* phi thường,
 Cùng *ba niệm xứ* là đường siêu nhiên,
 Thêm *Thường, Lạc* chơn nguyên *Ngã, Tịnh*
 Do đây hiệu là chính **Như Lai**

Nhấn đến “*Bà Đà Bà*” đây.

Bồ Tát *niệm Phật* công dày liễu viên .

Thế nào là *Thánh hiền* **Bồ Tát** ?

- *Niệm pháp* mà chứng đạt nhiệm mầu ?

Bồ Tát suy nghĩ cạn sâu

Giáo pháp **Chư Phật** từ lâu đến giờ

Rất *vi diệu* nguồn *cơ quán* triệt

Không *pháp* nào sự *thiệt* sánh hơn .

Làm cho sanh **Chúng Sáu** *đường*

Đặng *quả* hiện tại khó lường biệt phân,

Chánh pháp **Phật** vô ngần rộng lớn

Như *hư vô* không thuộc thời gian,

Pháp nhãn nhìn thấy hoàn toàn,

Nhục nhãn chẳng thấy rõ ràng hết đâu .

Chẳng thể ví dụ nào so sánh

Mà chỉ định hết *Chánh pháp* này .

Chẳng sanh, chẳng diệt xưa nay,

Chẳng xuất, chẳng trụ, chẳng rày thỉ chung,

Chẳng *vô vi*, tận cùng *vô số*,

Kẻ không nhà *tế độ* làm nhà,

Người không chỗ về phương xa

Pháp **Phật** *khai thị* ắt là qui lai,
Không ánh sáng sẽ bày ánh sáng,
Không đến bờ đưa tận đến bờ,
Chỗ không mùi thơm hôi dơ
Thời làm thơm ngát bất ngờ lan xa,
Kẻ không nhìn thấy là ngăn ngại
Quyết làm cho nhìn thấy rõ ràng .
Chánh pháp chẳng có hợp tan
Chẳng có chuyển đổi thời gian ngắn dài,
Dứt hẳn sự vui ngoài giả tạm,
Thường an vui chỗ đạo cảm giao,
Rốt ráo *vi diệu* cao sâu,
Chẳng phải đã dứt sắc màu thôi đâu,
Mà sắc thức trước sau vẫn thức,
Chẳng phải *nghiệp* đã dứt *nghiệp* nào,
Chẳng phải *kiết sử* gieo sâu
Đã dứt *kiết sử* khổ sâu vĩnh ly,
Chẳng phải vật đã thì dứt vật
Mà cũng là sự thật vật đây,
Chẳng phải *giới* dứt *giới* này
Mà cũng là *giới* chẳng sai lỗi gì,

Chẳng phải *hữu* đã thì dứt *hữu*
Mà xét ra cũng *hữu* nào là,
Chẳng phải *nhập* dứt *nhập* kìa
Mà cũng là *nhập* tri ra tận tường,
Chẳng phải *nhơn* mà *nhơn* đã dứt
Mà cũng là chính thực *nhơn* đây,
Chẳng phải *quả* dứt *quả* này
Mà cũng là *quả* xưa nay không rời,
Chẳng phải hư chẳng thời diệt dứt
Tất cả thiệt mà thật thiệt đây,
Chẳng phải sanh chẳng diệt rày
Dứt hẳn *sanh diệt*, diệt này đâu ra,
Chẳng phải *tướng* chẳng là phi tướng
Dứt các *tướng*, *thiệt tướng* đó là,
Chẳng phải dạy dỗ ai mà
Chẳng không phải dạy cũng là thầy ta,
Chẳng phải sợ chẳng là an ổn
Dứt cả sợ mà cũng là an,
Chẳng phải *nhĩn* mới vinh quang
Chẳng phải không *nhĩn* ách nản xảy ra,
Dứt hẳn sự đó là chẳng *nhĩn*,

Mà cũng là nhẫn nhẫn từ lâu,
 Chẳng phải dừng ở nơi đâu
 Chẳng phải không dừng ở lâu chốn nào,
 Dứt tất cả những nơi dừng ở,
 Mà cũng là dừng ở cao sâu.
 Trên đánh các pháp nhiệm mầu
Vi diệu vô tận không sao biện bàn .
Chánh pháp **Phật** phá tan não chướng,
 Thường thanh tịnh *vô tướng* *vô cầu*
 Là chỗ rốt ráo tối cao
 Thoát hẳn các tướng *trần lao* bụi phiền.
 Lửa *sinh tử* đương nhiên dập tắt,
 Vốn *bốn nguyên* **Chư Phật** ở, đi,
 Là thường còn chẳng biến di .
 Đây gọi *niệm Pháp* cực kỳ chí chân .
 - Thế nào là *niệm Tăng* chứng đắc ?
Chư Phật cùng các bậc *Thánh Tăng*
 Đúng như pháp trụ thế trần
Tùy thuận sanh chúng lập thân *tu hành*,
 Chẳng thể nào thấu nhìn sâu thẳm,
 Chẳng thể gì cầm nắm đặng đâu,

Chẳng thể phá sự thanh cao,
 Chẳng thể nhiễu hại hết nào *Thánh Tăng*,
 Cũng chẳng thể nghĩ bàn sự thật
 Tăng ruộng điền tốt nhất *Chúng sanh* .
 Dầu là ruộng *phước* tốt lành
 Không *thọ*, tham lấy lợi danh ôm ghi,
 Tâm *vô lậu*, *vô vi* rộng lớn
 Khắp mười phương *vô lượng* vô biên,
 Tâm *bình đẳng* chẳng tư riêng
 Sơ, thân đồng hóa không thiên vị nào,
 Không loạn *trước* trước sau *thanh tịnh*,
Thường trụ không nhiễm dính bụi trần .
 Đây gọi là chỗ *niệm Tăng*
 Xứng danh **Bồ Tát** *Thánh nhân* Ta bà .
 - Thế nào đây gọi là *niệm giới* ?
Bồ Tát định tâm khởi nghĩ suy
 Có *giới* chẳng phá phạm qui,
 Chẳng *lậu*, chẳng hoại, thực thi giữ gìn,
 Dầu *giới* không có hình, có sắc
 Nên hộ trì vững chắc trước sau,
 Tuy không xúc đối mặc dầu

Khéo tu *phương tiện* rộng sâu đủ đầy.
 Không lỗi lầm phạm sai *giới luật*
 Đây là chỗ **Chư Phật** ngợi khen,
 Là nhơn của **Đại Niết Bàn**
 Chìa khóa *Phương Đẳng* mở mang *giác* đời .
 Như mặt đất tốt tươi hoa kiểng,
 Như ghe thuyền vượt biển nàn tai,
 Như lương y cho thuốc hay,
 Như là bóng mát cội cây trưa hè,
 Như cha mẹ chở che con dại,
 Lửa hận sân không cháy *giới* nào,
 Không ai trộm cướp đặng đầu,
 Không ai xúi giục sa vào muội mê .
 Nước không thể cuốn trôi *giới luật*
 Là thang bậc lên núi cao dài,
 Là trăng báu của **Như Lai**
Chư Phật Bồ Tát lành thay trong đời .
 Nếu *trụ* nơi *giới*, thời đặng *Quả*
Tu Đà Hoàn chưa thỏa *nguyện* đây,
 Vì nếu tôi chấp *Quả* này
 Thời không rộng *độ* muôn loài *Chúng sanh* .

Nếu *trụ* nơi *giới* lành cao cả
 Đặng vô thượng *đạo quả* **Bồ Đề**
 Thời tôi phát *Đại nguyện* thề
 Có phần trong đó chẳng hề lạt phai .
 Đây là chỗ hằng ngày mong muốn
 Của tâm tôi ưa chuộng **giới hành**
 Đặng vô thượng *đạo* viên thành
 Tôi nguyện *hóa độ* Chúng sanh phạm trần
 Và giảng thuyết ân cần diệu pháp
 Tùy *cơ duyên* phù hợp mọi loài .
 Đây gọi là **Bồ Tát** này
Niệm giới thanh tịnh trong ngoài sâu xa .
 - Như thế nào gọi là **niệm Thí** ?
Bồ Tát luôn quán kỹ chu toàn
Hạnh bố thí càng mở mang
 Là *nhơn* vô thượng của hàng **Như Lai**
Chư Bồ Tát xưa nay *tu tập*
Hạnh bố thí độ khắp muôn loài
 Tôi cũng *tu tập* như vậy ...
 Đời đời *y nguyện* không thay đổi lòng .
Hạnh bố thí nếu không đặc ngộ

Khó trang nghiêm *bốn bộ* chúng đây .

Bố thí tuy chưa đủ đầy

Dứt hết *kiết sử* chứa dày trong tâm,

Nhưng có thể trừ *tham* hiện tại

Phá *phiền não* che đậy lâu nay.

Do vì *bố thí* các loài

Nên thường được *Chúng sanh* đây vui mừng.

Khấp *mười phương* vô cùng phát lạc

Khen ngợi bậc **Bồ Tát** này đây .

Bố thí vật thực hằng ngày

Tức giúp mạng sống các loài bình an .

Quả *bố thí* khó bàn tính đặng

Khi thành **Phật** thường chẳng đổi thay .

Chúng sanh chẳng còn khổ tai

Thế Tôn **Chư Phật** **Như Lai** vui lòng .

Lúc *bố thí* tâm không *phân biệt*

Kẻ *phá giới* hay bậc thiện lành,

Vì thế, nên lúc *viên thành*

Đạo quả Chánh đẳng vô sanh **Niết Bàn** .

Lúc **Bồ Tát** lập đàn *bố thí*

Tâm *Chúng sanh* chẳng nghĩ mong cầu

Mà đặng vật thí cao sâu
 Nên khi thành **Phật** ra vào *Tam thiên*.
Ngã tự tại an nhiên vô ngại,
 Độ *Chúng sanh* đều thấy đạo vàng .
Bố thí cho người thuốc thang
 Đặng nhiều sức khỏe thân an mạnh lành,
 Nên **Bồ Tát** khi thành **Phật đạo**
Mười trí lực rất ráo viên dung .
Bố thí cho người nói chung
Chúng sanh vô số tận cùng khó tri
Ngộ đặng pháp vô vi tối mật
 Khi **Bồ Tát** thành **Phật Như Lai**
Đắc bốn môn vô ngại này
 Hãy xem chú thích thấu ngay nghĩa bày.
Chư Phật và **Như Lai Bồ Tát**
Tu tập hạnh *bố thí* thanh cao
 Làm *nhơn* **Niết Bàn** về sau,
 Tôi cũng y *nguyện* giới trau sửa lòng .
 Hạnh *bố thí* vun trồng tận lực
Nguyện thành tựu như **Đức Phật** đây .
 - Thế nào *niệm Thiên* giải bày ?

Cõi Trời thứ bậc *phước* dày khác nhau .
Tứ Thiên Vương, trời cao *Phi Tướng*
Phi Phi Tướng chấp chưởng toàn năng .
 Nếu có *tín tâm* đạo hằng
Mạng chung sẽ đặng sanh thân cõi trời
Tứ Thiên Vương hay thời *Phi Tướng*
 Tôi hành theo cũng hưởng *phước* phần .
 Nếu giữ giới, giỏi *đa văn*,
Bố thí, *trí huệ*, tu nhân giúp đời
Tứ Thiên Vương cõi trời sanh chuyển
 Hay *Phi Tướng thiên thượng* *phước* dày
 Tôi cũng có phần ở đây
 Nhưng chẳng phải chỗ tôi nay mong cầu .
 Vì *phước* trời không lâu giảm tổn
 Xét thật ra cũng chốn *vô thường* .
 Vì *vô thường* chịu đau thương
 Sanh, già, bệnh, tử *sáu đường* chung nhau,
 Do lẽ này, lòng nào tham muốn
 Chẳng phải chỗ ưa chuộng của tôi .
 Như nhà ảo thuật gạt đời
 Người *trí* biết rõ chẳng thời lầm sai .

Hạng *phàm phu* ít ai *quán chiếu*
 Sự giả chơn thấu hiểu tận tường,
 Dầu sanh lên chốn *Thiên đường*
 Sanh, già, bệnh, tử *vô thường* khổ ôi !
 Tôi chẳng đồng với người như thế
 Không phải là *nguyên thệ* tôi mà.
 Tôi từng nghe có trời già
 “*Đệ nhất nghĩa đế*” chính là **Như Lai**
 Và **Bồ Tát** chẳng thay biến đổi
Mãi thường trụ mười cõi lại qua .
 Sanh, lão, bệnh, tử thoát ra
 Tôi vì *nguyên lớn giác tha* tu cầu
 Trời *Đệ nhất nghĩa* mầu thành đạt
 Có thể làm cho các *Chúng sanh*
 An vui **Phật đạo** tu hành
 Dứt trừ *phiền não* đạt thành *pháp thân* .
 Nếu tôi có : *Tín căn, niệm, tấn*
 Và *định căn*, hoặc *nhẫn huệ* khai
 Đặng Trời *Đệ nhất nghĩa* này
 Tôi sẽ vì *Chúng sanh* đây giảng bày
Phân biệt trời không hai đệ nhất .

Đây gọi là **Bồ Tát** *niệm Thiên* .
 Nay *Thiện nam tử* ! Hãy nên
 Quán triệt các pháp liễu viên hoàn toàn .
 Đây là chỗ thế gian chẳng biết
 Và chẳng thấy sự thiệt mơ màng,
 Là chỗ thấy biết rõ ràng
 Của bậc **Bồ Tát** hoặc hàng *Thánh nhân* .
Thiện nam tử ! Những chân *đệ tử*
 Của **Như Lai** giả sử cho rằng :
Thọ trì, đọc tụng Kinh văn,
 Biên chép, *diễn thuyết* biệt phân rõ ràng,
 Trong *mười hai bộ Kinh* thuở trước
 Mà **Như Lai** lần lượt thuyết qua .
 Nếu người *thọ trì* thiết tha
 Đọc tụng, biên chép hay là giảng khai,
Đại Niết Bàn Kinh này đồng hạng
 Nói như vậy không sáng nghĩa rày .
 Vì **Đại Niết Bàn Kinh** này
 Là *tạng* bí mật chứa dày sâu xa
 Của tất cả *Hằng sa* **Chư Phật**
 Đây quả là tột nhất Chơn Kinh,

Rất lạ đặc biệt mầu linh
 Chẳng thể bàn nghĩ **Đại Kinh Niết Bàn** .

Ngài **Ca-Diếp** hân hoan bạch **Phật** :

“Tôi cũng biết sự thật hoàn toàn

Chơn Kinh **Đại Bát Niết Bàn**

Đặc biệt rất lạ khó bàn nghĩ ra .

Phật, Pháp, Tăng cũng là như vậy,

Rất ít người nhìn thấy hiểu qua .

Do nghĩa gì **Đức Phật Đà**

Lại nói **Bồ Tát Ma Ha** khó bàn ?

Thiện nam tử ! Rõ ràng như thế.

Đại Bồ Tát *trí huệ* sáng lầu .

Không ai *giáo hóa* pháp mầu

Tự tâm *phát nguyện* gieo sâu *Bồ đề*,

Phát tâm rồi chẳng hề *thối chuyển*

Chỗ tu hành tinh tiến siêng năng .

Giả như lửa lớn cháy thân

Chẳng vì cầu cứu bỏ tâm *tu hành*.”

Bồ Tát này thường sanh suy nghĩ :

“Tôi trải qua vô tỷ kiếp rồi.

Ba đường ác đạo luân hồi

Hoặc khi *luân chuyển* trời, người phàm nhân
Huân tập buộc nghiệp trần kiết sử,
 Như hình phạt lửa dữ cháy tan,
 Chưa từng gặp đặng đạo vàng
 Ai người *khai thị* vệt màng u mê .
 Nay tôi vì *Bồ đề* vô thượng
 Trọn chẳng tiếc *vô lượng* mạng thân,
 Một lòng *ting tấn* siêng năng
 Tu hành *giải thoát* độ dân *Ta bà* .
 Vì *nguyện* lớn *giác tha* như vậy,
 Như *vô thượng* từ đây lành thay !”
 Thiện nam tử ! **Bồ Tát** này
 Lúc chưa thấy đạo **Như Lai** tự mình
Nguyện xả bỏ hy sinh thân mạng,
 Huống là khi tỏ rạng đạo mầu .
 Do đây đức độ cao sâu
Đại Bồ Tát đó khó âu nghĩ bàn .
 Lại **Bồ Tát** *hồi quang phản chiếu*
 Đường *sanh tử* thọ chịu dài lâu,
 Biết bao tội khổ tai sầu,
 Vì muốn độ chúng tâm nào than van .

Chẳng nhàm lìa thế gian trần tục,
Dầu ở trong *địa ngục* xích xiềng
Nhưng vui như *đệ tam thiên*
Chẳng thể bàn nghĩ *bốn nguyên* sâu xa
Của **Bồ Tát** *Ma Ha* lập *nguyện*
Độ *Chúng sanh* luân chuyển sáu đường .
Ví như *Trưởng giả* can cường
Thấy nhà phát hỏa tìm phương cứu mình,
Và các con, gia đình nô bộc
Còn ở trong nhà lửa chưa ra
Xem thường mạng sống thân ta
Xông vào nhà lửa rất là hiểm nguy .
Đại Bồ Tát cũng thì như vậy,
Chịu *sanh tử* nhận lấy khổ tai
Vì muốn cứu độ muôn loài
Ra khỏi *Tam giới* nào nài gian lao .
Hạnh Bồ Tát không sao bàn nghĩ
Lòng thương sanh hữu thí hữu chung.
Thiện nam tử ! Xét tận cùng
Vô lượng sanh Chúng ở trong *Ta bà*
Mặc dầu cũng phát ra *Đại nguyện*

Tâm Bồ đề thực hiện không lâu
 Khi thấy bao cảnh khổ sầu
Sanh tử đọa lạc quày đầu chuyển tâm,
 Hoặc chứng đắc *Thanh văn, Duyên giác*
 Cho là mình đạo đạt hoàn toàn .
 Nếu **Bồ Tát** trụ thế gian
 Đặng nghe **Kinh Đại Niết Bàn, Phật** khai
 Thời trọn chẳng đổi thay thối thất
Tâm Bồ đề đánh mất đặng nào .
Bồ Tát này tuy mặc dầu
Quả Bất động địa đạo mầu chưa viên
 Nhưng *đạo tâm* bền kiên vững chắc
 Không bao giờ thối thất lìa xa .
 Do đây **Bồ Tát** thật ra
 Khó thể bàn nghĩ đó là chẳng sai .
 Lại ví dụ này đây hiểu rõ
 Như có một người đó nói rằng :
 “Tôi có thể tự bản thân
 Lợi qua biển lớn không cần thuyền phao .”
 Người đó chẳng hô hào tự kỷ,
 Như vậy có bàn nghĩ được chăng ? .

Bạch **Thế Tôn** ! *Đại Thánh Nhân*

Lời nói hành động phải cần chứng minh,

Nếu tự mình lợi qua biển lớn

Thật *hy hữu* không tưởng đó mà .

Còn nếu là *A Tu La*

Lợi qua thời phải bàn qua điều này .

Thiện nam tử ! **Như Lai** chẳng nói

A Tu La, chỉ nói loài người .

Bạch **Thế Tôn** ! Trong loài người

Phân ra hai hạng : *Một*, thời *Thánh nhân*;

Hai là hạng tầm thường tục thế

Nếu lợi qua chẳng thể nghĩ bàn .

Còn như là bậc siêu phàm

Thời là có thể nghĩ bàn ở đây .

Thiện nam tử ! Ông nay xét gạn

Ta chỉ nói là hạng phàm trần

Chẳng nói đến bậc *Thánh nhân*

Hãy nên nghe rõ cân phân đó mà .

Bạch **Thế Tôn** ! Nếu là phàm thế

Lợi qua biển không thể nghĩ bàn .

Này *Thiện nam tử* ! Hoàn toàn

Người phàm khó thể vượt sang biển trần .

Chỉ **Bồ Tát** đức năng vô lượng

Mới vượt qua biển lớn tử sanh

Nên gọi đạo khả đạo thành

Chẳng thể bàn nghĩ đức lành sâu xa .

Thiện nam tử ! Nghe qua ví dụ:

Có người nọ dùng chỉ cọng sen

Treo núi *Tu Di* trên không

Việc này có thể nghĩ bàn được chăng ?

Bạch **Thế Tôn** ! Chắc rằng không thể

Nghĩ bàn được sự việc nói trên .

Này *Thiện Nam tử* ! Trí thiên

Đại Bồ Tát đó liễu viên tinh tường

Khoảng một *niệm* tính lường tất cả

Đường *sanh tử* vừa đã trải qua,

Vì vậy nên mới gọi là

Chẳng thể bàn nghĩ suy ra khó lường .

Thiện nam tử ! Thường thường **Bồ Tát**

Trong vô lượng số kiếp lâu xa

Quán sát sanh tử thân ta

Vô thường, vô ngã, hợp hòa, hoại tan,

Hay *vô lạc* hoàn toàn *vô tịnh* .
 Rồi vì Chúng phân định thuyết khai
 Thường, Lạc, Ngã, Tịnh giảng bày
 Dầu thuyết như vậy hằng ngày trải qua
 Chẳng bao giờ sanh ra *tà kiến*
 Do đây nên mọi chuyện nghĩ bàn .
 Thiện nam tử ! Trong thế gian
 Có người vào lửa, lửa không cháy nào,
 Hay vào nước, nước không trôi đặng
 Như vậy thời việc chẳng nghĩ bàn .
 Cũng vậy bậc *xuất thế gian*
 Là **Đại Bồ Tát** trí càng tinh thông,
 Dầu có ở trong vòng *sanh tử*
 Không mắc vào đường dữ *đọa sa* .
 Do đây **Bồ Tát Ma Ha**
 Chẳng thể bàn nghĩ thật là không sai .
 Thiện nam tử ! Ông đây nên biết
 Là loài người *phân biệt* sâu xa
 Có ba hạng người đó mà
 Thượng, trung và hạ thật là không sai .
 Hạng *hạ căn* nhập thai tự nghĩ

Rằng : Nay tôi đang bị tù đầy
Ở trong nhà xí chứa đầy
Những sự nhớ niễm hằng ngày khổ nguy .
Lúc mới xuất thai nhi tự hỏi
Rằng : Tôi đã ra khỏi nhà tù,
Lìa chỗ tăm tối âm u,
Không còn chịu cảnh hôi nhớ nhọc nhằn .
Hạng bậc trung nghĩ rằng lại khác :
Nay tôi vào trong các rừng cây,
Sông sâu sạch sẽ lành thay,
Nhà cửa nường trú ngày ngày an vui
Lúc xuất thai nghĩ thời cũng vậy
Cho thế gian tồn tại vĩnh hằng .
Hạng người bậc thượng nghĩ rằng :
Tôi lên bảo điện, ở rừng trăm hoa,
Nào cõi ngựa đường xa ngàn dặm,
Trèo lên núi cao thăm ngút trời
Lúc xuất thai khi chào đời
Cũng nghĩ như vậy chẳng thời đổi thay .
Còn **Bồ Tát** này đây chơn thiệt
Mới nhập thai tự biết nhập thai,

Lúc ở trong thai bao ngày
 Tự tâm biết hết chẳng sai sót gì,
 Lúc xuất thai tự tri thấu hết,
 Là hiện thân mang kiếp làm người,
 Trọn chẳng sanh *tâm niệm* thời
Tham, sân, mê đắm cõi đời phù du,
 Mặc dầu chưa chứng tu *sơ trụ*
 Nhưng *nguyện* xưa chứa đủ sâu xa .
 Do đây nên mới gọi là
 Công hạnh **Bồ Tát** thật ra khó bàn .
Thiện nam tử ! Đạo vàng vô *thượng*
 Không thể dùng hạn lượng so lường,
 Nhưng đều có thể phô trương
 Diễn tả luận giải con đường siêu nhiên .
Đại Bồ Tát *nhân duyên* chưa có.
 Thấy, thưa hỏi, hiểu rõ thấp cao,
 Mà có thể đặng pháp mầu
 Vô *thượng Chánh đẳng* khó âu nghĩ bàn .
 Đặng *pháp* rồi *tâm* càng *tinh tấn*
 Không lẫn tiếc kiên nhẫn chính mình
 Thường *diễn thuyết* giúp *Chúng sinh*,

Thấy rõ *sanh tử* thực hành thoát ra .
 Do đây nên gọi là **Bồ Tát**
 Không nghĩ bàn chỗ đạt đạo lành .
Thiện nam tử ! Phải hiểu rành
Bậc Đại Bồ Tát có thân xa lìa
 Mà chẳng phải đó là miệng khẩu,
 Khẩu xa lìa mà chẳng phải thân,
 Có thân, có khẩu gây *nhân*
 Cho nên lãnh *quả* phải cần sửa sai .
 Lìa *sát sanh* dứt rày *trộm cướp*,
 Đoạn *tà dâm* **thân nghiệp** tiêu trừ .
 Đến như miệng lưỡi của người
 Xa lìa *vọng ngữ* nói lời thật ngay,
 Sự *lưỡng thiệt* từ nay lìa bỏ,
Tâm không còn *chấp* có ghét, thương,
Ác khẩu tội lỗi khôn lường
 Nếu không ngăn chặn vào đường khổ nguy,
Vô nghĩa ngữ ích chi cho thế,
 Cần phải trừ tuyệt rễ gốc *căn*,
 Đó là khẩu tịnh trọn phần .
 Sau cùng *ý nghiệp* tác nhân, *quả* thành

Lìa *tham lam*, ghét ganh, hờn giận,
 Đoạn *tà kiến* dứt hẳn *si mê*
 Đây gọi là *ý trọn bề*
 Chẳng phải *thân*, *khẩu* lỗi hê sanh ra .
Bồ Tát chẳng thấy qua các *pháp*
 Nào là *thân*, là *nghiệp* của ta,
 Cùng ông chủ chẳng rời xa
 Nhưng cũng thật đã xa lìa từ lâu .
 Chẳng nghĩ bàn khó âu luận giải .
Thân, khẩu, ý như vậy khác gì .
Thiện nam tử ! Phải thấu tri .
 Từ nơi *thân nghiệp* tự ly thân này,
 Từ *khẩu nghiệp* đoạn ngay nghiệp *khẩu*,
 Từ *trí huệ* soi thấu xưa tan,
Thân, khẩu, ý chẳng buộc ràng,
 Thiệt có *trí huệ* hoàn toàn không sai.
 Nên chẳng khiến tâm đây **Bồ Tát**
 Xa lìa **Huệ giải thoát** đặng đâu.
 Vì không có một *pháp* nào
 Hoại được, làm được *huệ* mâu giác tri .
Tánh của *Pháp hữu vi* vốn thiệt

Lúc sanh khác, lúc diệt đổi thay .
Cho nên bản *trí huệ* này
Chẳng thể lìa bỏ ở đây đặng nào .
Thiện nam tử ! Nhiệm mầu *trí huệ*
Không sức gì có thể phá thời ;
Lửa chẳng cháy, nước chẳng trôi,
Gió chẳng lay động chuyển dời biến di,
Đất chẳng thể duy trì giữ chận,
Sanh chẳng thể sanh đặng đó mà,
Lão chẳng thể lão hay già,
Trụ chẳng thể *trụ* dù là phút giây,
Hoại chẳng thể hoại đây *trí huệ*,
Tham chẳng thể làm *tuệ* đắm say,
Sân chẳng làm *sân huệ* bầy,
Si mê vì đó *huệ* này phá tan .
Bởi *tánh* của thế gian ***hữu pháp***
Lúc sanh khác, lúc diệt khác nhau .
Đại Bồ Tát chẳng hề nào
Nghĩ là tôi đã đề cao rằng mình
Dùng *trí huệ quang minh* này phá
Các não phiền giờ đã không còn,

Mà tự nói rằng hoàn toàn
 Tôi phá *phiền não* tiêu tan dứt trừ,
 Dầu có nói lời như vậy đó
 Nhưng thật lòng chẳng có dối gian .
 Do đây nên chẳng nghĩ bàn
 Công hạnh **Bồ Tát** vô vàn vô biên .
 Ngài **Ca Diếp** nghe liền bạch **Phật** :
 “Nay Tôi mới biết thật rõ ràng
Đại Bồ Tát chẳng nghĩ bàn .
Phật, Pháp, Tăng chẳng nghĩ bàn không xê,
 Người *thọ trì* Bồ đề vô thượng
Đại Niết Bàn nghĩ tưởng đặng sao .
 Bạch **Thế Tôn** ! Thời kỳ nào
Phật Pháp vô thượng bao lâu diệt trần ?”.
Thiện nam tử ! Ông cần hiểu rõ
 Nếu người nay còn có *thọ trì*,
 Đọc tụng, biên chép như y,
Diễn thuyết thật nghĩa phát huy *Kinh* này,
 Nhẫn đến còn hiện bày năm hạnh :
 Là *Thánh hạnh, Phạm hạnh, Anh nhi,*
Thiên hạnh, Bệnh hạnh thực thi

Được Chúng tôn kính *quy y cúng dường*
 Nên biết là con đường **Phật Pháp**
 Vẫn còn dài *lợi ích* thế gian .

Này *Thiện nam tử* ! Bốn ban !

Nếu **Kinh Đại Bát Niết Bàn Như Lai**.

Lúc lưu hành đủ đầy sự thật
 Hàng *đệ tử* của **Phật** phần đông
 Phạm *giới cấm*, giống ác trồng,
Kinh điển này chẳng hết lòng kính tin,
 Vì không tin chẳng gìn *giới luật*,
 Không *thọ trì* đọc tụng đêm ngày
 Giảng thuyết ý nghĩa kinh này,
 Vì vậy bá tánh ít ai tin dùng,
 Lúc thấy người một lòng *tín thọ*
 Lại ra mặt chế ngạo khinh khi,
 Nên biết đó là thời kỳ

Phật Pháp sắp diệt duy trì không lâu .

Ngài **Ca Diếp** cúi đầu bạch **Phật** :

“Thưa **Thế Tôn** ! Sự thật như vậy ...

Chính tôi từng nghe **Phật** đây

Nói rằng : *Chánh pháp* rộng bày thuở xưa

Của **Đức Phật** hiệu là **Ca Diếp**

Trụ bảy ngày thời diệt hết thay !

Bạch **Thế Tôn** ! Mong giải bày .

Phật Ca Diếp có kinh này hay chăng ?

Nếu như không sao rằng thuyết diễn

Đại Niết bàn *kinh điển* này đây

Là *tạng* bí mật không hai

Của **Chư Đức Phật Như Lai** ba đời ?”

Thiện nam tử ! Ông thời hiểu rõ

Như trước kia **Ta** có nói rằng

Ngoại trừ **Văn Thù Thánh Nhân**

Mới hiểu hết được thật chân nghĩa này.

Nay **Thế Tôn Như Lai** nói lại,

Nên chú tâm Ông hãy nghe qua .

Thiện nam tử ! **Chư Phật Đà**

- Có hai loại *Pháp*, phân là dưới đây:

Một, Thế pháp tùy loài phù hợp,

Hai, Đệ nhất nghĩa pháp chỉ bày .

Thế pháp hoại diệt chóng thay,

Đệ nhất nghĩa pháp không ngày thoái suy .

- Lại có hai loại thì *pháp* khác :

Một, Vô thường, vô lạc và cùng

Vô ngã, vô tịnh nói chung

Những pháp này diệt, khó mong vững bền,

Hai, Chơn thường hoặc là Chơn lạc,

Hoặc Chơn ngã, Chơn tịnh pháp này

Không có hoại diệt đổi thay

Đời đời *thường trụ* tợ *rày hư không* .

- Lại hai *pháp* chẳng đồng hợp nhất :

Một là pháp của bậc *Nhị thừa*

Thọ trì đọc tụng thích ưa

Nhưng mau hoại diệt, dây dưa chóng tàn,

Hai là pháp các hàng **Bồ Tát**

Nếu *thọ trì* chứng đạt *Chơn thường*

Không hoại diệt tợ *kim cương*

Luôn luôn bền chắc lợi dưỡng tha nhân .

- Lại có hai *pháp*, cần phân biệt :

Một, *ngoại pháp* hoại diệt chóng nhanh,

Hai là *nội pháp* thực hành

Thời không hoại diệt đắc thành Chánh chân .

- Lại có hai *pháp* phân đại thể :

Một là *pháp* thế đế *hữu vi*

Thời có hoại diệt khắc kỳ,
Hai là Chánh Pháp vô vi nhiệm mầu
 Thời tồn tại không sao hoại diệt
 Người trí nên hiểu biết kỹ càng .
 - Lại có hai *pháp* luận bàn :
Một là pháp hữu thế gian cõi đời
 Có hoại diệt đổi dời mau lẹ,
Hai là “Pháp không” chân thật thời
 Không có hoại diệt đổi dời,
 Không ngăn, không mé đất trời bao la .
 - Lại có hai *pháp*, ta cần biết :
Một, cộng pháp hoại diệt lẹ thay,
Hai là bất cộng pháp này
 Thời không hoại diệt đổi thay bao giờ .
 - Lại có hai Pháp *cơ* cần hiểu :
Một là Pháp tiêu biểu loài người
 Thời có hoại diệt đổi dời,
Hai là pháp của hàng trời *Chư Thiên*
 Không hoại diệt bền kiên tồn tại
 Như mặt trời làm lợi *Chúng sinh* .
 - Lại có hai *pháp* phân minh :

Một là mười một bộ kinh *Tiểu thừa*
 Sẽ hoại diệt từ từ dứt hẳn,
Hai là Kinh Phương Đẳng Quảng Quyền
 Đời đời lưu bố khắp miền
 Không có hoại diệt giữ yên lâu dài .
Thiện nam tử ! Kinh này lưu trữ.
 Nếu là hàng *đệ tử Như Lai*
Thọ trì đọc tụng hằng ngày
 Biên chép, giảng thuyết không nài gian lao,
 Thường cung kính pháp mầu *Phương Đẳng*
 Là thời kỳ dai dẳng thọ dài
Phật pháp chẳng diệt một mai
 Làm *phương tiện* lớn tỉnh say cho đời .
Thiện nam tử ! Vừa rồi Ông hỏi.
Phật Ca Diếp có *kinh* này chăng ?
Thiện nam tử ! Nên hiểu rằng
Mười phương Chư Phật công năng thuyết bày
Đại Niết Bàn kinh này chơn thật
 Vốn là *tạng* bí mật **Như Lai**
 Của **Chư Phật** từ xưa nay
 Vì lòng thương Chúng hoằng khai giáo truyền .

Mười một bộ *kinh quyền* trước đó
Đức Như Lai chẳng nói rộng sâu
 Về **Phật tánh** rất nhiệm mầu
Chúng sanh đều có như nhau vẫn đồng .
 Cũng chẳng nói *Chơn Không, Thường, Lạc*
Ngã và Tịnh của **Phật Thánh hiền**,
 Chẳng nói **Chư Phật** hiện tiền
 Trọn không rớt ráo tịch viên **Niết Bàn** .
 Vì thế nên hoàn toàn sự thật
Kinh này gọi *tạng* mật **Như Lai** .
 Mười một bộ *kinh* trước đây
 Chẳng nói **Phật tánh** phô bày lộ ra
 Cho nên mới gọi là *Tạng* mật
 Mà ba đời **Chư Phật** giữ gìn .
 Như *thất bảo* của chính mình
 Lẽ nào hờ hững đem rinh ra ngoài,
 Càng cất giữ không ngày xao lãng
 Mới gọi là *bảo tạng* quý thay.
 Như tài vật của người này
 Chứa cất cẩn thận tương lai sau dùng,
 Dự phòng lúc nghề nông thất bát,

Hay gặp khi loạn lạc chiến tranh,
Chánh trị khổ khắc hoành hành
Nhờ của dự trữ sống sanh qua ngày .
Tạng bí mật **Như Lai** cũng vậy
Để dự phòng lúc ấy thời nguy
Đạo mầu *Chánh pháp* suy vi
Tỳ kheo lợi dưỡng bỏ đi giới phần,
Tứ chúng lại nói rằng **Đức Phật**
Đã rớt ráo *chứng nhập Niết Bàn*,
Do đó *mê* muội đa đoan
Chuyên đọc sách vở thế gian phần nhiều,
Chẳng còn giữ qui điều **Phật giáo**
Mặc dầu thân khoác áo *cà sa*.
Thời *Mạt pháp* khắp *Ta bà*
Những điều ác khởi hiện ra nơi đời.
Đức Như Lai biết thời vận hạn
Lòng thương chúng *thuyết giảng* kinh này,
Mong mọi người tỉnh mộng say
Xa lìa dục vọng lánh ngay đường tà .
Lúc *kinh tạng* này là diệt mất
Đúng thời kỳ **Phật Pháp** suy vong .

Nay *Thiện nam tử* ! Hỡi Ông !
 Là bậc **Bồ Tát** trí thông lãm tường
Đại Niết Bàn kinh thường còn mãi
 Chẳng bao giờ biến hoại đổi thay,
 Sao Ông lại hỏi **Như Lai**
Phật Ca Diếp có *kinh* này hay chẳng ?
Thiện nam tử ! Ông cần nên biết
 Thời kỳ **Phật Ca Diếp Như Lai**
Chúng sanh nói chung nhưn loài
 Lòng ít *tham dục, phước dày, huệ sâu*
 Hàng **Bồ Tát** dễ mau *hóa độ*,
 Các *Chúng sanh* giác ngộ tu trì,
 Có *Đại Oai Đức Tổng Trì*,
 Hầu hết *kinh điển* khắc ghi trong lòng,
 Sức lực như *Đại Tượng Vương* đó
 Một ngàn người cũng khó sánh bằng,
 Cõi nước *thanh tịnh* vua dân,
 Dưới trên hiếu đạo nghĩa nhân đắp bồi,
 Tất cả *Chúng* trời, người đều biết
Đức Phật chẳng *nhập diệt Niết Bàn*
Thường trụ hóa độ thế gian

Chẳng hề biến đổi đạo vàng *quang minh*,
 Tuy mặc dầu có *kinh* này thiệt
 Nhưng chẳng cần *diễn thuyết* tuyên truyền .
 Chúng sanh đời nay thiếu *duyên*
 Không gặp được **Phật** *phước điền* kém suy,
 Nhiều *phiên nã* che đi tánh thiện,
 Tạo ác căn *luân chuyển* ba đường,
 Lòng tin chẳng vững kiên cường,
 Nghi ngờ cõi nước hạ phương *Ta-bà*
 Cho **Như Lai** thân là *tứ đại*
 Vốn *vô thường* hư hoại hợp tan
 Rốt ráo *nhập diệt* **Niết Bàn**
 Cũng đồng sanh Chúng trần gian khác gì .
 Do cố này *Từ Bi* **Đức Phật**
 Diễn thuyết **Kinh Đại Bát Niết Bàn** .
 Này *Thiện nam tử* ! Bốn ban !
Chánh pháp **Chư Phật** minh quang đời đời,
 Phật Ca Diếp cũng thời như vậy,
 Luôn *thường trụ* bất hoại không thay.
 Thiện nam tử ! Ông nghe đây .
 Nếu có sanh Chúng nhơn loài thấy qua

Đối *Chơn* *ngã* cho là *Vô* *ngã*,
 Còn *Vô* *ngã* thấy có *Ngã* này,
 Chơn thường thấy *Vô* thường hay
Vô thường thấy *chấp* cho đây là *Thường*,
 Lại *Chơn* *lạc* thấy cho *Vô* *lạc*,
Vô *lạc* thấy *chấp* có *lạc* bày,
 Chơn *tịnh* thấy *bất* *tịnh* đây,
Bất *tịnh* thấy *chấp* cho rày *tịnh* *chơn*,
 Chỗ *hoại* *diệt* cho là *bất* *diệt*,
 Còn *bất* *diệt* cho *diệt* *đổi* thay,
 Tội thấy chẳng phải tội *gây*,
 Phi tội thời thấy tội này bày ra,
 Tội nhẹ thấy cho là tội nặng,
 Tội nặng thấy cho chẳng nặng ư !
 Thừa thấy *chấp* là phi *thừa*,
 Phi *thừa* thấy *chấp* là *thừa* do ta,
Đạo thấy *chấp* cho là phi *đạo*,
 Phi *đạo* thấy *chấp* là *đạo* *chơn*,
 Bồ *đề* *vô* *thượng* *diệu* *phương*
 Thấy *chấp* chẳng phải là *chơn* *Bồ* *đề*,
 Thật *phiền* *nã* *chấp* *mê* chẳng biết

Thấy *chấp* cho rằng thiệt *Bồ đề*,
 Khổ thấy chẳng *khổ* nào nê,
Tập thấy chẳng phải *tập* *đề* sinh ra,
 Diệt thấy chẳng phải là *Diệt* *đế*,
 Đạo thấy chẳng phải *đạo* *đế* chân,
 Thật là *thế* *đế* tục trần
 Thấy là *Đệ nhất nghĩa* chân đế này,
 Còn *Đệ nhất nghĩa* đây chơn thiệt
 Lại thấy là *Thế* *đế* trần ni,
 Quy thấy chẳng phải là Quy,
 Chẳng Quy lại thấy là Quy trở về,
 Lời của **Phật** *giác*, *mê* đầy đủ
 Cho là lời của lũ *Ma vương*,
 Còn thiệt lời *Ma* *phô* *trương*
 Lại cho lời **Phật** *lâm* *đường* *khổ* *tai* .
 Vào thời kỳ trên đây **Chư Phật**
 Bèn nói **Kinh Đại Bát Niết Bàn** .
 Thiện nam tử ! Hỡi bốn ban !
 Thà là nói dối thế gian chuyện này :
 Vòi con muỗi nó dài khôn tưởng
 Đến tận cùng biển lớn đáy sâu,

Chớ chẳng nên nói pháp mầu
 Của **Chư Phật** diệt, tội này lớn thay !
 Thà nói rằng lấy dây quấn buộc
 Luồng gió mạnh bằng được khó tin,
 Thà nói lấy miệng của mình
 Thổi tan núi lớn rung rinh địa cầu,
 Thà nói đóng lửa màu rực đỏ
 Mà trong đó trở mọc *Liên hoa*,
 Thà nói thuốc *A Đà Đà*
 Cho rằng độc dược chẳng là hại ai,
 Thà nói rằng ta đây có thể
 Làm mặt trăng nóng cháy muôn loài,
 Mặt trời lạnh buốt kéo dài
 Đổi thay Nhật Nguyệt phút giây khắc kỷ.
 Thà nói *bốn Đại chúng* đều bỏ
 Tánh chất đây của nó không cần,
 Trọn chẳng nên ta nói rằng :
 “*Chánh pháp Chư Phật* dần dần diệt suy.”
Thiện nam tử ! Xét tri rõ biết .
 Lúc **Đức Phật** đó thiết ra đời
Chúng đặng đạo vô thượng rồi

Mà hàng *đệ tử* không người hiểu qua
 Nghĩa *Đại thừa* sâu xa *tu tập*
Đức Phật đó liền *nhập Niết Bàn* .
 Nên biết *Chánh pháp* hoàn toàn
 Chẳng thể *trụ* ở thế gian lâu dài .
 Nếu như có đông vậy *đệ tử*
 Đã hiểu thấu *đại sự* rõ ràng
 Nghĩa *Đại thừa* lợi thế gian
Phật đâu có *nhập Niết Bàn* chẳng sao ,
Chánh pháp trụ dài lâu tại thế
 Ở nơi đời ích lợi *Chúng sanh* .
 Nay *Thiện nam tử* ! Hiểu rành .
 Nếu **Phật** *xuất thế* đạo thành cao ngời
 Hàng *đệ tử* nhiều người đạt liễu
 Nghĩa *Đại thừa* thấu hiểu tường tri,
 Mà không có hàng *bạch y*
Đàn việt tôn trọng thực thi đạo mâu,
 Khi **Đức Phật** không lâu *tịch diệt*
Nhập Niết Bàn sự thiệt xảy ra
 Nên *Chánh pháp* của **Phật Đà**
 Chẳng *trụ* cõi thế lâu xa duy trì,

Nếu có hàng *bạch y đàn việt*
Hết lòng lo **đạo nghiệp** vững vàng
Phật dẫu có *nhập Niết Bàn*
Chánh pháp vẫn *trụ* thế gian lâu dài .
Thiện nam tử ! Ông nay nên biết
Nếu **Đức Phật** đó thiệt ra đời
Chúng đạo vô thượng xong rồi,
Có các *đệ tử* người người thích ưa
Hiểu nghĩa lý *Đại thừa Phật* thuyết,
Cũng có hàng *đàn việt bạch y*
Hết lòng kính tin phát huy
Phật Pháp *quyền* biến thực thi trong đời .
Nhưng lại có những người *thuyết giảng*
Lại vì danh lợi chuộng của tiền,
Chẳng cầu **Niết Bàn** liễu viên,
Khi **Phật** *diệt độ* xa miền trần gian
Thì *Chánh pháp* hoàn toàn mất hẳn
Chẳng ở lâu *trụ* đặng nơi đời .
Trái lại, nếu như có người
Là hàng *đệ tử* của thời *Phật môn*
Thuyết pháp vì **Thế Tôn** thường *trụ*,

Cầu **Niết Bàn** đầy đủ *phước duyên*,
 Chẳng ham danh lợi tước quyền,
Phật dầu có *nhập* đài liên **Niết Bàn**,
 Nhưng *Chánh pháp Phật* đường còn mãi
 Vẫn *trụ* lâu tồn tại trời, người
 Thiện nam ! Nếu **Phật** ra đời
Chúng đạo vô thượng *Bồ đề* liễu viên.
 Dầu có nhiều *Thánh hiền* đệ tử
 Hiểu *Đại thừa* mật ngữ vô vi,
 Cũng có *đàn việt* bạch y
 Hết lòng *hành đạo* thực thi thiện lành,
 Mà có người thường sanh gây sự,
 Hoặc trong hàng *đệ tử* **Như Lai**,
 Tranh tụng hơn thua hằng ngày,
 Phải quấy *phân biệt* đúng sai phàn nàn,
 Sau khi **Phật** *Niết Bàn* qui thú,
 Thời *Chánh pháp* chẳng *trụ* lâu đời .
 Trái lại, nếu có nhiều người
 Thật hành *Chánh pháp* ích đời lợi tha,
 Chẳng hơn thua thuận hòa *tu tập*
 Dầu **Phật** đây có *nhập* **Niết Bàn**,

Nhưng *Chánh pháp* vẫn mở mang
Trụ trong thế giới trần gian lâu dài.

Thiện nam ! Nếu **Như Lai** xuất hiện
 Ở trong đời *Đại nguyện viên thành*,

Có nhiều *đệ tử* căn lành

Đại thừa liễu nghĩa tu hành **Chánh tri**,

Cũng có hàng *bạch y đàn việt*

Luôn một lòng chơn thiết kính tin,

Các *đệ tử Phật* hết mình

Vì cầu *đạo quả* quang minh **Niết Bàn**,

Mà chẳng quản *đăng đàn thuyết pháp*,

Tâm cung kính phù hạp lẫn nhau,

Nhưng lòng *tham* chưa bỏ nào,

Cát vật *bất tịnh* không sao miễn bàn,

Tự xưng mình hiện đang *chứng quả*

Tu Đà Hoàn hay bậc *Bất Lai*,

A La Hán đủ đức tài

Có thể độ Chúng vượt ngoài thế gian,

Khi **Phật** đó **Niết Bàn diệt độ**,

Thời *Chánh pháp* chẳng *trụ* lâu dài .

Trái lại, *đệ tử Như Lai*

Chẳng *tham* cất chứa tiền tài *Chúng sinh*,
 Cũng chẳng tự cho mình *chứng quả*
 Giai vị nào tất cả lìa xa,

Phật dầu *diệt độ Ta-bà*

Nhưng *Chánh pháp* vẫn hiện ra lâu đời .

Thiện nam tử ! Những lời **Phật** thuyết
 Nghe qua rồi phải biết xét suy .

Nếu **Phật** xuất hiện trần ni

Chứng *Vô thượng đạo* Chánh tri *Bồ đề*,

Có *đệ tử* bốn bề đông đảo

Vâng lời **Phật** dạy bảo ngộ liền

Những điều kiện vừa kể trên,

Nhưng lại còn *chấp* tư riêng ý mình

Mà lập ra cố tình dị thuyết

Rồi cho mình hiểu biết hơn người :

“Này *Trưởng lão* ! Ông nhớ lời .

Giới của **Phật** chế chẳng thời đổi thay,

Bốn giới trọng hoặc đây *giới* nhẹ,

Bảy diệt tránh chẳng né qui điều.

Vì Chúng sanh *giới luật* nêu

Hoặc ngăn, hoặc mở tùy chịu phân qua,

Thập nhị kinh cũng là như vậy,
 Bởi **Phật** đây *quán* thấy trước sau
 Các cõi nước đều khác nhau
 Chúng sanh *căn tánh* chậm, mau mỗi loài
 Cho nên **Đức Như Lai** giảng nói
 Có trọng, khinh tìm tòi sẽ tường,
 Hoặc ngăn, hoặc mở đủ phương
 Làm sao dắt Chúng vào đường thẳng ngay.
 Như lương y giỏi tài trị bệnh
 Nóng thời cho uống sữa đáng cần,
 Bệnh lạnh thời lại cấm ngăn
 Không đặng dùng sữa bệnh nhân nguy nản .
Đức Như Lai hoàn toàn *quán sát*
 Những căn bệnh quái ác não phiền
 Của Chúng sanh *khách trần* duyên
 Mới dụng chế *giới* tinh nghiêm *luật* phần,
 Nên cũng mở, cũng ngăn đủ *hạnh*
 Tùy theo bệnh nóng, lạnh nguyên nhân .”
 Nay *Trưởng lão* tôi đích thân
 Nghe **Phật** giảng nghĩa Chánh chân rộng bày,
 Chỉ tôi biết chớ Ngài không biết,

Chỉ tôi hiểu chơn thiệt *luật* này ...
 Chứ Ngài không hiểu biết đây,
 Các *Kinh* của **Phật** tôi nay hiểu rày.
 Nên biết khi **Như Lai** *diệt độ*
Chánh pháp đó chẳng *trụ* lâu dài .
 Trái lại, hàng *đệ tử* này
 Đủ các điều kiện luận bày vừa trên,
 Nhưng tâm không lập riêng dị thuyết,
 Dầu cho **Phật** có *diệt độ* trần
 Nhưng *Chánh pháp* vẫn xây vẫn
 Người người nối tiếp lợi nhân ích đời .
Thiện nam tử ! Ông thời nên biết
 Lúc *Chánh pháp* **Phật** *diệt độ* trần
 Hàng *đệ tử* bậc *Thanh văn*
 Lắm người lại nói có *thần* hoặc không,
 Có *trung ấm* hoặc không *trung ấm*,
 Có ba đời hoặc chẳng ba đời,
 Có *ba thừa* hoặc không thừa,
 Hoặc nói tất cả trên đời đều không,
 Hoặc nói có chẳng đồng tâm ý,
 Nói *Chúng sanh* có thì có chung,

Hoặc nói *Chúng sanh* rốt cùng
 Thật ra chẳng có **thỉ chung** chắc bền,
 Cho *mười hai* *nhơn duyên* **Phật** thuyết
 Là *hữu vi pháp* thiệt chẳng sai,
 Hoặc nói *vô vi pháp* này,
 Hoặc nói **Đức Phật** như loài *phàm phu*
 Có bệnh khổ sâu ưu không khác,
 Hoặc nói là **Đức Phật Như Lai**
 Không bệnh khổ, không nản tai,
 Không còn *sanh tử* ra ngoài *Tam thiên*,
 Hoặc nói là **Phật** truyền *giới luật*
 Không cho hàng *Đại đức Tỳ kheo*
 Ăn *mười thứ* *thịt* như sau :
 Thịt người, thịt rắn, thịt voi, thịt lừa,
 Hay thịt chó, hoặc là thịt ngựa,
 Thịt sư tử, thịt heo, thịt chồn,
 Thịt khỉ vượn cấm chẳng ăn,
 Hoặc giết hoặc nhận người trần cúng dâng,
 Ngoài ra đều cho ăn được hết
 Nói như vậy nào biết lỗi sai ;
 Hoặc nói tất cả chúng loài

Để con, để trứng không ai được dùng ;
 Hoặc nói hàng *Tỳ kheo kham nhẫn*
 Có năm việc mà chẳng nên làm :
 Buôn bán sanh vật thú cầm,
 Dao, rượu, thuốc nhuộm, dầu mè nấu ăn.
 Ngoài ra, đều cho làm mọi việc.
 Lời nói đó, quả thiệt lầm sai :
 Hoặc nói *Tỳ kheo* các Ngài
 Chẳng vào năm thứ nhà đây như là :
 Nhà hàng thịt, hay nhà dâm nữ,
 Nhà nấu rượu, nhà của Vương gia,
 Sau cùng nhà *Chiên Đà La*
 Ngoài ra tất cả **Phật Đà** không ngăn ;
 Hoặc nói rằng Chư *Tăng* nên hiểu
 Chẳng được mặc y *Kiều Xa Gia*,
 Ngoài điều này Chư *Tăng* già
Phật cho phép mặc dù là vải gai ;
 Hoặc nói là **Như Lai** tuyên bố
 Cho Chúng *Tăng* lãnh thọ *cúng dường*,
 Chứa cất y phục, nhà vườn,
 Đồ nằm trị giá mười muôn lượng vàng ;

Hoặc nói là các hàng *Tăng chúng*
 Không nhận vật *bất tịnh thập phương* ;
 Hoặc nói **Niết Bàn** là *Thường*,
 Là *Lạc, Ngã, Tịnh* thiết chơn hoàn toàn ;
 Hoặc nói là **Niết Bàn** sự thiết
 Mọi *kiết sử* dứt hết tai ương,
 Không còn có *pháp* khác hơn,
 Nên gọi là *nhập Niết Bàn* lạ chi.
 Như dẹt chỉ gọi y đang mặc,
 Y hư rách tức gọi không y,
 Không có *pháp* gì khác thì
 Cho nên gọi đó không y có gì .
Thế Niết Bàn cũng y như vậy,
 Xét thật ra nào thấy khác nhau .
 Đương thời kỳ đó, về sau ...
 Các *đệ tử* của **Ta** nào khác chi :
 Chánh thuyết *ngộ* giác tri phần ít,
 Tà thuyết thời ưa thích nhiều thay !
Thọ Chánh pháp thì ít ai,
Thọ theo tà pháp đông vầy *Chúng sanh*,
Thọ lời Phật tu hành rất ít,

Thọ lời Ma thỏa thích đông thì .

Bấy giờ, nước **Câu Diêm Di**

Có hai *đệ tử quy y Phật Đà* :

Một là vị đấng A La hán,

Hai là vị phá giới trọng sâu .

Vị phá giới cũng tu cầu

Năm trăm *đệ tử* theo hầu hộ thân,

Vị La Hán có trăm đồ Chúng

Gìn giới cấm đê mê cũng như ngày.

“*Người phá giới* nói **Phật** đây

Rốt ráo đã *nhập* vào ngay **Niết Bàn**,

Chính tôi nghe rõ ràng **Phật** thuyết

Nói nghĩa đó sự thiệt không sai,

Bốn giới trọng Phật chế đây,

Nếu trì cũng được mặc ai tùy lòng,

Bằng phạm vào cũng không có tội,

Chính tôi nay *đặng quả vô sanh*

A La Hán tự nhiên thành,

Bốn trí vô ngại lợi lành mười phương .

Nếu tri ra tận tường gốc gác

A La Hán khó thoát tội này,

Nếu *bốn giới trọng* chế đây
 Cho thật là tội không ai tin mà .
 Lúc **Như Lai Phật Đà** trụ thế
 Khuyên Chúng *Tăng* giữ *giới* vẹn toàn
 Đến khi **Phật nhập Niết Bàn**
 Thời đều phóng *xả Tăng đoàn* rời xa .”
 Nghe lời trên vị *A La Hán*
 Bảo *Tỳ kheo phá giới* lời khuyên :
 “*Này Trưởng lão ! Ông* chẳng nên
 Nói **Phật** rất ráo tịch viên **Niết Bàn** .
 Theo tôi biết minh quang chính xác
Đức Như Lai chẳng *nhập Niết Bàn*
 Thường còn mãi trong thế gian
 Không hề biến đổi hợp tan *vô thường* .
Bốn trọng giới kỷ cương **Phật** chế
 Ai phạm vào chẳng thể dung tha,
 Tội không sai khác đó mà
Luật hình phải chịu *đọa sa A Tỳ*.
 Nếu nói rằng bậc *A La Hán*
Bốn trọng giới vi phạm là sai .
 Vị *Tu Đà Hoàn* bậc này

Còn chẳng dám phạm tội gây bất hòa
 Huống là vị đắc *A La Hán*
 Mà phạm vào giới trọng hay sao ?
 Ông *Trưởng lão* quá tự cao
 Xưng mình *La Hán* đức sâu hơn người .
 Nhưng đâu biết tâm *A La Hán*
 Trọng chẳng tưởng mình *chứng quả* này.
 Bạc *A La Hán* thường hay
 Chỉ *thuyết pháp* thiện, không bày lỗi sai .
 Lời nói của Ông đây *Trưởng lão*
 Là phi *pháp*, phi *đạo*, phi *đanh* .
 Nếu có người trí thông minh
 Đọc tụng *thập nhị chơn kinh Phật Đà*
 Thời *quyết định* nghe qua *Trưởng lão*
 Chẳng phải *A La Hán vô sanh*” .
 Nghe *A La Hán* phân rành,
 Đồ chúng *phá giới* vây quanh điên cuồng
 Liên giết chết vị *A La Hán*
 Bạc *tu hành* mắc nạn thương thay !
Ma vương thấy hai Chúng gây,
 Giận hờn tranh đấu không ngoài *vọng tâm*,

Bèn hại cả sáu trăm đồ Chúng
Cho là lũ vô dụng bất tài .

Bấy giờ, những kẻ đứng ngoài
Thấy điều bạo ác hiện bày trước gương.
Đều bảo nhau tiếc thương thay quá
Rằng **Phật Pháp** nay đã dứt rồi .

Nhưng *Chánh pháp* của **Phật** thời
Thật chẳng diệt dứt cõi đời này đâu .

Vì trong nước **Câu Diêm Di** ấy
Có mười hai muôn vị *xuất gia*

Là **Đại Bồ Tát Ma Ha**

Hộ trì *Chánh pháp* của **Ta** lâu dài .

Lúc bấy giờ, trần ai biến đổi,
Diêm Phù Đề là cõi *Ta bà*

Không có một vị *Tăng già*
Theo làm *đệ tử* của **Ta tu hành** .

Ma Ba-Tuần thường sanh lòng ghét
Dùng lửa đốt cháy hết Kinh văn .

Chỉ còn sót lại ít phần
Ngoại đạo trộm lấy truyền răn sau này.

Họ lợm lặt lời hay nghĩa khó

Rồi đưa vào sách họ lưu hành .
 Do đó, những kẻ không rành
 Cội nguồn gốc rễ tin thành tin theo .
 Lúc **đạo giáo** còn nghèo *kinh điển*,
Phật cũng chưa xuất hiện ra đời,
 Dem *tâm tin* lấy những lời
Ngoại đạo giảng thuyết người người theo đông.
 Hàng *ngoại đạo* dối lòng gạt Chúng
 Rằng *traí giới* tôi cũng tinh thông,
 Nhưng thật ra họ đều không
Traí giới chẳng giữ đầy lòng *sát sanh* .
 Họ dẫu nói : Có *thường*, có *lạc*,
 Có *ngã*, *tịnh* diễn đạt rất hay,
 Xét cho cùng tâm họ đây
 Chẳng hiểu *thường*, *lạc* **Như Lai** thế nào .
 Chính là họ đào sâu tội lỗi
 Trộm kinh **Phật** học hỏi đôi câu
 Nói sách của họ từ lâu
 Có nghĩa như vậy, diệu mầu sâu xa .
 Bấy giờ, rừng *Ta La song thọ*
Câu Thi Na thành nọ chẳng xa .

Vô số *Đại chúng* nghe qua
 Lời kể của **Đức Phật Đà** vừa trên
 Liên đồng tiếng xướng lên vang vọng
 Rằng : “Thế gian trống rỗng từ nay !”.

Ca Diếp Bồ Tát chấp tay

Bảo Chư *Đại chúng* lời này như sau :

“Các người chớ buồn đau vọng động
 Thế gian chẳng trống rỗng được đâu,
 Vì *Phật, Pháp, Tăng* nhiệm mầu
 Vốn là *thường trụ* dài lâu trong đời .”

Các *Đại chúng* nghe lời **Ca Diếp**
 Liên nín lặng thấu nhiếp *vọng tâm*
 Đồng cầu *đạo quả* thậm thâm
 Bồ đề chứng đắc thân khâm quý nhường .
 Lúc đó, cũng tại *thành Vương Xá*
 Vua *A Xà Thế* úy hiệu danh .

Tánh tình tệ ác bất lành,
 Ưa thích chém giết *Chúng sanh* quá nhiều,
 Miệng tạo lỗi bốn điều chẳng sót,
Tham, sân, si trói cột ý tình,
 Chỉ thấy hiện tại quang vinh,

Tương lai chẳng biết điều linh khổ nài,
Thường dùng người ác gian mưu lược
Để nuôi làm *quyến thuộc* tình thâm,
Phạm vào *ngũ dục* xác thân,
Vua Cha nữ giết, quên ân sanh thành .
Hại Cha xong ăn năn bứt rứt,
Lãnh *quả* liền ghẻ mọt toàn thân,
Chẳng ai mà dám đến gần,
Cung phi, mỹ nữ, thần dân xa lìa,
A Xà Thế sớm khuya tự nghĩ
Rằng : Nay ta xử trí thế nào ?
Chắc thọ *quả báo* về sau,
Không lâu chung mạng *đọa* vào ngục gông .
Thân mẫu của vua A Xà Thế
Bà tên gọi là **Vi Đề Hy**
Thấy con mang bệnh lạ kỳ
Dụng đủ thứ thuốc chẳng thì giảm thuyên .
Vua thấu biết *căn duyên* mọi lẽ
Nên trình tâu với mẹ mình rằng :
Bệnh ghẻ này do nguyên nhân
Từ *tâm* gây tạo lãnh phần không sai

Chẳng phải là do đây *tứ đại*
 Không thể dùng y dược trị lành .

Vua bảo các vị Đại thần :

“Nay ta đau khổ xác thân rụng rời .

Cha của ta cả đời vô tội,

Vì ngai vàng ta vội giết cha .

Từng nghe người trí bảo là
 Phạm tội *ngũ nghịch đọa sa A Tỳ* .

Xét tội ta chẳng gì cải sửa,

Không thuốc nào mà chữa trị lành ”.

-**Nguyệt Xứng** Đại thần tâu rằng :

“Bệ hạ chớ có ăn năn rầu buồn.

Như người quen ngày thường ngủ nghỉ,

Thời ngủ nghỉ tâm ý quen hoài,

Như người *dâm dục* đắm say,

Càng thêm *dâm dục* đêm ngày khó buông,

Như người ưa thèm thường uống rượu,

Càng uống chưa thấy đủ càng hăng .

Nếu thường sâu khổ trong tâm,

Càng thêm sâu khổ tăng dần khổ âu .

Như Đại vương lo rầu áo nã

Tội giết cha vô đạo bất nhân
 Cho mình phạm tội nghịch thần
 Quyết định *địa ngục* chịu phần khổ tai .
 Hỏi Đại vương có ai vào đó,
 Thấy tội nhưn hiện rõ tận tường
 Rồi về thưa với Đại Vương
 Phạm tội *ngũ nghịch* ngục đường cùm gông?
 Vì muốn răn người lòng gian trá
 Nói *địa ngục* chịu *quả* đó mà.
 Nay có *Đại Sĩ Tăng già*
 Danh hiệu là ***Phú Lan Na*** đại hùng,
 Đặng sức *định* tinh thông *tự tại*,
 Thấy biết điều trái phải ngại ngần,
Tu tập trong sạch *giới* răn,
 Thường vì sanh Chúng siêng năng thuyết trình
Đạo Niết Bàn *quang minh* lỗi lạc,
 Rằng không có *ngiệp* ác trong tâm,
 Không có *báo* ác sai lầm,
Ngiệp lành, *ngiệp* dữ đoạn mầm cả hai .
 Không có thượng *ngiệp* hay hạ *ngiệp* .
Đại Sư này giảng thuyết khéo thay !

Hiện đang ở trong thành này
Xin Đại vương sớm một ngày giá lâm
Nhờ *Đại Sư* điều tâm trị liệu
Biết đâu là bệnh chịu mau lành”.

Vua nghe lời tấu chân thành
“Nếu ông ấy trị hết hành quả căn,
Trừ tội lỗi do tâm ta tạo,
Thời ta sẽ *cầu đạo quy y*”.

- Lại có một vị *oai nghi*

Đại thần **Tạng Đức** phục quỳ trình thưa :

“Mong Đại vương chớ lo thêm bệnh,
Nghe lời thần *quyết định* như vậy,
Có hai *pháp luật* sau đây

Đại vương suy xét điều này phân qua :
Một, Xuất gia ; *Hai là Vương pháp*;
Tùy *căn cơ* phù hợp mỗi người .

Giết cha mình để lên ngôi

Đó là nghịch tử đất trời khó dung.

Đối Đại vương thật không có tội,

Như loài trùn **Ca La La** kia

Phải cắn lủng bụng mẹ già

Như vậy mới đặng chui ra bên ngoài .
 Dầu cắn bụng mẹ đây có lũng
 Nhưng thật ra trùn chẳng tội chi .
 Con La ghen chửa giống y
 Như mẹ nó vậy chẳng thì khác nhau .
 Phép trị nước tối cao cũng vậy,
 Dầu giết cha hay hại em anh
 Tội này cũng chẳng cấu thành
 Đại vương xét lại lời lành râu qua .
 Còn *pháp luật xuất gia* lại khác
 Nếu người *tu* giết thác kiến, ruồi
 Cũng đều mang tội suốt đời
 Khó gìn *giới* vẹn thoát nơi ngục tù.
 Đại vương càng sâu ưu thêm bệnh
 Thì lấy ai chấn chỉnh Triều ca” .
 Nay có *Đại Sư Mạt Già*
 Thương xót bá tánh như là bản thân,
 Thấy biết rõ quả nhân, *nhân quả*,
 Đã dứt trừ buồng xả não phiền,
 Trị lành các bệnh đảo điên,
Tam độc nhỏ sạch lành yên mọi loài .

Đại Sư này thường hay *giáo hóa*
Đệ tử rằng : Tất cả *Chúng sanh*
Có bảy nguyên tố tạo thành :
Địa, Thủy, Phong, Hỏa mới sanh thân này,
Và *Thọ mạng* cộng đây *Khổ, Lạc* .
Bảy thứ này chẳng hóa, chẳng làm,
Chẳng thể hủy hoại tiêu tan,
Tự sanh, tự diệt thời gian chóng chầy,
Giống như cỏ *Y Sư Ca* vậy,
Rất ít người nhìn thấy tìm ra .
Tứ đại an trụ làm nhà,
Chẳng động ví tợ như *tòa Tu Di* .
Chẳng có làm dưỡng như là *sữa*
Rồi sanh *lạc*, vài bữa sanh *tô* .
Chẳng cãi lẽ nhau hồ đồ :
Hoặc vui, hoặc khổ, lăm trò bày ra,
Là lành thiện hay là bất thiện
Tâm sanh ra mọi chuyện trên đời .
Lấy dao bén chặt không rời,
Không bị thương tổn dầu thời mảy lông .
Bảy nguyên tố bên trong trống rỗng,

Không ngại ngăn, mở, đóng, khép gài,
Mạng cũng không bị hại thời,
 Không có người hại và người chết đây,
 Cũng không làm, không ai *thọ* lấy,
 Không nói năng, nghe thấy mất tai,
 Không có ai nhớ mãi hoài,
 Cũng như không có người đây dạy truyền .
Đại Sư ấy thường xuyên *thuyết giảng*
 Như vậy, làm tỏ sáng trí người
 Dứt trừ trọng tội trên đời
 Không còn sầu khổ thành thơi an lành .
 Hiện *Đại Sư* ở thành *Vương Xá*,
 Xin *Đại vương* xe giá quang lâm
 Gặp đặng *Đại Sư* cao thâm
 Tiêu trừ các tội *thân tâm* thỏa nguyện .
 Vua *Xà Thế* phán truyền chân thật
 Bảo *Đại thần Tạng Đức* như sau :
 “Nếu quả thiệt như lời tâu
 Ta sẽ cung kính đạo mầu *quy y*”.
 - Lại có vị *Đại thần Thiệt Đức*
 Tâu cùng vua hết mực thảo ngay :

“Xin Đại vương chớ bi ai !
Nghe lời trình tấu, điều này xét qua .
Nếu Tiên Vương *xuất gia giải thoát*
Giết hại thời tội ác vô cùng.
Còn theo phép nước luật chung
Thời không có tội ngoài vòng tù lao .
Vì tất cả *Chúng sanh* muôn loại
Đều có *ngiệp* chứa lại dư thừa,
Do *ngiệp* xưa chưa tiêu trừ
Thường bị *sanh tử luân hồi* trả vay.
Nếu Tiên vương trước gây *ác nghiệp*
Còn dư thừa chuyển kiếp ngày nay
Đại vương dầu lỗ xuống tay
Tâm không cố ý tội này dung tha .
Mong Đại vương xét qua cặn lý
Chớ sầu khổ bi lụy thở than,
Vì nếu sầu khổ ôm mang,
Thì là sầu khổ lại càng thêm hơn .
Hiện nay ở trong *thành Vương Xá*
Có *Đại Sư* đức cả từ bi
Hiệu là *San Xà Dạ Tỳ*

La Chi Tử thấy biết thì vật nhơn,
Trí sâu rộng tự dường biển lớn,
Có *oai đức* thường tưởng *độ* sanh,
Nhiều người bỏ ác về lành,
Si mê phá vệt khỏi manh lưới tà .
Ngài dạy hàng *xuất gia*, tại tục
Trong quần chúng hay bậc Đế vương
Sống đời *tự tại* bình thường
Không thiện, không ác nhân nhượng giúp nhau,
Trợn không tội, tâm nào *sinh diệt*,
Như lửa đốt cháy hết vật trần,
Tốt xấu đâu còn so phân,
Sạch nhơ cũng vậy, không cần biện minh .
Như mặt đất thỏa tình vứt bỏ
Vật sạch nhơ chứa chở đầy thôi.
Như nước, rửa sạch bùn hôi,
Như gió, đều thổi cả mùi thúï thơm .
Dầu có các việc thường như vậy,
Mà đất, nước ... chẳng thấy giận hờn,
Phép của vua chúa bình thường
Cũng đồng như thế dân cường nước an .

Như mùa thu cây già trụi lá,
Mùa xuân thời hoa quả tốt tươi,
Đầu chặt cây trụi lá rồi,
Nhưng cây không chết đâm chồi nhánh ra,
Xét sự thật chẳng là mắc tội,
Như *Chúng sanh* trong cõi trần ai
Chết rồi trở lại đầu thai
Chỗ này sanh tiếp nối dài *vô biên*,
Vì sanh lại cho nên không tội .
Những *quả báo* vui, khổ mọi loài,
Chẳng phải do *ngiệp* đời nay,
Mà do đời trước tạo gây bất thường,
Hiện tại không *ngiệp* hơn vay trả,
Thì *vi lai* không *quả báo* đây.
Do *quả* hiện tại lành thay !
Cho nên có thể *giới trai thọ trì*,
Thường *tinh tấn quy y* theo **Phật**,
Quyết *tu hành giải thoát si mê*.
Do *trì giới* vẹn mọi bề,
Thời *đặng vô lậu Bồ đề* thành công.
Vì *đặng chứng viên thông vô lậu*

Tất cả *nghiệp hữu lậu* tiêu mòn.
Vì hết *nghiệp*, khổ không còn
Nên đặng *giải thoát* viên tròn đức sâu .
Xin Đại vương mau mau ứng *nguyện*
Kíp đến đó diện kiến *Đại Sư*
Mọi tội lỗi được tiêu trừ,
Sầu khổ tan biến tức thời lìa xa”.

Vua đáp rằng : “Nếu là thật đấy
Ta xin *nguyện* kính lạy *Quy y*”.

- Lại có một vị đang quỳ
Đại thần tên gọi **Tất Trì Nghĩa** đây.
Tâu cùng vua giải bày khúc chiết :
“Xin Đại vương thương tiếc mình vàng,
Tâm bớt sầu khổ buồn than,
Nghe lời thần hạ đôi đàng phân qua .
Ngày xưa có vua **La Ma** đấy
Giết Phụ Hoàng chiếm lấy ngôi vương .
Vua **Mạc Đê**, **Tỳ Lô Chơn**
Hai vị vua cũng tranh đương ngai vàng
Mà hại cha phụ phàng nghĩa cả
Nào có thấy *nhơn quả* xảy ra ?

Na Hầu Sa, Ca Đế Ca

Hai vua trên cũng sát cha của mình,
Ái Vương, Nguyệt Quang Minh cũng thế,
Tỳ Xá Khư các Đế vương này
 Vì tham *ngũ dục* đắm say
Tình thâm huyết nhục cắt tay đoạn lìa,
Tỳ Đa Nơn vua kia kém phúc
Giết cha già không chút đờn đau .
 Nhưng không có vị vua nào
Kể trên bị *đọa* nốt vào Thiên lao .
 Đời nay có nhiều trào vương vị
 Như có vua tên **Tỳ Lưu Ly**,
 Vua **Ưu Đa Dạ** khác gì
Hay vua **Ác Tính** hoặc thì **Thử Vương**,
 Vua **Liên Hoa** bạo cường gian ác
 Đều nhẫn tâm giết chết cha mình
 Mà không một chút động tình
Hay là sâu não hoặc sinh tâm buồn .
 Dẫu nói rằng *Thiên đường, Địa ngục*
 Chẳng ai thấy tội, phúc hiện bày.
 Tâu Đại vương nghĩ lại ngay

Thế gian chỉ có hai loài sau đây :

Một là người ; Còn hai, súc vật .

Tuy nói hai đủ loại cấu thành .

Chẳng phải do *nhơn duyên* sanh,
Chẳng phải *duyên* diệt rõ ràng không sai .

Đã chẳng phải *duyên* đây tạo tác

Thời có gì thiện, ác đối đầu .

Mong Đại vương chớ buồn rầu
Sợ sệt suy nghĩ bệnh lâu kéo dài .

Vì người thường bi ai sâu khổ

Thì càng ngày sâu khổ thêm tăng .

Cách *thành Vương Xá* cũng gần
Có vị *Trưởng lão* đức năng khôn lường,
Tâm *từ bi* xót thương *nhơn loại*,
Ngài cứu đời không ngại chánh, tà .

Đại Sư đó danh hiệu là

A Kỳ Đa Xúy Xá Khâm Bà La

Trí sáng suốt soi qua *nhơn vật*,

Xem vàng cùng với đất đồng nhau .

Đối với kẻ nọ cầm dao

Chém hông bên mặt chẳng nào than van,

Cùng người lấy *Chiên Đàn* thơm ngát
 Thoa hồng trái chẳng khác gì nhau,
Tâm không *phân biệt* thấp cao
Trí ngu bình đẳng nghèo giàu chẳng phân,
 Không thương, ghét người thân xa lạ
 Thật là bậc *giáo hóa* Chúng nhân”.

Đại Sư dạy *đệ tử* rằng :

Những điều *lợi ích* khuyên răn ở đời .

“Hoặc tự làm, bảo người làm thế,

Hoặc tự chém, bảo người chém thay,

Hoặc tự mình đốt rừng cây,

Hoặc bảo người đốt cả hai đồng thời,

Hoặc tự hại, bảo người sát hại,

Hoặc tự trộm, chỉ dạy cho đời,

Hoặc tự *dâm dục* với người,

Bảo người *dâm dục* giống thời như ta,

Hoặc tự mình bày ra *vọng ngữ*,

Hoặc bảo người nói chữ thiếu thừa,

Hoặc tự uống rượu thích ưa,

Hoặc bảo người khác say sưa như mình,

Hoặc giết hết *Chúng sinh* một xóm,

Hoặc một thành, hoặc một Quốc gia,
 Hoặc *bố thí* khắp *Hàng sa*,
 Hoặc cứu độ Chúng *Ta bà* mười phương,
 Tất cả đều như sương buổi tối
 Khi sáng ra nó vội tan liền,
 Không có tội, không *phước điền*,
 Không *thí*, không *giới*, *định* thiền cũng không”.
 Nếu Đại vương cầu mong cải hối
 Gặp *Đại Sư* tội lỗi tiêu phiền .

Vua bảo: “Những lời tâu trên:
 Thật đúng như vậy ta nguyện *quy y*”.

- Lại có vị tên thì **Kiết Đắc**

Tâu cùng vua giả, thật chưa tường :

“Ai đến phỉnh gạt Đại vương
 Nói có *Địa ngục* hoặc đường âm ty ?

Như gai nhọn cây thì có thiệt

Ai làm ra có biết hay không ?

Như loài chim khác màu lông
 Xin hỏi cố sự ai hòng làm ra ?

Tánh của nước vốn là nhuần ướt,

Tánh của đá cứng rắn vững vàng,

Tánh lửa thời nóng cháy tan,
Tánh gió thời động bất an tướng hình,
 Nên vạn vật tự *sinh* tự *diệt*
 Ai làm ra ? Khó thiệt trả lời .
 Thuyết *Địa ngục* chỉ gạt đời,
 Chính là vạn tự của người trí *thôi*” .
 Nay hạ thần khúc nôi phân giải
 Nghĩa *Địa ngục* mong hãy nghe qua :
 Chữ “*Địa*” là đất sâu xa,
 Chữ “*Ngục*” là phá thoát ra nơi này,
 Phá *Địa ngục* không rày *tội báo*
 Đây gọi là *Địa ngục* nghĩa bày.
 Lại chữ “*Địa*” là người nay,
 Chữ “*Ngục*” rộng giải tức đây là trời,
 Bối hại cha mình thời sanh trở
 Đến loài người hay ở cõi trời .
 Do nghĩa này đúng như lời
Tiên nhưn Bà Tẩu là người sáng khai
 Rằng : Giết dê, lành thay đặng *quả*
 Vui cõi trời, cõi hạ là người,
 Đây gọi là *Địa ngục* thời

Mong Đại vương nhận những lời tâu qua .

Lại chữ “Địa” gọi là *thọ mạng*,

Chữ “Ngục” nghĩa vô hạn là dài,

Do *sát sanh* giết muôn loài

Nên đặt *thọ mạng* sống dai lâu dài,

Gọi là nghĩa của đây *Địa ngục*

Chẳng có gì gạn đục khơi trong .

Tâu Đại vương nghĩa trên đồng

Không có *Địa ngục* ở trong đất trời .

Như gieo bắp chắc người cấy bắp,

Gieo lúa thì ắt gặt lúa bông,

Giết *Địa ngục* thì mới hòng

Mắc quả *Địa ngục* vương vòng oan gia,

Giết hại người lẽ ra phải hưởng

Đặng báo người sung sướng gì bằng .

Đại vương nghe lời hạ thần

Thật không có sự sát nhân giết người,

Vì nếu có *ngã* thời vô hại,

Nếu *không ngã* người hại lại không .

Vì có *ngã* thời *thường* còn

Không hề biến đổi, hao mòn, tiêu tan,

Vì *thường còn* hoàn toàn bất hoại,
 Chẳng có ai giết hại đặng đâu,
 Chẳng trói, chẳng thể buộc vào,
 Không hờn, không giận, buồn đau, vui mừng,
 Như *hư không* chưa từng bít lối
 Sao lại *chấp* có tội giết này .
 Nếu *không ngã* các pháp đây
 Chẳng hề *trụ* vững, đổi thay *vô thường*.
 Vì *vô thường tâm vương* chẳng biết,
 Nên *niệm niệm* sinh diệt nối dài,
 Do *niệm niệm* hoại diệt bầy
 Người giết, kẻ chết cả hai chung đồng
 Đều *niệm niệm* ở trong hoại diệt
 Thời lấy ai chịu thiệt tội đây.
 Đại vương ! Như lửa đốt cây,
 Lửa không bị gán tội mây làm ra,
 Búa chặt cây, búa là không tội,
 Lưỡi liềm cắt trụ lụi cỏ hoang,
 Lưỡi liềm không có tội mang,
 Luận cứ như vậy rõ ràng chẳng sai .
 Như dao giết người đây mạng thác,

Dao chẳng phải người tác tạo ra
Nên dao không tội đó mà,
Sao người có tội thật ra thế nào ?
Như thuốc độc giết bao nhơn loại,
Thuốc độc đó chẳng phải là người,
Thuốc độc không tội trong đời,
Sao người lại có tội thời do đâu ?
Xét muôn vật, vật nào cũng vậy,
Thật không có giết hại lẫn nhau,
Mong Đại vương chớ buồn đau
Vì thường sầu khổ càng hao vóc hình .
Nay tôi biết gần *thành Vương Xá*
Có *Đại Sư* giáo hóa dân hiền
Hiệu là *Đà Ca Chiên Diên*
Thấu biết sanh Chúng *nhơn duyên* ba đời,
Trong một *niệm* thấy thời *vô lượng*
Thế giới đây khôn tưởng bao la,
Nghe tiếng cũng vậy đó mà,
Phép mầu *linh nghiệm* rất là tinh thông
Làm cho Chúng thoát vòng tội lỗi
Như sông Hằng rửa gội bụi trần .

Đại Sư ấy luôn dạy rằng :
Nếu người sát hại vật nhân các loài
Mà lòng không mảy may hổ thẹn,
Đường ác thú chẳng *đọa sa* vào.
Như *hư không* lớn trùm bao
Không hề dính nhiễm *trần lao* bụi phàm,
Nếu ăn năn việc làm tử nhục
Liên rơi vào *Địa ngục* đọa đày,
Như nước thấm ướt đất dày
Lời dạy rất đúng, rất hay vô vàn .
Muôn loài sống thế gian *luân chuyển*
Đều do *Tự Tại Thiên* tạo ra .
Khi *Tự Tại Thiên* vui hòa
Thời là bách tính *Ta bà* bình an,
Tự Tại Thiên khi đang buồn giận
Thời Chúng dân chắc chắn khổ tai .
Cho nên ***tội phước*** nhưn loài
Tự Tại Thiên định an bày mà ra,
Sao lại nói rằng là sau trước
Loài người có *tội phước* ở đây .
Ví như thợ máy rất tài

Chế ra người máy khiến sai điều hành,
 Cũng đi, đứng, ngồi, nằm, nhìn thấy,
 Các *Chúng sanh* như vậy khác gì .

Tự Tại Thiên ví dụ thời

Như là thợ máy chế người máy đây,
 Thân *Chúng sanh* dụ như người máy
 Hoạt động đều do *Tự Tại Thiên* .

Tạo hóa sắp đặt như trên .

Ai người có tội ? Tất nhiên hiểu liền !
 Nếu Đại vương cầu nguyên hối lỗi
 Gặp *Đại Sư* ắt tội tiêu lần .

Vua bảo **Kiết Đắc** Đại thần

“Nếu được như vậy, Quả nhân tu cầu.
 Nguyên *quy y* đạo mầu học lấy,
 Trọn đời không giết hại *Chúng dân*”.

- Lại có một vị Đại thần :

Tên **Vô Sở Úy** tâu rằng như sau :

“Xin Đại vương chớ sầu, chớ khổ
 Hãy tịnh dưỡng bồi bổ mình vàng .

Xét về vọng tộc nhờn gian

Giòng *Sát Đế Lợi* thuộc hàng thượng lưu

Thường làm vua trị vì thiên hạ,
Nếu vì nước, hoặc vì *Sa môn*,
Hay hoặc vì *Bà La Môn*,
Hay vì Chính trị bảo tồn thứ dân,
Dầu giết kẻ bất nhân ác đó
Nhưng xét qua không có tội gì .
Tiên vương dầu đã *quy y*
Sa môn cung kính thực thi *cúng dường*,
Bà La Môn xem thường bất nhẫn
Không có tâm *bình đẳng* như nhau
Chẳng phải là người *đức* cao
Giòng *Sát Đế Lợi* từ lâu oai hùng .
Nay Đại vương hết lòng ái mộ
Bà La Môn thí độ *cúng dường*
Mà nữ giết đấng Tiên vương
Ai người định tội ngục đường nhốt giam ?
Tâu Đại vương ! Việc làm cần thiết .
Thật ra không có giết hại ai .
Xét về sự giết hại này
Là giết *mạng* sống các loài nói chung .
Mạng sống này vốn là hơi gió,

Tánh hơi gió của nó thường hằng
 Có thể giết hại được chăng ?
 Nếu không thể giết tội nhân bất thành .
 Mong Đại vương bớt sanh sầu khổ
 Càng sầu khổ bịnh đở kéo dài” .
 Nay trong *thành Vương Xá* này
 Có vị *Đại Sĩ* đức tài vô song
 Hiệu *Ni Kiên Đà Nhã Đề Tử*
 Thấu biết hết các thứ trên đời,
Từ bi thương xót giúp người,
 Rõ thông *căn tánh* như loài chậm mau,
Thất tình diệt đào sâu cội rễ,
Lục dục không nhiễm thể *Chơn như*,
 Ngài dạy *đệ tử* hiện giờ
 Rằng không *bố thí*, chứa dư *ngiệp* lành,
 Không cha mẹ, em anh, thân quyến,
 Không đời nay, không chuyển đời sau,
 Không có *A La Hán* nào,
 Cũng không *đạo hạnh*, không đâu *tu hành* .
 Tất cả loài *Chúng sanh* nói hết
 Trải qua bốn muôn kiếp, tự nhiên

Sẽ *giải thoát* hết não phiền
Khỏi vòng *sanh tử qui nguyên Liên đài*,
Không luận là người đây có tội
Hay vô tội đều khỏi *đọa* đày,
Như bốn con sông lớn nầy
Đều chảy vào biển không đây, không vơi,
Chúng sanh trong cõi đời chẳng khác
Nói chung là *giải thoát* như nhau .
Xin Đại vương hãy kíp mau
Đến gặp vị đó bịnh đau sớm lành,
Các *tội chướng* không hoành hành nữa
Sẽ tiêu trừ vài bữa chẳng lâu .
Vua bảo Đại thần sàm tâu .
“Này **Vô Sở Úy** ngõ hầu nghe qua .
Nếu thật đúng, thời ta xin nguyện
Sẽ *quy y* phát triển *phước điền*” .
Mặc cho các Đại thần khuyên
Giảng giải đủ cách lòng phiền không nguôi,
Tâm nhà vua chẳng vơi sầu khổ
Như ngai vàng sụp đổ dưới chân .
Lúc đó có vị Đại thần

Kỳ Bà y sĩ tâu rằng như sau :

“Bệnh Đại vương cơn đau có bớt
Sự ngủ nghỉ có được yên chăng ?”

Vua A Xà Thế kể rằng :

*Nếu có người nào trị dứt căn
Không còn phiền não chướng nơi tâm
Chẳng tham nhiễm đắm trong ba cõi
Mới ngủ nghỉ an dưỡng trí thân .*

*Nếu người tu chứng **Đại Niết Bàn**
Thuyết bày nghĩa lý rộng hàm tàng
Đáng gọi Bà La Môn thứ thiệt
Thời là ngủ nghỉ đặng tâm an,*

*Thân không tạo nghiệp sát muôn loài
Khẩu đã xa lìa bốn lỗi gây
Tâm chẳng lười nghi sanh dết chặt
Thời là ngủ nghỉ giấc nồng say.*

*Thân tâm **niệt não** đều không sanh*

*An trụ vào nơi chỗ tịnh thanh
Đặng đến cảnh vui vô thượng đạo
Mới là ngủ nghỉ trọn năm canh .*

*Trong lòng không chấp lấy điều chi
Đoạn diệt oán thù dứt niệm si
Hòa thuận thương nhau không tránh tụng
Mới là ngủ nghỉ thở khi khi .*

*Nếu chẳng tạo gây ác nghiệp dầy
Thường hay hổ thẹn chính mình đây
Tin sâu như quả không sai lệch
Mới ngủ nghỉ yên với mỗi ngày.*

*Cung kính mẹ cha ơn nặng sâu
Chẳng nên giết hại sinh mạng nào
Hay là trộm cướp đi tài vật
Ngủ nghỉ an lành thọ sống lâu .*

*Điều phục sáu căn mở đống gài
Hầu gần bậc thiện trí thức đây .*

*Bốn ma không thể làm lay chuyển
An ổn tâm bình ngủ nghỉ say.*

*Cũng chẳng thấy lành hay chẳng lành
Khổ vui, vui khổ cũng không sanh
Vì nguyên thể độ trong muôn loại
Luân chuyển vào ra chỗ tử sanh,*

*Nếu người có bản nguyện như trên
Ngủ nghỉ hằng đêm trọn giấc yên
Ai đặng nghỉ ngơi an ổn vậy ?*

*Đáp rằng : **Chư Phật** chủ Tam thiên .
Quán sâu Tam muội **Như Lai** định
Thân cũng như tâm chẳng động thiên .*

*Ai ngủ nghỉ tâm an ổn thì
Đáp rằng : **Chư Phật** đấng từ bi
Thường siêng tu tịnh không lười mỏi
Xem Chúng như con một khác gì .*

Chúng sanh tạo tội bởi vô minh

*Không thấy quả căn của chính mình
Luân chuyển sáu đường gây nghiệp dữ
Cho nên ngủ nghỉ chẳng yên bình .*

*Hoặc vì tham lợi hưởng riêng mình
Nào đoái màng chi khổ Chúng sinh
Tam nghiệp tạo gây **mười lỗi ác**
Làm sao ngủ nghỉ đặng yên bình .*

*Nếu nói vì tham ghé ngai vàng
Hại cha không tội kẻ tà gian
Thuận theo ác tri thức sàm tấu
Thời là ngủ nghỉ vẫn chưa an .*

*Bệnh do không tiết độ uống ăn
Lỗi quấy miệng bày khổ lấy thân
Nên phải thọ mang nhiều bệnh hoạn
Làm gì ngủ nghỉ đặng tâm an .*

*Có lỗi với vua mất mạng thời
Tà dâm vọng niệm vợ con người*

*Cùng đi chung lối trên đường vắng
Mọi chuyện hiện về khó nghĩ ngợi .*

*Trì giới mà chưa được quả lành
Ngôi vương còn lắm kẻ tranh giành
Kẻ gian trộm của còn chưa lấy
Ngủ nghĩ làm sao an giấc lành .*

Này Kỳ Bà ! Nay ta bịnh nặng
Chính là gì nghịch lẫn vua cha .

Cha ta cai trị Quốc gia
Đúng theo *pháp luật* thật là chẳng sai.
Sao ta nữ xuống tay sát hại
Vì nghe lời của bọn gian tà
Tội bất hiếu với mẹ cha
Không đáng làm chủ san hà thần dân .
Nay *quả báo* bịnh thân mang lấy
Dù diệu dược hay mấy chẳng thuyên,
Hoặc *chú thuật* của *thần tiên*
Cũng không chữa trị lành yên bịnh tình .
Tự hổ thẹn chính mình vô hạn,

Như cá kia mắc cạn bờ ao,
 Như nai mắc bẫy đón đau
 Dù cho vùng vẫy kêu gào khóc than .
 Ta từng nghe thế gian họ nói
 Rằng người phạm *năm tội nghịch* đây
 Ất *đọa Địa ngục* nay mai
 Ta làm sao ngủ trên gai vàng này .
 Lại không bậc trí tài *vô thượng*
Đại y vương đức chưởng sâu xa
 Dùng *pháp dược* của **Phật Đà**
 Để trừ dứt bệnh *tâm* ta an lành .
 Ngài **Kỳ Bà** chân thành trình bạch
 Cùng nhà vua sự thật như vậy :
 “Lành thay ! *Đại vương* lành thay !
 Vua dẫu tạo tội nhưng nay chí tình
Tâm ăn năn sửa mình cải hối
 Lòng hổ thẹn đến nỗi vầy vò” .
 Tâu *Đại vương* chớ lẳng lo
Chư Phật thường dạy giúp cho mọi người
 Có hai *pháp* lành thời học lấy
 Sẽ cứu giúp hết thảy nhân loài .

Một là “Tàm”; “Quý” là hai .

“*Tàm*” là tự chẳng phạm sai tội thời .

“*Quý*” là chẳng bảo người làm sai .

“*Tàm*” trong lòng tự thấy ăn năn .

“*Quý*” là đối với *khách trần*

Phát lồ sám hối sửa răn trọn đời.

“*Tàm*” là thẹn cùng người muôn vật,

“*Quý*” là thẹn trời đất cỏ cây .

Kẻ không biết *tàm, quý* đây

Làm người nhưng lại thua loài *súc sanh* .

Người biết *tàm*, hay rành biết *quý*

Lòng kính cha hiếu mẹ minh quang .

Người có *tàm, quý* vẹn toàn

Xứng là cha mẹ họ hàng quyến thân .

Lành thay ! Vua có tâm *tàm, quý*.

Xin nghe thần, thiện ý trình bày.

Hạ thần từng nghe **Như Lai**

Thuyết pháp giáo Chúng đúng sai, chánh tà :

- Có hai hạng đó là người trí :

Một là người chẳng tạo ác đời,

Hai là tạo điều ác rồi

Ăn năn cải hối trọn đời lìa xa .

- Cũng có hai hạng người ngu tối :

Một là người tạo tội trong đời,

Hai là người tạo tội rồi

Che dấu sự thật suốt thời gian qua .

Người tạo tội dù là lớn, nhỏ

Nguyên *phát lồ* bày tỏ ăn năn

Chẳng dám tái phạm một lần

Quyết gìn trong sạch tinh thần thanh cao,

Ví như đem minh châu bảo bối

Đổ vào trong nguồn nước đục ngẫu,

Do thế lực của minh châu

Nước liền lọc lắng ngỏ hầu trong xanh .

Như tan mây trắng thanh tỏ rạng,

Người có tội dù nặng tới đâu

Một lòng *giác ngộ* quay đầu

Cũng như nước đục minh châu thanh trong .

Đại vương nếu thật tâm *sám hối*,

Có *tâm*, *quý* chắc tội đoạn lìa,

Tâm *thanh tịnh* như trước kia

Ví người lạc lối quay về nhà xưa .

- Tâu Đại vương ! Giàu chia hai hạng :

Một là nhiều tài sản ngựa, voi ...

Hai, nhiều vàng bạc hũn hời

Các thứ châu báu cất nơi mật tàng .

Voi, ngựa nhiều khó toan đổi được

Một hạt châu lục nước trứng thanh .

Cũng vậy, nhưn loại *Chúng sanh*

- Giàu có hai hạng phân rành sau đây :

Một là giàu tâm đầy gian ác,

*Hai là giàu thương các *Chúng sanh* .*

Làm nhiều điều ác tạo thành,

Chẳng bằng làm một việc lành quý thay .

Hạ thân nghe **Phật** đây giảng thuyết

Tu một tâm lành thiệt phá tan

Trăm điều độc ác tà gian

Từ lâu chẳng biết ôm mang làm càng .

Chỉ cần hạt *Kim cang* rất nhỏ

Phá hoại tan núi nọ *Tu Di* .

Chỉ cần chút lửa nhỏ thì

Đốt cháy mọi thứ chẳng gì bỏ qua .

Chỉ chút thuốc độc là có thể

Hại tiêu đời bất kể là ai .
 Cũng vậy, một việc lành thay !
 Phá tan *nghiệp* ác chứa dày từ lâu .
 Tâu Đại vương ! Nhiệm mầu **Phật** dạy
 Che dấu là *hữu lậu* dối gian,
 Chẳng che dấu tội mình làm
 Gọi là *vô lậu* phá tan lỗi lầm .
Phát lồ là đem tâm *sám hối*
 Những việc làm tội lỗi xưa nay .
 Nếu tạo tội mà lòng này
 Chẳng che, chẳng dấu trình bày nói ra,
 Nên mỏng nhẹ dù là tội nặng,
 Do bởi lòng *kham nhẫn* tự khai .
 Nếu có tâm *tàm*, *quý* đây
 Thời tội tiêu diệt phút giây chóng chầy .
 Giọt nước nhiều lâu ngày đầy hủ,
 Tội nhỏ làm tích tụ lớn thành .
 Cũng vậy, mỗi mỗi tâm lành
 Phá điều ác lớn diệt sanh cội mầm .
 Nếu người che dấu tâm tội lỗi,
 Thời càng ngày tội lỗi thêm tăng .

Vì thế, bậc *Đại Thánh Nhân*
 Nói người có trí nhận phần tội gây,
 Chẳng che dấu lấp đầy tội lỗi,
 Mà *phát lồ sám hối* thường thường .
 Lành thay ! *Tâm* của Đại vương
 Tin sâu *nhơn quả* khác hơn người đời .
 Đại vương hãy bớt voi sầu khổ,
 Chớ sợ sệt lo chỗ tội tình .
 Nếu có loài người *Chúng sinh*
 Tạo các tội ác tự mình dấu che,
 Chẳng *sám hối*, e dè hổ thẹn,
 Cũng chẳng tin *nhơn quả* luật hình,
 Chẳng gần những bậc hiền minh
 Học hỏi điều tốt sửa mình tu thân,
 Dấu cho là y thần diệu được
 Khó mà trị dứt được bệnh này,
 Như bệnh *Ca Ma La* đây
 Tất cả thầy thuốc bó tay đầu hàng .
 Người tội này hiện đang khốn ngặt
 Bệnh được gọi là *nhất xiển đề* .
 Hạng *nhất xiển đề* u mê

Chẳng tin *nhơn quả*, không hề hổ người,
Chẳng tin *ngiệp báo* đời vay trả,
Nhơn hiện tại gặt *quả* vị lai,
Chẳng gần *Thiện tri thức* đây,
Chẳng tuân *chơn lý Như Lai* giáo truyền,
Dầu **Chư Phật** *Thánh hiền Bồ Tát*
Không thể nào trị hết bệnh này .
Như người chết đã bao ngày
Dầu cho phép **Phật** không tay cứu sinh .
Nay Đại vương biết mình lầm lỗi
Tự trách rằng tằm tối *si mê*,
Chẳng phải hạng *nhất xiển đề*
Bệnh này cứu chữa mọi bề lành an .
Nghe Đại vương thở than áo não
Không có bậc trí đạo thông minh
Chữa trị tâm bệnh của mình
Bao giờ mới hết cực hình khổ thân .
Đại vương nên xét rằng tỏ rõ
Hiện tại đây đang có một người
Con *vua Tịnh Phạn* trị đời
Thái tử kế vị ngôi trời nay mai .

Họ **Cù Đàm** có oai lực nhất,
 Tên của Ngài là **Tất Đạt Đa**,
 Là cung son bỏ cha già
 Tự tu *chứng đắc* **Phật Đà Như Lai** .
 Thân *trang nghiêm* ba hai tướng tốt
 Cộng tám mươi vẻ đẹp lành thay !
 Đây đủ *mười trí lực* đây,
Bốn vô sở úy không ai sánh bằng,
 Thấy tất cả cõi trần *huyễn* giả,
Tâm từ bi thường hóa độ sinh
 Như **La Hầu La** con mình
 Không hề *phân biệt* nhục vinh, nghèo giàu,
 Như ghé con theo sau trâu mẹ,
 Thuận *Chúng sanh* xan xẻ pháp mầu.
 Lời **Phật** chơn thiệt cao sâu,
Vi diệu, bất cứ người nào nghe qua
 Đều *giác ngộ* lìa xa *phiền não*,
 Đồng *phát tâm cầu đạo* **Như Lai**,
 Khéo biết *căn tánh* các loài
Tùy nghi phương tiện mở khai giáo quyền .
 Trí **Đức Phật** vô biên rộng lớn

Như *hư vô* chẳng có mé ngăn.
 Không những thành tựu *pháp thân*,
 Trí *Kim cang* phá ác nhân muôn loài .
Đức Phật đó hiện nay đương *trụ*
 Ở trong rừng *Song thọ Ta la*
 Thuộc nơi thành *Câu Thi Na*,
 Vì vô lượng số *Hằng sa* khôn lường
Bồ Tát cùng mười phương *Đại chúng*,
Phật thuyết pháp, *Ứng cúng giác tha* .
 Nếu *Đại vương* đặng nghe qua
 Những điều **Phật** dạy chắc là ngộ tri,
 Nghĩa *vô tác*, những gì vô thọ,
 Thời bao nhiêu trọng tội tiêu tan .
 Xưa kia *Đế Thích Đề Hoàn*
 Có *năm tướng* hiện rõ ràng tàn phai.
 Cũng là lúc gần ngày sắp chết :
Một, áo xiêm bê bết nhiễm nhơ,
Hai, hoa trên đầu hiện giờ
 Úa héo rời rã bơ phờ xác xơ,
Ba là thân hôi dơ khó chịu,
Bốn, dưới nách đẫm ướt mồ hôi,

Năm, chẳng thích chỗ mình ngồi
 Hay là nơi ở muốn rời lìa ngay.
 Lúc đó, *Đế Thích* đây quán sát
 Chỗ vắng vẻ thấy các *Sa môn*,
 Hay hoặc thấy *Bà La Môn*
Tưởng như là **Phật** đem lòng khát khao.
 Liên hiện đến cúi đầu hết dạ,
 Các *Sa môn* cùng *Bà La Môn*
 Thấy *Thiên Đế Thích* trong lòng
 Vui mừng hơn hở rồi đồng trình qua :
 “Thưa *Thiên Chúa* ! Thật là phúc lớn
 Cho chúng tôi đặng hưởng đức dày
 Nay tôi *quy y* với Ngài.”
 Nghe lời nói đó biết ngay mình lầm .
 Chẳng phải **Phật** cao thâm đức độ
 Mới nghĩ rằng : Người đó lẽ ta
 Không phải là **Đức Phật Đà**
 Làm sao chữa khỏi tướng ta suy tàn .
 Liên có vị *Thiên quan* thấu hiểu
Bát Giá Thi úy hiệu tên Ngài
 Tâu cùng *Thiên Đế* như vậy :

“Thần nghe đồn đại người này danh vang.
 Vua **Phù Lô** có nàng công chúa
Tu Bạt Đà nhảy múa hát hay
 Nếu *Thiên Vương* chấp thuận ngay
 Ban nàng công chúa cho đây hạ thân,
 Thần sẽ chỉ bậc thầy *Tam giới*
 Trừ tướng suy phước lợi khó lường .
Thiên Đế nghe nói vui mừng
 Lệnh rằng : Khanh hãy chỉ đường mau lên .
 Nếu đúng như lời trên vừa tấu
 Chẳng những là **Xá Chỉ** con ta,
 Nhẫn đến con vua **Tu La**
 Nếu khanh cũng muốn ta mà thưởng ban .
Bát Giá Thi hân hoan cúi lạy
 Rồi thưa rằng hiện tại *Ta bà*,
Vương Xá thành một Quốc gia,
Đức Phật đang ở hiệu là **Thích Ca**,
Thiên vương đến nếu mà *cầu pháp*
 Nơi **Phật** thời phù hạp tâm nguyện
 Sẽ diệt trừ hết não phiền
 Tướng suy biến mất *phước điền* tăng cao”.

Thiên Đế nghe mau mau xe giá

Hiện đến núi *Kỳ Xà Quạt* ngay,

Đầu mặt *đảnh lễ Như Lai*

Bạch cùng **Đức Phật** trình bày thiết tha :

“**Thế Tôn** ! Vốn xứng là *Đại Thánh*

Thấu biết hết *tâm tánh* hoài nghi

Trong hàng *Thiên nơn* những gì

Còn bị trói buộc khó thì mở ra ?”.

Phật bảo : “*Kiều Thi Ca* nghe rõ !

Chính là lòng *tật đố, xan tham*”.

- Bạch **Thế Tôn** ! Lòng *xan tham*

Và tâm *tật đố* buộc ràng do đâu ?

Mà sanh ra nguồn sâu thối khổ

Xin **Phật Từ pháp độ** giảng bày.

- Do vì *vô minh* phủ dày

Sanh ra tội lỗi lầm sai mãi hoài .

- Bạch **Thế Tôn** ! Tôi đây chưa thấu,

Vô minh lại do đâu mà sanh ?

- Do *phóng dật* chẳng tu hành

Làm cho tâm *vọng tham* sanh nhiễm trần .

- Bạch **Thế Tôn** ! Tôi cần hiểu thấu .

Phóng dật lại do đâu mà sanh ?

- Do tâm *điên đảo* hoành hành

Không rõ nguồn gốc cội lành tựa nương .

- Bạch **Thế Tôn** ! Rộng đường *hóa độ*
Điên đảo do ở chỗ nào sanh ?

- Do lòng nghi ngại cấu thành

Chẳng tin **Phật Pháp** thường sanh vạy tà .

- Bạch **Thế Tôn** ! Đúng là như vậy
Lời **Phật** dạy tôi thấy rõ ràng.

Vì tâm quá nhiều nghi nan

Sanh ra *điên đảo* ngày ngày *đảo điên*,

Đối với hàng *Thánh hiền Đại Đức*

Mà lại cho là bực *phàm phu*,

Còn đối với kẻ dối tu

Lại cho là bực hiền nhu **Phật Đà** .

Giờ nay tôi nhận ra tất cả,

Nhờ **Thế Tôn** đả phá lưới *nghi*,

Dứt trừ các *Hoặc* mê si,

Không còn *điên đảo* vĩnh ly xa lìa,

Lòng *xan tham* hay là tật đố

Đã phá trừ không chỗ ẩn nương .

Phật bảo : Hỡi này *Thiên Vương* !

Ông nói rằng đã dứt đường *xan tham*

Và tột đổ trong tâm đoạn tận

Như vậy là *chứng* đặng *quả* phần

A Na Hàm có phải chăng ?

Vì *chứng* bậc đó tâm *tham* không còn .

Nếu tâm *tham* không còn sanh *vọng*,

Sao lại vì *mạng* sống đến đây.

Mà bậc *A Na Hàm* này

Thật chẳng cầu sống *thọ* dài khổ đau .

- Bạch **Thế Tôn** ! Người nào *điên đảo*

Thời mới cầu *mạng* đạo sống dai,

Người không *điên đảo* tâm này

Chẳng cầu *mạng* sống kéo dài khổ ău .

Nay tôi thật chẳng cầu *mạng* sống

Mà chỉ cầu *Pháp thân* **Như Lai**

Cùng *trí huệ* của **Phật** đây

Mong hai điều đó sớm ngày thành công .

- *Kiều Thi Ca* ! Nay Ông *nguyện* *thệ*

Cầu *Pháp thân*, *trí huệ* **Phật** đây

Không lâu vào thời tương lai

Quyết định sẽ được nguyện này thành công .

Nghe lời **Phật** nói xong lạ thật

Năm tướng suy biến mất liền ngay .

Thiên Đế đứng dậy chấp tay

Đảnh lễ đi *như Lai* ba vòng

Rồi bạch **Phật** với lòng chơn thật :

“*Mạng* của tôi sắp mất chết rồi

Nay đang sống lại trên đời

Còn được **Đức Phật** ban lời ngọc châu,

Thọ ký cho đạo mầu *chứng đắc*

Ngôi *vô thượng Chánh giác* liễu viên”.

Bạch **Thế Tôn** ! Hàng *Chư Thiên*

Làm thế nào đang *phước điền* tăng cao ?

Do *duyên* gì giảm hao tuổi thọ,

Năm tướng suy lìa bỏ *Thiên đường* ?

Này **Kiều Thi Ca Thiên vương** !

Do lòng tranh đấu chẳng nhường nhịn nhau .

Nên Chúng Thiên giảm hao *phước đức*,

Phải khéo tu tâm lực kính hòa,

Thời đang *tăng ích* sâu xa,

Phước trời vui hưởng thật là dài lâu .

Thiên Đế nghe pháp mầu **Phật** tỏ,
Nguyện rằng nay từ bỏ đấu tranh
 Cùng *A Tu La* làm lành
 Xem như máu thịt em anh một nhà .
 Lành thay ! **Kiều Thi Ca** *giác ngộ* .
Chư Phật vì *hóa độ* muôn loài
 Đều nói hạnh *nhân nhục* này
 Là nhưn *vô thượng* **Như Lai** *đắc* thành .
Thiên Đế nhận pháp lành **Phật** dạy,
 Đồng lễ bái trở lại *Thiên cung* .
 Câu chuyện trên suy cho cùng
 Vì **Đức Phật** muốn độ chung bốn loài .
 Có thể trừ dứt ngay tướng ác
 Nên gọi **Phật** *bất khả nghi bàn* .
 Nếu Đại vương còn nghi nan,
 Ra mắt **Đức Phật** một lần xem sao.
 Chắc chắn là dứt mau trọng tội,
 Mà Đại vương *sám hối* cầu nguyên .
 Ngày trước có chàng thanh niên
 Tên là **Bất Hại**, tổ tiên thờ trời,
 Vì giết hại nhiều người chơn chất

Nên có danh *Ương Quật Ma La* .

Người này muốn hại mẹ già,
Lúc tâm ác nổi thật là gớm ghê,
Tội bất hiếu chẳng hề dung thứ
Phải *đọa* vào ngục dữ A Tỳ.

Lúc sau thấy **Phật** đang đi
Tâm ác muốn hại chẳng gì dừng ngăn
Đây cũng gọi là nhân tội nghịch,
Ngục A Tỳ muôn kiếp *đọa* đày.

Người này được **Đức Như Lai**
Giáo hóa cải thiện trừ ngay lỗi lầm
Tâm ác lìa đoạn mầm căn gốc,
Nhân *Địa ngục* phút chốc tiêu tan,
Phát tâm cầu chứng đạo vàng
Đời đời tu tỉnh theo đàng *Từ Bi* .

Nên **Phật** là *Đại Y Vương* hiệu
Chẳng phải hàng *ngoại đạo Lục Sư* .

Tâu Đại vương ! Lúc bấy giờ,
Lại có Vương tử tên **Tu Tỳ La** .
Vì phạm lỗi vua cha nổi giận
Chặt tay chân bỏ xuống giếng sâu .

Vương mẫu thương con đốn đau
Truyền quân thị nội mau mau cứu người,
Xong rồi đưa đến nơi **Đức Phật** .
Khó tả được sự thật lạ kỳ
Vương tử thấy đấng *Từ Bi*
Tay chân đầy đủ như thì trước kia,
Nguyện quy y xa lìa thế tục,
Bỏ Vương triều *nhãn nhục tu hành* .
Vì thấy **Phật** đặng báo lành,
Hiện tại nghe *pháp* đạo thành nay mai.
Do nghĩa này **Phật** đây có hiệu
Đại Y Vương trị liệu trời người,
Chẳng phải như hàng *Lục sư*
Ngoại đạo nói có tâm Từ lại không .
Nay Đại Vương ! Mở lòng *hoan hỷ*
Nghe thần hạ chơn lý bày phân .
Ngày trước trên bờ sông Hằng
Có loài *ngạ quỷ* nhiều năm *đọa* đầy.
Chẳng thấy nước, chẳng ai được uống,
Dầu họ đang ở chốn sông này.
Do vì *nghiệp* ác trước vay

Thấy nước tâm *tưởng* thấy đây lửa hồng,
 Quá đói khát nên không chịu nổi
 Họ kêu gào inh ỏi đêm ngày .

Lúc đó, **Đức Phật Như Lai**
 Đang ngồi dưới bóng cội cây rừng già
Uất Đàm Bát thật là mát mẻ,
 Cạnh bờ sông lặng lẽ chiều tàn .

Các *ngạ quỷ* đến khóc than
 Bạch **Phật** : “Cứu nạn độ hàng chúng con.
 Sự đói khát hao mòn kiệt sức,
 Cái chết gần bức xúc than ôi !

Đức Phật bảo : “Sao các người
 Chẳng uống nước ngọt ở nơi sông Hằng ?”.

Các *ngạ quỷ* thưa rằng với **Phật** :
 “**Phật** thấy nước sự thật không sai,
 Còn chúng tôi loài *quỷ* đây
 Chỉ thấy là lửa tâm này vọng sinh .

Đức Phật nghe thương tình biết được
 Nơi sông Hằng toàn nước mát trong
 Thật chẳng phải là lửa hồng
 Do vì *nghiệp* ác gieo trồng *tham sân*

Nên các người sanh tâm *điên đảo*
Thấy nước thật lại bảo lửa rày .

Nay **Ta** giảng giải chỉ bày
Trừ tâm *điên đảo* thấy ngay nước liền”.

Đức Như Lai thuyết tuyên giảng nói :
“Lòng *xan tham* mọi tội lỗi gây”.

Các *ngạ quỷ* lại kêu nài :
“Chúng tôi đang khát thân gầy khô khan,
Dầu có nghe lời vàng **Phật** thuyết
Chẳng *nhập tâm* hiểu biết chút nào”.

Phật bảo : “ Các người sớm vào
Sông Hằng thỏa dạ hết khao khát lòng”.

Nhờ **Phật** từ ra công *tế độ*
Các *ngạ quỷ* thoát khổ yên bề .

Uống nước xong họ trở về
Chỗ **Phật** ngồi nghỉ hả hê vui mừng .

Đức Như Lai không ngừng *thuyết pháp*
Tất cả đều nguyện *phát tâm* cầu

Bồ đề vô thượng đạo mầu
Năm trăm *ngạ quỷ* qui đầu cõi Thiên .

Do nghĩa này cho nên **Đức Phật**

Hiệu *Y Vương* bậc nhất trời người,
 Chẳng phải như hàng *Lục sư*
 Trong lòng không có tâm *Từ Bi* đây .
 Tâu Đại vương ! Như vậy ngày trước .
Xá Bà Đề tên nước uy danh.
 Có đảng cướp đang hoành hành
 Giết người cướp của dân lành oán than,
 Không bao lâu vua quan nước khác
Ba Tư Nặc vây bắt thành linh,
 Năm trăm người bị hành hình
 Khoét cả đôi mắt chẳng nhìn thấy chi,
 Lùa vào rừng cách ly thành nội,
 Lạnh không chăn, khát đói khó khăn,
 Khổ sở đau đớn vô ngần
 Nhưng lòng biết tưởng **Phật**, *thần* cầu xin .
Phật nghe thấu thương tình ban *phước*
 Hiện thân trước đảng cướp khuyên rằng :
 Các người khéo gìn khẩu, thân
 Chớ gây tạo *nghiệp* sát nhân nữa mà .
 Giữa rừng hoang nghe qua lời dạy
 Tiếng của ai êm ái dịu dàng,

Bỗng nhiên đôi mắt sáng choang
 Tất cả nhìn thấy dung nhan **Phật từ**
 Đồng chấp tay người người *đảnh lễ*
 Bạch **Phật** rằng : Nhờ **Thế Tôn** đây !
 Ban cho ân huệ *phước* dày
 Lòng Từ của **Phật** không ai sánh bằng,
 Che chở hết phàm trần mê muội
 Chẳng phải riêng gì cõi *Chư Thiên* .
Đức Phật vì họ thuyết tuyên
 Phá mê tỉnh giác ứng nguyên *phát tâm*
 Đồng *cầu đạo thậm thâm vô thượng*
Quả Bồ đề vui hưởng **Niết Bàn** .
 Do đây **Đức Phật** danh vang
 Xứng là thầy thuốc trị an trời người,
 Chẳng phải hàng *Lục sư ngoại đạo*
 Chỉ luận suôn thông thạo bề ngoài .
 Tâu Đại vương ! Lại như vậy ...
 Có người mang tội trọng đây khôn cùng.
 Giết nhiều người nói chung oan uổng
 Tên **Khí Hứ** dòng *Chiên Đà La*,
 May gặp *đệ tử Phật* là

Mục Kiên Liên cứu thoát qua tai sầu,
 Phá được nhân rơi vào *Địa ngục*,
Trời Đao Lợi hưởng phúc sanh về .

Do vì tỉnh thức *si mê*

Gặp *Thánh* đệ tử dễ dề khuyên răn .

Phật là *Đại Thánh Nhân Tam giới*,

Đại Y Vương làm lợi trời người

Chẳng phải *Lục sư* hiện đời

Hưởng sự *cúng thí* của thời bá gia .

Tâu *Đại vương* ! Thành *Ba La Nại*

Có một *Trưởng giả* tử xấu xa,

Đời thường gọi **A Dật Đa**

Dâm ô với mẹ thật là loạn luân,

Giết chết cha bất nhân vô tính

Tội lỗi này quyết định cùm gông .

Bà mẹ sau lại tư thông

Với người khác nữa thiệt không thể ngờ,

Trưởng giả tử đợi chờ cơ hội

Giết mẹ mình đổ tội cho bà .

Có vị *Tu sĩ* lại qua

Cũng là thân hữu của nhà này đây.

Sợ biết chuyện ra tay đoạn tuyệt
 Chẳng xót thương quyết giết người hiền .
 Sau đến **Tịnh Xá Kỳ Viên**
 Trưởng giả tử đó cầu nguyên *xuất gia* .
 Các *Tỳ kheo* đều là nghe biết
 Người này phạm tội thiệt khôn lường,
 Không dám nhận vào *Phật đường*
 Sợ phạm phép nước, xem thường luật vua .
 Trưởng giả tử tư thù trong dạ
 Chờ đêm khuya phóng hỏa cháy rần
 Đốt hết các phòng *Chư Tăng*
 Lắm nhiều *Đại Đức* mạng thân tro tàn .
 Liên sau đó, trốn sang *Vương Xá*
 Đến cầu **Phật** *hỷ xả từ bi*
 Cho *xuất gia* thọ *Tam quy*
Nguyện gìn *giới* cấm *quy* y trọn đời .
Đức Như Lai thương người phạm tội
 Lại cùng đường bít lối *mạng căn*
Phật thu nhận truyền lý chân
 Khiến tội nghịch nặng dần dần giảm thuyên,
 Trưởng giả tử chí thiêng tin tưởng

Phát tâm cầu vô thượng đạo mẫu .

Do đây **Chư Phật** từ lâu

Y Vương danh hiệu đức cao khôn lường .

Bốn tánh của Đại vương không ác,

Chỉ nghe lời người khác bày ra,

Đó là **Đề Bà Đạt Đa**

Cho voi say rượu để chà **Phật** thân,

Voi thấy **Phật** định thân tỉnh ngộ,

Phật lấy tay xoa độ đầu voi,

Nói *Pháp yếu* trọng trong đời

Voi nghe quỳ mọp mừng vui chân thành .

Tâu Đại vương ! *Súc sanh* thấy **Phật**

Còn phá đặng *nghiệp quả súc sanh* .

Huống là loài người làm lành,

Hoặc phạm trọng tội lòng thành ăn năn .

Đại vương chỉ một lần gặp **Phật**

Bao nhiêu tội tin chắc tiêu nhanh .

Lúc **Thế Tôn** đang *tu hành*

Vô thượng đạo quả chưa thành **Như Lai**,

Ma vương dẫn đông đầy *quyến thuộc*

Quyết dập tan ngọn đuốc *Từ Bi*,

Đến chỗ **Bồ Tát** tọa trì
 Hóa nhiều đủ cách cốt *si mê* Ngài,
 Tâm **Bồ Tát** không lay chuyển đổi
 Dùng sức *nhẫn* thắng mọi kẻ thù
 Vệt tan những đám mây mù
Ma vương khiếp sợ quần chu kinh hồn .
 Tâu Đại vương ! Tại *thôn Khoáng Dã*
 Có loài *quỷ* gieo họa xóm làng
 Dân tình trên dưới bất an
 Gặp lúc **Đức Phật** quá ngang thôn này,
 Vì muốn cứu **Thiện Hiền Trưởng giả**
 Đúng hạn kỳ dâng cả xác thân
 Cho loài *quỷ* dữ nuốt ăn .
Đức Phật *quán* thấy nên cần độ ngay,
 Liên hiện thân có oai lực lớn
 Làm lũ *quỷ* kinh đởm qui hàng,
 Cứu được *Trưởng giả* bình an,
 Lại còn độ *quỷ* theo đàn *Ma Ha* .
 Tâu Đại vương ! Nước *Ba La Nại*
 Có một người buôn lái quanh năm
 Tên là **Quãng Ngạch** *vô tâm*,

Mỗi ngày sát hại hàng trăm con bò.
 May thay ! Gặp được Ngài **Xá Lợi**
 Chỉ dạy người thọ *Bát Quan trai*
 Một ngày một đêm không nài
 Dốc lòng tu tịnh giới trai vẹn gìn.
 Sau khi thác được sinh trở lại
 Làm con trai của *Tỳ Sa Môn*.
 Nhờ *công đức* trước gieo trồng
 Cõi trời hưởng *phước* thỏa lòng lạc hoan .
Đệ tử Phật thế gian xuất chúng
 Huống chi là *Ứng cúng Phật* đây.
 Tâu Đại vương ! Lại như vậy ...
 Có thành **Tế Thạch** rộng dài bao la.
 Ở phía Bắc nước là *Thiên Trúc*,
 Có nhà vua kém phúc bất lành,
 Tên là **Long Ấn** úy danh
 Vì tham ngôi báu *sát sanh* cha già,
 Sau hối hận bỏ qua nước khác
 Đến cầu **Phật**, *thế phát quy y*,
 Một lòng *giới luật thọ trì*
 Tội nặng tiêu diệt *tham si* đoạn lìa,

Phát tâm cầu Bồ đề vô thượng

Về sau đặng vui hưởng thanh nhàn .

Như Lai đức độ vô vàn

Bất khả tư nghị khó bàn nghĩ suy.

Đại vương nào thấu tri **Đức Phật**

Có người em chú bác họ là

Tên thật **ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA**

Ông này lòng ác gian tà phá *Tăng*,

Tội lẩn đá làm thân **Đức Phật**

Phải chảy máu thương tật trầy da,

Giết *A La Hán Liên Hoa*

Tỳ kheo ni hạnh *Tăng già* thanh cao.

Phạm ba tội ghép vào *ngũ nghịch*

Không xứng dòng họ **Thích Ca Vãn** .

Đức Như Lai chứa lòng nhân

Vì Ông giảng giải lý chân pháp mầu

Làm tội nặng không lâu giảm nhẹ,

Nếu ăn năn ắt sẽ tiêu trừ .

Chư Phật đều có tâm từ

Làm thầy độ hết trời người thế gian,

Chẳng phải như các hàng *ngoại đạo*

Bọn *Lục sư* giả tạo biện minh .
 Đại vương đây có thể tin
 Lời của thần tấu cầu xin một lần
 Mau chân đến hầu gần **Đức Phật**
 Sẽ tận tường sự thật giả, chân .
 Nếu Đại vương chưa tin thần
 Cúi mong xét lại cân phân gạn lường .
 Tâu Đại vương ! *Mười phương* **Chư Phật**
 Có tâm từ mẫn vật thương nhân,
 Luôn cứu độ rưới nguồn ân
Cam lồ nhuần gội khắp trần dưới trên,
Chánh pháp **Phật** gieo *duyên* vô hạn
 Bao gồm chung kẻ oán, người thân,
 Thường *bình đẳng* một lý chân
 Không thương, không ghét, không phân nghèo giàu
Phật chẳng riêng người nào để độ
 Mà làm thầy *bốn bộ Tăng* già,
 Chẳng những thế, **Đức Phật Đà**
 Thầy của tất cả như là Thiên, Long,
 Hay *Thần*, người, hay trong *Địa ngục*,
 Hay *ngạ quỷ* hoặc *súc sanh* đây .

Nói chung *Chúng sinh* bốn loài
Thường xem **Đức Phật** công dày dưỡng nuôi
Như cha mẹ đất trời che chở
Cho đàn con muôn thú sống yên .

Đức Như Lai chẳng tư riêng
Vì người quý tộc, tước quyền, giàu sang,
Như Đức vua **Bạt Đề Ca** đó
Mà *thuyết pháp* bày tỏ đạo mầu,
Cũng *thuyết pháp* nghĩa rộng sâu
Cho người hạ tiện ngõ hầu hiểu qua .

Như là Ông **Ưu Bà Ly** vậy,
Còn nhiều người nghe thấy tận tường .

Chẳng riêng thọ sự *cúng dường*
Của Ông *Trưởng giả* **A Na Bản Kỳ**,
Hay *Trưởng giả* **Tu Đạt Đa** vậy,
Mà **Phật** cũng nhận lấy đồ ăn
Của những người nghèo cúng dâng
Dù là cơm hẩm hay phần cháo thiu .

Đức Phật chẳng nuông chiều bậc trí
Như là Ngài **Xá Lợi Phất** đây

Mà *thuyết pháp* rộng giảng bày,

Cũng thường *giáo hóa* mở khai trí mầu
 Cho người ngu như **Châu Bàn Đặc**
 Rất lắm người được **Phật** giáo khuyên .
Đức Như Lai chẳng ý riêng
 Cho người *tánh* chẳng tham quyền *xuất gia*
 Như Đức Ngài *Ma Ha Ca Diếp*,
 Mà cũng nhận thấu tiếp những người
 Còn có lòng *tham* của đời
Bàn Đà trong một số người rất đông .
Đức Phật chẳng có lòng riêng đạo
 Cho người ít *phiền não xuất gia*
 Như là *Ưu Lô Tần Loa*,
 Mà cũng cho phép **Tu Đà Da** đây
 Em của Nhà vua *Ba Tư Nặc*
 Ông này tâm chấp chặt mê lòng .
Đức Phật cũng chẳng vì ông
 Tên là **Tá Thảo** có công *cúng dường*
 Mà nhờ trừ tuyệt đường *sân hận*
 Cho ông hết khổ tận cam lai,
 Cũng độ kẻ ác tội đây
 Như là *Ương Quật* giác quày *tu thân* .

Chẳng riêng độ người trần *ly dục*
 Đã *xuất gia* khổ hạnh *đầu đà*
 Chứng *Thánh quả* trọn cả ba,
 Cũng làm cho hạng tại gia *tu hành*
 Chứng *Thánh quả* đắc thành cả bốn,
Tục hay *Tăng*, **tiệm đốn** tùy duyên .
Đức Như Lai chẳng vị thiên
 Vì người nhân tịch pháp tuyên đó mà,
 Như ông **Phú Đa La** kia vậy,
 Và cũng thường giảng giải sâu xa
 Cho vua **Tần Bà Ta La**
 Dù bần việc nước cũng là như nhau .
 Người nghiện rượu rất lâu cũng bỏ
 Như **Út Già Trưởng giả** giàu sang .
Phật cũng *giáo hoá* độ an,
 Người không nghiện rượu **Phật** càng giáo khuyên.
Đức Phật cũng *hóa duyên* nhiều hạng :
Bà Tư Tra, trí loạn cuồng điên
 Vì mất đứa con ngoan hiền
Phật đây *quyền* biến trị yên mạnh lành,
Phật cũng *thuyết pháp* dành bậc trí

Đang *nhập* thiền như **Ly Bà Đa** .

Đức Phật từ *bi* giác tha

Cũng *thuyết pháp* độ loài *ma* tinh tà,

Chẳng riêng gì *Tăng* già bốn **Chúng**

Hàng *ngoại đạo* **Phật** cũng *pháp* bày.

Như phái *Ni Kiên Tử* đây

Cũng từng tranh đấu trái sai nhiều lần .

Phật *giáo hóa* người trăm tuổi hạc,

Hay với hàng tuổi trẻ hai lăm .

Người chưa thuần phục tà tâm

Phật cũng *giáo hóa* như tâm người thuần .

Phật *thuyết pháp* về *nhân quả* thọ

Cho *dâm nữ* tên họ **Liên Hoa** .

Cũng như *lợi ích* Quốc gia

Phật đây giải thích luận tà, chánh phân

Cảnh tỉnh bà **Phu nhân Mạt Lợi**

Chớ vì *Sắc* mà khởi lòng *Si* .

Phật nhận món ăn độc nguy

Cúc Đa Trưởng giả thử thì **Như Lai**

Như nhận lãnh tịnh trai thanh khiết

Ba Tư Nặc tha thiết dâng **Ngài** .

Tâu Đại vương ! Có biết qua,
Trường giả Thi Lợi Cúc Đa thế nào ?
Trước kia cũng phạm vào tội nghịch
Nhờ đến **Phật** nghe thuyết pháp mầu,
Sau đó, *phát tâm* tu cầu
Đặng đạo *vô thượng* tối cao *Bồ đề* .
Giả sử như trọn hễ một tháng
Đem y phục, vật thực bố ban
Cho tất cả người thế gian
Tính ra *phước* đó khó bàn nghĩ suy,
Nhưng chẳng bằng giác tri *niệm Phật*
Khoảng một *niệm* chơn thật vậy thời .
Giả sử như có một người,
Dùng trăm xe ngựa chở đầy báu châu
Đem *bố thí* mong cầu *phước* lớn,
Chẳng bằng người tin tưởng *phát tâm*
Muốn đến **Phật** nghe Pháp chân
Dở chân bước một bước gần đến nơi .
Giả sử dùng trăm xe voi lớn
Chở đủ thứ ngân lượng báu trân
Như kho của nước **Đại Tần**,

Cùng trăm phụ nữ tuyệt trần đẹp xinh
 Chuỗi ngọc đeo để mình **bố thí**,
 Vẫn không bằng bước một bước chơn
 Hướng đến **Đức Phật** *cúng dường*
Công đức khó tả vô phương so lường .
 Giả sử dầu Đại vương quảng đại
Bố thí cho hơn loại bốn phương,
 Chẳng bằng một lần đến rừng
Ta La Song thọ *cúng dường* **Như Lai**,
 Thành tâm nghe **Phật** đây thuyết giảng
Pháp Đại thừa soi sáng tinh thần .
 Vua *A Xà Thế* bảo rằng :
 “*Kỳ Bà !* Lời tấu phân trần vừa qua.
 Ta nghe thấu xót xa tâm cảm
 Nghĩ tội mình không dám dời chân
 Đi đến chỗ **Phật** một lần
 Nghe lời giáo huấn ân cần dạy khuyên .
 Vì cảm nhận *phước điền Đại Thánh*
Đức Như Lai *tâm tánh* điều hòa,
 Thời *quyến thuộc* **Phật Thích Ca**
 Người người thuần hạnh đều là hiền ngoan .

Cũng như rừng *Chiên đàn* gỗ quý
 Thời toàn cây thuần chỉ *Chiên đàn*,
Như Lai *Đại trí* minh quang
Đệ tử Phật cũng thuộc hàng *tuệ* thông,
 Như rừng thời thuần rỗng giống họ
 Làm *quyến thuộc* chẳng có khác nhau .
 Tâm **Phật** *tịch tịnh* thanh cao
 Không bụi *phiền não* vướng vào thế gian,
Đệ tử Ngài toàn trang quân tử,
Đấng trượng phu, thực nữ thẳng ngay.
 Còn ta tội ác vầy đầy,
 Thân thể nơ nhức, bầy hầy tâm can,
 Thuộc *quỷ dữ* hay hàng *Địa ngục*,
 Có phúc nhờ tự trút đổ đi,
 Thật đáng là kẻ *ngu si*
 Mặt mũi nào tới *Từ Bi* làm gì ?
 Giả sử ta có đi đến đó,
Đức Như Lai chẳng đoái hoài ta .
 Khanh dầu cạn lý trình qua
 Nhưng lòng hổ thẹn khó tha thứ mình”.
A Xà Thế tâm tình vừa dứt,

Trên không trung có tiếng nói rằng :

“**Phật Pháp** vô *thượng* tối năng

Sắp sửa suy mất cõi trần lao đao,

Dòng sông *Pháp* rộng sâu sắp cạn,

Đền *Đại Pháp* ánh sáng tắt dần,

Núi *Pháp* sạt lở khó ngăn,

Thuyền *Pháp* đắm bởi sóng trần vỡ tan,

Cầu *Pháp* bắt nhịp nhàng gãy đổ,

Bạn lành kia bỏ chỗ đi xa,

Sự khủng bố sắp xảy ra,

Chúng sanh đói khát *Ta bà* bất an,

Nạn binh dịch tràn lan áo não,

Sự tối tăm nhà *Đạo* hoang tàn,

Ma vương sung sướng hân hoan

Cởi mở giáp trụ reo vang vui mừng,

Mặt trời **Phật** sắp dừng lặn khuất

Vào trong núi **Đại Bát Niết Bàn** .

Phật nếu *diệt độ* thế gian

Chúng sanh muôn loại lâm than khổn cùng,

Tội *Đại vương* khó hòng trị dứt,

Không có ai ngoài **Đức Như Lai** .

Đại vương tạo tội dư đầy
A Tỳ Địa ngục không ngày thoát ra .
Sao gọi là A Tỳ Địa ngục ?
“A” là không, xen hở là “Tỳ”,
Không xen hở một chút gì
Gọi là Vô gián A Tỳ ngục môn .
Người đọa trong đó luôn khổ lụy
Không hở ngừng dù chỉ Sát na,
Một người tội thân hoá ra
Đầy khắp cả ngục thật là khó phân,
Nhiều người tội đóng chặn chung chạ
Dẫu là cho đầy cả ngục đường
Không thấy *chương ngại* bình thường,
Nên gọi Vô gián khôn ngừng lệ rơi .
Địa ngục lạnh tạm thời có gió
Ấm hoặc nóng đỡ khổ mọi người,
Địa ngục ấm nóng đồng thời
Cũng có gió mát, lạnh nơi ngục này,
Còn A Tỳ ngục đây không có
Việc như trên bày tỏ phân rành .
A Tỳ có bốn cửa thành,

Mỗi cửa đều có lửa hành tội nhân,
Rộng tám muôn *do tuần* bền chắc,
Vách ngục xây bằng sắt đen sì,
Nền cũng bằng sắt giống y,
Lưỡi phủ trùn kín chẳng gì lọt qua,
Lửa dưới nền cháy xa tới nóc,
Lửa trên nóc cháy xuống dưới nền .
Người tội khóc la vang rền
Đau khổ như cá bị chiên chảo dầu .
Phạm một tội trọn đau như vậy,
Tạo hai tội khổ lấy gấp hai,
Nếu tạo *năm tội nghịch* này
Thời là trọn chịu khổ đây năm lần .
Tôi quả quyết chắc rằng tội trạng
Của Đại vương lãnh án không lâu .
Mong người đến gặp **Phật** mau
Ngoài **Phật** không có người nào cứu an .
Vì thương người sầu than ử rữ
Có mấy lời nhắn nhủ gián can .
Vua *A Xà Thế* hoang mang
Trong lòng quá sợ, ai đang khuyên mình.

Thân run rẩy, ngược nhìn tìm kiếm .
 Ngài là ai ? Xin hiện thân ngay.
 Sao chỉ nghe tiếng của ngài
 Mà chẳng thấy được mặt mày ra sao ?”.
 Từ trên cõi trời cao xanh rộng
 Có tiếng đáp lồng lộng vang ra :
 “Tôi là **Tần bà Ta La**
 Đại vương có nhớ người Cha hiền này ?
 Tội Đại vương tôi đây tha thứ
 Nhưng phải nghe tấu ngữ *Kỳ Bà*,
 Chớ gần gũi kẻ gian tà,
 Đại thần sáu vị đuổi xa vương triều”.
 Nghe xong rồi những điều huấn thị
A Xà Thế gật đầu liền ngay .
 Ghẻ nhọt mọc thêm càng dày
 Hôi nhơ hơn trước, lan lây khắp người .
 Dầu nự y có bôi thuốc xức,
 Nhưng ghẻ độc đau nhức dằng dai .
 Tại rừng *Song thọ*, **Như Lai**
Phật nhān xem xét thấu ngay sự tình .
A Xà Thế lụy hình gật đầu,

Đức Phật truyền bảo *Đại chúng* đây :

“Nay **Phật** sẽ vì vua này
Ở lại đời đến kiếp dài thế gian .

Ta chẳng nhập **Niết Bàn** *diệt độ*
Vì vua này cứu khổ *Ta bà*”.

Ca Diếp Bồ Tát nghe qua

Chấp tay bạch **Đức Phật Đà Như Lai** :

“**Thế Tôn** ! Vì muôn loài mới phải
Mà chẳng *nhập* vào **Đại Niết Bàn**.

Cớ sao **Đức Phật** truyền ban

Vì *A Xà Thế Niết Bàn* chưa qui ?

Này **Ca Diếp** ! Xét tri sẽ rõ .

Trong *Đại chúng* không có người nào

Cho rằng **Đức Phật** tối cao

Niết Bàn *quyết định* sớm vào *hư vô*.

Riêng vị vua là *A Xà Thế*

Lại cho rằng *quyết định* **Như Lai**

Sẽ *nhập Niết Bàn* hản đây

Không ai cứu rồi bệnh tai của ngài”.

Thiện nam tử ! **Như Lai** có nói :

“Vì vị vua *A Xà Thế* này

Chẳng *nhập Niết Bàn* hôm nay
 Ý nghĩa sâu kín, lời này cố tri”.
Ta nói : “Vì” là vì tất cả
 Những *phàm phu* chịu quả *luân hồi*
 Như *A Xà Thế* cùng người
 Tạo tội *ngũ nghịch* đọa nơi *A Tỳ*.
 Lại “Vì” cũng chính vì tất cả
 Những *Chúng sanh* phàm ngã *hữu vi*.
Ta đây trọn cũng chẳng vì
Vô vi chơn ngã ở lý thế gian .
 Luận *vô vi* khó bàn khó nghĩ
 Chẳng phải là vị trí *Chúng sanh* .
A Xà Thế nghiệp bất lành
 Là người *phiền não* cấu thành sanh ra .
 Lại “Vì” cũng chính là việc đó
 Muốn *Chúng sanh* tất cả trời, người
 Thấy rõ **Phật tánh** mình rồi
Phật trọn chẳng *trụ* trong đời dài lâu .
 Vì người thấy nhiệm mầu **Phật tánh**
 Nên đều chứng *Thánh Hạnh* trong đời .
A Xà Thế đây chính thời

Một trong tất cả những người còn mê,
 Chưa *phát tâm Bồ đề* rộng lớn,
 Cầu *chứng đạo vô thượng* **Như Lai** .

Lại “*Vì*” là vì cả hai

Ông Đại **Ca Diếp** và Ngài **A Nan** .

“*A Xà Thế*” các nàng Phi, Hậu
 Và phụ nữ *Vương Xá thành* này .

Lại “*Vì*” nói **Phật tánh** đây,

“*A Xà*” giải nghĩa đúng rày chẳng *sinh* .

“*Thế*” là oan . Cam đành nhẫn chịu
 Bởi chẳng sanh **Phật tánh**, thời sanh

Phiền não, oán thù kết thành

Muôn đời nhận lấy ngục hình đồ lao.

Nếu *phiền não* chẳng nào sanh *vọng*

Thì thấy đặng **Phật tánh** tất nhiên .

Do thấy **Phật tánh** chơn nguyên

Là thường an trụ liễu viên **Niết Bàn** .

Đây gọi là bất sanh thật nghĩa

Mà cũng “*Vì A Xà Thế*” này.

Thiện nam tử ! Ông nghe đây .

“*A Xà*” giải nghĩa đúng rày chẳng *sinh*,

Chẳng *sanh* là **Niết Bàn tịch diệt** .

“Thế” là nói *thế pháp vô thường* .

“Vì” là nói chẳng nhiễm vương

Tám pháp bất tịnh tuyệt đường lại qua,

Nên *vô lượng* Hằng sa số kiếp

Chẳng bao giờ *tịch diệt Niết Bàn* .

Do đây **Phật** mới truyền ban

“**Vì A Xà Thế**” rõ ràng chẳng sai .

Vô lượng kiếp kéo dài *thọ mạng*

Chẳng bao giờ **Phật nhập Niết Bàn** .

Này *Thiện nam tử ! Bốn ban* .

Lời nói sâu kín của hàng **Như Lai**

Khó suy nghĩ giải bày vô tận,

Phật, Pháp, Tăng cũng đặng sâu xa,

Bồ Tát Ma Ha Tát Đa !

Đều chẳng bàn luận nghĩ ra đặng nào .

Kinh Niết Bàn tối cao *vi diệu*

Từ xưa nay thấu hiểu ít ai .

Bấy giờ, **Thế Tôn Như Lai**

Vì *A Xà Thế* ra tay cứu nài

Nhập Nguyệt Ái Thần Quang Tam Muội,

Phóng ánh sáng chiếu tới *Vương thành*

Thân vua ghẻ lở liền lành

Không còn đau nhức, dứt hành hết ngay.

Vua mừng như chết nay sống lại

Bảo Kỳ Bà, ông thấy rồi chẳng .

Ta từng nghe truyền tụng rằng :

“Lúc sắp tận kiếp cõi trần hiện ra

Ba mặt trăng rất là cực sáng,

Do đó những khổ hoạn trên đời

Điều trừ tuyệt hẳn dứt thời

Không còn thấy cảnh loài người ai bi .

Nay chưa đến chu kỳ đó vậy,

Do đâu có ánh sáng diệu huyền

Chiếu đến thân ta mát êm

Tất cả bịnh tật lành yên mình rỗng ?”

Ngài Kỳ Bà trong lòng đã biết

Tâu : “Không phải là tận kiếp trần,

Không phải ánh sáng mặt trăng,

Mà cũng chẳng phải do vầng thái dương,

Hay tinh tú, bảo châu, dược thảo,

Cũng chẳng phải quang đạo cõi trời”.

Vua lại hỏi như vậy thời
 Ánh sáng không phải đất, trời ... của ai ?.
 Tâu Đại vương ! Như nay thần biết
 Ánh sáng này đặc biệt không hai
 Của đấng *Thiên Trung Thiên* đây
Thế Tôn ! Ứng Cúng ! Không ai sánh bằng .
 Ánh sáng này không ngăn, không mé,
 Chẳng nóng, lạnh, mát mẻ hiền lành,
 Chẳng *thường*, chẳng có diệt sanh,
 Chẳng *Sắc*, Vô *Sắc* tánh danh đoạn lìa,
 Chẳng phải *tướng* hay là vô *tướng*,
 Chẳng phải màu đỏ, trắng, xanh, vàng .
 Vì *nguyên* độ khắp thế gian
 Nên có hiện *tướng* rõ ràng vừa qua .
 Dầu thấy đặng, thật ra ánh sáng
 Đây vốn là không *tướng* đó mà .
 Vua hỏi : “Này ông *Kỳ Bà* !
Thiên Trung Thiên đấng **Phật Đà Như Lai** .
Nhơn duyên gì mà nay **Đức Phật**
 Phóng ánh sáng này thật lạ thay !”
 Tâu Đại vương ! *Tướng* lành này

Chính vì **Phật** cứu bệnh tai cho người .
 Bởi Đại vương buông lời than thở
 Nói trong đời không có lương y
 Trị lành thân bệnh hiểm nguy,
 Tâm bệnh sớm dứt sâu bi tội tình,
 Động lòng **Phật** thương sinh muôn loại
 Phóng ánh sáng chiếu rọi lạ thường
 Chữa lành thân bệnh Đại vương
 Rồi sau tâm bệnh tìm phương trị rày.
 Nay *Kỳ Bà* ! **Như Lai Đức Phật**
 Cũng nghĩ tưởng là bậc như ta ?
 Tâu Đại vương ! Tâm **Phật Đà**
Từ bi thương hết *Ta bà* Chúng sanh .
 Đứa con bệnh cha dành ưu ái
 Luôn săn sóc trái lại nhiều hơn .
Đức Phật trái lòng yêu thương
Chúng sanh, nào khác lo lường mẹ cha,
 Sự *bình đẳng* chan hòa mọi giới,
 Đối với người có tội thương nhiều,
 Với kẻ *phóng dật* nuông chiều
Đức Phật thường tưởng dắt dìu sớm hôm,

Đối với người tâm không *phóng dật*
Đức Phật thường phóng xả nghỉ ngơi .
 Người chẳng *phóng dật* nhiệm đời
 Là bậc **Lục trụ** cao ngời *tu hành* .
Chư Phật đối *Chúng sanh* muôn loại
 Chẳng nhìn ngó xem phải thân quen,
 Hay dòng tộc, chỗ sang, hèn,
 Già trẻ, nghề nghiệp luyện rèn khéo tay,
 Hay vụng về hoặc đây lam lũ
 Hoặc *phân biệt* tố, chủ giới ranh,
Phật chỉ nghĩ tưởng *Chúng sanh*
Quán sát xem có tâm lành hay không .
 Nếu người đã tu hành *giác ngộ*
Đức Phật thường *hoá độ* chóng nhanh .
 Trong *Tam giới* làm cha lành
 Là con mắt sáng *Chúng sanh* nương nhờ .
 Tâu Đại vương ! Chính *cơ Đức Phật*
 Nhập *Nguyệt Ái Tam Muội* phóng quang .
 Nhà vua bảo : Nói rõ ràng !
Nguyệt Ái Tam Muội luận bàn ra sao ?
 Kỳ Bà tâu : “Khó nào diễn tả

Như mặt trăng ánh sáng chiếu xa
Có thể làm khắp *Ta bà*
Hoa sen xanh nở xoè ra thơm ngần .
Cũng vậy, như *Nguyệt Ái Tam Muội*
Sẽ vệt tan đêm tối mù che
Tâm lành *Chúng sanh* nở xoè
Không còn tủi phận nặng đè lo âu”.
Vì mặt trăng lâu lâu tỏ rạng
Trong đêm tối soi sáng muôn phương
Người đi đêm rất vui mừng
Không còn lo lắng vấp chước sa hãm .
Cũng vậy, như *Nguyệt Ái Tam Muội*
Làm cho người bệnh sớm lành an,
Bậc *tu* tập đạo **Niết Bàn**
Vui mừng *chứng đắc* đạo vàng cao thẳng .
Như ánh sáng mặt trăng chiếu tột
Từ những đêm mùng một đến rằm,
Hình sắc ánh sáng lần lần
Càng thêm tròn tỏ rạng ngần sáng ra.
Cũng vậy, như *Nguyệt Ái Tam Muội*
Làm cho người *tu* mới *phát tâm*

Những căn lành hiện lần lần
 Sau cùng hoàn hảo viên chân **Niết Bàn** .
 Nên ánh sáng mặt trăng cũng thế
 Từ đêm mười sáu đến ba mươi
 Hình sắc ánh sáng giảm thời,
 Chờ ngày rằm đến chiếu ngời rộng xa .
 Cũng vậy, như *Nguyệt Ái Tam Muội*
 Có thể làm tăm tối xua tan,
Phiền não tiêu diệt hoàn toàn,
Bồ đề hiện rõ trắng vàng sáng khai.
 Như đang lúc ban ngày nắng nóng
 Chờ đêm về lồng lộng trăng soi
 Không còn cái nóng bức oi
 Mát mẻ dễ chịu mọi người vui thay !
 Cũng vậy, như *Nguyệt Ái Tam Muội*
 Có thể trừ tội lỗi *Chúng sanh*,
Phiền não nóng bức hoành hành
Thân tâm đều đặn an lành như xưa .
 Như mặt trăng là vua tinh tú,
Cam lộ vị hội tụ thuốc hay,
 Tất cả *Chúng sanh* các loài

Cũng đều ưa thích không ai chối từ .
 Cũng vậy, như *Nguyệt Ái Tam Muội*
 Là Vua trong các pháp lành đây,
 Là *Cam lộ* vị thơm lây
Chúng sanh muốn có, muôn loài cầu mong .
 A Xà Thế nghe xong lại nói :
Đức Như Lai ba cõi làm thầy
 Chẳng cùng người ác tội đây
 Ngồi chung đàm luận giải bày thanh suy.
 Như biển lớn tử thi chẳng chứa,
 Chim Oan Ưng nhà xí chẳng dừng,
Thiên Đế Thích Đê Hoàn Nhơn
 Chẳng hề chung ở *Quý vương*, tinh tà .
 Như chim **Cưu Súly La** muôn thuở
 Không bao giờ đậu ở cây khô.
 Cũng vậy, là kẻ hồ đồ
 Như ta sao dám bước vô cửa thiền
 Gặp đấng **Thiên Trung Thiên** tôn quý.
 Theo ta xét suy nghĩ như vậy :
Đức Phật thà gần voi say,
 Sư tử, cọp, sói hoặc hay lửa hừng,

Trọn chẳng nên ở gần kẻ ác
 Người như ta giết thác cha già.
 Vì vậy, chính ta ghét ta
 Lòng nào dám đến **Phật Đà** hỏi người !
Kỳ Bà tâu : Như người khát nước
 Thời sớm mau tìm được suối trong,
 Người đói cầu thực no lòng,
 Người không tin **Phật** mắc vòng khổ nguy,
 Người bệnh tìm lương y cứu sống,
 Người nóng bức tìm bóng mát che,
 Người lạnh tìm lửa mà hơ,
 Đại vương sao lại e ngại nghi nan,
 Nên cầu **Phật** hoàn toàn như vậy,
 Thì Đại vương sẽ thấy toại lòng.
Nhã thuyên chờ sẵn mê sông
 Sang bờ *giác ngộ* phước không thể lường.
Đức Như Lai rộng đường độ chúng,
Nhất xiển đề hạt giống cháy hư
Thế Tôn còn mở lòng Từ
Thuyết pháp khuyên họ ... hướng là Đại vương .
 Này *Kỳ Bà* ! Ta từng nghe nói

Nhất xiển đề nhờn quả chẳng tin,
 Chẳng nghe **Phật Pháp** điển kinh,
 Chẳng thể quán xét phân minh chánh, tà;
 Chẳng hiểu rộng sâu xa chơn lý .
 Tại sao ? *Đức Từ Bi Như Lai*
 Lại *thuyết pháp* hạng người này
 Tôi không hiểu rõ mong Ngài giải phân .
 Xin Đại vương ân cần nghe rõ :
 “Như có một người nọ bệnh đau,
 Đêm ngủ mê, thường chiêm bao
 Lên điện một cột rất cao hãi hùng,
 Uống chất dầu vô cùng khó tả
 Và lấy thoa khắp cả toàn thân,
 Nằm trên tro, bóc tro ăn,
 Leo lên chót vót nhánh tàng cây khô,
 Hoặc thấy cùng khỉ con làm bạn,
 Chìm dưới nước, mắc cạn ao bùn,
 Té rơi xuống dưới điện lầu,
 Hay hoặc nằm thấy núi cao bốn bề
 Toàn rừng rậm, trâu dê muôn thú,
 Mặc y phục màu đỏ, đen, vàng,

Vui cười nhảy múa ca xang,
 Hoặc thấy chim quạ, kên kên cả bầy,
 Hoặc thấy chồn, cáo đay cắn xé,
 Nào rụng tóc, nứt nẻ chân tay,
 Trần truồng như nhộng lạ thay,
 Gối đầu mình chớ chẳng hay biết gì,
 Nằm trên phản thân thì thúí quá,
 Hoặc thấy cùng người đã chết rồi
 Đi, đứng hoặc nằm hay ngồi,
 Dắt tay nhau dạo nói cười, uống ăn,
 Đi trong đường lẫn quần vực thẳm,
 Hoặc mơ thấy ôm ả nữ nhân
 Trùm tóc phủ khắp châu thân
 Y phục đang mặc kết bằng *Đa La*,
 Ngồi xe lừa thấy là hư gãy,
 Lại quẹo sang hướng ấy chánh Nam”.
 Người này tỉnh dậy sầu than
 Lòng càng áo não bệnh càng thêm tăng.
 Vì bệnh nhiều nên thân quyến thuộc
 Sai người tìm thầy thuốc tinh thông.
 Người đi mời thân thấp lùn

Oai nghi dung mạo nói chung khó nhìn,
Đầu bụi bặm thân hình thô kệch,
Đi xe thì cũ rích lâu ngày.

Đến nói với y sĩ này :

“Xin mau thăm bệnh kíp ngay bây giờ”.

Y sĩ nghe bất ngờ tự nghĩ :

“Người mới đến xấu xí tướng hình,

Bệnh này khó trị chậm lành.

Lại xem ngày tháng tương sanh, bất hoà,

Thấy nhằm ngày chủ gia nguy khốn

Tức là ngày mừng bốn hiện nay,

Mùng sáu, mùng tám, mười hai

Hoặc là mười bốn kéo dài không lâu.

Lại xem Sao nhằm Sao khó trị,

Tức **Hỏa tinh**, đố kỵ **Khuê tinh**,

Mão tinh khắc **Diêm La tinh**,

Thấp tinh quá xấu, **Mãn tinh** tai sâu.

Lại xem nhằm mùa Thu, mùa Hạ,

Hay mùa Đông phước họa tri ra,

Giờ mặt trời lặn ác tà,

Giờ mặt trăng lặn xem qua thế nào,

Nhằm những giờ dương hao, âm thịnh
Cũng khó mà trị bệnh *mạng căn*”.

Y sĩ lại nghĩ cho rằng :

Tuỳ theo *phước đức* bệnh nhân mỏng dầy,
Dầu ngày giờ ở đây tốt thật
Nhưng đem so *phước đức* không bằng.

Y sĩ chẳng thể chậm chân

Trên đường đi, lại nghĩ rằng như sau :

Nếu như người bệnh đau có tướng
Mạng trường thọ, bệnh chướng tiêu trừ,

Nếu là tướng đoán thọ thời

Chẳng thể trị hết, cuộc đời ra ma .

Dọc đường thấy người qua kẻ lại,

Hai đứa nhỏ tranh cãi đánh nhau,

Thấy người cầm đuốc sáng lâu

Tự nhiên vụt tắt tại sao lạ kỳ,

Thấy có người đốn đi cây ngã,

Lại thấy người kéo tấm da thời

Đi trên đường vắng không người,

Lại thấy có vật bỏ rơi bên đường,

Hoặc thấy người xách thùng không đáy,

Hay hoặc là nhìn thấy *Sa môn*
Đi một mình vào làng thôn,
Hoặc thấy cọp, sói, cáo, chồn, kên kên ...
Y sĩ phát sinh liền từ đó
Người đi mời xem bộ khó tin,
Lai lịch không rõ bất minh,
Ngày giờ thời tiết đình ninh bất thường,
Cùng những việc trên đường đã thấy
Đều là điềm xét lại xấu thay .
Bệnh này chắc khó trị đây
Nếu ta không đến khoanh tay sao đành.
Thời chẳng đáng xứng danh y sĩ,
Bèn buông xuôi ý nghĩ đoái màng .
Chợt nghe có tiếng khóc than
Tiễn đưa người chết ở làng bên kia,
Tiếng đập bể, gãy lìa cây cối,
Tiếng té ngã la lối rừng hoang.
Lại thấy chánh hướng phương Nam
Có tiếng chim quạ kêu vang não lòng,
Tiếng chó sủa ở trong đêm tối,
Tiếng heo kêu inh ỏi điếc tai.

Y sĩ lại nghĩ như vậy :

Toàn là điềm xấu bệnh này khó an .

Dòng suy nghĩ miên man bất định

Xe đến nhà người bệnh không hay .

Thấy bệnh nhân nằm xuôi tay

Lúc lạnh, lúc nóng đổi thay liên hồi,

Gân xương nhức, mắt lòi chỉ đỏ,

Tiếng lổ tai nghe rõ bên ngoài,

Cổ họng nuốt nước khó thay,

Lưỡi môi nứt lở, mặt mày tối u,

Đầu cất lên cũng như đá nặng,

Tâm lao lư khó đặng định lòng,

Đại tiểu tiện cũng bất thông,

Toàn thân sưng húp, ẩm bông gian nan,

Giọng nói chẳng rõ ràng đứt đoạn,

Ban đêm thường hốt hoảng kêu la.

Y sĩ xem xong hỏi qua

Ông, bà chắc chắn biết mà nguyên nhân

Người bệnh này tinh thần thuở trước

Như thế nào sơ lược kể ra ?

Người nhà bệnh nhân thật thà.

“Thưa cùng y sĩ ! Trình qua như vậy,
Trước khi bệnh người này chu đáo
Vốn kính tin *Tam Bảo, Chư Thiên,*
Nay bỗng đổi *tánh* khác liền
Không còn tin tưởng cầu nguyện sớm khuya.
Trước chưa bệnh thường ưa *bố thí,*
Nay *tâm* thời ích kỷ riêng thân,
Trước kia người này ít ăn,
Nay ăn nhiều quá dầu thân ốm gầy.
Tánh hào sảng ra tay diệt ác,
Còn nay thì tệ bạc lắm thay !
Tánh vốn nhờn từ thảo ngay
Hiếu thuận cha mẹ còn nay khác rồi”.

Y sĩ nghe những lời tự sự
Liên lại gần kế gửi bệnh nhân
Và rờ ấn các huyết thân
Biết là người bệnh lìa trần nay mai.
Nhưng chẳng nói cho ai biết rõ,
Bảo người nhà chớ có sầu bi :
“Nay tôi có việc gấp đi
Ngày mai trở lại thăm thì bệnh nhân,

Nếu người bệnh đòi ăn, đòi uống
 Cần thứ gì chịu chuộng đừng la.
 Dặn xong y sĩ rời gia
 Giã từ tất cả người nhà bệnh nhân”.
 Sáng hôm sau gia đường đến rước
 Ngài y sĩ từ khước khéo mà :
 “Tôi mắc việc phải đi xa
 Vả lại thuốc uống chế ra chưa rồi”.
 Nếu người trí nghe lời nói đó
 Của y sĩ bày tỏ biết liền
 Rằng : Người bệnh sắp qui tiên
 Không lâu tạ thế vậy miền phương xa .
 Đại vương ! **Đức Phật Đà** cũng vậy,
Trí huệ Phật soi thấy thấu tri
 Hạng *nhất xiển đề* mê si,
 Nhưng tâm **Đức Phật** *từ bi* thương đời.
 Nên vì họ ban lời thuyết giáo
 Còn bằng không *ngoại đạo* cho rằng :
 Đây chẳng phải Đại *Thánh Tăng*,
Cù Đàm không có lòng nhân đẳng bình,
 Chẳng xứng bậc *quang minh* lỗi lạc,

Nhất thiết trí chưa đạt liễu viên.

Đức Như Lai luôn *tùy duyên*

Gặp những người bệnh **Phật** liền bố ban

Nào *Cam lộ* được thang *pháp vị*,

Nào *đề hồ* chữa trị lành ngay.

Người bệnh không uống thuốc đây

Đó chẳng phải lỗi **Như Lai Phật Đà**.

- *Nhất xiển đề* chia ra hai hạng :

Một, hiện tại có đặng *căn* lành,

Hai, đời sau được cấu thành

Căn lành mới có *tu hành công năng* .

Đức Như Lai *oai thần* tột bậc

Quán sát rành hạng *nhất xiển đề*,

Những kẻ hiện tại u mê

Thiện căn nếu có không hề bỏ qua

Phật *thuyết pháp* thoát ra *tham ái*

Chịu *tu hành* trở lại nguyên y.

Còn những kẻ quá *ngu si*

Đời nay *tà kiến* lưới *nghi dật* đầy

Đặng *thiện căn* sau này nếu có

Đức Như Lai không bỏ sót ai.

Phật thuyết pháp chỉ chỗ sai
 Mặc dầu không lọt vào tai hạng này,
 Vẫn biết là hiện nay vô ích
 Cũng làm nhơn cho kiếp về sau.
 Do thấu hiểu chỗ cạn sâu
Đức Phật giảng nói pháp mầu giác mê
 Cho hạng *nhất xiển đề* tỉnh ngộ
 Đời hiện tại hoặc ở tương lai.
 - *Nhất xiển đề* lại có hai :
Một là hạng có đủ đầy *lợi căn*,
Hai là hạng hạ nhân thiếu *phước*
Đối Phật Pháp chưa được đủ *duyên* .
 Hạng *lợi căn* đời hiện tiền
Thiện căn có thể *phước điền* gieo sâu,
 Hạng *độn căn* đời sau sẽ được
Thiện căn sanh đủ *phước* thiên lương .
Chư Phật ba đời mười phương
Thuyết pháp đem *lợi ích* dưỡng biết bao.
 Ví như người té vào hầm xí
 May gặp đặng *thiện tri thức* đây
 Thấy vậy xót thương ra tay

Liên nắm tóc kéo lên ngay khỏi hầm.

Chư Đức Phật từ tâm cũng vậy,

Thấy *Chúng sanh* khổ hải đọa đày

Trong *ba đường ác* đầu thai

Nên dụng *phương tiện* mở khai đạo mầu,

Làm cho đặng biển sâu thoát khỏi,

Do đây nên mới gọi **Như Lai**.

Vì *nhất xiển đề* hạng này

Mà giảng yếu pháp giải bày sâu xa .

Nhà vua bảo *Kỳ Bà*, ông nói :

“**Đức Như Lai** đã khởi tâm Từ

Có những điều như vậy ư !

Rạng mai sẽ chọn ngày giờ tốt thay.

Rồi chúng ta sắm bày lễ vật

Đến *cúng dường Đức Phật Như Lai*”.

Kỳ Bà tâu :

“Trong *giáo pháp* của **Phật** đây

Không có chọn lựa tháng ngày kiết, hung .

Tâu Đại vương như người bệnh nặng

Đang nguy cấp không đặng trễ nài,

Đâu nên chọn giờ, chọn ngày

Tốt xấu, hung kiết, rủi may làm gì,
Mà cần gấp lương y tài đức
Để cứu chữa mau dứt bịnh căn .

Nay Đại vương bịnh nặng cần
Cầu **Phật** chữa trị *thân tâm* của mình,
Chẳng nên chờ ngày lành, giờ tốt
Chậm trễ e mạng hết dở dang.

Đại vương ! Như lửa *Chiên đàn*,
Cùng lửa cây cỏ *Y Lan* cháy hồng
Hai thứ lửa thật không gì khác.
Ngày tốt xấu nghĩ lại cũng ngày,
Nếu đến chỗ **Đức Như Lai**
Đều diệt được tội liền ngay tức thì .
Mong Đại vương chớ trì hoãn nữa
Nên cần gấp kính ngửa **Như Lai**".

Vua *A Xà Thế* bảo Ngài
Kiết Tường Ngự Sử ta nay lệnh truyền :
“Mau sắm sửa y thiên áo ngọc
Đặng ta đến lễ **Phật cúng dường**".

Vua cùng các vị phu nhơn
Tỳ nữ, cận vệ một muôn hai nghìn,

Năm ngàn thớt Tượng linh voi tốt,
 Mỗi thớt voi đều chở ba người
 Mang cùm *phan* lọng rợp trời
 Hoa hương, kỹ nhạc, thơm ngời, ngân vang,
 Nhiều thứ đồ *cúng dường* quý lạ,
 Mười tám muôn kỵ mã tài ba .

Dân trong nước **Ma Đà Đà**
 Năm mươi tám vạn muôn người đồng theo.
 Bảy giờ, *Câu Thi Na* thành nội
Đại chúng đều tụ hội rần rần,
 Đứng, ngồi mười hai *do tuần*
 Mọi người trông thấy quân dân chĩnh tề
 Đều là của vua *A Xà Thế*
Câu Thi Na đến để làm gì ?

Đức Phật bảo *Đại chúng* thì
Nhơn duyên gần đến vô vi tự thành
 Của tất cả *Chúng sanh* nhưn loại
 Không gì hơn gặp lại bạn lành.
 Vì *A Xà Thế* tâm thành,
Kỳ Bà can gián phân rành đúng sai,
 Nếu không là nội ngày mừng bầy

Ắt mạng chung đọa mãi A Tỳ”.

A Xà Thế trên đường đi

Bỗng nhận tin Tỳ Lưu Ly vua này

Ngồi thuyền vào cửa Tây công việc ...

Lửa bùng cháy thiêu chết cấp kỳ .

Và Tỳ kheo Cù Ca Ly

Đất nứt chôn sống A tỳ đọa sa .

Còn Tu Na Sát Đa gây tạo

Những tội ác tàn bạo trước đây

Nhờ đến diện Thánh Như Lai

Các tội đều được hiện nay tiêu trừ .

Vua nghe những tin từ xa tới

Tâm lo lắng bảo với Kỳ Bà :

“Nay ta dầu đã nghe qua

Những tin tức ấy thật là đau thương.

Khanh đến ngồi chung lưng thốt Tượng,

Ở khanh ta tin tưởng vô cùng.

Giả như ta có mạng chung

Bị đọa Địa ngục trông mong khanh mà

Nhớ nắm giữ tay ta thật chặt

Đừng để cho quý bắt hồn ta.

Vì ngày trước ta nghe qua
 Những người *đắc đạo* chẳng sa ngục đường.”

Đức Phật bảo bốn ban *Đại chúng* :

“A Xà Thế tâm cũng còn *nghi*

Nay **Phật** sẽ làm cấp kỳ

Được tâm *quyết định* với thì nhà vua”.

Trong *pháp hội* có vị **Bồ Tát**

Trì Nhứt Thiết trình bạch **Phật** rằng :

Thưa **Thế Tôn** ! *Đại Thánh Nhân* !

Trước kia **Phật** dạy Chư *Tăng* ghi lòng.

Tất cả *pháp* đều không có *tướng*

Chỗ *nhứt định* hạn lượng ra sao,

Sắc không *tướng* nhất định nào,

Niết Bàn cũng vậy *nhập* vào *hư vô*

Cũng không *tướng* tế thô *nhứt định*.

Sao hôm nay **Phật** lại bảo rằng:

“Vì A Xà Thế sẽ làm

Được tâm *quyết định* rõ ràng vì sao ?”

Đức Phật khen cao sâu lời nói.

“Thật lành thay ! Ông hỏi rất hay.

Này *Thiện nam tử* ! Nghe đây .

Như Lai có cách chuyển xây không nhâm.

A Xà Thế có tâm *quyết định*

Đó là điều chơn chính cần làm,

Vì nếu vua còn có tâm

Nghi ngờ chắc chắn là mầm hoại hư,

Vậy khuyên mong mọi người nên biết

Tâm *nghi* ngờ không *quyết định* thời.

Nếu tâm vua *quyết định* rồi

Tội nghịch không thể tiêu trừ sạch trong.

Vì hiện nay vua không *quyết định*

Nên ***tội nghiệp*** tâm bịnh lần tan.

Rừng *Ta La* vua nghiêm trang

Ngước nhìn thấy rõ dung nhan **Phật tử**

Ba mươi hai tướng thời tuyệt hảo

Và *tám mươi vẻ đẹp* hoàn toàn,

Dường như một tòa núi vàng

Hiện ra sừng sững chói chan rừng già .

“Chào Đại vương” **Phật Đà** cất tiếng

Giọng ***Phạm âm*** vang chuyển núi rừng .

Vua *A Xà Thế* ngượng ngùng

Nhìn ngó bốn hướng tự thân nghĩ rằng :

Không rõ ai ở trong *Đại chúng*
Là Đại vương đây cũng lạ thay.

Vốn ta quá nhiều tội đây,
Lại không *phước đức*, kém tài vô năng,
Chẳng lẽ **Phật** ân cần tha thứ
Còn gọi là hai chữ Đại Vương !”

Đức Phật lại gọi Đại vương !
Vua nghe vừa dứt vui mừng lành thay !
Nghĩ rằng : “**Đức Như Lai Phật Tổ**
Còn chiếu cố mà gọi đến ta

Thật xứng danh **Đức Phật Đà**
Từ bi, bình đẳng chan hòa thấp cao”.

Vua chấp tay cúi đầu bạch **Phật**
Rằng : “**Thế Tôn** ! Sự thật hôm nay
Không còn nghi ngờ nữa đây
Quyết định chắc chắn **Như Lai** là thầy
Đấng *Đạo sư* ở trong *Tam giới*
Thường *thuyết pháp* làm lợi muôn loài.”

Ca Diếp Bồ Tát Đức Ngài
Nghe lời vua tỏ mừng thay vô cùng.
Nói với **Bồ Tát Trì Nhất Thiết** :

“Đức Như Lai đã thiết an bày
 Làm vua *A Xà Thế* đây
 Được tâm *quyết định* đúng ngay *bản nguyên*”.
A Xà Thế vua liền bạch **Phật** :
 “Thưa **Thế Tôn** ! Sự thật như vậy,
 Giả như hôm nay tôi đây
 Ngồi chung mâm cỗ các ngài *Phạm Vương*,
 Lòng cũng chẳng vui mừng phần khởi
 Bằng một lời kêu gọi vừa qua
 Của Đức Từ Bi **Phật Đà**
 Như cây khô thấm chan hoà mưa sa.
 Vua sắp bày hương hoa *phan* lộng
 Cùng kỹ nhạc kèn trống hát ca
 Dâng lên *cúng dường* **Phật Đà**
 Chắp tay đi *nhiều* đến ba vòng tròn,
 Rồi ngồi chung ở trong Chúng hội
 Đợi chờ nghe **Phật** nói *pháp* mầu”.
 “Này Đại vương đợi có lâu !
 Đường xa mưa nắng dãi dầu mệt chẳng ?
 Nay **Phật** vì Chúng *Tăng* *bốn* *bộ*
 Cùng Đại vương chiếu cố quang lâm.

Giảng thuyết *Pháp yếu* cao thâm
Nhà vua chú ý định tâm nghe truyền.
Hạng *phàm phu* cần chuyên *quán sát*
Nơi thân có hai mươi điều này :
 Một là thân của ta đây
Không có *công đức* sâu dày cao thanh,
 Hai là không *căn* lành trọn đặng,
 Ba là chưa điều thuận lẫn nhau,
 Bốn là rơi xuống hầm sâu
Mà không kinh sợ sửa trau lỗi lầm,
 Năm là chẳng chịu tầm **Phật Pháp**,
 Sáu, không tu *kiến tánh Phật* mình,
 Bảy là sinh tử, tử sinh
Luân hồi khổ não điều linh đau lòng,
 Không có *thường* cũng không có *ngã*,
 Cũng không *định* tất cả đều *không*.
 Tám là ôm *chấp* mê lòng
Bát nạn phải chịu khó hòng thoát ra,
 Chín, thường bị oan gia theo hại,
 Mười là không có *pháp* gì ngăn
 Những *ngiệp hữu lậu* trôi lăn

Như là *phiền não*, *dục trần* ghét thương,
Mười một là ba đường ác đạo
Chưa thoát khỏi *quả báo* trả vay,
Mười hai, *ác kiến* chứa dầy
Như người gấn mực dính tay khó chùi,
Mười ba, chưa qua tội *ngũ nghịch*,
Mười bốn, dòng *sinh tử* vô bờ
Luân hồi kiếp kiếp đời đời
Có khi làm thú, khi người đổi thay,
Mười lăm, thân chẳng hay xu hướng
Tạo nghiệp lành để hưởng *quả* lành,
Mười sáu, tội nghiệp kết thành
Không ai trả thế ... riêng mình *thọ* vương,
Mười bảy, chẳng gieo *nhơn* vui chướng
Thời trọn không được hưởng *quả* vui,
Mười tám, đã tạo nghiệp rồi
Thời là *quả báo* đời đời mang theo,
Mười chín, do vô minh sanh kết
Cũng vô minh mà chết chẳng sai,
Hai mươi, quá khứ vị lai
Hiện tại *tâm tánh* đắm say đường tà,

Thường buông lung cùng là *phóng dật*,
Nên muôn đời đánh mất *thiện duyên*.”

Này Đại vương ! Người phạm nên,
Tâm luôn *quán sát* thường xuyên thân này.
Hai mươi điều trên đây vừa kể,
Nếu muốn thành không dễ chút nào.

Do vì *quán sát* thâm sâu
Tâm chẳng ưa thích đối đầu tử sanh.
Nếu chẳng ưa tức là nhàm chán,
Thời bước đầu *Chỉ Quán viên thành*.

Theo thứ tự *quán* tướng ***sanh***,
Rồi ***trụ, hoại, diệt*** rõ ràng nơi tâm.
Quán định, huệ, tăng phần *tinh tấn*,
Rồi *trì giới* tức đặng đắc thời.

Quán tướng *sanh, trụ, diệt* rồi
Biết rõ *tâm tướng* hiển nơi giác lòng,
Đến ***giới tướng*** trọn không làm ác,
Không hề sợ sự chết xem thường,

Cũng không sợ *ba ác đường*
Nói chung không sợ *ma vương, quỷ, thần* .
Nếu người chẳng chuyên tâm *quán sát*

Hai mươi điều rộng hoát kể trên,
Thời là *phóng dật* triền miên,
Buông lung *ý mã, tâm viên* tục phàm,
Việc ác nào, chẳng làm gây *nghiệp*,
Nên kết quả muôn kiếp đọa đày.

Nghe xong vua bạch **Như Lai** :

“**Thế Tôn** ! Từ trước tôi đây chưa từng
Quán sát qua hai mươi điều ấy,
Nên gây tạo lỗi quấy lầm sai.

Do đó sợ sự chết này ...

Sợ *ba ác đạo* trả vay khôn lường”.

Bạch **Thế Tôn** ! Đường đường làm chủ

Một quốc gia đầy đủ quân thần

Mà tự chuốc họa vào thân

Tạo tội ác lớn bất nhân tày đình :

“Trước vua cha *quang minh* vô tội,

Tôi làm hại hối lỗi đến nay.

Đối với hai mươi điều này

Tôi dù có *quán sát* hay không nào,

Quyết định sẽ đọa vào tam tối,

Khó mong gì ra khỏi ngục đường”.

Phật bảo : “Hỡi này Đại vương !
 Tất cả *pháp*, *tánh* vô thường đổi thay,
 Tướng của nó ở đây cũng vậy,
 Không có gì *quyết định* được mà.
 Sao nhà vua lại nói là
Quyết định sẽ đọa ngục A Tỳ này?”
 Vua bạch : “Lời **Như Lai** vừa thuyết
 Tất cả *pháp* vốn thiệt ở đây
 Không tướng nhất định đổi thay
 Thời tội giết hại hiện nay của mình
 Cũng sẽ không thành hình nhất định.
 Lời **Phật** thuyết tôi lãnh hội qua.
 Nếu tội giết hại vua cha
 Mà có nhất định thời là *pháp* đây
Tánh, *tướng* chẳng phải là nhất định”.
 Lời **Như Lai** chợt tỉnh cơn say.
Phật bảo : “Đại vương ! Lành thay !
Chư Phật thuyết các *pháp* đây đều là
 Vốn không tướng chẳng mà nhất định
 Nhà vua lại ngộ tín nhận ra
 Rõ biết tội giết hại cha

Cũng chẳng nhất định thật là không sai”.

Này Đại vương ! Như ngài vừa nói :

“Vua cha vốn vô tội hiền lành

Tôi nữ nào hại thân sanh

Phạm phải tội nghịch cam đành *đọa sa*”.

Gì là Cha ? **Phật Đà** vặn hỏi.

Cha chỉ là tạm gọi giả danh,

Năm ấm nhưn loại *Chúng sanh*

Đều do *vọng tưởng* gọi thành là cha .

Thập nhị nhập cùng *thập bát giới*

Cái gì đây được gọi là cha ?

Nếu *sắc ấm* đó là cha

Thời *sắc ấm* nọ lẽ ra hiệp hòa .

Nếu bốn ấm là cha người vậy,

Thời bốn ấm kia lại là không.

Nếu *sắc* cùng phi *sắc* đồng

Hiệp hòa nhau lại làm ông cha người

Nói như vậy không thời đúng lý,

Vì tánh *sắc* cùng phi *sắc* mà

Xưa nay vốn không hiệp hòa

Chỉ là giả tạo xét ra bất thành .

Này Đại vương ! Chúng sanh *tội chướng*
Đối *sắc ấm vọng tưởng* là cha.
Sắc ấm *giả hợp* thật ra
Cũng không thể hại được là vì sao ?
Vì *sắc ấm* có mười thứ vậy,
Mười thứ này nó lại khác nhau .
Riêng *sắc* có thể thấy nào,
Có thể nắm lấy, buộc vào mở ra,
Có thể cân hoặc là lường đặng,
Cũng có thể lôi kéo gần xa .
Dầu có thể thấy nhìn qua,
Có thể nắm lấy hoặc là kéo lôi,
Nhưng *tánh sắc* vốn thời chẳng *trụ* .
Vì chẳng *trụ* không thấy thường thường,
Không thể nắm cầm, cân lường,
Không thể chỉ định, khoa trương cách nào.
Sắc tướng đó trước sau như vậy,
Thời thế nào giết hại được mà.
Nếu *sắc tướng* đó là cha
Có thể giết hại tức là tội gây
Mắc *quả báo* này đây phải trả

Gieo *nhơn* thì gặt *quả* chẳng sai,
VẬY còn lại chín thứ kia
Lẽ ra không phải là cha đó mà,
Chín thứ kia lẽ ra không phải
Là cha thì không mắc tội tình .
Này Đại vương ! Lại phân minh .
Sắc có ba thứ giải trình sau đây :
Một, quá khứ ; *Hai* là hiện tại ;
Ba, vị lai ; *Sắc* mãi còn hoài .
Về quá khứ, hiện tại đây
Thời không thể giết hại ai bao giờ.
Vì quá khứ qua rồi đoạn tuyệt,
Hiện tại *niệm niệm* diệt không ngừng,
Do ngăn *vị lai* không sanh
Nên gọi là giết trở thành tự danh .
Một thứ *sắc* vây quanh như vậy,
Hoặc là giết hoặc lại là không .
Chẳng giết thời *sắc* bất đồng,
Cũng chẳng nhất định, *sắc* không có gì,
Thời giết hại không thì nhất định,
Nên *quả báo* nhất định cũng không .

Sao nhà vua lại trách lòng
Tự mình *quyết định* vào trong A Tỳ ?.
Này Đại vương ! Chung quy *tội nghiệp*
Chúng sanh tạo có hai thứ đây :
 Một là tội làm nhẹ thay,
Hai là tội nặng lớn dầy núi cao .
 Nếu tâm, khẩu hợp nhau gây tạo
 Thời gọi là tội báo nhẹ thay,
 Tâm khẩu và tâm tạo gây
Thời là tội nặng *đọa* đày Diêm Ty,
 Tâm suy nghĩ, miệng thì lại nói
 Thân chẳng làm, mắc tội nhẹ thôi .
 Ngày trước Đại vương phán lời
Chẳng bảo là giết, chỉ thời chặt chân .
 Nếu Đại vương phán rằng lập tức
 Chém đầu mau giết phức cho rồi,
 Thị thần giám sát y lời,
Còn chẳng mắc tội, huống thời Đại vương
 Chẳng truyền lệnh đem lòng giết hại
Quyết định chẳng mắc phải tội này .
 Nếu Đại vương mắc tội đây

Thế Tôn Chư Phật Như Lai cũng là

Đồng mắc tội xét ra không khác

Vì giúp vua tội ác gây ra.

Đức vua *Tần Bà Ta La*

Trải qua nhiều kiếp rất là cố công

Dem căn lành vun trồng nơi **Phật**

Nên ngày nay làm bậc *Quốc vương* .

Nếu **Chư Phật** trong *mười phương*

Chẳng thọ nhận sự *cúng dường* dày sâu

Thì Tiên vương làm sao đặng *phước*

Ngồi ngai vàng trị nước an dân .

Nếu Tiên vương chẳng làm vua

Đại vương đâu có ganh đua tranh tài .

Vì Vương quyền ra oai giết hại

Cha của mình rồi lại ăn năn .

Nếu Đại vương giết phụ thân

Cho mình có tội định phần *đọa sa*,

Thời **Chư Phật** lẽ ra cũng tội

Vì không ngăn cản lỗi Đại vương .

Còn nếu **Chư Phật** bình thường

Không mắc *tội báo*, Đại vương sợ gì ?

Này Đại vương ! Hãy suy nghĩ lại .
Đức Tiên vương *Tần Bà Ta La*
Ngày trước có tâm ác mà :
Đi săn tại *Tỳ Phú La* núi này,
Tìm muông thú cả ngày không gặp
Chỉ gặp đặng một vị *Tiên nhơn*
Chứng *ngũ thông* đạo cao cường,
Cho rằng vị đó cản đường lối ngăn
Nên hôm nay đi săn thất bại
Miệng đuổi đi, tâm hại người ngay .
Lúc sắp chết *Tiên nhơn* này
Thù kia khắc dạ không phai với lòng,
Liên mất hết *thần thông* tức khắc
Nguyên thệ rằng ngày ấy không xa .
Người dùng tâm khẩu giết ta
Đời sau ta quyết hại mà nhà người .
Dùng tâm khẩu nói lời như trước
Giết nhà người cho được mới thôi .
Tiên Vương nghe lời trời rồi
Trong lòng hối hận vô hồi ăn năn,
Truyền chôn xác *Tiên nhơn* chu đáo

Về triều còn tâm não bất an .

Những việc ngày trước đã làm
Đến nay gặt *quả* rõ ràng không sai .

Lời nhà vua trình bày chưa thật
Cho vua cha không mắc tội trần .

Này Đại vương ! Phải xét phân .

Vì sao vô tội ? Luận rằng sau đây :

Người nào chẳng tạo gây *nghiệp* ác
Thời không bị *tội báo* trả vay,

Người tạo *nghiệp* ác xưa nay
Thời mắc *quả báo* không tày trốn đâu .

Bởi thử trước gieo sầu kẻ khác
Nay bị người giết thác chẳng tha .

Tiên vương *Tần Bà Sa La*

Quả lành, *quả* ác hiện ra trong đời .

Việc trả *quả* chẳng thời nhất định,
Nên giết hại không tính trước sau.

Giết hại không nhất định nào

Sao vua *quyết định* chịu vào ngục gông .

Này Đại vương ! Đục trong gạn tổ .

Chúng sanh điên cuồng có bốn điều :

Một, do tham vọng cuồng điên,
Hai là bị thuốc mà điên loạn cuồng,
Ba, bị bùa chú làm cho điên loạn,
Bốn, do nghiệp đời trước gây ra .

Trong hàng đệ tử *Phật* gia
Nếu ai mắc phải bệnh mà cuồng điên
Đúng bốn điều như trên vừa nói,
Dầu tạo nhiều lầm lỗi ác gây,
Ta tron chẳng *chấp* người này
Phạm vào *giới cấm* **Như Lai** ban truyền .

Do vì bị cuồng điên *tâm trí*
Đâu có còn suy nghĩ đúng sai .

Lúc khi tâm tỉnh lại đây
Ta cũng chẳng gọi người này phạm sai.
Vì ngôi báu mà Ngài tham vọng
Phạm vươngng vào tội trọng hại cha,
Do tham cuồng mới gây ra,
Hoặc do thù oán trước là hiện ra.

Như người say rượu đà quá chén
Lỡ tay gây cái chết mẫu thân,
Khi tỉnh thức định tinh thần

Sanh lòng hối hận ăn năn dưỡng nào,
Nghiệp giết mẹ không sâu nặng lắm,
 Tuy vô tình suy ngẫm răn lòng .
 Đại vương đắm say ngôi rồng
 Chẳng phải bốn ý, cũng không tính lường,
 Sao bảo là Đại vương mắc tội,
 Luận *nhơn quả* hình vọi bóng bày .
 Ví như nhà ảo thuật tài
 Dùng kỹ xảo hóa gái trai đủ trò
 Nào voi, ngựa, trâu, bò, y phục,
 Hoặc bông hoa, chuỗi hạt ngọc ngà .
 Kể ngu cho đó thật mà,
 Người *trí* biết chẳng phải là thiệt đâu .
 Sự giết hại cách nào cũng vậy,
 Theo thế gian luật phải gia hình,
Chư Phật *huệ nhĩn* thấy nhìn
 Biết là chẳng phải thực tình hại nhau .
 Như tiếng vang vọng sâu khe núi
 Người ngu nghe tưởng thật tiếng mà,
 Người *trí* hiểu biết nhận ra
 Chẳng phải tiếng thật chỉ là tiếng vang .

Sự giết hại luận bàn cũng vậy,
Phàm phu cho giết hại rõ ràng,
Chư Phật *trí huệ* minh quang
Soi biết chẳng phải, vệt tan mê lầm .
Như kẻ thù âm thầm quyết trả
Giả làm con hoặc giả họ hàng,
Kẻ ngu thấy bạc áo vàng
Lầm tưởng vàng thiệt, ngỡ ngàng thử qua,
Người *trí* biết đó là giả trá
Chờ thời đến để trả thù sâu .
Giết hại cũng như vậy nào,
Phàm phu không thấu chì thau trộn vàng,
Chư Phật biết thế gian chẳng thật
Vì oán cừu nhưn vật giết nhau .
Như người soi gương sáng lâu
Tự thấy bóng mặt vọi vào kiếng gương,
Kẻ ngu cho mặt trong gương thật,
Người *trí* biết định chắc giả thôi .
Sự sát hại hiện trên đời
Lầm lẫn, cố ý thời thời xảy ra,
Kẻ *phàm phu* cho là sự thật,

Chư Phật biết chẳng thật có đây .

Như trưa nắng trời nóng gay
Nhìn xa thấy gợn *tưởng* rày nước sông,
Người *trí* biết là không phải nước
Kẻ khát cho sắp được nước rồi .

Cũng vậy giết hại trên đời
Đều do cừ oán loài người gây ra,
Kẻ phàm thấy cho là sự thật,
Chư Phật biết như vật trả vay .

Như *thành Càn Thát Bà* này,
Người ngu nghe nói *tưởng* đây thật mà,
Người *trí* biết cho là không thật .
Sự sát hại như vật khác nhau,
Phàm phu cho là thật sao ?

Chư Phật *quán* thấy có đâu thật nào .

Như người ngủ, chiêm bao mơ mộng
Thấy mình hưởng cuộc sống giàu sang,
Người *trí* cho là hoang đường
Kẻ ngu *tưởng* thật ôm mang trong lòng .
Sự giết hại cũng không định chắc
Phàm phu cho là thật có đây,

Chư Phật Thế Tôn ! Như Lai !

Biết chẳng phải thật, đời nay điên cuồng.

Này Đại vương ! Suy lường rõ biết .

Cách thức giết, *nghiệp* giết khác nhau,

Quả giết, người giết, mau lâu,

Nhẫn đến *giải thoát* trần lao *Sa bà*,

Ta quán sát thấy ra tất cả

Nên không lầm *nhơn quả* tạo gây.

Đại vương không biết không hay

Giết hại có tội, do đây vô tình .

Như là người giữ gìn hãng rượu

Nếu không uống thời tức không say .

Mặc dầu cầm lửa nơi tay

Biết cách sử dụng không tai nạn gì .

Tâm Đại vương ! Cũng thì như vậy,

Dầu biết rằng giết hại là sai .

Nhưng sao lại có tội đây ?

Do *nhân* thuở trước, *quả* bày ngày nay

Đại vương ! Như người này *nhơn* dấp

Mặt trời mọc tạo *nghiệp* chứa đầy,

Lúc mặt trăng mọc tròn đầy

Lại đi trộm cắp vật tài Chúng dân,
Lúc mặt trời, mặt trăng chẳng mọc
Thời chẳng làm việc ác bất nhân,
Dầu nhờn mặt trời, mặt trăng
Người đó hành sự trăm lần lỗi sai,
Nhật nguyệt tuy sáng bày muôn lối
Chẳng làm gì mắc tội với ai .
Như hoàng cung lễ tiệc bày
Vua thường truyền lệnh giết nai, dê, bò ...
Lòng vua vốn không lo *ngghi* sợ,
Tại sao khi sát hại vua cha ?
Riêng lòng *ngghi* sợ lo xa
Đến nổi phát binh sanh ra u hoài,
Dầu là người hay loài cầm thú
Có tôn ti, tở chủ khác sai,
Nhưng vẫn quý sinh mạng này
Cũng đều sợ chết muôn loài giống nhau .
Truyền giết dê ... cố sao xem nhẹ,
Lệnh giết cha nặng tở *Thái sơn* .
Người đời nào biết *vô thường*
Luôn làm tội tở, tình trường *ái tham*,

Bị *ái tham* bắt làm việc ác
Nào giết hại tranh đoạt ngôi quyền,
Giả như có *quả* hiện tiền
Tội của *tham ái* trả liền mau ngay,
Đại vương bị đời sai **Sử** khiến
Có tội gì đau nghiên trong lòng .
Như **Niết Bàn** chẳng có, không
Mà cũng là có vốn đồng tương ứng .
Sự sát hại cũng thường như vậy,
Dầu chẳng có, chẳng phải là không
Mà cũng là có tương đồng,
Nếu người biết lỗi tội hòng giảm đi,
Không xấu hổ vô nghì tội nặng,
Thọ *quả báo* chắc chắn không sai .
Người *chấp* không thì người này
Là chẳng phải có tạo gây lỗi lầm,
Người *chấp* có do tâm buộc chặt
Thời tội đây chẳng thật là không,
Người có *chấp* có trong lòng
Cũng gọi là có chẳng không đâu nào,
Vì nếu người có tâm *chấp* có

Mắc *quả báo* do tội đã gây,
Người không *chấp* có tội đây
Thời không mắc *quả* trả vay trong đời .
Người *chấp* thường chẳng thời phải có,
Không *chấp* thường người đó chẳng không .
Người có *thường kiến* trong lòng
Chẳng nên cho đó là không hoàn toàn ,
Người có tâm ôm mang *thường kiến*
Thời có *ngiệp* làm chuyện ác đây .
Cho nên với ý nghĩa này
Dầu chẳng phải có hoặc rày là không,
Nhưng xét ra quân đồng nhau đó
Nên cũng gọi là có chẳng sai .
Này Đại vương ! Hãy nghe đây .
Xét về sự sống muôn loài *Chúng sanh*
Nhờ hơi thở ra vào là chính
Sống hay chết *quyết định* nơi đây,
Vì làm dứt hơi thở này
Gọi là giết hại không sai chút nào .
Chư Phật thuận trước sau *thế tục*
Nên cũng nói giết hại đó mà .

Nay Đại vương ! Nên xét qua
Sắc uẩn quán sát thật ra vô thường,
 Nhơn hay duyên suy lường bản sắc
 Cũng vô thường chẳng thật trụ dài .
 Từ nhơn duyên vô thường này
 Mà sanh *Sắc uẩn* cho đây là thường
 Vì ý thức lầm sai nhìn nhận
 Đến *Thức ấm* cũng chẳng khác nào.
 Do vô thường nên khổ đau,
 Do “*Khổ*” chẳng có vui nào gọi “*Không*”,
 Do “*Không*” nên tức đồng “*Vô ngã*”,
 Do vô ngã thân giả tạm nương .
 Nếu khổ đời chịu đau thương,
Khổ, không, vô ngã vấn vương làm gì .
 Thời có đâu lấy chi giết hại ?
 Nếu giết hại, giết hại vô thường,
 Sẽ chứng đặng **Niết Bàn** thường,
 Giết hại đau “*Khổ*” đặng thường lạc an,
 Giết hại “*Không*” đặng chân thật vậy,
 Giết “*Vô ngã*” đặng Chơn ngã thường
 Đại vương ! Nếu giết vô thường,

Khổ, không, vô ngã chung đường **Như Lai** .

Phật cũng giết *Khổ, không, vô ngã*

Hay *vô thường* chẳng đọa A Tỳ,

Nay Đại vương bị tội gì ?

Mà tự *quyết định* A Tỳ đọa sa .

Lúc đó, nhà vua A Xà Thế

Đúng theo lời **Phật** dạy vừa qua

Quán sát *sắc ấm* thân ta,

Nhẫn đến *thức ấm* đều là **giả duyên** .

Vua *chứng ngộ* rồi liền bạch **Phật** :

“**Đức Thế Tôn** ! Sự thật rõ ràng

Sắc là *vô thường* hoàn toàn

Nhẫn đến *thức ấm* hợp tan *vô thường* .

Trước kia nếu am tường chu đáo

Thời tôi chẳng hung bạo giết cha .

Thế Tôn ! Tôi từng nghe qua

Chư Phật xứng đáng là cha muôn loài .

Dẫu nghe qua thường ngày như vậy

Nhưng chưa thấy, chưa phải lòng tin .

Nay tôi *quyết định* chính mình

Phật là cha của *Chúng sinh* đời đời”.

Bạch **Thế Tôn** ! Tôi thời nghe nói :
 “Núi *Tu Di* có bốn báu châu
 Hiệp thành cấu kết từ lâu
Lưu ly, vàng, bạc, đủ màu *pha lê*,
 Loài chim nào bay về trú đậu
 Màu chim liền tốt xấu như nhau
 Đồng màu núi chẳng khác màu,
 Dầu nghe như vậy tôi nào có tin”.
 Nay tôi được hòa mình *pháp hội*
 Của **Phật** liền đồng một sắc màu,
 Nghĩa là tôi biết thâm sâu
 Các pháp *vô ngã, khổ, không, vô thường*.
 Như từ hạt *y lan* ươm giống
 Sẽ mọc lên mầm giống *y lan*,
 Chẳng thể lên cây *Chiên đàn*,
 Nhưng nay trái ngược *y lan* mọc mầm
 Cây *Chiên đàn* hương trầm thơm ngát .
 Chính thân tôi là hạt *y lan*,
 Còn tâm tôi cây *Chiên đàn*
Vô căn tín ấy đường hoàn đổi thay.
Vô căn là trước đây chẳng biết

Cung kính **Phật** sự thiệt ra sao .

Chẳng tin *Chánh pháp* cao sâu

Cùng là *Tăng chúng*, rơi vào *vô căn* .

Bạch **Thế Tôn** !

“Nay tôi đặng tinh thần sáng suốt

Là nhờ ơn ngọn đuốc **Như Lai**.

Nếu không sẽ bị *đọa* đày

Nơi *Đại Địa ngục* biết ngày nào ra .

Công đức Phật Hằng sa *vô lượng*,

Trí huệ Phật khó tưởng nghĩ bàn,

Chiếu soi mây muội vệt tan

Tâm *ác phiền não* hàng hàng *Chúng sanh*”.

Đức Phật khen : “Lành thay *hoan hỷ* !

Này *Đại vương* ý nghĩ lành thay !

Nay **Ta** biết nhà vua đây

Chắc chắn có thể chuyển xây thế phàm

Phá hoại tâm *ác tham, phiền não*

Của *Chúng sanh* mê tạo bấy lâu”.

Bạch **Thế Tôn** ! Xin chứng minh !

Như Lai quả quyết lòng tin kẻ này

Về sau nếu tôi đây có thể

Phá hoại tâm ác tặc *Chúng sinh*,
 Dầu tôi có ở ngục hình
 A Tỳ chịu khổ muôn nghìn kiếp qua,
 Để cứu độ *Ta bà* thoát nạn,
 Thật lòng tôi không quản khó khăn .
 Lúc đó, toàn thể quan dân
 Trong và ngoài nước *phát tâm Bồ đề* .
 Nhờ sự đó, bốn bề an lạc,
 Tội của vua giảm bớt nhẹ nhàng .
 Vua *A Xà Thế* hân hoan
 Vui mừng nói với Đại quan *Kỳ Bà*
 Rằng : “Nay ta vượt qua sự chết
 Đặng thân trời *phước* thiệt vui hơn,
 Bỏ *mạng* ngăn đặng *thọ* trường,
 Bỏ thân *huyễn giả* đặng thân *Chơn thường*,
 Làm *Chúng sanh Sáu đường* tin tưởng
 Đồng *phát tâm vô thượng Bồ đề* .
 Chính là đặng thân *mạng* trời,
 Đặng *mạng* trường *thọ* đời đời an khương,
 Đặng *Pháp thân Chơn thường Diệu hữu*,
 Cũng chính là *đệ tử Như Lai*” .

Nói xong nhà vua truyền ngay
 Quan quân đem các báu đài tràng, phan .
 Cùng hương hoa nào giàn kỷ nhạc
 Dâng cúng dường **Đức Phật Thích Ca** .
 Cúng dường xong Vua vui hoà
 Nói kệ tán thán **Phật Đà** sau đây :

*Lời vàng chân thật của **Như Lai**
 Khéo léo từng câu nghĩa chẳng sai
 Tạng pháp rất sâu, sâu chẳng cạn
 Thương đời mê muội đạo hằng khai .*

*Bao nhiêu lời dạy rộng sâu dày
 Vì chúng sanh mê giảng lược bày
 Đầy đủ bao hàm nhiều bổ ích
 Chữa lành mọi bệnh của muôn loài .*

*Nếu có Chúng sanh vô số loài
 Đặng nghe lời dạy **Đức Như Lai**
 Có lòng tin, hoặc không tin vậy,
 Quyết định là lời **Phật** dạy đây .*

*Lời dạy **Thế Tôn** rất dịu dàng
Vì thương bá tánh khổ làm than
Nhiều khi vận dụng lời thô thiển
Đệ nhất nghĩa đây khó luận bàn .*

*Duyên có hôm nay nguyện chẳng sai
Tôi quy y với **Đức Như Lai**
Nhất tâm bình đẳng không thay đổi
Dường thể nước trong biển cả đầy
Đây gọi thế gian đệ nhất nghĩa
Không lời vô nghĩa hại cho ai
Nguyên thể kiếp kiếp vì sanh Chúng
Dù dặt sang bờ giác mộng say.*

***Đức Phật** hôm nay thuyết pháp mầu
Vô vàn trọng yếu lý thâm sâu
Nữ, nam, già, trẻ đều nghe hết
Đồng thấu đệ nhất nghĩa tối cao .*

Không có nhân, không có quả đây

*Không sanh, không diệt tánh **Như Lai**
Niết Bàn tịch tịnh đồng như vậy,
Người trí nghe rồi thức tỉnh ngay .*

Đức Phật từ bi cứu *Chúng sanh*
Thường làm cha mẹ dạy con lành
Thế nên tất cả người ngu, trí
Phải biết tôn nghiêm dạ chí thành.

*Cung kính **Như Lai** không thối chuyển*
*Phụng thờ **Đức Phật** trọn niềm tin*
Nên hư, tốt xấu duy tâm tạo
*Pháp **Phật** khai thông giác hữu tình .*

*Nay tôi đặng thấy **Đức Như Lai***
Ba nghiệp dứt trừ tốt đẹp thay !
Xin thế nguyện đem công đức này
*Hướng về **Phật đạo** vô thượng đây.*

*Tôi nguyện cúng dường **Phật, Pháp, Tăng***
Cầu cho sanh Chúng hưởng hồng ân

*Nguyện đem công đức này hồi hướng
Tam Bảo hằng thường trụ thế gian .*

*Ngày nay chổ nguyện của tôi đây
Lợi ích đồng chia khắp mỗi loài
Đều đặn trí mầu khai thị tánh
Phá tan tham ái kết bao ngày.*

*Ngày trước thiếu tu gặp bạn tà
Tạo gây tội nghiệp nặng sâu xa
Hôm nay trước **Phật** nguyện chừa bỏ
Sám hối răn lòng sửa lại ta .*

*Nguyện cầu cho tất cả nhơn sanh
Đều phát tâm tu **Phật đạo** thành
Chuyên chú sửa lòng siêng nhớ tưởng
Mười phương **Chư Phật** rải ân lành .*

*Lại nguyện cầu cho hết Chúng sinh
Vô minh vệt phá đặn Chơn minh
Quán thông **Phật tánh** tâm vương chủ*

Như Đức Văn Thù ngộ các kinh .

Đức Phật khen vua *A Xà Thế* !

“Thật lành thay ! *Nguyện* thế lành thay !

Nếu có người trong hội này

Phát tâm vô thượng không thay đổi lòng

Phải biết người có *công đức* lớn

Tự *trang nghiêm* **Chư Phật** mười phương

Cùng *Đại chúng* thật khôn lường

Là *A Xà Thế* Quốc vương hiện giờ.

Này *Đại vương* ! Thuở xưa kiếp trước

Nhà vua sanh tại nước lớn thì

Quốc hiệu là **Tỳ Bà Thi**

Đã *phát tâm nguyện quy y* **Phật Đà**

Kể từ đó trải qua kiếp số

Chưa từng bị vào chỗ tù đày

Nên biết *tâm Bồ đề* này

Có *vô lượng quả* lành thay khó bàn”.

Nay *Đại vương* ! Hoàn toàn *giác ngộ*

Phải tự tu tự độ lấy mình,

Rồi sau cứu độ *Chúng sinh*,

Thường siêng *Phạm hạnh* giữ gìn sạch trong,
Tâm Bồ đề cố công thành đạt,
Sẽ tiêu trừ tội ác sâu xa.
Vua *A Xà Thế* nghe qua
Cúi đầu ưng thuận, cùng là quan dân
Đồng đi *nhiều Phật thân* lần cuối
Lễ tạ từ trở lại triều cung .

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)**



(Lưu ý: Riêng *Phẩm Thiên Hạnh* đã nói trong *kinh Tạp Hoa*)

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

PHẨM “ANH NHI HẠNH”

Thứ Hai Mười Một

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



PHẨM “ANH NHI HẠNH”

(Thứ Hai Mười Một)

Đức Phật bảo **Ca Diếp Bồ Tát** :

“Thế nào gọi là *Hạnh Anh Nhi* ?

Này *Thiện nam tử* nhớ ghi !

Chẳng thể đứng dậy hay đi một mình,

Mắt chỉ nhìn lặng thính chẳng nói

Đây là *hạnh Phật* gọi *Anh Nhi* .

Cũng vậy, **Đức Phật** *từ bi*

Chẳng thể khởi dậy lưới *nghi* trong lòng .

Vì **Như Lai** trọn không *niệm* khởi

Các *pháp tướng* sanh bởi *vô thường* .

Mà cũng chẳng thể đứng dừng,

Vì chẳng *chấp trước* pháp thường Chánh chân.

Chẳng thể đến vì thân **Đức Phật**

Không lay động sự thật chẳng *nghi* .

Cũng chẳng thể nào bước đi

Vì **Phật** đã đến *vô vi* **Niết Bàn** .
Chẳng hề nói hoàn toàn chẳng nói,
Đức Phật dầu có nói *pháp* khai
Giác ngộ Chúng sanh muôn loài,
Nhưng không chỗ nói thực rày là không .
Có chỗ nói thì không được gọi
Là *vô vi* mà gọi *hữu vi* .
Do đây nên không nói chi,
Lại không ngôn ngữ nói gì xưng danh,
Như **Anh Nhi** chưa rành ngôn ngữ,
Dầu cho có ngôn ngữ thật ra,
Không ngôn ngữ đó chính là
Mật ngữ của **Chư Phật** **Đà** *mười phương*,
Dầu có nói hay thường giảng thuyết,
Nhưng *Chúng sanh* hiểu biết ít nào
Về *pháp vô vi* nhiệm mầu,
Gọi không ngôn ngữ, làm sao phổ truyền.
Như **Anh Nhi** gọi tên đồ vật
Mà chưa hề sự thật thấy qua,
Nhưng như nơi đây dần dà
Đặng biết đồ vật nhận ra từ từ .
Cũng vậy, như loài người đủ loại,

Khác *quốc độ*, ngôn ngữ bất đồng .

Chư Phật *quán sát* đực, trong
Thuận theo tiếng nói phổ thông trình bày
Cũng làm cho các loài ý thức
Nhơn nơi đó lần lượt ngộ liên .

Lại *Anh Nhi* dần lớn lên
Nói được chữ cái đầu tiên như là :
Kêu gọi Ba hoặc Bà hay Mẹ
Những tiếng nói bập bẹ lần đầu .

Cũng vậy, **Thế Tôn** khác nào
Cũng nói chữ cái “**Bà**”, “*Hòa*” như y .
“*Bà*” nghĩa là *vô vi xuất thế*,
“*Hoà*” nghĩa là *pháp đế hữu vi* .

Do đó gọi là *Anh Nhi*
Những câu như vậy ... giác tri nhiệm mầu .
“*Hoà*” nghĩa là tối cao *vô thượng*,
“*Bà*” là *thường, thiệt tướng Như Lai* .

Thế Tôn nói “*Thường*” thuyết bày
Chúng sanh nghe lấy tâm hay *sở cầu*
Pháp *thường* còn cao sâu *tu tập*
Mà dứt bỏ các pháp *vô thường* .

Lại *Anh Nhi* chẳng ghét thương,

Chẳng biết vui sướng, vấn vương khổ sầu,
 Cũng chẳng nghĩ đêm thâu, hừng sáng,
 Hoặc cha mẹ, bè bạn .v.v...

Cũng vậy, bậc *Đại Thánh Nhân*

Hay **Đại Bồ Tát** xả thân cứu đời,

Vì sanh Chúng loài người nhiều hạng

Mà không tiếc sanh mạng của mình,

Đoái màng vui khổ, nhục vinh,

Ghét thương, khinh trọng mặc tình thế gian,

Tâm *bình đẳng* hèn sang chia sẻ,

Nên không có cha mẹ thân sơ .

Lại *Anh Nhi* chẳng bao giờ

Tạo tác những việc lớn cơ, nhỏ mà .

Cũng vậy, **Bồ Tát Ma Ha Tát**

Chẳng tạo *ngiệp* sanh tử *luân hồi*,

Chẳng làm việc lớn trong đời

Tức tội *ngũ nghịch* không thời phạm sai .

Việc nhỏ tức *tâm* này chẳng muốn

Chỗ *tu hành* ưa chuộng *Thanh văn* .

Bồ Tát trọn chẳng *thối tâm*

Bồ đề đạo bỏ, *Thanh văn* tu cầu

Lại *Anh Nhi* thét gào la khóc,

Cha mẹ liền lấy lá dương vàng
 Bảo rằng : Nín đi con ngoan !
 Đừng đừng khóc nữa đây vàng cho con .
Anh Nhi nhìn mở tròn đôi mắt
 Thấy lá dương tưởng thật là vàng
 Nên nó không còn khóc vang
 Cầm lá dương nọ hồn nhiên vui cười,
 Đem trâu gõ hay thời ngựa gõ
 Hoặc người gõ mẹ dỗ nín ngay.
 Giả thật chẳng biết, chẳng hay,
 Nhưng không la khóc *hạnh* này *Anh Nhi*.
Đức Như Lai từ bi lập đạo .
 Nếu có người muốn tạo ác gian
Phật trí quán thấy khuyên can
 Dạy về *nhân quả* vỗ an lòng người .
 Lại thuyết về cõi trời *Đao Lợi*
 Hưởng *phước* lành *tự tại* an vui
Chúng sanh đó nghe qua rồi
 Khởi lòng ưa thích *ác* đời dừng ngay,
 Kể từ đó ngày ngày *tu* luyện
 Thật hành những điều thiện giới trai .

Nhưng thiệt ra cõi trời này
 Vẫn còn *sinh tử* chuyển xây *luân hồi* .
 Lại như có những người nhàm chán
Khổ sanh tử hoạn nạn kéo dài,
Đức Như Lai vì hạng này
 Thuyết về *hạnh quả* của đây *Nhị thừa*,
 Nhưng thiệt ra cũng chưa rốt ráo
 Vì còn lỗi *lục đạo* chán nhàm,
Tham vui *quả vị* **Niết Bàn**
 Bèn cho tự biết rõ ràng hơn ai,
 Có dứt hoặc cùng đây chẳng dứt,
 Có *chơn* thật cũng chẳng thật *chơn*,
 Có *tu* cùng chẳng *tu* thường,
 Có *chứng* cùng chẳng *chứng* *chơn đạo* mầu .
 Như *Anh Nhi* đối đầu với vật
 Chẳng phải vàng tưởng thật là vàng .
 Cũng vậy, **Như Lai** khó bàn
 Ở trong *bất tịnh* cho rằng *tịnh* thanh,
 Vì từ lâu **Phật** thành *xuất thế*
 Chứng *đệ nhất nghĩa* để không hai .
 Nên **Thế Tôn ! Đức Như Lai !**

Không có *hư vọng* thuyết bày lầm sai .
Như *Anh Nhi* hằng ngày mẹ dỗ
Nào ngựa gỗ, trâu gỗ, lá dương ...
Mà tưởng là thật vui mừng
Dầu dương la khóc bỗng đứng giỡn cười .
Nếu có người ở nơi **phi đạo**
Mà tưởng là chân đạo thật thà,
Như Lai *thuyết pháp* ôn hoà
Nói về *phi đạo* cũng là đạo tông,
Nơi *phi đạo* thật không có đạo
Phật *từ bi* muốn tạo *nhơn duyên*
Sanh ra *đạo* ở kiếp hiền
Nên nói *phi đạo* không phiền với ai .
Như *Anh Nhi* ngày ngày đùa giỡn
Với người gỗ mà tưởng thật người .
Cũng vậy, *Phật* *nhãn sáng* ngời
Quán thấy chẳng phải đây thời *Chúng sanh*
Mà nói *tướng Chúng sanh vô lượng*,
Nhưng thiệt không có *tướng Chúng sanh* .
Nếu **Phật** nói không *Chúng sanh*
Thời là tất cả *Chúng sanh* sa vào

Những *tà kiến* đào sâu chông chất

Sẽ vùi chôn **tánh Phật** lấp đầy .

Do đây nên **Đức Như Lai**

Nói có tất cả muôn loài *Chúng sanh*,

Những người đối *Chúng sanh* lầm tưởng

Là *Chúng sanh* xu hướng khoe khoang,

Thời không thể nào phá tan

Các *tướng* sanh Chúng thế gian đạt thành .

Nếu ở nơi *Chúng sanh* phá đặng

Tướng Chúng sanh chắc chắn danh vang

Người này *chứng Đại Niết Bàn*

Nên không còn cảnh khóc than kêu gào .

Đây mới gọi là *Anh Nhi Hạnh*

Đứng đầu trên vạn *Hạnh* không hai .

Này *Thiện nam tử* ! Nghe đây .

Nếu có nam, nữ hiện nay sau này,

Thường *thọ trì* hoặc hay đọc tụng

Hoặc thơ tả, giải đúng nghĩa bày

Năm Hạnh này chẳng hề sai

Nên biết người đó tương lai, đời này

Quyết định sẽ được đây *năm hạnh*

Đại Bồ Tát bậc *Thánh* siêu quần.

Ca Diếp Bồ Tát bạch rằng :

“**Thế Tôn !** Vì Chúng pháp chân thuyết bày .

Đúng như chỗ tôi đây hiểu thấy

Y cứ theo lời dạy **Như Lai**

Thời tôi cũng *quyết định* đây

Sẽ đặng *năm hạnh* đủ đầy liễu viên”.

Đức Phật bảo : “Này *Thiện nam tử !*

Chẳng riêng gì chỉ có ông đây,

Nay hiện trong *pháp hội* này

Chín mươi ba muôn người nay cũng đồng

Được *năm hạnh* như ông không khác

Đều là **Đại Bồ Tát** bổ sanh”.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** (3 lần)



(Hết Phần I)

LỄ XÁ-LỢI BẢO THÁP ĐẠI THỌ BỒ ĐỀ



Con xin lễ bái các phần

Bảo Tháp, Xá Lợi, Kim Thân Phật Đà

Bồ đề khắp cõi Sa bà

Nhất tâm thành kính hương hoa cúng dường

(Đọc ba lần, một lạy)

Trước **Xá Lợi** ân lành cao cả,

Trên bửu đài rạng tỏa linh vân.

Đèn hoa tinh khiết hương trầm

Đê đầu chiêm bái Pháp thân Cha lành,

Đức Thích Tôn viên thành **Phật** quả.

Bốn lăm năm hoằng hóa đạo mầu,

Nắng mưa hạ lạp dãi dầu,

Từ bi quảng đại sá đâu dậm trình.

Thương ba cõi hữu tình khổ nạn,

Ngàn năm sau còn cảm hồng ân.

Nghiêm tôn *Thượng Sĩ* xuất trần,

Đàm hoa ái truyết diệu âm thường còn.

Xét huyễn thể hơi mòn sức kiệt,

Lẽ hoại thành sinh diệt tự nhiên.
 Đạo vàng tương tục giáo truyền,
 Thánh như bốn quả nhân thiên đã nhiều.
 Bạc hữu học giới điều nghiêm cẩn,
 Hàng tại gia sung mãn tín tâm.
 Ngàn sau dòng pháp chuyển luân,
Tam Bảo trụ thế viên âm bảo tồn.
 Vườn Sa La **Từ Tôn** viên tịch,
 Ngọc **Xá Lợi** di tích thế gian.
 Bảy đoạn xương lớn rở rang,
 Xương trán, răng nhọn, thêm phần xương vai.
 Lửa Tam muội hỏa đài tự cháy,
 Không hoại tan quả thấy nhiệm mầu.
 Uy linh **Xá Lợi** đủ màu,
 Chia ra ba cỡ khác nhau cân lường.
 Chừng năm cân lớn bằng hạt đậu,
 Ánh chiếu ngời huỳnh ngọc kim cương.
 Cỡ hai đồng dạng lạ thường,
 Lớn bằng hạt thóc ước chừng sáu cân.
 Pha lê sắc trong ngần tôn quý,
 Dầu đem so phẩm thúy nào bằng.
 Cỡ ba hột cải trắng ngần,

Tựa như ngọc điệp năm cân đong lường.
 Kể từ đó bốn phương pháp hội,
 Tháp bảo đặng khắp cõi Diêm Phù.
 Thánh tích tôn trí bốn châu,
 Chư Thiên nhân loại ngưỡng cầu cung nghinh.
 Cõi Phạm Đế nghiêm minh sùng bái,
 Chúa Long Cung quỳ lạy dâng hương.
 Trân châu, mã não thiết đường,
 Kim ngân châu báu diệu trần Hằng sa.
 Ánh Đạo vàng bảo tòa bất diệt,
 Đèn vô dư mật độ chiếu soi.
 Công Vua **A Dục** rạng ngời,
 Tạo muôn tôn tháp vạn đời di lưu.
 Ngọc **Xá Lợi** nhiệm mầu pháp tánh,
 Xương **Phật Đà** hiển thánh uy linh.
 Xót thương khổ hải hữu tình,
 Hóa thuyền cứu độ chúng sinh quay về.
 Gieo hạt giống Bồ đề ưu việt,
 Quả mai sau thanh khiết trần tâm.
 Tuệ tri thấy rõ mê lầm,
 Ba đào sóng lặng tham, sân xả lìa.
 Hương tịnh giới Ta bà nghi ngút,

Trầm tín tu thơm ngát mười phương.
Chúng con chiêm bái cúng dường,
Trăng sao phạm hạnh tứ vương chứng hầu.
Thờ **Xá Lợi** ngưỡng cầu công đức,
Xin vô ngôn chân thực hiển bày.
Pháp thân **Từ Phụ Như Lai**,
Hộ trì đệ tử đủ đầy phước duyên.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phạt (3 lần)**



MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH



Trí vô thượng thình thình rộng lớn
Sáng trong ngần, chẳng bợn mảy trần,
Làu làu một tánh Thiên chân
Bao trùm muôn loại chẳng phân Thánh phàm,
Chân tâm vốn lặng trang sáng suốt,
Cõi bờ kia một bước đến ngay,
Trọn lòng đầy đủ xưa nay,
Công thành quả chứng tỏ bày đích đang,
Hàng **Bồ Tát** danh **Quán Tự Tại**,
Khi tham thiền vô ngại ngoài trong,
Thẳng vào trí huệ mở thông,
Soi thấy năm uẩn đều không có gì,
Nên tất cả không chi khổ ách,
Trong thức tâm hiện cảnh sắc ra,
Sắc không chung ở một nhà,
Không chẳng khác sắc, sắc nào khác không.
Sắc tướng đây cũng đồng không tướng,

Không tướng y như tướng sắc kia;
Thọ, tưởng, hành, thức phân chia
Cũng lại như vậy qui về chơn không
Bởi thiệt tướng Như Ông sẵn có,
Các pháp kia thấy rõ trống trơn,
Chẳng sanh, chẳng diệt thường chơn,
Chẳng thanh, chẳng trước, chẳng tăng, giảm nào.
Do nghĩa đó trùm bao tam giới,
Sáng tột cùng không ngại, không ngăn,
Vốn không Ngũ uẩn ấm thân
Sáu căn chẳng có, Sáu trần cũng không,
Thấy rỗng không ngoài trong Pháp giới,
Biết hoàn toàn thấu tới Pháp không,
Tánh không sáng suốt viên thông
Vô minh chẳng có, huệ lòng sáng ra,
Vẫn không có sanh, già, bệnh, tử,
Nên chẳng còn gìn giữ chấp câu.
Tứ đế cũng chẳng có đâu,
Chỉ là phương tiện khác nào lối đi.
Vô sở đắc đoạn ly tất cả,
Tánh pháp kia đều xả Nhị nguyên

Tịnh lòng trí huệ hiển nhiên,
Bờ kia mau đến Tam thiên ngại gì
Vô quái ngại sợ chi não chướng,
Tức xa lìa mộng tưởng đảo điên,
Tâm chơn rốt ráo liễu viên
Niết bàn chứng đắc, chơn nguyên hoàn toàn.

Tam Thế Phật, y đàn **Bát Nhã**,
Đáo Bồ Đề chứng quả chánh chơn,
Cho hay **Bát Nhã** là hơn,
Pháp môn tối thắng, cỡi chơn mau về.
Thiệt thân chú phá mê hiệu lực,
Thiệt thân chú đúng mực quang minh,
Ấy Chú tối thượng oai linh,
Ấy Chú vô đẳng thình thình oai thần,
Trừ tất cả nguyên nhân các khổ,
Thức tỉnh lòng giác ngộ vô sự,
Thiên nhiên chơn thiệt bất hư,
Ấn lam Thần Chú chơn như thuyết rằng:

• **Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế,
bồ đề tát bà ha (3 lần)**



NGUYỄN VÃNG SANH



Con nay xin phát lòng lành
Quy y theo **Phật**, tử sanh chẳng màng
Cầu nguyện về cõi Lạc Bang
Nghiệp duyên trần thế trái oan không còn
Một đời tròn giữ sắt son
Thủy chung chặt dạ làm con Di Đà
Lời thề **Đức Phật** sâu xa
Nguyện tu để sớm thoát ra Tam đồ
Hạnh tin con quyết điểm tô
Sớm chiều Lục Tự, Nam Mô thường hằng
Mòn tiêu lỗi ý, khẩu, thân
Không còn vọng móng lăng xăng Sáu đường
Thấu nơi các pháp chơn thường
Qui về giác tánh chẳng vương nhiễm trần
Trong thì hàng phục Lục Căn
Ngoài nương thế tục đoạn lần sắc thính
Bản thể soi chiếu quang minh
Dụng chơn trí huệ, mê tình xua tan

Mong cầu **Vô Lượng Thọ Quang**
Nhiếp Tâm **Thọ Ký Tây Phương** chóng vào
Lời thề như một trước sau
Dù cho biển cạn không xao xuyên lòng
Sắc không, không sắc, sắc không
Xưa nay **Phật**, Chúng vẫn đồng như nhau
Đây đàng **Tịnh Độ** nêu cao
Tín tin như nhứt, nguyện vào An Cư .

• **Nam Mô A Di Đà Phật** (3 lần)



Vãng Sanh Quyết Định Chơn Ngôn



**Nam mô a di đa bà dạ,
Đa tha dà đa dạ, đa diệt dạ tha,
A di rị đô bà tỳ,
A di rị đa tất đam bà tỳ,
A di rị đa tỳ ca lan đế,
A di rị đa tỳ ca lan đa,
Dà di nị dà dà na,
Chỉ đa ca lệ Ta bà ha. (3 lần)**

Phục Nguyên

Nhân ngày Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Niết Bàn

15 tháng 02 âm lịch theo Phật giáo Bắc truyền.

Chúng con là những **Phật Tử** tại gia, giác ngộ qua giáo điều **Đức Phật** chỉ dạy. Hằng ngày nguyện vun trồng cội phúc, gội rửa tâm lòng bớt lần những thói hư tật xấu đã tiêm nhiễm trong cõi đời không ít.

Hôm nay chúng con qui ngưỡng **Tam Bảo** ứng nguyện thiết lễ cúng dường **Chư Phật, Bồ Tát, Thánh Chúng, Tổ Thầy**. Nhân ngày **Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** thường trụ **Đại Niết Bàn**.

Trong phạm vi gia đình **Phật Tử** cúi mong **Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** cùng mười phương **Chư Phật, Bồ Tát, Thánh Chúng** nhủ lòng hoan hỷ chứng minh.

Chúng con nguyện trọn đời tu học noi theo đại nguyện của **Đức Phật** vì lợi ích tha nhân không ngại đường sanh tử .

Kính lay **Đức Phật Thích Ca Mâu Ni** nhiếp tâm thọ ký cho chúng con kiếp này được viên mãn thành tựu như nguyện.

Tất cả mọi công đức chúng con đã thể hiện nguyện hồi hướng Pháp giới chúng sanh chư tai tiêu ách, xa rời bát nạn lục đạo luân hồi, nhất tâm niệm **Phật** siêu sanh **Cực Lạc**.

Đồng cầu nguyện chư hương linh Cửu Huyền Thất Tổ, ông bà, cha mẹ, lục thân quyến thuộc của chúng con trong nhiều đời kiếp hoặc hiện kiếp đã quá vãng ... Nhờ ân **Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** phóng Đại Quang Minh cứu độ các thức thần thoát chốn mê đồ vãng sanh **Tịnh Độ**.

Đồng cầu nguyện cho gia đình Phật Tử hiện có mặt trong buổi lễ cúng dường nhân ngày **Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** thường trụ **Đại Niết Bàn**. Ngưỡng cầu hồng ân **Chư Phật** mười phương cùng oai thần lực **Đức Từ Phụ Bốn Sư** nhủ lòng lân mẫn **Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả** ban bố phước lành thân không tật bệnh, tâm thường an lạc, giác ngộ tu hành trong thời Mạt pháp vượt qua mọi chướng ngại sớm được **Đức Phật** khai ngộ chân tánh dắt dìu đến bờ an lạc giải thoát.

Đồng cầu nguyện đất nước Việt Nam thanh bình cọng lạc, năm châu dứt hẳn binh biến, giảm

bớt thiên tai, người người sống trong niềm vui hạnh phúc giác ngộ.

Chúng con đồng kính lạy!

- **Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)

- **Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, Đại Từ, Đại Bi A Di Đà Phật.** (3 lần)

- **Nam Mô Long Hoa Giáo Chủ Đương Lai Hạ Sanh Di Lạc Tôn Phật.** (3 lần)

- **Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.**

- **Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát.**

- **Nam Mô Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.**

- **Nam Mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát.**

- **Nam Mô Chuẩn Đề Vương Bồ Tát.**

- **Nam Mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát.**

- **Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.**

- **Nam Mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo .**



HỒI HƯỚNG



Con xin hồi hướng đức công
Cửu Huyền Thất Tổ thoát vòng trầm luân
Vây Lạc Quốc pháp thân an hưởng
Chốn Liên Hoa đức chưởng cao dày
Mẹ Cha hiện thế ngày ngày
Thọ hành Lục Tự nần tai không còn
Sống thiện phúc mót bồn công quả
Thác đồng cư thai hoá sen vàng
Dự ngôi Bất Thối Từ Hàng
Xứng danh Bồ Tát Đạo Tràng trang nghiêm
Cầu bốn loại giác tìm **Tịnh Độ**
Sớm xa lìa nạn khổ thế gian
Nướng vào ánh sáng hào quang
Di Đà oai lực chẳng bàn ngại ngại
Mười phương nhiếp thọ trì tâm lực
Vô Lượng Thọ uy đức khôn bì

Vững lòng như đá tu trì
Trọn đời chánh niệm phản qui **Liên Đài**
Niềm tin giữ không thay đổi nguyện
Hạnh tròn gìn tâm tiến chẳng phai
Mong rằng bá tánh đời nay
Phát tâm dũng mãnh giới trai thuần lòng
Niệm **Phật** đấng **Nhơn Ông** Tự Tánh
Chỉ một đời cứu cánh **Niết Bàn**
Hướng về nơi cõi Lạc Bang
A Di thọ nhiếp đồng vang niệm cầu .

• **Nam Mô A Di Đà Phật** (3 lần)



TAM QUY Y



**Tự qui y Phật: Lấy tâm làm chủ
Phá não phiền hội đủ kế cơ
Nường theo Tâm Định phụng thờ
Huệ lòng khai mở qua bờ giác sang .**

o0o

**Tự qui y Pháp: Dụng trí làm đầu
Trí là vô thượng nhiệm mầu cao siêu
Nường trí huệ thấu điều Phật dạy
Rành lý chơn diễn giải rõ ràng .**

o0o

**Tự qui y Tăng: Lấy thân tịnh giới
Luôn luôn làm ích lợi chúng sinh
Tự mình kiểm soát lấy mình
Xa rời thế tục quang minh Tăng già .**

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)**

THÍCH NGHĨA

(QUYỂN 3 : Từ PHẨM “PHẠM HẠNH”, thứ 20 đến
PHẨM “ANH NHI HẠNH”, thứ 21)

- **Chú thích:**

1/. Các hình thức chữ in trong phần Chánh Kinh.

* Từ in **đậm**: dùng Tôn xưng Phật, Bồ Tát, tên các bộ kinh điển Đại thừa, các danh từ riêng và các danh hiệu Phật.

* Từ in **đậm**, *ngghiêng*: Từ mới, được thích nghĩa trong quyển này.

* Từ in *ngghiêng*: Từ đã được thích nghĩa trong các phần trước và các quyển trước.

2/. Phụ lục A,B,C ... trong phần Thích Nghĩa.

• Vần A trang 506	• Vần O trang 555
• Vần B trang 509	• Vần P trang 556
• Vần C trang 515	• Vần Q trang 560
• Vần D trang 521	• Vần S trang 562
• Vần Đ trang 523	• Vần T trang 567
• Vần G trang 527	• Vần U trang 591
• Vần H trang 530	• Vần Ư trang 593
• Vần K trang 534	• Vần V trang 597
• Vần L trang 537	• Vần X trang 603
• Vần M trang 542	• Vần Y trang 606
• Vần N trang 545	

A

* **A-Ba-Đà-Na kinh** : Phạn: *Avadāna*. Hán dịch: *Thí dụ, Xuất diệu, Giải ngữ*. Gọi tắt: *Bà-Đà*.

- *A-Ba-Đà-Na kinh* là thể loại kinh dùng phương pháp thí dụ, ngụ ngôn để nói về giáo nghĩa cực kỳ sâu xa mâu nhiệm; 1 trong 12 thể loại kinh.

* **A Dật Đa** : Phạn: *Ajita*. Hán dịch: *Vô Thắng, Vô Năng Thắng, Vô Tam Độc*. Còn gọi: *A-thị-đa, A-di-đa*. *A Dật Đa* là một vị đệ tử của Đức Phật lập chí đời sau sẽ thành Chuyển Luân Vương tên là Nhưông Khư (Phạn: *Samkha, Loa*). Bài kệ tựa phẩm *Bỉ Ngạn Đạo* (*Pārāyana-vagga*) của Kinh Tập (*Sutta-nipāta*) trong Đại Tạng Kinh Pàli nêu cả hai tên *A-thị-đa* và Đế-tu Di Lặc (*Tissametteyya*) và cũng nêu cả hai kinh: Kinh *A-thị-đa Vấn* (*Ajitamānavapucchā*) và Kinh *Đế tu Di Lặc Vấn* (*Tissametteyyamānavapucchā*).

Theo *Kinh Thuyết Bản* trong *Trung A-Hàm 13* và *Kinh Hiền Ngu 12*, tôn giả *A-di-đa*, ở đời vị lai sâu xa, khi con người sống 80.000 tuổi, nguyện thành Chuyển Luân Vương tên là *Loa*. Tôn giả *Di Lặc* cũng ở đời vị lai lâu xa, khi con người sống 80,000 tuổi, nguyện thành Phật hiệu là *Di-Lặc Như Lai*.

* **A Kỳ Đa Xúy Xá Khâm Bà La** : Phạn: *Ajitakésakambala*. Hán dịch: *Vô Thắng Phát Hạt*. Còn gọi: *A-thị-đa-kê-xá-cam-bạt-la, A-chi-la-sí-xá-cam-bà-la, A-di-đa-sí-xá-hân-bà-la, A-phù-đa-sí-xá-kim-phi-la, Kê-xá-kim-pha-lê*. Gọi tắt: *A-kì-đa*.

Một trong 6 phái ngoại đạo, hay 1 trong 10 phái ngoại đạo ở Ấn Độ thời cổ. Vào thời Đức Thích Tôn, đây là một phái có rất nhiều thế lực trong *Bà-la-môn giáo* ở Trung Ấn Độ.

Theo *kinh Đại Bát Niết Bàn, kinh Sa Môn Quả* trong *Trường A Hàm 17, kinh Sa Môn Quả* trong *Trường Bộ Pàli*, phái ngoại đạo này chủ trương *Tâm vật nhị nguyên* đều trở về với đoạn diệt, phủ nhận có thiện ác, họa phước, nhân duyên, quả báo, quá khứ, vị lai .v.v... mà chỉ tận

hưởng khoái lạc ở đời hiện tại, cũng tức là *Đoạn diệt luận, Duy vật luận, Cảm giác luận, Khoái lạc thuyết* của ngoại đạo *Thuận Thế*.

- Theo *Duy-ma Kinh Lược Số 4, Duy-ma Kinh Chú 3, Hi Lân Âm Nghĩa 9*, đây là một trong những phái ngoại đạo khổ hạnh, chủ trương đời này chịu khổ là cái nhân sung sướng của đời sau, cho nên người của phái này chỉ mặc áo rách, xõa tóc, phơi mình ngoài nắng làm mọi thứ khổ hạnh.

* **Anh Nhi** : Dụ cho người, trời, Tiểu thừa. Bồ Tát lấy tâm từ bi thị hiện các hạnh thiện đồng với người, trời, Thanh văn, Duyên giác.

* **Ác** : Phạn: *Pāpa*. Còn gọi: *Bất thiện* (Phạn: *Akūsala*). Ác là pháp bất thiện chiêu cảm quả khổ, đáng chê trách, tức là sự tạo tác của tư tưởng ác. Tính chất của ác bao quát những sự trái lý, trái phép, tổn mình hại người, tương ứng với các phiền não tham, sân làm chướng ngại Thánh đạo, là 1 trong 3 tính: Thiện, ác và vô ký.

* **Ác Duyên** : Cơ duyên xấu. Những sự ở ngoài có liên lạc với mình, dẫn dụ mình làm điều tà ác, phạm tội lỗi, gọi là ác duyên như nữ sắc, tiền bạc là những ác duyên dễ khiến nhà tu hành thối thất đối với đường đạo đức. Trái với thiện duyên là cảnh ngộ tốt, như vật lành để nâng chí mình về sự tu học.

* **Ác Kiến** : Phạn: *Mithiā-drsti*. Còn gọi: *Bất chính kiến*. Gọi tắt: *Kiến*.

Kiến giải tà ác, cũng là kiến giải trái với chân lý Phật giáo, 1 trong 100 pháp do *tông Pháp Tướng* thành lập, 1 trong 6 thứ phiền não. Theo *Luận Thành Duy Thức 6*, *Ác kiến* lấy nhiễm huệ làm tính, chướng ngại kiến giải thiện; người ác kiến hay chịu nhiều nỗi khổ.

Ác kiến đồng với kiến *Tùy miên* (*Drsty-anusaya*) trong 6 tùy miên, đồng nghĩa với *kiến trước* trong 5 trước của *Luận Câu-Xá*.

Căn cứ vào sự sai biệt của hành tướng mà chia ác kiến ra làm 5 thứ: *Tát-ca-da kiến, Biên chấp kiến, Tà kiến, Kiến thủ kiến, Giới cấm thủ kiến*, nên ác kiến còn gọi là *Ngũ ác kiến*.

* **Ác Tri Thức** : Phạn: *Pāpa-mitra*. Còn gọi: *Ác hữu, Ác sư, Ác sư hữu*. Đối lại: *Thiện tri thức*.

Ác tri thức là kẻ chuyên giảng nói pháp ác, pháp tà, làm cho người khác rơi vào ma đạo.

Theo *Phẩm Thí Dụ, Kinh Pháp Hoa*; đối với người đã bỏ ác tri thức, gần gũi thiện tri thức thì mới nên thuyết pháp cho họ nghe.

Theo *Kinh Đại Niết Bàn*, Đại Bồ Tát đối với đàn voi dữ, không sinh tâm kinh hãi, nhưng đối với ác tri thức thì sinh tâm lo sợ.

Kinh Thiện Sinh trong *Trường A Hàm 11*, nêu ra 6 hạng bạn xấu: Nói điều lừa dối, thích ở chỗ kín, dụ dỗ người khác, mưu đoạt tài sản của người, mưu lợi cho riêng mình, ưa chỉ trích khuyết điểm của người và nêu ra 4 trường hợp gần gũi bạn xấu: Làm bạn trong lúc uống rượu, làm bạn trong khi đánh bạc, làm bạn trong lúc dâm dục, làm bạn trong khi ca múa.

Trong *Tán Thiện Nghĩa, Quán Kinh Sớ*, ngài *Thiện Đạo* nêu ra: Bạn xấu là người giả dối tạp độc; tức là người dị học, dị kiến, biệt giải, biệt hành, làm tổn hại chỉ thú vãng sinh của môn Tịnh Độ.

* **Ái Hành Kiến Hành** : Cũng gọi là *Ái hạnh Kiến hành*. Đây là hai trường hợp nói về căn tánh của con người.

- *Ái hành* là thuận theo lời chỉ dạy của người khác mà hành động. Ái hành là ý niệm ưa thích, tham dục thuộc về ác, rất xao động, nhưng không làm đoạn dứt thiện căn. Ái hành là một loại phiền não, gọi là Ái hoặc. Theo nghĩa rộng, Ái hoặc và Ái hành cũng có thể dùng thay lẫn nhau.

- *Kiến hành*: Không thích nghe theo ý kiến của người khác, chỉ y vào kiến giải của mình mà hành động. Kiến hành là ý niệm tham dục thuộc về ác, rất sâu dày, có thể đoạn thiện căn. Kiến hành cũng là một loại phiền não, gọi là Kiến hoặc. Kiến hành là tiếng gọi tổng quát của 5 kiến, 62 kiến hay 95 kiến. Theo nghĩa rộng, Kiến hoặc và Kiến hành cũng có thể dùng thay lẫn nhau.

Kiến hành thuộc về phiền não do mê lý. Ái hành thuộc về phiền não do mê sự.



B

* **Bác Xoa (Hà)** : Còn gọi: Phạ-sô hà (Phạn: Vaksu, Vanksu), Bà-sai hà, Ba-du hà. Đây là con sông bắt nguồn từ Tây Bắc núi Hindu (Hưng-đô-khố-thập), chảy qua vùng Trung Á rồi đổ vào Hàm Hải (Arah-sea). Ngày xưa Trung Quốc gọi sông này là Quỷ Thủy hoặc Ô Hử.

* **Bát giải thoát (Tám Phần Giải Thoát, Tám Môn Giải Thoát)**: Phạn: *Astau vimokṣāḥ*. Còn gọi: *Bát bối xả, Bát duy vô, Bát duy vụ*.

Bát giải thoát là tám định lực giúp hành giả liả bỏ tham dục của cõi Sắc và Vô Sắc. Tám định lực này là:

1. Trong có tưởng về sắc dục, ngoài quán các sắc để giải thoát.
2. Trong không có tưởng về sắc dục, ngoài quán sắc để giải thoát.
3. Thân thanh tịnh giải thoát chứng Cự túc trụ.
4. Vượt các sắc tưởng diệt hữu đối tưởng, không suy nghĩ mọi cái tưởng, nhập vào Không vô biên xứ, an trụ đầy đủ giải thoát.
5. Vượt tất cả Không vô biên xứ, nhập Thức vô biên xứ, an trụ đầy đủ giải thoát.
6. Vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, nhập vào Vô sở hữu xứ, an trụ đầy đủ giải thoát.
7. Vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, an trụ đầy đủ giải thoát.
8. Vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhập vào tưởng thụ diệt, thân tác chứng trọn vẹn, an trụ tròn đầy giải thoát.

Trong đây, điều 1 và 2 nương theo Sơ thiền và đệ nhị thiền, trị được tham đối với hiển sắc; điều 3 nương theo đệ tứ thiền tu quán tịnh, đều lấy vô tham làm tự tính; từ điều thứ tư cho đến điều thứ bảy, y theo thứ lớp, lấy định, thiện của tứ vô sắc làm tự tính; điều thứ tám nương theo Hữu đẳng địa, lấy tâm diệt hữu sở duyên làm tự tính.

Điều 1 và điều 2, mỗi điều chia làm 2; điều thứ ba chia làm 4, hợp lại gọi là **Bát Thắng xứ**.

* **Bát Pháp thế gian (Tám Pháp Trần)** : Tám pháp ở thế gian: Lợi, Không có lợi, Có tiếng tăm, Không có tiếng tăm, Bàn luận việc phải trái, Không có bàn luận việc phải trái, Khổ, Vui.

* **Bát Thắng xứ** : Phạn: *Astāvabhivhāyatanāni*. Còn gọi: *Bát trừ nhập, Bát trừ xứ*.

Bát Thắng xứ là tám giai đoạn quán sát Sắc xứ (sắc và tướng) ở cõi Dục để chế phục mà trừ bỏ tâm tham. Thắng xứ nghĩa là chỗ y cứ để chế phục phiền não và dẫn khởi nhận thức Phật giáo.

1. *Nội hữu sắc tướng, quán ngoại sắc thiểu thắng xứ*: Trong tâm có sắc tướng tham dục cần diệt trừ thì nên quán ít sắc để trừ sắc tướng trong nội tâm, nếu quán nhiều sắc thì e khó giữ gìn.

2. *Nội hữu sắc tướng, quán ngoại sắc đa thắng xứ*: Bên trong có sắc tướng tham dục cần phải diệt trừ, do tu quán đã dần dà thuần thục, nên có thể quán nhiều sắc ở bên ngoài hơn.

3. *Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc thiểu thắng xứ*: Pháp quán dần dần được thắng diệu, trong tâm đã không còn sắc tướng, lại quán thêm ít phần sắc xứ để chiến thắng nó.

4. *Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc đa thắng xứ*: Tức là chế phục nhiều phần sắc xứ giống như trước.

5. *Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc thanh thắng xứ*.

6. *Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc hoàng thắng xứ*.

7. *Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc xích thắng xứ*.

8. *Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc bạch thắng xứ*.

Do 4 giai đoạn 1, 2, 3, 4 ở trên, trong tâm đã không còn sắc tướng, lại quán sắc xanh, vàng, đỏ, trắng bên ngoài, để chế phục mà thắng nó, đây là cách dùng để đối trị tham dục.

Bát Thắng xứ và Bát giải thoát có quan hệ với nhau. *Luận Câu-Xá* 29, ghi: “Trong Bát Thắng xứ có Sơ thiền và Nhị thiền giống như Sơ giải thoát, 2 loại kể như Đệ nhị giải thoát, 4 loại sau như Đệ tam giải thoát, nếu như thế thì Bát Thắng xứ có khác gì tam giải thoát ?”

Trước tu Giải thoát chỉ có thể buông bỏ, sau tu Thắng xứ mới có thể chế phục các duyên, tùy chỗ ưa thích mà quán thì hoặc loạn không còn khởi được”.

* **Bà** : Còn gọi: *Ma, pha, phôn, phạm, phi hà*. Chữ (Bha) phiên âm của mẫu tự Tất Đàm, là 1 trong 42, hoặc 1 trong 50 chữ cái, thuộc âm môi thứ 4 trong 5 loại âm. Nghĩa của nó lược nêu như sau: Nếu giải thích sơ lược về hình dạng của chữ thì chữ Bà (bha) có nghĩa là Hữu; còn giải thích sâu về nghĩa thì chữ Bà không thể dịch là Hữu.

Kinh Đại Nhật 2, kinh Phương Quảng Đại Trang Nghiêm 4 đều dịch Bà nghĩa là Hữu là do chuyển dịch từ chữ Bhava (Hán âm: Bà-phạ).

Kinh Đại Phẩm Bát Nhã 5, Luận Đại Trí Độ 48, dịch Bà nghĩa là Phá hoại là do chuyển dịch từ chữ Bhanga (Hán âm: Bà-già).

Kinh Niết Bàn dịch nghĩa Bà là mang công, mang vác là do chuyển dịch từ chữ Bharam.

Kinh Hoa Nghiêm 76 (Tân dịch), dịch nghĩa chữ Bà là cung điện, là do chuyển dịch từ chữ Bhavana.

Kinh Đại Nhật 6, kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà-La-Ni 3, dịch nghĩa Bà là tu tập, quán tưởng, quán tập là do chuyển dịch từ chữ Bhavana (Hán âm: Bà-phạ-na).

* **Bà Đà Bà (Bà Già Bà)** : Phạn: *Bhagavat*. Còn gọi: *Bạc-già phạm, Bà-già-phạm, Bà-già-bạn, Bạc-a-phạm, Bà-nga-phạ-đế, Bà-nga-phạ-để, Bạc-già-bạt-đế*. Hán dịch: *Hữu đức, Hữu đại đức, Hữu danh thanh, Chúng hựu, Xảo phân biệt, Năng phá, Thế Tôn*.

Bà Đà Bà là một trong mười đức hiệu của Phật, là đức hiệu của đấng có đầy đủ các đức được người đời tôn kính.

Theo *Luận Đại Trí Độ 2*, *Bà Đà Bà* là một danh hiệu mà nghĩa của nó bao gồm nhiều đức, nên đặt từ ngữ này ở đầu kinh. Đây là chỉ cho chữ Phật trong câu: “Tôi nghe như thế này, lúc bấy giờ, **Phật** tại ...”. Phật được dịch từ chữ *Bà Đà Bà* nên danh từ *Bà Đà Bà* được nhiều người biết. Ngoài ra, *Bà Đà Bà* thật không có nghĩa là Thế Tôn, nhưng vì danh từ Thế Tôn mọi người đều biết, nên xưa nay các dịch giả phần nhiều dịch ý *Bà Đà Bà* là Thế Tôn.

- Theo *Phật Địa Kinh Luận 1*, *Bà Đà Bà* có 6 nghĩa: Tự tại, Xí thành, Đoan nghiêm, Danh xưng, Cát tướng, Tôn quý.

- Theo *kinh Đại Bát Niết Bàn, phẩm Phạm Hạnh*, *Bà Đà Bà* có 7 nghĩa:

1/. Năng phá phiền não (Phá trừ phiền não).

2/. Năng thành tựu chư thiện pháp (Thành tựu các thiện pháp).

- 3/. Thiên giải chư pháp nghĩa (Khéo giải nghĩa các pháp).
 4/. Hữu đại đức, vô nhân năng thắng (Có đức lớn không ai sánh bằng).
 5/. Hữu đại danh văn, biến ư thập phương (Có tiếng tăm lớn trùm khắp cả mười phương).
 6/. Năng tố chủng chủng đại huệ thí (Thực hiện mọi cách bố thí rộng lớn).
 7/. Ư vô lượng A-tăng-kỳ kiếp thổ nữ căn, tận xả chư ác phiến não (Từ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp không thọ thân nữ, xả bỏ hết các phiến não ác).

* **Bà Tư Tra** : Là tên của nhiều nhân vật trong kinh điển như Tiên nhân thời Phệ-Đà, thuộc Ấn Độ cổ đại và cũng là tên của một trong những vị đệ tử của Phật. Trong *Phẩm Phạm Hạnh, Kinh Đại Bát Niết Bàn*, Bà-Tư-Tra (còn gọi: *Bà-tư-sát-di, Bà-tứ-tra*) là một phụ nữ Bà-la-môn. Bà vì mất đứa con trai duy nhất nên thần trí cuồng loạn, thân thể lỏa lồ, chạy rong trên đường. Sau khi gặp Đức Thế Tôn, thần trí tỉnh lại, Bà nghe Phật thuyết pháp, liền chứng Thánh quả.

* **Bàn Trà** : Gọi đầy đủ: *Ciư-bàn-trà*. Còn gọi: *Câu-bàn-trà*. Phạn: *Kumbhānda*. Thần quỷ hung dữ, là loài quỷ ăn lấy tinh khí của người. *Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Phẩm Thí Dụ*, ghi : “Trong cảnh nhà lửa (Tam giới), loài rắn chạy tứ tung, loài *Ciư-bàn-trà* lướt lại bắt mà ăn thịt.”

Trong một bộ kinh chữ *Tây Tạng* luận về nhơn quả, có nói: “Ai làm chủ trong một làng xóm, chính mình lo bố thí và cúng dường để tạo phước, song lại ngăn cản không cho kẻ khác bố thí và cúng dường, khi chết sẽ sinh vào hạng thần *Ciư-bàn-trà*, hình tướng dị hợm, song được người thờ cúng.”

* **Bạch Y** : Phạn: *Avadāta-vasana*. Nguyên nghĩa là áo màu trắng, Phật giáo dùng từ Bạch y này để gọi người học Phật tại gia. Từ ngữ này phát xuất từ Ấn Độ, Tây Vực. Theo phong tục Ấn Độ, mặc áo trắng là sanh trọng, nên mọi người đều mặc áo trắng, trừ hàng tăng lữ, vì thế tiếng Bạch y dùng để chỉ cho người tại gia.

Theo *Phật Tượng Tiêu Xí Nghĩa Đồ Thuyết Ký*, ở Trung Quốc, người có thân phận thấp hèn, như tôi tớ mới mặc áo trắng. Đặc biệt ở *Nhật Bản*, phải là người cao sang mới mặc áo trắng. Theo phong tục *Nhật Bản*, mặc

áo trắng trong lúc tế lễ, tang nghi, là biểu hiện sự trong sạch của trai nghi; nên Sa môn tuy đắp y nhuộm, nhưng khi lễ Phật, nhập chúng cũng dùng đồ trắng mặc dưới pháp y.

* **Bất Cộng** : Phạn: *Āvenika*. Pháp đặc biệt, không đồng với các pháp khác như: Mười tám pháp, Thập lực, Tứ vô úy .v.v... chỉ riêng Phật mới có được, còn các bậc thánh như A-la-hán .v.v... chưa thể thông đạt, cho nên gọi là *Bất cộng pháp*. Ngoài ra, như thức căn bản A-lại-da là chỗ nương của các thức, nên gọi là *cộng y*. Còn 6 căn là chỗ nương riêng của mỗi thức (của 6 thức), mỗi thức lại nương nơi mỗi căn, cho nên gọi là *Bất cộng y*. Mỗi pháp có tính tướng riêng gọi là *Tự tướng* hay *Bất cộng tướng*, loài hữu tình mỗi loại tự cảm nghiệp quả dị thực gọi là *Bất cộng nghiệp*. Trong cách lập luận của *Nhân Minh*, *tự* (người lập luận) *tha* (người vấn nạn) bảo lưu ý kiến riêng của mình gọi là *Bất cộng hứ*.

* **Bất Động Địa** : Địa vị chẳng xúc động, chẳng chấn động, chẳng chuyển động. Bất động địa là địa vị thứ tám trong Thập địa Đại thừa.

Theo *Niết Bàn kinh*: Những ai trì giới luật Đại thừa nghiêm tịnh thì đạt được Bất động địa. Bồ Tát trụ ở cảnh Bất động địa thì được 4 đức: *Bất động* (chẳng chuyển động), *Bất đọa* (chẳng rớt), *Bất thối* (chẳng lui), *Bất tán* (chẳng tán loạn). *Bất động* tức chẳng bị năm cảnh: sắc, thanh, hương, vị, xúc làm cho mình động; *Bất đọa* tức là chẳng đọa xuống 3 đường địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; *Bất thối* tức chẳng thối lui xuống hai địa vị Tiểu thừa Thanh văn, Duyên giác; *Bất tán* tức là chẳng bị tán loạn bởi các dị kiến, tà phong mà làm tà mạng.

* **Biến Tri** : Phạn: *Parijnā*. Biết đến tận cùng. Vốn có nghĩa là Trí vô lậu biết rõ đạo lý Tứ đế, trí này còn gọi là Trí biến tri. Trí vô lậu này có khả năng đoạn trừ phiền não nên còn được gọi là *Đoạn biến tri*. Ngoài ra, do có khả năng giải thoát triệt để sự chấp trước cảnh sở duyên cho nên trí này còn có tên *Biến tri sở duyên đoạn*.

Theo *luận Câu Xá 21*, nghĩa *Đoạn biến tri* còn lập ra *Cửu biến tri*, là 9 loại trí đoạn trừ *kiến hoặc* và *tư hoặc*.

* **Bố thí Ba-La-Mật** : Xem *Đàn Ba-La-Mật*.

* **Bố Úy** : Phạn: *Vibhisana*. Bố úy là sợ hãi. Theo *kinh Hoa Nghiêm 34*, chúng sinh chưa ngộ chân lý có 5 thứ sợ hãi: **1.** Sợ về sinh kế, tức sợ không đủ sống; **2.** Sợ mang tiếng xấu; **3.** Sợ chết; **4.** Sợ rơi vào đường ác (Địa ngục, ngạ quỷ); **5.** Sợ oai đức đại chúng, tức là khiếp sợ trước người có oai đức.

* **Bồ-Đề** : từ Bồ-Đề trong *Phẩm Phạm Hạnh*, gọi đầy đủ: **Tu-Bồ-Đề** (*Subhūti*). Xem **Thiện Kiến** (Thích giảng, quyển 1).

* **Bồ-Đề Đạo** hay **Giác Đạo** : Còn gọi: *Giác lộ*. Là con đường giác ngộ. *Phẩm Phật Quốc trong kinh Duy-Ma*, ghi: “Lúc đầu Đức Phật trụ ở dưới gốc cây bồ đề dùng sức định hàng phục ma quân, được cam lộ tịch diệt, thành tựu giác đạo”.

* **Bửu** : là quý báu, đáng trọng, đáng mến, tốt đẹp; *Mười dịch là Bảo, Cũ dịch là Bửu*. Bảo hay Báu, là từ ngữ thường dùng để hình dung sự tôn quý đáng kính nơi Phật, Bồ Tát và Pháp. Như nói Phật cao tột không ai sánh bằng thì gọi là *Bảo vương*; gọi pháp tướng trang nghiêm của chư Phật, Bồ Tát là *Bảo tướng*, gọi chân như thanh tịnh của Phật tính là *Bảo tính*; gọi Phật, Pháp, Tăng là *Tam bảo*; gọi quốc độ thanh tịnh của chư Phật là *Bảo độ, Bảo địa*.

Bảo còn dùng để chỉ các vật báu. *Kinh Luận* cũng thường nói đến việc dùng các vật tôn quý như anh lạc .v.v... trang trí một cách tôn nghiêm nơi các cõi nước của chư Phật, Bồ Tát trong đó thất bảo thường dùng nhiều nhất. Thất bảo chỉ 7 thứ quý báu ở thế gian: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não. Tên gọi dùng trong các kinh luận tuy có thay đổi khác nhau, nhưng phần nhiều đều lấy 7 báu này làm chính, đó là: Kim, Ngân, Lưu-li, Pha-lê, Xa-cừ, Xích châu, Mã não.



C

* **Ca Diếp Phật** : Phạn: *Kāśyapa Buddha*. Hán dịch: *Ấm Quang Phật*. Còn gọi: *Ca-diếp-ba Phật, Ca-nhiếp-ba Phật, Ca-nhiếp*.

Ca Diếp Phật là đức Phật thứ sáu trong 7 Đức Phật thời quá khứ, cũng là Đức Phật thứ ba trong 1.000 Đức Phật thuộc Hiền Kiếp. Theo truyền thuyết, vào một tiền kiếp lâu xa, Ngài là Bổn sư của Đức Thích Ca Mâu Ni, đã thọ ký cho Đức Thích Ca tương lai nhất định sẽ thành Phật. Ngài họ Ca-Diếp, thành Phật dưới cây Ni-câu-luật (Phạn: Nigrodha), có hai vạn đệ tử, trong đó 2 vị được lập làm cao đệ, tức là: Đề-Xá (Phạn: Tissa) và Bà-la-bà (Phạn: Bhāradvāja); đệ tử chấp sự là Thiện Hữu (Phạn: Sabbamitta), cha tên Phạm Đức (Phạn: Brahmadata) thuộc dòng Bà-la-môn, mẹ tên Tài Chủ (Phạn: Dhanavati), con tên Tập Quân, Vua lúc ấy tên Cấp Tỳ (Phạn: Kiki) trị vì thành Ba-la-nại (Phạn: Bārānasi).

Theo kinh *Đại Bản* trong *Trường A-Hàm 1*, Đức Phật Ca-Diếp ra đời trong thời Hiền Kiếp, lúc đó con người sống đến hai vạn tuổi.

* **Ca Ma La bệnh** : Phạn: *Kāmalā*. Hán dịch: *Hoàng bệnh, Lại bệnh, Nhiệt bệnh, Đại phong bệnh*. Còn gọi: *Già-mạt-la bệnh, Già-ma-la bệnh, Ca-mạt-la bệnh, Ca-ma bệnh*.

Các thứ bệnh: vàng mắt, bệnh cùi, bệnh ung thư. Người mắc bệnh này thì con mắt đã hư, thấy tất cả vật toàn một màu vàng. Theo *Huyền Ứng Âm Nghĩa 23*, Ca ma la là một loại bệnh khó chữa trị.

* **Ca Tra Phú Đơn Na (Quỷ)**: Còn gọi: *Ca-tra-bố-đơn-na quỷ, Yết-tra-bố-đát-na quỷ* (Phạn: *Kata-pūtana*). Hán dịch: *Kỳ Xú quỷ, Cực Xú quỷ*.

Loài quỷ vô cùng thấp hèn, xấu xa. Người Ấn Độ thời cổ cho rằng nếu khi dòng Sát-đế-lợi có hành động thấp kém thì chết sẽ trở thành loài quỷ này, trụ ở hạ giới, chịu cái khổ của loài quỷ đói. Yết tra (Kata) nghĩa là thân người chết, nơi hỏa táng, cho nên có lẽ chỉ loại quỷ thân ở nơi nghĩa địa.

* **Cam Lộ Cổ** : Tiếng trống Cam lộ, dụ cho tiếng thuyết pháp vi diệu.
Kinh Trung A-Hàm 56, ghi: “Ta đến Ba-la-nại,

Đánh trống diệu Cam lộ,
Chuyển pháp luân vô thượng,
Trên đời chưa từng có.”

* **Cao Tăng** : Vị Tăng có đức hạnh cao dày. *Tọa Thiền Nghi* trong *Thiền Uyển Thanh Qui 8*, ghi : “Xưa có vị cao tăng tu tập thiền định, khi ngồi thường mở mắt”.

* **Càn Thát Bà thành (thành Càn-Thát-Bà)**: Phạn: *Gandharva nagara*. Còn gọi: *Kiền-thát-bà thành, Kiện-đạt-phạn thành, Nghiễn-đạt-phạ thành*. Gọi tắt: *Bà thành, Càn đạt thành, Càn thành*.

Thành quách do thần *Càn-thát-bà* hóa hiện trong hư không theo truyền thuyết. Ý nói lầu cát, sông, núi, rừng, đồng trống đều là những thứ không có thật, chỉ là ảo ảnh. Có người cho rằng mật độ không khí ở biển, sa mạc và vùng hoang dã nhiệt đới khi thay đổi làm cho ánh sáng bị khúc xạ mà phát sinh ra hiện tượng “lầu sò chợ bễ”. Trong các kinh điển Phật giáo, thuật ngữ *Càn-thát-bà thành* thường được sử dụng để chỉ cho các pháp không thật.

Luận Đại Trí Độ 6, ghi: “Hiện tượng mắt có thể thấy được, nhưng không có thật, gọi là thành *Càn-thát-bà*”.

* **Câu Hi La** : Phạn: *Kausthila*. Hán dịch: *Đại Tất, Đại Đổ Trì, Đại Thắng*. Còn gọi: *Ma-ha Câu-hi-la* (Phạn: *Mahākausthila*), *Ma-ha Câu-sắt-chỉ-la, Câu-sắt-để-la*.

Một vị A-la-hán, đệ tử lớn của Phật, chứng được lý năm uẩn đều không, nên gọi ngài là Ngộ Không. Theo *kinh Tọa A-Hàm 12*, ngài Câu-hi-la ở núi Kỳ-xà-quật, ngài Xá-lợi-phất đến hỏi nghĩa mười hai nhân duyên, ngài Câu-hi-la đều giải đáp thông suốt nên ngài Xá-lợi-phất khen ngài là bậc trí huệ biện tài, khéo hàng phục và không sợ hãi khi có người vấn nạn. *Phẩm Đệ Tử trong kinh Tăng Nhất A Hàm*, ghi: Ma-ha Câu-hi-la có 4 biện tài.

Soạn Tập Bách Duyên 10, Luận Đại Trí Độ 1, Hữu Bộ Tì-nại-da Xuất gia SỰ 1,2 đều cho rằng Câu-hi-la tức Phạm Chí Trường Trảo, cậu của ngài Xá-lợi-phất.

✱ **Câu-Lưu-Tôn Phật:** Phạn: *Krakucchandha-buddha*. Hán dịch: *Lãnh Trì, Diệt Luy, Sở Ứng Đoạn Dĩ Đoạn, Thành Tựu Mỹ Diệu*. Còn gọi: *Ca-la-citu-tôn-đà Phật, Yết-lạc-ca-tôn-đà Phật, Ca-la-ca-thôn-đà Phật, Câu-lâu-tần Phật, Ca-citu-lưu Phật, Citu-lưu-tần Phật*.

Câu-Lưu-Tôn Phật là vị Phật thứ tư trong 7 vị Phật quá khứ, hay vị thứ nhất trong Kiếp Hiền. Theo *kinh Trường A-Hàm 1*, lúc con người ở Hiền Kiếp thọ 40.000 tuổi thì Đức Phật này ra đời. Phật vốn dòng Bà-la-môn, hô Ca-Diếp, cha là Aggidatta (Ký Đắc), mẹ tên Visākhā (Thiện Chi), có con tên Thượng Thắng sống vào triều vua là Khema (An Hòa), vương thành Khemavati (thành An Hòa). Ngài thành đạo ở dưới cây Sirisa (Thi-lợi-sa), từng mở hội thuyết pháp hóa độ 40.000 đệ tử. Đệ tử xuất sắc có Sa4njiva (Tát-ni), Vidhura (Tì-lâu) .v.v... Đệ tử thị giả tên Buddhija (Thiện Giác).

Theo *kinh Thất Phật*, ở kiếp thứ 6 trong Hiền Kiếp, Phật này ra đời, cha tên Dã-nghê-dã-na-đa, mẹ tên Vĩ-xá-khư, thời vua là Sát-mô-sát-ma, vương thành Sát-ma. Đệ tử đại trí huệ của Ngài tên Tần-nhĩ-phước, thị giả tên Một-đề-du.

Theo *kinh Phật Danh 8*, cha của Đức Phật này dòng Bà-la-môn tên Công Đức, mẹ tên Quảng, con tên Thượng. Vua tên Vô Úy, vương thành Vô Úy. Đức Phật này cùng với Phật Tỳ-Bà-Thi, Phật Thi-Khí, Phật Tỳ-Xá-Phù, Phật Câu-Na-Hàm-Mâu-Ni, Phật Ca-Diếp, Phật Thích Ca Mâu Ni, gọi chung là 7 vị Phật quá khứ và Bồ Tát Di Lạc đương lai thành Phật đều được tạo tượng để thờ.

✱ **Câu-Na-Hàm Phật:** Phạn: *Kanakamuni*. Hán dịch: *Kim Sắc Tiên, Kim Nho, Kim Tịch*. Còn gọi: *Câu-na-hàm Phật, Ca-na-già-mâu-ni, Câu-na-hàm-mâu-ni, Ca-na-hàm-mâu-ni, Ca-nặc-ca-mâu-ni. Câu-Na-Hàm Phật* là vị Phật thứ năm trong 7 vị Phật quá khứ, hay là Phật thứ hai trong 1000 vị Phật ở Hiền Kiếp.

Theo *kinh Đại Bản trong Trường A-Hàm 1*, Đức Phật này ra đời vào lúc tuổi thọ con người 30.000 năm, tại thành Sobhavati, thuộc dòng Bà-

la-môn, họ Ca-Diếp. Cha tên Yānnādatta, mẹ tên Uttarā. Phật thành đạo dưới cây Udumbara, từng có một hội thuyết pháp hóa độ 30.000 đệ tử. Đệ tử xuất sắc nhất là Bhiyyosa, Uttara. Đệ tử thị giả tên Sotthija.

* **Câu Pháp** : Từ đồng nghĩa. Xem **Câu Đạo** (Thích giảng, quyển 2).

* **Căn Cơ** : Căn tính, bản tính của con người. Sự tiến thoái của việc tu hành, sự hưng phế của giáo pháp đều tùy thuộc vào căn cơ.

* **Căn Duyên** : Căn tánh là nhưn duyên, làm nhưn duyên. Căn tánh của người cùng với cảnh ngộ, trong và ngoài đều duyên dự, nương tựa với nhau mà thành việc. Trong cuộc nương dựa giữa *lục căn* và *lục trần*, nếu phần lớn do nơi căn, thì gọi là *căn duyên*; còn phần lớn do nơi trần thì gọi là *trần duyên*. *Căn duyên* cũng gọi là *Tâm duyên*.

* **Căn Khí** : Là năng lực của người tu hành. Căn là rễ của cây, có thể sinh ra nhánh, lá, hoa, trái. Khí là đồ dùng để chứa vật. Nhưng các phần do rễ sinh ra và đồ dùng chứa đựng có lớn, nhỏ, nên dùng danh từ căn khí để dụ cho năng lực cao thấp của người tu hành. *Đại Nhật Kinh Số 9*, ghi: “Xem xét căn khí của chúng sinh rồi mới chỉ dạy pháp tu cho họ”

* **Chánh Tri** (viết theo luật thơ): Nguyên nghĩa: **Chánh Trí**. Xem **Chánh Trí** (Thích giảng, quyển 1).

* **Chánh Trụ** : Trụ chỗ Chánh đạo. Tiếng xưng hàng Bồ Tát. *Niết Bàn Kinh* phân ra 4 hạng từ thấp đến cao như sau:

1. *Thuận Lưu*, tức là hạng phàm phu.
2. *Nghịch Lưu*, tức là hạng đắc quả Tiểu thừa, từ quả Tu-đà-hoàn đến quả Duyên giác.
3. *Chánh Trụ*, tức là hàng Bồ Tát.
4. *Đáo Bỉ Ngạn*, tức là hàng Như Lai.

* **Châu Bàn Đạc** : Gọi đầy đủ: **Châu Lợi Bàn Đạc**. Còn gọi: *Châu-ly-bàn-đà-ca*, *Chú-đồ-bán-thát-ca*, *Châu-ly-bàn-đạc-ca*. Phạn:

Suddhipanthaka. Hán dịch: *Kế đạo, Đại lộ biên*, tức là người sanh ra bên đường cái.

Châu Lợi Bàn Đặc là 1 vị Thanh văn đệ tử của Phật. Khi mới xuất gia nhập đạo, ông là người rất tối dạ, cho đến học nửa bài kệ bốn hàng cũng không thuộc. Thế mà ông gắng sức chuyên cần, chẳng bao lâu đắc quả A-la-hán.

* **Chú Nguyện** : Còn gọi: *Chúc nguyện*. Nghi thức xướng tụng hoặc đọc Mật chú để cầu nguyện cho chúng sinh trong lúc Sa môn thọ thực.

Theo *Luật Thập Tụng 41*, Bà-la-môn ở Ấn Độ thời cổ đại, sau khi thọ thực thì chú nguyện khen ngợi thí chủ. Về sau, đức Phật cũng theo pháp này để làm qui chế cho sa-môn.

Luật Ma Ha Tăng Kỳ 34 nói về pháp oai nghi có chép các loại văn chú nguyện như cầu phước cho người chết, sinh con, buôn bán, cưới vợ, cúng dường chúng tăng.

Các bộ luật phần nhiều ghi việc chú nguyện sau khi ăn nhưng theo *kinh Thành Cụ Quang Minh Định Ý, kinh Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả*, trước khi ăn cũng cần đọc lời chú nguyện. Đời sau thường phân chú nguyện làm 2 loại là *Thực thời chú nguyện* (Chú nguyện lúc ăn) và *Pháp Hội chú nguyện* (Chú nguyện trong pháp hội).

* **Chúng Sinh Tướng** : Cái tướng của chúng sinh. Tức là năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiệp lại mà làm nên cái thân của chúng sinh. Nếu kể thật thì kể sai, chấp quấy, tức là có cái Chúng sinh tướng.

* **Cộng Pháp** : Còn gọi: *Cộng công đức*. Đối lại: *Bất cộng pháp*.

Vô lượng công đức của Phật cộng thông với pháp công đức của các Thánh khác và chúng sinh. Chẳng hạn như 3 pháp: *Vô tránh, Nguyện trí, Tứ vô ngại giải* trong vô lượng công đức của Phật thì A-la-hán ... cũng có được. Các pháp *Ngũ thông, Tứ tịnh lực* thì phàm phu cũng có thể được. Các pháp công đức này tuy cùng thông với các Thánh khác, nhưng công đức của Phật lại thù thắng tự tại hơn. Ngoài ra, các pháp tắc phổ thông cũng gọi là Cộng pháp.

* **Cúc Đa Trưởng Giả** : Gọi đầy đủ: *Thi Lợi Cúc Đa Trưởng Giả*. Phạm: *Gupta*. Là người nước Ma-đột-la (Mathura) thuộc Trung Ấn Độ, thân sinh của ngài *Ưu-ba-cúc-đa* (Tổ thứ 4 trong 28 vị Tổ ở Ấn Độ được phó pháp tạng, một trong Dị Thế Ngũ Sư, là thầy của vua A-Dục).



D

* **Danh Sắc** : Phạn: Nāma-rūpa. Còn gọi: Danh Sắc chi. Danh sắc là tinh thần và vật chất, là từ gọi chung cho Danh và Sắc thuộc chi thứ tư trong 12 chi duyên khởi.

Danh sắc cũng là ngũ uẩn, vì trong ngũ uẩn thì 4 uẩn: thọ, tưởng, hành, thức thuộc tâm pháp, không có hình thể thấy được mà phải nhờ vào danh để chỉ rõ, nên gọi 4 uẩn ấy là “Danh”; còn sắc uẩn do cực vi hợp thành, là vật thể có chất ngại nên gọi là “Sắc”.

Ngoài ra, theo lập luận về mối quan hệ 12 duyên khởi, thì duyên vào thức mà có danh sắc, duyên danh sắc mà có lục nhập. Cho nên danh sắc là đối tượng của thức, nơi y cứ của lục xứ.

* **Dà Đà kinh** : Hán dịch: *Cô Khởi kệ* (Phạn: *Gāthā*), *Cô Khởi tụng*. Hán âm: *Dà Đà, Kệ đà*.

Dà Đà kinh thường gọi tắt là *kệ*, là một trong 9 thể loại kinh của Tiểu thừa, 1 trong 12 thể loại kinh của Đại thừa.

Dà Đà kinh (*Cô khởi kệ*) là dùng thể loại văn vần 4 câu, ghi trực tiếp lời Phật dạy. Trước bài kệ này không có văn Trường Hàng (văn xuôi) hoặc có những nội dung không liên quan đến ý chứa đựng trong văn kệ.

* **Duyên Chúng Sinh** : Còn gọi : *Chúng sinh duyên từ, Hữu tình duyên từ*. Xem tất cả loài hữu tình thân thiết như cha mẹ, quyến thuộc mà đối xử với họ bằng tâm từ bi bình đẳng. Một trong 3 duyên từ bi.

* **Duyên Không** : Theo *Phẩm Phạm Hạnh, Kinh Đại Bát Niết Bàn* thì Duyên không hay còn gọi là Không duyên, tức là Duyên nơi Phật, nhân duyên thành Phật ở đời sau. Như nhờ nhân duyên kính tin Phật, nguyện Vãng sinh Tịnh Độ thì chắc chắn sẽ được vãng sinh.

* **Duyên Khởi** : Phạn: *Pratitya-samutpāda*. Hán âm: *Bát-lạt-để-để-dạ tham-mâu-bá-đầu*.

Tất cả pháp hữu vi đều do nhân duyên hòa hợp mà thành. Tức là bất cứ sự vật nào cũng đều nương vào các điều kiện nhân duyên để tồn tại và biến đổi (vô thường).

Mười hai chi *Duyên khởi* được giải thích rõ trong các kinh điển A-Hàm: Vô minh là duyên của Hành, Hành là duyên của Thức ... cho đến Sinh là duyên của Lão tử: “Vì đây có thì kia có, vì đây sinh thì kia sinh” để chỉ rõ lý tương tục sinh tử, đồng thời cũng nêu lên “Vì đây không thì kia không, vì đây diệt thì kia diệt” để đoạn trừ vô minh chứng Niết bàn. Lý *duyên khởi* này là sự chứng ngộ của **Đức Phật**, là nguyên lý cơ bản của Phật giáo. **Đức Phật** dùng nguyên lý này để phá bỏ luận điểm của các tôn giáo khác ở Ấn Độ, chủ trương cái ta (ngã) và tự tính các pháp đều có thật. Từ đó, lập ra Nhân sinh quan và Thế giới quan đặc thù để giải thích cội nguồn sinh khởi của thế giới xã hội, nhân sinh và sự phát sinh của các hiện tượng tinh thần khác. Đó là một đặc trưng của Phật giáo, khác hẳn với tư tưởng Triết học của các tôn giáo khác.

* **Duyên Pháp** : Còn gọi : **Pháp duyên**. Nhân duyên sinh khởi tất cả các pháp. *Phẩm Phạm Hạnh, Kinh Đại Bát Niết Bàn*, ghi : “Không thấy có cha mẹ, vợ con, thân quyến, thấy tất cả pháp đều từ duyên sinh, đó gọi là Pháp duyên”.



Đ

* **Đà Ca Chiên Diên** : Gọi đầy đủ: **Ca-la-cưu-đà Ca-chiên-diên**. Phạn: *Kakuda-katyāyana*. Còn gọi: *Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên, Ca-cứ-đa, Ca-chiên-diên, Cước-câu-đà, Ca-đa-diễn-na, Bà-phù-đà, Già-tra-na, La-vị-sa, Ca-già-diên, Ba-hưu Ca-chiên*.

Ngoại đạo vô tâm quý, một trong nhóm Lục sư ngoại đạo của Ấn Độ thời cổ đại. *Ca-chiên-diên* là họ, Hán dịch là *Tiền Thế*, *Ca-la-cưu-đà* là tên, dịch ý là *Hắc Lân*. Ngoại đạo này chủ trương tội phước của tất cả chúng sinh đều do *Tự Tại Thiên* tạo ra, *Tự Tại Thiên* vui thì chúng sinh an lạc; *Tự Tại Thiên* giận thì chúng sinh khổ não. Vì qui tất cả tội phước về đấng chủ tể *Tự Tại Thiên*, cho nên con người không được nói tội phước. Họ cho rằng nếu người giết hại tất cả chúng sinh mà tâm không sinh hổ thẹn, thì không bao giờ đọa ác đạo, cũng như hư không chẳng dính bụi, dính nước; nếu hổ thẹn thì đọa vào địa ngục ngay, giống như nước đổ xuống là thấm ngay vào đất. Đứng trên lập trường của *Phật giáo* để quán xét thì đây là tà kiến của ngoại đạo vô tâm.

* **Đại Ái Đạo** : Từ đồng nghĩa. Xem **Ba-xà-ba-đề** (Thích giảng, Q.2).

* **Đại Hỷ** : Tức **Đại hỷ tâm**. Lòng vui vẻ, đức vui vẻ quảng đại của Phật, Bồ Tát. Đó là đức thứ ba trong Tứ đức vô lượng. *Đại hỷ* nghĩa là vui vẻ với tất cả chúng sinh. Ai đến với mình, mình cũng vui vẻ; biết ai làm phải, làm lành, tu các đức hạnh, mình tỏ lòng vui vẻ.

* **Đại Không** : Đối lại: *Thiên không*. Không tịch rỗng ráo, tức Niết Bàn của Đại thừa. Không, là một tư tưởng trọng yếu của Phật giáo; “Không”

và “Hữu” đối nhau, phá Hữu là Không, Không ấy cũng không, tức nói không cũng không, đó là “Đại Không” rất ráo.

- *Kinh Đại Bảo Tích 22*, ghi : “*Rộng lớn không tịch gọi là Hư không, Niết Bàn cũng như thế nên gọi là Đại không tịch. Nó không có chủ thể, cũng không ngã sở. Khi tất cả chúng sinh không còn chấp thủ thì sẽ đạt đến trạng thái không tịch, gọi là Đại Niết bàn*”. Còn “*Thập Bát Không*”, thật thể không có phương vị Đông, Tây, Nam, Bắc, cũng gọi là Đại Không.

Ngoài ra, trong *Mật giáo*, liễu ngộ lý chữ (A) bất sinh, cũng gọi là Đại Không.

* **Đại Phạm** : Phạn: *Mahā-Brahma*. Hàng thiên thần ở cõi trời Sắc giới (*Rūpadhātu*). Đại (*Maha*): lớn. Phạm (*Brahma*): hàng thiên thần thanh tịnh, dứt đường dâm dục, ở cõi trời Sắc giới, cho nên Đại Phạm cũng là từ gọi tắt của *Đại Phạm thiên*.

* **Đại Sự** : Phạn: *Mahavastu*. Viết đầy đủ: *Mahavastu-avadana*. Kinh , 3 thiên, nói về cuộc đời của Đức Phật. Mahavastu (Hán dịch: Đại sự) chỉ cho việc xuất thế của Đức Phật. Avadana (Hán dịch: Truyện ký, Cổ sự) tức câu chuyện sự tích. Nội dung kinh:

- Thiên thứ nhất: Nói về kiếp trước của Đức Thích Tôn.

- Thiên thứ hai: Sự tích của Đức Thích Tôn từ khi sinh lên cung trời Đâu Suất cho đến khi thành đạo dưới cội Bồ Đề.

- Thiên thứ ba: Việc chuyển pháp luân của Đức Thích Tôn và chuyện Bản sinh của các Đại đệ tử.

* **Đại Xả** : Tức **Đại xả tâm**. Lòng thí xả to lớn của Phật, Bồ Tát; do nơi nỗi lòng ấy, Phật và Bồ Tát thí xả mọi vật cho tất cả chúng sinh. Đó là đức cả thứ tư trong Tứ vô Lượng.

Theo *Niết Bàn Kinh*: “Không có chi ủng hộ mình, đó gọi là Đại xả (tức là không cần người, không cần vật để chở che mình). Như không

thấy tướng ta và tướng người, không thấy tướng pháp, không thấy thân mình, mà thấy tất cả các pháp (chúng sinh và phi chúng sinh) đều như nhau, vốn không hai, đó gọi là Đại xả. Tự mình đem tất cả mọi sự vui thích của mình mà thí cho người khác, đó là Đại xả.”

* **Đạo Giáo** : Tôn giáo được hình thành chủ yếu từ tư tưởng Lão, Trang kết hợp với tín ngưỡng thần tiên và tín ngưỡng dân gian, đồng thời chịu ảnh hưởng của Nho và Phật giáo gọi chung là *Đạo giáo*; còn từ *Đạo giáo* sử dụng trong kinh Đại Bát Niết Bàn dùng để chỉ giáo lý Đức Phật hoặc Phật giáo.

* **Đạo Nghiệp** : Còn gọi: *Đạo hành*. Chỉ sự tu hành Phật đạo hoặc là nhân hạnh thành tựu Phật quả. Ngoài ra, chữ Đạo cũng bao gồm 2 nghĩa:

1/. *Quả đạo*: đồng nghĩa với Bồ đề, chỉ cho hạnh nghiệp đắc quả Bồ đề.

2/. *Nhân đạo*: Hạnh nghiệp dẫn đến Phật quả.

* **Đệ Nhất Nghĩa Pháp** : Những pháp giáo, những pháp môn, những công việc thù thắng của bậc xuất gia, của hàng giải thoát, của hạng Thánh giả gọi là *Đệ nhất nghĩa pháp*. Đối với *Thế pháp*, *Đệ nhất nghĩa pháp* thì ý nghĩa chẳng đời đời, chẳng hư hoại, chẳng tiêu diệt, một bề trong sạch, như nhiên.

* **Đệ Tam Thiên** : Phạn: *Trtiya-dhyāna*. Tạm dịch: *Đệ Tam tĩnh lự*.

Cõi Thiên thứ ba trong Tứ thiên, gồm 5 đức: Hành xả, Chính niệm, Chính huệ (Chính tri), Thụ lạc và Tâm nhất cảnh tính. Ở định này, hành giả đã vượt ra khỏi hỷ lạc của Nhị thiên, trụ trong Chính niệm Chính tri, rồi tinh tấn tu tập để đạt sự thù thắng ở cảnh giới cao hơn; mặc dù đã xa lìa hỷ lạc của định Nhị thiên, nhưng vẫn còn có cái diệu lạc ở cảnh giới của mình, nên gọi là *Ly hỷ diệu lạc địa*.

Ở trong định này có thể đối trị được 4 loại chướng nạn của người tu đạo là: Tham, hỷ, dũng dục, định hạ liệt của Đệ nhị thiên. Tu tập thiên định này thì được quả báo sinh lên cõi trời Tam thiên. Cõi này có 3 tầng trời là Thiếu Tịnh, Vô Lượng Tịnh và Biến Tịnh thuộc cõi trời Sắc giới. Ngoài ra, *kinh Thế Ký trong Trường A-Hàm 20, Luận Đại Tỳ-bà-sa 136, Luận Câu-xá 11, Luận Lập Thế A-tỳ-đàm 3,7 v.v...* đều có nói đến quả báo về chỗ ở, thân lượng và thọ lượng của Thiên chúng ở cõi Tam thiên. Vào thời kiếp hoại, từ cõi trời Tam thiên trở xuống phải chịu đại phong tai phá hủy.

* **Điều Ngự** : Kềm chế. Tất cả chúng sinh đều như cuồng tượng, ác mã. Phật chế ngự được tất cả, cũng như bậc có tài kềm voi điên, ngựa dữ.

* **Đương Lai** : từ đồng nghĩa. Xem **Vị Lai** (Thích giảng quyển 2).



G

* **Giác bờ** : Còn gọi: *Bờ giác, Bử Ngạn, Đáo bử ngạn*. Xem **Bử ngạn** (Thích giảng, quyển 1).

* **Giả** : Đối lại: *Chân, Thật*. Giả là không có thực thể, chỉ nhờ các vật khác mà có. Như mượn các uẩn mà có chúng sinh, mượn cột kèo mà có nhà cửa .v.v... Gồm các loại Giả sau:

1/. Nhị giả: - *Vô thể tùy tình giả*: các pháp vốn không có thật thể, nhưng vì mê lầm mà phàm phu chấp có thật thể.

- *Hữu thể thi thiết giả*: Tất cả các pháp hiện tượng, đều do nhân duyên sinh cho nên giả có và danh từ này chính là danh từ do bậc Thánh sau khi chứng ngộ thật tướng các pháp (chân lý) giả lập.

2/. Tam giả, gồm: - Thụ giả, Pháp giả và Danh giả (theo *phẩm Tam Giả trong kinh Đại Phẩm Bát Nhã 2 và Đại Thừa Nghĩa Chương 1* của Ngài Huệ Viễn đời Tấn, căn cứ vào *Luận Đại Trí Độ 41* mà giải thích).

- Nhân thành giả, Tướng tục giả và Tướng đãi giả (theo *phẩm Giả Danh Tướng trong Luận Thành Thật*).

- Phân biệt giả, Y tha giả và Chân thật giả (theo *Luận Thập Bát Không*).

3/. Tứ giả, gồm: - Nhân sinh giả, Duyên thành giả, Tướng tục giả và Tướng đãi giả (theo *Câu-xá Luận Ký Quang Ký 29* của ngài Phổ Quang dẫn trong *Luận Thành Thật*).

- Nhân duyên giả, Tùy duyên giả, Đối duyên giả và Tự duyên giả (theo *Tam Luận Huyền Nghĩa, Đại Thừa Huyền Luận 5* của ngài Cát Tạng).

* **Giải Không** : Hiểu rõ tướng Không của các pháp. Trong hàng đệ tử Phật, ngài *Tu-bồ-đề* là người Giải không đệ nhất. *Kinh A-la-hán Cụ Đức*,

ghi : “Tỳ kheo Tu-bồ-đề là bậc Giải không đệ nhất trong hàng Thanh văn thường thực hành bố thí”.

* **Giới Hành** (viết theo luật thơ) : Nguyên nghĩa: **Giới Hạnh**. Xem **Giới Hạnh** (Thích nghĩa, quyển 1).

* **Giới Hương** : Mùi thơm tỏa ngát khắp mười phương, dụ cho danh đức lan tỏa xa rộng của người trì giới, dầu thuận hay nghịch gió thấy đều biết; không như mùi thơm của Chiên Đàn , Trâm thủy hay các hoa lá khác, thuận gió thì biết nghịch gió thì chẳng hay.

Kinh Giới Hương, ghi : “Các mùi hoa trái của thế gian,
Long, Xạ, Trâm thủy với Chiên đàn,
Tất cả hương này không tỏa khắp
Riêng mùi hương giới quyện tràn lan”.

Giới hương này vô dục, vô sở nhiễm, cùng tốt trí huệ và giải thoát, lan tỏa khắp nơi nhưng mà chẳng hay biết, thế nên gọi là mùi hương tối diệu tối thắng.

* **Giới Kinh** : Các kinh nói về giới luật, như kinh Phạm Võng, kinh Ưu-Bà-Tắc giới .v.v... cùng gọi là giới bản như Bồ Tát giới bản; Tứ Phận giới bản .v.v...

* **Giới Thanh Tịnh** : Còn gọi: *Giới hạnh thanh tịnh*. Gọi tắt: *Tịnh giới*. Xem **Tịnh giới** (Thích giảng, quyển 2).

* **Giới Tướng** : Tướng trạng sai biệt biểu hiện qua sự trì giới. Dựa theo sự trì, phạm, nặng, nhẹ của các giới như 5 giới, 10 giới cho đến 250 giới mà mỗi loại đều có tướng trạng khác nhau. Thông thường, giới tướng chỉ cho tướng trạng tuân thủ theo giới luật.

Tứ Phần Luật Hành Sự Sao Tư Trì Ký, trung, phần 1, hạ, ghi:
“Tướng có hình trạng, xem kỹ thì có thể phân biệt được. Trước nói về *Giới pháp*, nhưng chỉ bàn về *công năng*. Kế đến nói về *Giới thể* nhưng chỉ luận về *ngiệp tính*. Cuối cùng nói về *Giới hạnh*, nhưng chỉ bày phần *niếp tu*. Nếu không biện rõ tướng thì 3 phần *Pháp, Thể* và *Hạnh* không hiểu được cái nào cả. Vì sao? Vì *Pháp* là Vô biệt pháp, tức *tướng* là *Pháp*; *Thể* là Vô biệt thể, *tổng tướng* là *Thể*; *Hạnh* là Vô biệt hạnh, *thực hành phần tướng* là *Hạnh*. Thế nên người tu học đối với pháp môn này phải nghiên cứu tham khảo thật sâu”.



H

* **Hạ căn** : Từ đồng nghĩa. Xem **Độn căn** (Thích giảng quyển 2).

* **Hoàn Diệt** : Còn gọi: *Hoàn nguyên*. Đối lại: *Lưu chuyển*. Hoàn diệt là chuyển mê lầm để trở về tịch diệt.

Theo *Luận Đại Tỳ-bà-sa 100*, *Luận Hiển Dương Thánh Giáo 15*, do công hạnh tu hành, đoạn trừ phiền não, thoát ly sinh tử mà trở về cội nguồn Niết Bàn.

Ma-Ha Chỉ Quán 5, phần đầu, ghi: “Trở về cội nguồn, pháp giới đều vắng lặng, ấy gọi là Chỉ”.

Theo *Luận Câu-Xá 3*, Lưu chuyển và Hoàn diệt lập thành 22 căn, trong đó 14 căn trước được thành lập theo 4 nghĩa: Sở y, Sinh, Trụ và Thọ dụng của Lưu chuyển; 8 căn sau cũng được thành lập theo 4 nghĩa trên nhưng của Hoàn diệt.

* **Hỏa Châu** : Vật trang trí đỉnh tháp. Trên cửu luân của chóp tháp có đặt một trái bảo châu, chung quanh có hình ngọn lửa cháy, gọi là Hỏa châu.

* **Hồi Quang Phản Chiếu**: Dụng ngữ Thiên. Tự soi chiếu lại bản tâm.

Lâm Tế Lục, ghi: “Ngay nơi lời nói, ông tự *hồi quang phản chiếu*, không còn tìm cầu gì khác thì biết được thân tâm mình không khác với Phật Tổ”.

Thạch Đầu Thảo Am Ca, *Cảnh Đức Truyền Đăng Lục 30*, ghi:

“*Trụ am này thôi nghĩ ngợi.*

Ai bày hàng quán muốn người mua ?

Hồi quang phản chiếu liền nhận rõ.

Tính linh rộng suốt chẳng hơn thua”.

Ngoài ra, *Hồi quang phản chiếu* dùng để dụ cho giây phút lâm chung mà tinh thần của người sắp chết bỗng nhiên tỉnh táo.

* **Huệ Giải Thoát** : Phạn: Prajnā-vimukti. Đối lại: Câu giải thoát.

Huệ giải thoát là bậc A-la-hán chưa chứng đắc Diệt tận định, nhưng được giải thoát nhờ dùng huệ lực vô lậu đoạn trừ phiền não chướng. Một trong 7 bậc Thánh, 1 trong 9 quả vị Vô học của bậc A-la-hán. Còn Câu giải thoát là bậc A-la-hán đã chứng đắc Diệt tận định, được giải thoát nhờ dùng sức định huệ đoạn trừ phiền não chướng và sở tri chướng.

* **Huyền Ký** : Còn gọi: *Sấm ký, Vị lai ký. Huyền ký* là lời tiên đoán của Đức Phật về việc sẽ xảy ra trong tương lai. Trong các kinh luận có rất nhiều chỗ nói về sự huyền ký của Đức Phật, như báo trước sự ra đời của vua A-Dục, sự ra đời của các Đại luận sư Mã Minh, Long Thọ .v.v... Ngoài ra, Đức Phật còn báo trước những sự kiện xảy ra hàng nghìn năm sau hoặc nhiều hơn nữa. Do đó, những kinh điển có nói đến sự huyền ký của Đức Phật là những tư liệu quý báu về mặt lịch sử, như *kinh Phật Lâm Niết Bàn Ký Pháp Trụ, kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập 55* .v.v...

* **Hương Sơn** : Còn gọi: *Hương thủy sơn, Hương tích sơn, Hương túy sơn* (Phạn: Gandhmādana, Hán âm: Càn-đa-ma-ha-thuật, Kiền-đa-ma-la). Núi ở vùng cực Bắc châu Diêm-phù-đề. Núi này thường có các mùi hương làm cho người bị say, cho nên gọi là Hương Túy. Theo *Kinh Khởi Thế Nhân Bản 1; phẩm Diêm-phù-châu, kinh Khởi Thế 1*, có vô lượng Khẩn-na-la sống trong Hương sơn, ở đó thường có âm nhạc, ca múa, các loại cây tỏa ra mùi thơm, cũng là chỗ ở của các vị thần Đại Oai Đức. Trong núi có hang Táp Sắc và Thiện Táp Sắc, do 7 món báu như mã não ... hợp thành. Hang dài, rộng 50 do-tuần, là chỗ ở của vua Càn-Thát-Bà và 500

Khẩn-Na-La nữ. Phía Bắc của 2 hang này lại có cây Đại Sa-la thụ vương, rừng cây Bát Thiên Sa-la và ao Mạn-đà-cát-ni.

Xưa nay người Ấn Độ vẫn cho núi này là núi thiêng, Còn giáo đồ của Bà-la-môn giáo thì tin rằng trên đỉnh núi này là cõi trời của Thần Siva (Thấp-bà), trong đó có cung điện của thần Cung-tì-la. Theo sự ghi chép của kinh điển thì núi này (hoặc là núi Kailāsa) cao chót vót, đứng ở bên bờ phía Bắc hồ Māsana trong dãy núi Hymalayas ngày nay.

* **Hương Khư** : Còn gọi: *Nhuông Khư*. Là vị vua Chuyển Luân ở tại kinh thành Phật. Vui rộng làm thập thiện, dẫn dạy nhơn dân; mọi người đều cảm hóa, không ai chẳng khâm phục. Thuở ấy, con người sống 80.000 tuổi, con gái 500 tuổi mới gả lấy chồng; nhơn dân tướng mạo đoan chánh, không ai xấu xa thô kệch. Trong nước, không có tai họa, cũng không có nóng nực, lạnh lẽo. Cửa ngõ chẳng cần đóng, vì không có nạn trộm cướp. Vua cũng không lo việc chiến tranh, vì các nước đều hưởng hòa bình. Cho đến thức ăn và đồ mặc, người ta có tự nhiên, khỏi phải làm lụng và khỏi đua tranh cực khổ.

* **Hữu Hiệp** : Còn gọi: *Hữu hiệp ngọa, Hữu hiệp sut tử ngọa, Sut tử ngọa*. *Hữu hiệp* là tư thế nằm nghiêng hông phải, 2 chân duỗi ra chồng lên nhau, gối đầu lên tay phải, tay trái duỗi thẳng, xuôi theo thân. Đây là cách nằm đúng pháp của Tỳ kheo và cũng được phần đông tín đồ Phật giáo áp dụng. Không được nằm nghiêng hông trái, vì đó là tướng dâm dục; không được nằm ngửa, vì đó là nghiệp của A-tu-la; không được nằm sấp, vì đó là nghiệp ngạ quỷ.

* **Hữu Pháp** : Gọi đầy đủ: *Hữu thể pháp*. Đối lại: *Vô pháp*.

Hữu pháp là pháp tồn tại hoặc pháp thật có. *Tông Duy Thức* cho rằng các pháp trong 18 giới hiện tại có thể tính, cho nên gọi là *Hữu thể pháp*; pháp vô vi cũng thuộc về Hữu thể pháp này. Trái lại, các pháp

không có thể tính như quá khứ, vị lai, lông rùa, sừng thỏ .v.v... gọi là *Vô thể pháp* (*Vô pháp*). Kinh Đại Niết Bàn, ghi: “*Xưa có nay không, xưa không nay có, Hữu pháp 3 đời, không có lẽ ấy*”.

* **Hữu Vi Không** : Phạn: Samskrta-sūnyatā. Tất cả các pháp hữu vi đều không có tự tính, vì do nhân duyên giả hợp mà sinh. Một trong 18 Không.



K

* **Khoáng Dã thành (thôn)** : Thành lớn giữa 2 nước Ma-kiệt-đà và Kiền-tát-la thuộc Ấn Độ. Theo *Tỳ-nại-da* 47, thành này nguyên là khu đồng trống lớn, có 500 tên giặc cướp thường giết hại khách buôn, cho nên giữa 2 vùng này tuyệt nhiên không có người qua lại. Bấy giờ, Ánh Thắng Vương nghe được, liền sai Đại tướng tiêu diệt bọn giặc cướp. Bọn giặc cầu xin tha mạng, vị Đại tướng vì lòng từ bi thương xót, xây một cái thành mới ở giữa 2 vùng, tập hợp mọi người đến ở, đó là nguồn gốc của thành này.

* **Khoáng Dã Thần (Quỷ)** : Phạn: *Ātavika, Ātavaka*. Hán âm: *A-thác-bạc-câu, A-thác-bà-câu*. Hán dịch: *Lâm nhân*. Còn gọi; *Khoáng Dã quỷ thần, Quỷ Khoáng Dã, Khoáng Dã Dạ-Xoa*.

Thần ở đồng trống, 1 trong 16 thần Dục-Xoa. Khi Đức Phật còn tại thế, Quỷ Khoáng Dã này ở tại các làng xóm đồng trống, ăn thịt nhiều chúng sinh, về sau tuy được đức Phật hàng phục giáo hóa, nhưng chúng vẫn còn thích uống máu ăn thịt để sống, cho nên Phật dạy đệ tử của Ngài mỗi ngày khi ăn đều phải bố thí thức ăn cho quỷ thần này. Phía Bắc sông Hằng, phía Đông của đền thờ trời Na-la-diên có một ngôi tháp, tức là nơi mà ngày xưa Đức Phật hàng phục thần Khoáng Dã.

* **Không Kiến** : Phạn: *Sūnyatā-drsti*. Kiến chấp sai lầm, không thừa nhận lý nhân quả 3 đời hoặc chấp trước vào pháp Không, hoàn toàn phủ định sự tồn tại của các pháp.

Theo *Luận Du-Già Sư Địa* 7, *Không kiến* có 2 loại:

1. *Không kiến của ngoại đạo*: Ngoại đạo không biết nhân quả có sự mau chậm khác nhau ở đời này, đời sau, nên thấy người làm việc lành chiêu cảm quả ác, người làm việc ác lại được quả lành, bèn cho rằng không có nhân quả, không thấy lý nghiệp báo thiện ác.

2. *Không kiến của nội giáo*: Người học Phật chưa hiểu đạo lý sâu xa của Như Lai, nghe nói tất cả đều là không, bèn rơi vào kiến chấp sai lầm cho rằng các pháp đều Không.

Tâm chấp trước Không kiến thì khởi tăng thượng mạn, vi phạm giới luật, buông lung theo ngũ dục, phá hoại chính kiến, oai nghi và sự sinh sống thanh tịnh.

* **Kiến Chấp Thường, Đoạn** : Xem **Thường Kiến, Đoạn Kiến** (Thích giảng, quyển 1).

* **Kiết Tường** : *Kiết*: Tốt, trái với hung. *Tường*: Điều lành, điềm lành. *Kiết tường*: Điềm tốt lành, sự tốt lành. Chữ vạn (卐), Phạn ngữ: *Svastika* cũng gọi là *Kiết tường*. Chữ ấy tiêu biểu cho các sự lành. Nơi ngực Phật, có hình chữ ấy. Trên vách phía trước nhiều ngôi chùa tháp, thường có khắc chữ ấy, chỗ nào gặp chữ *Kiết tường*, *Vạn tự*, tức là gặp điều tốt lành, phước đức vậy.

Ngôi kiếu kiết già tham thiền gọi là *Kiết tường tọa*.

Vị nữ thiên thân Công đức Thiên, từ ngài Huyền Trang về sau dịch là *Kiết tường thiên*.

* **Kiêu-Tát-La quốc** : Phạn: *Kosalā, Kausala*. Còn gọi: *Câu-xá-la quốc, Cự-tát-la quốc, Câu-tiết-la quốc, Cao-tát-la quốc, Câu-bà-la quốc*. Hán dịch: *Vô đầu chiến quốc, Công xảo quốc*.

Vương quốc xưa thuộc Trung Ấn Độ, ở phía Tây Bắc Ca-tỳ-la-vệ, phía Bắc Ba-la-nại, *Pháp Hiển Truyện*, ghi là “*Câu-tát-la quốc*”. Kinh đô của nước này là thành Xá Vệ (Sāvastī) là nơi Đức Phật đã giáo hóa suốt 25 năm. Nước này có vườn cây của Thái tử Kỳ-đà và Trưởng giả Cấp-Cô-Độc. Nhân dân ở đây có đời sống thuần hậu, lúa gạo dồi dào nhưng ít chúng tăng, nhiều ngoại đạo.

* **Kim Cương Thân** : Cựu dịch: **Kim Cang Thân**. Từ đồng nghĩa. Xem **Mật Tích Thân** (Thích giảng quyển 1).

* **Kinh Quyển** (viết theo luật thơ): Nguyên nghĩa: **Kinh Quyển**. Phạn: *Pustaka*. Trục giấy có chép kinh văn, về sau chỉ chung cho kinh sách.

Từ “*kinh quyển*” được ghi trong *kinh Pháp Hoa*, là chỉ cho thư tịch; đến thời đại Bắc Tống mới có loại bản xếp. Kinh Phật được viết trên giấy màu vàng, trục sơn màu đỏ, nên gọi là *Hoàng quyển xích trục*

(quyển vàng trục đỏ). Ngoài ra, cái bàn để đọc tụng kinh điển gọi là *Kinh trát*; kinh văn biên chép trên đá gọi là *Kinh thạch*; nơi chôn kinh quyển gọi là *Kinh trủng*.

* **Kinh Tạng** : Tạng kinh trong 3 tạng: *Kinh, Luật, Luận*. Xem **Kinh** (Thích giảng, quyển 1).

* **Kỳ Bà** : Phạn: *Javaka*. Còn gọi: *Kỳ-bà-già, Thời-bà, Kỳ-vực, Thời-phạ-ca*.

Kỳ Bà là một danh y Ấn Độ, sống vào thời Đức Phật còn tại thế. Ông từng học nghề thuốc ở nước *Đức-xoa-thi-la* (Phạn: *Taksasila*), sau trở về thành *Vương Xá* (Phạn: *Rājagṛha*) làm ngự y cho vua *Tần-bà-sa-la* và vua *A-xà-thế*. Ông rất thành tâm tín ngưỡng Phật giáo, thường đến trị bệnh cho đệ tử Phật. Ông chính là người đưa vua *A-xà-thế* đến gặp Đức Phật Thích Ca Mâu Ni để trị lành bệnh.

* **Kỳ Dạ kinh** : Phạn: *Geya*. Hán cụ dịch: *Trùng tụng, Trùng tụng kệ*. Tân dịch: *Ứng tụng*.

Kỳ Dạ kinh là phần kệ tụng lập lại ý nghĩa của đoạn văn Trường hàng ở trước. Một trong 9 thể loại kinh, 1 trong 12 thể loại kinh.

* **Kỳ Xà Quạt sơn** : Phạn: *Grdhrakūta*. Còn gọi: *Kỳ-xà-da sơn, Quạt sơn*. Hán dịch: *Linh Thứu sơn, Thứu Đầu Linh sơn*. Đây là ngọn núi ở phía Đông Bắc thành Vương Xá, thủ đô nước Ma-kiệt-đà thuộc Trung Ấn Độ, là nơi Đức Phật thường đến thuyết pháp, rất nổi tiếng.

Có thuyết cho rằng đỉnh núi giống hình chim Thứu, lại có thuyết cho rằng trên đỉnh núi có rất nhiều chim Thứu trú ngụ, nên có tên là núi Thứu. *Linh Thứu sơn* còn có rất nhiều di tích như nơi ông *Đề-bà-đạt-đa* lăn đá hại Phật; Thạch thất, là nơi Đức Phật và ngài *Xá-lợi-phất* cùng hàng Thanh văn nhập định; chỗ *Tôn giả A-Nan* gặp Ma vương nhiễu loạn; nơi Đức Phật tuyên thuyết *kinh Pháp Hoa, kinh Đại Phẩm Bát Nhã, kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương, kinh Vô Lợng Thọ*.



L

* **Lão tử** : Phạn: *Jarā maraṇa*. Còn gọi: *Chi lão tử*. *Lão tử* tức già và chết, chỉ chung cho sự biến đổi, hoại diệt của thân chúng sinh, là 1 trong 12 nhân duyên.

Theo *Tam Thế Lưỡng Trùng Nhân Quả*, trong 12 chi duyên khởi, chi Sinh và chi Lão tử là 2 quả vị lai, sau khi xả bỏ thân mạng đời hiện tại thì 5 uẩn tụ tập ngay trong 1 sát-na đầu tiên để hình thành thân mạng mới, gọi là Sinh; Trái lại, những sát-na mà sau khi Thức sinh khởi, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái dần dần tăng trưởng cho đến dị diệt, gọi là Lão tử. Trong đó, lão là sự suy biến của Sắc và Tâm, tử là sự hoại diệt của thọ mạng.

Trong 4 thứ Sinh, Lão, Bệnh, Tử thì lập Sinh làm 1 chi; Lão và Tử hợp lại làm 1 chi; Bệnh chẳng lập 1 chi được bởi vì Bệnh chẳng phải tất cả chúng sinh nhất định đều có, Lão tuy chẳng phải nhất định đều có, nhưng khắp tất cả cho nên lập làm 1 chi.

* **Liên Hoa Dâm Nữ** : Còn gọi: *Thanh Liên Hoa ni*, *Liên Hoa Sắc ni*, *Liên Hoa sắc nữ*, *Liên Hoa nữ*, *Ôn-la Bí-xu-ni*, *Liên Hoa Tiễn*, *Chuyên hoa sắc*, *Hoa sắc*, *Ưu-bát-la hoa sắc*, *Ưu-bát hoa sắc*, *Liên Hoa Sắc* (Phạn: *Utpalavarnā*).

Liên Hoa Sắc là vị Tỳ kheo ni được tôn xưng là đệ nhất thần túc trong hàng đệ tử *Tỳ kheo ni* của Đức Phật. Trước khi xuất gia, *Liên Hoa Sắc* vốn là người thành Vương Xá, có chồng người nước Uất-thiên, sinh được một người con gái. Vì biết được chồng tư thông cùng với mẹ, nên bà bỏ nhà đến thành Ba-la-nại, lấy một vị Trưởng giả khác. Sau đó, Trưởng giả này đến nước Uất-thiên buôn bán, lấy một thiếu nữ, về sau biết ra thiếu nữ này chính là con gái của bà. Bà vô cùng đau khổ, bỏ lại tất cả ra đi, đến thành Tỳ-xá-ly hành nghề dâm nữ. Ngày kia khi nghe Tôn giả *Mục Kiền Liên* thuyết pháp, bà qui kính Phật pháp, rồi xin Tỳ kheo ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề xuất gia, về sau chứng A-la-hán và đắc lục thông.

Theo *kinh Tap A Hàm 23*, *kinh Tăng Nhất A Hàm 28*, khi Đức Phật từ cung trời Đao Lợi thuyết pháp cho Thánh Mẫu Ma-da nghe và trở về nhân gian, *Liên Hoa Sắc* đã từng biến thành thân *Chuyển luân Thánh*

vtuong để nghinh tiếp Đức Phật. Sau đó, *Liên Hoa Sắc* hiện nguyên hình đánh lễ Phật. Đến khi Đề-bà-đạt-đa phản nghịch muốn gia hại Đức Phật, *Liên Hoa Sắc* liền trách mắng nên đã bị Đề-bà-đạt-đa nổi giận đánh vào đầu mà chết.

* **Liễu Ngộ** : Sự giác ngộ thật tướng của các pháp, chân lý vũ trụ.

* **Linh Nghiệm** : Còn gọi: *Nghiệm ứng, Linh cảm, Oai nghiệm*. Gọi tắt: *Nghiệm*.

Sự hiệu nghiệm không thể nghĩ bàn, do nguyện cầu chư Phật Bồ Tát, hoặc do thụ trì kinh điển mà được. Theo *Cao Tăng Pháp Hiển Truyện*, thuở xưa, vua A-Dục xây Tinh xá trên thêm báu nơi Phật giáo hóa, phía sau Tinh xá có dựng một trụ đá, trên đầu trụ có tạc tượng sư tử. Có một luận sư ngoại đạo tranh giành chỗ ở với một vị Sa-môn, vị Sa-môn dùng lý lẽ để biện luận, bấy giờ cùng nhau lập thế rằng, nếu đây là chỗ ở của Sa-môn thì xin có ứng nghiệm. Khi ấy, tượng sư tử trên đầu cột bèn rống một tiếng thật lớn để hiển hiện sự linh nghiệm, ngoại đạo kia liền bỏ đi.

* **Lợi Căn** : Phạn: *Tiksa-indriya*. Căn cơ nhạy bén. Người có căn cơ nhạy bén có thể hiểu được Phật pháp mà đạt đến giải thoát. Theo *Luận Đại Tì-bà-sa*, hạng lợi căn không tin lời người khác, chỉ tự mình nghiên cứu giáo điển mà được ngộ đạo, theo pháp mà tu, nên gọi là Tùy pháp hạnh.

* **Lợi Độn** : Lanh lợi và chậm lụt. Sáng suốt và tối tăm. Tức là Lợi căn và Độn căn, Lợi trí và Ngu trí. **Qui Nguyên Trực Chỉ**: *Chỉ nhân hơn hữu lợi độn, toại thành kiến hữu sai thù* (Chỉ bởi người ta có kẻ lanh người lụt, bèn thành ra ý kiến có sai khác nhau. Nghĩa là chư Phật, chư Tổ, các nhà dạy Đạo tùy theo trình độ người nghe mà tỏ bày ý kiến: với người lanh lợi, nói ra một cách; với người chậm lụt, giảng giải một cách khác).

* **Lục Độ** : Từ đồng nghĩa. Xem **Lục Ba-la-mật** (Thích giảng quyển 1).

* **Lục Niệm (Sáu Phương Chánh Niệm)** : Phạn: *Sad anusmrtayah*. Còn gọi: *Lục tùy niệm, Lục niệm xứ, Lục niệm pháp*. Sáu điều mà người tu Phật đạo phải luôn nhớ nghĩ.

1/. **Niệm Phật**: Nghĩ nhớ công đức vô lượng, đại từ, đại bi của Chư Phật.

2/. **Niệm Pháp**: Nghĩ nhớ 3 tạng, 12 thể kinh Như Lai đã dạy, làm lợi ích cho khắp chúng sinh.

3/. **Niệm Tăng**: Nghĩ nhớ Chư Tăng đầy đủ giới, định, huệ làm ruộng phước cho chúng sinh.

4/. **Niệm Giới**: Nghĩ nhớ giới hạnh có năng lực lớn hay trừ các phiền não xấu của chúng sinh.

5/. **Niệm Thí**: Nghĩ nhớ bố thí có công đức lớn, hay trừ tham lam keo kiệt của chúng sinh.

6/. **Niệm Thiên**: Nghĩ nhớ Chư Thiên ở 3 cõi đều nhờ căn lành đời xưa đã tu tịnh giới, bố thí, văn huệ mà được quả báo an vui này.

* **Lục Sư Ngoại Đạo** : Còn gọi: **Ngoại đạo Lục sư**. Đây là 6 phái ngoại đạo có thế lực lớn ở Trung Ấn Độ vào thời Đức Phật còn tại thế, *Lục Sư Ngoại đạo* là:

1/. **San-xà-da Tỳ-la-chi tử** (Phạn: *Sanjaya Belatthiputta*): Những người theo phái *Hoài Nghi Luận*, không thừa nhận tính chính xác của cái biết mang tính chất phổ biến và chủ trương *Bất khả tri luận*, cho rằng Đạo không cần phải tu, trải qua 8 muôn kiếp tự nhiên chứng đắc.

2/. **A-kỳ-đa Xì-xá-khâm-bà-la** (Phạn: *Ajita-Kesakambala*): Những người theo phái *Duy Vật luận, Khoái Lạc luận*, phái này phủ nhận lý nhân quả, mở đầu cho phái *Lộ-già-da* sau này.

3/. **Mạc-già-lê Câu-xá-lê** (Phạn: *Makkhali-Gosāla*): Những người theo *Tự Nhiên luận* thuộc *Túc Mạng luận*, chủ trương khổ vui không do nhân duyên mà chỉ do tự nhiên sinh ra. Đây là phái gốc của phái *A-kỳ-tì-già*.

4/. **Phú-lan-na Ca-diếp** (Phạn: *Pūrana-Kassapa*): Những người chủ trương *Vô Đạo Đức luận*, phủ nhận nghiệp báo thiện ác.

5/. **Ca-la-cừu-đa Ca-chiên-diên** (Phạn: *Pakudha Kaccāyana*): Những người theo *Cảm Giác luận* thuộc *Vô Nhân luận*, cho rằng địa, thủy, hỏa, phong, không, khổ, vui, linh hồn là những yếu tố độc lập.

6/. Ni-càn-đà Nhã-đề-tử (Phạn: *Nigantha-Nātaputta*): Người sáng lập ra Kỳ-Na giáo, chủ trương khổ vui, tội phước đều do đời trước tạo ra, tất nhiên phải chịu đền trả, không phải ngày nay tu hành có thể dứt được.

Tóm lại, các phái 3, 4, 5 thuộc phái A-kỳ-tì-già, 3 phái này và phái thứ 6 đều chủ trương *Khổ hạnh*; phái thứ nhất chủ trương *Bất khả tri luận*; phái thứ hai theo lập trường *Duy vật*.

Gọi *ngoại đạo* là gọi theo quan điểm Phật giáo, thật ra họ là những nhà có tư tưởng tự do chống lại tư tưởng Bà-la-môn đương thời và có hệ thống tư tưởng được lưu hành trong xã hội thời đó.

* **Lục Trụ** : Giai vị thứ 6 trong 10 trụ (thập trụ) tu hành của Bồ tát. Đó là *Chính tâm trụ* (còn gọi: *A-kỳ-tam-bát Bồ Tát pháp trụ, Hành đặng trụ*), thành tựu đệ lục bát nhã, nên chẳng phải chỉ có tướng mạo mà tâm cũng đồng với Phật.

* **Lưu Ly Thái Tử** : Còn gọi: *Tỳ-lưu-ly*. Vị thái tử của vua Ba-tư-nặc (*Prasenajit*), ở thành Xá-Vệ (*Sravasti*), nước Kiền-Tất-La (*Kosala*), cùng thời với Phật Thích Ca. Thái tử phế vua cha, tự mình lên ngôi. Vua Ba-tư-nặc phải chạy qua thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà nương nấu, được vua A-xà-thế bảo bọc (Vua A-xa-thế cũng là người cầm ngục vua cha cho đến chết mà soán ngôi). Sau khi đuổi vua cha ra khỏi nước, *Lưu Ly Thái tử* xưng vương rồi xua binh qua đánh nước Ca-tỳ-la-vệ, giết rất nhiều người trong họ Thích và chặt tay, chân; cắt tai, mũi 2000 phụ nữ họ Thích xông xô họ xuống hào. Những người phụ nữ ấy rất khổ não, bèn niệm : “Nam mô Phật Đà ! Nam mô Phật Đà !”. Những người phụ nữ ấy có gieo trồng thiện căn ở các đời Phật trước nên đã động lòng Từ đức Phật và được đức Phật hiện đến chữa lành các vết thương, được Phật thuyết pháp, sau họ đều xuất gia quy y theo bà Đại Ái Đạo tỳ kheo ni.

Về sau, *Lưu Ly Thái tử* chết thiêu trong một cuộc hỏa hoạn, khi đi thuyền ra biển.

* **Ly Tục** : Từ đồng nghĩa. Xem **Xuất Trần** (Thích giảng quyển 2).

* **Ly Bà Đa** : Phạn: *Revata*. Còn gọi: *Ly-việt-đa, Lê-bà-đa, Lý-phạ-đế, Ly-bà, Ly-niết, Ly-việt, Hiệt-ly-phạt-đa, Hát-ly-phiệt-đa*. Hán dịch: *Thường Tác thình, Sở cúng đường, Kim, Thất Tinh, Thích thời*.

Ly Bà Đa là một vị đệ tử Phật, em Ngài *Xá Lợi Phất*. Tương truyền, cha mẹ ngài cầu sao *Ly-bà-đa* mà sinh được ngài, cho nên lấy tên vì sao này đặt cho ngài. Có lần, ngài gặp mưa, ngủ lại ở miếu thần, đến khuya thấy 2 con quỷ dành nhau ăn thầy chết, ngài suy nghĩ về thân người hư huyễn, liền đến chỗ Đức Phật, được nghe đạo lý về thân người do **Tứ đại** giả tạm hòa hợp, liền xuất gia vào đạo. Ngài thường ngồi thiền nhập định, tâm không tán loạn.

Khi du hành đến nước Đà-Bà, ngài gặp tuyết lạnh, vì không mang giày dép, nên chân ngài bị thương tích; Đức Phật khen ngài là người thiếu dục tri túc. Từ đó về sau, Đức Phật cho phép các thầy Tỳ kheo ở xứ lạnh được mang Phú-la (giày ủng) hoặc giày dép.

* **Lý** : Có 2 nghĩa:

1/. Đạo lý, tức phép tắc làm tiêu chuẩn cho sự tồn tại, biến hóa của tất cả sự vật. Lý có thể chia thành 4 loại: Quán đãi đạo lý, Tác dụng đạo lý, Chứng thành đạo lý và Pháp nhĩ đạo lý.

2/. Đối lại: *Sự*. Đồng nghĩa: *Lý thể, Lý tính*. Lý chân thật, bình đẳng nhất như, là bản thể của vạn tượng sai biệt. Lý có 2 đức Tùy duyên và Bất biến, tức là tùy duyên mà biến hóa ra vạn pháp sai biệt, nhưng tính của nó vẫn thường trụ bất biến. Vì nó vượt ngoài tri thức tương đối của phàm phu, cho nên không thể dùng ngôn ngữ văn tự để biểu hiện.



M

* **Ma-Đà-Đà quốc (Ma-Già-Đà quốc)**: Còn gọi: *Ma-yết-dà quốc, Ma-kiệt-đề quốc, Mặc-kiệt-dà quốc, Mặc-kiệt-đề quốc, Ma-ha-dà quốc, Ma-kiệt-dà quốc* (Phạn: *Magadha*). Xưa là: *Trung Ấn*. Hán dịch: *Vô hại quốc, Bất ác xứ quốc, Trí cam lộ xứ quốc, Thiện thắng quốc*.

Một quốc gia thời xưa ở Ấn Độ, tức vùng Bihar ngày nay với thành phố Patna (thành Hoa Thị) và *Phật-dà-già-da* là trung tâm. Đây là một trong 16 nước lớn vào thời Đức Phật còn tại thế. Nước này có quan hệ rất sâu sắc đối với lịch sử phát triển Phật giáo.

Theo *Đại Đường Tây Vực Ký*, nước *Ma-kiệt-dà* chu vi hơn 5000 dặm, đất đai phì nhiêu, phong tục thuần phác, tôn sùng Phật pháp, có hơn 50 ngôi chùa, hơn 1 vạn vị tăng, phần nhiều tu theo pháp Đại thừa; ngoài ra còn có mấy mươi ngôi đền thờ thần và nhiều tôn giáo khác. Gần thành phố Hoa Thị có nhiều di tích nổi tiếng của Phật giáo như tháp A-Dục, tảng đá có dấu chân Phật, nền cũ chùa Kỳ Viên, nơi Đức Phật tu khổ hạnh, nơi 3 anh em Ca Diếp quy y Phật. Khi xưa vua *Tần-bà-sa-la* quy y Phật, Ông đã xây cất thành Vương xá mới ở phía Bắc thành cũ (nay là Rajgir) và sau đó vùng này trở thành nơi Phật thường đến thuyết pháp. Vua A-Dục, đời thứ 3 *Vương triều Khổng Tước*, thống nhất toàn cõi Ấn Độ, thế nước hưng thịnh, vua phái các sư đi khắp nơi, cả trong nước và hải ngoại để tuyên dương Phật giáo, xây cất tháp Phật, dựng trụ đá, tạo nên một thời kỳ phồn thịnh cho Phật giáo. Sang thời *Vương triều Cáp-đa* ở thế kỷ IV, Phật giáo cũng tiếp tục được phát dương. Đầu thế kỷ V, vua **Đế Nhật** sáng lập chùa **Na-Lan-Đà**, là trung tâm Phật giáo Ấn Độ. Đến thế kỷ VII, Vương triều này suy vong thì Phật giáo cũng theo đó suy vi.

* **Ma Ha Tát Đa** (viết theo luật thơ): Nguyên nghĩa: **Ma Ha Tát Đa**. Phạn: *Mahāsattva*. Gọi tắt: **Ma Ha Tát**. Hán dịch: *Đại hữu tình, Đại chúng sinh*.

Đây là từ gọi chung Bồ Tát hoặc Đại Sĩ. Tức là bậc có Nguyên đại, Hạnh đại, Độ Chúng Sinh đại, tôn quý nhất trong tất cả chúng sinh ở thế gian và không bao giờ lui sụt đại tâm ấy.

* **Ma-Ha-Tư-Na-Đạt-Đa** : Một người Ưu-bà-di, đệ tử tại gia hàng phụ nữ, tại thành Ba-la-nại, thời Phật Thích Ca. Bà *Ma-ha-tư-na-đạt-đa* là người đã trồng căn lành trong các đời Phật trước.

Nhằm ngày an cư mùa hạ 90 ngày của chư Tỳ kheo, bà có nguyện thí thuốc trong kỳ ấy. Có một vị Tỳ kheo mới vừa phát bệnh nặng. Lương y chẩn mạch, bảo cần có thịt người làm thuốc cho vị Tỳ kheo uống, bệnh mới dứt, bằng không thì phải chết.

Bà *Ma-ha-tư-na-đạt-đa* đi khắp trong chợ hỏi mua thịt người nhưng chẳng ai bán. Bà bèn tự cắt thịt bắp vế, nấu cháo, nếm hương vị cho vị Tỳ kheo ăn. Dùng món thuốc ấy rồi, vị Tỳ kheo khỏi bệnh. Nhưng chỗ bắp vế bị cắt lại thành độc, bà đau nhức không chịu nổi, bèn cất tiếng niệm: “Nam mô Phật Đà! Nam mô Phật Đà!”. Lúc ấy, Phật đương trụ tại thành Xá Vệ, nghe tiếng niệm Phật cầu cứu của bà, Ngài liền hiện lại. Bà *Ma-ha-tư-na-đạt-đa* thấy Phật đưa thuốc ra, thoa lên chỗ ghẻ độc của bà, bắp vế liền lành lại như cũ.

Nhơn đó, Phật nói với Bồ Tát Ca Diếp rằng: “Đó chẳng qua là sức Thiện căn ở lòng từ của Phật khiến ra như vậy thôi!”.

* **Mạt Già** : Gọi đầy đủ: **Mạt-già-lê-câu-xa-lê-tử**. Phạn: *Maskarigósāliputra*. Còn gọi: *Mạt-yết-lị-cù-xà-li-tử*, *Mạt-cơ-yết-lị-cù-xa-lị-tử*, *Mạt-già-lê-câu-xà-lê-tử*, *Mạt-khư-lê-cúc-xa-li-tử*.

Là vị Luận sư ngoại đạo rất có thế lực ở Trung Ấn Độ vào thời Phật còn tại thế, một trong Lục sư ngoại đạo. *Mạt-già-lê-câu-xa-lê-tử* là người chủ trương *Tự nhiên luận*, cho rằng sự khổ vui của chúng sinh không phải do nhân duyên mà chỉ là tự nhiên sinh ra.

* **Mạt Lợi Phu Nhân** : Phạn: *Mallikā*. Hán âm: *Mạt-lị*. Còn gọi: *Ma-lị phu nhân*, *Ma-lị-ca phu nhân*. Hán dịch: *Thắng Man phu nhân*.

Là vị phu nhân của vua Ba-tư-nặc, người ở thành Ca-tỳ-la-vệ xứ Trung Ấn Độ, tên Minh Nguyệt, cha là Ma-nạp-bà, mẹ thuộc dòng Bà-la-môn. Theo Hữu Bộ Tỳ-nại-da Tập Sự 7, sau khi cha chết, bà nổi trôi làm người đầy tớ của ông Ma-ha-Nam (Phạn: *Mahānāma*), có lần được lệnh vào vườn Mạt-lị hái hoa kết tràng, bà làm rất đẹp, nên ông Ma-ha-

Nam bảo bà hàng ngày chuyên làm công việc này, do đó bà có tên là Thắng Man.

Về sau, do công đức cúng dường bữa cơm cho Đức Phật mà bỏ thoát khỏi thân phận tội lỗi, trở thành phu nhân của Thắng Quang Vương (tức vua Ba-tư-nặc-Prasennajit) nước Kiền-tất-la, sinh ra thái tử Ác Sinh (tức thái tử Tỳ lưu ly-Vidūdabha).



N

* **Ngài Xá Lợi** : Viết đầy đủ: **Ngài Xá Lợi Phất**. Xem **Xá-lợi-Phất** (Thích giảng, quyển 2).

* **Nghịch Lưu** : Ngược dòng sinh tử để thể nhập cảnh giới giác ngộ. Loài hữu tình chúng sinh từ vô thủy đến nay, khởi hoặc tạo nghiệp, trôi nổi theo dòng sinh tử, khó vượt thoát ra được, cho nên cần phải dùng tâm nghịch lưu để đối trị. Theo *Ma Ha Chỉ Quán 4*, “Mười Tâm Nghịch Lưu” gồm:

1. *Tâm chánh tín nhân quả*: Người tu hành trước hết phải tin nhân quả, không được nghi ngờ. Dùng tâm này để phá trừ tâm bác không nhân quả.
2. *Tâm hổ thẹn tự trách*: Người tu hành tự trách mình, trong quá khứ, vì không có tâm hổ thẹn mà huân tập nhiều hạnh ác. Dùng tâm này để phá trừ tâm không hổ thẹn.
3. *Tâm lo sợ đọa đường ác*: Người tu hành tự nghĩ mạng người vô thường, bể khổ mênh mông, nên thiết tha sám hối, không tiếc thân mạng. Dùng tâm này để phá trừ tâm không sợ đọa vào đường ác.
4. *Tâm bày tỏ lỗi lầm*: Người tu hành không được che dấu lỗi lầm, phải thành tâm phát lồ sám hối. Dùng tâm này để phá trừ tâm che đậy lỗi lầm.
5. *Tâm đoạn dứt niệm ác tương tục*: Người tu hành phải dứt hẳn việc làm ác, suy nghĩ ác, không tạo tác nữa. Dùng tâm này để phá trừ tâm nghĩ ác tương tục.
6. *Tâm phát tâm bồ đề*: Người tu hành phải phát tâm rộng lớn trùm khắp cả hư không, nguyện cứu giúp và làm lợi ích cho tất cả hữu tình. Dùng tâm này để phá trừ tâm ác trùm khắp.
7. *Tâm tu bồi công đức, bỏ khuyết lỗi lầm*: Người tu hành phải cố gắng không dừng, dứt trừ các việc ác, làm tất cả việc lành. Dùng tâm này để phá trừ tâm tạo tội qua 3 nghiệp thân, khẩu, ý.
8. *Tâm giữ gìn chánh pháp*: Người tu hành phải giữ gìn chính pháp, sinh tâm tùy hỷ phương tiện. Dùng tâm này để phá trừ tâm thấy người lành không tùy hỷ.

9. Tâm luôn nghĩ mười phương Phật: Người tu hành nên tin tưởng, nhớ nghĩ đến trí huệ rộng lớn của 10 phương Phật, có khả năng làm cho ta dứt khổ và dẫn ta đến Phật đạo. Dùng tâm này để phá trừ tâm tùy thuận bạn ác.

10. Tâm quán tính tội vốn không: Người tu hành phải rõ suốt tâm mình vốn không, nên tính tội không chỗ nương gá. Dùng tâm này để phá trừ tâm vô minh hôn ám.

* **Nghiệp Quả** : từ đồng nghĩa. Xem **Nghiệp báo** (Thích giảng, Q.2).

* **Nghiệp Trần** : Còn gọi: *Nghiệp cấu, Tội cấu*. Nghiệp trần là Tội nghiệp và phiền não. Hoặc tính chất của nghiệp không sạch, ví như bụi dơ, nên gọi Nghiệp cấu.

Kinh Kim Quang Minh Văn Cú Ký 3, hạ, ghi: “Nghiệp cấu, nghiệp là động tác làm cho tâm phiền não động, thành cấu nhiễm, cũng có thể cho rằng phiền não từ nghiệp đời trước sinh, nên gọi là Nghiệp cấu”.

* **Ngoại Giáo** : Các giáo thuyết khác với giáo thuyết mà mình tín phụng. Theo lập trường Phật giáo thì ngoại giáo chỉ cho các học thuyết, giáo phái ngoài Phật giáo, như: Lục sư ngoại đạo, 6 phái Triết học, 95 thứ ngoại đạo, 135 thứ ngoại đạo ở Ấn Độ, hoặc Nho giáo, Đạo giáo ở Trung Quốc.

Ngoài ra, nói theo việc tu thân, tu tâm thì gọi giáo tu tâm là Nội giáo và giáo tu thân là Ngoại giáo. Theo *luận Nhị Giáo*, khi thân, tâm tu hợp, tuy là một thể, nhưng hình (thân) và thần (tâm) thật ra có khác nhau; vì nhục thân khó tránh khỏi sự chết đi và tiêu diệt, nhưng tâm thần thì lại tồn tại không mất, cho nên phương pháp trị thân bệnh gọi là Ngoại, kinh điển trị tâm bệnh gọi là Nội.

* **Ngoại Không** : Sáu ngoại xứ (6 trần): Sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp đều không có ngã, ngã sở, không có cái thật thể, không bền, hư giả nên gọi là Ngoại Không.

* **Ngoại Ma** : Ma chướng từ bên ngoài làm nhiễu loạn thân tâm người tu hành. Tức chỉ cho Thiên ma. Thiên Ma, gọi đầy đủ là *Tha Hóa Tự tại*

Thiên Tử ma. Ma vương và quyến thuộc của loài ma này cư ngụ ở tầng trời thứ 6 của cõi Dục, thường gây chướng ngại những việc thiện của loài người, ganh ghét pháp giải thoát của Hiền Thánh và nhiễu loạn sự thành tựu căn lành xuất thế của người tu hành.

Ngoài ra. Đại Sư Trí Khải, *tông Thiên Thai* chia Thiên Tử ma (quỷ thần ma) làm 3 loại là: Đôi Dịch quỷ (Trung Thích quỷ), Tinh Mị (thời mi quỷ) và Ma não (Ma-la quỷ).

* **Nguyệt Ái Thần Quang Tam Muội** : Còn gọi: **Nguyệt Ái Tam Muội**. Tam muội mà Đức Phật an trụ để trị lành bệnh ghẻ lở cho vua A-xà-thế ở hội Niết Bàn. Tam muội này có thể dứt trừ lửa lòng tham của chúng sinh, như ánh sáng trăng hay trừ nóng bức. Như từ mồng 1 đến ngày 15, vầng trăng và ánh sáng dần dần lan tỏa rộng lớn, Tam muội này cũng thế, hay khiến cho thiện căn của người mới phát tâm dần dần tăng trưởng cho đến đầy đủ Đại Niết Bàn; như mặt trăng tròn là vua trong các vì sao được chúng sinh ưa thích, Tam muội này cũng thế, là vua trong các điều thiện, là vị cam lồ được tất cả chúng sinh ưa thích, cho nên gọi là Nguyệt ái tam muội.

* **Ngũ Hạnh (Năm Hạnh)**: Năm pháp tu của Bồ Tát, gồm:

1/. *Thánh hạnh*: Chính hạnh tu tập nương vào giới, định, huệ.

2/. *Phạm hạnh*: Phạm nghĩa là tịnh(trong sạch). Bồ Tát không đắm nhiễm ái trước đối với Không và Hữu. Tịnh tâm này vận dụng lòng thương xót, ban cho chúng sinh niềm vui và làm cho dứt đi khổ đau.

3/. *Thiên hạnh*: Thiên tức Đệ nhất nghĩa thiên. Bồ Tát tu theo lý thiên nhiên nên thành tựu diệu hạnh.

4/. *Anh Nhi hạnh*: Anh Nhi dụ cho người, trời, Tiểu thừa. Bồ Tát lấy tâm từ bi thị hiện các hạnh thiện đồng với người, trời, Thanh văn, Duyên giác.

5/. *Bệnh hạnh*: Bồ Tát lấy tâm bình đẳng vận dụng lòng đại bi, thị hiện các hạnh phiền não, bệnh khổ ... như chúng sinh.

Ngoài ra, theo *Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa 4*, *Nhất tâm ngũ hạnh* tức là *Tam đế Tam muội*; *Thánh hạnh* tức là *Chân đế Tam muội*; *Phạm hạnh*, *Anh Nhi hạnh*, *Bệnh hạnh* tức là *Tục đế Tam muội*; *Thiên hạnh* tức là *Trung đạo vương Tam Muội*.

* **Ngũ Kiến (Năm Ác Kiến)** : Còn gọi: Ngũ nhiễm ô kiến, Ngũ tích kiến, *Ngũ lợi sử*.

Ngũ kiến là năm thứ ác kiến trong các phiền não căn bản.

1/. Tát-ca-da kiến (Phạn: *Satkāyadrsti*; Hán dịch: *Hữu thân kiến, Ngụy thân kiến, Hoại thân kiến, Thân kiến*). *Thuyết của Hữu Bộ, Kinh bộ* giải thích đó là hư ngụy; còn *tông Duy Thức* giải thích đó là di chuyển. Tức là tự chấp có sự tồn tại của ngã, gọi là Ngã kiến, cho rằng cái này thuộc về ta, gọi là Ngã sở kiến.

2/. Biên chấp kiến (Phạn: *Anta-grāha drsti*; còn gọi: **Biên kiến**). Kiến giải một bên, nghiêng chấp cực đoan, như cho rằng sau khi chết ta vẫn thường còn không mất, đó gọi là *Thường kiến (Hữu kiến)* hoặc cho rằng sau khi ta chết thì dứt hẳn, đó gọi là *Đoạn kiến (Vô kiến)*.

3/. Tà kiến (Phạn: *Mithyā drsti*). Kiến giải phủ định đạo lý nhân quả.

4/. Kiến thủ kiến (Phạn: *Drsti-parāmarṣa*). Tức kiến giải chấp trước sự sai lầm cho là chân thật.

5/. Giới cấm thủ kiến (Phạn: *Sila vrata parāmarṣa*; còn gọi: *Giới thủ kiến, Giới đạo kiến*). Quan niệm sai lầm, không chính xác về giới luật, cấm chế, chấp trước rằng giữ giới có thể đạt được Niết Bàn.

* **Ngũ Lực** : Phạn: *Pānca-balāni*. Gồm các năm lực như sau:

1/. Năm thứ lực dụng. Năm sức mạnh có thể phá trừ điều ác duy trì sự tu hành để đạt đến giải thoát được sinh ra từ sự tăng trưởng của 5 căn, tức 5 lực trong 37 đạo phẩm là:

1.1. *Tín lực* (Phạn: *Sraddha-bala*): Thành kính đối với Tam Bảo, có thể phá trừ tất cả tà tín.

1.2. *Tinh tấn lực* (Phạn: *Virya-bala*): Tu Tứ Chánh cần có thể đoạn trừ các điều ác.

1.3. *Niệm lực* (Phạn: *Smṛti-bala*): Tu Tứ Niệm xứ để được chính niệm.

1.4. *Định lực* (Phạn: *Samādhi-bala*): Chuyên tâm thiền định để đoạn trừ phiền não do 6 căn gây ra.

1.5. *Huệ lực* (Phạn: *Prajñā-bala*): Quán Tứ Niệm Xứ thành tựu trí huệ, có khả năng đạt đến giải thoát.

Nội dung của Ngũ lực giống như Ngũ vô lậu căn, là giáo lý thực tiễn của Phật giáo.

2/. Năm lực dụng thuyết pháp của Như Lai: Ngôn thuyết lực, Tỳ nghi lực, Phương tiện lực, Pháp môn lực và Đại bi lực.

3/. Năm lực dụng mà duy thức không chia chẻ phân tích, gọi là Ngũ lực nan phân, đó là: Định lực, Thông lực, Tá thức lực, Đại nguyện lực và Pháp uy đức lực.

4/. Năm lực chế phục năm căn do Tỳ kheo Na-Tiên lập, tức là 5 thứ lực: Chế nhãn, chế nhĩ, chế tỷ, chế khẩu và chế thân.

* **Ngũ nhãn** : Phạn: *Pāṇca Caksūsi*. Chỉ năm loại mắt.

1/. *Nhục nhãn* (Phạn: *Māmsa caksus*): Mắt của hàng phàm phu.

2/. *Thiên nhãn* (Phạn: *Divya caksus*): Mắt của Chư Thiên cõi Sắc hoặc những người tu tập thiền định đạt được. Mắt này có thể thấy được những việc gần xa, trước sau, trong ngoài, đêm ngày, trên dưới.

3/. *Huệ nhãn* (Phạn: *Prajñā caksus*): Mắt của hàng Nhị thừa. Mắt này có thể thấu rõ được chân không vô tướng, tức là dễ dàng thấy suốt tất cả hiện tượng đều là không tướng, định tướng.

4/. *Pháp nhãn* (Phạn: *Dharma caksus*): Mắt của Bồ Tát, mắt này thấy suốt được tất cả các pháp môn.

5/. *Phật nhãn* (Phạn: *Buddha caksus*): Mắt Phật. Mắt này có đủ công dụng của 4 loại mắt nói trên. Mắt này thấu suốt tất cả pháp, không có gì là chẳng thấy biết.

Tông Thiên Thai cho rằng *Nhục nhãn*, *Thiên nhãn*, *Huệ nhãn*, *Pháp nhãn* thuộc về nhân vị.; còn *Phật nhãn* thuộc về quả vị. Lại tùy theo 4 giáo *Tạng*, *Thông*, *Biệt*, *Viên* mà Ngũ nhãn có khác. Ngoài ra, *tông Chân Ngôn* đặc biệt xem trọng và Phật cách hóa *Phật nhãn*, gọi là *Phật nhân tôn*.

* **Ngũ Suy Tướng (Năm Tướng Suy)**: Còn gọi: Thiên nhân ngũ suy. Năm tướng suy của chư Thiên hiện ra khi tuổi thọ sắp hết, nêu trong phẩm Phạm Hạnh, kinh Đại Bát Niết Bàn. Tức:

1/. Áo quần nhơ nhớp.

2/. Hoa trên mũ héo úa.

3/. Thân mất vẻ oai nghi, có mùi hôi và mắt thường chớp.

4/. Nách ra mồ hôi.

5/. Không thích chỗ ngồi cũ của mình hoặc làm những việc thô tháo với ngọc nữ.

* **Nhã Thuyền** : Gọi đầy đủ: **Bát Nhã thuyền**. Thuyền Bát nhã, trí tuệ Bát Nhã ví như chiếc bè lớn chở chúng sinh vượt qua biển sinh tử, đạt đến bờ giác ngộ.

* **Nhân Ngã** : Từ đồng nghĩa. Xem **Bản Ngã** (*Thích giảng, Q.1*).

* **Nhẫn Nhục Ba-La-Mật** : Phạn: *Kshântiparamita*. Hán dịch: **Sàn đề Ba-la-mật**. Là hạnh nhẫn nhục trong sáu hạnh, sáu độ (Lục Ba-la-mật) của Bồ Tát.

* **Nhập tâm** : Dính khấn vào tâm. Ghi giữ vào lòng chẳng hề quên.

* **Nhiếp Tâm** (đảo từ: **Tâm Nhiếp**) : Tâm chuyên chú vào một cảnh khiến không hôn trầm, tán loạn. Tức ngay lúc thiền quán, vì để cho niệm khác không sinh, nên chọn nơi yên tĩnh, tu Sổ Tức để điều tâm, cốt ngăn ngừa tâm rong ruổi, khiến cho tâm an trụ vào một cảnh.

- Theo *Đại Thông Thiền Sư Bi Văn* của ngài *Trương Thuyết*, ngài *Thần Tú* thuộc *Bắc tông* cho rằng nhiếp tâm là tiền phương tiện của Định, Huệ; còn ngài *Thần Hội* thuộc *Nam tông* phản đối cách tọa thiền khán tâm khán tịnh, cho rằng khởi tâm chiếu soi ra bên ngoài, nhiếp tâm lóng lạng vào bên trong đều chướng ngại Bồ đề mà chủ trương *Đốn ngộ kiến tính*.

* **Nhiều Như Lai** : Còn gọi: **Nhiều Phật**, *Toàn nhiều hành đạo*. Một nghi lễ của Phật giáo, tức đi vòng quanh Đức Phật theo phía bên phải (theo chiều kim đồng hồ) một vòng, ba vòng hoặc trăm nghìn vòng, biểu lộ lòng cung kính, ngưỡng mộ.

Ban đầu nghi lễ này là lễ tiết của Ấn Độ cổ đại. Lúc Đức Phật còn tại thế, nghi lễ này vẫn còn. Về sau lại ứng dụng vào pháp tu trì hoặc trong pháp hội hành đạo.

* **Nhiệt Não** : Những cay đắng ngặt nghèo làm cho thân tâm khổ não nóng bức. *Phẩm Nhập Pháp Giới, kinh Hoa Nghiêm 78*, ghi : “Cũng như

bạch Chiên đàn, nếu dùng để xoa vào thân, có khả năng dứt hết mọi nhiệt não, làm cho thân tâm đều được mát mẻ”.

* **Nhị Thiên:** Âm theo Phạn là *Dvīṭya-dhyāna*. Theo *Luận câu-Xá 28, Luận Đại thừa A-Tì-đạt-ma, tập 9* thì Nhị thiên là bậc thiền định thứ 2 trong 4 thiền định của cõi Sắc. Người chứng được Nhị Thiên, định tâm vi tế, không còn các tâm sở tầm, tứ và cảm nhận được 2 thụ hỷ, lạc trong 3 thụ.

* **Như thị ngã văn :** Phạn: *Evam mayā srutam*. Còn gọi: *Ngã văn như thị, Văn như thị*.

“*Như thị ngã văn*” dịch nghĩa là “*Tôi nghe như thế này*”, là những chữ đầu trong các kinh điển Đại thừa. Lúc Đức Thế Tôn sắp nhập diệt, Ngài đã dặn dò Tôn giả A-Nan (Phạn: *Ānanda*), người đệ tử đa văn bậc nhất, kinh tạng của cả một đời Đức Phật tuyên thuyết, đều phải đặt ở đầu quyển câu “*Như thị ngã văn*” (*Tôi nghe như thế này*) để phân biệt với kinh điển ngoại đạo.

Như thị là chỉ cho ngôn hạnh, cử chỉ của Đức Thích Tôn được trình bày trong kinh. *Ngã văn* chỉ cho người biên tập kinh tạng là A-Nan, tự nói chính Ngài nghe từ ngôn hạnh của Đức Thích Tôn. *Như thị* còn có nghĩa là tin thuận theo pháp do chính mình được nghe; *Ngã văn* là làm cho người khác có lòng tin vững chắc. Đây chính là *Tín thành tựu* và *Văn thành tựu*, còn gọi là *Chứng tín tự*.

* **Nhứt Thiết Trí** (Cụm dịch): Xem **Nhất Thiết Trí** (Thích giảng, Q.1).

* **Ni-Đà-Na kinh :** Phạn: *Nidāna*. Hán dịch: *Nhân Duyên, Duyên Khởi*. Tức là nguyên do, khởi nguyên, là 1 trong 12 thể loại kinh của Đại thừa, tức là phần thuyết minh nguyên nhân, duyên khởi để Phật thuyết pháp và chế định giới luật trong kinh điển.

- Theo *Đại Thừa Pháp Uyển Nghĩa Lâm Chương 2*, Ni-Đà-Na có 3 nghĩa: Ứng thỉnh thuyết giáo, Nhân phạm chế giới và Nhân sự thuyết pháp.

- *Luận Đại Trí Độ 33*, ghi: “Ni-Đà-Na nói về nhân duyên Phật pháp. Phật nói do nhân duyên nào mà nói việc này ? Tu-Đa-La có người hỏi thì Phật

mới nói. Cờ Tỳ-Ni có người phạm thì Phật mới chế giới. Tất cả những lời Phật nói về duyên khởi đều gọi là Ni-Đà-Na”.

* **Ni-Kiền-Đà-Nhã-Đề Tử** : Phạn: *Nirgrantha-jāntiputra*. Còn gọi: *Phiệt-dà-ma-na* (Phạn: *Vardhamāna*), *Ni-kiền-đà-xà-đề-phất-đa-la*, *Ni-yết-lạn-đà-thận-nhã-đề tử*, *Ni-yên-nhã-đề tử*, *Ni-kiến Thân tử*. Gọi tắt: *Nhã-đề tử*, *Ni-kiền tử*. Hán dịch: *Li Hệ Thân Tử*.

Khai tổ của *Kì-Na giáo*, một trong các ngoại đạo *Ni-kiền tử*, một trong Lục sư ngoại đạo ở Ấn Độ. Theo truyền thuyết, trước *Ni-kiền-đà-nhã-đề tử*, *Kì-na giáo* còn có 23 vị Tổ sư, cho nên đời sau còn cho rằng *Ni-kiền-đà-nhã-đề tử* là Tổ thứ 24 hoặc tôn ông là Tổ trung hưng *Kì-na giáo*. Ông cùng thời với Đức Phật, sinh ở một ngôi làng ngoại thành Tỳ-xá-ly, Trung Ấn Độ. Mẹ ông tên là *Nhã-đề* (Phạn: *Jnāta*) nên gọi ông là *Nhã-đề tử*. Ông vốn là người tại gia có vợ con. Năm 30 tuổi, cha mẹ ông tuyệt thực mà qua đời, ông chợt ngộ, liền xuất gia học giáo điển của *Ba-xa-bà* (nghĩ là *Lặc-xa-bà*) để cầu đạo giải thoát. Sau khi đại ngộ, ông được Quốc vương giúp đỡ truyền bá đạo pháp khắp các nơi như: *Tỳ-xá-ly*, *Ma-yết-đà*, *Uyên-già* của Trung Ấn Độ ... Ông được tín đồ tôn là *Kì-Na* (Phạn: *Jina*, Thắng giả), *Đại Hùng* (Phạn: *Mahāvira*), *Hoàn Toàn Giả* (Phạn: *Kevalin*) hoặc *Phật Đà*. Nhưng quan điểm Phật giáo cho tư tưởng của ông là tà mạng, bởi ông chủ trương tội phước, khổ vui đều là nhân cố định ở đời trước, chẳng phải hành đạo mà đoạn trừ được, tất cả chúng sinh trải qua 4 muôn kiếp sẽ tự nhiên giải thoát ra khỏi vòng sinh tử, bất luận là có tội hay không tội. Như 4 sông lớn đều chảy về biển cả, không có sai khác, tất cả chúng sinh cũng như thế, lúc được giải thoát đều không khác nhau.

Năm 72 tuổi, ông thị tịch tại thành *Ba-bà* (Phạn: *Pāvā*), (vào khoảng năm 467 hoặc năm 480 trước Tây Lịch). Đệ tử của ông có 11 vị nhưng đa số tuyệt thực mà qua đời, sau khi ông thị tịch, chỉ có 2 vị truyền bá học thuyết của ông. Theo truyền thuyết, tín đồ có đến 480 vạn người.

* **Niệm Giới** : Phạn: *Silānusrīti*. Luôn nhớ nghĩ những công đức của giới hạnh, nghĩa là nhớ nghĩ giới có khả năng dừng được các việc ác, thành tựu Phật đạo.

* **Niệm Pháp** : Phạn: *Dharmānusmrti*. Nhớ nghĩ đến thắng, lợi, diệu, đức của Phật pháp, là nhớ nghĩ pháp thanh tịnh, là 2 bên, diệt phiền não, dứt ái dục, khiến không dơ không ngại, là 1 trong 10 niệm, 1 trong 8 niệm.

* **Niệm Thiên** : Phạn: *Devānusmrti*. Chuyên nghĩ tưởng đến sự vui sướng đầy đủ của Chư thiên, đồng thời tu các hạnh như bố thí, trì giới, giữ thân khẩu ý thanh tịnh, không tạo các nghiệp ác, để đạt được thân tốt đẹp của cõi trời.

Phẩm Quảng Diễn, kinh Tăng Nhất A Hàm 2, ghi: “Đức Thế Tôn dạy rằng: Nếu có Tỳ kheo chính thân đoan ý, ngồi kiết già, buộc niệm hiện tiền, không có ý tưởng nào khác, chuyên niệm Thiên, thân khẩu ý thanh tịnh, không tạo các hạnh xấu. Giới hạnh thành thân, thân phóng ánh sáng khắp nơi (...) thường nên tư duy không là niệm Thiên thì sẽ đạt được những công đức lành này”.

* **Niệm Thí** : Phạn: *Tyāgānusmrti*. Còn gọi: *Niệm bố thí, Niệm xả*. Luôn nghĩ đến việc bố thí.

Pháp Uyển Châu Lâm 34, ghi: “Niệm bố thí là luôn nghĩ đến việc bố thí, đối với của cải đã đem bố thí không có lòng hối tiếc, không nghĩ được báo đền, chóng được thiện lợi; nếu bị người mắng chửi, thêm đao chém, gậy đánh, cũng nên khởi lòng từ, không sinh nóng giận. Khi bố thí, ý bố thí của chúng ta không dứt thì trừ các loạn tưởng, đạt đến Niết bàn; không là niệm thí, liền được các công đức”.

* **Nội Đạo** : Đối lại: *Ngoại đạo*. *Nội đạo* là giáo môn của đức Phật. Là từ tự xưng của Phật giáo khi đối với các giáo phái khác. Các tông cũng có ý kiến khác nhau về Nội đạo và Ngoại đạo. Theo *kinh Niết Bàn, Phẩm Phạm Hạnh* thì đạo có 2 loại là Thường và Vô thường, đạo của Nội đạo được gọi là Thường và đạo của Ngoại đạo gọi là Vô thường.

Phật tánh tức là Nội đạo, vì Bồ Tát khi tu tập theo Ngoại đạo trong vô lượng kiếp, nhưng nếu là Nội đạo thì không thể thành A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề.

Theo *luận Nhị Giáo* của ngài An Đạo, giáo pháp “cứu hình” gọi là Ngoại, giáo pháp “tế thân” gọi là Nội, Phật giáo là Nội, Nho giáo là

Ngoại. Phật giáo dùng tam pháp ấn “*các hành Vô thường, các pháp Vô ngã, Niết bàn tịch tĩnh*” để phân biệt Nội đạo và Ngoại đạo. Nhưng Đại thừa vô tướng thì không hạn cuộc ở thuyết này, như *Thập Nhị Môn Luận Sớ* cho rằng: Đạo không có nội, ngoại, tùy theo đạo của người thực hành mà thành nội, ngoại khác nhau, tức là đứng trên lập trường Trung Đạo thì không chấp trước tướng của nội ngoại.

* **Nội Không** : Phạn: *Adhyātma-sūnyata*. Sáu nội xứ (6 căn): Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Vì trong 6 nội xứ này không có ngã, ngã sở nên gọi là Nội Không.

* **Nội Ngoại Không** : Phạn: *Adhyātma-bahirdhā-sūnyatā*. Còn gọi: *Thân không, Tự thân không*. Quán 6 căn bên trong và 6 cảnh bên ngoài đều không có ngã và ngã sở, cũng không có pháp trong và pháp ngoài, 1 trong 18 thứ Không.

* **Nội Pháp** : Còn gọi: *Nội giáo, Nội đạo, Nội học, Nội minh*. Đây là từ chỉ Phật pháp.

* **Nội Tâm** : Tâm thức của con người, do đối lại với ngoại hình nên gọi là Nội tâm.

Kinh Chính Pháp Niệm Xứ 2, ghi: “Nội tâm tư duy tùy thuận chính pháp”.



O

✱ **Oai Đức Trưởng Giả:** Âm theo Phạn: *Ugra*; Còn gọi: *Úc-Già trưởng giả, Úc-Ca trưởng giả, Ưu-Ca trưởng giả, Úc-cù-lâu trưởng giả*; Gọi đầy đủ: *Úc-ca-la-việt trưởng giả*; Hán dịch: *Tối thủ trưởng giả, Công đức trưởng giả, Oai Đức trưởng giả, Hùng Giả trưởng giả*.

Oai Đức trưởng giả là vị Trưởng giả, người ở Tượng Thôn (Phạn: *Hatthi-gama*) gần thành Tì-xá-li, Ấn-Độ, sống vào thời Phật tại thế. Theo Kinh *Úc-Già Trưởng giả trong phẩm Vị Tăng Hữu Pháp của Trung A-Hàm 9*; có lần, Trưởng giả nhóm họp các kỹ nữ vui chơi trong khu vườn lớn Tì-xá-li, khi đã quá chén, ông thấy Đức Thế Tôn từ xa trong rừng cây, dung mạo trang nghiêm xinh đẹp, bấy giờ, Trưởng giả liền tỉnh rượu, đến chỗ Phật, nghe Phật giảng nói pháp Tứ đế, đoạn trừ nghi hoặc, suốt đời lấy phạm hạnh làm đầu, thệ nguyện thụ trì Ngũ giới. Sau khi Phật diệt độ, ông bố thí tất cả tài vật của mình, nguyện được như Chuyển Luân Thánh Vương, cho đến được sinh lên cõi trời Đệ Tứ Thiên. Theo Hội *Úc-Già Trưởng giả trong kinh Đại Bảo Tích 82*, Khi Phật ngự tại Tịnh Xá Cấp-Cô-Cùng, vị Trưởng giả này có thưa hỏi về hành pháp của Bồ Tát tại gia, xuất gia, Đức Phật đã nói rộng về Tam quy Ngũ giới và Tứ thánh chủng hạnh của người xuất gia cho ông nghe.



P

* **Pháp Bất Cộng** : Còn gọi: **Bất Cộng pháp**, *Bất cộng Phật pháp*. Phạn: *Āvenika-buddha-dharma*. Là pháp công đức thù thắng, chỉ có Phật và Bồ Tát mới đầy đủ, còn phàm phu và Nhị thừa thì không có. Trong kinh luận Tiểu thừa và Đại thừa, đối với pháp Bất cộng này có nhiều thuyết khác nhau, thông thường gọi chung các pháp: *Thập lực*, *Tứ vô sở úy*, *Tam niệm trụ* và *đại bi của Phật* là 18 pháp Bất cộng.

* **Pháp Cảnh** : Theo *Phẩm Phạm Hạnh*, *Kinh Đại Bát Niết Bàn* thì Pháp cảnh có nghĩa là tấm gương giáo pháp. Giáo pháp của Đức Phật có công năng soi chiếu muôn vật, giống như tấm gương sáng hiện rõ tất cả các cảnh. *Luận Đại Trí Độ 5*, ghi: “Bậc Đại tướng của chính pháp tay cầm Pháp cảnh, soi chiếu tạng trí huệ của Phật pháp”.

Ngoài ra, Pháp cảnh còn gọi là Pháp trần, Pháp xứ, Pháp giới là đối tượng của tiền lục thức hoặc đặc biệt chỉ cho đối tượng của ý thức, một trong 6 cảnh.

* **Pháp Hành** : Còn gọi: *Tùy pháp hành*. Phạn: *Dharmānusārin*. Đối lại: *Tùy tín hành*. Một trong 18 bậc Hữu học, một trong 27 bậc Hiền thánh. Trong *tông Câu-Xá*, Tùy pháp hành chỉ cho bậc Thánh lợi căn kiến đạo Thanh văn thừa, tự dùng trí lực y pháp tu hành mà tiến lên Thánh đạo. Tức ở trong giai đoạn Kiến đạo, bậc lợi căn xem kinh điển, lựa chọn, tư duy, các pháp rồi như lý mà tu hành.

Tông Thành Thật chỉ cho những bậc Kiến đạo trở xuống, trụ ở địa vị 4 thiện căn: Noãn, Đảnh, Nhãn, Thế đệ nhất.

* **Pháp Hội** : Còn gọi: Pháp sự, Phật sự, Tế hội, Pháp yếu. Các pháp sự được tổ chức vào các ngày lễ của Phật giáo. Trong những ngày này, các tín đồ Phật giáo vân tập về một địa điểm đã qui định để thiết trai cúng dường, bố thí, thuyết pháp và tán thán công đức chư Phật.

Ngoài ra, còn có pháp hội giảng thuyết và cúng dường các kinh luận như hội Đại Bát nhã, hội Pháp Hoa ...

* **Pháp Hữu** : đảo từ của *Hữu Pháp*. Xem **Hữu Pháp**.

* **Pháp Hỷ** : Còn gọi: *Pháp duyệt*. Nghe giáo pháp của Đức Phật, khởi tín tâm mà sinh lòng hoan hỷ. *Kinh Hoa Nghiêm 2* (bản cựu dịch), ghi: “Âm thanh của Đức Phật có năng lực làm cho người nghe sinh tâm hoan hỷ, khiến mọi chúng sinh được Pháp hỷ”.

* **Pháp Nhãn** : Phạn: *Dharma-caksu*. Con mắt trí huệ có thể thấy được thật tướng của tất cả các pháp, có thể thấu suốt rõ ràng lý duyên sinh của các pháp sai biệt, một trong Ngũ nhãn (Nhục nhãn, Thiên nhãn, Huệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn).

Chư Bồ Tát hóa độ chúng sinh, dùng Pháp nhãn thanh tịnh quán sát khắp các pháp, chứng được đạo quả; lại biết pháp môn phương tiện, tùy cơ hóa độ chúng sinh, giúp cho chúng sinh tu hành và chứng được đạo quả.

* **Pháp Vô Ngại** : Gọi đầy đủ: *Pháp vô ngại trí*. Còn gọi: *Pháp vô ngại biện*, *Pháp vô ngại giải*. Trí biện tài vô ngại đối với danh tự của các pháp; Trí nhớ tên các pháp, không bị ngăn ngại. Một trong Tứ vô ngại trí của Đại Bồ Tát: Pháp vô ngại trí, Nghĩa vô ngại trí, Từ vô ngại trí và Nhạo thuyết vô ngại trí.

* **Pháp Yếu** : Theo *Phẩm Phạm Hạnh*, *Kinh Đại Bát Niết Bàn* thì *Pháp Yếu* để chỉ những nghĩa lý cốt yếu trong giáo pháp. Còn gọi: *Yếu Văn*, *Chủ Nhãn*. *Đại Nhật Kinh Sớ 1*, ghi: “Đối với chân ngôn pháp yếu này vận dụng tu hành sẽ đạt được quả Sơ Địa”.

* **Phạm Âm** : Còn gọi: *Phạm thanh*. Âm thanh vi diệu, thanh tịnh của Phật, Bồ Tát, một trong 32 tướng tốt của Phật. Theo *Luận Đại Trí Độ 4*, *Phạm âm* của Phật có 5 năng lực: **1.** Rền vang như sấm ; **2.** Trong trẻo vang xa, người nghe tâm sinh vui mừng ; **3.** Khiến người sinh tâm kính ái ; **4.** Dễ hiểu ; **5.** Người nghe không chán.

* **Phạm Chí** : Phạn: *Brāhmana*. Hán dịch: *Tịnh duệ*, *Tịnh hạnh*. Hán âm: *Bà-la-môn*, *Phạm Sĩ*.

Phạm Chí là từ gọi chung tất cả những người xuất gia của ngoại đạo. *Luận Đại Trí Độ 56*, ghi: “Phạm Chí là tất cả những người xuất gia của ngoại đạo. Người tu pháp của ngoại đạo cũng gọi là Phạm Chí”.

Phạm Chí cũng chỉ Bà-la-môn tại gia. Theo *Pháp Hoa Văn Cú Ký 9, thượng*: Người tại gia thờ Phạm Thiên gọi là Phạm Chí, ngoại đạo xuất gia gọi chung là Ni Kiền. Nhưng theo *Pháp Hoa Kinh Yếu Giải 5*, thì ngoại đạo tại gia gọi là Ni Kiền, còn ngoại đạo xuất gia gọi là Phạm Chí.

Theo *Du Già Luận Ký 9, thượng*, “Phạm” là tiếng Tây Vực, Hán dịch là *Tịch tinh, Niết bàn*; “Chí” là tiếng Trung Quốc, quyết chí cầu Phạm, ghép chung 2 chữ lại thành Phạm Chí. Các Phạm Chí như Trường Trảo Phạm chí, Loa Kế Phạm chí, được các kinh nói đến, về sau các Phạm chí này đều trở thành đệ tử nổi tiếng của Đức Phật. Con gái của Phạm Chí hoặc các cô gái tu theo đạo này được gọi là Phạm nữ.

* **Phạm thiên giới (Trời Phạm Thiên)**: Gọi tắt: *Phạm giới*. Trời Sơ thiên thuộc cõi Sắc. Trong cõi Phạm thiên có Phạm Chúng thiên (Phạn: Brahma-pārisadya), Phạm Phụ thiên (Phạn: Brahma-purohita), cả 3 đều được gọi chung là Phạm Thân thiên (Phạn: Brahma-kāyita) hoặc Phạm Thế thiên. Cõi trời này thanh tịnh, vắng lặng, các phiến não căn bản đều vắng lặng.

* **Phấn Tảo** : Gọi đầy đủ: Y Phấn Tảo. Xem **Y Phấn Tảo** (Thích giảng, quyển 1).

* **Phi Đạo** : Bao hàm các nghĩa như sau:

- Đạo ngoài Phật giáo.
- Trái với đạo lý.
- Ác thú hoặc địa ngục.
- Trung đạo phi hữu phi không.

* **Phi Phi Tưởng Thiên** : Xem **Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Thiên** (Thích giảng, quyển 1).

* **Phú Lan Na (Bộ Thích Noa)**: Gọi đầy đủ: *Phú-lan-na Ca Diếp*. Phạn: *Púrana-kāsyapa*. Hán dịch: *Mãn, Cứu Cánh, Qui, Âm quang, Hộ quang*.

Còn gọi: *Phú-lan Ca-Diếp*, *Phất-lan Ca-diếp-ba*, *Lão Ca Diếp*, *Bổ-thích-noa Ca-diếp-ba*, *Bổ-thích-noa Ca-diếp-ba*.

Phú-lan-na là một ngoại đạo ở Trung Ấn Độ sống vào thời Đức Phật còn tại thế.

Theo *Phẩm Địa Ngục*, kinh *Pháp Cú Thí Dụ 3*, *Phú-lan-na Ca-diếp* là một Bà-la-môn nước Xá Vệ có 500 đệ tử, từng cùng Đức Phật tỷ thí đạo lực, bị thua nhảy xuống sông mà chết. Có thuyết nói rằng ông là con của nô lệ thường lỏa hình.

Theo kinh *Sa Môn Quả Trường A Hàm 17*; *Kinh Đại Bát Niết Bàn*, người này chủ trương vô nhân luận, vô đạo đức luận, cho việc mê ngộ của chúng sinh đều không có nhân duyên, các nghiệp thiện ác đều không có quả báo.

* **Phương Quảng** : Từ đồng nghĩa. Xem **Phương Đẳng** (Thích giảng quyển 1).



Q

* **Quang Âm Thiên (Trời Quang Âm)** : Phạn: *Ābhāsvara*. Hán âm: *A-ba-hội-đề-bà, A-ba-hội-thiên, A-hội-hỗ-tu-thiên, A-ba-hỗ-tu-thiên, A-ba-la-thiên, A-ba-tối-la-già-thiên*.

Hán dịch: *Quang Âm thiên, Thủy vô lượng thiên, Vô lượng thủy thiên, Cực Quang Tịnh thiên, Cực Quang thiên, Quang Tịnh thiên, Biến Thắng*. Tân dịch: *Cực Quang Tịnh thiên, Biến Thắng Quang thiên*.

Tầng trời thứ ba của Đệ nhị thiên, trong các tầng trời cõi Sắc. Tầng trời này ở trên Vô Lượng Quang thiên và ở dưới Thiểu Tịnh thiên, chúng sinh cõi này không có âm thanh, do định tâm phát ra ánh sáng thay thế ngôn ngữ để truyền đạt ý nghĩa, nên gọi là *Quang Âm thiên*. Chúng sinh có nghiệp tương ứng bậc Thượng phẩm cõi trời Nhị thiên thì đầu thai về cõi này, được sắc tướng tối thắng, thân cao 8 do-tuần, sống lâu 8 đại kiếp, lấy hỉ duyệt làm thức ăn, sống trong sự an lạc, ánh sáng tự nhiên, có thần thông đi được trên hư không.

* **Quán Hạnh** : Cũng gọi: **Quán hành**. Hành pháp quán tâm. Tức quán tâm tu hành, soi chiếu tâm mình để rõ suốt bản tính hoặc chỉ cho hành tướng của quán pháp.

Kinh Phạm Võng, hạ ghi: “Nếu không thông hiểu kinh luật Đại thừa, không hiểu được các tướng khinh, trọng, thị, phi của các pháp, không thông hiểu các pháp Tập chủng tính, Trưởng dưỡng tính, Bất khả hoại tính, Đạo chủng tính, Chính tính ... trong Đệ nhất nghĩa đế, Quán hành nhiều hay ít, xuất nhập 10 thiên chi, tất cả các pháp ấy đều không hiểu thì xem như vị ấy không hiểu được gì cả về ý của pháp này”. Ngoài

ra, giai vị thứ 3 trong Lục tức vị thuộc Viên giáo của tông Thiên Thai chính là Quán hành tức.

* **Quy Nguyên:** Còn gọi: Quy hóa, Quy chân, Quy tịch, Quy mộc, Quy không, Quy khứ. Đồng nghĩa: Viên tịch, Nhập tịch, Thị tịch. Tức chỉ người chết hoặc chư tăng thị tịch.

Quy nguyên nghĩa là xa lìa cõi đời sinh diệt vô thường để trở về cảnh giới bản nguyên chân tịch (Niết-bàn), cho nên từ ngữ này thường dùng để chỉ cho cái chết của chư tăng hoặc người tu chứng. Về sau từ Quy nguyên cũng dùng để chỉ cho cái chết của những người bình thường.



S

* **San-Xà-Dạ Tì-La-Chi Tử** : Phạn: *Sānjaya-vairatī-putra*. Còn gọi: *San-xà-da tì-lan-trà*, *Tán-nhã-di tì-la-lê tử*, *Tiên-quì-cưu đọa-la-trí tử*, *Bà-nhã-dã-vĩ-la-trí tử*, *Bà-nhã-ti-la-trì tử*, *Tiên-tử-lô-trì*, *San-xà-dạ*, *San-nhã*, *Sa-nhiên*.

- Là một trong 6 vị Luận sư ngoại đạo của Ấn Độ thời xưa, *San-xà-dạ* là tên tự của ông, dịch là *Đẳng Thắng*; *Tì-la-chi* là tên mẹ ông. Ông là một ngoại đạo có nhiều thế lực ở thời đại *Đức Phật*, các Ngài *Xá Lợi Phất*, *Mục Kiền Liên* đã từng theo học với ông trước khi theo *Đức Phật*.

- Học thuyết của ông là Bất khả tri hoặc là chủ nghĩa tiêu cực Hoài Nghi Luận, chủ trương bỏ đi tất cả tri (biết), chuyên trọng tu hành thực tiễn. Theo *Chú Duy-Ma-Cật Kinh 3*, *San-xà-dạ Tì-la-chi tử* cho rằng đạo chẳng cần cầu, qua vô số kiếp sinh tử thì khổ sẽ hết, tự nhiên đắc đạo. Thuyết này đồng với thuyết của *Ni-kiền-đà Nhã-đề tử* trong *kinh Niết Bàn*.

* **Sanh, Trụ, Hoại, Diệt** : Còn gọi: *Sanh, Trụ, Di, Diệt* ; *Thành, Trụ, Hoại, Không*.

Bốn tướng, bốn thời kỳ của các pháp hữu vi. **Sanh** là thời kỳ tăng trưởng; **Trụ** là thời kỳ thành tựu; **Di** là thời kỳ biến hoại; **Diệt** là thời kỳ tiêu diệt. Muôn vật từ tế nhị cho đến thô trọng, đều lần lượt trải qua bốn tướng ấy. Còn “*Thành, Trụ, Hoại, Không*” để dùng chỉ bốn tướng của một Đại kiếp một cõi thế giới, gọi tắt là Sanh diệt.

Theo *kinh Đại Bát Niết Bàn*, Bồ Tát đối với năm cảnh: sắc, thanh, hương, vị, xúc; đối với kẻ nam người nữ; đối với bốn tướng sanh, trụ, di, diệt; đối với 2 sự khổ, vui thì chẳng khổ cũng chẳng vui, lại chẳng giữ lấy

tướng mạo. Như vậy gọi là thực hành rốt ráo lý tịch diệt chơn đế, tức Diệt đế (Chân lý thứ ba trong Tứ Diệu Đế).

* **Sát Na** : Phạn: Ksana. Còn gọi: Xoa Noa. Hán dịch: Tu du, Niệm khoảnh.

Sát-na là từ ngữ chỉ thời gian rất ngắn như phút chốc, giây lát và không thống nhất giữa các luận thuyết. Sự sinh diệt trong một sát-na gọi là sát-na sinh diệt, hay sát na vô thường. Một sát na hiện tại gọi là hiện tại, sát na trước gọi là quá khứ, sát na sau gọi là vị lai, đây là sát na tam thế (3 thời điểm của sát na).

* **Sắc Uẩn** : Phạn: *Rūpa-skandha*. Còn gọi: **Sắc âm**, *Sắc thụ âm*. Sự tụ họp các pháp có tính chất ngại và biến hoại, 1 trong 5 uẩn. Theo *Luận Hiển Dương Thánh Giáo 5*, Sắc uẩn có 5 tướng: **1/. Tự tướng**: Các sắc pháp đều riêng có tự tướng chẳng đồng, như cứng là tướng của đất, ướt là tướng của nước, nóng là tướng của lửa, động là tướng của gió.

2/. Cộng tướng: Tướng hòa hợp của các sắc pháp, nghĩa là tất cả sắc thân đều từ đất, nước, gió, lửa hòa hợp thành tướng.

3/. Sở y năng y tương thuộc tướng: Sắc thân 4 đại là tướng sở y, 4 đại tạo sắc là tướng năng y.

4/. Thụ dụng tướng: Các căn có sức tăng thượng nên các cảnh giới được sinh ra đều có tướng thụ dụng khổ vui, nghịch thuận.

5/. Nghiệp tướng: Sắc thân hay tạo tác những tướng nghiệp hành, vì vậy tất cả nghiệp hành đều nương nhờ sắc thân nhiếp thụ mà tăng trưởng.

* **Sổ Tức (An-Ban)**: Gọi đầy đủ : **Sổ tức quán**. Phạn: *Ānāpāna-smṛti*. Còn gọi: *A-na-ban-na quán*, *A-na-ban-na niệm*, *Niệm An-ban*, *An-ban-thủ-y*. Hán dịch: *Niệm nhập xuất tức*, *Niệm vô sở khởi*, *Tức niệm quán*, *Trì tức niệm*.

Sổ tức là pháp quán đếm số lần hơi thở vào hoặc ra để thâm nhiếp tâm vào một cảnh, làm cho thân tâm dừng lặng, một trong Ngũ đình tâm quán. Đây là pháp tu trừ tán loạn, nhập chính định. Trong tiếng Phạn, Ana vốn có nghĩa là gọi đến, chỉ cho hơi thở vào; Apana vốn có nghĩa là đuổi đi, chỉ cho hơi thở ra, cũng tức là pháp điều hòa hơi thở, trước là hơi thở vào, sau là hơi thở ra. Nhưng cũng có phương thức chủ trương “trước là hơi thở ra, sau là hơi thở vào” và Hán dịch là “Niệm xuất nhập tức”.

Nếu chia nhỏ Sổ tức quán thì có 5 loại: Toán số tu tập, Ngộ nhập chư uẩn tu tập, Ngộ nhập duyên khởi tu tập, Ngộ nhập thánh đế tu tập và Thập lục thắng hạnh tu tập.

* **Sơ Cơ** : Còn gọi: *Sơ học, Sơ tâm, Sơ phát tâm*. Sơ cơ tức chỉ người mới học đạo.

Tắc 2, Bích Nham Lục, ghi: “Bậc thượng sĩ tham học lâu ngày không cần lời nói; kẻ **sơ cơ** hậu học rất cần lời chỉ dạy”.

* **Sơ Thiên**: tức Sơ thiên định. Còn gọi Sơ Thiên thiên. Là cõi thiên thứ nhất trong tứ thiên. *Kinh Lăng Nghiêm*: “Trong tâm thanh tịnh, các thứ thô lậu nằm im bất động thì gọi là Sơ thiên. Trong tâm thanh tịnh, cái thô lậu đã dẹp được thì gọi là Nhị thiên. Trong tâm yên ổn, có đầy đủ hoan hỉ, thì gọi là Tam thiên”. *Pháp Yếu Châu Lâm*: “Nếu ước vào hỏa kiếp thì là Sơ thiên, nếu ước vào thủy kiếp thì là Nhị thiên, nếu ước vào phong kiếp thì là Tam thiên”.

* **Sơ Trụ** : Trụ vị ban sơ trong Mười trụ vị. Xem **Thập Trụ**.

* **Sư Trưởng** : Gọi tắt: *Sư*. Phạn: *Upādhayā, Sāstr*. Hán âm: *Ô-ba-nhĩ*. Còn gọi: *Sư tăng, Sư phụ, Sư gia*. *Sư trưởng* là tên gọi chung của các bậc lấy đạo dạy người.

Trong *Luật Tạng*, Sư có 2 loại là *Đặc giới sư* và *Thụ nghiệp sư*, hai loại sư này chỉ cho bậc thầy độ cho người xuất gia; còn trong *Thích Thi Yếu Lãm, thượng*, Sư có 2 loại là *Thân giáo sư* và *Y chỉ sư*, hai loại sư này chỉ cho bậc thầy dạy học.

Theo kinh *Thiện Sinh, Trường A-Hàm 11*, bậc Sư trưởng lấy 5 việc dạy đệ tử: **1/**. Thuận theo pháp mà răn dạy; **2/**. Dạy điều chưa nghe; **3/**. Hễ đệ tử hỏi điều gì thì đều giải đáp cho hiệu rõ; **4/**. Đối với đệ tử như người bạn tốt; **5/**. Truyền dạy hết điều mình biết, không xén tiếc.

* **Sư Tử Hống** : Phạm: *Simhanāda*. Tiếng gầm của con Sư tử. Đức Phật dùng âm thanh vô úy để thuyết pháp, như sư tử gầm rống mà không sợ hãi một loài thú nào khác. Sư tử là vua trăm thú; Phật cũng là bậc Chí tôn trong loài người nên gọi là **Nhân Trung Sư Tử** (Sư tử trong loài người). Khi Phật thuyết pháp, hàng Bồ Tát đều phát khởi tâm dũng mãnh để cầu đạo Bồ đề, bọn ngoại đạo và ác ma sinh tâm sợ hãi.

Ý nghĩa của từ *Sư Tử Hống*, trong *Thắng Man Bảo Quật, thượng* nêu ra 3 loại:

1/. *Như thuyết tu hành*: Lời nói song song với việc tu hành, chứ không nói suông.

2/. *Vô úy thuyết*: Có biện tài vô ngại, xiển dương diệu pháp trước đại chúng mà không sợ hãi.

Trong *Vô úy thuyết* này lại chia làm 2 loại:

+ *Không sợ người*: Người tài giỏi lên pháp tòa để hoằng dương đạo pháp vững vàng.

+ *Làm người sợ*: Khiến cho ngoại đạo kinh thẹn, thiên ma khiếp hãi.

3/. *Quyết định thuyết*: Nương theo lý rốt ráo để nói pháp rốt ráo; có khả năng trên hoằng dương đạo pháp, dưới lợi ích khắp chúng sinh, dẹp tà, hiển chính.

Luận Đại Trí Độ 25, nêu ra sự sai biệt giữa *Phật Sư Tử Hống* và *Sư Tử Hống*. Tức *Sư tử hống* hay khiến cho các loài thú kinh sợ, giống như sự đau khổ khi phải đến chỗ chết. *Phật sư tử hống* thì không có nỗi sợ hãi của sự chết, còn khiến cho người nghe sinh tâm vui vẻ an ổn.

* **Sử** : Gọi đầy đủ: **Chính sử**. *Sử* là tên khác của phiền não. Vì phiền não dẫn dắt con người chìm đắm trong cõi mê, cho nên gọi phiền não là *Sử* (sai khiến). *Sử* đồng nghĩa với Tùy miên. Trong 10 Tùy miên có 5 kiến thuộc về tính kiến là: Hữu thân kiến, Biên kiến, Tà kiến, Kiến thủ kiến, Giới cấm thủ kiến. Tính chất của 5 kiến này rất lanh lợi nên gọi là Ngũ lợi sử. Còn tính chất của tham, sân, si, mạn, nghi thì chậm lụt mà khó chế phục, nên gọi là Ngũ độn sử.



T

※ **Tam Minh** : Phạn: *Tri-vidya*. Có 2 nghĩa:

1/. *Tam minh*, còn gọi: *Tam đạt*, *Tam chứng pháp*; tức trí huệ sáng tỏ thông đạt vô ngại 3 việc tức mệnh, thiên nhãn và lậu tận.

- *Túc mạng trí chứng minh*: Trí huệ biết rõ tướng trạng của mình và chúng sinh từ một đời cho đến trăm nghìn vạn ức đời.

- *Sinh tử trí chứng minh*: Trí huệ biết rõ các tướng trạng sinh tử của chúng sinh, khi tử khi sinh, sắc lành sắc dữ hoặc do nhân duyên tà pháp mà thành tựu ác hạnh, sau khi mạng chung sinh vào đường ác hoặc nhờ nhân duyên chính pháp mà thành tựu thiện hạnh, sau khi mạng chung sinh vào đường lành.

- *Lậu tận trí chứng minh*: Trí huệ biết rõ như thật và chứng đắc lý Tứ đế, giải thoát tâm hữu lậu, diệt trừ tất cả phiền não ...

2/. *Tam minh*: **Bồ Tát minh**, **Chư Phật minh** và **Vô minh minh**. Theo kinh Đại Bát Niết Bàn, **Bồ Tát minh** tức Bát nhã Ba-la-mật, **Chư Phật minh** tức Phật nhãn, **Vô minh minh** tức Cứu cánh không.

※ **Tam Nghiệp** : Phạn: *Trīni-karmāni*. Tức ba nghiệp thân, khẩu, ý.

- *Thân nghiệp*: Chỉ sở tác nghiệp và vô tác nghiệp của thân. Thân nghiệp có 2 loại Thiện và Ác khác nhau. Nếu sát sinh, trộm cắp, tà hạnh ... thì thuộc về *thân ác nghiệp*; nếu không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm thì thuộc về *thân thiện nghiệp*.

- *Khẩu nghiệp* (còn gọi: *Ngữ nghiệp*): Chỉ sở tác nghiệp và vô tác nghiệp của khẩu. Khẩu nghiệp có 2 loại Thiện và Ác khác nhau. Nếu vọng ngữ, ly gián ngữ, ác ngữ, ỷ ngữ ... là *khẩu ác nghiệp*. Nếu không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ác khẩu, không ỷ ngữ thì thuộc về *khẩu thiện nghiệp*.

- *Ý nghiệp*: Nghiệp do ý khởi lên. Ý nghiệp cũng có thiện và ác khác nhau. Nếu tham dục, sân khuể, tà kiến ... thì thuộc về *ý ác nghiệp*; nếu không tham, không sân, không tà kiến thì thuộc về *ý thiện nghiệp*.

Ngoài ra, còn có 3 nghiệp *thân, khẩu, ý vô ký*, chẳng phải thiện chẳng phải ác, không có năng lực cảm quả..

* **Tam Niệm Xứ (Ba Niệm Xứ)** : Còn gọi: *Tam ý chỉ, Tam niệm trụ* (Phạn: *Trini-smrty-upasthānāni*), có 2 nghĩa:

I. Là ba niệm mà chư Phật thường an trú. Phật dùng tâm đại bi nhiếp hóa chúng sinh, thường an trú trong 3 niệm, không có những ý nghĩ buồn vui. Đây là 1 trong 18 pháp Bất cộng của Phật. Đó là:

1/ Đệ nhất niệm trụ: Chúng sinh tin Phật, chấp nhận thực hành theo lời dạy của Phật thì Phật cũng không vì thế sinh tâm vui mừng mà thường an trú trong chính niệm chính trí.

2/ Đệ nhị niệm trụ: Chúng sinh không tin Phật, không chấp nhận, không thực hành thì Phật cũng không sinh tâm buồn phiền mà thường an trú trong chính niệm chính trí.

3/ Đệ tam niệm trụ: Trong chúng sinh có người tin có người không tin, Phật đều biết rõ, nhưng cũng không sinh tâm vui mừng hay buồn phiền mà thường an trú trong chính niệm chính trí. Tam niệm này đều lấy niệm, huệ làm Thể, chỉ Phật mới có, hàng Nhị Thừa không có được.

II. Là ba thể của Tứ niệm xứ: *thân, thụ, tâm, pháp*.

1/ Tự tính niệm trụ (Tính niệm xứ): Trong 4 niệm trụ, mỗi niệm trụ đều lấy Huệ làm thể, Huệ này có 3 loại: văn huệ, tư huệ và tu huệ.

2/ Tương tạp niệm trụ (Cộng niệm xứ, Tương ưng niệm xứ): Lấy huệ và các pháp câu hữu còn lại làm Thể.

3/ Sở duyên niệm trụ (Duyên niệm xứ, Cảnh giới niệm xứ): Lấy các pháp sở duyên của huệ làm Thể.

* **Tam Quán** : Ba phép quán. Trong các thuyết Tam quán của các tông phái thì *thuyết Tam quán của tông Thiên Thai* là phổ thông nhất.

1. *Không quán:* Xét ra sự vật đều không có thật tánh, thật tướng. Mọi pháp vốn không. Đó là *quán Không đế của các pháp*.

2. *Giả quán:* Mọi sự vật vốn là vô thường, giả hợp. Đó là *quán Giả đế của các pháp*.

3. *Trung quán:* Pháp này có hai: Quán các pháp vừa là phi không vừa là phi giả, tức là Trung, đó gọi là **Trung quán Song phi**. Quán các pháp vừa là không vừa là giả, tức là Trung, đó gọi là **Trung quán Song**

chiếu. Thêm nữa, căn cứ vào lý của Tính đức thì gọi là Tam đế. Căn cứ vào Trí tu đức thì gọi là Tam quán. Dem một cái tâm phàm thường của chúng ta ra làm cảnh sở quán để mà quán, thế thì gọi là Nhất tâm tam quán. Còn Tam đế tam quán thì có hai giáo Biệt, Viên trái ngược nhau.

* **Tam Thập Thất Đạo Phẩm (Ba Mươi Bảy Phẩm trợ Đạo)** : Gọi tắt: *Đạo Phẩm (Bồ đề, Giác chi. Phạn: Bodhi-pāksika)*. Còn gọi: *Tam thập thất giác chi, Tam thập thất bồ đề phần, Tam thập thất trợ đạo pháp, Tam thập thất phẩm đạo pháp.*

Ba mươi bảy phương pháp trợ giúp việc tu tập. Ba mươi bảy đạo phẩm được chia làm 7 khoa như sau:

- 1/. *Tứ niệm xứ (Tứ niệm trụ)*: **4** pháp Quán, gồm: Quán thân bất tịnh; Quán thọ thị khổ; Quán tâm vô thường; Quán pháp vô ngã.
- 2/. *Tứ chính cần (Tứ chính đoạn)*: **4** điều cần thật hành, gồm: Điều ác đã sinh phải trừ hẳn; Điều ác chưa sinh không cho sinh; Điều thiện chưa sinh phải phát khởi; Điều thiện đã sinh làm cho tăng trưởng.
- 3/. *Tứ như ý túc (Tứ thần túc)*: **4** sở hành như nguyện, gồm: Dục như ý túc; Tinh tấn như ý túc; Niệm như ý túc; Tư duy như ý túc.
- 4/. *Ngũ căn*: Căn nghĩa là năng sinh, **5** căn này có công năng sinh ra tất cả thiện pháp, gồm: Tín căn; Tấn căn; Niệm căn; Định căn; Huệ căn.
- 5/. *Ngũ lực*: Lực là lực dụng, **5** lực này có công năng phá ác sinh thiện, gồm: Tín lực; Tấn lực; Niệm lực; Định lực; Huệ lực.
- 6/. *Thất giác phần (Thất giác chi, Thất giác ý, Thất thánh giác)*: **7** pháp có công năng giúp cho trí huệ Bồ-đề phát triển, gồm: Niệm giác phần; Trạch pháp giác phần; Tinh tấn giác phần; Hỷ giác phần; Khinh an giác phần; Định giác phần; Xả giác phần.
- 7/. *Bát chính đạo (Bát thánh đạo, Bát đạo đế)*: **8** điều chánh chơn hoặc 8 đường tắt chính xác hướng thẳng đến Niết Bàn giải thoát. Lúc Chuyển Pháp Luân, Đức Thế Tôn thuyết về việc xa lìa 2 bên dục lạc và khổ hạnh, đi theo con đường Trung đạo, tức chỉ cho Bát Chính Đạo này, gồm: Chánh kiến; Chánh tư duy; Chánh ngữ; Chánh nghiệp; Chánh mạng; Chánh tinh tấn; Chánh niệm; Chánh định.

* **Tâm Huệ** : Tâm siêng cầu trí huệ; thường dùng chung với từ thân giới (thân giữ gìn cấm giới). *Kinh Niết Bàn*, ghi: “Thân giới tâm huệ, bất động như núi”.

* **Tâm Ma** : Các ma phiền não: Tham dục, dâm dục .v.v... có năng lực dẫn dắt con người vào đường tà. *Kinh Lăng Nghiêm*, ghi: “Chớ để tâm ma khởi lên những điều xấu ác”.

Ác ma phiền não này phá hại thiện pháp thế gian và xuất thế gian, nên còn gọi là tâm ma tặc.

* **Tân Đầu (Hà)** : Còn gọi: *Tín Độ hà* (Phạn: *Sindh, Sindha*), *Ấn-độ-tư hà*, *Tân-đào hà*, *Lạp-sở hà*. Hán dịch: *Nghiệm hà*, *Linh hà*. Đây là con sông lớn ở miền Tây Bắc Ấn Độ, tức sông Ấn Độ hiện nay.

* **Tân Bà Sa La Vương (Tân Bà Ta La vua)**: Phạn: *Bimbisāra*. Còn gọi: *Tân-tì-sa-la vương*, *Tân-đầu-sa-la vương*, *Tân-phù-bà vương*, *Dân-di-sa-la vương*, *Bình-sa vương*. Hán dịch: *Ảnh thắng vương*, *Ảnh kiên vương*, *Nhan Mạo Đoan Chính vương*, *Đế Thật vương*, *Quang trạch đệ nhất vương*, *Hảo nhan sắc vương*, *Hình lao vương*.

Vua nước *Ma-kiệt-đà*, sống cùng thời với Đức Thế Tôn, thuộc đời thứ 5 của vương triều *Tây-tô- nạp-da* (*Sāisunāga*), có hoàng hậu tên là *Vy-đề-Hy* (*Vedehi*) và thái tử tên là *A Xà Thế* (*Ajātasātru*). Vua *Tân-bà-sa-la* và phu nhân đều quy y Đức Thế Tôn, tin sâu Phật pháp. Khi Đức Thế Tôn chưa chứng đạo, vua đã cầu thỉnh Đức Thế Tôn sau khi đắc đạo, trước tiên hãy đến thành Vương Xá thọ nhận sự cúng dường của ông. Đức Thế Tôn im lặng hứa khả. Về sau, khi chứng đắc quả Phật, Đức Thế Tôn liền đến thành Vương Xá thuyết pháp, vua xây **Tịnh Xá Trúc Lâm** tại *Ca-lan-đà* để cúng dường cho Phật và các đệ tử an trú, phát tâm hộ trì Phật giáo, là người ngoại hộ đầu tiên. Về già, vua còn an trí tóc và móng tay của Đức Thế Tôn vào tháp xây trong cung để lễ bái. Sau vua bị thái tử *A-xà-thế* đoạt ngôi và chết trong ngục.

* **Tăng Ích** : Phạn: *Pustiha*. Gọi đầy đủ: **Tăng ích pháp**. Còn gọi: *Tăng trưởng pháp*, *Tăng vinh pháp*. Là Pháp tu cầu sống lâu, tăng phước lộc,

mùa màng bội thu, thăng quan tiến chức, ghi nhớ không quên ... một trong 3 loại, 4 loại, 5 loại, 6 loại tu pháp của *Mật giáo*.

Tùy theo điều mong cầu mà có nhiều *pháp Tăng ích* khác nhau, trong đó:

1/. *Mong cầu phước lạc thế gian*, gọi là Phước đức tăng ích.

2/. *Mong cầu quan vị, tước lộc*, gọi là Thế lực tăng ích.

3/. *Mong cầu không bệnh, sống lâu*, gọi là Diên mạng tăng ích.

4/. *Mong cầu được 5 địa vị chuyển luân*, gọi là Tất địa tăng ích.

Pháp Tăng ích được phối hợp với Bảo bộ trong 5 bộ, thực hành chung pháp Niệm tụng, pháp Hộ-ma ...

* **Tế Độ** : Cứu độ quần mê từ trong biển khổ sinh tử đến bờ giải thoát. Tức giáo hóa dẫn dắt chúng sinh mê vọng chứng nhập cảnh giới giác ngộ.

* **Tha Tâm Trí** : Phạn: *Para-citta-jñānā*. Còn gọi: *Tri tha nhân tâm trí, Tâm sai biệt trí*.

Trí biết rõ tâm niệm người khác, một trong 10 trí. Người xa lìa dục hoặc và chứng đắc thiên định căn bản của cõi Sắc trở lên thì phát được trí này; Trong 6 thông thì *Tha tâm trí* được gọi là *Tha tâm thông*. Theo *Luận Đại Tỳ-bà-sa 99*, *Tha tâm trí* lấy tu huệ làm tự tính, lấy 4 tĩnh lực căn bản làm y cứ, rõ biết được Dục giới hệ, Sắc giới hệ và tâm tướng vô lậu trong hiện tại của người khác, nhờ gia hành mà chứng được trí này.

Đại Thừa Nghĩa Chương 15, ghi: “*Tha tâm trí*, sự suy nghĩ chẳng phải của mình gọi là Tha tâm, trí hiểu rõ sự suy nghĩ ấy gọi là *Tha tâm trí*”. Trí này do Pháp trí, Loại trí, Đạo trí và Thế tục trí hình thành, chung cho hữu lậu, vô lậu và cũng lấy pháp đồng loại làm sở duyên, nhưng không biết tâm của bậc thắng vị và tâm quá khứ, vị lai. Chỉ dùng một niệm hiện tại duyên với một việc thật có mà chấp lấy tự tướng, không thể chấp lấy tâm năng duyên và hành tướng sở duyên của người khác. Vì chỉ có Tứ thiên cho nên chỉ biết Dục giới hệ, Sắc giới hệ và pháp vô lậu chứ không duyên với Vô Sắc giới hệ.

* **Thái Sơn** : Còn gọi: *Đông nhạc, Đại sơn*. Núi ở huyện Thái An, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc, 1 trong Ngũ nhạc của Trung Quốc. Đây là nơi ở

của *Thái Sơn Phủ Quân*, vị thần chuyên coi việc chiêu hồn trong truyền thuyết. Sau khi dung hợp với Phật giáo, *Thái Sơn Phủ Quân* trở thành thư ký của vua Diêm ma, chuyên ghi chép những hành vi thiện ác của con người. Vì thế, núi này trở thành ngọn núi linh thiêng, là đối tượng tín ngưỡng của Đạo giáo, Phật giáo. Chùa Thần Thông trên núi do ngài Tăng Lãng sáng lập vào năm 351 thời Tiền Tần với tên gọi đầu tiên là chùa Lãng Công Sơn Cốc, đến đời Tùy đổi thành chùa Thần Thông.

* **Thân Nghiệp** : Phạn: *Kāva-karman*. Nghiệp do thân tạo tác, được chia làm 3 loại: *thiện, ác* và *vô ký*. *Thân ác nghiệp* chỉ cho sát sinh, trộm cắp, tà dâm. Trái lại, không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm thuộc về *thân thiện nghiệp*. Nghiệp chẳng thiện, chẳng ác, không có năng lực chiêu cảm ra quả thì thuộc về *thân nghiệp vô ký*.

Thân nghiệp được chia ra *Biểu nghiệp* và *Vô biểu nghiệp* khác nhau. *Biểu nghiệp* chỉ cho tất cả động tác được biểu thị, như giơ tay, gãi chân đều thuộc về *biểu nghiệp*; *Vô biểu nghiệp* chỉ cho nghiệp không biểu thị, nhưng do năng lực của *biểu nghiệp* nên tự sinh ra thế lực phòng phi, chỉ thiện.

* **Thất Bồ Đề Phần (Bảy Con Đường Chứng Đạt Bồ Đề)** : Từ đồng nghĩa. Xem **Thất Thánh Giác** (Thích nghĩa quyển 2).

* **Thất Giác Chi** : Từ đồng nghĩa. Xem **Thất Thánh Giác** (Thích nghĩa quyển 2).

* **Thất Phương Tiện (Bảy phương tiện)**: Còn gọi: *Thất phương tiện vị, Thất hiền, Thất hiền vị, Thất gia hành vị*.

Đây là 7 địa vị trước khi vào địa vị Kiến đạo của Thanh văn, đó là: Ngũ đình tâm quán, Biệt tướng niệm trụ, Tổng tướng niệm trụ, Noãn pháp, Đảnh pháp, Nhẫn pháp và Thế đệ nhất pháp.

* **Thần** : Chữ Thần có nhiều nghĩa:

1/. Một hạng trong 6 hạng chúng sanh luân chuyển trong Lục đạo: Thiên, Thần, Người, Hồn địa ngục, Ma đói, Súc sanh. Gọi theo Phạn: *A-Tu-La (Asūras)*, là một cảnh giới trong Thập giới (*Phật, Bồ Tát, Duyên giác, La*

hán và sáu hạng vừa kể trên). Có hạng *Thần hiền*, cũng có hạng *Thần dữ*. *Thần hiền* ham mộ giáo pháp, *Thần dữ* thì ưa uống huyết ăn thịt, thích phá hại người. Hạng *Thần* rất có sức lực.

2/. Rộng nghĩa hơn nữa, *Thần* là bực mà người tôn kính, thờ trọng, tức *Thiên thân*. Cho nên người ta gọi đức Phạm Thiên, Đức Phật, đức Đế Thích là *Thần*. Vì vậy nên những tôn giáo thờ một vị *Thần* thì gọi là *Nhứt thần giáo*, thờ nhiều vị thì gọi là *Đa thần giáo*, không thờ vị nào hết gọi là *Vô thần giáo*.

3/. *Thần* cũng có nghĩa: lạ lùng, không như thế tục, lượng xét không cùng tột, linh diệu, oai mãnh, thông suốt không bị chướng ngại. Như: *Thần thông*, *thần dược*, *thần chú*, *thần lực*, *thần đồng*.

4/. Những việc thuộc về tinh thần, tâm trí, linh hồn cũng gọi là *thần*. Như: *giáng thần mẫu khai*, *thần giao*, *thần bí*, *thần linh*, *thần hồn*, *thần thức*, *thần trí*.

* **Thập Ác (Mười Lỗi Ác)** : Mười điều ác. Xem **Thập Thiện** (Thích giảng, quyển 1).

* **Thập Nhất Pháp Không (Mười Một pháp Không)** : Gọi tắt: *Thập Nhất Không*.

Mười một “Không” dùng để đối trị các tà kiến, đó là: *Nội không*, *Ngoại không*, *Nội ngoại không*, *Hữu vi không*, *Vô vi không*, *Vô thủ không*, *Tính không*, *Vô sở hữu không*, *Đệ nhất nghĩa không*, *Không không* và *Đại không*.

* **Thập Nhất Thiết Nhập (Mười Nhứt Thiết Nhập)** : Còn gọi: *Thập Biến xứ* (Phạn: *Dásakrtsāyatanāni*), *Thập nhứt thiết xứ*, *Thập biến nhập*, *Thập biến xứ định*.

Mười pháp trùm khắp tất cả. Tức y theo thắng giải tác ý, quán 10 pháp : Địa, thủy, hỏa, phong, xanh, vàng, đỏ, trắng, không và thức, trùm khắp mọi nơi. Sau khi hành giả tu Bát giải thoát, Bát thắng xứ thì đối với sắc ... được tướng thanh tịnh, đối với cảnh sở quán chuyển biến tự tại, nhưng vẫn chưa trùm khắp, cho nên còn phải tu định này.

* **Thập Nhị Nhập** : Từ đồng nghĩa. Xem **Thập Nhị Xứ** (Thích giảng, quyển 2).

* **Thập Trụ** : Còn gọi: *Thập địa trụ, Thập pháp trụ, Thập giải. Thập trụ* là 10 trụ trong quá trình tu hành của Bồ tát, tức là giai vị 11 đến 20 trong 52 giai vị Bồ Tát. Đó là:

1/. *Sơ phát tâm trụ* (còn gọi: *Ba-lam-kì-mâu-ba Bồ Tát pháp trụ, Phát ý trụ*). Hàng thượng tiến thường trụ 84000 bát nhã Ba-la-mật, tu tập tất cả hạnh, thường khởi tín tâm, không sinh tà kiến, thập trọng, ngũ nghịch, bát đảo, không sinh chỗ có nạn, thường gặp Phật pháp, học rộng, nhiều trí huệ thường cầu phương tiện, mới nhập không giới, trụ trong giai vị không tính; trong tâm sinh tất cả công đức.

2/. *Trì trụ địa* (còn gọi: *A-xà-phù Bồ Tát pháp trụ, Trì địa trụ*), thường tùy theo tâm không, làm thanh tịnh 84000 pháp môn, tâm trong sáng, lấy việc tu tập diệu tâm mới phát làm địa nên gọi là *Trì địa trụ*.

3/. *Tu hành trụ* (còn gọi: *Du-a-xà Bồ Tát pháp trụ, Ứng hạnh trụ*), trí huệ của Phát tâm trụ và Trì địa trụ đều đã sáng tỏ, nên dạo khắp 10 phương mà không chướng ngại.

4/. *Sinh quý trụ* (còn gọi: *Xà-ma-kỳ Bồ Tát pháp trụ*), Nhờ diệu hạnh kết hợp với diệu lý, nên sinh vào nhà Phật làm Pháp Vương tử, tức hạnh đồng với Phật, thọ khí phần của Phật, vào chủng tính Như Lai, thân trung ấm tự tìm cha mẹ, cả 2 thâm thông đạt.

5/. *Phương tiện Cụ túc trụ* (còn gọi: *Ba-du-tam-bát Bồ Tát pháp trụ, Tu thành trụ*), tu tập vô lượng thiện căn, tự lợi lợi tha, phương tiện đầy đủ, tướng mạo không thiếu.

6/. *Chính tâm trụ* (còn gọi: *A-kỳ-tam-bát Bồ Tát pháp trụ, Hành đẳng trụ*), thành tựu đệ lục bát nhã, nên chẳng phải chỉ có tướng mạo mà tâm cũng đồng với Phật.

7/. *Bất thoái trụ* (còn gọi: *A-duy-việt-trí Bồ Tát pháp trụ, Bất thoái chuyển trụ*), đã nhập vào cảnh giới vô sinh tất cánh không thì tâm thường thực hành không, vô tướng, vô nguyện, thân tâm hòa hợp, mỗi ngày một tăng trưởng.

8/. *Đồng chân trụ* (còn gọi: *Cutu-ma-la-phù Đồng nam Bồ Tát pháp trụ*), từ khi phát tâm trước sau không lùi sụt, không khởi tà ma phá hoại tâm bồ đề, 10 thân linh tướng của Phật đồng một lúc đầy đủ.

9/. *Pháp vương tử trụ* (còn gọi: *Du-la-xà Bồ Tát pháp trụ*, *Liễu sinh trụ*), từ Sơ phát tâm trụ cho đến Sinh quý trụ gọi là Nhập Thánh thai; từ Phương tiện Cụ túc trụ đến Đồng chân trụ thứ 8 gọi là Trưởng dưỡng Thánh thai; còn Pháp vương tử trụ này thì tướng mạo đã đầy đủ, liền xuất thai, giống như từ trong giáo pháp của Phật vương sinh hiểu biết mới nối tiếp được ngôi vị Phật.

10/. *Quán đảnh trụ* (còn gọi: *A-duy-nhan Bồ Tát pháp trụ*, *Bồ xứ trụ*), Bồ Tát đã là Phật tử, làm được Phật sự, nên Phật dùng nước trí quán đảnh cho vị ấy; giống như việc quán đảnh lên ngôi của vị vương tử dòng Sát-đế-lợi. Bồ tát đến Quán Đảnh trụ có 3 biệt tướng: Độ chúng sinh; Được cảnh giới sở nhập thâm sâu; Rộng học 10 trí, biết rõ tất cả pháp.

* **Thế phát** : Phạn: *Mundanā*. Còn gọi: *Trĩ phát*, *Tước phát*, *Chúc phát*, *Lạc thế*, *Lạc sức*, *Lạc phát*, *Tịnh phát*, *Trang phát*.

Thế phát là cạo bỏ râu, tóc xuất gia trở thành tăng, ni. Đệ tử Phật vì từ bỏ tâm kiêu mạn hoặc tránh các việc trang sức không cần thiết của thế tục mà thực hành thế phát. Lúc thế phát xuất gia, phải mặc y nhuộm (cà sa), gọi là *Thế phát nhuộm y* hoặc gọi là *Thế nhuộm*, *Thế độ*. Nghi thức thế phát đặc độ gọi là *Thế độ thức* hoặc *Đặc độ thức*. *Kinh Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả 2* cho rằng khi Đức Thích Tôn thế phát, Ngài phát nguyện: “*Nay tôi cạo bỏ râu tóc, nguyện cùng với tất cả, đoạn trừ phiền não và tập chướng*”. *Luận Đại Trí Độ 49*, ghi : “*Ta cạo tóc mặc y nhuộm, ôm bát khát thực, đó là phép phá trừ kiêu mạn*”.

Ấn Độ từ xưa đến nay cho rằng, cạo tóc là điều rất sỉ nhục, người phạm trọng tội mới dùng hình phạt này. Nhưng Đức Phật tự cạo bỏ râu tóc, mặc y hoại sắc, các đệ tử cũng đều thực hành pháp này, đó là để lia tâm kiêu mạn, đoạn hoặc, tiện cho việc tĩnh tâm tu đạo. Trong *Tứ Phần Luật San Phồn Bồ Khuyết Hành Sự Sao*, hạ, phần 4 có nêu rõ về nghi tắc thế phát và thứ lớp hành sự.

* **Thế** : Phạn: *Svabhāva*, *Bhāva*. Thật thế hoặc thể tính, là bản chất của pháp, cũng là điều kiện căn bản để pháp tồn tại.

Phái Số Luận ở Ấn Độ thời cổ chủ trương *Thế* của tất cả pháp là một; *Phái Thắng Luận* chủ trương *Thế* của tất cả pháp đều khác nhau; *Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ* cho rằng *Thế* của tất cả các pháp đều khác

nhau, đều thật có. *Tông Duy Thức* thì chủ trương tất cả pháp có 3 tính khác nhau là: tính *Biến kế sở chấp*, tính *Y tha khởi* và tính *Viên thành thật*. Trong đó, tính *Viên thành thật* là *Thể* chân thật của tất cả pháp.

Ngoài ra, trong *Luận Thập Bát Không*, *Luận Cítu Cánh Nhất Thừa Bảo Tính 4*, *Luận Đại Thừa Khởi Tín* ... thì chủ trương “Chân như” là thật thể của tất cả các hiện tượng.

* **Thiên Cung** : Phạn: Deva-pura. Hán âm: Nê-phạ Bồ-la. Chỉ cung điện của Chư Thiên. Hoặc chỉ riêng cung điện của trời Đế Thích.

Ngoài ra, từ Cung điện cũng còn gọi là Đế cung, Thiên đế cung dùng để chỉ cái vòng (cái móng). *Vãng Sinh Yếu Tập*, trung, ghi : “Hai chân mày sáng sửa thanh tịnh, giống như Thiên đế cung”.

* **Thiên Trung Thiên** : Phạn: *Devātideva*. Còn gọi: *Thiên Nhân Trung Tôn*, *Thiên Trung Vương*. *Thiên Trung Thiên* là bậc tối thắng trong hàng Chư Thiên, cũng là một trong các tôn hiệu của Phật. Vì sau khi đản sinh, *Đức Thích Tôn* được Chư Thiên lễ bái nên có tôn hiệu này.

* **Thiên Trúc** : Còn gọi: *Thiên Đốc*, *Thiên Độc*, *Thân Độc*. Là tên gọi xưa của nước Ấn Độ. *Tây Vực Truyện* trong *Hậu Hán thư* ghi : “Nước Thiên Trúc còn có tên khác là Thân Độc, ở cách nước Nguyệt Thị vài nghìn dặm về phía Đông Nam, tục cho là đồng với nước Nguyệt Thị”. *Đại Đường Tây Vực Ký 2*, ghi : “Có nhiều ý kiến khác nhau về nước Thiên Trúc, xưa gọi là Thân Độc hoặc gọi Hiền Đậu, ở đây y cứ theo nguyên âm Indo nên đọc là Ấn Độ (...) Ấn Độ đời Đường dịch là Nguyệt, Nguyệt có nhiều tên, ở đây là một tên trong đó, (...) Bởi nước này Thánh hiền nội tiếp nhau ra đời, dẫn dắt chúng sinh phàm phu, như mặt trăng (Nguyệt) chiếu đến, do ý nghĩa đó nên gọi là Ấn Độ (Nguyệt)”.

- *Quát Địa Chí*, ghi: “Thiên Trúc có 5 nước như : Đông Thiên, Tây Thiên, Nam Thiên, Bắc Thiên và Trung Thiên, tức Ngũ Ấn Độ hiện nay”.

* **Thiên Ba-La-Mật** : Còn gọi: *Tĩnh lự Ba-la-mật* (Phạn: *Dhyāna-pāramitā*), *Thiền-na Ba-la-mật*, *Thiền độ*, ***Thiền định Ba-la-mật-đa***. Pháp thiền định tối thắng mà Bồ tát phải tu tập để đạt đến Đại Niết Bàn; một trong 6 Ba-la-mật, một trong 10 Ba-la-mật. Có 3 thứ tĩnh lự:

1. An trụ tĩnh lực, giúp cho an trụ trong pháp vui giải thoát hiện tiền.
2. Dẫn phát tĩnh lực, giúp cho dẫn phát lục thông.
3. Biện sự tĩnh lực, giúp cho thành tựu sự nghiệp lợi ích hữu tình.

Luận Biện Trung Biên, hạ, ghi: “Nhờ tĩnh lực Ba-la-mật mà phát khởi thân thông, dắt dẫn hữu tình đến với chính pháp”.

* **Thiền Quán** : Pháp quán tọa thiền. Chỉ các pháp quán tu hành khi ngồi thiền. *Chương Sư Tử Tôn Giả, Cảnh Đức Truyền Đăng Lục 2*, ghi: “Có ngài Ba-Lợi-Ca, vốn tu thiền quán”.

* **Thiện Duyên** : Duyên lành. Đó là những pháp lành nương tựa với đạo Phật, với Tam bảo, có quan hệ với đường tu học của mình. Như người tại thế hưởng ứng công cuộc lập chùa, in kinh, trùng tu chùa miếu, đó là kết *thiện duyên*. Lại như người đốc chỉ tu hành mà gặp chùa chiền nghiêm trang, nhà sư thanh bạch, thầy hay bạn giỏi, đó là *thiện duyên*.

Thiện duyên trái với ác duyên là những người, những cảnh, những pháp khiến cho mình thối thất đối với đạo đức.

* **Thiện Xảo** : Gọi đầy đủ: *Thiện Xảo phương tiện* (Phạn: *Upāya-kausalya*. Hán âm: *Âu-hòa-câu-xá-la*). Còn gọi: *Thiện Quyền*. Tốt đẹp, khéo léo. Tức phương pháp xảo diệu mà Phật, Bồ Tát dùng để giáo hóa chúng sinh. Vì thuận theo năng lực vốn có của chúng sinh nên Phật, Bồ Tát vận dụng nhiều phương tiện (phương pháp thuyết pháp hóa tha), khéo léo nhiếp thủ giáo hóa chúng sinh gọi là *Thiện xảo nhiếp hóa*. Vì thích ứng với chúng sinh nên khéo léo vận dụng nhiều phương pháp để cứu độ họ, phương pháp này được gọi là *Thiện xảo phương tiện*.

* **Thích Ca Văn** : Còn gọi: *Thích-Ca Văn-ni, Xa-ca-dạ Mâu-ni, Thích Ca Mâu-năng, Thích Tôn, Thích-Ca Mâu-ni Thế Tôn* (Phạn: *Sākya-muni*). Gọi tắt: *Thích Ca, Mâu ni, Văn ni*. Hán dịch: *Năng nhân, Năng nhân, Năng tịch, Tịch Mặc, Năng Mãn, Độ Ốc Tiêu*.

Bậc Đại giác ngộ tối tôn, tối thắng sống vào khoảng thế kỷ 5-4 trước Tây Lịch, xuất thân từ dòng họ Thích Ca, là thái tử con vua Suddhodana (Tịnh Phạn) thành Kapila-vastu (Ca-tỳ-la-vệ) thuộc Bắc Ấn Độ và Hoàng Hậu Maya (Ma-da), là giáo tổ Phật giáo. *Phẩm Giáng Thân*

trong kinh *Tu Hành Bản Khởi*, thượng ghi: Khi Đức Thích Tôn đản sinh, Ngài đi 7 bước, một tay chỉ trời một tay chỉ đất nói: “Trong cả cõi trời, cõi người, chỉ Ta là tôn quý; ba cõi đều khổ, Ta sẽ làm cho an lạc”. Sau khi rước về cung, Thái tử được đặt tên là Tất-đạt-đa.

Sau khi sinh 7 ngày thì Ma-da phu nhân qua đời, Thái tử được di mẫu là Ma-ha Ba-xà-ba-đề (Mahāprajapati) nuôi nấng thành người. *Phẩm Tập Học Kỹ Nghệ* trong *Phật Bản Hạnh Tập Kinh 11, Hữu Bộ Tì-nại-da Phá Tăng Sự 3* ... ghi: Lúc còn niên thiếu, Thái tử học tập văn chương với Bà-la-môn Tì-xa-mật-đa-la (Vísvamitra, Thế Quang Giáp), học tập võ nghệ với Sần-đề-đề-bà (Ksāntideva, Đồng Thần), mọi môn thầy đều thông hiểu. Khi lớn lên Thái tử cưới Da-du-đa-la (Yásodhara) con gái vua Thiện Giác (Suprabuddha), người đứng đầu thành Thiện Tý làm vợ, sinh con là La-hầu-la (Rāhula).

Phẩm Du Quán trong kinh *Tu Hành Bản Khởi*, hạ ... ghi: Một hôm Thái tử đi dạo 4 cửa thành, thấy các người già, người bệnh, người chết và Sa môn, Ngài cảm nhận sâu xa về nỗi khốn khổ và vô thường của kiếp sống con người, từ đó Thái tử đã có tâm muốn xuất gia tu đạo. Năm 29 tuổi (có thuyết nói 19 tuổi), nửa đêm Thái tử ra khỏi vương cung tìm đường tu tập giải thoát, Trước hết, Thái tử cầu học nơi Bạt-già-bà (Bhārgava) ở nước Tỳ-xá-ly (Vaisali), sau đến thành Vương Xá (Rajagrha) được sự chỉ dạy của A-la-ra-ca-lam (Ārāda-kālāma), Uất-đà-ca-la-ma tử (Udraka-rāmaputra), vì những gì đã học được không thể đạt đến cảnh giới giải thoát nên Thái tử liền đến rừng Khổ Hạnh thuộc thôn Ưu-lâu-tần-la (Uruvivvā) ở phía Nam Già-da (Gayā) nước Ma-kiệt-đà (Magadha) bắt đầu cuộc sống khổ hạnh trong 6 năm. Sau đó Ngài hiểu rằng khổ hạnh chẳng phải là Nhân đắc đạo nên từ bỏ, đến sông Ni-liên-thiền (Nairānjana) tắm gội, đồng thời tiếp nhận bát cháo sữa do cô gái chăn bò cúng dường. Thái tử đến cội cây Tất-bát-la (Pippala) ở thôn Già-da, trải cỏ cát tường làm tòa kim cương, ngồi kiết già xoay mặt về hướng Đông, đoan thân chính niệm, tĩnh tâm mặc chiếu, tư duy đạo giải thoát. Sau 49 ngày, vào lúc rạng sáng ngày mùng 8 tháng 12, Thái tử hoát nhiên đại ngộ, bấy giờ Thái tử đã 35 tuổi (có thuyết nói 30 tuổi).

Sau khi thành đạo, đầu tiên Đức Phật đến vườn Lộc Dã (Mrgadāva) ở thành Ba-la-nại (Bārānasi) chuyển pháp luân **Tứ Đế** giáo hóa 5 vị thị giả chính là 5 vị Tỳ kheo nổi tiếng: A-nhã Kiêu-trần-như (Ājñāta-

Kaundinya), Bạt-đề (Bhadrika), Bà-sa-ba (Bāspa), Ma-ha-nam (Mahānāma) và A-thuyết-thị (Ásvajit). Sau đó, Đức Thích Tôn đến nước Ma-kiệt-đà hóa độ 3 anh em: Ưu-lâu-tần-loa Ca-Diếp (Uruvilvākāsyapa), Na-đề Ca-Diếp (Nadikāsyapa), Già-da Ca-Diếp (Gayakāsyapa) thuộc Bái Hỏa giáo và 1000 đệ tử của họ. Đức Thích Tôn lại hóa độ Xá-lợi-phất (Sāriputra) và Mục-kiền-liên (Moggallāna) thuộc một trong Lục sư ngoại đạo. Quốc vương thành Vương Xá là Tần-bà-ta-la (Bimbisāra) quy y Đức Thích Tôn, vua kiến lập Tịnh xá trong vườn trúc do Trưởng giả Ca-lan-đà (Kalanda) hiến cúng để cúng dường.

Thời gian sau Đức Thích Tôn trở về Ca-tỳ-la-vệ, khuyến hóa nhiều người quy y xuất gia, như Nan-đà, La-hầu-la, Đề-bà-đạt-đa, người thợ hớt tóc Ưu-ba-ly ... Đức Thích Tôn lại thuyết pháp cho Trưởng giả Tu-đạt-đa (Sudatta) ở thành Xá Vệ (Sravasti) nghe, Trưởng giả bèn xây dựng ngôi Đại Tịnh Xá trong khu vườn rừng do Thái tử Kỳ-đà (Jeta) ở thành Xá Vệ hiến cúng Đức Thích Tôn để làm nơi an trú và hoằng pháp lâu dài. Quốc chủ thành Xá Vệ là vua Ba-tư-nặc (Prasenajit) cũng quy y Phật trong thời gian này. Sau khi vua *Tịnh Phạn* băng, Đức Thích Tôn lại trở về cố quốc, di mẫu Ba-xa-ba-đề, vợ là Da-du-đà-la ... cũng xin cáo túc xuất gia. Sau đó, Đức Thích Tôn lần lượt thuyết pháp truyền giáo ở các vùng thuộc Ấn Độ, bất luận là sang hèn, nam nữ đều được Ngài giáo hóa.

Trong 1 năm cuối cùng còn tại thế của Đức Thích Tôn, Ngài rời nước Ma-kiệt-đà, đi về phía Bắc đến sông Hằng, qua Tỳ-xá-ly (Vaisālī), đến thành Ba-bà (Pāvā) thụ nhận lần cúng dường sau cùng của người thợ kim hoàn tên là Thuần Đà (Cunda). Trước khi nhập diệt, Đức Thích Tôn tắm gội tại sông Câu-tôn (Kakuttha), đến rừng Sa la Song Thụ thuộc thành Câu-thi-na Yết-la (Kusinagara), nằm theo dáng cát tường, đầu hướng về phía Bắc, mặt xoay về phía Tây. Nửa đêm, Đức Thích Tôn giáo giới các đệ tử lần cuối cùng, sau đó Ngài an tịnh nhập diệt nhằm ngày 15 tháng 2.

* **Thỉ Chung** : Gọi đầy đủ: *Thỉ chung lưỡng ích*. Tức *Thỉ ích* và *Chung ích*. Chỉ cho lợi ích đặc biệt, thù thắng mà hành giả niệm Phật sẽ được hưởng ở hiện đời và sau khi vãng sinh. *Thỉ ích* là những lợi ích có được trước tiên, như được diệt tội, sinh thiện, nhiếp thủ bất tử, ở ngay cõi này.

Chung ích là lợi ích vãng sanh Tịnh Độ, ở cõi kia thường thấy Phật A-Di-Đà. Vì thực hành chư thiện vạn hạnh nên tuy cũng được vãng sinh nhưng chậm so với *niệm Phật vãng sanh*. Cho nên trong *An Lạc Tập* ngài Đạo Xước đặc biệt đề cao lợi ích của việc niệm Phật.

* **Thọ ký kinh** : Còn gọi: *Hòa Già La Na* (Phạn: *Vyākaraṇa*). Gọi tắt: *Hòa La Na, Hòa Già Na*. Hán dịch: *Thọ ký kinh, Thọ Quyết kinh, Ký Biệt kinh*.

Thọ Ký kinh là thể loại văn kinh nói về nhân quả sinh tử của đệ tử và những việc thọ ký thành Phật. Một trong 12 thể loại văn kinh của Phật giáo.

* **Thọ mạng**: từ đồng nghĩa, xem **Thọ** (Thích giảng, quyển 1).

* **Thối Tâm** : Từ đồng nghĩa. Xem **Thối Chuyển** (Thích giảng, Q. 1).

* **Thuận Lưu** : Còn gọi: *Tùy lưu, Thuận lưu* (Phạn: *Anusroto-gāmin*). Đối lại: *Nghịch lưu*.

Chúng sinh tùy thuận theo dòng sinh tử của 3 cõi, 6 đường, trôi lăn trong cõi mê. Nếu chúng sinh khởi hoặc tạo nghiệp, tùy thuận dòng sinh tử, trái với đạo Niết bàn thì gọi là Thuận lưu, là nhân quả của sinh tử luân chuyển. Trái lại, đoạn Hoặc chướng trong 3 cõi, bơi ngược dòng sinh tử, thú nhập đạo Niết bàn thì gọi là Nghịch lưu, là nhân quả của sự hoàn diệt.

Theo *Ma Ha Chỉ Quán 4, thượng*, người tu hành do “Mười tâm thuận lưu” mà điên đảo tạo ác, tích chứa các khổ lụy sâu nặng, trôi lăn trong sinh tử, phải dùng “Mười tâm nghịch lưu” để đối trị các lỗi này. “Mười Tâm Thuận Lưu” gồm :

1. *Tâm vô minh tối tăm*: Nội tâm chúng sinh bị vô minh mê hoặc, vọng chấp nhân ngã, khởi vọng tưởng điên đảo, tạo tác các nghiệp, trôi lăn trong sinh tử.
2. *Tâm thuận theo bạn ác bên ngoài*: Chúng sinh bên trong có phiền não, bên ngoài bị bạn ác mê hoặc làm mất tâm chính hạnh.

3. *Tâm không tùy hỷ*: Không vui theo hạnh lành của người khác.
4. *Tâm buông lung 3 nghiệp*: Mặc tình gây tạo các tội lỗi thuộc ba nghiệp thân, khẩu, ý.
5. *Tâm khởi ác trùm khắp mọi nơi*: Việc ác mà chúng sinh tạo tác tuy không rộng nhưng tâm ác thì bao trùm khắp nơi.
6. *Tâm thường nghĩ đến việc ác*: Chúng sinh chỉ khởi tâm ác, tăng trưởng việc ác, ngày đêm không dứt.
7. *Tâm che dấu tội lỗi*: Che lấp lỗi mình, không có ý cải hối.
8. *Tâm không sợ đường ác*: Ngu độn không hiểu biết, không sợ rơi vào đường ác.
9. *Tâm vô tâm vô quý*: Tạo các nghiệp ác mà không có tâm hổ thẹn.
10. *Tâm nhứt-xiển-đề*: Phủ định tất cả đạo lý nhân quả.

* **Thùy Miên** : Phạn: *Middha*. Gọi tắt: *Miên*. *Thùy miên* là ngủ nghỉ, là tên một tâm sở, một trong 75 pháp của *tông Câu-Xá*, một trong 100 pháp của *tông Duy Thức*. *Thùy miên* là sự tối tăm bản hữu trong tâm, ở vào trạng thái lười mỗi, lơ là. Quán sát một người đang ngủ một cách khách quan thì biết bấy giờ tác dụng quán sát đối tượng ở thế giới bên ngoài của người ấy đã tiêu mất, trái với tâm lúc thức. Lúc ấy, ý thức tối tăm mờ hồ, khác với trạng thái thất thân, vô ý thức. Vì thùy miên (ngủ nghỉ) có công năng khôi phục tinh lực của thân tâm và tiêu trừ mệt mỏi nên được coi là đồng nghĩa với “Hưu tức” (nghỉ ngơi). Thùy miên được xếp vào nhóm “Bất định địa pháp”, 1 trong 6 nhóm (46 món) tâm sở của tông Câu-Xá.

Ngoài ra, Thùy miên có nhiệm phiền não sẽ làm cho tâm tối tăm, chướng ngại thiện tâm; Thùy miên và Hôn trầm trong “*Đại phiền não địa pháp*” gọi chung là “Hôn miên” là 1 trong 5 cái, gọi là Hôn miên cái, Thùy miên cái; cũng là 1 trong 10 triền. Nói theo nghĩa rộng thì Thùy miên đồng nghĩa với Phiền não.

* **Thủ** : Phạn: *Upādāna*. Tên khác của phiền não. Hán dịch: *Thủ* là chi thứ 9 trong 12 chi duyên khởi, nghĩa là chấp trước vào cảnh sở đối; cũng tức là hoạt động mạnh mẽ do chi Ái thứ 8 hiện hành dẫn sinh, đặc biệt chỉ cho sự chấp trước đối với dâm dục, thức uống ăn, vật dụng và các tác dụng của tâm dục vọng mong cầu. Thủ được chia làm 4 thứ:

1/. *Dục thủ*: Chỉ cho sự tham cầu đối với 5 diệu cảnh: Sắc, thanh, hương, vị xúc.

2/. *Kiến thủ*: Chấp lấy các quan điểm thế tục chẳng phải Phật giáo.

3/. *Giới cấm thủ*: Chấp lấy các giới luật chẳng phải Phật giáo.

4/. *Ngã ngữ thủ*: Chấp trước các ngôn ngữ thuộc ngã kiến.

Chúng sinh là chủ thể, gọi là *Năng thủ*; đối tượng sở đối bên ngoài là khách thể, gọi là *Sở thủ*.

* **Thủ Ba La** : Phạn: *Sūrpāraka, Surpāraka*. Hán âm: *Tô-ba-la-ca*. Địa danh, nằm ở châu Thái Na (thãna) phía Bắc Bombay, tức là cảng Sopāra ở bờ biển phía Tây Ấn Độ hiện nay. Từ xưa *Thủ-ba-la* đã là vùng đất chuyên buôn bán với nước ngoài. Tôn giả *Phú-lâu-na* (Phạn: *Punna*) chính là con của một thương nhân của vùng này, sau ông cùng đội thương nhân đến thành *Xá Vệ* (Phạn: *Sāvattthī*), gặp Đức Thích Tôn và xuất gia, sau trở về *Tô-ba-la-ca* truyền đạo, có tất cả 500 nam nữ cư sĩ tại gia. Vào thời Đức Phật, cảng này đã có tổ chức của thương nhân, cho nên không được làm ăn riêng lẻ. Trong kinh có nhiều chỗ đề cập đến địa danh này.

* **Thượng Sĩ** : Còn gọi: *Đại sĩ. Thượng sĩ* là tên khác của Bồ Tát. Bồ Tát đã xa lìa mê chấp tà kiến, chính kiến pháp lý, là người đã thực hành viên mãn hạnh tự lợi, lợi tha, nên gọi là *Thượng Sĩ. Thích Thị Yếu Lãm, thượng*, ghi: “*Luận Du Già* nói: Người không thực hành tự lợi, lợi tha, gọi là *Hạ sĩ*; người thực hành tự lợi, không lợi tha gọi là *Trung sĩ*; người thực hành tự lợi, lợi tha, gọi là *Thượng sĩ*”.

Từ Thượng sĩ cũng còn để chỉ bậc Thượng căn.

* **Thức ấm** : Còn gọi: *Thức thụ ấm, Thức uẩn* (Phạn: *Vijnāna-skandha*). Chỉ sự nhóm hợp của các thức, một trong 5 uẩn.

Luận Câu-Xá 1, ghi: “Phân biệt rõ ràng từng cảnh giới một trong các thứ cảnh giới, chấp lấy toàn bộ cảnh tượng, nên gọi là *thức uẩn*. Ở đây lại có 6 thức thân khác nhau, nghĩa là từ *Nhãn thức thân* cho đến *Ý thức thân*”. Vì 6 thức như *Nhãn thức .v.v...* khi đối cảnh chỉ chấp lấy tướng chung để phân biệt, cho nên xếp 6 thức này vào nhóm loại và đặt tên là *Thức uẩn*. Trong 12 xứ hợp thành 1 ý xứ, trong 18 giới phân biệt 6 thức

thành *Nhãn thức giới* cho đến *Ý thức giới*, lại lập riêng *Ý căn* không gián đoạn, tất cả là 7 tâm giới.

Đại Thừa A-tì-đạt-ma Tập Tập Luận, ghi: “Thế nào là kiến lập *Thức uẩn*? Nghĩa là Tâm, Ý, Thức khác nhau”. Trong đó, thức *A-lại-da thứ 8* là tâm, thức *Mạt-na thứ 7* là Ý và 6 thức trước là Thức, tức gọi chung 8 thức này là *Thức uẩn*.

* **Tiệm Đốn (Đốn Tiệm)**: Gọi đầy đủ: **Đốn tiệm Nhị giáo**. Tức **Đốn giáo** và **Tiệm giáo**.

- **Đốn giáo** là giáo pháp ngay từ đầu đã nói về nội dung sâu xa như ngũ thời **Phán giáo** của tông Thiên Thai, thời **Hoa Nghiêm** đầu tiên thuộc về **Đốn giáo**, chỉ một bước giúp cho chúng sinh mau chứng được quả Phật, thành tựu Bồ đề.

- **Tiệm giáo** là giáo pháp tu trong một thời gian dài mới đạt đến cảnh giới giác ngộ hoặc giáo pháp được giảng theo thứ lớp tiến dần đến chứng quả như các thời: *A-hàm, Phương đẳng, Bát nhã, Pháp hoa, Niết bàn*.

Thiền tông cũng có **Đốn, Tiệm** như:

- Hệ phái của **Tổ Huệ Năng** ở phương Nam chủ trương giác ngộ cứu cánh một cách nhanh chóng, nên gọi là **Nam đốn**.

- Hệ phái của **Đại sư Thần Tú** ở phương Bắc lại chủ trương chứng ngộ tiến dần theo thứ lớp nên gọi là **Bắc tiệm**.

* **Tín Thọ** : Tin chịu. Tin theo và thọ lãnh những pháp, những lễ mà mình đã nghe.

A-Di-Đà kinh viết: Xá Lợi Phất cập chư tỳ kheo, nhưt thiết thế gian Thiên, Nhơn, A-Tu-La đẳng, văn Phật sở thuyết, hoan hỷ **tín thọ**, tác lễ nhi khứ. (Ông Xá Lợi Phất với chư tỳ kheo cùng tất cả Thiên, Nhơn, A tu la .v.v... ở thế gian, nghe Phật thuyết rồi, đều lấy làm vui vẻ mà tin chịu, đồng làm lễ và lui ra).

* **Tịnh Nhãn** : Tức Pháp nhãn thanh tịnh, con mắt đạo lý, không để ý về thế sự, không nhiễm bởi những cảnh trần, con mắt quan sát sự lý của các pháp một cách thanh tịnh.

* **Tịnh Phạn Vương (vua Tịnh Phạn)** : Phạn: *Suddhodana*. Hán âm: *Thủ-đồ-đà-na, Thâu-dâu-đàn-na, Duyệt-đâu-đàn*. Còn gọi: *Chân Tịnh Vương*.

Tịnh Phạn Vương là Quốc vương thành *Ca-tỳ-la* (Phạn: *Kapilavastu*) ở Trung Ấn Độ, là thân phụ của Đức Thích Tôn. Theo *kinh Khởi Thế 10*, vua *Tịnh Phạn* là Trưởng tử của vua *Sư Tử Giáp* (Phạn: *Simhahanu*). Đại Sử (*Mahāvamsa, ii*) bằng tiếng Pàli và Đại Sử (*Mahāvāstu, ii*) bằng tiếng Phạn cho rằng bà *Ma-da* (Phạn: *Maya*) và bà *Ma-ha-ba-xà-ba-đê* (Phạn: *Mahāpajāpati*) là vợ của vua *Tịnh Phạn*. Đức Phật là con của bà *Ma-da*. Về sau, vua sống cô đơn hiu quạnh, sau cũng thành kính quy y Đức Phật, trở thành người ngoại hộ cho Đức Phật và các đệ tử của Ngài. Ông băng hà năm 76 tuổi (có thuyết nói 97 tuổi). Theo *kinh Tịnh Phạn Vương Bát Niết Bàn*, vào lúc vua lâm chung, Phật trở về *Ca-tỳ-la*, biểu hiện lòng hiếu nghĩa sâu đậm. *Vương Tử Dĩ Nhục Tế Phụ Mẫu Duyên* trong *kinh Tạp Bảo Tạng 1, phẩm Hiếu Dưỡng* trong *kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân 1* đều có nói về bản sinh đời quá khứ của vua.

* **Tịnh xá Kỳ Viên (Kỳ Viên Tịnh xá)**: Còn gọi: *Ký Đà tinh xá, Kỳ Đà viên, Kỳ Đà lâm, Kỳ Hoàn tự, Kỳ thụ, Kỳ viên, Tòng lâm, Thắng lâm, Cấp Cô Độc viên* (Phạn: *Jetavanānāthapindadasvārāma*. Hán âm: *Kỳ-hoàn-anan-bân-để-a-lam, Kỳ-viên-a-nan-bân để-a-lam, Kỳ-đà-bà-na, Thệ-đa-phạn-na*. Hán dịch: *Thệ-đa lâm Cấp Cô Độc viên, Kỳ-thị-chi-thụ Cấp Cô Độc tự, Kỳ Hoàn Tinh xá*. Gọi đầy đủ: **Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên**).

Tịnh xá ở khu vườn phía Nam thành *Xá Vệ* nước *Kiều-tát-la*, thuộc Trung Ấn Độ (nay là khu vực phía Nam Nepal), gần *Sahet-Mahet* ở bờ phía Nam sông *Rapti*. Đây là nơi nổi tiếng nhất trong các nơi Phật thuyết pháp. “*Kỳ Thụ*” là rừng cây của thái tử *Kỳ-Đà* (Phạn: *Jeta*), “*Cấp Cô Độc viên*” là khu vườn do Trưởng giả *Cấp Cô Độc* (Phạn: *Anāthapindada*, tức *Tu Đạt*) dâng cúng để cất *Tịnh xá*.

Về nguyên do xây dựng *Tịnh xá Cấp Cô Độc viên*, theo *kinh Đại Bát Niết Bàn, luật Ngũ Phần 25*, Trưởng giả *Tu Đạt* (Phạn: *Sudatta*) ở thành *Xá Vệ* vốn có lòng thương người cô độc, thích làm việc bố thí, nên được mọi người khen là *Cấp Cô Độc trưởng giả*. Sau khi quy y Phật, ông muốn tìm một nơi để cất *tịnh xá* cúng dường Đức Phật, thấy *hoa viên* của thái tử *Kỳ Đà* rất thanh tịnh, rộng lớn nên muốn mua, nhưng bị thái tử từ

chối. Vì muốn trưởng giả bỏ cuộc, nên thái tử đưa ra điều kiện phải đem vàng ròng trải khắp mặt đất của hoa viên thì mới chịu bán. *Trưởng giả Tu Đạt* liền cho voi chở vàng ròng đến trải khắp mặt vườn. Thái tử cảm động trước lòng thành của trưởng giả nên dâng cúng rừng cây trong vườn của mình cho Đức Phật, Vì thế vườn có tên của 2 người là **Kỳ thụ Cấp Cô Độc viên**.

Sau khi Tịnh xá xây cất xong, Đức Phật đã sống ở đây trong nhiều mùa mưa. Phần lớn kinh điển đều được Phật thuyết tại đây. Tịnh xá này và *Tịnh xá Trúc Lâm* trong *Thành Vương Xá* được xem là 2 Tịnh xá Phật giáo lớn, xuất hiện sớm nhất.

* **Tội Chướng** : Tội ác làm chướng ngại Thánh đạo, không chứng được thiện quả. *Kinh Tỳ Cầu Túc Đắc Đại Tự Tại Đà-Là-Ni Thân Chú*, ghi: “Tỳ kheo đó nhờ năng lực của chú này mà tội chướng được tiêu diệt, liền được sinh lên cõi trời Tam Thập Tam”.

* **Tội Nghiệp** : Phạm: *Nigha*. Tội do 3 nghiệp thân, khẩu, ý tạo ra. Theo *kinh Đại Bát Niết Bàn*, tội do tất cả chúng sinh tạo ra có 2 thứ: Một là nhẹ, hai là nặng; tội do tâm và miệng tạo ra thuộc về tội nhẹ; còn tội do thân, miệng, tâm tạo ra thuộc về tội nặng.

* **Tội Phước** : Tội và Phước. Các thiện nghiệp (thiện hạnh) như ngũ giới, thập thiện ... có công năng đưa đến quả báo an vui, gọi là Phước, Phước đức. Trái lại, các ác nghiệp như ngũ nghịch, thập ác ... có công năng đưa đến quả báo khổ đau, gọi là Tội, Tội ác.

* **Trí Biết Bốn Tế** : Là sự nhận biết các sự việc, các pháp một cách căn bản rốt ráo, tinh tế.

* **Trí Đức** : Công năng chiếu soi rõ ràng các pháp; 1 trong 3 đức tướng của Phật quả. Tức chư Phật thành tựu bốn trí: Đại viên cảnh trí, Bình đẳng tính trí, Diệu quan sát trí và Thành sở tác trí, như thật chiếu soi rõ ràng các pháp không chướng ngại. Trí đức thuộc về Ứng thân trong 3 thân của Phật.

Trí đức còn để chỉ vị Cao tăng đầy đủ trí huệ, đức hạnh.

* **Trung ấm** : Còn gọi: *Trung uẩn, Trung ấm hữu, Trung hữu* (Phạn: *Antara-bhava*).

Thức thân của chúng sinh trong khoảng thời gian từ khi chết đến lúc được thụ sinh; là 1 trong 4 hữu, 1 trong 7 hữu.

Luận Câu-Xá 10, ghi: *Trung hữu* là thời kỳ giữa một nháy mắt sau khi thân trước vừa chết (tử hữu) cho đến trước một sát-na thụ sinh thân sau (sinh hữu). “*Trung hữu thân*” này chính là sự tồn tại của “*Thức thân*”, là hóa sinh thân do ý sinh ra, chẳng phải do các ngoại duyên như tinh huyết ... tạo thành, nên còn gọi là *Ý sinh thân* (*Ý thành thân*, Phạn: *Manamayakaya*); vì chỉ ngửi mùi hương để nuôi thân nên gọi là *Kiến-đạt-phạ* (*Càn-thát-bà*, Phạn: *Gandharva*, dịch ý là *Thực hương, Tầm hương*); lại thường mong cầu, tìm kiếm chỗ sinh ở đời sau nên gọi là *Câu sinh* (Phạn: *Sambhavaisin*); vì sau khi thân bản hữu hoại, *Trung hữu* là thân tạm thời khởi lên trước khi sinh đời sau, nên gọi là *Khởi* (Phạn: *Abhinirvrtti*).

Chỉ có người thụ sinh vào cõi *Dục* và cõi *Sắc* mới có thân *Trung ấm*, còn người thọ sanh về cõi *Vô sắc* thì không có thân *Trung ấm*.

* **Trúc Lâm Tịnh xá** : Phạn: *Venuvana-vihāra*. Còn gọi: *Ca-lan-đà trúc viên, Trúc viên già lam*. Đây là Tự viện Phật giáo ở nước Ma-kiệt-đà thuộc Trung Ấn Độ, do Trưởng giả Ca-la-đà (*Kalandaha*) hiến đất và vua Tần-bà-sa-la xây dựng mà thành. Tịnh xá này và Tịnh xá Kỳ Viên ở thành Xá-Vệ được xem là 2 đại Tịnh xá có sớm nhất của Phật giáo. Khi còn tại thế, Đức Như Lai thường ngự tại đây thuyết pháp giáo hóa, dẫn dắt người phạm tục.

* **Trưởng Lão** : từ đồng nghĩa. Xem **Trưởng Túc** (Thích giảng, Q.1).

* **Tu-Bồ-Đề** (*Subhūti*) : Là vị A-la-hán, một trong 10 Đại đệ tử của Đức Phật, đã thích giảng trong từ đồng nghĩa **Thiện Kiến** (xem Thích giảng, quyển 1).

* **Tu-Đạt-Đa** : Phạn: *Sudatta*. Còn gọi: *Tu-Đạt, Tô-đạt-đá*. Hán dịch: *Thiện Thụ, Thiện Dữ, Thiện Thí, Thiện Cấp, Thiện Ôn*. *Tu-đạt-đa* là vị

trưởng giả ở thành Xá-Vệ thuộc Trung Ấn Độ, đại thần của vua Ba-tư-nặc. Tính ông nhân từ, vốn thương xót người cô độc, thích bố thí, mọi người gọi ông là *A-na-tha-tần-đồ-đà* (Phạn: *Anathapindada*. Còn gọi: *Anan-mân-đề*, *A-nan-tân-đề*, *A-na-mân-địa*, *Cấp Cô Độc Thực*, *Cấp Cô Độc*). Sau khi quy y Đức Phật, ông xây dựng Tịnh Xá Kỳ Hoàn (Phạn: *Jetavana*) cúng dường Đức Phật.

* **Tục** : Từ đồng nghĩa. Xem **Thế tục** (Thích giảng, quyển 1).

* **Tứ Thiên**: còn gọi Tứ thiên định, Đệ Tứ thiên; được hiểu theo 2 nghĩa:

1. Bốn phép tham thiên.

2. Phép tham thiên thứ tư, gồm cả bốn phép. Phép tu Tứ thiên này, người tu đạo Phật hay ngoại đạo cũng đều chứng được. Hễ chứng Tứ Thiên thì có thể xuất thần hoặc thác sanh lên những tầng trời: Vô vân Thiên (Anabhaka), Phước sanh thiên (Punyaprasava), Quảng quả thiên (Brhatphala); đạt Tứ thiên thì có sức định thần siêu thoát khỏi các miền chư Tiên cõi Dục giới, và qua cõi Sắc giới. Song còn thấp hơn miền Tịnh phạm địa, miền này có 7 tầng. Và còn thấp hơn miền Tứ Không thiên, tức là cõi Vô Sắc giới, cõi này có 4 tầng. Nhà đạo chứng Tứ thiên rồi, còn phải đại Định để chứng miền Tịnh phạm địa và miền Tứ Không thiên.

* **Tứ Vô Lượng Tâm (Tứ Tâm Vô Lượng)** : Phạn: *Catvār-apramāṇāni*. Còn gọi: *Tứ vô lượng*, *Tứ đẳng tâm*, *Tứ đẳng*, **Tứ tâm**. *Tứ vô lượng tâm* là bốn tinh thần phải có của Phật, Bồ Tát để độ khắp vô lượng chúng sinh, làm cho chúng sinh lìa khổ được vui. *Kinh Thuyết Xứ trong Trung A-Hàm 21, Luận Đại Trí Độ 20* có liệt kê các sự giải thích như sau:

1/. *Từ vô lượng* (Phạn: *Maitry-apramāṇa*): Duyên vô lượng chúng sinh, tư duy cách làm cho chúng sinh được vui mà nhập vào Từ đẳng chí.

2/. *Bi vô lượng* (Phạn: *Karunāpramāṇa*): Duyên vô lượng chúng sinh, tư duy cách làm cho chúng sinh lìa khổ mà nhập vào Bi đẳng chí.

3/. *Hỷ vô lượng* (Phạn: *Muditāpramāṇa*): Tư duy vô lượng chúng sinh có khả năng lìa khổ được vui, trong tâm thâm cảm vui mừng mà nhập vào Hỷ đẳng chí.

4/. Xả vô lượng (Phạn: *Upeksāpramāna*): Tư duy vô lượng chúng sinh tất cả bình đẳng, không có oán, thân khác nhau mà nhập vào Xả đẳng chí.

* **Tứ Vô Ngại (Bốn Môn Vô Ngại, Bốn Trí Vô Ngại)** : Còn gọi: *Tứ giải, Tứ biện, Tứ vô ngại trí*. Gọi đầy đủ: *Tứ Vô Ngại Giải* (Phạn: *Catasrah pratisamvidah*). Bốn thứ năng lực lý giải (tức trí giải) và năng lực diễn đạt bằng ngôn ngữ (tức biện tài) một cách tự do tự tại không trở ngại. Bốn thứ này đều lấy trí huệ làm bản chất nên gọi là **Tứ vô ngại trí**; nếu nói theo năng lực lý giải thì gọi là *Tứ vô ngại giải*, còn nói theo năng lực diễn đạt bằng ngôn ngữ thì gọi là *Tứ vô ngại biện*. Đây là pháp hóa độ chúng sinh nên cũng gọi là *Tứ hóa pháp*. Theo Luận Câu-Xá 27, thì **Tứ vô ngại giải** là:

1. **Pháp vô ngại giải** (*Dharma-pratisamvid*): Tự tại diễn bày, lãnh ngộ danh cú, văn chương của pháp, đồng thời quyết đoán được vô ngại.
2. **Nghĩa vô ngại giải** (*Artha-pratisamvid*): tinh thông nghĩa lý được trình bày bởi pháp, đồng thời quyết đoán được vô ngại.
3. **Từ vô ngại giải** (*Nirkti pratisamvid*): Tinh thông phương ngôn của các địa phương một cách vô ngại tự tại.
4. **Biện vô ngại giải** (*Pratibhāna-pratisamvid*): Tùy thuận chính lý, tuyên dương vô ngại cũng gọi là **Nhạo thuyết**. Tức khéo tùy thuận sự mong cầu của người khác mà ưa thích nói pháp.

* **Từ Tâm Tam Muội** : Pháp tu đại định lòng Từ. Tu pháp thiền định này, lòng lành phổ cập tất cả chúng sinh trong các cõi thế giới, không một sự trược ác nào xen vào được.

Khi Đức Thích Tôn sắp thành Phật, còn ngồi nơi cội cây Bồ đề, thì Ma vương hiện đến với binh tướng, cầm các món khí giới toan hại Ngài. Đức Thích Tôn bèn nhập pháp Từ Tâm Tam Muội, liền đó các món đao, trượng, kiếm .v.v... đều hóa ra hoa sen. Kế đó, có các ma nữ đến ám hại Phật, đem nữ sắc, mỹ âm và khiêu gợi Phật, thử thách Phật, Ngài cũng nhập pháp Từ Tâm Tam Muội. Chúng ma nữ bèn hóa ra già cả, da nhăn tóc bạc, má hóp răng thưa, cùng nhau tỉnh ngộ mà qui hàng.

Từ Tâm Tam Muội còn gọi là *Từ định, Từ tam muội*. Đó là một trong *Lục chủng tam muội*.

* **Tỳ La** : Tên gọi tắt của thành *Ca-tỳ-la-vệ*. Xem **Ca-tỳ-la-vệ** (Thích giảng, quyển 1).

* **Tỳ Lưu Ly vương** : Phạn: *Virūdhaka*. Còn gọi: *Tỳ-lô Thích-ca vương*, *Lưu-ly vương*, *Ác sinh vương*. Là vua nước *Kiều-tát-la* (*Kausála*), con của vua *Ba-tư-nặc* (*Prasenajit*). *Kinh Lưu Ly Vương* có rằng ông sinh cùng một lần với vật báu lưu ly nên được đặt tên là *Lưu-ly vương*.

Theo *Hữu Bộ Tỳ-nại-da Tạp Sứ* 7, ghi : Khi vua *Ba-tư-nặc* (*Thắng Quang*) cưới con gái người tỳ nữ của *Ma-ha-nam* là bà *Thắng Man* làm phu nhân thì mẹ vua đã dự đoán rằng cô gái này sẽ làm mất nước *Kiều-tát-la* của ta. Về sau, phu nhân sinh một hoàng nam, vua theo lời dự đoán của mẹ mà đặt tên cho thái tử là *Ác Sinh*. *Kinh Tăng Nhất A Hàm* 26, ghi: Khi thái tử *Lưu Ly* lên 8 tuổi, vâng lệnh phụ vương đến nhà *Ma-ha-nam* ở thành *Ca-tỳ-la-vệ* học bắn cung. Lúc bấy giờ, các người họ Thích trong thành vừa dựng một ngôi giảng đường thỉnh Như Lai và Tỳ kheo tăng đến cúng dường. Khi ấy, thái tử *Lưu-Ly* dẫn 500 đứa trẻ vào trong ngôi giảng đường ấy, leo lên tòa sư tử, những người họ Thích trông thấy tức giận mắng rằng “kẻ nô tỳ” và đuổi ra khỏi cửa, khiến thái tử rất căm hận. Sau khi phụ vương qua đời, ông lên ngôi, đem binh tiến đánh thành *Ca-tỳ-la-vệ*, tàn sát 9990 vạn người họ Thích, máu chảy thành sông. Nhà vua còn bắt 500 cô gái xinh đẹp họ Thích để vui thú, các cô gái ấy chống cự mãnh liệt khiến vua tức giận chặt hết tay chân và ném xuống hầm sâu. Sau đó tiến đánh thành *Xá Vệ*, giết thái tử *Kỳ Đà*, Bất giờ, Phật và các Tỳ kheo đến thành *Ca-tỳ-la-vệ* thuyết pháp cho 500 cô gái họ Thích đang bị nạn nghe, khiến họ đều được Pháp nhân thanh tịnh và được sinh lên cõi trời. Đức Phật lại đến thành *Xá Vệ* tiên đoán rằng 7 ngày nữa thì nhà vua và binh lính sẽ bị tiêu diệt. Đến ngày thứ 7, vua dẫn binh lính và các cung nữ đến sông *A-chi-la* để hưởng lạc, đến nửa đêm trời mưa to gió lớn, tất cả đều bị cuốn chìm. Vua chết, bị đọa địa ngục A Tỳ, cung điện của ông cũng bị lửa trời thiêu rụi.

* **Tỳ Phật Lược kinh** : Phạn: *Vaipulya*, Còn gọi: *Bùi-phật-lược*, *Tì-phú-la*. Hán dịch: *Phương quảng*, *Quảng đại*, *Quảng bác*, *Quảng phá*, *Quảng giải*, *Quảng phổ*, *Vô tử*. Còn gọi: *Đại phương quảng*, *Đại phương đẳng*.

Các ngôn giáo của Phật, luận bàn rộng về nghĩa của các pháp, tức thể loại mà trong đó lời nói đúng và nhiều hoặc lý chân chính và nghĩa gồm đủ; 1 trong 9 phần giáo, 1 trong 12 phần giáo (12 bộ kinh). Về sau, gọi Đại Thừa Phương Quảng Kinh, Phương Đẳng Kinh là Tỳ-Phật-Lược. *Kinh Niết Bàn*, ghi: “Thế nào gọi là *Tỳ-Phật-Lược Kinh* ? *Tỳ-Phật-Lược kinh* chính là các kinh điển Đại thừa Phương Đẳng. Nghĩa các kinh này rộng lớn, giống như hư không nên gọi là Tỳ-Phật-Lược”.

* **Tỳ Phú La sơn** : Còn gọi: *Tỳ-phù-la sơn, Tỳ-bố-la sơn* (Phạn: *Vipula*. Hán dịch: *Quảng Bác Hiếp sơn, Quảng Phổ sơn, Phương sơn, Đại sơn*). Núi ở thành Vương xá thuộc nước Ma-kiệt-đà, Trung Ấn Độ. *Kinh Tạp A-Hàm 49* cho rằng Tỳ-phú-la sơn là ngọn núi bậc nhất trong các ngọn núi ở thành Vương xá. *Đại Đường Tây Vực Ký 9*, ghi : “Trên núi có tháp, là nơi thuyết pháp của Như Lai thuở xưa. Hiện nay có *Lộ Hình* ngoại đạo thường trụ núi này, tu tập khổ hạnh, ngày đêm không mệt mỏi”.

Trên sườn núi phía Tây Nam có nhiều suối nước nóng, có thạch thất *Tỳ-bát-la*, nơi ngày xưa Đức Phật thường an trú, tức thuộc nước *Vipra (Du-bố-la)* ở vùng phụ cận *Rajgir (Lạp-kỳ-nhĩ)* phía Nam thành phố *Bihar* hiện nay. Nền của thạch thất ... nơi ĐỀ-bà-đạt-đa nhập định nói trong *Đại Đường Tây Vực Ký* nằm ở phía Nam của núi này, hiện nay vẫn còn. Trên núi còn vài nền cũ của đền thờ Xà-Diên giáo và Tinh xá Đại Chuyên.



U

* **Uất-Đàm-Bát hoa** : Còn gọi: *Ưu-đàm-bát-la hoa, Ổ-đàm-bát-la hoa, Ô-đàm-bà-la hoa* (Phạn: *Udumbara*). Hán dịch: *Thụy ứng hoa, Linh thụy hoa*. Tên khoa học: *Ficus glomerata*.

Một loài hoa sống ở vùng có khí hậu ẩm áp ở phương Nam, là loại thực vật ẩn hoa, lá rộng thân cao hơn 3m. Lá giống như lá lê nhưng to hơn, trái lớn cỡ như nắm tay đứa trẻ, trái nhỏ chừng bằng ngón tay cái, ăn sống hoặc chín đều không có vị ngon, kết thành chùm mười mấy trái, mọc từ thân cây. Cây này là đạo thụ của **Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni** trong 7 Đức Phật quá khứ. Vì cây này là loại thực vật ẩn hoa, mắt người khó thấy được hoa của nó, nên sinh ra các ức thuyết rằng khi cây này trở hoa thì đặc biệt là có điềm lành, vì thế được gọi là “*Thụy ứng hoa*”. Trong các kinh luận thường dùng hoa này để dụ cho việc gặp Đức Phật ra đời là khó.

* **Út Già Trưởng Giả** : Phạn: *Ugra Sresthin, Ugra Grha-pati*. Còn gọi: *Úc-ca Trưởng giả, Ưu-ca Trưởng giả, Úc-cù-lâu Trưởng giả*. Gọi đầy đủ: *Úc-ca-la-việt Trưởng giả*. Hán dịch: *Tối Thủ Trưởng giả, Công đức Trưởng giả, Oai đức Trưởng giả, Hùng giả Trưởng giả*.

Út Già Trưởng Giả là vị Trưởng giả, người ở Tượng thôn (Phạn: *Hatthigama*), gần thành Tỳ-xá-ly, Ấn Độ, sống vào thời Phật tại thế. Theo kinh *Úc Già Trưởng giả* trong phẩm *Vị Tăng Hữu Pháp của Trung A Hàm 9*, có lần, Trưởng giả nhóm họp các kỹ nữ vui chơi trong khu vườn lớn Tỳ-xá-ly, khi đã quá chén, ông thấy Đức Thế Tôn từ xa trong rừng cây, dung mạo trang nghiêm xinh đẹp, bấy giờ, Trưởng giả bèn tỉnh rượu, đến chỗ Phật, nghe Phật giảng nói pháp Tứ Đế, đoạn trừ nghi hoặc, suốt đời lấy Phạm hạnh làm đầu, thệ nguyện thụ trì Ngũ giới. Sau khi Phật diệt độ, ông bố thí tất cả tài vật của mình, nguyện được như *Chuyển luân Thánh vương*, cho đến được sinh lên cõi trời Đệ Tứ Thiên. Theo *Hội Úc-Già Trưởng giả* trong kinh *Đại Bảo Tích 82*, khi Phật ngự tại Tịnh xá Cấp Cô Độc, vị Trưởng giả này có thưa hỏi về hành pháp của Bồ Tát tại gia,

xuất gia, Đức Phật đã nói rộng về Tam quy, Ngũ giới và Tứ thánh chủng hạnh của người xuất gia cho ông nghe.



Ủ

* **Ương Quật Ma La** : Phạn: *Anguli-mālya, Anguli-māliya*. Còn gọi: *Ương-cừu-ma-la, Ương-lũ-lị-ma-la, Ương-quật-ma*. Hán dịch: *Chỉ Man, Chỉ kế, Nhất Thiết Thế Gian Hiện, Chỉ Man ngoại đạo. Ương Quật Ma La* là một đệ tử của Phật. Nếu ghép chung cả Phạn, Hán thì gọi là *Ương-quật Man, Ương-quật Kế*. Ban đầu, Ma-la là một người hung ác sống trong thành *Thất-la-phạt-tất-để*, từng thờ tà sư *Ma-ni-bạt-đa-la* làm thầy, rất cung kính, thuận tùng. Sau, Ma-la bị Sư mẫu vu khống tội làm nhục bà ta, thầy của Ma-la bèn bảo Ma-la đi tu hành và bảo giết 1000 người, mỗi người chặt một ngón tay xỏ thành râu mới được truyền cho pháp Niết bàn. Bấy giờ, *Ương-quật-ma-la* ra khỏi thành để giết người, cứ giết 1 người thì chặt 1 ngón tay xỏ thành râu, nên người đời gọi ông là “*Chỉ Man*”. Khi giết đến người thứ 999 thì *Ma-la* định giết mẹ để đủ số 1000 người. Từ xa biết rõ sự việc, Đức Phật khởi tâm thương xót, đến hóa độ ông, *Ương-quật-ma-la* thấy Phật đi đến, cầm kiếm chạy tới định giết Phật, Phật bèn giảng nói chính pháp cho nghe, *Ma-la* liền sám hối tội lỗi và xin vào cửa Phật, về sau chứng đắc quả A la hán. Có chỗ nói, một hôm *Ương-quật-ma-la* vào thành khát thực, nhân dân trong thành dùng ngói đá ném và dùng dao chém ngài, thân *Ương-quật-ma-la* chảy máu đầm đìa nhưng ráng về đến chỗ Phật. Sau, không biết ngài thị tịch ở đâu.

* **Ưu Ba Đề Xá kinh** : Phạn: *Upadésa*. Còn gọi: *Ưu-bà-đề-xá, Ưu-ba-thế-xá, Ô-ba-đệ-thước, Ổ-ba-đệ-thước*. Hán dịch: *Chỉ thị, Giáo huấn, Hiện thị, Tuyên thuyết, Luận nghĩa, Luận nghĩa kinh, Chú giải chương cú kinh*.

Ưu Ba Đề Xá kinh là 1 trong 12 thể loại kinh, nghĩa là Tùy (Phạn: *Upa*), Thị (Phạn: *Dis*). Tức là Chú giải hoặc Diễn nghĩa các giáo pháp do Phật giảng nói làm cho ý nghĩa được sáng tỏ hơn, cũng tức là một trong các loại vấn đáp nghị luận trong kinh.

Nhưng theo *Luận Đại Trí Độ 33* thì **Đức Phật** tự y cứ vào Tứ Thánh Đế, Lục Ba-la-mật ..., mỗi mỗi theo thứ lớp giải thích ý nghĩa hoặc *Ma-ha Ca-Chiên-Diên* giải thích Tu-đa-la và những lời nói đúng như pháp của

các Luận sư thời Tượng pháp (chỉ cho các bộ luận như A-Tỳ-đạt-ma) đều được gọi là Ưu-ba-đề-xá.

Luận A-tỳ-đạt-ma Thuận Chính Lý 44, Luận Du Già Sư Địa 25 ... cho rằng Ma-đát-lý-ca (Phạn: Matrka), A-tỳ-đạt-ma đều là tên khác của Ưu-ba-đề-xá, ý nghĩa đã được phô diễn rộng rãi. Gọi Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Ưu-ba-đề-xá, Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-ba-đề-xá có nghĩa là Tỳ vân giải thích kinh ấy.

* **Ưu Bà Ly** : Còn gọi: *Ổ-ba-ly, Ưu-Ba-Ly* (Phạn: *Upali*. Hán dịch: *Cận chấp, Cận thủ*).

Một trong 10 vị đệ tử lớn của Đức Phật, người nước Ca-tỳ-la-vệ thuộc Ấn Độ. Sư xuất gia từ giai cấp Thủ-đà-la, là thợ hớt tóc trong cung đình. Khi Đức Phật thành đạo được 6 năm, 7 vị như Vương tử Bạt-đề, A-na-luật, A-Nan ... xuất gia thì *Ưu-ba-ly* cũng xuất gia theo. Đây là lần đầu tiên Đức Phật mở rộng cửa để nhiếp hóa 4 giai cấp ở Ấn Độ một cách bình đẳng.

Ưu-ba-ly chuyên về giới luật, tu trì rất trang nghiêm, được khen là “Trì luật đệ nhất”; sau khi kết tập kinh điển lần thứ nhất, Sư tự ra Luật bộ. Về công đức đời trước và nhân duyên xuất gia của Sư có nói rõ trong *Phật Bản Hạnh Tập Kinh 53 đến 55. Kinh Ưu-ba-ly trong Trung A Hàm 52* có nói về việc *Ưu-ba-ly* thưa hỏi Đức Phật về giới luật; còn *Cư sỹ Ưu-ba-ly* trong *Trung A Hàm 32* là cùng tên với Sư nhưng khác người.

Trong *Mật giáo*, Sư là 1 trong các vị Thanh văn trong *Viện Thích Ca* thuộc *Mạn-đồ-la Thai tạng giới*, được xếp vào vị trí thứ 7 hàng trên bên trái Đức Thích Ca. Về hình tượng Sư, toàn thân màu da người, hiện tướng Tỳ kheo, ngồi kiết già trên lá sen.

* **Ưu Đà Na kinh** : Phạn: *Udāna*. Còn gọi: *Ô-đà-nam, Ổ-đà-nam, Ôn-đà-na, Ưu-đàn-na, Uất-đà-na*.

Ưu Đà Na kinh là một trong 12 thể loại kinh, Cựu dịch là *Vô Vấn Tự Thuyết Kinh*. Chỉ loại kinh do Phật tự cảm ngộ, không đợi người hỏi mà tự nhiên giảng nói.

Trong bài tựa *Trường Bộ Kinh Chú* bằng tiếng Pàli, ngài Tam Tạng Phật Âm cho rằng *Ưu-đà-na* có 82 kinh, tức *Udana* được gom chép trong *Tập Bộ* thuộc Tam Tạng Pàli hiện nay.

Luận Đại Trí Độ 33, ghi: “Ưu-Đà-Na được gọi là Hữu pháp, Phật sẽ tự nói chứ không có người hỏi, Phật lược khai đầu mỗi vấn đề”.

* **Ưu-Lâu-Tần-Loa** : Gọi đầy đủ: **Ưu-lâu-tần-loa Ca-Diếp**. Phạn: *Uruvilvā-kāsyapa*. Còn gọi: *Kỳ-niên Ca-diếp*, *Thượng thời Ca-diếp*. Là 1 trong 3 vị Ca-diếp đệ tử Phật. *Ưu-lâu-tần-loa* (Phạn: *Uruvilvā*) là tên một vùng đất ở bên bờ sông Ni-liên-thiền, nằm về phía Nam *Phật-dà-già-da*; *Ca-diếp* (Phạn: *Kasyapa*) là họ. Khi chưa quy y Phật, ngài và 2 người em ruột là *Na-đề Ca-Diếp* (*Nadi-kāsyapa*) và *Già-da Ca-Diếp* (*Gaya-kāsyapa*) đều tin theo ngoại đạo thờ lửa. Vì trên đầu ngài kết tóc giống như hình xoắn ốc nên còn gọi là *Loa Phát Phạm Chí* (Phạn: *Jatila*).

Vì là những vị Trưởng lão có danh vọng nên khi 3 anh em thống lãnh 1000 đệ tử trụ ở nước Ma-kiệt-đà thì 4 phương nhóm họp tin về. Sau, được Đức Phật thị hiện các thứ thần thông hóa độ, 3 anh em đều trở thành đệ tử Phật, đem tất cả khí cụ cúng tế lửa vất bỏ xuống sông Ni-liên-thiền. Trong phù điêu trên cửa của đại tháp Sơn-kỳ (Sanchi) ở Ấn Độ hiện nay có sự tích Đức Phật giáo hóa 3 anh em Ca-diếp.

Trong Mật giáo, tôn vị này ngự bên trái *Tam Giác Trí Ấn* thuộc *Viện Biến Tri* trong *Mạn-đồ-la Thai tạng giới*. Hình tượng là toàn thân màu da người, hiện tướng Tỳ kheo, chấp tay, ngồi trên tọa cụ, mật hiệu là *Thiện Xảo Kim Cương*.

* **Ưu-Thiên-Ni quốc** : Còn gọi: *Ổ-xà-diễn-na quốc* (Phạn: *Ujayana*), *Ôn-thệ-ni quốc*, *Uất-chi quốc*. Đây là một nước cổ ở phía Tây Nam nước Ma-kiệt-đà, cũng là tên một đô thành, thủ phủ nước Avanti, phía Bắc núi Vindhya, nay là vùng Malwa ở phía Bắc sông Nerbuddha, Ấn Độ.

Theo *Đại Đường Tây Vực Ký 11*, diện tích nước này hơn 6000 dặm vuông, chu vi đô thành hơn 30 dặm, dân cư đông đúc giàu có; có vài mươi ngôi chùa với hơn 300 vị tăng tu học cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Các vị đệ tử Phật như *Ca-chiên-diên*, Tỳ kheo ni *Liên Hoa Sắc* và nhà dịch kinh Tam Tạng *Chân Đế*, *Nguyệt-bà-thủ-na* ... đều là người nước này. Có chỗ nói rằng vùng này chính là thôn Ti-đề-tả (Phạn: *Vedisa-nagara*) thời vua A-Dục. Khi vua A-Dục chưa lên ngôi từng cai trị xứ này, cưới con gái của một vị trưởng giả, sinh ra 2 người con. Về sau, hai người con đều

xuất gia, là người khai sáng Phật giáo Tích Lan, tức Tỳ kheo ni *Tăng-già-mật-đa*



V

* **Vi Đề Hy** : Phạn: *Vaidehi*. Còn gọi: *Tì-đà-đê phu nhân*, *Tì-đê-hi phu nhân*, *Phê-đê-thần phu nhân*. Hán dịch: *Tư Thắng phu nhân*, *Thắng diệu thân phu nhân*, *Thắng thân phu nhân*.

Phu nhân của vua Tần-bà-sa-la, nước Ma-kiệt-đà ở Trung Ấn Độ, mẹ ruột của vua A-xà-thế. Theo *kinh Quán Vô Lượng Thọ*, vua A-xà-thế giam phụ vương Tần-bà-sa-la vào trong căn phòng có 7 lớp cửa cho chết đói, phu nhân trộn tô mật và thính bôi vào mình, đổ nước trái cây vào các hạt chuối anh lạc, đến thăm vua Tần-bà-sa-la, làm cho A-xà-thế nổi giận, nên Bà cũng bị giam luôn. Vua và phu nhân ở trong ngục niệm Phật, cầu Phật đến nói pháp cho nghe, Phật liền hiện thân thông đến giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ. Cho nên biết *pháp môn Tịnh Độ* là do Phật nói cho bà Vi-đề-Hy nghe.

* **Vị Tăng Hữu kinh** : Phạn: *Adbhuta-dharma*. Hán dịch: *Hi Pháp*, *Thắng Pháp*, *Kỳ-Đặc-Pháp*, *Vị Tăng Hữu Pháp*, **Vị Tăng Hữu Kinh**. Hán âm: *A-phù-đà-đạt-ma*, *A-phù-đa-đạt-ma*, *Át-phù-đà-đạt-ma*, *A-phù-đạt-ma*.

Vị Tăng Hữu Kinh là một trong các hình thái cơ bản của kinh điển Phật giáo Nguyên Thủy. Sau khi Đức Phật nhập diệt, các đệ tử y theo ngôn hạnh của Phật, dựa vào tính chất, phân loại thành 9 thể loại kinh, hoặc 12 thể loại kinh, “Vị Tăng Hữu” là 1 trong 9 loại, cũng là 1 trong 12 thể loại này. Loại kinh này ghi chép những việc thần bí không thể nghĩ bàn về Đức Phật, các cảnh giới kỳ lạ đặc biệt xưa nay chưa từng có hoặc khen ngợi công đức vĩ đại của Phật. Ví dụ như khi Phật đản sinh, từ thân ngài phóng ra ánh sáng chiếu khắp thế giới Tam Thiên Đại Thiên và những chỗ tối tăm, lại soi khắp thế giới Tam thiên Đại thiên của vô lượng Chư Phật trong mười phương. Bấy giờ, ở trước Phật mẫu có ao nước trong sạch để tắm Thái tử. Lại có vô lượng việc hy hữu như Phạm Vương cầm lọng, Đế Thích tắm rửa, 2 con rồng phun nước, tất cả những việc này đều gọi là Vị Tăng Hữu.

Theo *Luận Thành Thật 1*, thì tất cả những việc không thể nghĩ bàn như việc thay đổi lớn lao khi kiếp tận, thân lượng của Chư Thiên, đại địa

chấn động ... đều là những việc ghi chép trong *Vị Tăng Hữu kinh*, không hạn cuộc chỉ những việc không thể nghĩ bàn của Phật.

Theo *Luận Du Già Sư Địa 81*, người giảng nói **Vị Tăng Hữu Pháp** có 3 loại khác nhau là Như Lai, đệ tử Thanh Văn và Cư sỹ tại gia.

* **Vô Cấu** : Phạn: *Vigata-mala*. Còn gọi: *Vô lậu*. *Vô cấu* là thanh tịnh, xa lìa phiền não. Cấu (Phạn: *Mala*) là tên khác của phiền não (Phạn: *Kléśa*), chỉ cho điều như bản làm nhiễm ô tâm. Phiền não có nhiều thứ, như Tam cấu: tham, sân, si; Lục cấu: não, hại, hận, siểm, cuống, kiêu. Những phiền não này làm chướng ngại việc thực hiện giác ngộ. Người tu hành xa lìa được các phiền não này gọi là Vô cấu.

Vô cấu theo tiếng Phạn: *Nirmala*, nghĩa là bậc Vô cấu, là từ đồng nghĩa với Như Lai.

* **Vô Căn Tín** : Người không có thiện căn mà vẫn sinh khởi tín tâm. Người vô căn (vô thiện căn) ban đầu không biết cung kính Tam bảo Phật, Pháp, Tăng, sau nhờ Phật lực mà sinh khởi tín tâm, gọi là *Vô căn tín*. Người tạo tội ngũ nghịch cực trọng, không thiện căn nào giải cứu được, khi mạng chung sẽ đọa vào địa ngục Vô gián, nếu ân cần sám hối, không còn tạo tội ác nữa, đồng thời tịnh tín Tam bảo, thành tựu tín căn thì cũng gọi là *Vô căn tín* như vua A-xà-thế.

* **Vô Duyên** : *Vô duyên* theo *Phẩm Phạm Hạnh, Kinh Đại Bát Niết Bàn* còn gọi là *Vô duyên từ bi* là lòng từ bi bình đẳng, không có đối tượng đặc biệt nào để duyên, 1 trong 3 tâm Từ bi.

Luận Đại Trí Độ 40 của Ngài Long Thọ, ghi: “Từ bi có 3 thứ, đó là Chúng sinh duyên từ bi, Pháp duyên từ bi và Vô duyên từ bi. Kể phàm phu thuộc Chúng sinh duyên; Thanh Văn, Bích Chi Phật và Bồ Tát ban đầu là Chúng sinh duyên, sau là Pháp duyên; Chư Phật khéo tu hành Tát Cánh Không, nên gọi là Vô duyên”. Đây là tư tưởng Không do Phật giáo Đại thừa chủ trương, hoàn toàn không có sự đối lập giữa mình và người. Đây là thứ từ bi tuyệt đối, từ bi chân thật, cũng là từ bi tối cao.

* **Vô Dư Niết Bàn** : Phạn: *Nirupadhisesa-nirvana*. Đối lại: *Hữu dư Niết Bàn*. Tân dịch: *Vô dư y Niết Bàn*. *Vô dư Niết Bàn* là Niết Bàn hoàn toàn

không có chỗ nương trụ, đoạn hết phiền não chướng, diệt hết quả khổ Di thực do thân ngũ uẩn tạo thành; 1 trong **4 loại Niết bàn** (*Bản lai tự tính thanh tịnh Niết bàn, Hữu dư y Niết bàn, Vô dư y Niết bàn, Vô trụ xứ Niết bàn*), 1 trong **Cửu đế** (*Vô thường đế, Khổ đế, Không đế, Vô ngã đế, Hữu ái đế, Vô hữu ái đế, Bĩ đoạn phương tiện đế, Hữu dư y Niết bàn đế, Vô dư y Niết bàn đế*).

* **Vô Đắc** : Còn gọi: **Vô Sở đắc**. Từ đồng nghĩa. Xem **Vô Sở hữu** (Thích giảng quyển 1).

* **Vô Kiến Đảnh** : Gọi đầy đủ: *Vô Kiến Đảnh Tướng*. Phạn: *Usnisásiraskatā* (*Nhục kế tướng*).

Vẻ đẹp thứ 66 trong 80 vẻ đẹp của Phật, là tướng Phật đảnh cao đến mức không thấy được. *Kinh Ưu-Bà-Tắc Giới 1*, ghi: “Được Vô kiến đảnh tướng, vì sao ? Vì khi làm Bồ Tát trong vô lượng đời, đầu đánh lễ bái tất cả thánh hiền, sư trưởng, cha mẹ, tôn trọng khen ngợi, cung kính cúng dường, cho nên được Vô kiến đảnh tướng”.

* **Vô Ký** : Phạn: *Avyakṛta*. Loại tâm sở không ghi nhớ là thiện hay ác, 1 trong 3 tính Thiện, Bất thiện và Vô ký. Có thuyết cho rằng *Vô ký* là do không thể chiêu cảm quả dị thực (quả báo thiện ác), không thể ghi nhớ quả dị thực nên gọi là *Vô ký*; nhưng cách giải thích này chỉ dùng thích hợp cho pháp hữu lậu chứ chẳng phải thuyết phổ thông. Pháp trở thành Vô ký gọi là “Vô ký pháp”; trái lại, pháp trở thành Thiện hoặc Bất thiện gọi là “Hữu ký pháp”. Vô ký chia làm 2 loại là Hữu phú vô ký và Vô phú vô ký.

1/. *Hữu phú vô ký*: Vì vô ký nên không dẫn sinh ra quả dị thực, chỉ che lấp thánh đạo, ngăn che tâm tính, nên thuộc về bất tịnh. Như phiền não của 2 cõi trên (Sắc và Vô sắc) và phiền não của cõi Dục như thân kiến, biên kiến đều thuộc về Hữu phú vô ký.

2/. *Vô phú vô ký* (Còn gọi: *Tịnh vô ký*): Tức vô ký thuần túy, tuyệt đối không che lấp thánh đạo, không ngăn che tâm tính, nên không thuộc về bất tịnh.

* **Vô Lượng Tâm** : Nối lòng vô lượng. Đó là Tứ đức: Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả (Gọi tắt: Từ, Bi, Hỷ, Xả) của Phật và Bồ Tát. Bốn nối lòng ấy to lớn không thể hạn lượng, phổ cập vô lượng thế giới, nên gọi là Vô Lượng Tâm. Người tu học Đại Thừa cần phải luyệt tập bốn đức ấy.

* **Vô Năng Thắng** : Phạn: *Ajita*. Hán dịch: *Vô Thắng, Vô Năng Thắng*. Còn gọi: *A-Dật-Đa* là tên chữ của Đức Di Lặc Bồ Tát. *Vô Năng Thắng* dùng chỉ đấng có uy đức rộng lớn không gì thắng nổi, cho nên gọi như vậy. Trong pháp *Chân Ngôn* lấy *Từ Thị Bồ Tát* (tức Di Lặc) làm tên của *Tự tính luân thân*, lấy *Vô Năng Thắng Kim Cương* làm tên của *Thích Ca Như Lai giáo lệnh luân thân*.

* **Vô Nghĩa Ngữ** : Từ đồng nghĩa. Xem **Ý ngữ** (Thích giảng, quyển 1).

* **Vô Phược**: Phược tức trói buộc. Tên khác của *phiền não*. *Vô Phược* là không bị phiền não trói buộc tâm.

* **Vô Sư Trí** : Có 2 nghĩa giải thích theo từ Phạn:

1/. **Anupadista-jñānā**. Còn gọi: *Tự nhiên trí*. Là trí huệ thành tựu tự nhiên, không nhờ tha lực, không đợi người khác dạy dỗ. *Tức 62, Bích Nham Lục*, ghi: “Dùng Vô sư trí phát khởi diệu dụng vô tác, dùng Vô duyên từ làm người bạn tốt không mời mà đến”.

2/. **Svayambhū-jñānā**. Trí huệ không thầy tự ngộ. Như trí huệ do Phật chứng đắc chẳng phải do thầy dạy hoặc do năng lực bên ngoài mà được; lại như bậc Thánh Duyên giác (Độc giác) quán các pháp nhân duyên sinh diệt, không đợi thầy dạy mà tự chứng thành giác trí,

* **Vô tâm** : Nghĩa thứ 3, trong Thích giảng **Vô Tâm** quyển 2.

* **Vô thỉ** : Phạn: *Anādikāla, anādikālika*. Không có chỗ bắt đầu. Tất cả thế gian như chúng sinh, các pháp ... đều không có chỗ bắt đầu; như đời nay là từ nhân duyên đời trước mà có, đời trước cũng từ đời trước nữa mà có, cứ như thế xoay vần suy đoán thì nguyên thỉ của chúng sinh và các pháp đều bất khả đắc, nên gọi là vô thỉ. Muôn pháp đều từ nhân duyên sinh, cũng từ nhân duyên mà diệt, nói Vô thỉ chính là hiển bày Nhân, nếu

hữu tử thì vô nhân, vì hữu tử thì hữu sơ, hữu sơ thì vô nhân. Vì vô tử nên hữu nhân, sở dĩ làm sáng tỏ hữu nhân là vì muốn hiển bày ý nghĩa Phật pháp là nhân duyên.

* **Vô tử Không** : Phạn: *Anavarāgra-sūnyatā, Anagra-sunyatā*. Đồng nghĩa: *Vô tế không*.

Tất cả pháp từ vô tử đến nay là “Không”, 1 trong 18 thứ Không. Vì các pháp do nhân duyên mà sinh, cũng do nhân duyên mà diệt, từ lý này suy ra tất cả pháp thế gian thật là vô tử. Muôn pháp do nhân duyên sinh nên vô tự tính, vì vô tự tính nên các pháp đều không; vì tất cả pháp tồn tại từ vô tử đến nay đều thuộc về Không nên gọi là Vô Tử không.

* **Vô Thường, Vô Lạc, Vô Ngã, Vô Tịnh** : Còn gọi: *Vô thường, Khổ, Vô ngã, Bất tịnh*.

Đó là bốn đức tu tập và đặc nhập của hàng Thanh văn thừa, Duyên giác thừa. Ai đặc nhập bốn đức ấy, thì đắc quả La hán, quả Duyên giác.

Đối với *Thường, Lạc, Ngã, Tịnh* là bốn đức Ba-La-Mật của Đại Thừa. Ai tu tập và đặc nhập bốn đức này thì thành Bồ Tát, thành Phật.

Người tu *Vô thường, Vô lạc, Vô ngã, Vô tịnh* thì đắc Niết Bàn, chứ chẳng phải Đại Niết Bàn. Người tu *Thường, Lạc, Ngã, Tịnh* mới đắc Đại Niết Bàn, tức sẽ thành Phật.

* **Vô Thượng Sư** : Người thầy cao hơn hết; trong thế gian, không ai bì. Đó là tiếng tôn xưng Phật. Phật là bậc đắc quả Đạo cao hơn hết, Ngài đem quả Đạo ấy truyền dạy cho chúng sanh, khiến cho thân, khẩu, ý chúng sanh xa lìa điều ác, gần gũi điều lành, tinh tấn đắc đạo. Phật là bậc đã đắc Niết bàn cao cả, Ngài đem lý Niết bàn diễn giảng cho chúng sanh. Vì những lẽ ấy nên xưng ngài là Vô Thượng Sư.

* **Vô tình** : Còn gọi: *Phi hữu tình, Phi tình*. Đối lại: *Hữu tình*.

Vô tình là các loài không có tình thức như cỏ, cây, sông, núi, đại địa, đất, đá ...

Luận Thuận Chính Lý 18, ghi: “Nếu quả phi tình không phải do cộng nghiệp chiêu cảm thì đáng lẽ phải theo dị thực đồng thời sinh diệt. Hơn nữa, ở đời khi thấy vị quốc chủ chết, cõi nước của vị đó chỉ do

nghiệp của vị quốc chủ đó chiêu cảm thì những loài hữu tình khác không thể thụ dụng được. Ngoài ra, nếu phi tình do biệt nghiệp chiêu cảm thì mỗi nơi nhà cửa, vườn rừng, ao ngòi, thành quách, núi sông mà thân của mỗi loài hữu tình đang ở đều phải riêng khác. Nhưng thật ra không phải vậy, cho nên biết rằng mỗi một vật đều do tất cả vô lượng loài hữu tình cùng chung chiêu cảm”.

* **Vô Tránh** : Phạn: *Aranā*. Hán âm: *A-lan-na*.

Theo *Luận Câu-Xá*, *Tránh* tức là tranh luận, cũng là tên khác của phiền não. *Vô tránh* là không tranh luận với chúng sinh, an trụ nơi lý không nên *Vô tránh* cũng là pháp Vô lậu, tức là pháp lìa phiền não. Trái lại, pháp Hữu lậu gọi là Hữu tránh, là pháp có phiền não.

* **Vô Tránh Tam Muội** : Phạn: *Arana-samadhi*. Tam muội trụ trong lý Không và không tranh luận với người. *Tu-Bồ-Đề* là người thông hiểu lý Không bậc nhất, cho nên trong các đệ tử Phật, Sư là người bậc nhất chứng được *Vô tránh Tam muội*. *Kinh Kim Cương*, ghi: “*Phật nói con được Vô tránh tam muội, là bậc nhất trong loài người, là A-la-hán ly dục đệ nhất*”. *Kim Cương Kinh Lược Sớ Thích* của ngài *Nguyễn Hiền* cho rằng bậc chứng nhập *Vô tránh Tam muội*, vì hiểu được lý Không cho nên mình và người đều quên, không làm não hại chúng sinh, cũng làm cho chúng sinh không khởi phiền não. Hành giả Sơ môn Viên Giáo do *tông Thiên Thai* chủ trương khi tu tất cả vô lậu để đối trị thiên định quán luyện huân tu thì liền chứng thánh quả, là Đại A-la-hán, đầy đủ Lục thông, Tam minh, đồng thời chứng được Vô tránh tam muội.

* **Vô Vi Không** : là một cảnh không trong Thập bát không. Tất cả các pháp vô vi cũng đều là không. Đó là lý chân không để đánh đổ người chấp cái Vô vi. Vì Vô vi là tạm dùng để đối với Hữu vi, chớ thật ra không có cái Vô vi.

* **Vương thành** : Gọi đầy đủ: *Vương Xá thành*. Xem **Vương Xá thành** (Thích giảng, Q.2).



X

* **Xá-Bà-Đê Quốc** : Phạn: *Srāvasti* (Xá Vệ). Còn gọi: *Xá-bà-đê quốc*, *Thất-la-phạt quốc*, *Thi-la-bạt-đề quốc*, *Xá-la-bà-tát-đế quốc*. Hán dịch: *Văn Vật*, *Văn giả*, *Vô vật bất hữu*, *Đa hữu*, *Phong Đức*, *Hảo đạo*.

Một vương quốc cổ ở Trung Ấn Độ. Vì quốc thành này xuất hiện nhiều danh nhân, sản xuất nhiều vật tốt nên gọi là *Văn Vật quốc*. *Xá Vệ* vốn là tên thành đô của nước *Bắc Kiều-tát-la* (Phạn: *Uttara-kosala*) để phân biệt với nước *Nam Kiều-tát-la* (Phạn: *Daksina-kosala*) nên lấy tên thành gọi thay tên nước.

Thời Phật tại thế, vua *Ba-tư-nặc* thống trị nước này. Theo *luận Phân Biệt Công đức 2*, Đức Phật trụ tại thành Xá Vệ trong thời gian 25 năm, lâu hơn so với các nước khác, do nước này có nhiều vật quý hiếm, nhân dân biết nghĩa lý; *Tịnh Xá Kỳ Hoàn* đặc biệt có thần nghiệm : Khi chúng tăng đang nhóm họp nghe giảng thì có mấy nghìn con khỉ kéo đến, ngồi 2 bên lắng nghe, yên lặng không làm ồn ào, các loài chim cũng đều bay đến; vì nước này nhiều người có lòng nhân từ nên nhiều chủng loại sinh vật khác nhau cũng đến nhóm họp.

Theo *Luận Đại Trí Độ 3*, thành Xá Vệ là nơi Phật sinh ra, vì báo ân nơi mình đã sinh ra nên Ngài trụ ở đây lâu hơn các nơi khác. Trong các kinh thường thấy nói về nước Xá Vệ, các kinh thuộc *A Hàm bộ*, *kinh Hiền Kiếp*, *kinh Di Lặc Hạ Sinh*, *kinh Di Lặc Thượng Sinh*, các hội như *Úc Già Trưởng Giả Hội* trong *kinh Đại Bảo Tích*, *kinh A-Di-Đà*, *kinh Văn Thù Bát Nhã*, *kinh Kim Cương Bát Nhã* đều được Phật giảng nói tại nước này.

* **Xà-Đà-Dà kinh** : Phạn: *Jātaka*. Còn gọi: *Xà-đa-già*, *Xà-đa-ca*, *Xà-đa*. Hán dịch: *Bản duyên*, *Bản khởi*, **Bản sinh (Bổn sanh)**. Gọi tắt: *Sinh*.

Xà-Đà-Dà kinh là 1 trong 9 thể loại kinh hoặc 12 thể loại kinh, là thể loại nói về sự tích tụ sinh làm các thứ thân hình người, vật của Phật, Bồ Tát, như Phật Thích Ca, Phật A-di-đà, Bồ Tát Di-Lặc và đệ tử Phật trong nhiều kiếp ở đời quá khứ.

* **Xà Thế** : Gọi đầy đủ: *A-xà-thế*. Xem **A-Xà-Thế** (Thích giảng, Q. 1).

* **Xúc (Cảm xúc)**: Phạn: *Sparsá*. Xúc (hay Cảm xúc) là tác dụng tinh thần sinh ra do sự hòa hợp của 3 thứ : **Cảnh** (đối tượng), **Căn** (cơ quan cảm giác và cơ năng của nó) và **Thức** (nhận thức); cũng chỉ cho cảm giác khi chủ quan và khách quan tiếp xúc nhau. *Tông Câu-Xá* cho Xúc là 1 trong 10 Đại địa pháp, 1 trong 75 pháp; *Tông Duy Thức* xếp vào 1 trong 5 Biến hành, 1 trong 100 pháp.

Khi căn, cảnh (trần) và thức, mỗi thứ được chia thành 6 món thì Xúc cũng có 6 món, gọi là Lục xúc thân (thân nghĩa là phức số). Như khi Nhãn căn, Sắc cảnh và Nhãn thức hòa hợp thì sẽ phát sinh ra Nhãn xúc. Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý cũng vậy. Đây là nghĩa *Tam hòa hợp sinh xúc* do *Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ* lập ra; tức khi căn, cảnh, thức hòa hợp thì sanh ra các tâm sở khác. *Kinh Lượng Bộ* thì chỉ cho rằng 3 thứ căn, cảnh, thức hòa hợp gọi là Xúc, không có thể tính riêng, gọi là *Tam hòa thành xúc*. Trong 6 xúc thì căn mà 5 xúc trước nương tựa thuộc về Hữu đối (2 vật có tính chất tương hỗ là chướng ngại), nên gọi là *Hữu đối xúc*. Xúc thứ 6 (Ý xúc) lấy danh (tăng ngữ) làm đối tượng, nên gọi là *Tăng ngữ xúc*.

Ngoài ra, chi thứ 6 trong 12 chi duyên khởi là Xúc, còn gọi là Xúc chi, *Hữu Bộ* y cứ theo phần vị duyên khởi mà giải thích là “Xúc” thời kỳ trẻ thơ. Tức là giai đoạn của thời kỳ trẻ thơ 3 thứ căn, cảnh, thức hòa hợp nhưng chưa biết rõ khổ vui khác nhau.

* **Xứ** : Phạn: *Āyatana*. Hán âm: *A-da-đát-na*. Cựu dịch: **Nhập**.

Xứ là cửa ngõ để tâm, tâm sở sinh trưởng. Tâm vương, tâm sở lấy Xứ làm sở y, duyên theo Xứ mà sinh trưởng, nếu lìa Xứ thì không sinh trưởng được. Tất cả các pháp chia làm 3 khoa là 5 uẩn, 12 xứ và 18 giới. Trong đó, 6 căn và 6 cảnh hợp thành 12 xứ, cũng tức là chỉ có lấy 6 căn làm sở y, 6 cảnh làm sở duyên, căn và cảnh là nơi chốn có công năng sinh trưởng tác dụng của tâm, tâm sở, cho nên gọi là Thập nhị xứ hoặc Thập nhị nhập.

Theo *Pháp Giới Thứ Đệ, thượng*, Cựu dịch: **Nhập**, nghĩa là “thiệt nhập”. Căn và trần (cảnh) đối nhau thì sinh “thức”, cho nên Thức nương căn, trần và là “Năng nhập”; còn căn, trần chính là “Sở nhập” của Thức. Theo *Luận Đại Tỳ-bà-sa 73* thì chữ Xứ ngoài nghĩa *Sinh môn* còn có 11

nghĩa khác là *sinh lộ, tạng, thương, kinh, sát xứ, điền, trì, lưu, hải, bạch và tịnh.*



Y

* **Y ĐẾ MỤC ĐA DÀ kinh** : Phạn: *Iti-vrṭṭaka, Ity-uktaka*. Hán âm: *Y-đế-viết-đa-già, Y-đế-mục-đa-già, Y-đế-việt-đa-già, Nhất-mục-đa-ca, Nhất-trúc-ca*. Hán dịch: **Bản sự kinh (Bổn sự kinh)**.

Y Đế Mục Đa Đà kinh là 1 trong 9 thể loại kinh của Tiểu thừa hoặc 12 thể loại kinh của Đại thừa. Bản sự có 2 nghĩa:

1. *Như thị chỉ sự*: Phạn: *Iti-vrṭṭaka*. Còn gọi: *Xuất nhân duyên, Bản sự, Bản sự thuyết trình*. *Như thị chỉ sự* là trình bày về sự tích nhân duyên của Phật và các đệ tử ở đời quá khứ.

2. *Như thị ngôn thuyết*: Phạn: *Ity-uktaka*. Còn gọi: *Như thị ngữ, Thử sự quá khứ như thị*.

Theo thể loại này, kinh được mở đầu bằng: **Phật như thị ngữ**. Trong phần thứ tư của Tiểu Bộ Kinh thuộc Tam Tạng Pàli có tất cả 112 kinh thuộc thể loại Như thị ngữ (*Itivuttaka*) tính chất tương đương với thể loại Như thị ngữ đã nói trong Luận Đại Trí Độ 33.

* **Y Sư Ca thảo (Cổ Y Sư Ca)** : Phạn: *Isika*. Hán dịch: *Hổ tu, Vi thảo, Lận thảo*.

- Một loại cỏ thuộc họ Lau. Vì bên ngoài tuy mềm nhưng bên trong rất khó khô chết, nên được dụ cho sự vật không bao giờ bị suy tàn, hư hoại.

* **Ý Mã Tâm Viên** : Cũng gọi: **Tâm Viên Ý Mã**. Tức chỉ tâm như vượn leo cây, ý như ngựa dong ruổi. Từ ngữ này thường dùng để dụ cho vọng niệm của con người luôn luôn biến động, bất định, khó điều phục; giống với ý nghĩa của cụm từ “Tam tâm nhị ý”.

* **Ý Nghiệp** : Phạn: *Manas-karman*. Nghiệp nương vào tâm vương mà khởi.

Luận Câu-Xá 13, ghi: “*Tư là ý nghiệp*”; bởi Tư là tạo tác, khiến tâm vương tạo thiện, ác, vô ký, cho nên *Ý nghiệp* đồng nghĩa với Tư.

Theo *Luận Thành Duy Thức 4* thì Tư được chia làm 3 loại là *Thẩm lự tư*, *Quyết định tư* và *Động phát thắng tư*. Trong đó, cùng với *Thẩm lự tư* và *Quyết định tư* tương ứng mà tạo tác, gọi là *Ý nghiệp*.

Ngoài ra, theo *kinh Đại Thừa Lý Thú Lục Ba La Mật Đa 7* thì *Ý nghiệp* có 2 tâm sau đây:

- 1/. *Tâm tinh tấn*: Là tâm Bồ Đề tu tập thiện nghiệp, xa lìa tất cả biếng nhác.
- 2/. *Tâm thoái chuyển*: Tâm không thể tiến tu các thiện pháp, hoặc tạm thời phát tâm tu hành, rồi lui sụt.



NGUYỆN ĐEM CÔNG ĐỨC HỒI HƯỚNG
đến gia đình Phật tử có công in ấn
KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN (Phần I)
thân tâm thường lạc, phúc huệ miên trường :

- 1/. **Lạc Thiện Hiền**
 - 2/. **Trịnh Thanh Long**
 - 3/. **Trịnh Thanh Hải**
 - 4/. **Huỳnh Trọng Tín**
 - 5/. **Lê Thị Ngọc Yến**
 - 6/. **Lạc Hương Giang**
 - 7/. **Nguyễn Thị Cát Phương**
 - 8/. **Trần Tùng**
 - 9/. **Dương Đức Trung**
 - 10/. **Võ Văn Hòa**
 - 11/. **Nguyễn Thị Kim Tuyết**
 - 12/. **Huỳnh Minh Châu**
 - 13/. **Khửu Trung Bình**
 - 14/. **Mã Thị Liễu**
 - 15/. **Lê Ngọc Phượng**
 - 16/. **La Xuân**
-

CỬ SỸ THANH LAM

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Phường Yên Hòa – Cầu Giấy – Hà Nội

ĐT: (04) 37822845 – Fax: (04) 37822841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

DD: 0903 94 78 94 – 0908 71 48 48

Chịu trách nhiệm xuất bản

Biên tập:

Trình bày: **Mạch Thanh Hải**

Bìa: **Vũ Đức Thiện**

Số lượng in: 1.000 bản, khổ (26 x 19) cm

In tại Công ty TNHH T – SX - In Mỹ Tiên

Địa chỉ: 448/9, Trần Hưng Đạo, Phường 2, Quận 5

Số xuất bản:

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2016



ĐỨC HỘ PHÁP VI ĐÀ

